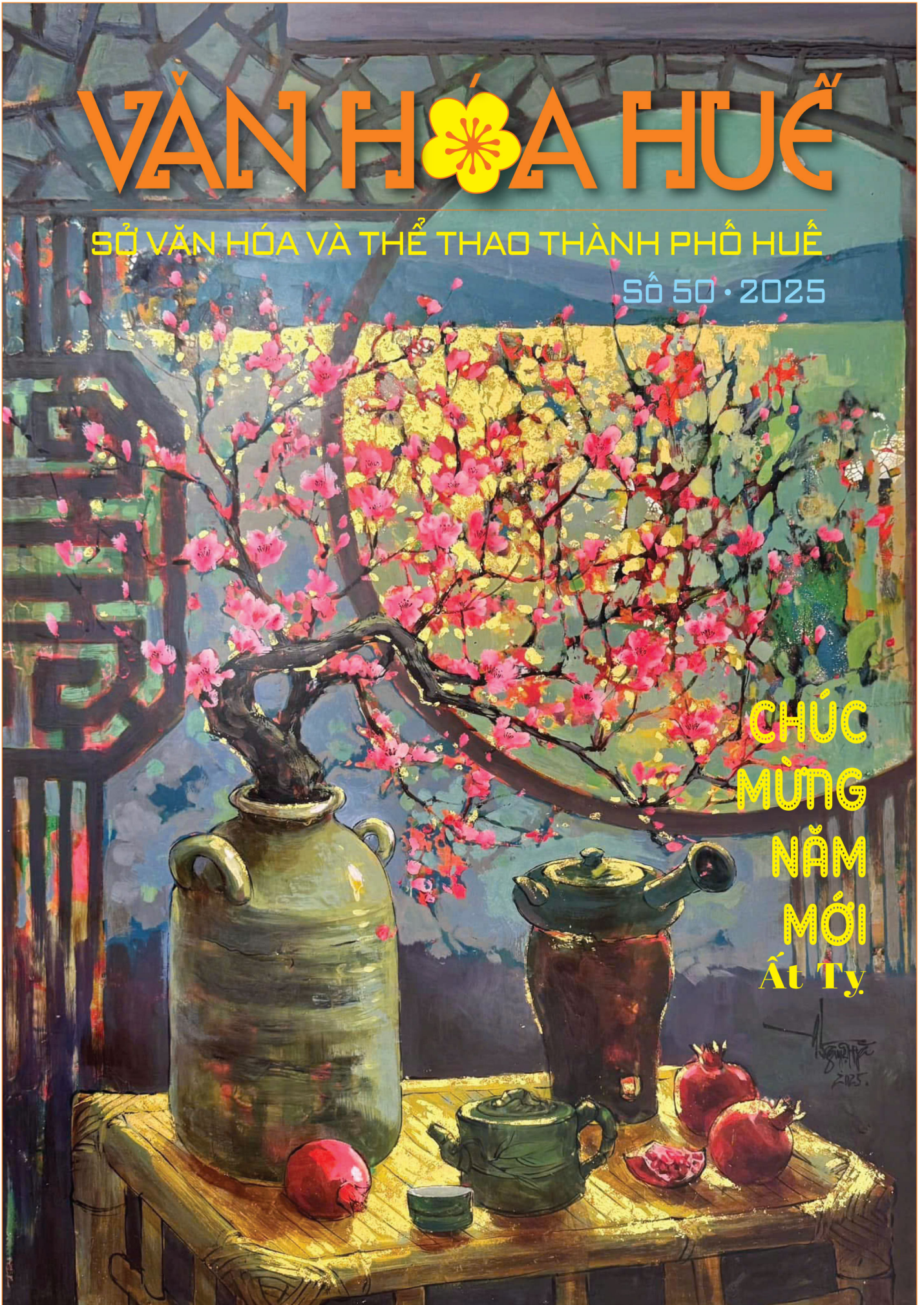


VĂN HÓA HUẾ

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HUẾ

SỐ 50 · 2025

CHÚC
MỪNG
NĂM
MỚI
Ất Tỵ



BÌA 2



Lễ đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Tri thức may, mặc áo dài Huế”. Ảnh: Bảo Minh



THÀNH PHỐ HUẾ

Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương với 458/461 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, chiếm 95,62%.

Theo Nghị quyết, thành lập thành phố Huế là thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 4.947,11 km² và quy mô dân số là 1.236.393 người của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thành phố Huế giáp thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Trị; nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Biển Đông.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

(Ban Biên tập Văn hoá Huế giới thiệu toàn văn Nghị quyết 175/2024/QH15 trang 4)

• 10 sự kiện văn hóa và thể thao tiêu biểu năm 2024	6
• Sau gần 50 năm giải phóng - những thời cơ và vận hội mới của thành phố Huế - NGUYỄN ĐỨC LỘC	13
• Di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thành phố Huế - các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị - LÊ THÙY CHI	19
• Huế - mảnh đất nuôi dưỡng, hun đúc ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh - LÊ VĂN HÀ - TRẦN THỊ HỢI	24
• Nguyễn Ái Quốc - sự sáng tạo trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - NGUYỄN THỊ VĂN QUỲNH	27
• Những bông hồng trong thời chiến - NGUYỄN ĐỨC LỘC	35
• Huế nỗ lực và quyết tâm bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “trí thức may, mặc áo dài Huế” - PHAN THANH HẢI	41
• Những di sản Huế được vinh danh trong năm 2024 - NGUYỄN THỊ LỢI	45
• Sau di sản quốc gia, áo dài Huế hướng đến di sản nhân loại - NHẬT MINH	50
• Thăm phủ Định viễn Quận Vương - nhớ hội chợ Xuân Gia Lạc - TRẦN VĂN DŨNG	53
• Phát huy giá trị di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế gắn với hoạt động tìm hiểu, khám phá - NGUYỄN THỊ LOAN GIANG	66
• Thực trạng và giải pháp bảo tồn di sản tư liệu ở Huế - HOÀNG ANH	69
• Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả trong công tác nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Huế - NGUYỄN VŨ MINH TÚ	72
• Phát huy hệ giá trị văn hóa, gia đình từ việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể - PHAN THANH HẢI	76
• Huế với công tác bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia - HUƠNG TRÀ	80
• Một thanh kiếm thời Minh Mạng được đấu giá tại Ireland - TRẦN ĐỨC ANH SƠN	84
• Thực trạng bảo tồn và giải pháp phát huy giá trị di tích khảo cổ ở Hương Trà - TRẦN TUẤN ANH	88
• Dấu ấn Hội An trong trước tác của Hoàng Trung Hưng Huy Trứ - VÕ VINH QUANG	93
• Bảo tồn và phát huy giá trị di sản liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến ở Huế - PHAN THANH HẢI, TRẦN VĂN DŨNG	98
• Làng Phú Bài - những công trình kiến trúc mang đậm giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống - NGUYỄN VŨ MINH TÚ	104
• Khai quật khảo cổ di tích tháp đôi liêu cốc phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa - TRẦN HÙNG	110
• Sắc phong và bia ký ở làng An Nông - NGỌC KIỂM	115
• Phố cổ Gia Hội - đi lên từ sự khác biệt - YẾN CHI	120
• Dấu ấn trường Mỹ thuật Đông Dương trong hội họa ở Huế giữa thế kỷ XX - PHAN THANH BÌNH	124
• Về đợt sửa chữa và mở rộng Cầu Trường Tiền (1937-1939) - ĐỖ MINH ĐIỂN	131
• Ngày hội thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Hue Sport Festival 2024” mùa 2 - BÙI THANH DŨNG	138
• Bóng đá Huế, những thách thức trong giai đoạn mới - KIM PHỤNG	142
• Triển khai luật thư viện và nhiệm vụ phát triển văn hóa đọc tại thư viện tổng hợp thành phố Huế - HOÀNG THỊ KIM OANH	146
• Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực thư viện trên nền tảng mạng xã hội - THANH PHONG	153
• Giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa độc đáo của các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện A Lưới - HẰNG NGUYỄN	157
• Phát huy truyền thống văn hóa gia đình, thực hiện hiệu quả bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình Việt Nam - DƯƠNG HỒNG LAM	161
• Xây dựng “gia đình văn hóa” góp phần gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống gia đình Huế - HỮU UY	168
• 10 Năm Đình Làng Việt - YẾN CHI	172
• Thành phố Huế sau 15 năm thực hiện quy định về nếp sống văn minh đô thị (2009-2024) - NGỌC KHỬ	174
• Phong Điền sẵn sàng xây dựng và phát triển Thị xã “cửa ngõ phía Bắc” của thành phố Huế trực thuộc trung ương - VÂN KHÁNH TRINH	179
• Làng hương Thủy Xuân nét đẹp văn hóa tô thắm thêm hình ảnh của mảnh đất Cố đô - XUÂN TRƯỜNG	183
• Phát huy giá trị ca Huế thỉnh phòng nhìn từ công tác bảo tồn di tích Châu Hương Viên - LÊ THỊ MAI AN	186
• Châu Hương Viên - vườn xưa đã được hồi sinh - PHAN THÀNH	193
• Chàng kiến trúc sư đam mê hội họa - LÊ HUỲNH LÂM	195
• Đoàn Báu từ diễn tấu dân gian đến thỉnh phòng ca Huế - VÕ QUÊ	198
• Tưởng nhớ những năm tháng đại thi hào Nguyễn Du ở Huế - NGUYỄN DUY TỎ	201
• Giới thiệu một dị bản truyện thơ Quý Ngọc - Thoại Hương - ĐỖ VĂN LÂN - TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG	205
• Rong trên trang phục hoàng đế triều Nguyễn - NHẬT MINH	215
• Biểu tượng rắn trong nền văn hóa Việt Nam - NGUYỄN THANH TUẤN	218
• Bài thơ rắn của Lê Quý Đôn - ANH HÙNG	222
• Năm Ất Tỵ nói đôi điều về con rắn trong cuộc sống và trong văn hoá - TRẦN HOÀNG	224
• Ngày xuân làm bàn về văn hóa trang phục - BẢO MINH	226
• Mùi Tết - TRẦN HUYỀN	231
• “Chợ quê ngày hội” trong Festival Huế năm 2024 - sự kết hợp độc đáo giữa truyền thống và hiện đại - DƯƠNG THỊ NGỌC LINH	234
• Cúi đầu trước bóng núi mùa xuân - TRẦN VĂN THIÊN	240
• Ngon như cơm mẹ nấu - NGUYỄN KHOA DIỆU HÀ	242
• Những tháng Chạp với vơi thương nhớ - TRẦN VĂN THIÊN	248
• Thấy Truyền dịch thơ - LÊ VIẾT XUÂN	250
• Hội thơ Hương Giang với thơ Haiku Việt - ĐẶNG NGUYỄN	251
• Câu lạc bộ bolero Huế, từ đam mê âm nhạc đến kết nối nhân văn - THANH THUY	253
• Tắm lòng thảo thơm của một nghệ nhân quốc gia - VÕ VĂN DẪN	255
• Huế trong “tự sự dân tộc học” - LÊ VIẾT XUÂN	258
• “Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi”	260
• Thơ: Nguyễn Thọ, Hạ Trắng, Lê Viết Xuân, Thảo Anh, Nguyễn Quỳnh Thi, Hồ Ngọc Diệp, Nguyễn Loan, Trần Thanh Thoa, Ngân Thương	



**20
25**
ẤT TỴ

Chúc Mừng Năm Mới

Năm 2024 vừa đi qua với nhiều cơ hội và thách thức. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh đã đoàn kết, chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được nhiều thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp; nhiều dự án trọng điểm hoàn thành, đi vào hoạt động; đời sống Nhân dân được cải thiện; du lịch phát triển mạnh mẽ; giáo dục, văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Chúng ta chào đón năm 2025 với một dấu mốc lịch sử: Tỉnh Thừa Thiên Huế chính thức trở thành thành phố Huế trực thuộc Trung ương. Đây là niềm tự hào lớn, là kết quả của sự quan tâm, hỗ trợ quý báu từ Trung ương; của những nỗ lực không ngừng nghỉ, sự quyết tâm, đoàn kết của toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà qua các thời kỳ.

Nhân dịp năm mới 2025, tôi xin gửi đến toàn thể đồng bào, đồng chí, chiến sĩ, doanh nghiệp, bà con người Huế xa quê lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Tin tưởng rằng với tâm thế mới, khí thế mới, động lực mới chúng ta sẽ tiếp tục phát huy tiềm năng, nguồn lực và những thành quả đạt được, quyết tâm xây dựng thành phố Huế phát triển nhanh và bền vững trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

Chủ tịch UBND thành phố Huế
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HUẾ

HUE CITY DEPARTMENT OF CULTURE AND SPORTS

Địa chỉ: Số 08 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế
ĐT: 0234.3823024; Fax: 0234.3831567; Website: <https://svhtt.hue.gov.vn>



Chúc Mừng Năm Mới
Happy New Year



Hue
**ẤT TỴ
2025**



NGHỊ QUYẾT SỐ 175/2024/QH15 THÀNH LẬP THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT

Về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15;

Xét Tờ trình số 616/TTr-CP ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 3355/BC-UBPL15 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Pháp luật, Báo cáo số 1106/BC-UBTVQH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập thành phố Huế

Thành lập thành phố Huế là thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên là 4.947,11 km² và quy mô dân số là 1.236.393 người của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thành phố Huế giáp thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Trị; nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Biển Đông.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quyết định việc sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc thành phố Huế bảo đảm có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với Nghị quyết này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tên gọi gắn với địa danh tỉnh Thừa Thiên Huế được đổi tên để hoạt động với tên gọi thành phố Huế kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Huế kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành) và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, kiện toàn bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

4. Trường hợp Hội đồng nhân dân quận thuộc thành phố Huế không đủ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Huế chỉ định Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 138 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế chỉ định Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân quận lâm thời và quyết định thành lập cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận lâm thời. Ủy ban nhân dân quận lâm thời thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật và hoạt động cho đến khi Ủy ban nhân dân quận nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thành lập.

5. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, ngoài các chế độ, chính sách đối với thành phố trực thuộc trung ương, các cơ chế, chế độ, chính sách đặc thù đối với tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn tiếp tục được thực hiện trên địa bàn thành phố Huế cho đến hết giai đoạn áp dụng hoặc đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

7. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát và tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024.

THÔNG TIN

VỀ ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ THUỘC QUẬN THUẬN HÓA VÀ PHÚ XUÂN SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

Thực hiện Nghị quyết số 175/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH ngày 30/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023 – 2025

Trong đó thành lập 02 quận: quận Thuận Hóa và quận Phú Xuân thuộc thành phố Huế trực thuộc Trung ương trên cơ sở thành phố Huế hiện hữu; sáp nhập xã Hải Dương và phường Thuận An thành phường Thuận An; xã Phú Mậu, xã Phú Dương và xã Phú Thanh thành phường Dương Nỗ; xã Hương Thọ và phường Hương Hồ thành phường Long Hồ. Từ ngày 01/01/2025, Trụ sở các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc quận Thuận Hóa và Phú Xuân đặt tại các địa chỉ sau:

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
UBND quận Thuận Hóa	Số 24 Tố Hữu, phường Xuân Phú, quận Thuận Hóa, thành phố Huế	0234.3822550
Trung tâm Hành chính công quận Thuận Hóa	Số 1 Lê Viết Lương, phường Xuân Phú, quận Thuận Hóa, thành phố Huế	0234.3849323
UBND quận Phú Xuân	Mang Cá Lớn - 1A Đinh Tiên Hoàng, phường Thuận Lộc, quận Phú Xuân, thành phố Huế	0234.3557575
Trung tâm Hành chính công quận Phú Xuân	Mang Cá Lớn - 1A Đinh Tiên Hoàng, phường Thuận Lộc, quận Phú Xuân, thành phố Huế	0234.3557575
UBND phường Thuận An	Số 164 Kinh Dương Vương, phường Thuận An (UBND phường Thuận An cũ), quận Thuận Hóa, thành phố Huế	0234.3866092
UBND phường Dương Nỗ	Thôn Mậu Tài, phường Dương Nỗ (UBND xã Phú Mậu cũ), quận Thuận Hóa, thành phố Huế	0234.3850252
UBND phường Long Hồ	Số 8 Long Hồ, phường Long Hồ (UBND phường Hương Hồ cũ), quận Phú Xuân, thành phố Huế	0234.3550131



Nguồn: Ủy ban Nhân dân thành phố Huế

10 SỰ KIỆN VĂN HÓA VÀ THỂ THAO TIÊU BIỂU NĂM 2024

Năm 2024 đánh dấu 01 năm thành công của ngành Văn hóa và Thể thao. Ban Biên tập Trang Thông tin điện tử Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp 10 sự kiện văn hóa và thể thao tiêu biểu năm 2024 như sau:

1. Festival Huế 2024 được tổ chức thành công

Với Chủ đề “Di sản Văn hóa với hội nhập và phát triển”, Festival Huế 2024 được tổ chức với các hoạt động, sự kiện liên tục, kéo dài trong suốt 04 mùa của năm 2024, từ Lễ hội mùa Xuân “Xuân Cổ đô” (tháng 1-3), Lễ hội mùa Hạ “Kinh thành tỏa sáng” (tháng 4 - 6), Lễ hội mùa Thu “Huế vào thu” (tháng 7 - 9) và kết thúc bằng Lễ hội “Mùa Đông xứ Huế” (tháng 10 - 12) với điểm nhấn nổi bật là các hoạt động của Tuần lễ Festival nghệ thuật Quốc tế Huế 2024; Tuần lễ Áo dài Cộng đồng Huế 2024; Liên hoan múa Quốc tế - 2024, Ngày hội Thể thao vì sức khỏe cộng đồng 2024; Huế Symphony - Bản giao hưởng Cổ Đô...



Tuần lễ Áo dài Cộng đồng Huế 2024

Các hoạt động đã góp phần tôn vinh, quảng bá những giá trị đặc sắc của văn hóa Huế và văn hóa Việt Nam, khai thác thế mạnh về danh thắng, các loại hình lễ hội, du lịch, sự kiện văn hóa, thể thao để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khẳng định thương hiệu thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam.

2. Thành phố Huế được vinh danh lọt vào top 10 địa phương dẫn đầu Chỉ số thu hút đoàn làm phim và môi trường sản xuất phim tại Việt Nam (Production Attraction Index - PAI).



Đây là sự kiện do Hiệp hội Xúc tiến Phát triển Điện ảnh Việt Nam khởi xướng và ra mắt lần đầu tiên vào tháng 11/2023, Chỉ số PAI được thiết kế để đánh giá mức độ hấp dẫn của các địa phương đối với các đoàn làm phim. Mục tiêu chính của PAI là đánh giá và nâng cao sức hấp dẫn của các vùng miền khác nhau của Việt Nam đối với hoạt động sản xuất phim. Thông qua PAI, Hiệp hội

Xúc tiến Phát triển Điện ảnh Việt Nam mong muốn khai phá thế mạnh của ngành điện ảnh Việt Nam và giới thiệu với thế giới về vẻ đẹp cũng như những câu chuyện nằm sâu trong biên giới đất nước. Chỉ số PAI không chỉ là thước đo đánh giá, mà còn là cầu nối giữa điện ảnh và các địa phương, giúp khám phá và phát huy tiềm năng chưa được khai thác.

Những năm gần đây, Cổ đô Huế đã thật sự trở thành một phim trường hấp dẫn, được

rất nhiều đoàn làm phim trong nước và quốc tế lựa chọn. Các đoàn phim khi đến với Huế luôn được lãnh đạo thành phố, các địa phương và ngành Văn hóa và Thể thao tạo điều kiện thuận lợi nhất để hoạt động. Có thể kể đến những bộ phim nổi tiếng chọn Huế làm bối cảnh chính và đạt được thành công lớn như Trăng nơi đáy giếng, Cô gái trên sông, Mắt biếc, Gái già lắm chiêu 5, Em và Trịnh, Kiều... và gần đây nhất là Linh Miêu.

Việc thu hút các Đoàn làm phim đến Huế đã góp phần quảng bá mạnh mẽ, làm cho Huế thêm nổi tiếng và được bạn bè, du khách yêu mến...”. Đây là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa trong chiến lược xây dựng và phát triển thành phố Huế là trung tâm văn hóa, du lịch lớn, đặc sắc của cả nước và khu vực Đông Nam Á, trong đó có mục tiêu đưa thành phố Huế trở thành phim trường tự nhiên lớn nhất của Việt Nam.

3. Thành phố Huế có 03 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia

03 di sản mới được công nhận gồm Tri thức May và Mặc áo dài Huế, Lễ hội điện Huệ Nam và Nghề làm bún Vân Cù. Như vậy, đến nay thành phố Huế đã có 6 di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục quốc gia về Di sản văn hóa phi vật thể (trước đó có Di sản ca Huế (2015), nghề Dệt Dèng của đồng bào A Lưới (2016), Lễ mừng cơm mới A Da Koonh của người Pa Cô (2020)).



*Lễ đón nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia
Tri thức May và Mặc áo dài Huế*

Áo Ngũ thân, tiền thân của áo dài Việt Nam hiện đại vốn ra đời ở Đàng Trong, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân. Trải qua thời gian dài hơn 300 năm, các thế hệ nghệ nhân xứ Huế đã tích lũy nhiều Tri thức may, mặc áo dài. Bước vào thời kỳ hiện đại, Áo dài Huế vẫn được nhiều đối tượng sử dụng, phổ biến nhất là học sinh, sinh viên, viên chức, thanh niên, rồi cả đến những lớp người trung niên, cao niên, chị em làm nghề buôn bán nhỏ ở các cửa hiệu, ở ngoài chợ... Thiết kế, may đo Áo dài vừa là một ngành nghề thủ công lại vừa là một ngành thiết kế sáng tạo đặc biệt, tạo nên những sản phẩm ấn tượng và có tính phổ biến rất cao. Ngoài ra, công nghiệp văn hóa áo dài còn tạo điều kiện phát triển các ngành khác như sản xuất hàng lưu niệm, đồ chơi, phụ kiện, điện ảnh, mỹ thuật... Đây chính là hướng phát triển công nghiệp văn hóa, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, mang lại nguồn thu cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, vừa bảo tồn, lan tỏa giá trị mang đậm bản sắc văn hóa Huế. Với những giá trị đó, ngày 9/8/2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Quyết định số 2320/QĐ-BVHTTDL chính thức ghi danh di sản này với tên gọi “Tri thức May và Mặc áo dài của người Huế”.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3981/QĐ-BVHTTDL đưa Lễ hội truyền thống - Lễ hội điện Huệ Nam (thành phố Huế) và Nghề thủ công truyền thống - Nghề làm bún Vân Cù (Thị xã Hương Trà) vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Lễ hội điện Huệ Nam là một hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng dân gian nhằm thỏa mãn những nhu cầu văn hóa tâm linh, tín ngưỡng và góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa của

địa phương được tổ chức định kỳ vào tháng 3, tháng 7 Âm lịch hằng năm. Lễ hội là sự biểu thị đức tin của con người trong không gian tâm linh, nhằm bày tỏ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, lòng hiếu kính với thần linh bằng các hoạt động đáp tạ cụ thể, tạo nên phương tiện kết nối giữa con người với thế lực siêu nhiên. Theo đó, những nghi thức như lễ cung nghinh Thánh Mẫu và chư vị, lễ cáo yết, lễ chánh tế, hầu đồng cũng như những lễ vật mà con người dâng lên Mẫu được thể hiện trong lễ hội điện Huệ Nam được coi là một bảo tàng sống lưu giữ lịch sử, văn hóa qua thời gian, là minh chứng sinh động của sự kính trọng thánh môn đệ tử đối với đấng thần linh; là môi trường sống của những hình thức tế lễ, diễn xướng với âm nhạc, ca múa, các hình thức, trang trí, các quan niệm nhân sinh, ẩm thực, cách mặc truyền thống của người Việt.

Vân Cù là một làng nghề thủ công truyền thống làm bún có lịch sử lâu đời và nổi tiếng ở thành phố Huế, vẫn được duy trì và phát triển đến ngày nay. Nghề làm bún Vân Cù phản ánh bản sắc địa phương, là tinh hoa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, các sản phẩm thủ công truyền thống nghề bún không chỉ là hàng hóa thuần túy kinh tế mà còn là mang tính sáng tạo và nghệ thuật, phản ánh phong tục, tập quán, tín ngưỡng của các cộng đồng người dân Vân Cù. Bên cạnh đó còn là nền tảng truyền thống đạo đức trong các phép tắc, lễ nghĩa và các quan hệ ứng xử cũng như văn học dân gian làng xã. Bún làng Vân Cù đã trở thành niềm tự hào của người dân nơi đây, mang lại giá trị tinh thần to lớn cho đời sống cư dân bên cạnh giá trị kinh tế, góp phần tạo sự đa dạng, phong phú của ẩm thực Huế nói riêng và Việt Nam nói chung.

4. Tổ chức thành công liên hoan Múa quốc tế - 2024

Diễn ra từ ngày 17/8 đến ngày 21/8, Liên hoan Múa quốc tế năm 2024 hội tụ gần 500 nghệ sĩ, diễn viên của 17 đơn vị nghệ thuật đại diện cho 9 quốc gia gồm: Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa Philippines, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng



hòa Ấn Độ, Cộng hòa Indonesia, Vương quốc Campuchia, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Malaysia và nước chủ nhà Việt Nam. Các tác phẩm tham gia liên hoan thuộc các thể loại múa ngắn, thơ múa, tổ khúc múa, kịch múa ngắn và kịch múa... theo phong cách dân gian, cổ điển, hiện đại. Liên hoan Múa quốc tế 2024 là hoạt động nhằm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực văn hoá

nghệ thuật giữa Việt Nam và các vùng lãnh thổ, quốc gia trên thế giới.

Thông qua hoạt động, các nghệ sĩ múa Việt Nam và các quốc gia tham gia liên hoan chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật, trao đổi, tiếp thu những giá trị độc đáo, đa dạng về loại hình nghệ thuật văn hóa trong thời kỳ hội nhập và phát triển; đồng thời giới thiệu, quảng bá những tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc, những giá trị đặc sắc của nghệ thuật Múa truyền thống cũng như đương đại của Việt Nam, về đất nước, con người Việt Nam tươi đẹp, hiền hòa cũng như quảng bá tiềm năng, thế mạnh về kinh tế - xã hội và các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa của thành phố Huế tới bạn bè trong nước và quốc tế. Với thông điệp “Hội tụ, sáng tạo - Cùng nhau tỏa sáng”, các nghệ sĩ, diễn viên trong và ngoài nước tham gia liên hoan đã sáng tạo, đem hết tài năng nghệ thuật của mình tỏa sáng trên sân khấu, cống hiến cho khán giả những

tiết mục nghệ thuật múa đặc sắc nhất.

5. Giải đua xe ô tô địa hình Chinh phục thử thách - Victory Challenge Sailun Cup 2024 lần đầu tiên được tổ chức

Nằm trong khuôn khổ chương trình Ngày hội Thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Hue Sport Festival 2024”, Giải đua xe ô tô địa hình Chinh phục thử thách - Victory Challenge Sailun Cup 2024 diễn ra từ ngày 20/6 đến ngày 23/6 tại Công viên hồ Thủy Tiên, thành phố Huế. Giải thu hút hơn 88 đội đua từ khắp các tỉnh thành trong cả nước với đa dạng các dòng xe, hãng xe; được chia thành 6 hạng gồm: Hạng Bán tải Cơ bản, hạng



SUV Nâng cấp, hạng Bán tải Nâng cấp, hạng Mở rộng - Chuyên nghiệp, hạng SUV Nguyên bản, hạng xe Camping. Hệ thống đường đua được thiết kế dựa trên đường tự nhiên chạy xung quanh khu vực Hồ Thủy Tiên, - nơi được báo chí quốc tế mệnh danh là “công viên ma mị nhất Việt Nam”, thể hiện tinh thần phóng khoáng của giải và các vận động viên có thể phát huy hết khả năng lái xe của mình.

Đây là giải đua quy tụ rất nhiều điểm đặc biệt như: Thu hút nhiều nữ vận động viên tham gia nhất; có những vận động viên trên 50 tuổi tham gia thi đấu; nhận được sự ủng hộ từ đông đảo câu lạc bộ xe địa hình trên toàn quốc: Team camping 3 miền, CLB Offroad Hà Nội, CLB xe địa hình TP Hồ Chí Minh, CLB xe bán tải Quảng Nam, Pickup Đắc Lắc Club, PDC - Pickup Đà Nẵng Club, CLB Offroad Vũng Tàu, Đồng Nai, CLB xe địa hình Bình Dương, Bình Phước, CLB offroad Nghệ An, Hà Tĩnh, Lạng Sơn... Giải đua xe ô tô địa hình Chinh phục thử thách - Victory Challenge Sailun Cup 2024 đã tạo được không khí vui tươi, phấn khởi, an toàn, thu hút đông đảo người dân và du khách tham gia giao lưu văn hóa nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh và du lịch của thành phố Huế, đồng thời duy trì và phát triển phong trào đua xe ô tô thể thao địa hình tại Việt Nam, đặc biệt là khu vực miền Trung.

6. Ngày hội Thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Hue Sports Festival 2024” được tổ chức với nhiều hoạt động sôi nổi, hấp dẫn



Giải Chạy HuaSen Jogging 2024 chủ đề “Nâng cao Sức Khỏe - Nâng Cao Doanh Nghiệp” lần thứ I năm 2024

Ngày hội Thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Hue Sports Festival 2024” được tổ chức từ ngày 20/6/2024 đến ngày 07/7/2024. Đây là một sự kiện thể thao lớn, hội tụ nhiều giải đấu thể thao nhằm hưởng ứng Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; thông qua các hoạt động để tuyên truyền, quảng bá tiềm năng,

thể mạnh văn hóa và du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong lần tổ chức lần thứ II, Ngày hội Thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Hue Sports Festival 2024” đã diễn ra thành công tốt đẹp, thu hút đông đảo các vận động viên chuyên nghiệp cũng như phong trào tham gia, để lại nhiều ấn tượng trong lòng người dân và du khách đến với Huế.

Trong lần thứ II tổ chức, Ngày hội Thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Hue Sports Festival 2024” đã mang đến luồng sinh khí mới cho các hoạt động thể thao phục vụ cộng đồng, người dân và du khách; các sự kiện đã được Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị, và các doanh nghiệp tổ chức an toàn, thành công. Ngày hội đã thu hút gần 7.500 VĐV và hơn 20.000 lượt người tham dự, tập trung ở 09 hoạt động: Giải Bóng chuyền Nam, Nữ các Câu lạc bộ tỉnh Thừa Thiên Huế mở rộng lần thứ II - năm 2024; Giải đua xe ô tô địa hình chinh phục thử thách - Victory Challenge Sailun Cup 2024; Giải Bóng rổ 3x3 Cổ đô Huế; Giải đua xe thăng bằng Spider Racing Cup 2024; Giải Chạy HuaSen Jogging 2024 chủ đề “Nâng cao Sức Khỏe - Nâng Cao Doanh Nghiệp” lần thứ I năm 2024; Vòng chung kết Giải thể thao điện tử “Đại chiến quân đoàn mùa hè 2024” - Bộ môn Free Fire; Huế Hiphop 2024; Giải Bóng đá sân 7 Thừa Thiên Huế TPL-S3 năm 2024; Giải Billiards carom 3C Festival Huế 2024. Ngày hội được tổ chức bằng nguồn kinh phí xã hội hoá gần 6 tỷ đồng đã góp phần phát triển phong trào tập luyện thể dục thể thao ở mọi đối tượng, lứa tuổi và làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần cho quần chúng nhân dân, tạo điều kiện kích cầu phát triển du lịch.

7. Thể thao đạt được nhiều thành tích ấn tượng



Đá cầu thành phố Huế đóng góp 01 HCB, 01 HCD vào thành tích của Đoàn Việt Nam tại Giải vô địch Đá cầu thế giới

Vô địch châu Á, đạt 1 HCV, 1 HCB tại giải vô địch trẻ châu Á, 01 HCV, 01 HCB, 01 HCD tại giải vô địch Đá cầu thế giới. Môn Jujitsu đạt 2 HCV, 1HCB, 1HCD tại giải Vô địch châu Á, đạt 1HCV, 2HCB, 2 HCD tại giải vô địch ĐNÁ; đạt 2HCV, 2HCD tại giải vô địch trẻ ĐNÁ. Môn Vật đạt 02 HCV tại Giải vật vô địch Đông Nam Á - Châu Đại dương 2024.

Năm qua cũng là năm mà thể thao thành phố Huế tiếp tục khẳng định vị thế, khả năng trong công tác tổ chức các giải thể thao quy mô quốc gia, quốc tế, góp phần quảng bá văn hóa, du lịch. Tiêu biểu là các giải: Vô địch Đá cầu cá nhân toàn quốc; Vô địch Cung thủ xuất sắc quốc gia; Bơi, Lặn Vô địch quốc gia (bể 25m); Đua Xe đạp toàn quốc tranh Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 36 “Non sông liền một dải - Niềm tin chiến thắng”; Vô địch Cầu lông đồng đội nam nữ hỗn hợp quốc gia; Giải

Năm 2024 tiếp tục ghi dấu sự phát triển vượt bậc của Thể thao thành tích cao thành phố Huế, các đoàn VĐV tham gia thi đấu các giải khu vực, quốc gia, quốc tế đạt được 582 huy chương các loại: 157 HCV, 152 HCB, 273 HCD (vượt 182 huy chương so với chỉ tiêu đặt ra) trong đó có 35 huy chương quốc tế (14HCV, 11HCB, 10 HCD, vượt 12 huy chương so với chỉ tiêu đề ra). Đặc biệt, môn Đá cầu đạt 3HCV, 1 HCB tại giải

chạy VnExpress Marathon Huế 2024; Giải Cầu lông các cây vợt thiếu niên, trẻ xuất sắc quốc gia; Vô địch Đá cầu Châu Á và Vô địch Đá cầu trẻ Châu Á lần thứ 2; Vô địch Bóng rổ 5x5 U20 quốc gia... Năm 2024, thể thao thành phố Huế được vinh danh ở giải thưởng “Vietnam Aquatics Awards 2024”.

8. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được tăng cường, đẩy mạnh

Năm 2024, ngành Văn hóa và Thể thao đã hướng dẫn các địa phương, đơn vị lập thủ tục đầu tư bổ, tôn tạo 10 di tích với nguồn vốn gần 13 tỷ đồng, trong đó vốn xã hội hóa trên 2,6 tỷ đồng. Tiến hành thẩm định, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nhiều dự án tu bổ, phục hồi và phát huy các giá trị di tích thuộc Quần thể Di tích Cố đô Huế như dự án Tu bổ, tôn tạo và phục hồi thính nghi di tích Văn Miếu (giai đoạn 1); Quốc Tử Giám; Hưng Miếu; Hồ Ngọc Dịch - Ngự tiền Văn phòng; Đại Cung Môn; Điện Thoại Thánh; Điện Càn Chánh....



Trưng bày chuyên đề “Hồ Chí Minh - tên Người sáng mãi” tại Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2024, có 07 di tích được UBND tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh, nâng tổng số di tích cấp tỉnh lên 101 di tích; trình đề nghị xếp hạng 5 di tích cấp tỉnh, 03 di tích cấp quốc gia; phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Quốc gia triển khai công tác khai quật khảo cổ tại di tích tháp đôi Liễu Cốc tại phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà. Chỉ đạo hoàn thành dự án và tổ chức khánh thành công trình tu bổ di tích Châu Hương Viên, đây là dấu ấn quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với danh nhân Ưng Bình Thúc Giạ Thị. Thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia cho 04 (bốn) hiện vật, nhóm hiện vật: Chuông Ngọ Môn thời Minh Mạng (niên đại 1822); Phù điêu thời Minh Mạng (niên đại 1829); Tượng rồng thời Thiệu Trị (niên đại 1842); Ngai hoàng đế Duy Tân (niên đại đầu thế kỷ XX).

9. Tham mưu ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định quan trọng quy định các cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực văn hóa và thể thao



Chủ tịch UBND thành phố Huế gặp mặt các nghệ sĩ được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú

hoá, bảo tàng trên địa bàn tỉnh; trình thẩm định Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với văn nghệ sĩ, nghệ nhân, tác giả đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế về văn

Năm 2024, ngành Văn hóa và Thể thao đã tham mưu trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Quy định mức thu phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện và phí tham quan các công trình văn

học nghệ thuật và câu lạc bộ hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Huế.

Trình UBND thành phố ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động biểu diễn Ca Huế; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Quyết định quy định tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn thành phố Huế. Việc tham mưu ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định nêu trên sẽ giúp tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước; tạo cơ chế, chính sách và điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh các hoạt động văn hóa và thể thao trên địa bàn thành phố Huế trong gian đoạn mới.

10. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, hợp tác văn hóa được tổ chức phong phú, đa dạng



Khánh thành công trình tu bổ di tích Châu Hương Viên

Năm 2024, ngoài việc tổ chức các hoạt động trưng bày, triển lãm, hội thi, hội diễn tại địa phương định kỳ như triển lãm “Đảng Cộng sản Việt Nam - Những dấu ấn lịch sử”; “Điện Biên Phủ quyết chiến quyết thắng”; “Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh trên báo chí cách mạng Việt Nam”; “Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Nhà lãnh đạo chiến lược, người chỉ đạo thực tiễn xuất sắc của cách mạng Việt Nam”, Liên hoan “Đưa thông tin về cơ sở”...

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở đã chủ động thay đổi cách thức, tăng cường liên kết với các địa phương khác trên cả nước tổ chức đa dạng các hoạt động hợp tác văn hóa, tiêu biểu như: Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức trưng bày chuyên đề “Hồ Chí Minh - tên Người sáng mãi” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bảo tàng Lịch sử tổ chức triển lãm chuyên đề “Huế - Di sản văn hoá, điểm đến tiềm năng” trong khuôn khổ các hoạt động năm Du lịch quốc gia 2024 và Kỷ niệm 70 năm Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ tại tỉnh Điện Biên; tham gia trưng bày chuyên đề “Phú Xuân - Gia Định, Những dấu ấn lịch sử” tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bảo tàng Mỹ thuật tham gia triển lãm “Sắc màu di sản văn hóa, thiên nhiên và sản phẩm thủ công truyền thống” tại Nghệ An; Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế tham gia “Liên hoan Ca, Múa, Nhạc toàn quốc - 2024” tại Bình Dương đạt 01 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc; Trung tâm Văn hóa Điện ảnh tham gia Hội thi tuyên truyền lưu động kỷ niệm 65 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn, tham gia Hội thi diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc tại tỉnh Quảng Ngãi đạt 01 Huy chương vàng, 03 Huy chương Bạc và nhiều giải thưởng tại Ngày hội Văn hóa các dân tộc Việt Nam năm 2024 tổ chức tại Quảng Trị. Năm 2024, Sở đã phối hợp với Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thành công hoạt động giao lưu sáng tác ảnh, Cuộc thi và triển lãm Ảnh văn hóa nghệ thuật Việt Nam, thu hút hơn 139.000 lượt khách đến tham quan, tìm hiểu ■

SAU GẦN 50 NĂM GIẢI PHÓNG - NHỮNG THỜI CƠ VÀ VẬN HỘI MỚI CỦA THÀNH PHỐ HUẾ

■ NGUYỄN ĐỨC LỘC¹

Sau gần 50 năm Ngày giải phóng quê hương (26/3/1975-26/3/2025), thành phố Huế luôn giữ một vai trò và vị thế đặc biệt đối với dân tộc và đất nước Việt Nam, đang có sự chuyển mình mạnh mẽ, khẳng định vị thế là một trong những trung tâm văn hóa, du lịch lớn của cả

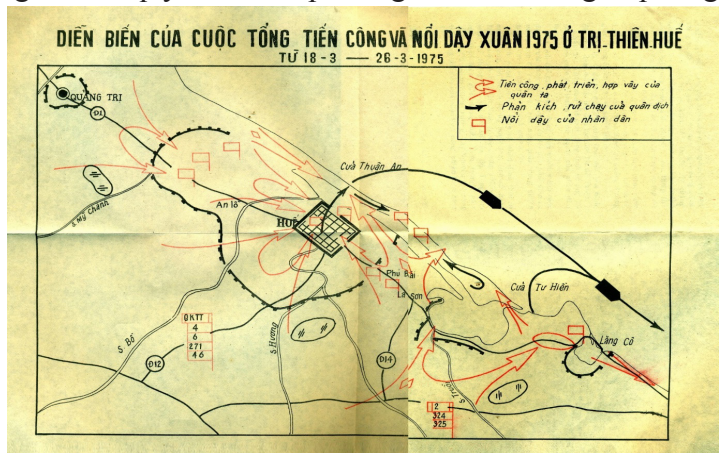


Toàn cảnh thành phố Huế. (Nguồn: Thuathienhue.gov.vn)

nước. Ngày 30/11/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết (số 175/2024/QH15) về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương (NQ175); cùng thời điểm, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ban hành Nghị quyết 1314/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023-2025 (NQ 1314). Các nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2025.

Nhìn lại cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng thành phố Huế cách đây gần 50 năm

Vào tháng 3 năm 1975, cùng với sự quyết tâm và phương án tác chiến giải phóng tỉnh Thừa Thiên Huế đã được chuẩn bị chu đáo, cụ thể. “Thời gian thực hiện chiến lược giải phóng thành phố Huế nói riêng và tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung của chiến dịch được ấn định từ ngày 21/3/1975 đến 26/3/1975”. Về tổ chức, nhằm thống nhất lãnh đạo và chỉ huy, ngày 8/2/1975, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận Trị Thiên - Huế gồm có khu ủy, Quân Khu ủy Trị - Thiên và Đảng ủy Quân đoàn 2; đồng thời chỉ định đồng chí Lê Tự Đồng, Bí thư Khu ủy kiêm Bí thư Quân Khu ủy Đảng ủy Mặt trận Trị - Thiên Huế. Bộ Quốc phòng trực tiếp chỉ huy chung cả Quân khu và Quân đoàn 2.



Bản đồ chiến dịch Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1975 ở Trị - Thiên - Huế (Nguồn: Tư liệu)

1. ThS. Giám đốc Bảo tàng Lịch sử.

Với tinh thần “một ngày bằng 20 năm”, quân và dân Thừa Thiên Huế tiến quân vào chiến dịch trên tinh thần quyết chiến, quyết thắng. Trong lúc đó, quân đội Việt Nam Cộng hòa sau khi bị đánh bất ngờ và mất tỉnh Quảng Trị càng khiến cho lực lượng và các tuyến phòng thủ, kim kẹp của chúng ở miền Trung bị tan rã từng mảng lớn. Trong tình hình đó, Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I của chính quyền Việt Nam Cộng hòa vừa hốt hoảng, vừa ý lại lực lượng còn đông đã vội bay ngay ra quận Hương Điền họp cùng đồng bọn cấp dưới bàn “kế hoạch” tử thủ Huế - Đà Nẵng, hòng giữ được các vùng đất còn lại ở Thừa Thiên Huế. Ngô Quang Trưởng cũng cam kết Nguyễn Văn Thiệu quyết tâm giữ Huế và y đã tuyên bố trên Đài Phát thanh Huế: “Tôi sẽ chết trên đường phố Huế. Việt cộng phải bước qua xác tôi mới vào được Cố đô Huế”².

Vào lúc 5 giờ sáng ngày 21/3/1975, theo Chỉ thị của Bộ Tổng Tư lệnh, Sư đoàn 324 và 325 (Quân đoàn 2) đồng loạt nổ súng tiến công hệ thống phòng ngự phía nam của Thừa Thiên Huế, cắt đứt giao thông đường số I tuyến Huế - Đà Nẵng, chính thức mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Đây là một chiến dịch được hình thành trong quá trình tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 trên toàn miền Nam, trên cơ sở của hai chiến dịch tiến công của Quân khu Trị - Thiên và Quân khu 5 cùng Quân đoàn 2³.

Chiều ngày 22 tháng 3, Bộ tư lệnh Quân đoàn 2 hội ý nhận định tình hình và quyết định nhiệm vụ cho các sư đoàn: Sư đoàn 325 nhanh chóng phát triển tiến công căn cứ Lương Điền và quận lỵ Phú Lộc. Một trung đoàn thọc lên Huế phối hợp với Sư đoàn 324 giải phóng Huế; Sư đoàn 324, bỏ khu vực núi Bông, núi Nghê, nhanh chóng đưa Trung đoàn 1 và Trung đoàn 2 đang chiến đấu ở khu vực La Sơn, theo bản đồ, thọc ra cửa Thuận An không kể ngày đêm, sớm giờ nào hay giờ ấy, hình thành thế bao vây chiến dịch từ phía đông không cho quân lính Việt Nam Cộng hòa chạy ra Thuận An, Tur Hiền, tiêu diệt Sư đoàn 1 bộ binh của chúng; Trung đoàn 3 (vừa mới điều từ Thượng Đức - Quảng Nam ra) cùng một đại đội xe tăng của Lữ 203 nhanh chóng diệt cứ điểm La Sơn, phát triển về hướng bắc, tiến công giải phóng Huế; Lữ pháo binh 164 di chuyển ít nhất hai khẩu pháo tầm xa từ Mũi Trâu (trên đường 14 sát Quảng Nam) về điểm cao 75, 76 khóa được của Thuận An - Tur Hiền.

Chấp hành lệnh của Bộ tư lệnh Quân đoàn 2, Sư đoàn 325 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 101 đánh Lương Điền và trung đoàn 18 đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc. Sáng ngày 23 tháng 3, pháo binh Quân khu và Quân đoàn 2 bắn vào sân bay Phú Bài, Tây Lộc, Sở chỉ huy Quân đoàn I của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở đôn Mang Cá thành phố Huế. Các lực lượng Quân đoàn 2 triển khai lực lượng thọc sâu chiếm của biển Thuận An, khóa chặt đường tháo chạy duy nhất còn lại ra biển của binh lính Việt Nam Cộng hòa, tạo thành thế bao vây lớn từ phía Nam Huế đến đèo Hải Vân.

Cùng ngày, lúc 8 giờ sáng, cánh quân của Trung đoàn 1 và Trung đoàn 2 thuộc Sư đoàn 324 tràn về đồng bằng Phú Thứ. Lúc này Phú Thứ như một cái túi chứa bọn tàn quân phần nhiều là bọn Sư đoàn 1 bộ binh của Việt Nam Cộng hòa, từ các nơi chạy về. Sau khi cùng với các đội vũ trang công tác, cơ sở địa phương, hỗ trợ nhân dân nổi dậy

2. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, (1999), *Thừa Thiên Huế kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 345-346.

3. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, (1999), *Thừa Thiên Huế kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 349.

làm chủ hoàn toàn Phú Thứ, thu bắt tàn binh của Việt Nam Cộng hòa, Sư đoàn 324 phái một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 1 phát triển theo dõi đất hẹp ven biển đánh Kế Sung, Cự Lại, nơi bọn thủy quân lục chiến thuộc Lữ 147 đang chạy dón về chờ tàu vào ủi bãi bốc quân, còn đại bộ phận đánh lên Phú Vang chiếm cảng Tân Mỹ và phía đông thành phố Huế⁴.

Trung đoàn 3 cùng đại đội xe tăng của Lữ 203, sau khi diệt xong bọn binh lính Việt Nam Cộng hòa ở Núi Bông, Núi Nghê cùng Trung đoàn 101 vừa đánh chiếm Lương Điền, cả hai Trung đoàn hình thành một mũi đánh thẳng lên Huế theo đường 1⁵. Như vậy, từ phía nam Hương Điền, Quân đoàn 2 hình thành hai hướng tiến công hai gọng kìm kẹp chặt lấy Huế và cửa Thuận An.

Trong lúc Tiểu đoàn 3 đánh xuống cửa Thuận An, thì Tiểu đoàn 14 vượt sông Ô Lâu, đánh vào Phong Điền, Phong Bình, đuổi binh lính Việt Nam Cộng hòa xuống tận Sịa và chốt ở ngã ba Sinh, đêm 25 tháng 3 phát triển khu vào Mang Cá nhỏ (thành nội Huế).

Ở hướng thứ yếu ngay từ ngày 21 tháng 3, Tiểu đoàn 812 đã vượt sông Mỹ Chánh diệt nhóm binh lính Việt Nam Cộng hòa cùm lại ở xóm Bồ, Phò Trạch, cùng phối hợp với bộ đội địa phương giải phóng quận lỵ. Ngày 24 tháng 3, Tiểu đoàn đánh chiếm Lương Mai. Sáng 25 tháng 3, đánh chiếm Bao Vinh, sau tiến vào Mang Cá nhỏ (thành nội Huế).

Ngày từ đêm 23/3/1975, chính quyền Cách mạng đã kịp thời phân tán phát hơn một vạn tờ thông báo của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố Huế, kêu gọi binh sĩ phía binh lính Việt Nam Cộng hòa bỏ hàng ngũ, mang vũ khí về với cách mạng, vận động nhân dân thành phố ở lại không chạy theo chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Ở tuyến phía Bắc, quân giải phóng hình thành 3 cánh quân truy kích binh lính Việt Nam Cộng hòa đến Huế và cửa biển Thuận An⁶.

Sáng ngày 23/3/1975, ở cánh Đông, được xe tăng của Quân khu yểm trợ, Tiểu đoàn 3 Quảng Trị tiến công chiếm quận lỵ Hương Điền, tiêu diệt vị trí Thanh Hương, buộc quân lính Việt Nam Cộng hòa phải rút chạy. Ở cánh khác, quân giải phóng tiếp tục vượt qua sông Mỹ Chánh đánh vào Phò Trạch, Lương Mai, tiêu diệt binh lính Việt Nam Cộng hòa ở Đại Lộc và các thôn Thế Chí Đông, Thế Chí Tây rồi phát triển lực lượng truy kích chúng đến cửa Thuận An. Ở đây, ngày 24/3/1975, lực lượng hải quân của giải phóng quân (K5) đã rải thủy lôi phong tỏa cửa Thuận An, bịt đường tháo chạy ra biển của quân lính Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 24/3/1975, ở cánh giữa, Tiểu đoàn 14, 812 Quảng Trị vượt sông Ô Lâu đánh quân lính Việt Nam Cộng hòa ở Phong Hòa, Phong Bình, truy kích chúng rút bỏ Mỹ Chánh tiến xuống Sịa, vào chốt ở ngã ba Sinh. Ngày 25/3/1975, Tiểu đoàn 14 tiếp tục đánh thẳng vào Mang Cá nhỏ nằm về phía đông - bắc của thành phố Huế.

Lúc này thành phố Huế thực sự bị cô lập, đội hình quân lính Việt Nam Cộng hòa rối loạn, tình thế vô cùng nguy khốn chúng không có cách nào cứu vãn nổi; tối ngày 24/3/1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 Việt Nam Cộng hòa quyết định bỏ Huế. Thế là bất kể sĩ quan hay binh lính, bất kể bọn chủ lực hay bảo an, từ khắp các hướng bắc,

4. Đảng ủy - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, (1999), *Thừa Thiên Huế kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 351.

5. Lê Tự Đồng (Trung Tướng) (1983), *Trị Thiên Huế Xuân 1975*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 91.

6. Lê Tự Đồng (Trung Tướng) (1983), *Trị Thiên Huế Xuân 1975*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 95.

tây, nam Huế đều tháo chạy thực mạng về cửa Thuận An và cửa Tư Hiền. Bọn chỉ huy cùng cơ quan Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 1 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở Mang Cá lớn (Huế) đã chạy ra cửa Thuận An từ sáng ngày 24 tháng 3. Trong cơn hoảng loạn, ngày 24 và 25/3/1975, hàng nghìn quân lính Việt Nam Cộng hòa với đủ loại phương tiện đâm đạp lên nhau đổ về cửa Thuận An, Tư Hiền với hy vọng tàu chở quân theo kế hoạch di tản của Nguyễn Văn Thiệu sẽ đến ứng cứu.

Cùng với đòn tiến công quân sự, quân và dân các huyện vùng ven thành phố Huế như: Phong Điền, Quảng Điền và Hương Trà ở phía bắc Huế đã nổi dậy đánh chiếm các quận lỵ, giành chính quyền giải phóng quê hương. Quân và dân Huế đã tổ chức các cuộc truy lùng ác ôn, kêu gọi người thân bỏ hàng ngũ chính quyền Việt Nam Cộng hòa trở về với gia đình, dẫn đường cho bộ đội giải phóng tiến vào thành phố Huế.

Như vậy, với sự phối hợp nhịp nhàng với các mũi tiến công truy kích quân lính Việt Nam Cộng hòa của bộ binh, pháo binh của quân khu, Quân đoàn 2 liên tiếp dội bão lửa chặn đường, bịt lối thoát của quân lính Việt Nam Cộng hòa. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25/3/1975, lá cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng dân tộc được chiến sĩ giải phóng cắm lên trên đỉnh Phu Vĩn Lâu, phần phật tung bay báo tin vui với nhân dân cố đô Huế: “Thành phố Huế được giải phóng”⁷. Ngày 26/3/1975, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế được giải phóng.



Giải phóng quân tiến vào thành nội Huế, ngày 25/3/1975. (Nguồn: Tư liệu)

Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, toàn bộ hệ thống của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, bộ máy kìm kẹp to lớn và tàn bạo mà đế quốc Mỹ đã dày công xây dựng trong hai mươi năm ở Huế đã bị quét sạch. Hàng vạn nhân viên Việt Nam cộng hòa các cấp bị tan rã, mọi đảng phái tổ chức chính trị của chính quyền Việt Nam Cộng hòa bị quân và dân ta đập tan. Thắng lợi triệt để và trọn vẹn của cuộc tiến công, nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho Đảng bộ và quân dân thành phố

7. Bộ Quốc phòng (1980), *Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại chiến trường Thừa Thiên - Huế*, Viện Quân sự cấp cao, tr. 194.

Huế nhanh chóng xây dựng chính quyền của nhân dân, ổn định cuộc sống, thiết lập trật tự và phát huy được sức mạnh mới của cách mạng.

Những thời cơ và vận hội mới của thành phố Huế sau gần 50 năm Ngày giải phóng (3/1975)

Gần 50 năm sau Ngày giải phóng, mặc dù phải đối mặt vô vàn khó khăn, thách thức song với khát vọng đổi mới, vươn lên, phát triển toàn diện, vững chắc; đến nay, thành phố Huế đã có nhiều đổi thay rất đáng tự hào. Với những sự nỗ lực của vùng đất có bề dày di sản, lịch sử và văn hóa Cố đô Huế, ngày 30/11/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương, có hiệu lực từ 01/01/2025.



Tự hào thành phố Huế - thành phố trực thuộc Trung ương. (Nguồn: Thuathienhue.gov.vn)

Thời khắc bước vào năm 2025, cả tỉnh Thừa Thiên Huế chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với tên gọi thành phố Huế. Qua đó sẽ mở ra nhiều thời cơ và vận hội mới cho quá trình phát triển của thành phố Huế.

Khi trở thành trực thuộc Trung ương, thành phố Huế sẽ có nhiều cơ hội trong việc chuyển dịch về không gian đô thị, tạo lập được nhiều không gian kinh tế mới, từ đó tạo được động lực phát triển mới cho địa phương. Trong phong thái mới, Huế sẽ có thêm nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút các nhà đầu tư lớn, tiềm lực mạnh đến nghiên cứu đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như lấp đầy các Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô, Khu công nghiệp Phú Bài, Phong Điền... Huế có lợi thế phát triển du lịch di sản văn hóa, các khu du lịch ven biển, đầm phá và nhiều loại hình du lịch, khu du lịch để phát triển thành chuỗi du lịch, dịch vụ trải nghiệm đa dạng, thu hút mạnh mẽ du khách đến Huế.

Hiện nay, Huế nổi tiếng và hấp dẫn với 8 di sản thế giới được UNESCO vinh danh,

gần 1.000 di tích lịch sử, văn hóa và hơn 500 lễ hội các loại; hệ thống nhà rường, nhà vườn, phố cổ đang dần được bảo tồn, phát huy. Thành phố Huế sở hữu nhiều danh hiệu, thương hiệu giá trị: Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, thành phố xanh quốc gia; thành phố bền vững về môi trường ASEAN, thành phố du lịch sạch ASEAN, Kinh đô Âm thực, Kinh đô Áo dài Việt Nam. Đây là những thế mạnh rất đặc thù và vượt trội của thành phố Huế so với các thành phố khác ở miền Trung và trên cả nước.

Bước vào thời kỳ mới, văn hóa Huế, con người Huế đang trở thành nguồn lực quan trọng để đưa Huế phát triển theo hướng đô thị “Di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh”. Thành phố Huế đã và đang trở thành một điểm đến hấp dẫn, an toàn, thân thiện, mến khách... Vị thế văn hóa Huế trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Căn cứ theo Nghị quyết số Nghị quyết 1314/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ban hành ngày 30/11/2024 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023-2025 (NQ 1314). Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố Huế có diện tích gần 5.000km² và hơn 1,2 triệu dân với 9 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 2 quận, 3 thị xã và 4 huyện, 133 đơn vị hành chính cấp xã. Cố đô Huế được đánh giá là nơi bảo tồn tốt nhất các giá trị di sản truyền thống của Việt Nam, cả về di sản vật thể, phi vật thể, cảnh quan môi trường, lối sống, phong tục tập quán...

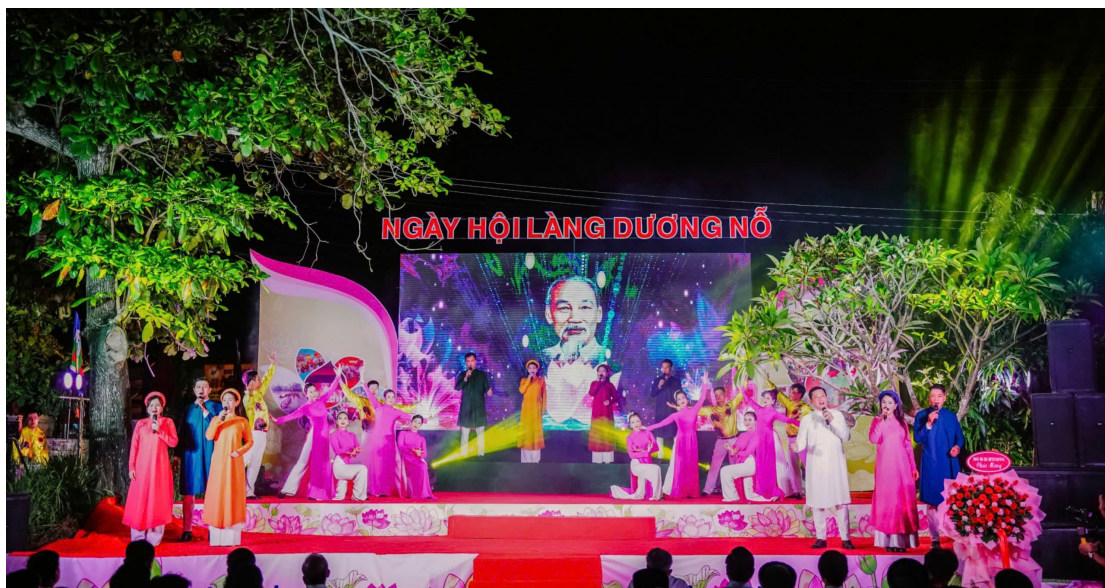
Theo Quy hoạch chung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đô thị Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065, mô hình, cấu trúc không gian đô thị của Huế sẽ phát triển theo mô hình “Chuỗi đô thị theo hành lang kinh tế, hành lang giao thông kết hợp với các trung tâm động lực”. Các đô thị được phát triển đồng bộ, có vai trò hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc Cố đô và di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được UNESCO công nhận.

Theo ông Lê Trường Lưu, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Thừa Thiên Huế, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh khẳng định: *“Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có một ý nghĩa đặc biệt, không chỉ riêng đối với Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh mà cả khu vực. Qua đó, thể hiện chiến lược phát triển Việt Nam, tạo ra bước chuyển mới về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Huế cùng với Đà Nẵng là hai thành phố động lực của khu vực miền Trung, tạo ra sức lan tỏa mới, tạo động lực cho phát triển vùng. Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương cũng tạo điều kiện cho Huế giữ gìn, bảo tồn tốt hơn di sản văn hoá, di sản cố đô và góp phần phát triển bản sắc văn hóa của Việt Nam”*.

Có thể khẳng định rằng, chặng đường gần 50 năm qua là cả một quá trình đổi thay sâu sắc, khẳng định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, chính quyền và sức mạnh to lớn của nhân dân thành phố Huế, góp phần tạo thế và lực mới cho thành phố Huế trên con đường phát triển và hội nhập. Với khí thế mới, niềm tin mới, thành phố trực thuộc Trung ương Huế quyết tâm xây dựng quê hương hạnh phúc hơn, đáng sống hơn, người dân có cuộc sống sung túc hơn, xã hội yên bình hơn và chính quyền thân thiện hơn; những đặc trưng riêng biệt của lịch sử, văn hoá, con người Huế ngày càng được khẳng định, hấp dẫn, lan tỏa mạnh mẽ hơn, xứng đáng với vị trí đặc biệt trong dòng chảy lịch sử dân tộc ■

DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở THÀNH PHỐ HUẾ - CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ

■ Bài và ảnh: LÊ THÙY CHI*



Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế trực thuộc Trung ương) vinh dự và tự hào là mảnh đất có những năm tháng Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình từng sống, lao động, học tập và tham gia các hoạt động yêu nước. Khoảng thời gian 10 năm Người và gia đình sống ở Huế đã để lại một hệ thống di tích và địa điểm di tích vô cùng quý giá với 04 di tích quốc gia đặc biệt, 05 di tích cấp tỉnh và hàng chục địa điểm lưu niệm gắn liền với tuổi thơ, tuổi vị thành niên của Người.

Cùng với việc tu bổ, tôn tạo các di tích lưu niệm, gìn giữ và phát huy giá trị hệ thống di tích cùng tư liệu hiện vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong những năm gần đây, Bảo tàng Hồ Chí Minh còn chú trọng nghiên cứu các di sản văn hóa phi vật thể về Người ở Thừa Thiên Huế. Năm 2021, Bảo tàng đã chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu cấp tỉnh “*Nghiên cứu, thống kê, sưu tầm các loại hình di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế*”. Sau hơn hai năm nghiên cứu, khảo sát, điều tra trên địa bàn thành phố Huế, đề tài đã được nghiệm thu, chuyển giao.

Trên cơ sở nghiên cứu, nhận diện, thống kê, sưu tầm kiểm kê, phân loại, lập hồ sơ, di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế bước đầu đã xác định được 05 di sản: *Thơ ca dân gian ca ngợi về Chủ tịch Hồ Chí Minh; Truyện kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh; Thực hành tín ngưỡng thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Nghi lễ và truyền thống mang họ Hồ của đồng bào các dân tộc miền Tây thành phố Huế; Kỹ thuật chế tác và sáng tạo hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh của nghệ nhân nghề truyền thống Huế.*

Những di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế là những giá trị

* ThS. Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh.

văn hóa tinh thần vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, tạo thành một hệ thống Di sản toàn diện của Người cho mảnh đất Huế. Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể của Người, Bảo tàng Hồ Chí Minh đã đề xuất để triển khai bằng các giải pháp hữu hiệu, cụ thể:

1. Nâng cao nhận thức và vai trò của cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương trong việc bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trong các loại hình di sản phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế, ngoài loại hình ngữ văn dân gian như: Thơ ca dân gian ca ngợi về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Truyện kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh một phần đã được tư liệu hóa lưu giữ, bảo quản tại kho cơ sở của Bảo tàng Hồ Chí Minh, trở thành tài liệu nghiên cứu, tuyên truyền và phục vụ cho công tác phát huy giá trị. Hầu hết các loại hình di sản đều đang tồn tại trong Nhân dân, cần có những biện pháp tiếp tục xác định đó là di sản phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặt khác, di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh có đặc thù thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa một vị lãnh tụ với Nhân dân, ở một mức độ nào đó, khi thời gian lùi xa, các nhân chứng đã được gặp mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh, hay các thế hệ sống, lao động và chiến đấu trong các giai đoạn kháng chiến dần qua đời thì sự phổ biến, phổ cập sẽ bị hạn chế nếu không có định hướng phát triển một cách đúng mực.

Nâng cao nhận thức cho người dân trong từng gia đình, cộng đồng dân cư đang lưu giữ di sản, nơi di sản đang tồn tại, hiện hữu và đặc biệt là chính quyền địa phương nơi có di sản để bảo tồn di sản được thuận lợi và có hiệu quả hơn. Trong đó, cần nâng cao nhận thức, cách hiểu đúng và đầy đủ về di sản văn hóa phi vật thể, về cộng đồng chủ thể của di sản, từ đó có cách ứng xử phù hợp với di sản; xác định và đề cao vai trò của cộng đồng và chính quyền địa phương trong việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đây cũng chính là việc nâng cao lòng tự hào của người dân, cộng đồng đang từng ngày lưu giữ những giá trị tinh thần về Bác Hồ, thể hiện sâu sắc tình cảm của người dân đối với Bác Hồ kính yêu.

2. Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng công tác bảo tồn các loại hình di sản về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế

Di sản phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh là những giá trị di sản tinh thần độc đáo về tình cảm của Nhân dân đối với Bác Hồ. Tuy nhiên do sự phát triển của đời sống xã hội với những giá trị tinh thần mới, những giá trị di sản phi vật thể này rất dễ bị mai một nếu không có sự tuyên truyền, giáo dục nhận thức, giáo dục pháp luật cho người dân là chủ nhân của di sản.

Trang bị cho người dân những kiến thức cơ bản về pháp luật di sản; đặc biệt đối với di sản là tín ngưỡng thờ cúng Bác Hồ cần phải tuyên truyền về những nhận thức đúng đắn giữa tín ngưỡng, niềm tin và những hành vi mê tín dị đoan. Vận động quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác, không tin theo, tham gia các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh để vi phạm pháp luật. Hoặc đối với nghi lễ và truyền thống mang họ Hồ của đồng bào miền Tây thành phố Huế, trong việc thực hành nghi lễ không tiến hành những hủ tục lạc hậu, đi ngược với lại với những giá trị tốt đẹp vốn có của di sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân yêu quý hơn, tự hào hơn và ra sức bảo tồn. Đây cũng là hình thức thu hút người dân tham gia lưu giữ di sản văn hóa.

3. Phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh phục vụ công tác giáo dục truyền thống

Từ lâu, giá di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được phát huy

cùng với việc tuyên truyền giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng, uống nước nhớ nguồn, tự hào và tự tôn dân tộc... cho mọi tầng lớp Nhân dân, mọi đối tượng khách tham quan thông qua các nội dung trưng bày Bảo tàng Hồ Chí Minh và các di tích lưu niệm về Người trên địa bàn thành phố Huế. Bảo tàng Hồ Chí Minh trưng bày, giới thiệu trên 1.000 tư liệu, hiện vật, hàng trăm câu chuyện đã được sưu tầm, ghi chép để giới thiệu cho công chúng tham quan; đồng thời, trong các chương trình trải nghiệm, tìm hiểu khám phá cho học sinh, sinh viên, các truyện kể được đưa vào chương trình và hướng dẫn cho các em kể chuyện.

Gắn việc phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh với hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Huế. Bảo tàng Hồ Chí Minh trong nhiều năm qua đã nỗ lực tổ chức nhiều hoạt động mang tính chất ngày hội, sinh hoạt văn hóa, trải nghiệm để di sản trở nên sống động trong đời sống, gắn bó với hoạt động của cộng đồng qua đó nhiệm vụ giáo dục truyền thống được thực hiện một cách hiệu quả.

Xuất bản những ấn phẩm thơ ca, những câu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh để làm tài liệu tuyên truyền cho học sinh, sinh viên, giáo viên các trường học trên địa bàn tỉnh. Và đây cũng là tài liệu để các trường tổ chức các buổi sinh hoạt truyền thống, sinh hoạt dưới cờ vào thứ hai hàng tuần. Tổ chức các cuộc thi sáng tác lời mới theo các làn điệu dân ca ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các nghệ sĩ, nghệ nhân ca Huế hay các nghệ nhân dân gian Huế.

Phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể về Nghi lễ truyền thống mang họ Hồ của đồng bào miền Tây thành phố Huế đó là cách trân trọng, kính yêu của đồng bào với Bác Hồ, để con cháu các thế hệ mãi mãi sau này những người mang họ Hồ của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn tự hào về họ của mình. Nghi lễ mang họ Hồ của đồng bào là một sự kiện thực tiễn sinh động khác biệt của đồng bào các dân tộc mang giá trị giáo dục to lớn, sau này thế hệ trẻ có thể hiểu rõ hơn về công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghi lễ mang họ Hồ của Chủ tịch Hồ Chí Minh được sự hưởng ứng cao của cộng đồng, đồng bào nơi đây luôn cảm thấy tự hào và từ ý thức đó có trách nhiệm gìn giữ, phát huy những giá trị di sản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại.

Phát huy di sản văn hóa phi vật thể thực hành tín ngưỡng thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế, thông qua giá trị di sản này những thành viên trong gia đình mà đặc biệt là lớp trẻ thể hiện lòng tri ân đối với lãnh tụ, những người đã có công với dân, với nước. Giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ, nâng cao ý thức về vai trò, trách nhiệm của các thế hệ trong việc tiếp nối truyền thống tốt đẹp của dân tộc, học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

4. Phát huy giá trị di sản phi vật thể Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế phục vụ phát triển du lịch

Tiếp tục tập trung nghiên cứu xây dựng các sản phẩm du lịch từ những giá trị di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế. Những năm qua việc nghiên cứu phục dựng Nghi lễ mang họ Hồ của đồng bào miền Tây Huế đã được Ủy ban nhân dân huyện A Lưới tích cực đầu tư triển khai để trở thành một nghi lễ truyền thống, một sản phẩm du lịch độc đáo riêng có để trình diễn phục vụ khách du lịch tại huyện A Lưới. Sản phẩm văn hóa tâm linh này cũng đã được huyện đem đi trình diễn hằng năm tại Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam tại Đồng Mô, Sơn Tây, Hà Nội và

đã thu hút được sự quan tâm lớn của khách tham quan và giới nghiên cứu. Việc thực hành nghi lễ đã được các nghệ nhân trực tiếp thực hiện, tham gia có cả các thanh niên nam nữ thể hiện sự nối tiếp các thế hệ trong việc bảo tồn nghi lễ truyền thống này.

Xây dựng Ngày hội làng Dương Nỗ tại cụm di tích quốc gia đặc biệt lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại làng Dương Nỗ trở thành một sản phẩm du lịch với nhiều nét văn hóa độc đáo được tổ chức thường niên nhân dịp kỷ niệm sinh nhật Bác 19/5. Tại Ngày hội làng Dương Nỗ, các di sản văn hóa phi vật thể được gắn với các hoạt động như Lễ rước và dâng hoa Sen lên Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội đua trái truyền thống trên sông Phổ Lợi, ẩm thực, bài chòi, trò chơi dân gian, thi vẽ tranh, sinh hoạt trải nghiệm... sẽ tạo cho du khách, người dân và học sinh những trải nghiệm hết sức ý nghĩa và thú vị và trên hết là cảm xúc tri ân Chủ tịch Hồ Chí Minh khi tham gia Ngày hội.

Nghiên cứu, đầu tư phát triển các mặt hàng thủ công truyền thống có liên quan đến hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở Huế, việc các làng nghề truyền thống có sản phẩm khắc họa hình tượng và những di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa nhiều và cũng chưa phong phú về thể loại. Tuy nhiên, các nghệ nhân cũng đã thể hiện được sự sáng tạo và tình cảm thiêng liêng đối với Bác Hồ kính yêu. Giải pháp gắn các sản phẩm làng nghề với phát triển du lịch phần nào cũng đã phát huy được giá trị di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khuyến khích các nghệ nhân truyền thống sáng tạo các mặt hàng thủ công mỹ nghệ có hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh để phát triển dòng sản phẩm lưu niệm phục vụ phát triển du lịch.

Bước đầu đã có đầu tư sáng tạo mẫu sản phẩm hàng lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh như tượng đồng, nón lá, sản phẩm mộc, tre mỹ nghệ... Tiến tới tổ chức các cuộc thi sáng tạo hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống Huế, tạo môi trường sáng tạo và phát triển mặt hàng tinh xảo, tổ chức trưng bày triển lãm tại các khu trưng bày mặt hàng thủ công mỹ nghệ và tại điểm du lịch. Liên kết với các bảo tàng và hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên toàn quốc để quảng bá các sản phẩm lưu niệm thủ công truyền thống Huế có hình tượng Bác Hồ góp phần quảng bá đến khách du lịch bốn phương.

5. Giải pháp về huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khơi dậy tinh chủ động, tích cực của cộng đồng trong tham gia tổ chức và thực hành di sản.

- Tăng cường hiệu quả khai thác các tiềm năng du lịch đối với loại hình di sản văn hóa phi vật thể; xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch, các tour, tuyến du lịch tại các điểm có di sản văn hóa phi vật thể.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào trường học thân thiện, học sinh tích cực thông qua việc phối hợp với các trường học trên địa bàn tổ chức cho các học sinh tham gia chương trình giáo dục di sản; đưa nội dung giáo dục di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh vào giảng dạy trong trường học.

6. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh

- Tuyên truyền, quảng bá di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh trên báo, đài phát thanh truyền hình, các trang thông tin điện tử, xuất bản ấn phẩm, clip quảng bá.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đơn vị chủ quản là Sở Văn hóa và Thể thao mà trực tiếp là Bảo tàng Hồ Chí Minh trong việc tổ chức thực hiện công tác truyền thông; xây dựng đội ngũ cộng tác viên làm công tác quảng bá.

- Đa dạng hóa các hình thức phối hợp giữa các bảo tàng, di tích trong hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên toàn quốc để xây dựng mạng lưới quảng bá hình ảnh chung cho di sản trong từng khu vực và trên cả nước.

7. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn, bảo tàng nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc bảo tồn di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa phi vật thể nói riêng. Tổ chức cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành về di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn, bảo tàng và cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở, những người gần bó trực tiếp đến những chủ nhân của di sản. Ngoài ra, yêu cầu có tính cấp bách là phải chọn lọc được đội ngũ làm công tác kiểm kê, quản lý di sản văn hóa phi vật thể ở cơ sở giỏi chuyên môn, am hiểu về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào. Bởi điều quan trọng đối với việc phát huy những di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh là làm cho di sản ấy “sống” trong Nhân dân, như chính bản chất của nó, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, đưa di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tài nguyên phong phú, là sản phẩm du lịch lợi thế của Huế.

8. Giải pháp về chính sách tài chính cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh

Giữ gìn và phát huy giá trị di sản, nên có chính sách ưu tiên dành nguồn lực từ ngân sách nhà nước để bố trí kinh phí phù hợp cho công tác kiểm kê, sưu tầm, số hóa, tư liệu hóa, xây dựng hồ sơ và các hoạt động hỗ trợ phát triển di sản... Bên cạnh đó đẩy mạnh xã hội hóa nhằm tăng cường nguồn lực để công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh đạt hiệu quả cao hơn.

Có thể nói, cùng với di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế hội tụ các giá trị lịch sử, nhân văn sâu sắc, mang dấu ấn lưu niệm về cuộc đời, sự nghiệp của một bậc vĩ nhân, đồng thời khắc ghi tâm lòng và tình cảm của nhân dân thành phố Huế đối với Người.

Hiện nay, Huế đã trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế theo Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị, đồng thời hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Huế được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2280/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020, với 4 di tích quan trọng: Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại đường Mai Thúc Loan, Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại làng Dương Nỗ, Đình làng Dương Nỗ, Trường Quốc Học, thì việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể về Người lại càng trở nên cấp thiết, góp phần làm sâu sắc thêm các giá trị tinh thần về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cộng đồng, làm hoàn thiện khối di sản đặc biệt này ở thành phố Huế, đóng góp tích cực cho việc xây dựng nền tảng tư tưởng và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân hôm nay và mai sau ■



mảnh đất nuôi dưỡng, hun đúc ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

■ Bài và ảnh: LÊ VĂN HÀ* - TRẦN THỊ HỢI**



Di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở 112 đường Mai Thúc Loan, quận Phú Xuân, thành phố Huế

Huế vinh dự và tự hào là mảnh đất đã có những năm tháng Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng gia đình Người sinh sống, lao động, học tập và tham gia các hoạt động yêu nước trong khoảng gần 10 năm, trải qua hai giai đoạn (1895-1901) và (1906-1909). Mười năm so với cuộc đời 79 mùa xuân của Người là khoảng thời gian không dài nhưng cực kỳ quan trọng. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận định: *“Thời gian ở Huế là thời gian Nguyễn Tất Thành lớn lên và bắt đầu đi học, những năm tháng đó là thời gian cực kỳ quan trọng đối với sự hình thành con người Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh”*. Chính nơi đây, đã góp phần hun đúc, hình thành tư tưởng yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để rồi từ đó thôi thúc Người có ý chí, quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Giai đoạn thứ nhất (1895-1901): Trong ngôi nhà đầu tiên, Nguyễn Sinh Cung (Chủ tịch Hồ Chí Minh) chứng kiến nỗi vất vả, gian truân của gia đình. Tuổi thơ của Người đã trải qua những tháng ngày tàn tạ của mẹ, nỗi khó khăn của cha trên con đường cử nghiệp. Và chính nơi đây, khi bước sang tuổi mười một Người đã phải trải qua hai nỗi đau thương, mất mát lớn: mất mẹ và mất em. Kỷ niệm những năm tháng tuổi thơ của Người ở chốn kinh đô là nỗi đau mất đi những người thân yêu, là tiếng khóc xé lòng của người em thơ khi đói sữa; nỗi u uất tang thương của người dân xứ Huế bởi dư âm của sự kiện “thất thủ kinh đô” năm 1885.

Ở ngôi nhà thứ hai là mái trường đầu tiên Người bắt đầu tiếp cận với nền Hán học từ người thầy cũng là người cha thân yêu của mình. Từ hình ảnh quen thuộc *cây đa, bến nước, sân đình* của một vùng quê có truyền thống lịch sử lâu đời và sống

* Trưởng phòng Tuyên truyền Hướng dẫn Bảo tàng Hồ Chí Minh.

** Giảng viên Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.



Các đoàn khách đến dâng hương, tham quan Di tích Nhà lưu niệm
Chủ tịch Hồ Chí Minh ở phường Dương Nỗ, phường Dương Nỗ, Thuận Hóa, thành phố Huế

trong tình yêu thương, đùm bọc, chan chứa nghĩa tình của những người dân quê một mạch làng Dương Nỗ, đã sớm bồi đắp, nhen nhóm trong cậu bé Nguyễn Sinh Cung một tình yêu quê hương đất nước.

Đồng thời, trong khoảng thời gian lần thứ nhất ở Huế “cũng đã cho Nguyễn Sinh Cung những hiểu biết đầu tiên về xã hội thuộc địa nửa phong kiến ở ngay trung tâm của nó. Những “ông Tây” nghênh ngang, hách dịch đang giữ quyền kiểm soát mọi công việc xứ thuộc địa... trái ngược hẳn với những ông quan Nam triều khúm núm rụt rè trong áo gấm, hai nhung, mũ cánh chuồn. Lầu son gác tía thâm nghiêm tương phản với những số phận đau khổ, tủi nhục của số đông những lao động: phu khuân vác, kéo xe tay, trẻ em lang thang trên đường phố... Những hình ảnh đó đã ăn sâu trong ký ức non nớt của Nguyễn Sinh Cung”.

Giai đoạn thứ hai (1906-1909): Đây là khoảng thời gian quan trọng, chứng kiến bước trưởng thành trong con người Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh), không còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung hồn nhiên, hiếu động mà đã là một thanh niên với nhiều suy tư, nhiều ý chí, hoài bão lớn trước vận mệnh của dân tộc. Bên cạnh đó, còn cho chúng ta thấy được lịch sử của dân tộc những năm đầu thế kỷ XX.

Qua chính sách đào tạo của người Pháp ở trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và trường Quốc Học cho chúng ta thấy được bản chất nền giáo dục thực dân tại nước ta lúc bấy giờ. Không phải để “khai hóa” dân trí mà thực chất là “đồng hóa” văn hóa Pháp đối với người Việt Nam và đào tạo đội ngũ tay sai đắc lực cho chúng.

Khi học ở trường Quốc Học Huế ngoài những thầy giáo Pháp mang tâm địa thực dân, thì Nguyễn Tất Thành còn có hội được học những thầy giáo như: Lê Văn Miến, Nguyễn Đình Hoè - những nhà trí thức mới, được đào tạo từ Tây học. Các thầy đã đem tư tưởng tiến bộ truyền đạt cho học sinh, khơi dậy ở học sinh mạch nguồn yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc.

Những năm đầu thế kỷ XX, là khoảng thời gian diễn ra nhiều phong trào yêu nước mới với những hình thức đấu tranh khác nhau như: phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào chống thuế của Nhân dân miền Trung...

Đây được xem là giai đoạn đánh dấu những sự kiện lịch sử quan trọng không chỉ với Nguyễn Tất Thành mà còn với cả lịch sử dân tộc. Tại nơi đây, Nguyễn Tất Thành tham gia những hoạt động yêu nước đầu tiên, đặc biệt là phong trào chống thuế của nhân dân Thừa Thiên Huế (4/1908), đã đánh dấu sự chuyển biến về chất



Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh tham quan di tích trường THPT chuyên Quốc Học Huế

trong quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Người, từ nhận thức yêu nước đến hành động yêu nước. Sự kiện này được xem là mốc quan trọng trong cuộc đời của Người, mở đầu cho hồ sơ chính trị cách mạng lỗi lạc Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đồng thời, chúng ta cũng thấy được phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX diễn ra rất sôi động, với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, nhưng tiếc thay các phong trào đó đều nhanh chóng thất bại, đều bị chìm trong “biển máu”.

Mặc dù, các phong trào yêu nước mà Nguyễn Tất Thành tham gia, đặc biệt là phong trào chống thuế của Nhân dân Thừa Thiên Huế, đều thất bại và bị đàn áp khủng bố khốc liệt, nhưng thông qua các hoạt động thực tiễn ấy đã cho Người thấy rõ hơn tội ác của thực dân Pháp; sự bất lực của triều đình phong kiến nhà Nguyễn và sức mạnh của Nhân dân một khi họ đã vùng dậy; sự bế tắc trong phong trào yêu nước và con đường giải phóng dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ. Đó là những điều mà Nguyễn Tất Thành luôn suy tư, trăn trở và tạo thành động lực thôi thúc Người sớm có quyết định ra nước ngoài tìm chân lý về giải phóng dân tộc.



Đoàn cán bộ Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương tham quan Nhà lưu niệm Bác Hồ và truyền thống trường THPT chuyên Quốc Học Huế

Tất cả những luồng tư tưởng tiến bộ, những phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã tác động một cách tích cực vào tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Tất Thành. Người suy nghĩ về những luồng tư tưởng mới; đồng thời, tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của các cụ Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. Người khâm phục và kính trọng các bậc tiền bối, “*nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào*”. Người cho rằng: cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương “*chẳng khác gì đến xin giặc rửa lòng thương*”; cụ Phan Bội Châu nhờ Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp “*chẳng khác gì đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau*”; cụ Hoàng Hoa Thám “*thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp*” nhưng “*còn nặng cốt cách phong kiến*”.

Đó là những kết luận chính trị đầu tiên khi đánh giá về những phong trào đã và đang diễn ra ở Việt Nam. Nguyễn Tất Thành rất kính trọng các cụ, nhưng không đi theo con đường các cụ đã chọn. Người nung nấu ý chí tìm con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, muốn thế trước hết phải tìm hiểu rõ kẻ thù của mình. Học tập tại các trường Pháp - Việt và trường Quốc Học là điều kiện để Nguyễn Tất Thành tiếp xúc một cách có hệ thống với văn minh Pháp và nhìn rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc thuộc địa ■

NGUYỄN ÁI QUỐC - SỰ SÁNG TẠO TRONG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

■ NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH*

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 là một tất yếu khách quan từ thực tiễn cuộc đấu tranh của Nhân dân ta chống sự nô dịch đế quốc; là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, phù hợp với quy luật vận động của cách mạng thế giới và sự nghiệp cách mạng nước ta. Đảng ta được thành lập đã đáp ứng những yêu cầu khách quan và cấp bách của



Ảnh Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp ở Tour tháng 12/1920. (Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế).

dân tộc là độc lập, tự do và phát triển; là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó có vai trò rất to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, từ quá trình nhận thức về con đường, cách thức và xúc tiến hoạt động thực tiễn theo con đường đúng đắn, gắn với thực tế của nước ta đến sáng lập chính đảng vô sản ở Việt Nam, với những sáng tạo lý luận xuất sắc. Từ đây, cách mạng Việt Nam có một đảng cách mạng chân chính dẫn đường cho toàn dân đứng lên đánh đổ ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến đem lại độc lập cho dân tộc, ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân.

Việc lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc Việt Nam và hoạt động truyền bá đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, xúc tiến chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng chính trị và tổ chức cho Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự sáng tạo lớn của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

1. Nguyễn Ái Quốc sáng tạo trong chuẩn bị các tiền đề cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Từ cuối thế kỷ XIX, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược và biến thành thuộc địa. Với truyền thống yêu nước và tinh thần quật cường dân tộc, nhiều phong trào yêu nước đã diễn ra tiêu biểu như khởi nghĩa Ba Đình, phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế, phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục... Tuy nhiên, các cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước đó đều đi đến thất bại, và nguyên nhân chính là thiếu lực lượng lãnh đạo, nhất là chưa có một tổ chức lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh

* Bảo tàng Hồ Chí Minh



Toàn cảnh Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp ở Tour tháng 12/1920. (Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế)

giải phóng dân tộc. Sự thất bại của các phong trào yêu nước thể hiện sự khủng hoảng, bế tắc của các phương cách cứu nước truyền thống Việt Nam trước chuyển biến của thời cuộc. Song đó lại là động lực thôi thúc ý chí vươn lên sáng tạo của con người Việt Nam, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp bách phải có một ánh sáng mới soi đường, dẫn dắt.

Trong bối cảnh đó, Nguyễn Tất Thành

(Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) với lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, với tầm nhìn chiến lược và phương pháp tư duy sáng tạo đã sớm nhận thấy những bất cập và bế tắc trong con đường cứu nước của thế hệ cha anh đang tiến hành và yêu cầu bức thiết đối với dân tộc là phải tìm kiếm con đường cách mạng mới. Người quyết định đi tìm con đường cứu nước khác con đường cứu nước của các bậc tiền bối trước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... Đó là thể hiện một bản lĩnh, một khả năng tư duy độc lập sáng tạo mà lịch sử đang đòi hỏi. Đây là bước ngoặt thứ nhất trong quá trình xác định con đường cách mạng Việt Nam.

Trải qua gần 10 năm nghiên cứu, khảo nghiệm, học tập, tìm tòi, hoạt động không ngừng ở nhiều quốc gia, ở hầu khắp các châu lục, đến tháng 7/1920, lần đầu tiên Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo Nhân Đạo (L'Humanite), số ra ngày 16 và 17/7/1920. Người đã tìm thấy trong đó lời giải đáp về vấn đề dân tộc và thuộc địa, sự cần thiết phải có Đảng cộng sản, nhiệm vụ chiến lược và sách lược của đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng. Tiếp cận tư tưởng của Lênin về nhận thức lý luận đã làm chuyển biến thực tiễn hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tour cuối tháng 12/1920, Người đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản và tán thành tham gia Đảng Cộng sản Pháp. Từ giờ phút ấy, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản - người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã tham gia sáng lập một đảng mácxít ngay chính tại sào huyệt của kẻ đang thống trị, áp bức dân tộc mình. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở thành người Việt Nam đầu tiên, nghiên cứu, tổng kết, tìm ra bản chất của các học thuyết, các cuộc cách mạng trên thế giới, chất lọc, vận dụng và phát triển cho phù hợp với dân tộc mình. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản, con đường Nguyễn Ái Quốc đã đi chính là con đường Người đưa dân tộc chúng ta đi.

Về sự cần thiết phải có Đảng để lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người chỉ rõ: “*Trước hết phải có Đảng cách mệnh*”¹, và “*Đảng có vững cách mệnh mới thành công*,

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, tr.289.



Ảnh bìa tác phẩm Đường Kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản năm 1927 (Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế)

cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”².

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức sâu sắc sự gắn bó mật thiết giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người; sớm nhận thức rõ, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc chân chính là một động lực lớn của cách mạng và kết hợp tài tình chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết cách mạng tiên tiến nhất của thời đại. Chỉ có kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước mới có thể xây dựng được một Đảng cách mạng chân chính, đảm bảo cho cách mạng phát triển đúng hướng và đi đến thắng lợi.

Thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá đúng vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam - một vấn đề quan trọng mà những nhà yêu nước đương thời không nhận ra. Việc đánh giá đúng vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam từ những năm đầu của thập kỷ 20 trong thế kỷ XX là một phát hiện mới, có ý nghĩa to lớn về mặt lý luận. Trên cơ sở đánh giá đúng đắn vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam, đã khẳng định vai trò to lớn của Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Người khẳng định cách mạng muốn thắng lợi, giai cấp công nhân muốn hoàn thành sứ mệnh của mình trước hết phải thành lập chính Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng đó có vai trò lãnh đạo nhân dân, vạch ra đường lối chiến lược, sách lược, tập hợp vận động quần chúng, đưa quần chúng vào trận tuyến đấu tranh và liên hệ với giai cấp vô sản trên toàn thế giới để cùng tiến hành đấu tranh cách mạng, đánh đổ chủ nghĩa đế quốc thực dân, thực hiện sự nghiệp cách mạng cao cả là giải phóng các dân tộc bị áp bức, xây dựng một xã hội mới không có áp bức, bất công.

Để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã xúc tiến chuẩn bị các tiền đề, sự chuẩn bị đó đã được tiến hành thường xuyên, liên tục, xen kẽ, có sự tác động tạo điều kiện thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Chuẩn bị tiền đề tư tưởng: Nguyễn Ái Quốc đưa ra quan niệm về cách mạng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: một cuộc cách mạng diễn ra phải chứa đựng trong nó hai hành động chủ yếu đồng thời: vừa xóa bỏ chế độ cũ, vừa xây dựng trên một chế độ mới, một xã hội mới. Do đó, cách mạng bao gồm hai thời kỳ, “thời kỳ phá hủy” và “thời kỳ xây dựng lại” và nội dung chủ yếu của mỗi thời kỳ. Nhận thức đúng đắn và sâu sắc về bản chất cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước giúp cho Nhân dân ta thấy được cách mạng là sự nghiệp lớn và khó, cần đoàn kết sức mạnh của đông đảo quần chúng và phải có Đảng cách mạng.

2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, tr.289.

Để chuẩn bị điều kiện thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, để chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập và trở thành hệ tư tưởng dẫn đường cho hành động cách mạng của quần chúng nhân dân. Người đã chỉ ra có hai cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng:



Ảnh: Lớp đào tạo cán bộ nông cốt cho cách mạng Việt Nam của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Quảng Châu - Trung Quốc
(Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế)

Thứ nhất, dịch và phổ biến trong nhân dân những tác phẩm kinh điển về chủ nghĩa cộng sản, đồng thời viết những tác phẩm triết học chống lại các học thuyết phi mác xít, qua đó bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa cộng sản (cách này thường được sử dụng ở các nước phát triển). Thứ hai, từng bước truyền bá trong quần chúng nhân dân lao động những tư tưởng cách mạng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một trình độ nào đó mới dịch và phổ biến các tác phẩm kinh điển của những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản. Đây là phương pháp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với hoàn cảnh các nước thuộc địa, trình độ dân trí thấp. Nguyễn Ái Quốc đã sáng tạo ra phương pháp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin hết sức độc đáo vào các nước thuộc địa, mà điển hình là ở Đông Dương và Việt Nam.

Quá trình truyền bá được thực hiện theo từng giai đoạn và có sự kế tiếp lẫn nhau. Thời kỳ đầu, phương tiện chuyển tải là báo chí cách mạng, ngoài ra Người còn sử dụng những hình thức khác như diễn thuyết, viết kịch... Sau đó, Người đã khai thác tối đa yếu tố địa - chính trị để đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin. Người dịch các tác phẩm kinh điển của các nhà hoạt động cách mạng như Nhân loại tiến hóa, Chủ nghĩa Cộng sản A.B.C, Tuyên ngôn của Đảng cộng sản... Một điều hết sức sáng tạo là ngoài những phương tiện truyền bá thông thường như sách, báo thì Người sử dụng thêm một phương tiện mới - phương tiện tuyên truyền sống. Đó là đào tạo những người yêu nước trẻ tuổi, rồi đưa về nước tuyên truyền, tổ chức vận động quần chúng làm cách mạng.

Một trong những sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là luôn bám sát trình độ nhận thức của quần chúng nhân dân, để đề ra hình thức, biện pháp tuyên truyền phù hợp. Nhờ sự truyền bá sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã từng bước thâm nhập vào xã hội Việt nam, đấu tranh với các trào lưu phi vô sản khác, giác ngộ lập trường cứu nước, giải phóng dân tộc theo hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, theo con đường cách mạng vô sản.

Về tiền đề chính trị: Đây là một trong những nội dung quan trọng, là điều kiện để hình thành Đảng Cộng sản. Thực chất của việc chuẩn bị này là xác định đúng đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã sớm khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách nô lệ của thực dân phong kiến. Với chủ đích rõ ràng,



Ảnh tư liệu: Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì.
(Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế)

Nguyễn Ái Quốc đã hướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Nhân dân ta tới Quốc tế Cộng sản, tới cách mạng tháng Mười Nga. Người từng cung cấp cho Nhân dân ta những thông tin, giúp Nhân dân ta hiểu biết về một tổ chức quốc tế kiên quyết bênh vực quyền lợi của các dân tộc thuộc địa, đó là Quốc tế Cộng sản mà đứng đầu là V.I.Lênin. Người đã kiên trì đề xuất với Quốc tế Cộng sự cần thiết phải lựa chọn đảng viên ở các nước thuộc địa và đào tạo họ. Bởi đó là một trong những trường đào

tạo tốt nhất cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Người viết: “Nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại: a) Giáo dục cho các chiến sỹ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh của giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẫn lộn trong đầu óc họ; b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này...; c) Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một cái cánh của cách mạng vô sản...”³.

Sau khi chuẩn bị những tiền đề cơ bản về chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến phác thảo đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc, tập trung ở tác phẩm Đường Kách mệnh xuất bản lần đầu vào năm 1927.

Tác phẩm này đã chỉ ra các vấn đề: Một là, chỉ có cách mạng vô sản là cách mạng triệt để, vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động; Hai là, mục tiêu và con đường đi lên của cách mạng Việt nam là chủ nghĩa xã hội; Ba là, về lực lượng cách mạng; Bốn là, phương pháp cách mạng; Năm là, đoàn kết quốc tế; Sáu là, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng. Đây là tư tưởng cơ bản trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc, thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn đặc điểm cách mạng Việt Nam.

Về tiền đề tổ chức: Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) và bắt đầu việc xây dựng tổ chức cách mạng theo tuần tự từng bước: từ tìm hiểu, tiếp xúc những người yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, đến việc thành lập một nhóm bí mật làm nòng cốt (cộng sản đoàn); cuối cùng là thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và đặt nó trong mối liên hệ với cách mạng châu Á, tức là thành lập hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Sự sáng tạo trong việc chuẩn bị các tiền đề tổ chức của Nguyễn Ái Quốc là sau khi gặp gỡ, tiếp

3. Nguyễn Đình Đài (2006), Nguyễn Ái Quốc sự sáng tạo trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Giá trị Lịch sử và hiện thực, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.76.

xúc với những người Việt Nam yêu nước, Người đã sớm có sự thẩm định, lựa chọn bước đầu để đi đến một quyết định thích hợp chính xác là: mở ngay một lớp huấn luyện bồi dưỡng cho những người dự lớp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối cách mạng mà Người đã xác định buổi đầu, về phương pháp tổ chức và vận động quần chúng, qua đó tìm hiểu một cách sâu sát những người được giới thiệu. Sau lớp huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc đã chọn ra được 09 người tích cực nhất để lập một nhóm bí mật (cộng sản đoàn) vào trước trung tuần tháng 2/1925 làm hạt nhân cho tổ chức rộng lớn sau đó. Nhóm cộng sản đoàn được duy trì đến tháng 4/1927, đóng vai trò là hạt nhân nòng cốt của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập vào tháng 6/1925 - một tổ chức rộng lớn, tập hợp được các phần tử thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Hội có tổ chức rõ ràng, có mục đích, điều lệ và có tuần báo Thanh niên là cơ quan ngôn luận.

Sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc là không thành lập ngay một Đảng cộng sản mà chỉ thành lập “Hội”, tổ chức mang tính chất quá độ, vừa tầm thích hợp. Xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta là xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến, hơn 90% dân số là nông dân, tuyệt đại đa số mù chữ, ít học, chưa hiểu biết về chủ nghĩa cộng sản mà Nguyễn Ái Quốc đã thành lập một tổ chức tiền thân để qua đó đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Vì Người đã hiểu sâu sắc rằng chỉ khi nào chủ nghĩa Mác - Lênin được kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước thì mới xây dựng nên Đảng cộng sản. Sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thể hiện sự đúng đắn, là một cống hiến lớn và hết sức sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị tiền đề tổ chức cho Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

2. Nguyễn Ái Quốc sáng tạo trong hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin và những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá về Việt Nam, cùng với phong trào vô sản hóa đã thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam lên cao trong những năm 1925 - 1929. Và đến cuối năm 1929 ở Việt Nam đã có 03 tổ chức cộng sản ra đời gồm Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Điều này đã phản ánh xu thế tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam lúc đó, đáp ứng được nhu cầu bức thiết của lịch sử. Trong tình hình chung và yêu cầu của cách mạng Đông Dương, Quốc tế cộng sản nhiều lần thể hiện quan điểm về việc phải nhanh chóng thành lập một đảng cộng sản thống nhất ở khu vực này.

Nhận thấy sự chia rẽ của các tổ chức cộng sản trong quá trình lãnh đạo phong trào, chấp hành chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm đến Trung Quốc ngày 23/12/1929. Đối với Người, vấn đề thành lập Đảng là vô cùng bức thiết lúc này, vì sau gần 10 năm chuẩn bị công phu, những điều kiện chủ quan và khách quan cho việc thành lập Đảng đã chín muồi, vấn đề là phải giải quyết những bất đồng để các tổ chức cộng sản đi tới thống nhất, thành thực hợp tác. Tới Trung Quốc, Người quyết định triệu tập Hội nghị vào dịp tết Canh Ngọ 1930 để đại biểu thuận lợi trong việc đi lại và để đánh lạc hướng sự chú ý, theo dõi của mật thám Pháp. Hội nghị diễn ra từ ngày 06/01-7/2/1930 tại Cửu Long, Hương Cảng (nay là Hồng Kông, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, có sự tham dự của đại biểu Đông Dương cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng. Riêng đại biểu của Đông Dương Cộng sản liên đoàn vì không kịp cử đại biểu đến dự, sau Hội nghị đã xin gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đề chỉ đạo hội nghị đạt được mục tiêu thành lập Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc xác định rõ vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tự phê bình và phê bình về những thành kiến của các tổ chức cộng sản dẫn đến tình trạng xung đột, công kích lẫn nhau, phải xóa bỏ những khuyết điểm đó và thành thật hợp tác để thống nhất các tổ chức cộng sản. Trước Nguyễn Ái Quốc, đại diện cho Quốc tế Cộng sản và khả năng thuyết phục, cảm hóa lòng người cũng như uy tín lớn của Người, những vấn đề bất đồng khó giải quyết đã được hòa giải nhanh chóng. Các tổ chức đã thẳng thắn phê bình và tự phê bình để rồi thống nhất đi đến thành lập một Đảng cộng sản.

Về tên Đảng được Nguyễn Ái Quốc đưa ra và được Hội nghị thông qua là Đảng Cộng sản Việt Nam, khác với chỉ thị của Quốc tế Cộng sản là lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc và những người dự Hội nghị thành lập Đảng là: tuy Đông Dương là thuộc địa của Pháp nhưng Đông Dương gồm có 03 dân tộc Việt - Miên - Lào sinh sống, có lịch sử quốc gia dân tộc hàng ngàn năm, có phong tục tập quán, nền văn hóa riêng. Phong trào công nhân ở mỗi quốc gia cũng khác nhau, nên đặt tên Đảng Cộng sản Việt nam là phù hợp với thực tế lịch sử và hơn thế nữa, đó còn là sự quán triệt và tôn trọng nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết về vận mệnh của dân tộc mình: Phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc⁴.

Sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc còn thể hiện rõ trong phương pháp hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đây là phương pháp tối ưu trong tình hình lúc bấy giờ. Cách làm của Nguyễn Ái Quốc đảm bảo nhanh gọn, giữ được đoàn kết nhưng vẫn giữ được tính nghiêm ngặt trong nguyên tắc hợp nhất thành lập Đảng.

Nguyễn Ái Quốc đã dự thảo các văn bản: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam và được thông qua ngày 07/02/1930. Tất cả hợp nhất thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, và cũng đã được công bố nhằm động viên, cổ vũ đảng viên và quần chúng tin tưởng, phấn khởi bước vào giai đoạn đấu tranh mới sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Cương lĩnh có tính sáng tạo, độc đáo được thể hiện qua việc đánh giá đúng đắn vấn đề dân tộc trong cách mạng thuộc địa. Cương lĩnh đã chỉ rõ hai mâu thuẫn cơ bản của cách mạng Việt Nam và chỉ rõ mâu thuẫn chủ yếu cần tập trung lực lượng để giải quyết là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược và tay sai. Trên cơ sở đó, Đảng chủ trương làm “*đấu tranh giai cấp*” để thực hiện “*cách mạng thổ địa*” và lật đổ bọn địa chủ phong kiến, giải phóng công nhân, nông dân thoát khỏi ách tư bản. Những mục tiêu về thiết lập một chính quyền mới, giành lấy tư bản từ tay giai cấp tư bản, tập trung công cụ sản xuất vào tay nhà nước vô sản... cũng được trình bày cụ thể trong Chánh cương vắn tắt của Đảng trên tất cả các phương diện xã hội, chính trị, kinh tế. Nhìn chung, Cương lĩnh đã giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc và dân chủ; mối quan hệ dân tộc và quốc tế; đồng thời chỉ ra rõ nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho

4. Nguyễn Đình Đài (2006), Nguyễn Ái Quốc sự sáng tạo trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Giá trị Lịch sử và hiện thực, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.115.

nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Cương lĩnh đã thể hiện rõ phương pháp cách mạng bạo lực, chỉ ra sự áp bức, bóc lột vô nhân đạo của đế quốc pháp đã làm cho nhân dân ta hiểu rằng “*có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết*”⁵. Cương lĩnh cũng đã chỉ rõ cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Xuyên suốt cương lĩnh đã thể hiện rõ “Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản”, đại diện cho quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc,

Sau khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, nhận thấy sự cần thiết và vai trò to lớn của Đảng Cộng sản đối với sự nghiệp cách mạng, trong điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến, giai cấp công nhân ít, giai cấp nông dân chiếm đa số, trình độ dân trí thấp... Việt Nam chưa từng có những tiền đề cơ bản cho sự ra đời của một Đảng Cộng sản như các nước phương Tây, Nguyễn Ái Quốc đã sáng tạo, kết hợp yếu tố dân tộc (chủ nghĩa yêu nước) với nhân tố giai cấp (chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân) để thành lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam - một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là cả một quá trình chuẩn bị công phu và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, mở ra thời đại phát triển mới cho dân tộc và cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc Việt Nam - một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân ra đời ở một nước thuộc địa nửa phong kiến do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh trong lò lửa đấu tranh cách mạng. Xuân này Đảng ta tròn 95 mùa Xuân. Trải qua gần trọn 95 năm, chúng ta càng thấy rõ hơn sự năng động, sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và vai trò to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong sự kiện mang tính bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam và của lịch sử dân tộc nói chung. ■

5. Nguyễn Đình Đài (2006), Nguyễn Ái Quốc sự sáng tạo trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Giá trị Lịch sử và hiện thực, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.127.

NHỮNG BÔNG HỒNG trong thời chiến

■ Bài và ảnh: NGUYỄN ĐỨC LỘC*

Nói về vai trò của chị em phụ nữ trong thời chiến, Lênin cho rằng: “*Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn, cũng biết làm việc nước như thế cách mệnh mới gọi là thành công*”. Trong tác phẩm “Đường Kách Mệnh” viết năm 1927, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng viết: “*Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi*” từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “*Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia*”.

Trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của quân và dân Thừa Thiên Huế, phụ nữ có vai trò hết sức quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Cùng chia lửa với tiền tuyến, phụ nữ ở hậu phương tích cực lao động sản xuất làm ra nhiều lúa gạo tiếp tế cho tiền tuyến, thi đua “giết giặc lập công”, tham gia dân quân du kích, tham gia liên lạc thư từ, biểu tình, bãi công, bãi khóa, bãi thị, tuyên truyền vạch trần mọi âm mưu thâm độc của kẻ địch, đấu tranh trên các mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa... gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Dưới đây là câu chuyện về những bông hồng trong thời chiến ở chiến trường Thừa Thiên Huế, những chứng nhân lịch sử đã từng tham gia dưới nhiều hình thức, nhiều mặt trận, nhiều lĩnh vực. Dù là ở hậu phương hay ra chiến trường tinh thần yêu nước, tinh thần cách mạng của họ cũng kiên trinh bất khuất không kém gì các đồng chí mảy râu.

* Lê Thị Đan (?-1910)

Cô là người làng Thế Lại Thượng nay thuộc phường Hương Vinh, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cô sinh trưởng trong một gia đình Nho giáo, dù là con gái nhưng cô vẫn được đi học, là người có tiếng nết na, tài hoa, đức hạnh đặc biệt cô có biệt tài văn thơ. Cô được Cụ Phan Bội Châu kết nạp vào Hội Duy Tân và được phân công làm công tác chấp nối liên lạc. Trong quá trình hoạt động, trải qua biết bao hiểm nguy, gian khổ trên tuyến đường miền Trung và miền Bắc, mọi việc của Hội như chuyển tài liệu, tiền bạc, chỉ đường, bắt nối liên lạc đều do cô đảm nhận. Vào năm 1908, cô bị bắt trên đường đi liên lạc, chúng đã tra khảo cô rất dã man nhưng cô vẫn một lòng son sắt, không tiết lộ một bí mật nào của tổ chức. Một hôm, cô đánh lừa bọn cai ngục để thừa dịp ở một mình, cô đã làm bài thơ để lại trên tường và dùng dây lưng tuần tiết tại nhà lao Quảng Trị (vào ngày 16/3 âm lịch năm Canh Tuất, tức ngày 25/4/1910).

Trong bài thơ tuyệt mệnh có câu:

“*Tới khi quét xong quân nghịch lỗ
Trước mộ xin nhớ báo tin vui*”

* ThS. Giám đốc Bảo tàng Lịch sử.

Do đảm đương công tác bí mật, nên công lao và sự hy sinh của cô Lê Thị Đàn lúc bấy giờ ít được biết đến. Sau này, cái chết liêm liệt ấy lần đầu tiên được cụ Phan Bội Châu kể lại trong cuốn “Việt Nam nghĩa liệt sĩ” xuất bản ở Thượng Hải (Trung Quốc) năm 1918, nên từ đó tên tuổi của cô mới được lưu truyền. Mãi gần 20 năm sau, cụ Phan Bội Châu khi cụ mua mảnh đất ở dốc Bến Ngự, cụ đã không quên người nữ anh hùng Lê Thị Đàn. Cụ đặt tên cho cô là Ấu Triệu (bà Triệu nhỏ) và dựng một Bi Đình trên mảnh đất mà cụ sinh sống. Trên bia khắc 4 chữ “Ấu Triệu Bi Đình”. Hiện nay tấm bia nằm trong khuôn viên di tích lưu niệm danh nhân Phan Bội Châu, tại 119 đường Phan Bội Châu, phường Trường An, thành phố Huế.

* **Trần Thị Thiển (1878-/1976)**

Mẹ Trần Thị Thiển sinh ra tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mẹ kết hôn với cụ ông Nguyễn Hán nên người dân ở đây thường gọi là cụ Bộ Hán. Cụ Nguyễn Hán tên thật là Nguyễn Khánh thuộc dòng họ Nguyễn Công ở làng Niêm Phò, xã Quảng Thọ, Quảng Điền. Cụ là người hiền lành, mẫu mực, giữ nghĩa tín với bà con, coi trọng việc học hành, hiểu phong tục lễ nghi, biết chữ Nho, mê thi phú, có chân trong hội Tư văn. Nhiều năm làm Hương bộ trông coi sổ sách, việc chung của Làng nên người dân nơi đây thường gọi là ông Bộ Hán. Mẹ Thiển là một người phụ nữ đảm đang, nề nếp, mẫu mực, cần cù lao động, yêu chồng thương con, chu toàn mọi việc nhưng tính tình không kém phần ngay thẳng. Ngay từ nhỏ Nguyễn Vịnh (Đại tướng Nguyễn Chí Thanh) đã chịu ảnh hưởng rất lớn bởi sự gan góc và kiên cường, dũng cảm của mẹ.



Bà Trần Thị Thiển cùng con cháu (Nguồn: tác giả)

Năm 1927 cụ Bộ Hán qua đời, mẹ Thiển ở vậy nuôi nấng đàn con nên người. Các con Nguyễn Hào, Nguyễn Du, Nguyễn Vịnh, Nguyễn Dĩnh lần lượt tham gia cách mạng mẹ không những nuôi nấng, ủng hộ các con làm cách mạng mà bản thân mẹ cũng rất hăng hái tham gia đấu tranh, tham gia các cuộc biểu tình.

Có một câu chuyện kể rằng: Trong một lần mẹ bị bắt và đánh đập tra khảo để khai thác thông tin về bốn người con tham gia cách mạng. Mẹ cứ lý sự theo kiểu người già, theo kiểu mẹ Thiển: “*chúng nó sống cả trên núi, lên đó mà bắt*”, hay “*chúng bây hỏi vì sao dội bom mãi mà không chết thì đi mà hỏi bom rằng lại hỏi tui*”, trước những câu trả lời thách thức như vậy, thằng đồn trưởng người Pháp liền hét lên: “*Bà đẻ ra một bầy Việt Minh đầu sỏ, tội bà là tội chết*”, nói xong nó liền rút súng hươ trước mặt mẹ. Mẹ hiên ngang ngẩng đầu nói: “*Mi cứ bắn tao đi, bắn đi*”. Thằng tây tức điên gí súng vào đầu, mẹ liền đưa tay chụp nòng súng của hắn gạt đi, hắn liền nỏ súng, một ngón tay của

mẹ bị bay mất, cả bàn tay dẫm máu. Tiếp đó, mẹ liền rảy máu vào mặt hấn mà cười gằn, thẳng Tây liền ôm mặt chạy, bọn hội tề cấp huyện thấy vậy liền kêu người tới băng bó tay rồi giam mẹ vào một căn hầm tối om. Hàng chục ngày không làm chi được, chúng đành phải thả mẹ về làng. Mẹ vốn dĩ là một người rất hiền lành nhưng với hoàn cảnh ấy mẹ lại có những hành động quyết liệt, gan góc và anh hùng đến vậy, tinh thần yêu nước, tinh thần của một bà mẹ Việt Nam quả thật đã tạo nên một sức mạnh khôn lường.

Sau này, khi mẹ ra Hà Nội, Bác Hồ trong dịp Người ghé chơi nhà Đại tướng Nguyễn Chí Thanh khi thấy mẹ Trần Thị Thiển với bàn tay phải chỉ có 4 ngón bị mất đi một ngón, Bác hỏi thăm: Sao thế mẹ, mẹ kể xong câu chuyện, nghe xong Bác Hồ xúc động ôm mẹ, nói rằng: *“Đúng là mẹ nào con nấy - một người mẹ như thế thì sinh ra ông con trai như thế là phải”*.

Có thể thấy, từ ngày ông Bộ Hán mất, mẹ ở một mình thêm 49 mùa xuân (1927-1976), dạy con khôn lớn, không nao núng trước những khó khăn, không khuất phục súng đạn luôn bền bỉ một lòng với quê hương, đất nước. Đúng là một bà mẹ Việt Nam anh hùng dù chưa một lần được trao danh hiệu.

Cuộc đời mỗi người mẹ Việt Nam là một câu chuyện, một hoàn cảnh riêng nhưng đều quy tụ lại một điểm chung chính là đức hy sinh, sự kiên cường, lòng quả cảm. Các mẹ đã cống hiến sức lực, tuổi xuân, tài sản lớn nhất là những đứa con cho Tổ quốc để đổi lấy sự trường tồn cho dân tộc, để đáng đứng Việt Nam vẫn mãi hiên ngang.

*** Hồ Thị Đơm (1940 -)**

Hồ Thị Đơm có tên gọi khác là Kẩn Đơm, sinh ở thôn Kẩn Tôm, xã Hồng Thượng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên. Tham gia cách mạng năm 1959, nhập ngũ năm 1966. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tên tuổi của nữ Anh hùng Kẩn Đơm vang dội khắp vùng đất A Lưới. Không một địa danh nào mà không có dấu chân của bà Kẩn Đơm. Nào là Hồng Hạ, A Ngo, nào là những trận đánh lớn ở làng Kẩn Tôm, Kơn Tút, Rapat, Khe Máu, đèo Mẹ Oi, Kim Quy, Mỏ Quạ, sông A Sáp, đèo A Bia... Trong đó, trận đánh đồi A Bia giữa vùng núi rừng gần biên giới Việt - Lào thuộc địa phận xã Hồng Bắc, huyện A Lưới là trận đánh ác liệt nhất ở vùng đất A Lưới mà Anh hùng Kẩn Đơm có công rất lớn. Kẩn Đơm chỉ huy một đại đội chiếm giữ được máy bay và pháo binh yểm trợ, diệt 51 tên địch, thu 8 súng và nhiều đồ dùng quân sự, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng (Riêng Kẩn Đơm diệt và làm bị thương 17 tên Mỹ).

Bà đã được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, ngày 20/12/1994 bà được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

*** Tiểu đội 11 cô gái Sông Hương**

Nguyên là một tiểu đội được thành lập tại làng Vân Thê, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, 11 cô du kích sông Hương (11 người con gái đã lấy dòng sông Hương đặt làm tên chung cho tiểu đội mình) lên đường nhập ngũ vào cái tuổi mười tám, đôi mươi. Ban đầu các cô được giao nhiệm vụ tải thương, dẫn đường cho bộ đội chủ lực vào thành phố. Những người con gái Huế với dáng vẻ bẽn lẽn ngoài thùy mị, đầm thắm nhưng bên trong là sự quật cường, gan dạ, kiên trung. Họ đã anh dũng chiến đấu đẩy lùi một tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ có xe tăng, máy bay yểm trợ ngay giữa mảnh đất Cố đô. Ngoài ra, nhiệm vụ chính của tiểu đội còn giúp cho bộ đội chủ lực tiểu đoàn K2 đặc công, và các đội biệt động nhắm đúng vào các mục tiêu, đánh địch, chiếm sở chỉ huy Phan Sào Nam, đánh vào khách

sạn Hương Giang, Ty Cảnh sát Việt Nam Cộng hòa, tiểu đoàn Cảnh sát dã chiến ở sân vận động Huế vào đêm mùng 1 Tết Mậu Thân năm 1968. Đặc biệt, ngày 12/2/1968, 11 cô gái sông Hương đã tổ chức đánh địch phản kích từ hướng Thuận An lên, đẩy lùi một tiểu đoàn bộ binh Mỹ, tiêu diệt 120 tên tại ngã ba chợ Cống, phường Phú Hội (thành phố Huế), góp phần giữ vững địa bàn và bảo toàn lực lượng cho bộ đội chủ lực. Các chị tiếp tục bám địa bàn, giữ vững tay súng, kiên cường chống địch và thuyết phục những binh lính Việt Nam Cộng hòa trở về với cách mạng không làm tay sai cho địch nữa.

Với thắng lợi đó, Bác Hồ đã gửi thư khen ngợi, trong đó có bốn câu thơ:

*Dũng dạc tay cầm khẩu súng trường
Không ngoan dòn trận khắp trong phòng
Bác khen các cháu dân quân gái
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương.*

*** Hoàng hậu Nam Phương (1914-1963)**

Bà tên thật là Nguyễn Hữu Thị Lan sinh tại huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường, nay là thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Bà là vợ vua Bảo Đại, là hoàng hậu cuối cùng của nhà Nguyễn. Mặc dù không sinh ra ở vùng đất Cố đô nhưng những việc làm của bà đã để lại những dấu ấn đẹp trên mảnh đất bà đã sinh sống với gia đình.



Nam Phương Hoàng Hậu (Nguyễn Hữu Thị Lan 1913 -1963) (Ảnh tư liệu)

Hôm ấy vào ngày 17/9/1945, bà Nam Phương đi dự khai mạc “Tuần lễ vàng” tổ chức tại bờ Nam sông Hương (gần Đài Phát thanh Huế trước đây). Bà mặc quần áo dài, khăn vành màu vàng, trên cổ đeo kiềng vàng, bông vàng đeo tai, hai cổ tay hai đôi xuyên vàng và mười ngón tay là mười chiếc nhẫn vàng, bà vừa đến thì buổi lễ bắt đầu. Bà là người đầu tiên được ông Phạm Doãn Điềm - Trưởng ban Tài chánh tỉnh Thừa Thiên, mời góp vàng để nuôi quân và mua súng đạn. Bà đến bên một cái bàn trải khăn đỏ, từ từ cời hết số vàng đang đeo đặt lên bàn. Tiếp đó, ông Trần Hữu Dực, thay mặt chính quyền Trung bộ mời bà chủ toạ “Tuần lễ vàng” ở Huế. Bà vui vẻ nhận lời, sau đó bà Nam Phương đã tuyên bố trước giới phụ nữ nước nhà: “*Chúng tôi rất vui mừng thấy chị em đã tiến rất mau trên con đường cứu nước... nay mai khi nào chị em có việc gì cần đến tôi, tôi sẽ rất sung sướng mà gánh lấy một phần công việc*”¹

“Tuần lễ vàng” kéo dài đến ngày 24/9/1945 các hào phú ở Huế noi gương bà Nam Phương đem vàng đi hiến tặng rất đông. Theo Báo Quyết chiến, nhân dân Huế góp được 925 lượng vàng. (Trong số 925 lượng vàng có vàng của hai người noi gương bà Nam Phương nộp nhiều nhất là ông Nguyễn Duy Quang - nguyên Ngự tiền Văn phòng của vua Bảo Đại (42 lượng) và ông Ứng Quang (40 lượng).. Đúng như nhận định của

1. Theo báo “Quyết Tiến” ngày 18/9/1945

Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Tuần lễ vàng sẽ tổ cho toàn quốc đồng bào và cho toàn thế giới biết: Trong khi các chiến sĩ quyết hy sinh giọt máu cuối cùng để giữ vững nền tự do, độc lập của nước nhà, thì đồng bào ở hậu phương nhất là những nhà giàu có, cũng có thể hy sinh được chút vàng để phụng sự Tổ quốc*”²

*** Đạm Phương (1881-1947)**

Bà Đạm Phương tên thật là Công nữ Đồng Canh. Bà là con gái của Hoàng Hóa Quận Vương Miên Triện. Năm 16 tuổi, bà xuất giá lấy ông Hàn Lâm viện Cung phụng Nguyễn Khoa Tú. Một trong những người con trai của bà là nhà văn nổi tiếng Hải Triều - Nguyễn Khoa Văn.

Bà lấy biệt hiệu Đạm Phương, năm 20 tuổi bà được mời vào Cung dạy cho các công chúa, nữ quan, cung nữ. Bà dạy giỏi và được Triều đình phong cho bà chức nữ sử nên bà thường ký tên là Đạm Phương nữ sử.

Nhưng bà nổi tiếng nhất về mặt hoạt động xã hội. Với sự khuyến khích của nhà yêu nước Phan Bội Châu, năm 1926, bà thành lập Trường Nữ công học hội. Trường Nữ công học hội là một tổ chức hội phụ nữ đầu tiên ở nước ta, từ chôn buồng the, từ nơi cung cấm, từ những công việc quần quanh trong bếp núc, từ những xó tối của kiếp cơ hàn, nhiều phụ nữ đã bước ra khỏi ngưỡng



Bà Đạm Phương (1881-1947) (Ảnh tư liệu)

cửa nhà mình, đã vươn tới hòa nhập cùng xã hội bằng những công việc mà hàng trăm năm trước đó chỉ nam giới mới được làm.

Sự ra đời của Hội Nữ Công đã thu hút đông đảo chị em tham gia vào các hoạt động xã hội, Hội đã giác ngộ tinh thần yêu nước, hướng chị em phụ nữ vào những hoạt động tích cực, chống lại các hủ tục, những ràng buộc lễ giáo phong kiến. Dù chỉ hoạt động trong một thời gian không lâu nhưng Nữ Công học hội tại Huế xứng đáng được xem là một mốc son trong việc giáo dục, tôn vinh thành công hình ảnh người phụ nữ những năm đầu thế kỷ XX, không chỉ đảm việc nhà, mà còn giỏi việc nước, mà tiêu biểu nhất là Đạm Phương nữ sử.

*** Đặng Thị Chè**

Một việc rất quan trọng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 là mở rộng hành lang và tăng cường cơ sở ở nội thành, xiết chặt các đầu mối liên lạc từ trong ra ngoài từ ngoài vào trong. Trong đó quan trọng nhất là công việc vận chuyển vũ khí, thuốc nổ vào Nội thành để vừa an toàn và bí mật. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và cân thận thì tổ chức xác nhận người có thể đảm nhiệm được công việc này trước hết là chị Đặng Thị Chè.

2. Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp “Tuần lễ vàng” 17/9/1945. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.16

Chị Đặng Thị Chè quê ở thôn Mỹ Xã, xã Quảng An, huyện Quảng Điền. Chồng đi tập kết, chị ở nhà nuôi con và trở thành một cơ sở cách mạng hoạt động rất tốt, Chị vừa làm ruộng vừa buôn bán vào ra thành phố đã thành lệ. Trước đây chị làm liên lạc đưa thư từ, móc nối các cơ sở và giới thiệu một số cơ sở mới cho cách mạng. Năm 1967, người con trai 14 tuổi của chị vào thành phố để nhập học đây cũng là cách chị nhập vào thành phố một cách hợp pháp. Vào thành phố chị trở thành cơ sở để nắm các thông tin tình hình bên trong, thi thoảng chị về quê mua lúa gạo lên thành phố bán cũng là dịp chị cung cấp thông tin thư từ và nhận nhiệm vụ mới.

Bước vào năm 1967, vấn đề chuyên chở vũ khí vào thành phố đặt ra cấp bách, nên sau khi hội ý xong tổ chức đã quyết định giao nhiệm vụ này cho chị Chè *“bây giờ nhu cầu tự vệ của anh em trong thành phố rất cao, cần phải tăng cường vũ khí, chị thấy cách gì thiết hay để đưa lọt vũ khí vào trong được”*, chị trả lời: *“Được thì cũng được nhưng không phải dễ”*. Sau khi suy tính thì phương án cuối cùng được thông qua, dùng lúa giấu vũ khí. Vào thời gian này địch rất muốn đưa lúa gạo vào thành phố, theo đó chị Chè đã mua 10 bao lúa gạo nhét vũ khí và thuốc nổ vào giữa và chắt lên một chiếc thuyền nan và đi giữa ban ngày trên dòng sông nhỏ trước mặt thôn Mỹ Xã. Chị vượt qua trạm kiểm soát của địch, đến bến 10 bao lúa được xếp vào chiếc canô thứ nhất, chị Chè ngồi canô thứ hai theo sau (làm như vậy nếu địch phát hiện ra vũ khí chứa trong bao gạo thì chị Chè cũng có cách để thoát được). Đến bến Tượng chị cho các bao lúa lên xe ba gác chở đến cơ sở của anh Phan Nam. Một may mắn cho chị vì mặt hàng lúa gạo địch đang cần nên không bị kiểm soát hay bị cản trở nên chuyến đi an toàn tuyệt đối *“Xong rồi các anh nhé, nhẹ cả người”*, chị Chè vừa cười vừa nói nhẹ nhàng.

Trên đây chỉ là một trong những câu chuyện nhỏ trong vô vàn những câu chuyện trong thời chiến, nhưng qua đó chúng ta thấy được dù là ở hoàn cảnh nào, vùng đất nào, thời đại nào từ bao đời nay hình ảnh người phụ nữ không chỉ hiện lên mỹ lệ, dịu dàng, đoan trang mà còn ngời ngời khí phách ■

NGUYỄN THỌ

Xuân tàn



*Nơi tình yêu bắt đầu
Mùa xuân về rực rỡ
Ngấn ngọc muôn sắc màu
Tay đan tay tình tứ.
Trên dòng sông quê mình
Vọng cầu hò mái dấy
Thuyền ai chở trăng vàng
Lững lờ trôi chớp sóng
Nhịp sinh tiền em gõ
Nghe theo dáng em ngồi
Lòng lữ khách chơi vơi
Xuân sang rồi em ạ !
Trên hai vai em đầy
Vườn ai hoàng mai nở
Nhịp nhàng chim én bay.*



HUẾ NỖ LỰC VÀ QUYẾT TÂM BẢO TỒN, PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA “TRÍ THỨC MAY, MẶC ÁO DÀI HUẾ”

■ PHAN THANH HẢI

Dúng ngày Di sản Văn hóa Việt Nam 23/11/2024, Huế đã long trọng tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Di sản phi vật thể quốc gia “Trí thức may và mặc áo dài Huế” đồng thời vinh danh những tổ chức, cá nhân đã có đóng góp tích cực trong việc bảo tồn, phát huy di sản quý báu này.

Áo Ngũ thân, tiền thân của áo dài Việt Nam hiện đại vốn ra đời ở Đàng Trong, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân. Đây là kết quả của sự sáng tạo của cư dân Việt trên con đường Nam tiến, mở rộng cương thổ đất nước về phía Nam. Từ năm 1744, vị chúa Nguyễn đời thứ 8 ở Đàng Trong là Nguyễn Phúc Khoát đã quyết định chọn loại trang phục này làm thường phục cho toàn thể nhân dân Đàng Trong (từ sông Gianh Quảng Bình đến hết vùng đất miền Nam hiện nay). Đầu thế kỷ XIX, trong thời kỳ đất nước thống nhất, Hoàng đế Minh Mạng lại tiếp tục chọn áo Ngũ thân làm trang phục chung cho toàn thể nhân dân Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ 1837-1945, áo Ngũ thân rất phổ biến ở cả hai miền Nam Bắc, và được xem là Quốc phục của người Việt.



Ảnh: Sở Văn hóa và Thể thao

Áo Ngũ thân được đánh giá là loại trang phục trang trọng, kín đáo và mang nhiều ý nghĩa rất nhân văn, rất phù hợp với vóc dáng hình thể cũng như tâm tư tình cảm của người Việt.

Trải qua thời gian dài hơn 300 năm, các thế hệ nghệ nhân xứ Huế đã tích lũy nhiều Tri thức may, mặc áo dài. Đó không chỉ thuần túy là chuyện áo quần mà đặc biệt đã được biểu tượng hóa rõ nét hệ chuẩn mực giá trị thẩm mỹ và đạo đức, luân lý của xã hội. Bước vào thời kỳ hiện đại, Áo dài Huế vẫn được nhiều đối tượng sử dụng, phổ biến nhất là học sinh, sinh viên, viên chức, thanh niên, rồi cả đến những lớp người trung niên, cao niên, chị em làm nghề buôn bán nhỏ ở các cửa hiệu, ở ngoài chợ... Các cô gái chọn màu áo trắng hay màu tím nhạt, các em học sinh, sinh viên chọn màu áo dài tím Huế thành màu đồng phục... Tà áo dài trắng, tím cùng với nón bài thơ luôn đi liền với hình bóng người phụ nữ Huế mọi lúc, mọi nơi, trong nhà, ngoài phố, trở thành một biểu tượng về vẻ đẹp xứ Huế.

Sự khác biệt lớn nhất của áo dài Huế so với các vùng miền khác trong cả nước là được nuôi dưỡng trên nền của một vùng văn hóa từng là Kinh đô của triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam. Nơi mà thẩm mỹ trang phục cung đình nhà Nguyễn với những điển chế nghiêm ngặt đã lan tỏa - giao thoa với thẩm mỹ dân gian để tạo nên những dấu ấn riêng biệt trên chiếc áo dài mà không dễ tìm thấy ở những vùng miền khác. Bên cạnh vẻ đẹp thanh lịch và trang nhã truyền thống, chiếc áo dài còn nhắc nhở người mặc về đạo lý làm người, nhắc nhở mỗi người dân Huế phải nâng niu, trân trọng, gìn giữ những giá trị truyền thống quý báu của ông cha để lại, tiếp tục phát huy và nâng cao hơn những giá trị tốt đẹp để lưu truyền cho mai sau.

Ở Xứ Huế, chiếc áo dài đã trở thành hình ảnh quen thuộc, thân thương, đi vào cuộc sống, gắn liền với nếp văn hóa, tập quán, xuất hiện trong mọi hoạt động lễ nghi, hội hè và cả trong đời thường ở vùng đất Cố đô. Đó còn là nguồn cảm hứng bất tận đi vào thơ, ca, nhạc, họa, trở thành biểu tượng của người phụ nữ Huế. Nhắc đến Huế, người ta nghĩ ngay đến vùng đất Kinh kỳ gắn liền với nhiều hoạt động lễ hội đa dạng, cùng với hình ảnh những tà áo dài truyền thống, đậm đà, duyên dáng. Rời khỏi nhà, phụ nữ Huế đều mặc áo dài. Bước chân vào cuộc sống, dầu cho đó

là đi học, đi chơi, đi chợ, chèo đò trên sông Hương, hay gánh gồng bán hàng, phụ nữ Huế cũng mặc áo dài. Ngày nay, tuy không giữ nguyên nếp cũ, nhưng tỷ lệ áo dài của phụ nữ Huế khi ra đường vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất của cả nước. Đàn ông Huế cũng thường sử dụng áo dài trong các hoạt động long trọng của mình như lễ cưới hỏi, giỗ chạp, cúng tế đình miếu, du xuân, ngày lễ, dịp tết... Mặc áo dài tạo cho người đàn ông có phong thái đỉnh đạc, oai phong, người phụ nữ duyên dáng, đoan trang. Áo dài tô thêm dáng vẻ trầm mặc duyên dáng của Huế. Người Huế đẹp hơn khi mặc áo dài. Và có lẽ nhờ người Huế, chiếc áo dài cũng trở nên đẹp hơn, quyến rũ và giàu bản sắc hơn.

Các hiệu may đo áo dài Huế chủ yếu phân bố tập trung tại các vùng Gia Hội - Chợ Dinh, Kim Long, Vĩ Dạ, Phú Cam... Đây là những vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, dân cư tập trung đông đúc và nơi sinh sống của các gia đình, dòng họ có truyền thống may đo áo dài Huế. Ngày nay, truyền thống may, mặc áo dài được nâng lên, tô điểm thêm bởi những nhà thiết kế, nhà may áo dài Huế nổi tiếng như Tân Nghiệp, Minh Tân, Mỹ Lệ, Thắm, Hùng, Đoan Trang, Phúc, Thảo Trang, Viêt Bảo, Quang Hòa, Thanh Châu, Xuân Thi, Phương Hoa, Thùy Trang, Cuộc, Trương Anh Hào, Bích Thủy, Hồng Đào, Đan Phương, Tuấn, Minh Tiến, Anh Bảo... Các khâu kỹ thuật cắt, may, luôn tà, làm nút đều được các nghệ nhân, người thợ may áo dài chăm chút thận trọng. Vì vậy, chiếc áo dài không đơn thuần là sản phẩm may mặc mà là cả một tác phẩm nghệ thuật, chứa đựng giá trị bản sắc văn hóa Huế.

Áo dài là minh chứng cho sự phát triển của trang phục Việt Nam, đồng thời cho thấy quá trình hội nhập và cả sự tác động của khoa học công nghệ dệt đã tạo nên sự đa dạng về chất liệu vải, màu sắc và họa tiết hoa văn phong phú cũng như nguyên phụ liệu quan trọng trong ngành thời trang. Vì thế, áo dài Huế không đơn thuần chỉ là những thiết kế mang giá trị truyền thống như ngày trước. Áo dài ngày nay đã trở thành đối tượng tạo ra sự cảm hứng trong nghệ thuật thiết kế giàu tính sáng tạo nghệ thuật phù hợp với tư duy mang dấu ấn cá nhân, thể hiện quan niệm thẩm mỹ độc lập. Lần đầu tiên lễ hội áo dài được tổ chức trong kỳ Festival Huế 2002, Huế tự hào là địa phương đầu tiên của Việt Nam tổ chức một lễ hội để tôn vinh vẻ đẹp của áo dài. Từ đó đến nay, liên tục và đều đặn các lễ hội áo dài được tổ chức không chỉ trong các kỳ festival. Cũng nhờ vậy, công chúng biết đến vẻ đẹp của áo dài nhiều hơn, áo dài Huế cũng đắt hàng theo, khách đến may áo dài lấy nhanh tăng đột biến. Áo dài Huế là sự kết hợp tổng hợp của các lĩnh vực dệt, may, thêu, hội họa, thiết kế, thời trang, đích thực là một sản phẩm văn hóa, hướng đến là một sản phẩm công nghiệp văn hoá để phục vụ du lịch. Huế từ nhiều năm qua, cùng với việc miễn phí vé cho du khách mặc áo dài vào tham quan Hoàng cung và các khu di tích, đã phát triển các điểm cho thuê áo dài với nhiều loại hình phong phú... Cơ sở cho thuê khá nhiều, doanh số lớn. Áo dài cũng trở thành sản phẩm du khách may trong ngày để có chiếc áo dài Huế ưa ý, hoặc món quà lưu niệm mua về tặng bạn bè, người thân. Điều này đã tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững nghề may đo áo dài và đem lại nhiều công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho các nghệ nhân và người lao động.

Trong vài năm trở lại đây, với vai trò chủ công của Sở Văn hóa và Thể thao, Thừa Thiên Huế đã phát động và đẩy mạnh việc gìn giữ và phục hưng áo dài truyền thống (bao gồm cả áo dài nam và áo dài nữ) không chỉ trong cộng đồng nhân dân mà còn cả

ở khối cơ quan nhà nước. Sở đã nỗ lực nghiên cứu, xây dựng và triển khai đề án “Huế - Kinh đô Áo dài Việt Nam” với nhiều nội dung phong phú. Ngày 29/3/2023, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra quyết định phê duyệt đề án này, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai có hiệu quả hoạt động quảng bá, tôn vinh áo dài Huế, thúc đẩy kinh tế, du lịch phát triển, khẳng định áo dài Huế trong cộng đồng quốc tế, hướng đến phát triển thương hiệu Huế - Kinh đô Áo dài.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành, đơn vị liên quan, đặc biệt là với sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng nhân dân, Đề án Huế Kinh đô áo dài Việt Nam đã được Sở Văn hóa và Thể thao triển khai với nhiều phương án và giải pháp đa dạng và đã đạt được những kết quả bước đầu tốt đẹp. Việc sử dụng áo dài trong các hoạt động của cộng đồng ngày càng trở nên phổ biến, các loại hình áo dài được nghiên cứu, phục hồi ngày càng phong phú, đặc biệt là các loại cổ phục từng gắn liền với đời sống cung đình và quý tộc từng một thuở lừng danh “Y quan Đường chế độ” (trang phục rực rỡ tựa thời Đường- triều đại được xem là cực thịnh về văn hóa của Trung Hoa)...

Hiện nay, Huế đang thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa một cách bền vững. Thiết kế, may đo Áo dài vừa là một ngành nghề thủ công lại vừa là một ngành thiết kế sáng tạo đặc biệt, tạo nên những sản phẩm ấn tượng và có tính phổ biến rất cao. Đó là chưa kể rất nhiều các loại phụ kiện, trang sức kèm theo chiếc áo dài. Ngoài ra, công nghiệp văn hóa áo dài còn tạo điều kiện phát triển các ngành khác như sản xuất hàng lưu niệm, đồ chơi, phụ kiện, điện ảnh, mỹ thuật... Đây chính là hướng phát triển công nghiệp văn hóa, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, mang lại nguồn thu cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, vừa bảo tồn, lan tỏa giá trị mang đậm bản sắc văn hóa Huế. Có thể nói, việc phát triển thương hiệu áo dài Huế ra nước ngoài không chỉ đơn thuần là kinh doanh mà còn là kênh quảng bá văn hóa truyền thống hữu hiệu nhất. Đồng thời, áo dài cũng là vật phẩm lưu niệm đầy ý nghĩa dành cho khách du lịch trong nước, quốc tế và những người yêu văn hóa Việt, là niềm tự hào và hãnh diện của người Việt Nam khi giới thiệu đến bạn bè thế giới.

Cùng với việc triển khai đề án Huế Kinh đô áo dài Việt Nam, Sở Văn hóa và Thể thao đã tập trung khảo sát, nghiên cứu xây dựng hồ sơ về nghề may đo và tập quán sử dụng áo dài đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Sau gần 3 năm bền bỉ, nỗ lực, hồ sơ đã được bảo vệ thành công. Ngày 9/8/2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Quyết định số 2320/QĐ-BVHTTDL chính thức ghi danh di sản này với tên gọi “Tri thức May và Mặc áo dài Huế”.

Vinh dự và tự hào khi Huế là địa phương đầu tiên có di sản Áo dài được vinh danh. Đây là di sản chung của cộng đồng, do cộng đồng nắm giữ và chung tay bảo vệ, phát huy giá trị.

Trong thời gian tới, Huế sẽ tiếp tục nỗ lực, quyết tâm bảo tồn, phát huy và lan tỏa hơn nữa giá trị của Áo dài trong cuộc sống đương đại. Đồng thời sẽ đề xuất lãnh đạo thành phố Huế và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép tiến hành việc xây dựng bộ hồ sơ khoa học “Tri thức may, mặc Áo dài Huế” đệ trình UNESCO xem xét ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại ■

NHỮNG DI SẢN HUẾ ĐƯỢC VINH DANH TRONG NĂM 2024*

■ NGUYỄN THỊ LỢI

Ngày 30 tháng 11 năm 2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương. Theo đó, từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, Việt Nam sẽ có 06 thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ và Thành phố Huế. Việc các di sản văn hóa Huế liên tục được vinh danh càng góp phần khẳng định mục tiêu xây dựng thành phố Huế trực thuộc trung ương với mô hình đô thị di sản, sinh thái, cảnh quan thân thiện môi trường và thông minh..., giải quyết hài hòa công tác bảo tồn và phát triển sẽ tạo tiền đề cho Huế giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đặc sắc của Việt Nam.

Kể từ khi Quần thể Di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới năm 2003, đến nay Huế còn có 7 di sản văn hóa phi vật thể và tư liệu khác gắn liền với vùng đất Huế nói chung và triều Nguyễn nói riêng đã được UNESCO vinh danh: Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Huế, Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ Việt Nam, Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại); Châu bản triều Nguyễn, Mộc bản triều Nguyễn; Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế, Những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế (Di sản tư liệu). Ngoài ra còn có 6 di sản văn hóa phi vật thể đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Ca Huế (Nghệ thuật trình diễn dân gian), Nghề dệt Dèng của dân tộc Tà Ôi (Nghề thủ công truyền thống), Lễ hội truyền thống AĐaKoonh (Mừng lúa mới) của người Pa Cô (Lễ hội truyền thống), Tri thức may, mặc áo dài Huế (Tri thức dân gian), Nghề làm bún Vân Cù (Nghề thủ công truyền thống), Lễ hội điện Huệ Nam (Lễ hội truyền thống). Điều đặc biệt, chỉ trong năm 2024, Huế đã có thêm 01 di sản tư liệu được UNESCO vinh danh và 03 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.



Sở Văn hóa và Thể thao Huế trong tà áo dài truyền thống

Tri thức may, mặc áo dài Huế (Tri thức dân gian), Nghề làm bún Vân Cù (Nghề thủ công truyền thống), Lễ hội điện Huệ Nam (Lễ hội truyền thống). Điều đặc biệt, chỉ trong năm 2024, Huế đã có thêm 01 di sản tư liệu được UNESCO vinh danh và 03 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

1. Những bản đúc nổi trên 09 đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế

Những bản đúc nổi trên 09 đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế là dương bản duy nhất,

* Bài viết được biên soạn dựa trên nội dung Bộ hồ sơ khoa học: Những bản đúc nổi trên 09 đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế, Tri thức may, mặc áo dài Huế, Nghề làm bún Vân Cù, Lễ hội điện Huệ Nam được lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế.

hiện đặt trước sân Thế Tổ Miếu trong Hoàng cung Huế, gồm 162 hình ảnh và chữ Hán được vua Minh Mạng cho đúc tại Huế vào năm 1835 và hoàn thành năm 1837. Đây là nguồn tư liệu độc đáo, quý hiếm bởi nó mang giá trị nội dung về lịch sử, văn hóa - giáo dục, địa lý, phong thủy, y dược, nghệ thuật thư pháp. Đặc biệt là đề cao thân phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, vua Minh Mạng đã dùng hình thức đặt tên người phụ nữ lên dòng kênh để ghi dấu công lao, điều mà rất hiếm thấy dưới chế độ phong kiến. Đáng lưu ý nhất là nghệ thuật đúc đồng và kỹ thuật của người thợ để tạo nên tác phẩm đặc sắc, độc đáo. Do ảnh hưởng sâu đậm nền văn hóa phương Đông về quan niệm con số “9” nên vua Minh Mạng đã cho đúc 09 đỉnh là bao hàm ý nghĩa tính thống nhất và trường tồn của triều đại. Các bản đúc nổi trên 09 đỉnh đồng đảm bảo tính nguyên vẹn, là “nhân chứng” lịch sử chứng kiến sự thăng trầm của triều đại, và điều quan trọng nhất là di sản tư liệu này được thể hiện dưới dạng hình ảnh và chữ Hán vẫn còn nguyên vẹn và ngay cả vị trí đặt 09 chiếc đỉnh cũng chưa từng bị dịch chuyển.

Những bản đúc nổi trên 09 đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế còn lưu trữ các giá trị về mối quan hệ giao thoa và tiếp xúc văn hóa xã hội của đất nước Việt Nam với các quốc gia trong khu vực Đông Á.

Ngày 08 tháng 05 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 10 diễn ra ở Thành phố Ulan Bator (Mông Cổ), “Những bản đúc nổi trên 09 đỉnh đồng ở Hoàng cung Huế” chính thức được ghi danh vào Danh mục Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

2. Tri thức may, mặc áo dài Huế

Năm 1744, sau khi xưng Vương ở phủ chính Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã ban hành nhiều chính sách, tổ chức lại bộ máy và đề cập đến việc cải cách triều phục. Chiếc Áo dài được chú trọng, trân quý và trở thành trang phục chính của người dân ở vùng đất Đàng Trong, khẳng định tính tự chủ trong văn hóa. Từ năm 1826 đến năm 1837, chính vua Minh Mạng đã quyết liệt thay đổi trang phục trong cả nước; từ đó, chiếc Áo dài được áp dụng rộng rãi và thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Trang phục áo dài không chỉ thuần túy là chuyện áo quần mà đặc biệt đã được biểu tượng hóa rõ nét hệ chuẩn mực giá trị thẩm mỹ và đạo đức, luân lý của xã hội, gắn liền việc phân định danh phận, vị thế, vai trò cá nhân, giai tầng trong xã hội. Áo dài Huế được nhiều đối tượng sử dụng, trước nhất là học sinh, sinh viên, viên chức, thanh niên, rồi cả đến những lớp người trung niên, người già, chị em làm nghề buôn bán nhỏ ở các cửa hiệu, ở ngoài chợ... Các cô gái chọn màu áo trắng hay màu tím nhạt, các em học sinh, sinh viên chọn màu áo dài tím Huế thành màu đồng phục... Tà áo dài trắng, tím cùng với nón bài thơ luôn đi liền với hình bóng người phụ nữ Huế mọi lúc, mọi nơi, trong nhà, ngoài phố.

Sự khác biệt lớn nhất của áo dài Huế so với các vùng miền khác trong cả nước là được nuôi dưỡng trên nền của một vùng văn hóa từng là Kinh đô cuối cùng của triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam. Nơi mà thẩm mỹ trang phục cung đình nhà Nguyễn với những điển chế nghiêm ngặt đã lan tỏa - giao thoa với thẩm mỹ dân gian để tạo nên những dấu ấn riêng biệt trên chiếc áo dài mà không dễ tìm thấy ở những vùng đất khác. Bên cạnh vẻ đẹp thanh lịch và trang nhã truyền thống, chiếc áo dài còn nhắc nhở người mặc về đạo lý làm người, nhắc nhở mỗi người dân Huế phải nâng niu, trân trọng, gìn giữ những giá trị truyền thống quý báu của ông cha để lại, tiếp tục phát huy và nâng cao hơn những giá trị tốt đẹp để lưu truyền cho mai sau.

Vùng đất xứ Huế, nơi chiếc áo dài đã trở thành hình ảnh quen thuộc, thân thương, đi vào cuộc sống, gắn liền với nếp văn hóa, tập quán, xuất hiện trong mọi hoạt động lễ

nghi, hội hè và cả trong đời thường ở vùng đất Cố đô. Đó còn là nguồn cảm hứng bất tận đi vào thơ, ca, nhạc, họa, trở thành biểu tượng của người phụ nữ Huế. Nhắc đến Huế, người ta nghĩ ngay đến vùng đất Kinh kỳ gắn liền với nhiều hoạt động lễ hội đa dạng, cùng với hình ảnh những tà áo dài truyền thống, đậm đà, duyên dáng. Ngày nay, tuy không giữ nguyên nếp cũ, nhưng tỷ lệ áo dài của phụ nữ Huế khi ra đường vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất của cả nước. Đàn ông Huế cũng thường sử dụng áo dài trong các hoạt động long trọng của mình như lễ cưới hỏi, giỗ chạp, cúng tế đình miếu, du xuân dịp tết... tạo cho người đàn ông có phong thái đĩnh đạc, người phụ nữ duyên dáng, đoan trang. Áo dài tô thêm dáng vẻ trầm mặc của Huế.

Các hiệu may đo áo dài Huế chủ yếu phân bố tập trung tại các vùng Gia Hội - Chợ Dinh, Kim Long, Vĩ Dạ, Phủ Cam... Đây là những vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, dân cư tập trung đông đúc và nơi sinh sống của các gia đình, dòng họ có truyền thống may đo áo dài Huế. Áo dài là minh chứng cho sự phát triển của trang phục Việt Nam, đồng thời cho thấy quá trình hội nhập và cả sự tác động của khoa học công nghệ dệt đã tạo nên sự đa dạng về chất liệu vải, màu sắc và họa tiết hoa văn phong phú cũng như nguyên phụ liệu quan trọng trong ngành thời trang. Vì thế, áo dài Huế không đơn thuần chỉ là những thiết kế mang giá trị truyền thống như ngày trước. Áo dài ngày nay đã trở thành đối tượng tạo ra sự cảm hứng trong nghệ thuật thiết kế giàu tính sáng tạo nghệ thuật phù hợp với tư duy mang dấu ấn cá nhân, thể hiện quan niệm thẩm mỹ độc lập.

Với giá trị tiêu biểu, Tri thức may, mặc áo dài Huế vừa được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 2320/QĐ-BVHTTDL ngày 09/8/2024.

3. Nghề làm bún Vân Cù

Vân Cù (nay thuộc thôn Vân Cù - Nam Thanh, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, thành phố Huế) là một làng nghề thủ công truyền thống làm bún có lịch sử lâu đời và nổi tiếng ở Thừa Thiên Huế, vẫn được duy trì và phát triển đến ngày nay. Lịch sử hình thành làng Vân Cù và quá trình ra đời nghề thủ công làm bún gắn bó chặt chẽ với bối cảnh lịch sử chung sự ra đời làng xã, làng nghề vùng Thuận Hóa, đặc biệt là các làng xã lân cận ven sông Bồ vùng Hương Trà và Đan Điền, nay là thị xã Hương Trà và huyện Quảng Điền.

Nghề làm bún Vân Cù phản ánh bản sắc địa phương, là tinh hoa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, các sản phẩm thủ công truyền thống nghề bún không chỉ là hàng hóa thuần túy kinh tế mà còn là mang tính sáng tạo và nghệ thuật, phản ánh phong tục, tập quán, tín ngưỡng của các cộng đồng người dân Vân Cù. Bên cạnh đó còn là nền tảng truyền thống đạo đức trong các phép tắc, lễ nghĩa và các quan hệ ứng xử cũng như văn học dân gian làng xã. Bún làng Vân Cù đã trở thành niềm tự hào của người dân nơi đây, mang lại giá trị tinh thần to lớn cho đời sống cư dân bên cạnh giá trị kinh tế.

Nghề làm bún làng Vân Cù là kết tinh của kinh nghiệm, tri thức, kỹ thuật, quy trình sản xuất được hình thành qua hàng trăm năm, là sản phẩm có bề dày lịch sử của văn hoá xứ Huế, gắn với cộng đồng làng xã ven sông Bồ, được lưu giữ trong các nghệ nhân và những người thực hành nghề. Nghề làm bún gắn với làng Vân Cù từ lịch sử hình thành dân cư và phát triển kinh tế, là một bộ phận của làng Việt cổ truyền ở miền Trung, đã tạo ra nhiều sản phẩm ẩm thực phổ biến không chỉ có giá trị về hàng hoá mà còn có nhiều giá trị về văn hoá và lịch sử, con người nơi đây. Đó là các giá trị tinh thần



Sản phẩm bún Vân Cù

của nghề làm bún gắn với đời sống của cư dân, cảnh quan làng xã, môi trường sống, cùng các hệ thống giá trị và chuẩn mực, lối sống, phong tục tập quán, lễ hội, lễ tế Bà Bún,... tạo thành một “bảo tàng sống” về truyền thống văn hóa.

Bún làng Vân Cù với lịch sử lâu đời, với nhiều sản phẩm phong phú và chất lượng, đã từ lâu đóng vai trò cung cấp nguyên liệu chính để làm nên

những món ăn phổ biến và nổi tiếng, qua đó góp phần tạo sự đa dạng, phong phú của ẩm thực Huế nói riêng và Việt Nam nói chung. Bún không chỉ là món ăn dân dã, thích hợp với khẩu vị của rất nhiều người, từ sản phẩm của bún có thể chế biến, kết hợp thành nhiều món ẩm thực hấp dẫn. Phân loại các món ăn từ bún dựa trên các tiêu chí là cơ sở của một hệ thực đơn rất phong phú và đa dạng, đặc sắc và độc đáo như: bún nước và bún khô, bún trộn, bún xào; bún mặn và bún chay,...

Văn hóa ẩm thực gắn với bún Huế cũng được thể hiện qua cách người Huế đãi khách ăn sáng ở những quán bún ngon nổi tiếng theo hương vị truyền thống, mời khách đến chơi nhà ở lại dùng bữa cơm với gia chủ chỉ cần mua thêm cân bún về đãi khách cũng thể hiện sự trân trọng thân quý khách. Hiện nay có các món ăn từ bún phổ biến như bún bò (thịt, gân), bún heo (giò, thịt), bún hến, bún mắm nêm, bún nghệ, bún cá (cá nưê, cá nục,...), bún ốc, bún chả (chả thịt, chả cua,...), bún vịt, bún huyết (huyết vịt, lợn,...), bún hải sản (mực, tôm, cua, giấm nước,...), bún chay, bún đậu mắm tôm, bún riêu cua, bún chả cá, bún thịt nướng, bún xì dầu, canh mướp ngọt nấu bún... Có rất nhiều và phổ biến các món ăn từ bún kết hợp với 1 số nguyên liệu khác có tác dụng chữa một số bệnh thông thường, hàng ngày như bún xào ném, xào nghệ, xào hẹ, xào tiêu ớt, xào lòng nghệ, xào khế... Huế còn nổi tiếng với món bún chay. Như một cách tự nhiên, bún góp phần định hình danh tiếng của Huế so với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, với 3 món ăn đặc trưng là phở Hà Nội, bún bò Huế, hủ tiếu Sài Gòn.

Bún Vân Cù đã góp một phần vào sự phát triển của nghề chế biến lương thực, thực phẩm, tạo sức bật cho nền ẩm thực Huế nói riêng, ẩm thực Việt Nam nói chung có thể tiến xa hơn tới các quốc gia trên thế giới, góp phần giới thiệu những tinh hoa ẩm thực và xây dựng đất nước phát triển. Nghề làm bún với bao tâm huyết của người làm nghề, vì vậy không chỉ góp phần làm nên sự nổi tiếng của địa danh Vân Cù, mà còn góp phần quan trọng tạo nên thương hiệu của Huế nức tiếng gần xa: Bún Huế, Bún bò Huế.

Với những giá trị độc đáo, ngày 10 tháng 12 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3979/QĐ-BVHTTDL đưa Nghề thủ công truyền thống: Nghề làm bún Vân Cù vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

4. Lễ hội điện Huệ Nam

Lễ hội điện Huệ Nam được tổ chức tại địa điểm chính là điện Huệ Nam tọa lạc tại làng Hải Cát, phường Long Hồ, quận Phú Xuân, thành phố Huế. Ngoài ra, lễ hội này

còn diễn ra tại Thánh đường 352 Chi Lăng, phường Phú Hậu và đình làng Hải Cát phường Long Hồ, quận Phú Xuân, thành phố Huế.

Lễ hội điện Huệ Nam đã trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài, cũng từng ở giai đoạn hưng thịnh và suy thoái cùng với các biến thiên của lịch sử. Với những giá trị mà lễ hội mang lại cũng như sự tham gia đông đảo và nhiệt tình đã khẳng định sức sống mạnh mẽ và trường tồn của lễ hội điện Huệ Nam. Lễ hội này giai đoạn đầu chỉ diễn ra trong phạm vi điện Huệ Nam, rồi sau có sự tham gia của dân làng Hải Cát và dần dần phổ biến rộng rãi trong nhân dân, góp phần nuôi dưỡng, phát triển và bảo vệ khi bước vào giai đoạn suy thoái, nay đã trở thành một lễ hội truyền thống và mang bản sắc của các Thánh môn đệ tử thờ Mẫu ở Việt Nam, nó cũng đã trở thành sản phẩm văn hóa tiêu biểu cho vùng đất Huế. Lễ hội điện Huệ Nam đã có sức lan tỏa mạnh mẽ trong nhiều vùng miền trong cả nước.

Tuy trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, nhưng lễ hội điện Huệ Nam vẫn diễn ra đều đặn một năm hai lần vào tháng 3 và tháng 7 âm lịch, với các hình thức quan trọng là lễ cung nghinh Thánh Mẫu và chư vị tại Thánh đường 352 Chi Lăng thông qua đám rước bằng đường bộ, đường thủy, lễ Cáo yết, lễ Chánh tế tại điện Huệ Nam và đình làng Hải Cát, sinh hoạt tín ngưỡng, thực hiện nghi lễ hầu đồng trên các bồng án. Lễ hội điện Huệ Nam thể hiện được tầm ảnh hưởng, quy mô với sự tham gia đông đảo cộng đồng Thánh môn đệ tử của Mẫu và du khách thập phương trong và ngoài nước đến tham dự lễ hội.

Lần đầu tiên trong khuôn khổ Festival Huế 2022, lễ hội điện Huệ Nam tháng 3 tổ chức nghi lễ cung nghinh Thánh Mẫu, Hội đồng Tứ phủ bằng đường bộ nhằm tái hiện và xây dựng một Carnival dân gian độc đáo và có quy mô lớn. Đây cũng chính là cơ sở để Ban tổ chức lễ hội điện Huệ Nam cũng như cộng đồng tín ngưỡng thờ Mẫu tiếp tục duy trì nghi lễ này bằng đường bộ (2 năm một lần), đúng như hình thức mà các thế hệ tiền nhân đã từng thực hiện. Có thể nói, lễ hội truyền thống này đã đưa mọi người xích lại gần nhau hơn, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc.

Lễ hội điện Huệ Nam là một hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng dân gian, nhằm thỏa mãn những nhu cầu văn hóa tâm linh, tín ngưỡng và góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa của địa phương. Lễ hội là sự biểu thị đức tin của con người trong không gian tâm linh, nhằm bày tỏ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, lòng hiếu kính với thần linh bằng các hoạt động đáp tạ cụ thể, tạo nên phương tiện kết nối giữa con người với thế lực siêu nhiên. Theo đó, những nghi thức như lễ cung nghinh Thánh Mẫu và chư vị, lễ cáo yết, lễ chánh tế, hầu đồng cũng như những lễ vật mà con người dâng lên Mẫu là những sản vật do chính họ làm ra từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi hoặc đánh bắt được... là minh chứng sinh động của sự kính trọng thánh môn đệ tử đối với đấng thần linh. Thông qua phần hội, ranh giới giữa thần linh với người trần có sự gần gũi hơn, vừa có thể tìm được nhau trong một lối đối thoại mà tưởng như đó là những câu nói của người thân đang quan tâm đến niềm vui nỗi buồn của nhau.

Với những giá trị độc đáo, ngày 10 tháng 12 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3981/QĐ-BVHTTDL đưa Lễ hội truyền thống: Lễ hội điện Huệ Nam vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Những di sản Huế được vinh danh càng góp phần khẳng định mục tiêu xây dựng thành phố Huế trực thuộc trung ương với mô hình đô thị di sản, sinh thái, cảnh quan thân thiện môi trường và thông minh... giải quyết hài hòa công tác bảo tồn và phát triển sẽ tạo tiền đề cho Huế giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đặc sắc của Việt Nam ■

SAU DI SẢN QUỐC GIA, ÁO DÀI HUẾ HƯỚNG ĐẾN DI SẢN NHÂN LOẠI

■ Thực hiện phỏng vấn: NHẬT MINH



Ông Phan Thanh Hải

“Tri thức may, mặc áo dài Huế” vừa được ghi danh, trở thành Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia không chỉ là vinh dự, tự hào mà còn khẳng định áo dài Huế luôn mang đậm giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, có sức sống mãnh liệt trong suốt chiều dài lịch sử - ông Phan Thanh Hải, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao đã nhấn mạnh như thế với Văn hóa Huế về câu chuyện áo dài vừa được ghi danh.

Ông Hải cho biết: Gần 5 năm qua, nỗ lực bảo tồn và phát huy giá trị áo dài Huế không chỉ được kiên trì thực hiện

thông qua nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa của ngành văn hóa, nghệ nhân, nhà thiết kế và cộng đồng yêu áo dài tại Huế, mà còn lan tỏa trong phạm vi cả nước. Và rồi di sản này đã được Nhà nước ghi nhận và vinh danh”.

Được biết, trước đó tên gọi được trình lên là “Nghề may đo áo dài và tập quán sử dụng áo dài truyền thống Huế”. Thế nhưng khi được công nhận lại là gọi “Tri thức may, mặc áo dài Huế”. Khái niệm này khiến nhiều người băn khoăn, vậy ông có thể giải thích rõ hơn?

Đúng là giữa tên gọi trong hồ sơ trình của Huế và Quyết định công bố của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có sự khác nhau. Tuy nhiên, về mặt ngữ nghĩa, tên gọi “Tri thức may, mặc áo dài Huế” hay “Nghề may đo áo dài và tập quán sử dụng áo dài truyền thống Huế” đều có ý nghĩa giống nhau, đều phản ánh những thuộc tính của áo dài Huế, là “tri thức may, đo” và “tập quán mặc áo dài của người Huế”. Đó còn là những giá trị di sản văn hóa phi vật thể đang được lưu giữ, thực hành, trao truyền những tri thức may, mặc áo dài Huế trong cộng đồng trong suốt thời gian qua trên vùng đất Huế.

Việc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trao danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “Tri thức may, mặc áo dài Huế” đã mở ra cho Huế nhiều cơ hội trong việc bảo tồn và phát huy áo dài Huế trong đời sống đương đại, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam, văn hóa Huế thông qua hình ảnh áo dài Huế.

Quá trình tiến hành thực hiện hồ sơ này diễn ra như thế nào, thưa ông?

Việc xây dựng hồ sơ di sản áo dài cũng như các di sản vật thể và phi vật thể khác thời gian qua được tiến hành nghiêm túc, khoa học, đảm bảo các bước theo quy định. Quá trình xây dựng hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao luôn nhận được sự chỉ đạo chặt chẽ của UBND tỉnh, sự quan tâm hỗ trợ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, sự phối hợp của các cấp, các ngành, các nhà thiết kế, nghệ nhân, các cơ sở may đo áo dài trên địa bàn tỉnh.



Những giá trị văn hóa, lịch sử của áo dài từng gắn với vùng đất Cố đô Huế; hình ảnh áo dài và những ảnh hưởng mang dấu ấn sâu đậm trong đời sống của người dân xứ Huế... là những thuận lợi cơ bản khi xây dựng hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể về áo dài Huế. Cùng với đó là sự nỗ lực của ngành Văn hóa và Thể

thao, sự đồng hành của các cơ quan, ban ngành, nhà nghiên cứu, nghệ nhân, những con người yêu quý di sản văn hóa, yêu quý áo dài; đặc biệt sau khi Đề án “Huế - Kinh đô áo dài” được UBND tỉnh (nay là UBND) thành phố phê duyệt, đã tạo động lực để chúng tôi nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

Chúng tôi đã rất nỗ lực để làm tốt công tác truyền thông, tổ chức nhiều sự kiện, hoạt động liên quan đến áo dài, nhằm lan tỏa nét đẹp và giá trị văn hóa, lịch sử của áo dài Huế, để cộng đồng thấy được lợi ích của việc khôi phục hình ảnh áo dài trong cuộc sống đương đại, thúc đẩy văn hóa, du lịch phát triển.

Sau khi được ghi danh Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, chiến lược quảng bá và phát huy giá trị loại hình di sản này sẽ được thực hiện ra sao, thưa ông?

Những năm qua, hoạt động tuyên truyền, quảng bá áo dài được chúng tôi khởi xướng đã có ý nghĩa lớn trong việc định hình, nhận thức đúng đắn về quốc phục Việt Nam đối với người dân.

“Tri thức may, mặc áo dài Huế” được vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia càng chứng tỏ rằng việc quảng bá áo dài của ngành Văn hóa đã đi đúng hướng và đạt được kết quả nhất định. Chúng tôi luôn xác định nhất quán việc quảng bá áo dài là một hạng mục rất quan trọng luôn được thực hiện xuyên suốt trong quá trình triển khai Đề án “Huế - Kinh đô áo dài”.

Đặc biệt, sau khi Di sản văn hóa phi vật thể này được ghi danh, ngành càng quyết tâm và đẩy mạnh hơn nữa, nỗ lực cùng các ngành, địa phương tích cực phối hợp xây dựng hình ảnh, tăng cường truyền thông, quảng bá áo dài thông qua việc triển khai các nội dung, hạng mục rất phong phú và đa dạng trong Đề án “Huế - Kinh đô áo dài” theo lộ trình đã được phê duyệt; khẳng định Huế là cái nôi sinh ra, nuôi dưỡng và phát triển của áo dài truyền thống Việt Nam.

Còn với những nghệ nhân, doanh nghiệp liên quan đến may mặc ở Huế, tin vui này có ý nghĩa như thế nào?

Huế có hàng chục làng nghề truyền thống và nhiều ngành nghề khác nhau, và đến nay, đã có Dệt Dèng và “Tri thức may, mặc áo dài Huế” được vinh danh là Di sản văn

hóa quốc gia. Đây chính là minh chứng cho nghề may đo và tập quán sử dụng áo dài Huế đã được khẳng định giá trị trên bình diện quốc gia. Điều này có ý nghĩa hết sức to lớn, là niềm tự hào nghề nghiệp đối với cộng đồng may mặc không chỉ ở Huế mà còn trên phạm vi cả nước.

Sự kiện có ý nghĩa này sẽ tạo một làn gió mới, là động lực thúc đẩy các nghệ nhân, nhà thiết kế, các doanh nghiệp liên quan đến may mặc tâm huyết, nỗ lực phân công hiến, để tiếp tục khẳng định giá trị độc đáo, riêng có, không ngừng nâng cao vị thế và tầm ảnh hưởng của áo dài Huế không chỉ trong nước mà mở rộng phạm vi ra quốc tế. Đây còn là cơ hội tốt để họ phát triển nghề, xây dựng và nâng cao thương hiệu của cá nhân, doanh nghiệp mình. Địa phương cũng có cơ hội để đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa mà áo dài sẽ là một trong những sản phẩm chủ lực...

Nhân dịp này, chúng tôi trân trọng cảm ơn những đóng góp tích cực của các nghệ nhân, nhà thiết kế, doanh nghiệp - những người nắm giữ các tri thức về may áo dài Huế, đã tâm huyết gìn giữ, chia sẻ nghề may áo dài với những tri thức vô cùng đặc biệt để Huế có được di sản quý báu của ngày hôm nay.

Như ông từng chia sẻ, sau khi được đưa vào danh mục Di sản Quốc gia, Sở sẽ tham mưu báo cáo UBND thành phố tiến hành các thủ tục, hồ sơ, đăng ký, đệ trình UNESCO xem xét, ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Vậy ông có thể chia sẻ đôi điều về hành trình này?

Việc xây dựng hồ sơ đăng ký, đệ trình UNESCO xem xét, ghi danh áo dài là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại cần có lộ trình cụ thể và phải tuân thủ các quy trình chặt chẽ, đồng thời có sự nỗ lực của các cơ quan, ban ngành, địa phương liên quan. Hiện nay, chúng tôi cũng đang tham mưu cho UBND thành phố lựa chọn danh mục các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Huế để đưa vào kế hoạch xây dựng hồ sơ, do đó cũng cần cân nhắc về nguồn lực và lộ trình triển khai cụ thể.

Tôi vẫn luôn tin rằng, với sự chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, sự quan tâm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cùng với sự hỗ trợ, đồng hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, áo dài Huế sẽ sớm được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại trong thời gian sớm nhất.

Để áo dài lan tỏa trong đời sống đúng nghĩa, ngoài danh phận và những danh hiệu được công nhận, ở góc nhìn của ông, điều gì quan trọng nhất?

Di sản văn hóa phi vật thể do cộng đồng nắm giữ thì cộng đồng phải tham gia trực tiếp vào công tác bảo tồn, phát huy, phát triển với tư cách là chủ thể. Do vậy, cộng đồng nắm giữ di sản cần ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình, nhanh chóng tiếp cận và chủ động tham gia vào hành trình bảo tồn và phát huy giá trị tri thức dân gian đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Việc bảo tồn, phát huy giá trị cần xuất phát từ hai giá trị tri thức dân gian, đó là “may mặc” và “tập quán sử dụng”, hai giá trị này cần được thực hiện song song.

Di sản văn hóa phi vật thể về áo dài Huế được vinh danh là cơ sở cực kỳ quan trọng, đem lại cơ hội cho nghề may đo và tập quán mặc áo dài Huế phát triển. Cùng với đề án “Huế - Kinh đô áo dài” đang được ngành Văn hóa và các cấp, các ngành tích cực triển khai, chúng tôi hy vọng áo dài Huế sẽ có “đất” để phát triển và tiếp tục khẳng định được thương hiệu, vị thế.

Xin cảm ơn ông về cuộc trò chuyện! ■

THĂM PHỦ ĐỊNH VIỄN QUẬN VƯƠNG NHỚ HỘI CHỢ XUÂN GIA LẠC

■ Bài và ảnh TRẦN VĂN DŨNG*

Lễ hội mùa Xuân xứ Huế không chỉ là nét đẹp văn hóa truyền thống, mà còn là không gian để người dân, du khách ngưỡng vọng bậc tiền nhân, cầu mong một năm mới an lành và hiểu thêm những giá trị lịch sử mà ông cha để lại. Và nhắc đến lễ hội mùa Xuân thì người ta thường nghĩ ngay đến hội chợ xuân Gia Lạc diễn ra trong ba ngày tết Nguyên Đán do ông hoàng Định Viễn Quận Vương sáng lập luôn là điểm đến được du khách thập phương dành thời gian tìm về. Người ta tìm đến hội chợ Xuân này để cầu may mắn, đồng thời là dịp để hiểu biết thêm những phong tục cổ truyền và nét văn hóa truyền thống rất riêng của người dân tại mảnh đất Đế đô. Bài viết này nhằm phác thảo chân dung ông hoàng Định Viễn Quận vương say mê kinh doanh và nghệ thuật hát tuồng cũng như dấu ấn văn hóa về hội chợ xuân Gia Lạc từ xưa cho đến nay.



Cổng phủ Định Viễn Quận vương

1. Vị hoàng tử có tấm lòng trung hậu

Hoàng tử Nguyễn Phúc Bính 阮福荃 sinh ngày 16 tháng 7 năm Đinh Tỵ (tức ngày 6/9/1797) tại Gia Định, là con trai thứ 6 của vua Gia Long với đức từ Tiệp dư Dương Thị Sự¹. Do thường xuyên hợp tác làm ăn, buôn bán với các thương nhân nên hoàng tử

* TS. Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Dân gian

1. Đức từ Tiệp dư Dương Thị Sự 楊氏事 (1777-1833) là con gái của Tuyên Uy tướng quân Dương Trung, người huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Năm 1790, đức từ vào hầu vua Gia Long, rồi được phong làm Tài nhân. Sau khi mất, đức từ được vua Minh Mạng truy tặng tước vị Tiệp dư.

Bính có phong cách cởi mở, gần gũi và tiếp xúc với nhiều người, nhiều giới. Quốc sử quán triều Nguyễn còn nhận xét ông hoàng Bính là một người có lòng trung hậu, thanh khiết và kính giữ chức phiên vương².

Thuở nhỏ ông hoàng Bính có tính cách hiếu động, nghịch ngợm khiến vua Gia Long phiền lòng và nhiều lần trách phạt. Hoàng huynh Nguyễn Phúc Đảm, sau này là vua Minh Mạng đã phải nhiều lần đứng ra xin vua cha tha tội hoặc xử nhẹ hình phạt cho em. Nhưng sau này lớn lên, hoàng tử Bính lại tu tâm dưỡng tính, lo học hành và biết giữ lễ nên được vua Gia Long hết sức khen ngợi³. Đến năm Gia Long thứ 16 (1817), hoàng tử Bính được triều đình tấn phong tước vị Định Viễn Công 定遠公 khi mới 20 tuổi. Tước hiệu này được đặt theo tên phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long. Và tước phong này chỉ là trên danh nghĩa, chứ ông hoàng Định Viễn không có thực quyền ở vùng đất ban phong.

Sau này, vua Minh Mạng lên ngôi cũng rất ưu hậu đối với hoàng thân Định Viễn Công, cứ 5 ngày một lần sai người đến phủ đệ hỏi thăm, khi rồi việc triều chính thì thỉnh thoảng đến chơi⁴. Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhân dịp hoàng thân Định Viễn tổ chức mừng thọ 40 tuổi, vua sai lấy các vật phẩm trong kho Nội phủ gồm các thứ đồ bằng ngọc và thủy tinh, 1 hòm chè, 12 cuộn gấm hoa, 1 bộ tách uống rượu, 1 đôi giày đồ thêu hình con mãng để ban tặng⁵. Đến năm thứ 21 (1840), vua Minh Mạng còn cho đúc một con bạch trạch bằng vàng nặng 6 lạng 9 đồng cân ban tặng cho hoàng thân Định Viễn Công.

Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), vua xuống dụ miễn cho hoàng thân Định Viễn Công khỏi phải lạy ngày thường châu, trừ khi triều hội và các điển lễ lớn⁶. Sang năm (1844), hoàng thân Định Viễn Công theo vua Thiệu Trị ngự giá Bắc tuần, được sung chức Ngự tiền Thân thần thay vua nhận sắc của sứ nhà Thanh đem sang, khi vua hồi loan thì hoàng thân Định Viễn được thưởng rất hậu⁷. Cũng trong năm này, triều đình tổ chức lễ tế trời đất ở đàn Nam Giao. Lễ xong, vua Thiệu Trị ban thưởng thêm cho hoàng thân Định Viễn Công một đồng kim tiền lớn hạng nhất đề chữ “Long vân khế hội”⁸. Năm 1846, nhân dịp mừng thọ 50 tuổi của hoàng thân Định Viễn, vua Thiệu Trị sai quan mang phẩm vật gồm 1 hình nộm lão tiên bằng trúc, 1 thứ đồ bằng vàng ngọc, 1 đôi bát đĩa bằng vàng, nắp bằng pha lê, 50 lạng bạc, 15 súc đoạn thêu, 1 bộ ấm chè vẽ vàng của nước ngoài, 1 bộ tách uống rượu bằng pha lê của nước ngoài, 1 hòm chè Tàu, 1 hòm rượu Tây⁹.

Ngoài hoàng tử Bính, đức từ Dương Thị Sứ còn sinh hạ hoàng nữ Ngọc Cửu 玉玖 (1802-1846), về sau được truy tặng An Lễ công chúa 安禮公主.

2. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), Đại Nam liệt truyện, Tập 3, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 93.

3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), Đại Nam liệt truyện, Tập 3, Tlđđ, tr. 93.

4. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 2, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 59.

5. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 4, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 978.

6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 6, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 66.

7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), Đại Nam liệt truyện, Tập 3, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 93.

8. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 6, Tlđđ, tr. 578.

9. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 6, Tlđđ, tr. 904.

Ngày 3 tháng 7 năm Quý Hợi (tức ngày 16/8/1863), đức ông Định Viễn Công qua đời, hưởng thọ 67 tuổi. Ngày đức ông Định Viễn mất, vua Tự Đức nghe tin vô cùng thương tiếc, nghỉ châu 3 ngày, truy tặng cho đức ông tước vị Định Viễn Quận vương 定遠郡王, ban thụy là Đôn Lượng 敦諒, cấp cho con cháu 10 mẫu ruộng để thu hoa lợi lo việc thờ cúng hàng năm được chu toàn¹⁰.

Viên tẩm đức ông Định Viễn Quận vương được an táng tại làng Nguyệt Biều (nay thuộc xóm Trung Thượng¹¹, phường Thủy Biều, thành phố Huế). Quy cách xây dựng tẩm mộ đức ông theo quy chế tước vị Quận vương với các đơn nguyên kiến trúc chính như la thành, cổng, bình phong tiền - hậu, án thờ, nắm mộ và bia mộ. Kiến trúc viên tẩm gồm 2 lớp tường thành (thành ngoại cao hơn thành nội) xây gạch đá bao bọc theo dạng hình chữ nhật, phía trước mở một cửa theo lối nguyệt môn, mái cửa đắp giả ngói nhiều lớp, và trên cổng có đắp nổi các ô học nhưng để trống. Qua cửa vòm là bình phong tiền nằm chính giữa trục thần đạo, với chức năng che chắn tất cả yếu tố bất lợi xâm nhập vào bên trong tẩm mộ. Tiếp đến là án thờ (hương án) nằm ở trước tẩm mộ, đây là nơi đặt bát nhang và thiết soạn quả phẩm phục vụ việc cúng bái. Nắm mộ nằm ở vị trí quan trọng nhất trong tổng thể tẩm mộ. Kiểu mộ hình trúc cách (hay còn gọi là Long đình) được tạo tác bằng đá thanh, đây là mô hình thu nhỏ của một ngôi nhà truyền thống có hai mái xuôi, bờ nóc không trang trí và được xây trên liếp mộ hình chữ nhật khá thấp. Bia mộ gắn ở vị trí chính giữa tẩm mộ khắc ghi dòng chữ: “Định Viễn Quận vương thụy Đôn Lượng chi tẩm - 定遠郡王諡敦諒之寢”. Cuối cùng là bình phong hậu gắn liền với thành nội và được giạt cao hơn so với la thành. Xung quanh viên tẩm đức ông Định Viễn được bao bọc bởi cánh đồng lúa tạo nên một khung cảnh thanh bình và thoáng đạt.

Đức ông Định Viễn Quận vương khai mở ra phòng 6 thuộc Đệ Nhất chánh hệ và được vua Minh Mạng ngự ban cho bài Phiên hệ thi để làm chữ lót đặt tên cho con cháu hậu duệ trong phủ - phòng.

Tịnh Hòa Chiêm Viễn Ái - 靖懷瞻遠愛

Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Kha - 景仰茂歲珂

Nghiêm Khác Do Trung Đạt - 儼恪由衷達

Liên Trung Tập Cát Đa - 連忠集吉多¹².

Đức ông có 42 con trai và 31 con gái. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày sơ lược vài nét về hành trạng một số con cháu hậu duệ của đức ông được triều đình phong tước và bổ nhiệm làm quan trong triều.

Công tử Tịnh Cơ 靜基 (1815-1854) là con trai trưởng của đức ông Định Viễn Quận vương với bà Phùng Thị Tú. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), ông được triều đình ân phong tước Bái Trạch Đình hầu.

Công tử Tịnh Phường 靜坊 (?-?) là con trai thứ 3 của đức ông Định Viễn Quận vương. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), ông được triều đình ân phong tước Phụng Quốc khanh.

Công tử Tịnh Long 靜隆 (?-?) là con trai thứ 9 của đức ông Định Viễn Quận vương. Năm Tự Đức thứ 26 (1873), ông được triều đình ân phong tước Phụng Quốc khanh.

10. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 7, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 818.

11. Dân gian còn gọi là xóm Định Viễn.

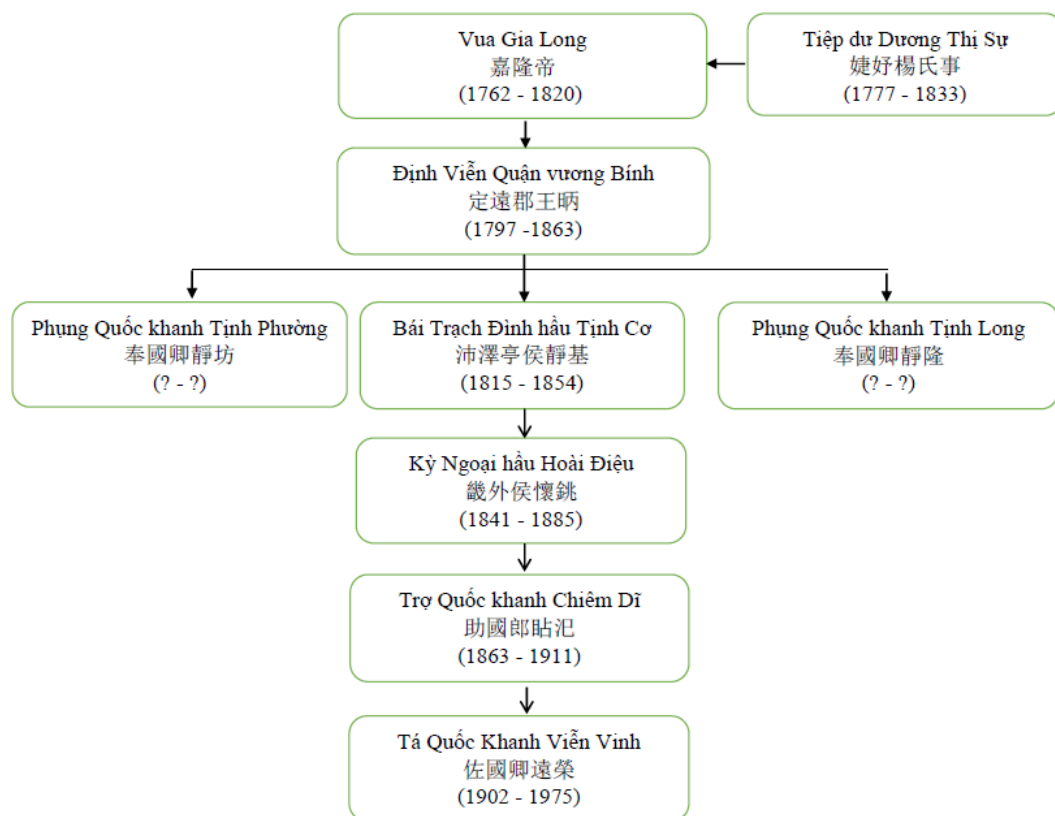
12. Tôn Thất Cồn (1943), *Hoàng tộc lược biên*, Nxb Imprimerie Nguyễn Văn Của, Sài Gòn, tr. 6.

Công tử Tịnh Kỳ¹³ 靜劄 (?-?) là con trai thứ 24 của đức ông Định Viễn Quận vương. Trong một bài viết về cổ nhạc đăng trên tạp chí Nam Phong, cụ Phó bảng Hoàng Yên đã nhận xét công tử Tịnh Kỳ là một tay đàn cự phách, đặc biệt đánh đàn Tranh, đàn Tỳ rất hay¹⁴.

Công tôn Hoài Diệu 懷鈞 (1841-1885) là con trai thứ 3 của Bái Trạch Đình hầu Tịnh Cơ với bà Nguyễn Công Thị Tịnh. Ông được triều đình tập phong tước Kỳ Ngoại hầu.

Công tôn Hoài Diễm 懷鈺 (?-?) là con trai trưởng của Công tử Tịnh Thuật. Ông lần lượt được bổ nhiệm các chức vụ quan trọng như Quản biện Thị vệ (1899), Bộ chánh Quảng Bình (1900), Tham tri bộ Binh (1906). Năm Duy Tân thứ 2 (1908), ông được triều đình thăng vinh hàm Thượng thư bộ Binh.

Công tôn Hoài Trấp 懷升, tức Viên Thành thiền sư 員成禪師 (1879-1928) là con trai thứ 2 của Công tử Tịnh Quy với bà Vũ Thị Dần. Ông xuất gia năm 1895 khi 16 tuổi tại chùa Ba La Mật và học với thiền sư Viên Giác (cũng là anh rể bên hàng bác)¹⁵



Sơ đồ phả hệ tại phủ Định Viễn Quận vương

13. Công tử Tịnh Kỳ còn gọi tên khác là Tịnh Kỳ.

14. Hoàng Yên (1921), “Cầm học tầm nguyên: Khảo về nghề đàn ở nước ta”, Tạp chí Nam Phong, Hà Nội, tr. 385.

15. Sư Viên Giác tức Bộ chánh Nguyễn Khoa Luận (1834-1900), kết duyên với cả hai người con gái của Công tử Tịnh Cơ (anh của Công tử Tịnh Quy) là Công Tôn Nữ Thị Tư, tên gọi khác Thị Thứ (1839-1899) và Công Tôn Nữ Thị Trung, tên gọi khác Thị Xuân (1851-1930). Trong đó, bà Công Tôn Nữ Thị Tư là người đứng ra khởi dựng chùa Ba La Mật vào năm Đồng khánh nguyên niên (1886).

cho đến khi thiền sư viên tịch (1900). Năm 1901, ông thọ giới trong giới đàn Phú Yên và đỗ đầu trong giới tử. Năm 1923, ông lập chùa Trà Am gần tháp thiền sư Viên Giác, dưới chân núi Ngũ Phong, ấp Tứ Tây, làng An Cựu. Công tôn Hoài Tráp là một người uyên thâm giáo lý nhà Phật, và cũng là một nhà thơ lớn, với tác phẩm “Lược ước từng sao” nổi tiếng.

Công tăng tôn Chiêm Dĩ¹⁶ 沾汜 (1863-1911) là con trai trưởng của Kỳ Ngoại hầu Hoài Diệu với bà Nguyễn Gia Thị Mai. Năm Kiến Phúc nguyên niên (1884), ông được triều đình tập phong tước Trợ Quốc khanh.

Công tăng tôn Chiêm Thiết 沾沔 (?-?) là con trai của Thượng thư Hoài Diễn. Ông từng đảm trách một số chức vụ quan trọng như Tri phủ Quảng Trạch, Án Sát Bình Định, Bô chánh Bình Định. Sau khi về hưu, Chiêm Thiết được triều đình thăng vinh hàm Tham tri bộ Binh.

Công huyền tôn Viễn Vinh 遠榮 (1902-1975) là con trai trưởng của Trợ Quốc khanh Chiêm Dĩ với bà Nguyễn Đức Thị Võ. Năm Khải Định thứ 6 (1921), ông được triều đình tập phong tước Tá Quốc khanh.

2. Dấu xưa vương phủ

Đến tuổi trưởng thành, đức ông Định Viễn được vua Gia Long cho phép ra ở riêng. Đức ông chọn đất lập phủ đệ tại ấp Tây Thượng (thuộc làng Dương Nỗ), đối diện với bến đò Chợ Dinh (thuộc phố Gia Hội - Chợ Dinh), là khu vực sầm uất bậc nhất của Kinh đô Huế, nơi tập nập của thuyền bè từ khắp nơi chở hàng đến Kinh thành để giao lưu buôn bán. Phủ Định Viễn



Nội thất phủ thờ Định Viễn Quận vương

là một quần thể kiến trúc tòa ngang, dãy dọc bề thế, có quan lại và binh lính phục dịch. Ngoài ra, phủ còn được trang bị súng thần công và voi chiến để canh phòng cẩn mật. Tuy nhiên đến năm 1832, vua Minh Mạng đã ban lệnh tịch thu voi chiến tại các phủ đệ để sung vào lực lượng tượng binh. Sách “Đại Nam thực lục” có đoạn chép: “Vua cho rằng, voi trận không như trâu ngựa, tư gia không được nuôi riêng. Vì vậy, các hoàng đệ là Kiến An công Đài, Định Viễn công Bính, Diên Khánh công Tấn mỗi người được ban cho một thớt voi từ khoảng niên hiệu Gia Long đều đem nộp trả cả¹⁷.”

Trải qua thời gian và những biến cố thăng trầm của lịch sử, phủ Định Viễn được trùng tu và sửa chữa nhiều lần, nhưng vẫn giữ được những giá trị cổ kính. Theo chân ông Viễn Tương, chúng tôi đến thăm ngôi phủ đệ vang bóng một thời này. Phủ Định Viễn Quận vương hiện tọa lạc tại địa chỉ số 17 tổ 5 (thuộc phường Phú Thượng, thành

16. Công tăng tôn Chiêm Dĩ có tên gọi khác là Chiêm Nhĩ 沾耳

17. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 3, Tlđd, tr. 433.

phủ Huế), trên khu đất có diện tích hơn 1.000m², mặt nhìn về hướng Nam. Diện mạo phủ hiện nay là kết quả của lần trùng tu lớn vào năm 2003.

Lối vào phủ là một cổng vòm cuốn kiểu nguyệt môn được xây dựng bằng gạch vôi vữa, có phần trán cổng nhô cao giả kiểu thức cổ lầu. Cổng có 2 cánh cửa bằng gỗ. Ở mặt trước cổng, phía trên vòm cổng trang trí nề đắp nổi biển ngạch dạng cuốn thư đề 3 chữ “Định Viễn phủ - 定遠府”. Tả hữu cổng trang trí câu đối:

南國王朝封定遠

北河御駕賜親臣

Phiên âm:

Nam quốc vương triều phong Định Viễn;

Bắc hà ngự giá tứ Thân thân.

Tạm dịch:

Vương triều nước Nam phong tước Định Viễn;

Ngự giá Bắc Hà sung chức Thân thân.

Qua cổng chính sẽ thấy bức bình phong che chắn nhà thờ chính. Cấu trúc bình phong có dạng cuốn thư cách điệu, và nằm trên đề. Chính giữa bình phong trang trí biểu tượng lưỡng long châu nhật, thủy ba (sóng nước). Mặt ngoài bình phong có đắp nổi câu đối bằng chữ Hán viết:

乾坤興再造而江山增媚

日月映重光之景色添春

Phiên âm:

Càn khôn hưng tái tạo nhi giang sơn tăng mị;

Nhật nguyệt ánh trùng quang chi cảnh sắc thêm xuân.

Tạm dịch:

Trời đất hưng tái tạo mà núi sông thêm đẹp;

Nhật nguyệt sáng càng sáng cho cảnh sắc thêm xuân.

Công trình kiến trúc chính của phủ Định Viễn Quận vương là một tòa nhà theo kiểu thức trùng thiềm điệp ốc gồm tiền đường ba gian, chính đường ba gian hai chái, theo đúng phong cách nhà rường Huế, mái lợp ngói liệt, nóc mái đắp các chi tiết trang trí bằng nghệ thuật khảm sành sứ với chủ đề lưỡng long châu nhật. Bộ khung sườn nhà bằng gỗ và những bộ vì kèo được chạm trổ tinh tế. Không gian nội thất chính đường của phủ Định Viễn tương ứng với ba căn chủ yếu dành cho việc thờ phụng và thực hành các nghi lễ tế tự. Gian giữa thờ đức ông Định Viễn Quận vương, gian bên trái (nhìn ra) thờ đức từ Tiệp dư Dương Thị Sự và gian bên phải thờ Đức bà Minh Nghĩa Thái trưởng công chúa¹⁸ cùng các bà phủ thiếp.

Phía trên liên ba gian giữa có treo bức hoành sơn son thếp vàng đề chữ “Định Viễn Quận vương từ đường - 定遠郡王祠堂”, với dòng lạc khoản: “Tự Đức nhị thập tứ niên thập nhị nguyệt cát nhật chỉ chuẩn cải tạo - 嗣德二十四年十二月吉日旨準改造 (Ngày lành tháng 12 niên hiệu Tự Đức năm thứ 24 [1871], chuẩn cho sửa sang).

18. Đức bà Minh Nghĩa Thái trưởng công chúa Ngọc Tuyên 明義太長公主玉璿 (1764-1782) là con gái thứ 3 của Đức Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế, mẹ là Nguyễn Từ phi, chị ruột của Hiếu Khang Hoàng hậu Nguyễn Thị Hoàn. Đức bà là em khác mẹ với vua Gia Long. Do không có con nên vua Gia Long cho ông hoàng Định Viễn trông coi việc thờ phụng. Về vai vế, ông hoàng Định Viễn gọi Đức bà bằng cô.



Bức hoành đề chữ “Định Viễn Quận vương từ đường”
Hai cột trước gian giữa treo đôi liễn bằng gỗ đề chữ Hán:

肯構肯堂克昌厥後
美輪美奐載錫之光

Khẳng cấu khẳng đường khắc xương quyết hậu;
Mỹ luân mỹ hoán tải tích chi quang.

Tạm dịch:

Con nối nghiệp cha, tốt đẹp truyền muôn đời sau;
Cao đẹp lộng lẫy, chờ công tích mãi sáng ngời.

Dòng lạc khoản đề: “Long phi Canh Dần cát đán tạo - 龍飛庚寅吉旦造” (Long phi, Ngày tốt năm Canh Dần chế tạo).

Sau bao nhiêu năm tháng, những bức hoành phi, đôi liễn, hương án, khám thờ, lô bộ sơn son thiếp vàng được thiết trí trong phủ Định Viễn vẫn thế, vẫn uy nghiêm và lộng lẫy, dấu ấn vàng son của một thời lịch sử huy hoàng vẫn còn gần như nguyên vẹn.

3. Kinh doanh phát đạt và giàu có

Lúc bấy giờ, hầu hết các ông hoàng, bà chúa triều Nguyễn chỉ thích theo đuổi lối học từ chương, trọng nghề nông và không quan tâm đến việc kinh doanh thương mại, nhưng ông hoàng Định Viễn đã quyết định chọn cho mình một lối đi riêng, dù đi ngược lại với tư tưởng của nhà vua và triều thần bấy giờ. Với vị trí tọa lạc của phủ Định Viễn đảm bảo các yếu tố thuận lợi: cận thị, cận giang, cận lộ, cận kinh và cận bến đò Chợ Dinh cho sự phát triển thương mại, đồng thời quan sát thấy nhiều thuyền buôn người Việt và thậm chí có thương thuyền Trung Quốc, Nhật Bản và phương Tây phải neo đậu dài ngày tại bến đò Chợ Dinh để chờ bán hết hàng hóa mới có thể lại mua hàng chở đi, ông hoàng Định Viễn đã nảy ra ý tưởng cho dựng dãy nhà kho với các dụng cụ chứa trữ cần thiết ở gần bến đò, đồng thời huy động lực lượng các đội thuộc binh tinh nhuệ tổ chức canh gác, bảo vệ. Sau đó, ông hoàng Định Viễn tổ chức mua sỉ hàng hóa như gốm sứ, vải lụa, giấy bút, dược liệu, lương thực thực phẩm, ... cho các thuyền buôn với giá cả hợp lý, rồi hàng được bốc xếp ngay vào kho. Các thuyền buôn bán hàng cho ông hoàng nhưng chưa lấy tiền ngay, chuyển sau chờ hàng tới lấy tiền chuyển trước. Cứ như

vậy, họ khỏi phải mất công đợi chờ tốn kém mệt mỏi, tiền có thể thu vào chậm nhưng bù lại hàng hóa lại được quay vòng nhanh. Đôi bên hợp tác làm ăn cùng có lợi nên đến gần tết thì các thuyền buôn chờ đến những tặng phẩm quý để dâng lên ông hoàng. Từ đó, danh tiếng của ông hoàng Định Viễn vang xa và thương nhân kéo đến mua bán ở bến đò Chợ Dinh rất tập nập. Nhờ vậy mà hoạt động thương mại tại phố Gia Hội - Chợ Dinh càng thêm phồn thịnh. Tuy nhiên, mối quan hệ làm ăn với Hoa thương cũng khiến ông hoàng Định Viễn không ít lần bị liên lụy bởi những hành động vi phạm pháp luật của họ. Điển hình vào năm 1830, thương nhân Trung Quốc là Phan Huy Ký đến làm môn hạ cho đức ông Định Viễn, lợi dụng sự tin tưởng và thân tín nên mượn thuyền của ông hoàng đi buôn mong được trốn thuế quan. Nhưng hành động phạm pháp này của hoa thương Phan Huy Ký đã bị quan quân phát giác, Bộ Hình đem chuyện ấy tâu lên vua Minh Mạng. Nhà vua trách mắng: “Định Viễn Công là bậc họ thân của nhà nước, đáng nên giữ mình ngay thẳng cẩn thận để giữ tiếng tốt, thế mà lại nhẹ dạ cả tin người bậy, lời xằng, cho làm môn thuộc, để nó cậy thế làm gian, cũng không phải là không có lỗi. Vậy phạt bổng thân công 6 tháng”¹⁹.

Theo “Ngọc hệ thế phổ” của phòng Định Viễn Quận vương cho biết đức ông còn thân chinh vượt biển sang tận Nhật Bản để tìm hiểu thị trường, kết hợp xuất nhập khẩu nhiều loại hàng hoá²⁰. Nhờ vào sự uy tín, địa vị và sự sòng phẳng trong giao dịch của ông hoàng Định Viễn đã khiến công việc làm ăn, buôn bán của ông hoàng ngày càng trở nên phát đạt, và liên tục thu lợi nhuận hậu hĩnh. Đức ông nhanh chóng trở nên giàu có nhất trong số các ông hoàng lúc bấy giờ, đến mức hoàng huynh của ông, tức vua Minh Mạng đã từng ngợi khen: “Phú bất như Định Viễn” (Không ai giàu bằng ông hoàng Định Viễn). Và cũng bởi vì sự giàu sang phú quý mà ông hoàng Định Viễn có một nếp sống và sinh hoạt không ai theo kịp.

Kế tục truyền thống kinh doanh của gia tộc, Viễn Đệ 遠欸 (1902-2003), con trai trưởng của Tham tri Chiêm Thiết, hậu duệ đời thứ 5 của Định Viễn Quận vương cũng nổi tiếng là một doanh nhân có nhân cách lớn, đã có nhiều đóng góp về văn hóa và kinh tế trong giai đoạn đất nước chưa giành được độc lập. Từ những thành công trên bước đường dựng nghiệp, ông tham gia tích cực vào phong trào chấn hưng thực nghiệp với việc thành lập Công ty Viễn Đệ chuyên sản xuất, kinh doanh dầu khuynh diệp, nước hoa mùi hương và nhà in Viễn Đệ. Ngoài ra, Viễn Đệ còn làm Giám đốc Nhà máy vôi Long Thọ và sáng lập các tờ báo “Việt Nam Phụ Nữ”, “Kim Lai tạp chí”.

4. Đam mê nghệ thuật Tuồng

Với cơ nghiệp giàu có từ việc kinh doanh buôn bán, ông hoàng Định Viễn đã nuôi những đoàn hát tuồng trong phủ, và thiết lập hẳn một rạp hát tuồng riêng tại phủ đệ để biểu diễn cho con cháu và người dân địa phương cùng xem. Từ đó, rạp của ông hoàng Định Viễn trở nên nổi tiếng khắp Kinh thành.

Chính niềm say mê tuồng hát quá đà của hoàng thân Định Viễn đã dẫn đến hành động vi phạm luật pháp. Đó là sự việc xảy ra vào năm 1822, đức ông Định Viễn gọi thợ làm mũ vào phủ để chế tạo mũ cho các con hát. Người thợ làm mũ vì thời tiết mưa lụt không đến đúng hẹn, ông giận bắt đánh roi người đó. Thêm sự Nội vụ là Hồ Hữu Thắm đem việc đó tâu lên. Vua Minh Mạng gọi Định Viễn Công vào cung, quở mắng và răn dạy rằng: “Em

19. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 2, Tlđđ, tr. 58.

20. Phòng Định Viễn Quận vương (1987), Ngọc hệ thế phổ, Viễn Bồn biên soạn, tr. 15.

nay 26 tuổi không còn nhỏ bé nữa, sao không bỏ cái tính trẻ con để đến đức thành nhân, cứ cam tự xử ngu đại hết sức như thế. Em còn nhớ năm trước bắt con người ta làm con hát bị Hoàng khảo quở không? Ngày ấy anh van khóc hết sức xin cho, Hoàng khảo vẫn không vì tình riêng mà bỏ phép công, rốt cuộc em bị đánh roi. Nay em có tội, trong anh em có ai xin cho đâu. Ví thử có người xin, anh thương mà tha thì phép công làm sao? Há chẳng là làm nặng thêm tội cho anh ư? Nếu theo luật mà trị thì tình xương thịt làm sao? Há chẳng làm đau lòng cho anh ư? Ấy đều là anh chẳng dạy được em, trên đã đặt tội với Liệt thánh cùng Hoàng khảo, dưới lại đặt tội với thần dân, lưu trong sử sách, nghìn đời về sau sẽ cho anh là người thế nào? Và anh có ngày nay là Hoàng khảo để lại nghiệp rất lớn, giao cho việc rất khó, cho nên sợ lo nơm nớp, không dám khinh thường chút nào, là vì nghĩ rằng làm vua, ngôi càng cao thì thân càng nguy vậy. Em thử nghĩ xem. Phàm hoàng thân quốc thích, đã không khó nhọc về chính sự, chỉ lấy thi thư làm vui, thì càng phải kính giữ phép tắc, chớ để mất tiếng hay. Nếu lại kiêu ngạo phóng túng, lấy thế lấn người, thì trăm họ hồng hết, còn phú quý với ai? Huống chi em làm mũ con hát là việc vô ích mà bắt người ta giữa lúc mưa lụt thì có nên không? Lỗi lần này anh tạm tha cho, nếu lại còn như thế thì tự có phép công, cuối cùng không thể lấy tình riêng anh em mà bỏ phép công của nước. Em nay huyết khí chưa định, nên chưa biết nghĩ thôi. Sau nên biết tự ức chế thì sẽ khỏi tội lỗi mà giữ được phú quý. Đến khi bốn năm mươi tuổi, nghĩ lại lời nói của anh, mới biết là thương nhau đến thế nào”²¹.

5. Đầu xuân đi chợ phiên Gia Lạc

Nhân ngày tết, ông hoàng Định Viễn đã lập một ngôi chợ nhỏ mang tên Gia Lạc cho thân nhân trong phủ đệ có nơi trao đổi hàng hóa, vui chơi giải trí. Vì vậy, danh xưng Gia Lạc có nghĩa là thêm niềm vui. Lúc đầu chợ chỉ họp nhóm trong giới hạn tầng lớp có danh phận hoàng thân quốc thích và quan lại, sau thấy vui nên mở rộng đối tượng tham gia cho cả dân thường quanh vùng đến trao đổi mua bán, vui chơi khiến không khí trở nên náo nhiệt hơn. Phiên chợ này cũng cuốn hút các quan chức, thương nhân người nước ngoài đến tham dự. Đến đây, mọi người sẽ được xem hát tuồng, được trải nghiệm các trò chơi ngày tết của chốn cung đình lẫn dân gian, thưởng thức các món ăn từ dân dã đến cao sang, mua sắm các đồ chơi, vật dụng để sử dụng và trưng bày trong những ngày tết. Người đến chợ không quá chú trọng đến việc mua bán lấy lời mà với tâm thế du xuân trải hội để lấy hên, lấy lộc đầu năm. Ai cũng ăn mặc đẹp đẽ, giao tiếp lịch sự, thân thiện, vui vẻ.

Một điều đặc biệt là giữa lúc khung cảnh chợ búa, quán xá, cửa hàng, cửa hiệu ở khắp Kinh thành đều vắng lặng, đóng cửa nghỉ tết, du xuân thì phủ ông hoàng Định Viễn lại rộn ràng họp chợ. Họ dựng các quán xá lợp mái bằng tranh để trao đổi mua bán các mặt hàng phong phú, kể cả những vật phẩm do đích thân hoàng thượng ngự ban cho các ông hoàng, bà chúa. Hội chợ xuân Gia Lạc quanh năm suốt tháng thường không họp chợ mà chỉ họp đúng trong 3 ngày xuân. Sau phiên chợ đó thì mọi người giải tán và chờ đến đầu xuân năm sau mới xuất hiện trở lại. Từ đó, chợ Gia Lạc trở thành một hình thức hội chợ vui xuân nổi tiếng cả nước, và trở thành loại chợ phiên tổ chức thường niên trong 3 ngày tết ở Kinh đô Huế.

Về vị trí chợ Gia Lạc, nhiều nhà nghiên cứu khẳng định: Chợ Gia Lạc được tổ chức tại khu đất sát chợ Mai ngày nay. Đây là điểm giao nhau giữa các làng Dương Nỗ, Nam

21. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Tập 2, Tlđđ, tr. 237.

Phổ, Ngọc Anh, Lại Thế. Tuy nhiên qua nghiên cứu khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy địa điểm tổ chức chợ Gia Lạc không thể nằm sát chợ Mai vì địa thế phủ Định Viễn Quận vương không nằm liền kề chợ Mai mà nằm tiếp giáp đất phủ Khánh Quận công²². Vì vậy, ông hoàng Định Viễn không thể lấy đất của phủ Khánh Quận công để tổ chức họp chợ Gia Lạc. Từ đó, chúng tôi đã dành nhiều thời gian nghiên cứu và đối chiếu các nguồn tư liệu để hy vọng tìm được chính xác địa điểm đã từng diễn ra chợ xuân Gia Lạc năm xưa.



Phủ Khánh Quận công nằm liền kề bên chợ Mai

Trong tấm bản đồ “Administrados al. S. Coronel Don Carlos Palanca Gutierrez, Dibujado”²³ do Đại tá Tây Ban Nha Don Carlos Palanca Guttiere vẽ năm 1863 lúc đến Huế cùng với Đô đốc Bonard để ký hòa ước với triều đình Huế, có ghi chú địa danh “Chợ Gia Lạc”. Điều này cho thấy, chợ Gia Lạc đã rất hưng thịnh và nổi tiếng vào thời điểm lúc bấy giờ.

Cuốn hồi ký “Mười tám tháng ở Huế” của bác sĩ người Pháp A. Auvray đã có đoạn miêu tả sống động khung cảnh phiên chợ Gia Lạc diễn ra vào năm 1880 như sau: “Mỗi năm, trong mấy ngày tết, một vị hoàng thân [Định Viễn Quận vương] mở phiên chợ tại phủ đệ, bán đủ thứ. Cũng có lợi. Năm 1880, chợ ấy nhóm tại bên kia sông, phía đông Công sứ quán. Một cái sân rộng, có hồ nho nhỏ, giữa hồ có hòn cù lao tẻo tẹo, có đình lục giác, xung quanh có quán xá bằng tranh. Người đi mua bán, kẻ đến xem chơi tướt mướt. Các công tử, công nữ mặc áo lục, bọn nô bộc trong phủ đệ mặc áo màu sắc sỡ, cũng lẫn lộn trong đám đông người. Thành ra một cảnh tượng hoa hòe rực rỡ. Đàng sau là lầu ngói chỉ có các vị hoàng thân mới được ở nhà có tầng trên, còn người thường hoặc các quan đều không được. Trong chợ phiên này, thấy bày đủ thứ: đồ chai, đồ chơi ngoại quốc, ly rượu, tạp hóa Paris, đồ cần thô sơ, hộp trà, ve thuốc bổ, thuốc muối, còn nhiều thứ nữa, nhưng chúng tôi thấy có bày một vật lạ nhất là thứ xì gà Manille thượng hảo hạng. Hỏi ra mới biết lúc sứ bộ Tây Ban Nha đến tiến cống cho vua 8.000 điếu xì gà ấy. Vua không thích, đem ban phát ra, rồi các Ông Hoàng lãnh về lại dùng mà làm lợi. Nhờ đó mà chúng tôi là kẻ dân dã lại được hưởng cái gia vị của thứ xì gà đế vương chính hiệu”²⁴.

22. Khánh Quận công Nguyễn Phúc Kỳ là con trai trưởng của chúa Nguyễn Phúc Nguyên.

23. H. Cossera (1933), “La citadelle de Huế: Cartographie”, *Bulletin des Amis du Vieux Huế* (BAVH), Số 1-2, Bản đồ số I., tr. 11.

24. Trảng An báo (1937), “Bút ký 18 tháng ở Huế của bác sĩ người Pháp Auvray vào năm 1879 - 1880”, Bản dịch của Thúc Dật, Số 260, phát hành ngày 1/10/1937, Huế, tr. 3.

Cụ Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Bình²⁵ có sáng tác 2 bài thơ nhắc đến chợ Gia Lạc. Đó là bài thơ “Tết năm Giáp Tuất” viết năm 1934 nhằm ghi lại cảm xúc khi cụ Hiệp tá Ứng Bình đón tết cùng gia đình tại quê hương sau khi được vua Bảo Đại cho về hưu, đồng thời cụ Ứng Bình có dịp tham gia hội chợ xuân Gia Lạc do đức ông Định Viễn Quận vương sáng lập:

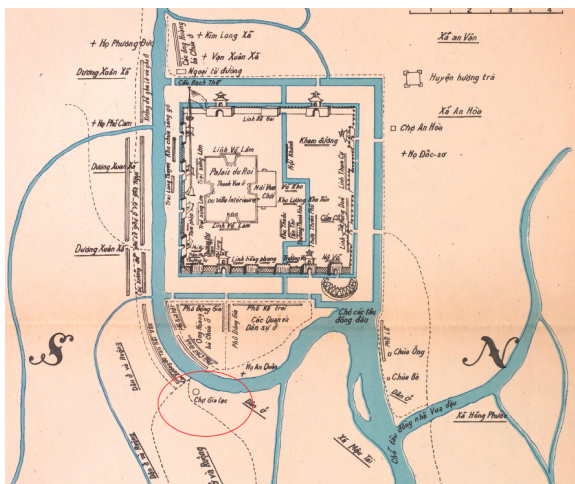
“Tết mấy năm xưa ở tỉnh đường,
Ngày rày ăn tết ở gia hương.
Ba La lễ Phật chùa quan Bó²⁶,
Gia Lạc chen người chợ đức Vương
Mùi áo Bông Bay chung lắm vẻ,
Nước hoa Viên Đệ có mùi thương.
Chuyện đời mới mãi theo năm mới,
Nhưng cũng trong vòng sắc với hương”²⁷.

Và bài thơ “Trở về nhà” được cụ Ứng Bình sáng tác vào năm Bính Tuất (1946) để bày tỏ cảm xúc trong chuyến hành trình đi thuyền trở về lại hưu đình mang tên Châu Hương Viên và có cơ hội ngắm nhìn cảnh vật gắn bó với bao kỷ niệm vui buồn như bên Gia Lạc sau một thời gian tản cư vì chiến tranh:

“Cũng phá Tam Giang cũng bạn mình,
Thuận buồn xuôi gió trở về Kinh.
Ven bờ thoảng thoảng đưa tin nhận,
Mặt nước vui vui lững sóng kinh.
Đồn lũy vắng tanh quân Vệ quốc,
Cỏ hoa tươi tốt mạn giang thành.
Thuyền giong đến bến xưa Gia Lạc,
Mừng chủ đã nghe rộng tiếng oanh”²⁸.

Từ các thông tin ghi chú trên bản đồ của đại tá Carlos Palanca, ghi chép của bác sĩ A. Auvray và nội dung 2 bài thơ của Hiệp tá Ứng Bình, chúng tôi nhận thấy vị trí tổ chức hội chợ xuân Gia Lạc sẽ có những đặc điểm như sau:

- Tọa lạc trên một bãi đất rộng, có hồ nước và giữa hồ xây đình lục giác. Phía sau là biệt phủ của ông hoàng Định Viễn, với nhà rường mái ngói.
- Nằm bên cạnh dòng sông Hương, có bến thuyền mang tên Gia Lạc.
- Địa điểm chợ Gia Lạc nằm gần chùa Ba La Mật²⁹, nơi tu hành của Bồ chánh



Trích bản đồ vẽ năm 1863 có ghi chú địa danh “Chợ Gia Lạc”

25. Hiệp tá Ứng Bình (1877-1961) là con trai Công tử Hường Thiết, cháu nội của đức ông Tuy Lý vương Miên Trinh.

26. Ba La tức tên chùa Ba La Mật của gia đình quan Bó chánh Nguyễn Khoa Luận, đây cũng là nơi tu hành của ngài với pháp hiệu Viên Giác đại sư.

27. Trong tập thơ “Tình Thúc Giạ” xuất bản năm Nhâm Ngọc (1942) tại nhà in Viễn Đệ, tr. 47.

28. Ứng Bình Thúc Giạ Thị (1992), *Thơ ca*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 147.

29. Chùa Ba La Mật nay tọa lạc tại địa chỉ số 258 Nguyễn Sinh Cung, phường Phú Thượng, Tp Huế.

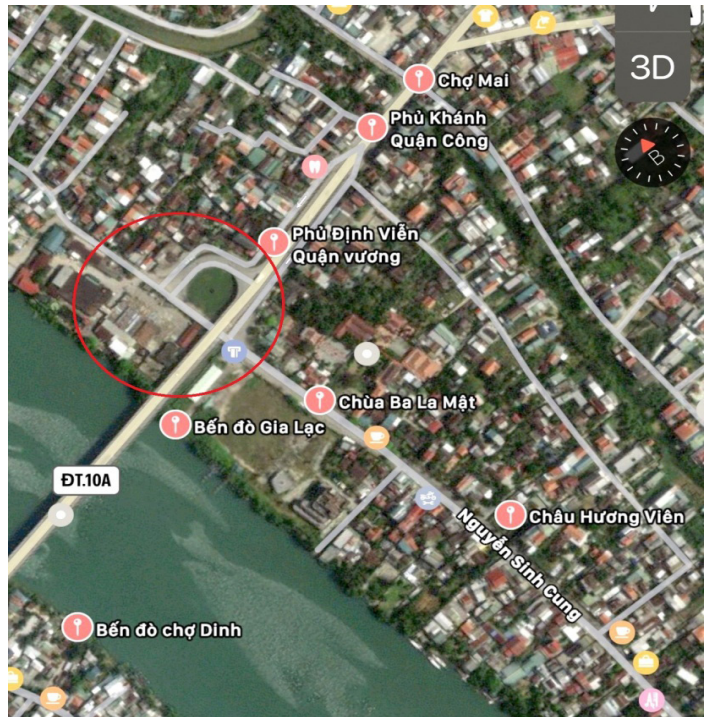
Nguyễn Khoa Luận và Châu Hương Viên³⁰ của Hiệp tá Ung Bình.

- Từ phá Tam Giang, con thuyền của cụ Ung Bình chèo ngược sông Hương đến bến Gia Lạc, rồi mới đến bến Châu Hương Viên.

Như vậy, chợ Gia Lạc được mô tả như trên nằm ở đâu? Trước hết nó phải nằm sát phủ Định Viễn Quận vương, gần chùa Ba La Mật và Châu Hương Viên. Và phải nằm về hướng tây (đứng từ cổng phủ nhìn ra), ngay sát bờ sông Hương vì có bến Gia Lạc để thuyền bè cập bến chở hàng hóa giao lưu buôn bán.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát điền dã tại khu vực này và nhận thấy một khu đất trước mặt phủ Định Viễn Quận vương đáp ứng các đặc điểm nêu trên. Ông Viễn Tương còn cho biết khu đất này trước đây có hồ rộng trồng sen và thả cá nhưng về sau bị người dân san lấp mặt bằng để xây dựng nhà cửa nên không còn dấu vết trên thực địa. Đặc biệt vào năm 2002, chính quyền địa phương thực hiện chủ trương giải tỏa mở rộng đường Thuận An (nay là đường Nguyễn Sinh Cung) và xây dựng cầu Chợ Dinh nên hiện trạng mảnh đất càng bị thay đổi nhiều so với ngày xưa. Chỉ còn lại dấu tích bến phủ Định Viễn, nơi từng có chiếc thuyền để ông hoàng Định Viễn dạo chơi trên sông Hương. Từ ngày ông hoàng Định Viễn sáng lập chợ Gia Lạc thì dân gian gọi là bến Gia Lạc. Và con đò chợ Dinh đi từ Chợ Dinh ở gần vùng Bãi Dâu (đường Nguyễn Văn Siêu ngày nay) qua phía chợ Gia Lạc, chợ Mai ở vùng Tây Thượng bên kia sông. Tuyến đò này đã được thay thế bằng cầu Chợ Dinh vào năm 2003 và chỉ còn trong ký ức của một số người cao tuổi ở địa phương.

Sau khi nhà Nguyễn cáo chung (1945) thì vật đổi sao dời, chợ Gia Lạc cũng theo đó mà mai một dần. Hội chợ xuân Gia Lạc không còn được tổ chức bài bản tại vị trí trước mặt phủ Định Viễn Quận vương như trước đây, mà chỉ còn tồn tại một nhóm người buôn bán nhỏ và chuyển dần về hướng đông, tức phía đối diện chợ Mai ngày nay và có nhiều biến đổi về hình thức mua bán, trao đổi, vui chơi giải trí. Điều này cũng chính là nguyên nhân khiến cho nhiều người cứ nhầm tưởng vị trí này ngày xưa ông hoàng Định Viễn đã tổ chức họp chợ Gia Lạc. Hiện nay vào mỗi dịp tết, người dân xứ Huế vẫn còn giữ thói quen đi chợ xuân Gia Lạc để mua lộc đầu năm và đã trở thành một nét đẹp độc đáo của văn hóa Cổ đô. Đây cũng là hình thức sinh hoạt văn hóa có giá trị nhân văn, kết nối cộng đồng và tâm linh trong đời sống của người dân tại mảnh đất đế đô.



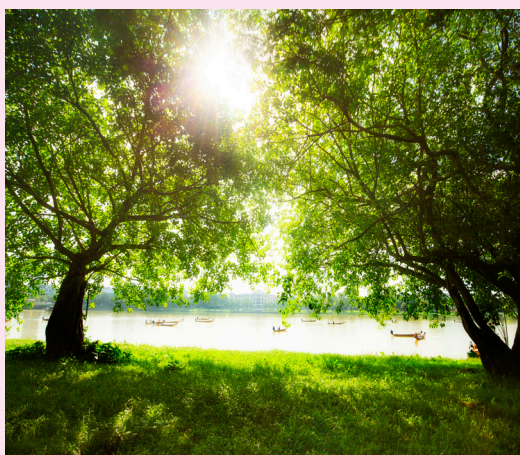
Vị trí tổ chức Hội chợ xuân Gia Lạc trên GoogleMap

30. Châu Hương Viên nay tọa lạc tại địa chỉ số 355 Nguyễn Sinh Cung, phường Phú Thượng, Tp Huế.

Ngày nay, phủ Định Viễn Quận vương và hội chợ xuân Gia Lạc vẫn là nơi chốn mà nhiều người dân và du khách mong đợi được viếng thăm và khám phá. Họ muốn tìm về chốn ấy để tìm hiểu, cảm nhận những nét đặc sắc trong đời sống sinh hoạt của các ông hoàng, bà chúa triều Nguyễn, cũng là tìm về những hoài niệm mang nét đặc trưng và hương sắc riêng của Huế xưa.

Từ câu chuyện về ông hoàng Định Viễn Quận vương và hội chợ xuân Gia Lạc cũng như Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế...; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn”, chúng tôi cho rằng muốn phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh thì cần phải có những sản phẩm đặc thù, riêng có dựa trên tiềm năng, thế mạnh về di sản văn hóa mà Huế đang sở hữu. Và theo chúng tôi, phủ Định Viễn Quận vương và chợ Gia Lạc là một sản phẩm du lịch tiềm năng, gắn với định hướng Festival Bốn mùa. Hy vọng trong tương lai, hội chợ xuân Gia Lạc sẽ được chính quyền các doanh nghiệp du lịch - dịch vụ quan tâm nghiên cứu và phục hồi trong không gian văn hóa phủ Định Viễn Quận vương để gìn giữ một phần quan trọng của lịch sử - văn hóa xứ Huế, đồng thời thu hút người dân, du khách đến tham quan, trải nghiệm trong những ngày đầu năm mới ■

HẠ TRẮNG Hua Xuân yêu thương



*Xuân về khắp thôn nhỏ
Đào nở khoe sắc hồng
Chim hót vang trời sáng
Gió đưa hương tầng không.*

*Nắng vàng rợp cây lá
Lộc non xanh mướt màu
Giọt trắng đêm nguyên vẹn
Đôi bướm lượn tìm nhau.*

*Tiếng cười vang con ngõ
Trẻ thơ vui đùa say
Rộn ràng mừng sum họp
Bánh chưng bếp lửa đầy.*

*Bình yên lòng chẳng nói
Mái ấm tình thâm sâu
Thương yêu tràn ngập lối
Hạnh phúc mãi tìm đâu.*

*Đường làng xanh hoa cỏ
Sương sớm nhẹ nhàng bay
Cùng nhau vui đón tết
Mùa xuân đẹp đắm say.*

PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ CẤP QUỐC GIA ĐẶC BIỆT VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở HUẾ GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG TÌM HIỂU, KHÁM PHÁ

■ Bài và ảnh: NGUYỄN THỊ LOAN GIANG*

Trong những năm gần đây, cùng với việc không ngừng đổi mới nhiều hình thức hoạt động để thu hút khách tham quan và phù hợp với xu thế hiện nay, Bảo tàng Hồ Chí Minh Huế đã đẩy mạnh công tác đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó chú trọng đến công tác tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá tại các di tích. Qua quá trình thực hiện đã thu hút được một lượng khách đáng kể đến với các hoạt động của bảo tàng; đồng thời, mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác phát huy giá trị di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế đến với mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các em học sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

Hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế là nơi lưu giữ những di sản văn hóa vô giá gắn với những năm tháng Người sinh sống, học tập, lao động và hoạt động yêu nước tại Huế. Đến nay, theo thống kê ở Huế có khoảng 20 di tích và địa điểm di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đó có 04 di tích được Nhà nước xếp hạng là Di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt: *Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại 112 Mai Thúc Loan (số mới 158), trường THPT chuyên Quốc Học - Huế, Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở làng Dương Nỗ, Đình làng Dương Nỗ* và 05 di tích cấp Thành phố.

Bảo tàng Hồ Chí Minh đã chú trọng công tác tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế, trong đó có 2 địa điểm di tích lịch sử được xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt: *Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại 112 Mai Thúc Loan (số mới 158), và Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở làng Dương Nỗ*, cho các em học sinh, đoàn thể trên địa bàn toàn tỉnh. Từ đó, không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giới thiệu về thân thế sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời, phát huy có hiệu quả giá trị di sản văn hóa mà Người để lại cho Huế.

Hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích là sự phối hợp tham gia tích cực của Bảo tàng Hồ Chí Minh cùng các đơn vị tham gia, mang ý nghĩa thiết thực, đã tạo điều kiện cho các em học sinh có cơ hội tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần đưa di sản văn hóa của Người đến với các thế hệ tương lai của đất nước. Thông qua đó, giúp các em hiểu và nâng cao lòng biết ơn sâu sắc đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc và tự hào hơn truyền thống lịch sử vẻ vang của quê hương, đất nước.

Ngoài những bài giảng chính thống ở nhà trường, hay những phần thuyết minh về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh; hoạt động tuyên truyền khám phá ở

* ThS. Bảo tàng Hồ Chí Minh.



Tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở 112 (số mới 158) Mai Thúc Loan, quận Phú Xuân, thành phố Huế

2 di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt gắn liền với tuổi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế được xem là những giờ ngoại khóa, với nội dung phong phú, đa dạng và hấp dẫn. Những câu chuyện kể xúc động, lắng đọng về Người với chủ đề: *“Dưới mái nhà tuổi thơ của Bác Hồ kính yêu”*, lấy bối cảnh sân khấu là ngôi nhà di tích, phần nhạc minh họa, các thí sinh đã tham gia kể những câu chuyện xoay quanh thời niên thiếu Bác Hồ ở Huế, như: *“Bác Hồ và Huế - Tuổi thơ khó quên”*, *“Bác Hồ và Quốc Học Huế 1908-1909”*, *“Tiếng khóc em thơ”*, *“Xin sữa”*, *“Nguyễn Tất Thành với phong trào chống Thuế 1908”*... Về tranh về chủ đề *“Bác Hồ với Thiếu Nhi”*, *“Bác Hồ với Tuổi Trẻ”*;

Trò chơi *Nhận diện di sản* là trò chơi vận động diễn ra hết sức sôi nổi và thú vị dành cho 04 đội chơi, các em phải vượt chướng ngại vật *“Ném bóng vào rổ”*, bốc thăm câu hỏi và trả lời với thời gian mỗi lượt chơi 15 phút. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được một mảnh ghép hình ảnh về di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế và dán lên bảng. Nếu không trả lời đúng phải quay lại để thành viên trong đội lên trả lời. Sau đó, cử đại diện lên gọi tên di tích và giới thiệu nội dung ngắn gọn.

Bên cạnh đó, Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động trải nghiệm đòi hỏi sự khéo léo như: in tranh bằng mực bản hình ảnh các di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh theo kỹ thuật in tranh làng Sình trên giấy dó. Trải nghiệm vẽ trang trí quạt giấy bằng màu nước, chủ đề về di tích Bác Hồ và các phần trải nghiệm trò chơi *“Vòng tròn di sản”*, *“Ô ăn quan”*, *“Tải đạn qua núi”*, *“Cân bằng bóng”* *“Viết chữ đẹp”*, *“Viết chữ thư pháp về một bài thơ do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tác”*... là những hình thức mới *“trong học có chơi, trong chơi có học”* được tổ chức trong hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tạo nên một không khí rất sôi nổi và đam mê đối với các em học sinh thích thú và tham gia nhiệt tình



In tranh trên bản mộc - trong hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở 112 (số mới 158) Mai Thúc Loan, quận Phú Xuân, thành phố Huế

Tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, đây là hình thức hoạt động mang tính chất tuyên truyền về thân thế - sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh sát thực và hoạt động có ý nghĩa. Với một kịch bản chương trình được xây dựng chặt chẽ, vừa mang tính giáo dục tri thức, kết hợp với hình thức vui chơi giải trí đã làm cho công tác tuyên truyền thực sự được nhà trường và học sinh đón nhận, hưởng ứng nhiệt tình.

Qua đó đã phát huy hiệu quả giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh đến từng trường học, đa dạng hóa các hoạt động giáo dục của bảo tàng nhằm góp phần đưa tư tưởng, tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh đến với đông đảo học sinh; đồng thời, thiết thực hưởng ứng phong trào *“Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”* của ngành giáo dục trong việc giáo dục các em học sinh có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa nói chung và các di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn Huế nói riêng.

Đa dạng hóa các hoạt động tìm hiểu, khám phá tại di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Huế là một hình thức tuyên truyền, giới thiệu về thân thế và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh của Bảo tàng Hồ Chí Minh là một bước đi đúng hướng, phù hợp với xu thế hiện nay, gắn kết một cách chặt chẽ với các hoạt động của địa phương, nhà trường; góp phần bổ ích trong việc giảng dạy, học tập lịch sử địa phương, học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống của Bác Hồ một cách trực quan, sinh động..., tăng thêm niềm tự hào về mảnh đất quê hương cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Đây là việc phải làm thường xuyên, thông qua từ nhiều phía, nhiều hình thức hoạt động khác nhau để thực sự đem lại hiệu quả cao cho công tác tuyên truyền về thân thế, sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, tích cực hưởng ứng việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* ở Huế trong giai đoạn hiện nay ■

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN DI SẢN TƯ LIỆU Ở HUẾ

■ Bài và ảnh: HOÀNG ANH

Di sản tư liệu là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc được gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ. Di sản tư liệu ở Huế phong phú và đa dạng, được gìn giữ ở nhiều cấp độ khác nhau và trở thành nguồn tài liệu quan trọng minh chứng cho quá trình phát triển của vùng đất. Việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản tư liệu cần được quan tâm đúng mức nhằm khẳng định vùng đất văn hóa, lịch sử và phát triển kinh tế xã hội nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

1. Thực trạng di sản tư liệu ở Huế

Trong những năm gần đây, đặc biệt là khi các di sản tư liệu của Việt Nam được UNESCO vinh danh là di sản tư liệu Thế giới và di sản tư liệu khu vực Châu Á Thái Bình Dương¹, nhiều tỉnh thành phố ngày càng quan tâm đến việc gìn giữ hệ thống di sản tư liệu trong đó có Huế. Tuy nhiên, việc nhận diện di sản tư liệu cần được quan tâm đúng mức khi khái niệm này tương đối mới¹ và chưa được Luật hóa ở Việt Nam.

Ở Huế, các di sản tư liệu hiện nay nhìn ở các bình diện khác nhau: di sản tư liệu Thế giới (Mộc bản triều Nguyễn, Châu bản triều Nguyễn), di sản tư liệu khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Thơ văn trên kiến trúc Cung đình Huế, Những bản đúc nổi trên 9 đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế), và một dạng thức tư liệu quốc gia chứa đựng thông tin có giá trị cấp quốc gia (Bảo vật quốc gia - Bia Khiêm Cung Ký lăng vua Tự Đức)² và hệ thống các tư liệu đã được tỉnh quan tâm bảo tồn (giai đoạn 2009- 2019 đã sưu tầm, số hóa Sắc phong, Chế phong, Chiếu, Chỉ, Bằng cấp, đơn từ, Hương ước, địa bạ, gia phả, Văn tế chữ Hán, Nôm... với 301.000 trang; giai đoạn 2020-2023 đã sưu tầm, số hóa 104.640 trang³. Bên cạnh đó Phật giáo Huế hiện còn bảo quản 2.933 ván khắc kinh Phật các loại. Trong đó, chùa Từ Đàm hiện là nơi có số lượng lưu trữ lớn nhất: 1.319



Cử đỉnh trong Hoàng cung Huế

1. Mộc bản triều Nguyễn (2009). Bia tiến sĩ Văn Miếu Thăng Long (2010 và 2011), Châu bản triều Nguyễn (2014 và 2017), Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm - Bắc Giang (2012), Thơ văn trên kiến trúc Cung đình Huế (2016), Mộc bản trường học Phúc Giang - Hà Tĩnh (2016), Hoàng Hoa sứ trình đồ - Hà Tĩnh (2018), Bia Ma nhai tại danh thắng Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (2022). Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu, Hà Tĩnh (2022). Những bản đúc nổi trên 9 đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế (2024).

2. Quyết định số 2381/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 Chương trình ký ức Thế giới 1992,; những tư liệu, tài liệu có giá trị đặc biệt và có tầm ảnh hưởng rộng lớn trên thế giới.

3. Báo cáo số 103 /BC-TVTH ngày 21 tháng 8 năm 2023.



Bản đúc nổi trên đỉnh đồng Hoàng cung Huế

bản khắc mộc bản. Tính đến thời điểm hiện tại, ván khắc có niên đại sớm nhất tại Phú Xuân thời các chúa Nguyễn được tìm thấy là kinh Kim Cương, khắc bản Chính Hòa thứ 19 (Mậu Dần-1698), tức dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725). Ván khắc này chỉ còn lại một ván duy nhất, với hai mặt khắc: Một mặt khắc 4 trang cuối của cuốn kinh kèm theo những thông tin về niên đại khắc bản; mặt còn lại khắc tranh đồ họa pháp hội giảng kinh Kim Cang do Thiền sư Thạch Liêm Đại Sán vẽ⁴.

Bên cạnh các tài liệu, tư liệu kể trên, thành phố Huế đang bảo lưu hàng triệu các di vật, cổ vật, hoành phi, câu đối được cộng đồng gìn giữ là những án thơ văn được chạm, khắc trên kiến trúc, vật trang trí (gỗ, pháp lam, vôi vữa, đá, gốm, sành sứ, đồng, bạc, vàng, ngọc)... tạo nên sự độc đáo riêng có với nhiều đề tài, nội dung ca ngợi công trạng mở mang bờ cõi, tạo lập giang sơn của vua chúa nhà Nguyễn, công thần; ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị, cảnh đẹp của đất nước; ước mơ đời sống no ấm, hạnh phúc của nhân dân, đất nước hòa bình, khẳng định nền văn hóa dân tộc.

2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản tư liệu ở Huế

Di sản tư liệu ở Huế hiện đang lưu giữ ở nhiều địa điểm, cơ quan, đơn vị, địa phương... trên địa bàn toàn tỉnh nên việc bảo tồn và phát huy giá trị loại hình di sản này khó khăn và phức tạp. Chính vì vậy, cơ quan quản lý cần có giải pháp đồng bộ đảm bảo vừa bảo tồn vừa phát huy một cách hiệu quả, trong đó:

Tổ chức kiểm kê và bảo tồn di sản tư liệu: Có thể nói, việc nhận diện di sản tư liệu và tổ chức kiểm kê thường xuyên di sản tư liệu nhằm hệ thống hóa, phân loại, đánh giá... giúp cho cơ quan quản lý nắm bắt toàn bộ di sản và xây dựng giải pháp bảo tồn một cách khoa học, hiệu quả. Công tác kiểm kê di sản nói chung, trong đó có di sản tư liệu đã từng bước được thực hiện, với nhiều hình thức khác nhau và đã đạt được những thành tựu nhất định, trong đó đã xây dựng hồ sơ khoa học với các cấp độ quốc gia, khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Ủy ban di sản văn hóa Thế giới (UNESCO).

Từ kết quả kiểm kê nhận diện di sản tư liệu, thành phố Huế đã ban hành kế hoạch sưu tầm, số hóa, bảo quản, phục hồi và phát huy giá trị tài liệu Hán - Nôm trên địa bàn giai đoạn 2020 - 2024⁵. Kết quả của 4 năm qua đã đề xuất giải pháp bảo tồn hiệu quả qua hình thức tuyển chọn, biên soạn, giới thiệu những tài liệu giá trị đến bạn đọc: in ấn, phát hành, phục chế bộ Canh tý Thi tập do nhà nghiên cứu Phan Thuận An cung cấp; Một số sắc phong tiêu biểu sưu tầm tại Huế; in phục chế trên Giấy dó tập Vĩ Dạ Hợp Tập, tuyển chọn phát hành nhiều đầu sách có giá trị⁵.

Đã tiến hành in, phục chế sắc phong ở các làng tại Huế 60 bản và 273 bản bằng cấp phục vụ công tác trưng bày, triển lãm, nghiên cứu của đông đảo bạn đọc. Đồng thời, đã xử lý nghiệp vụ, biên mục được 5.211 đầu tài liệu này vào phần mềm Emiclib sẵn sàng phục vụ bạn đọc. Tổng hợp số liệu công tác sưu tầm, số hóa tài liệu Hán - Nôm

4. Thích Không Nhiên (2015), “Bước đầu khảo sát di sản mộc bản Phật giáo Huế”, *Liễu Quán*, Số 6, Huế, tr.32.

5. Báo cáo số 103/BC-TVTH ngày 21 tháng 8 năm 2023.

trên địa bàn tỉnh từ 2009 đến nay, Thư viện đã thực hiện được 417.955 trang tư liệu tương đương với 5.211 đầu tài liệu; được triển khai tại 187 làng, 923 họ tộc và 18 phủ đệ. Hoạt động này, đã góp phần bảo tồn di sản Hán - Nôm, nguồn tài liệu quý giá cho việc nghiên cứu văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, của vùng đất Thuận Hóa nói riêng và cả nước nói chung; bên cạnh đó cần lập hồ sơ cho các di sản theo từng loại hình, cấp độ; tổ chức lập bản scan, bản dập hệ thống văn bia các đình, chùa; số hóa các di sản có nguy cơ hư hỏng cao để bảo quản, nghiên cứu, lưu trữ.

Tổ chức quảng bá và phát huy giá trị di sản tư liệu: Năm 2024 là năm đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi Huế vinh dự đón nhận di sản tư liệu khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Những mảng đục nổi trên Cửa đình Hoàng cung Huế), là dịp để tỉnh nhà tổ chức vinh quang bá hình ảnh của vùng đất hội tụ các loại hình di sản được tổ chức UNESCO vinh danh⁶. Tỉnh đã tổ chức lễ đón nhận danh hiệu một cách trang trọng và có ý nghĩa thiết thực, vừa giúp cho công chúng nhận thức được tầm quan trọng của di sản tư liệu vừa là dịp giới thiệu với bạn bè quốc tế và trong nước tính đặc trưng, thế mạnh của vùng đất.

Việc quảng bá di sản rộng rãi trong công chúng ở Việt Nam và các nước trên thế giới vừa khẳng định giá trị của di sản, vừa giới thiệu di sản ra thế giới nhất là trong hợp tác quốc tế, đối ngoại văn hóa tạo sự giao thoa văn hóa, hiểu biết lẫn nhau và là tiền đề để hợp tác toàn diện và bền vững. Cùng với việc quảng bá, cần tiếp tục nghiên cứu, phát hành các ấn phẩm kỹ thuật số cho các di sản đã được vinh danh là di sản tư liệu thế giới, di sản tư liệu Châu Á Thái Bình Dương; kêu gọi các nhà đầu tư, nhất là các tổ chức, tập đoàn có kinh nghiệm trong phát triển công nghiệp văn hóa nghiên cứu phát triển sản phẩm văn hóa đặc trưng.

Tổ chức giáo dục di sản học đường gắn với chương trình đưa di sản vào trường học nhằm nâng cao hiểu biết cho học sinh các cấp. Đây là nhiệm vụ quan trọng không chỉ đối với ngành giáo dục đào tạo, ngành văn hóa và chính quyền các cấp mà là nhiệm vụ của toàn xã hội. Bên cạnh các chương trình giáo dục địa phương, mỗi cấp chính quyền cần nhân rộng các mô hình học tập tiêu biểu, ban hành chương trình khung đào tạo kết hợp chương trình ngoại khóa (thi tìm hiểu, rung chuông vàng, kết nối di sản...) tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

Tiếp tục xây dựng hồ sơ khoa học cho các di sản tư liệu có giá trị đặc sắc ở thành phố Huế làm cơ sở đề xuất bảo vệ ở các cấp. Hệ thống di sản tư liệu đang tồn tại dưới các dạng thức như: bia chùa Huế, bia lăng tẩm các vị vua chúa, tư liệu thư tịch cổ... là những minh chứng sống động có giá trị quan trọng đối với đất nước, là bằng chứng để đấu tranh bảo vệ chủ quyền đất nước, biển đảo cần được nghiên cứu lập hồ sơ và phổ biến rộng rãi trên toàn quốc và thế giới.

Bảo tồn di sản tư liệu ở Huế là nhiệm vụ quan trọng không chỉ thuộc cơ quan quản lý nhà nước mà còn là nhiệm vụ của toàn xã hội. Bảo tồn di sản tư liệu không những giúp thành phố Huế giữ gìn được giá trị di sản độc đáo này mà còn góp phần nâng cao hình ảnh đối với bạn bè quốc tế. Hệ thống di sản tư liệu được UNESCO vinh danh là nguồn cổ vũ to lớn, trở thành nguồn lực có giá trị để khai thác và phát triển kinh tế - xã hội góp phần khẳng định thành phố Huế trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường ■

ĐẨY MẠNH VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC ĐỀ NGHỊ XẾP HẠNG DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

■ Bài và ảnh: NGUYỄN VŨ MINH TÚ

Huế đang gìn giữ hệ thống di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng với nhiều loại hình khác nhau và phân bố rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh. Tuy nhiên, số lượng di tích đã được xếp hạng đến thời điểm hiện tại còn khiêm tốn so với bề dày truyền thống, lịch sử của vùng đất. Cùng với đó, trải qua thời gian tồn tại dưới tác động của nhiều yếu tố cùng quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh nên nhiều công trình kiến trúc, địa điểm dễ bị ảnh hưởng dẫn đến có sự thay đổi hoặc biến dạng các yếu tố gốc và giá trị gắn liền; đồng thời, vẫn còn một số công trình, địa điểm chưa có điều kiện để nghiên cứu nhận diện, đánh giá tổng quan trong các giai đoạn trước đây.

1. Thực trạng kiểm kê, xếp hạng và quản lý di tích trên địa bàn tỉnh

1.1. Kiểm kê di tích

Trước khi Luật Di sản văn hóa ra đời, trên địa bàn tỉnh (nay là thành phố Huế) có 188 công trình lịch sử văn hóa, danh thắng có giá trị lịch sử, văn hóa được đã kiểm kê và đưa vào danh mục bảo vệ. Đến giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2019, sau khi Luật Di sản văn hóa có hiệu lực thi hành và có các văn bản hướng dẫn kèm theo của Chính phủ cùng các Bộ, Ngành trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hoá và Thể thao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác kiểm kê di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh (đợt 3). Kết quả kiểm kê trong đợt này đã lựa chọn được 205 công trình, địa điểm lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu đảm bảo các tiêu chí xếp hạng di tích theo quy định để đưa vào Danh mục Kiểm kê di tích¹.

1.2. Xếp hạng và nâng cấp xếp hạng di tích

Tính đến nay, trên địa bàn thành phố có quần thể di tích Cố đô Huế đã được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa Thế giới, 03 quần thể/hệ thống di tích cấp quốc gia đặc biệt là Quần thể Di tích Cố đô Huế, hệ thống đường Trường Sơn (Hồ Chí Minh) đoạn đi qua Huế và hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Huế; 89 di tích cấp quốc gia; 101 di tích cấp tỉnh. Sau khi Danh mục Kiểm kê di tích của Huế được ban hành, đã tạo cơ sở khoa học cho các đơn vị chuyên môn nghiên cứu lựa chọn các công trình, địa điểm tiêu biểu để tiến hành lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích.

Công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích được thực hiện bởi các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao (Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Hồ Chí Minh) và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024 đã có thêm 31 công trình, địa điểm, di tích được các đơn vị lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và nâng cấp xếp hạng di tích (27 di tích được xếp hạng mới và 04 di tích quốc gia nằm trong hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Huế được

1. Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.



Miếu Bà Giàng, phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy - Một trong những công trình, địa điểm thuộc Danh mục Kiểm kê di tích được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh

lập hồ sơ khoa học nâng cấp lên di tích quốc gia đặc biệt; 01 di tích cấp tỉnh được lập hồ sơ khoa học nâng cấp lên di tích quốc gia). Trong số các di tích được xếp hạng mới có 23/205 công trình, địa điểm thuộc Danh mục Kiểm kê di tích.²

3. Quản lý di tích

Sau khi được xếp hạng, căn cứ vào quy mô, tính chất, phạm vi ảnh hưởng, khả năng phát huy giá trị di tích, UBND tỉnh ban hành các Quyết định phân công quản lý di tích: Cơ quan/đơn vị trực tiếp quản lý di tích, cơ quan/đơn vị phối hợp quản lý di tích, cá nhân/tổ chức sử dụng di tích. Đối với các di tích thuộc quần thể di tích Cố đô Huế hoặc gắn liền với vương triều Nguyễn sẽ do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế trực tiếp quản lý. Đối với các di tích nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế, những di tích gắn với cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ giao trách nhiệm do Bảo tàng Hồ Chí Minh trực tiếp quản lý và phối hợp quản lý; di tích lịch sử cách mạng, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ có giá trị tiêu biểu hoặc di tích có sự kết nối nhiều địa bàn sẽ giao trách nhiệm do Bảo tàng Lịch sử trực tiếp quản lý và phối hợp quản lý; di tích gắn với quá trình hình thành và hiện đang hoạt động của một số đơn vị sẽ giao cho đơn vị đó trực tiếp quản lý và sử dụng (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên Xây dựng và Cấp nước, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế); các di tích, công trình, địa điểm còn lại thuộc địa phương nào thì địa phương đó trực tiếp quản lý. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 3 Quyết định³ phân công cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý 190/190 di tích.

2. Đình Lương Quán; đình Nguyệt Biều; đình Phe Nhắt; đình Thanh Lương; nhà bia chiến tích Baston; đình Bao Vinh; Lùm Chánh Đông (đình Đông); đình Lương Văn; lùm Bà Dàng - Miếu thờ Thiên Y Ana; cụm địa đạo An Hô; đình Thế Chí Đông; địa điểm Cồn Bê; địa điểm Trạm Phẫu thuật Tiền phương; nhà thờ Tn Đình Bá; đền Linh Quang; mộ phần Nguyễn Cửu Kiều và Công chúa Ngọc Đình; đình Trung Kiên; địa điểm mít tinh tại chợ Mỹ Lợi; địa điểm Chiến thắng Cồn Rang; đình Hà Thanh; miếu Văn Thánh (thuộc di tích đình Lương Văn); miếu Ngải khai khẩn (thuộc di tích đình Lương Văn); lăng mộ Trần Đình Bá.

3. Các Quyết định số: 2270/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021; 353/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022; 1047/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023; 1034/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Xây dựng Đề án nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

Trong bối cảnh Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế thì công tác nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cần được tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hơn nữa. Xác định được tầm quan trọng của nhiệm vụ này, Sở Văn hóa và Thể thao đã chủ trì phối hợp với Hội đồng Xét duyệt hồ sơ di tích, Hội Khoa học Lịch sử, UBND các quận, thị xã và các huyện, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế tiến hành rà soát, phân loại, tổng hợp những công trình, địa điểm chưa được đưa vào Danh mục Kiểm kê di tích; các công trình, địa điểm do các địa phương, đơn vị chuyên môn, tổ chức và cá nhân đề xuất để nghiên cứu, chọn lọc và tiến hành khảo sát, đánh giá tổng quan các công trình, địa điểm tạo cơ sở cho việc xây dựng Đề án nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Huế đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Trên cơ sở khảo sát thực địa, thu thập thông tin, tài liệu liên quan, Đề án đã phân loại đề đề xuất bổ sung thêm nhiều công trình, địa điểm còn gìn giữ kiến trúc nghệ thuật truyền thống hoặc các yếu tố gốc gắn liền với giá trị lịch sử, văn hóa của công trình, địa điểm khi được hình thành trước đây hoặc còn lưu giữ được những giá trị di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu hoặc được đề cập cơ bản đầy đủ trong các tài liệu lịch sử hoặc còn các nhân chứng lịch sử vào Danh mục Kiểm kê di tích; đồng thời, kiến nghị đưa ra khỏi Danh mục Kiểm kê các công trình, địa điểm lịch sử và danh lam thắng cảnh tiêu biểu trên địa bàn thành phố Huế 35 công trình, địa điểm đã được xếp hạng di tích trong thời gian qua hoặc đã được quản lý, bảo vệ hoặc đang là trụ sở làm việc của các cơ quan đơn vị hoặc còn chưa đảm bảo các yêu cầu về quy hoạch hoặc đã bị biến dạng, không có tài liệu để kiểm chứng hoặc chỉ là hiện vật thuộc công trình.

Cùng với đó, sẽ đề xuất lập hồ sơ khoa học đề nghị nâng cấp xếp hạng ở cấp cao hơn cho 32 di tích đã được xếp hạng đáp ứng các tiêu chí theo quy định.

Sau khi tổng hợp, Đề án đã dự thảo được Danh mục Kiểm kê di tích trong giai đoạn sắp tới gồm 278 công trình, địa điểm; cùng với nâng cấp xếp hạng cho 32 di tích nằm



Bảy miếu làng Hòa An, xã Phú Thanh, thành phố Huế - Một trong những công trình đề nghị bổ sung vào Danh mục Kiểm kê di tích



*Làng cổ Phước Tích, xã Phong Hòa, thị xã Phong Điền - Di tích quốc gia
đề nghị lập hồ sơ khoa học nâng cấp xếp hạng lên di tích quốc gia đặc biệt*

phân bố tại địa bàn 8/9 quận, huyện, thị xã. Đây sẽ là cơ sở định hướng cho công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích trên địa bàn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

*** Các yêu cầu cần được nhất quán trong việc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích; nâng cấp xếp hạng di tích trong thời gian tới**

Thứ nhất, quy trình, thủ tục lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và nâng cấp xếp hạng di tích trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Di sản văn hóa; Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

Thứ hai, đảm bảo cân đối nguồn kinh phí hằng năm cho các đơn vị chuyên môn triển khai thực hiện lập hồ sơ khoa học.

Thứ ba, tiến hành song song công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cho các công trình, địa điểm mới với lập hồ sơ khoa học đề nghị nâng cấp xếp hạng di tích.

Thứ tư, có sự phối hợp, phân công giữa các đơn vị các chuyên môn trong công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và nâng cấp xếp hạng di tích để đảm bảo số lượng, chất lượng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và nâng cấp xếp hạng di tích hằng năm theo đúng tiến độ đã đề ra.

Thứ năm, hoàn thành việc lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và nâng cấp xếp hạng di tích cho tất cả các công trình, địa điểm, di tích thuộc Đề án.

Thứ sáu, phân công cụ thể đơn vị chuyên môn chủ trì công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và nâng cấp xếp hạng di tích phù hợp với chuyên môn và điều kiện, đặc thù từng công trình, di điểm, di tích.

Đề án nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Huế đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 sẽ là một trong những tiền đề quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn mang tính định hướng lâu dài tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị chuyên môn và địa phương chủ động đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả trong công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích trên địa bàn ở các giai đoạn tiếp theo. Qua đó, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của vùng đất xứ Huế theo hướng phát triển bền vững ■

PHÁT HUY HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA, GIA ĐÌNH TỪ VIỆC BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

■ PHAN THANH HẢI*

Huế là kinh đô cuối cùng của Việt Nam dưới thời quân chủ, được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của Đàng Trong, rồi kinh đô của vương triều Tây Sơn, kinh đô của vương triều Nguyễn, vùng đất này đã có quá trình hội tụ, bồi đắp và tỏa sáng các giá trị văn hóa đặc sắc khi đóng vai trò là trung tâm chính trị, văn hóa của Việt Nam suốt giai đoạn từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX. Di sản văn hóa phi vật thể là nguồn lực quan trọng góp phần tăng trưởng kinh tế và là điểm tựa vững chắc để xây dựng hệ giá trị văn hóa, gia đình Huế trong thời gian qua. Gia đình cũng chính là môi trường nuôi dưỡng và làm giàu bản sắc văn hóa. Bởi vậy, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể cũng chính là đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần giữ gìn và phát huy, lan tỏa giá trị văn hóa Huế, gia đình Huế, con người Huế.

1. Giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Huế

Dưới triều Nguyễn, Nhã nhạc đã trở thành một phần thiết yếu của quá trình tiến hành nghi lễ bao gồm cả triều hội và tế tự, loại hình nghệ thuật này được trình diễn trong toàn bộ thời gian của gần 100 buổi lễ khác nhau mỗi năm. Ngày 7/11/2003, Nhã nhạc - Nhạc cung đình Việt Nam đã được UNESCO ghi tên vào Danh mục “Kịch tác di sản Phi vật thể và Truyền khẩu của nhân loại (từ năm 2008 đổi tên gọi là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Đây cũng là di sản văn hóa phi vật thể đầu tiên của Việt Nam được ghi danh là Di sản Thế giới. Múa cung đình Huế bắt nguồn từ các điệu múa dân gian truyền thống, được chọn lọc và nâng cao theo những quy phạm nghệ thuật có tính điển lệ.

Dàn nhạc dùng để tấu cho múa được biết là ban nhạc Thiệu. Có thể kể tên một số điệu múa tiêu biểu như: Bát dật, Lục cúng hoa đăng, Tam Tinh chúc thọ, Bát tiên hiến thọ, Trình tường tập khánh, Tứ Linh, Nữ tướng xuất quân, Vũ phiến,... Các điệu múa này thường được dùng để biểu diễn trong các ngày lễ Thánh thọ, Tiên thọ, Vạn thọ, Thiên xuân, Thiên thu... Ngoài các



* TS. Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia. Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế.

nghe lễ trên, múa cung đình còn được trình diễn trong các lễ, tiết quan trọng dưới triều Nguyễn như tết Nguyên đán, đám cưới hoàng tử, công chúa và các dịp tiếp đãi sứ thần ngoại quốc.

Tuồng cung đình Huế là một hiện tượng phát triển rực rỡ trong truyền thống kịch hát dân tộc. Dưới triều vua Minh Mạng, nhà vua đã cho xây dựng nhà hát Duyệt Thị Đường chủ yếu để diễn các vở Tuồng phục vụ cho vua, phi tần, hoàng thân quốc thích và quan lại. Đến thời vua Tự Đức, nghệ thuật Tuồng phát triển đạt đến giai đoạn đỉnh cao. Nhà vua xây dựng nhà hát Minh Khiêm Đường, quy tụ các đào, kép giỏi về đây để tập luyện và biểu diễn Tuồng. Thành lập Ban Hiệu thư, một tổ chức chuyên sáng tác các vở Tuồng, tập hợp các tài năng đương thời để chỉnh lý các Tuồng dân gian và họa văn thơ.

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế là một loại hình tín ngưỡng dân gian, thờ cúng người Mẹ hóa thân ở các miền trời, rừng núi, đất đai, sông nước. Dưới sự ảnh hưởng của tác nhân lịch sử, môi trường tự nhiên và văn hóa đã tạo nên diện mạo mới của Thiên Y A Na tại miền Trung. Lễ hội điện Huệ Nam là sinh hoạt truyền thống mang yếu tố văn hóa tâm linh thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na được cử hành vào tháng Ba và tháng Bảy (Âm lịch) hàng năm. Ngày 01/12/2016, Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Nghệ thuật Ca Huế đã tiếp thu, kế thừa và ảnh hưởng nhiều dòng âm nhạc cổ truyền dân tộc để trở thành một trong những loại hình âm nhạc truyền thống đặc sắc của Việt Nam. Ca Huế là nhịp cầu nối giữa cung đình - dân gian, dòng âm nhạc dân gian chính là cơ sở để hình thành và phát triển, là cái nôi nuôi dưỡng cho dòng âm nhạc bác học, cung đình Huế. Nhạc điệu của Ca Huế là nguồn cảm hứng cho nhạc dân gian Bình Trị Thiên và các thanh âm của Ca Huế phát sinh từ tiếng nói, ngữ điệu của người dân xứ Huế.

Bài Chòi Huế là một trò chơi dân gian thể hiện sự sáng tạo, thích nghi và trở thành một trong những loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian đầy tính ngẫu hứng, được nhiều người dân nông thôn vùng Huế tham gia hưởng ứng nhiệt tình. Ngày 07/12/2017, Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ đã được UNESCO ghi danh tại danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Huế là 01 trong 09 tỉnh, thành phố (gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng) tham gia lập hồ sơ di sản Bài Chòi trình UNESCO ghi danh.

Ẩm thực Huế là món ăn, thức uống của cư dân bản địa, cư dân Champa xưa kết hợp với món ăn, thức uống của người Việt; đồng thời là món ăn, thức uống dân gian cả nước hòa quyện với món ăn, thức uống cung đình. Món ăn, thức uống Huế rất phong phú, có thể giản dị, mang hương vị của sản phẩm nơi đồng ruộng, đầm phá, núi sông song cũng không kém phần sang trọng, tinh tế với cách bài trí món ăn mang đậm tính chất cung đình. Hiện nay, thành phố đang triển khai Đề án “Huế - Kinh đô ẩm thực” nhằm nâng cao hình ảnh của Ẩm thực Huế trong khu vực và trên thế giới, góp phần nâng cao hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế của ngành du lịch địa phương.

Đầu thế kỷ XVII, ở Đàng Trong mà trọng tâm là tại Huế đã xuất hiện một loại áo dài mới do cư dân sáng tạo nên, loại áo dài này rất phù hợp với môi trường sống, quan niệm sống và tính cách của người Việt hồi đó: Áo ngũ thân (hay áo năm thân). Từ năm 1744, gắn liền với công cuộc cải cách và định chế trang phục ở Đàng Trong, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã quy định, áo ngũ thân trở thành loại thường phục chung của cư dân toàn xứ sở. Sang đầu thế kỷ XIX, vua Minh Mạng đưa ra quy định bắt buộc tất cả người dân

Việt Nam, từ Bắc chí Nam đều phải sử dụng trang phục áo ngũ thân, và xem đây là sự thống nhất về văn hóa của một quốc gia độc lập với nền văn hiến lâu đời, có chế độ y quan (áo mũ) rực rỡ! Điều đó có nghĩa là áo dài ngũ thân đã trở thành trang phục chung hay quốc phục của người Việt Nam.

Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài” được UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt vào tháng 3/2023, tuy nhiên ngay từ thời điểm tháng 8/2021, khi đề cương của đề án này vừa được phê duyệt, Sở Văn hóa và Thể thao đã bắt tay vào việc triển khai các nội dung liên quan. Từ năm 2020, Sở Văn hóa và Thể thao đã tiên phong phát động mặc áo dài cho toàn thể cán bộ trong các lễ chào cờ đầu tháng và dịp lễ hội, lễ Tết, các sự kiện văn hóa truyền thống. Đây cũng là cơ quan đầu tiên trên cả nước đưa áo dài nam và nữ vào công sở. Ngày 29/03/2023, UBND tỉnh **Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế)** đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài” nhằm tôn vinh, khẳng định giá trị lịch sử, văn hóa và vai trò của di sản Áo dài Huế trong đời sống cộng đồng xã hội đương đại. Từ đó, tham mưu các cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy, khai thác hiệu quả di sản áo dài Huế gắn với các hoạt động quảng bá di sản, văn hóa, du lịch. Ngày 09/8/2024 vừa qua, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký quyết định số 2320/QĐ-BVHTTDL ghi danh “Tri thức may, mặc áo dài Huế” vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Ở Huế, do nhu cầu của công việc kiến thiết xây dựng các công trình kiến trúc, phục vụ đời sống sinh hoạt của vương triều Nguyễn, nên ở đây đã sớm hình thành các tượng cục và phường hội của các nghề và làng nghề truyền thống riêng biệt. Có thể kể đến các làng nghề nổi tiếng như đúc đồng phường Đức, điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên, kim hoàn Kế Môn, gốm Phước Tích, rèn Hiền Lương, tranh dân gian làng Sinh... Diền hình là các sản phẩm của làng nghề đúc đồng như Cừu Vị Thần Công thời Nguyễn, Sưu tập Vạc đồng thời chúa Nguyễn và Đại Hồng Chung chùa Thiên Mụ đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia Việt Nam. Đặc biệt, vào ngày 08/5/2024, tại thủ đô Ulaanbaatar, Mông Cổ, hồ sơ “Những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế” (hay còn gọi là Cửu Đỉnh) của Việt Nam đã được thông qua (với số phiếu tuyệt đối 23/23) và chính thức trở thành di sản tư liệu của Chương trình Ký ức Thế giới Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO. Những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế được vua Minh Mạng cho đúc năm 1835. Đây là di sản quý giá và là nguồn tư liệu độc đáo, quý hiếm mang nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa - giáo dục, địa lý... thể hiện nghệ thuật thư pháp và nghệ thuật đúc đồng tài hoa của người Việt.

Lễ hội Huế đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội hiện nay. Bởi vì, các lễ hội mang tính giáo dục và đề cao việc lưu giữ những giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng dân cư trong dòng chảy lịch sử. Đó là đạo hiếu, truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, các phong tục, tập quán sinh hoạt của ông cha và xem đây là những thước đo mang tính chuẩn mực.

Bên cạnh đó, thông qua việc thực hành lễ hội truyền thống, các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể có điều kiện được bảo vệ và phát huy giá trị. Diền hình các lễ hội tiêu biểu như Hội vật làng Sinh, Hội vật làng Thủ Lễ, lễ hội Cầu ngư, lễ hội đua ghe, lễ hội Du tiên,...

Ngoài ra, Huế còn là nơi hội tụ những sắc màu di sản văn hóa phi vật thể của các đồng bào dân tộc như Tà Ôi, Cơ Tu... luôn có sức thu hút lớn đối với các nhà nghiên cứu cũng như du khách thập phương. Đó là những phong tục tập quán, sinh hoạt đời sống

của đồng bào qua nhiều thế hệ, các lễ hội đặc sắc cùng với các làng nghề, món ăn truyền thống..., đặc biệt là nghề dệt Dèng truyền thống của dân tộc Tà Ôi và Lễ hội truyền thống AĐa Koonh (Mừng lúa mới) của người Pa Cô đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

2. Giải pháp phát huy hệ giá trị văn hóa, gia đình Huế từ việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể

Để gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể từ mỗi gia đình một cách hiệu quả, thiết nghĩ chúng ta cần phải triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền giáo dục Luật Di sản văn hóa và Nghị định của Chính phủ về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa để Luật này đi vào đời sống của nhân dân, làm người dân nâng cao ý thức trách nhiệm, tự nguyện, tự giác chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Thứ hai, tiến hành triển khai có hiệu quả công tác kiểm kê, sưu tầm số hóa di sản văn hóa phi vật thể nhằm nhận diện đầy đủ không chỉ về khối lượng, loại hình các di sản mà còn xác định và đánh giá giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học cũng như vai trò, ý nghĩa của di sản trong đời sống xã hội hiện nay.

Thứ ba, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi người, mọi nhà, đặc biệt là thế hệ trẻ, để cả cộng đồng cùng chung tay tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể xứ Huế.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua mô hình truyền dạy, đào tạo tập huấn cho các nghệ nhân trẻ, nhạc công, diễn viên (tức đối tượng thực hành di sản) làm nguồn nhân lực kế thừa, và tăng cường đội ngũ cán bộ có chất lượng làm công tác nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa phi vật thể. Đồng thời, tiến hành rà soát, tôn vinh các danh hiệu cao quý (Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú) và ban hành các chính sách đãi ngộ đối với những người có tài năng xuất sắc, có nhiều thành tích trong công tác bảo vệ, truyền dạy, phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, song song với quá trình đào tạo các cán bộ chuyên môn. Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước đi đôi với việc huy động nguồn lực xã hội hóa để bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế, những người tâm huyết với di sản có những hành động thiết thực góp phần tôn vinh, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch.

Có thể nói, sự phong phú, đa dạng, đặc sắc của văn hóa Huế, những phong cách ứng xử của gia đình Huế như tôn trọng, nghĩa tình, kính trên nhường dưới, lấy đức làm trọng,... chính là nền tảng quan trọng, là động lực và sức mạnh mềm để tinh Thừa Thiên Huế phát triển nhanh và bền vững.

Với những nỗ lực cao nhất và với những lợi thế sẵn có của mình, đặc biệt là trong bối cảnh cả thành phố đang nỗ lực triển khai Nghị quyết số 54-TW/NQ của Bộ Chính trị sẽ góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Huế phát triển toàn diện, đảm bảo sự hài hòa, kế thừa, phát huy các yếu tố truyền thống, bản sắc dân tộc ■

HUẾ VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ, BẢO QUẢN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ BẢO VẬT QUỐC GIA

■ HƯƠNG TRÀ

“Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học”. Luật Di sản Văn hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có quy định các tiêu chí để trở thành một bảo vật quốc gia cụ thể như sau: là hiện vật gốc độc bản; là hiện vật có hình thức độc đáo; là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên.

Hiện nay, cả nước có 265 hiện vật, nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia, trong đó, có 161 hiện vật, nhóm hiện vật được bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị tại các bảo tàng.

1. Công tác bảo vệ bảo vật quốc gia tại Huế

Huế hiện có 10 hiện vật, nhóm hiện vật (gồm 35 hiện vật) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật Quốc gia, gồm: Cửu vị thần công (09), Cửu đỉnh (09), Sưu tập vạc đồng (10), Ngai vua triều Nguyễn (01), Áo tế giao (01), Bia Khiêm Cung ký (01), Đại Hồng Chung (01), Bệ thờ Văn Trạch Hòa (01), Bia “Ngự kiến Thiên Mục Tự” (01), Bộ chóp tháp Champa Linh Thái (01). Các Bảo vật quốc gia đang được quản lý chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ, bảo quản, phát huy giá trị gắn liền với các di sản văn hóa trên địa bàn thành phố. Trong đó, 33 hiện vật thuộc 8 nhóm bảo vật quốc gia do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế quản lý; 02 hiện vật do Bảo tàng Lịch sử lưu giữ, bảo quản và phát huy giá trị. Các bảo vật quốc gia này thuộc nhiều chất liệu (vàng, đồng, đá, vải, gỗ...) với niên đại lịch sử, điều kiện bảo vệ và bảo quản khác nhau. Nhìn chung, các bảo vật quốc gia đang ở trong tình trạng nguyên vẹn, chỉ trừ một số bảo vật có chất liệu bằng gỗ, vải (như Ngai vua và Áo tế giao...) bị bạc màu và bong tróc theo thời gian, thời tiết khắc nghiệt của miền Trung.

Tất cả các bảo vật quốc gia đã được xây dựng phương án bảo vệ nghiêm ngặt (các biện pháp phòng, chống cháy nổ, trộm cắp, thiên tai...) nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các bảo vật quốc gia.

Trên cơ sở phương án đã xây dựng, Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế phối hợp với công an địa phương và tổ bảo vệ các nơi có bảo vật trực tiếp bảo vệ, trực ban 24/24 giờ. Đối với các bảo vật quốc gia đang được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử, đã xây dựng phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn với từng bảo vật quốc gia; tăng cường thêm biện pháp bảo vệ hiện vật trên khu vực trưng bày, sử dụng bục bệ phù hợp và chắc chắn, rào chắn bảo vệ (kính cường lực, kim loại), biển báo an ninh; tăng cường công tác bảo vệ đối với khu vực kho và địa điểm trưng bày 02 bảo vật quốc gia; đồng thời gửi công



Áo tấc giao (nguồn Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế)

văn thông báo đến các cơ quan chức năng, Công an địa phương về các bảo vật quốc gia.

2. Công tác bảo quản bảo vật quốc gia

2.1. Đối với các bảo vật quốc gia thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế:

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng của từng hiện vật, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã chủ

động xây dựng phương án bảo vệ và bảo quản cho từng hiện vật:

+ Đối với bảo vật đang được trưng bày, hàng tháng đều được Phòng Quản lý Kho cổ vật thuộc Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế kiểm tra, vệ sinh bảo quản định kỳ.

Đối với bảo vật đang được lưu giữ trong kho được bảo quản trong điều kiện nhiệt độ, độ ẩm ổn định và phù hợp; hàng ngày đều mở cửa kho, kiểm tra, theo dõi; hàng tháng đều được kiểm tra vệ sinh định kỳ.

2.2. Đối với bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng Lịch sử thành phố:

Bảo tàng đã xây dựng kế hoạch bảo quản định kỳ đối với từng bảo vật quốc gia, thường xuyên kiểm tra tình trạng, bảo quản phòng ngừa định kỳ nhằm hạn chế tình trạng xuống cấp và kéo dài tuổi thọ cho hiện vật. Phương pháp bảo quản phòng ngừa được sử dụng đối với chất liệu đá: làm vệ sinh hiện vật, loại bỏ các chất bẩn, làm sạch các vết bụi bám bề mặt và các kẽ hở ở những vị trí điêu khắc trên hiện vật... Tuy nhiên, hiện tại Bảo tàng vẫn chưa có kinh phí để xây dựng chế độ bảo quản chăm sóc đặc biệt cho bảo vật quốc gia.

3. Công tác phát huy giá trị bảo vật quốc gia:

3.1. Đối với các bảo vật quốc gia thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế:

Phát huy bảo vật quốc gia qua công tác trưng bày:

Trong số 33 bảo vật quốc gia được Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế lưu giữ, hiện tại chỉ có 01 hiện vật cất giữ trong kho, số còn lại đều được trưng bày tại các điểm di tích nhằm phát huy giá trị.

Tại các điểm hiện đang trưng bày bảo vật quốc gia, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã đặt biển giới thiệu tại chỗ, đồng thời gắn mã QR code để tạo điều kiện cho khách có thể truy cập thông tin được nhiều hơn và nhanh hơn.

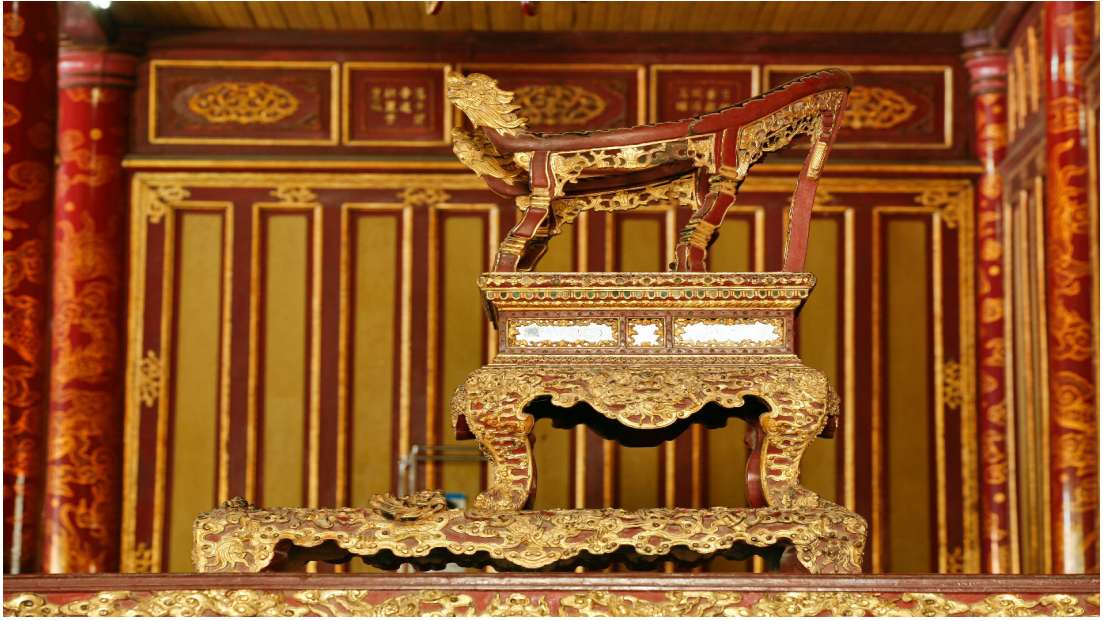
Đối với công trình Điện Thái Hoà đang trùng tu, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã triển khai làm bản sao để trưng bày tại Ngọ Môn; đồng thời đã chuyển Ngai vua triều Nguyễn trưng bày tại Bảo tàng để phục vụ công chúng.

Quảng bá hình ảnh bảo vật qua các phương tiện thông tin:

Toàn bộ các bảo vật đều đã được số hóa 3D để lưu giữ thông tin phục vụ việc quản lý và phát huy giá trị.

Quảng bá hình ảnh bảo vật qua các phương tiện thông tin: Website, FB của Bảo tàng, giới thiệu qua các bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, các ấn phẩm định kỳ của Bảo tàng.

Phối hợp với một số đơn vị truyền thông làm phim truyền hình về các bảo vật, giới thiệu trên truyền thông quốc tế.



Ngai vua triều Nguyễn (nguồn Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế)

Tổ chức các cuộc giao lưu tìm hiểu về Bảo vật dành cho các em học sinh, sinh viên; đặc biệt đưa thông tin và giá trị các bảo vật quốc gia vào chương trình học ngoại khóa nhằm giúp các em học sinh, sinh viên hiểu biết về nguồn gốc lịch sử, giá trị của bảo vật, để các em có ý thức gìn giữ góp phần vào công tác bảo tồn cũng như phát huy giá trị của bảo vật.

Ngoài ra, từ tháng 6/2023, Trung tâm đã tổ chức Triển lãm “Giang sơn Việt Nam trên Cửu Đỉnh” để giới thiệu những thông tin liên quan đến Cửu đỉnh.

3.2. Đối với bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng Lịch sử:

Khi Bảo tàng Lịch sử còn hoạt động tại di tích Quốc Tử Giám số 1 đường 23/8 thì 02 (hai) bảo vật quốc gia đều được trưng bày cố định trên hệ thống trưng bày nhằm thực hiện tốt việc phát huy giá trị di sản văn hóa. Tuy nhiên, hiện nay Bảo tàng Lịch sử đã thực hiện công tác di chuyển hiện vật đến địa điểm mới 268 Điện Biên Phủ, nên các Bảo vật quốc gia hiện đang được bảo quản tại kho và sẽ có phương án trưng bày, tiếp tục phát huy giá trị trong thời gian đến.

Bảo vật quốc gia Bệ thờ Văn Trạch Hòa đã từng là hiện vật được tham gia trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật Châu Á Thái Bình Dương, Hoa Kỳ vào năm 2010 trước khi được công nhận là bảo vật quốc gia.

Công tác quảng bá bảo vật quốc gia đến công chúng được thể hiện ở các hình thức: đăng tải trên website (hình ảnh, nội dung) của Bảo tàng; in hình ảnh bảo vật quốc gia và giới thiệu từng hiện vật trong ấn phẩm đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

4. Đề xuất các nhiệm vụ để bảo vệ và phát huy giá trị bảo vật quốc gia

Để công tác bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia tại Huế đạt hiệu quả cao, cần thực hiện một số nội dung như sau:

Tổ chức xây dựng, hoàn thiện và kịp thời triển khai phương án bảo vệ đặc biệt đối với từng bảo vật quốc gia, trong đó lưu ý: Có biện pháp phòng, chống cháy, nổ, trộm cắp, thiên tai và các nguy cơ gây hại khác để bảo đảm tuyệt đối an toàn cho các bảo vật quốc gia. Đối với bảo vật quốc gia hiện đang được lưu giữ tại các di tích hoặc thuộc sở

hữu tư nhân, phải thường xuyên thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch phối hợp liên ngành giữa cơ quan văn hóa với công an và chính quyền sở tại trong việc bảo vệ; phân định rõ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm chính.

Kịp thời, chủ động báo cáo, thông tin tới cơ quan chủ quản và các cơ quan có liên quan khi có những diễn biến trong thực tế ảnh hưởng đến công tác bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các bảo vật quốc gia.

Ưu tiên đầu tư kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị chuyên dụng dành cho kho bảo quản và khu vực trưng bày bảo vật quốc gia tại bảo tàng, nơi lưu giữ bảo vật quốc gia tại di tích, để bảo đảm bảo vật quốc gia được đặt trong chế độ bảo quản đặc biệt.

Việc bảo quản bảo vật quốc gia phải được lập thành phương án cụ thể, bảo đảm tính khoa học và tính pháp lý để trình cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt; quá trình thực hiện bảo quản phải tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật bảo quản, đồng thời có sự phối hợp, hướng dẫn của các nhà khoa học trong lĩnh vực liên quan, các chuyên gia về bảo quản (căn cứ theo loại hình, chất liệu, tình trạng của từng bảo vật quốc gia).

Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình riêng, với nội dung hấp dẫn, hình thức đa dạng, dễ phổ biến và tiếp cận để quảng bá giá trị của bảo vật quốc gia tới đông đảo công chúng trong và ngoài nước.

Tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu, các lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các bảo tàng, di tích. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện các dự án hợp tác quốc tế với các quốc gia phát triển, các tổ chức di sản văn hóa thế giới như UNESCO, ICCROM... trong lĩnh vực bảo tồn, bảo quản, tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo cán bộ trong và ngoài nước để nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng bảo quản ■



Bệ thờ Vân Trạch Hòa (nguồn Bảo tàng Lịch sử)

MỘT THANH KIẾM THỜI MINH MẠNG ĐƯỢC ĐẤU GIÁ TẠI IRELAND

■ Bài và ảnh: TRẦN ĐỨC ANH SƠN *

Ngày 18/11/2024, vào lúc 11g00, tại Dublin (Ireland), nhà đấu giá ADAM'S (thành lập từ năm 1887) sẽ tổ chức phiên đấu giá (trực tiếp và online) “Supreme Glory Fine Asian Arts” (Tột đỉnh vinh quang - Nghệ thuật châu Á), với 473 lô cổ vật có xuất xứ từ các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Sri Lanka, Việt Nam...

Trong số đó có 18 lô cổ vật được ghi xuất xứ từ Việt Nam, gồm đồ sứ ký kiểu, đồ sơn mài, đồ đồng, tranh lụa, tranh sơn dầu, tranh màu trên giấy, thoi bạc thời Nguyễn, tượng Phật bằng gỗ và một thanh kiếm có niên đại thời Minh Mạng.

Trong số 18 lô cổ vật có nguồn gốc từ Việt Nam được đấu giá lần này, thanh kiếm thời Minh Mạng được định giá sàn (estimate price) cao nhất: 100.000 - 150.000 euro, và đã được một nhà sưu tập người Anh đấu giá thành công với giá 370.000 euro, chưa tính thuế và phí (khoảng từ 17%-24%).

Thanh kiếm này đến từ bộ sưu tập của Đại tá Pierre Le Lann, một nhà sưu tập vũ khí người Pháp, đã mua từ một nguồn giấu tên vào thập niên 2000.

Cho đến nay, ngoại trừ thanh Thái A kiếm (太阿劍), có niên đại vào triều Gia Long (1802-1820), bị quân Pháp cướp khỏi Tử Cấm Thành (Đại Nội Huế) sau sự kiện “Thất thủ kinh đô” (05/7/1885), đưa về Pháp và đang trưng bày tại Bảo tàng Quân đội (Musée des Armées) trong khuôn viên Điện Phế binh Quốc gia (Les Invalides) ở Paris, không có thanh kiếm nào của các vua thời Nguyễn sơ (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức) được giới thiệu công khai ở Việt Nam và hải ngoại.

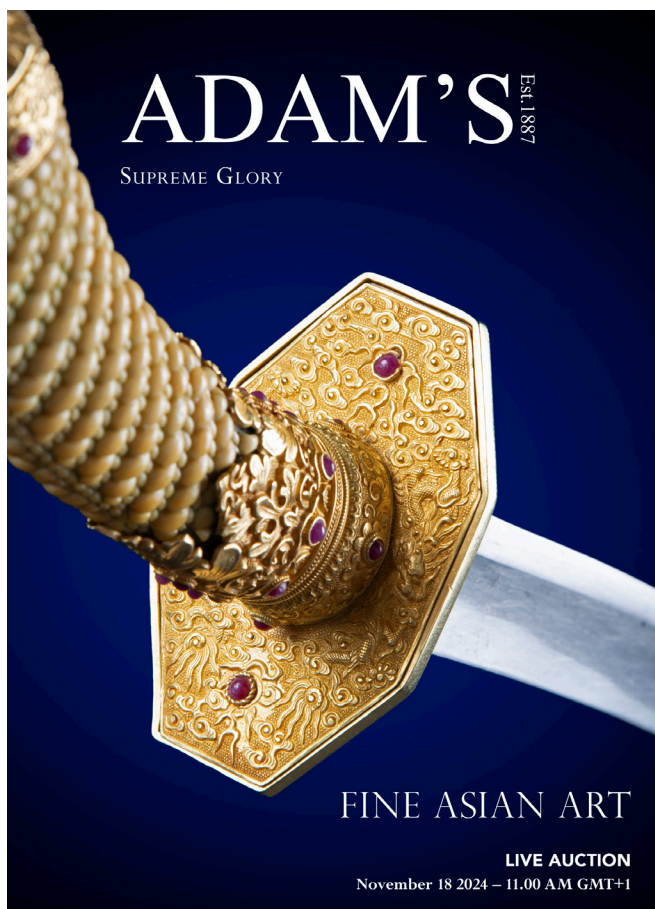
Tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam ở Hà Nội và Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế có lưu giữ một số thanh kiếm của các triều vua Khải Định và Bảo Đại; trong khi Bảo tàng Mỹ thuật Rennes (Musée des Beaux-Arts de Rennes) ở Bretagne có lưu giữ một số kiếm và gươm của triều Hàm Nghi mà người Pháp thu được tại vùng núi Hương Khê (Hà Tĩnh) sau khi họ vây bắt thành công vua Hàm Nghi vào năm 1888. Vì thế sự xuất hiện của một thanh bảo kiếm ghi niên hiệu Minh Mạng là một sự kiện hiếm hoi, rất đáng quan tâm.

Từ Paris, nhà nghiên cứu cổ vật người Pháp gốc Việt Philippe Truong, người trực tiếp khảo sát và đánh giá theo lời mời của nhà đấu giá ADAM'S, đã gửi cho tác giả bài này một số thông tin về thanh kiếm này. Kết hợp với thông tin và hình ảnh về thanh kiếm được ADAM'S đăng trên website của cuộc đấu giá: <https://adams.auctioneersvault.com/catalogues/A1003/246/index.html>, tôi có được những thông tin khá đầy đủ về thanh kiếm này.

* Giới thiệu thanh kiếm

Thanh kiếm dài 96 cm, mang phong cách truyền thống của kiếm chém Á châu: lưỡi kiếm cong làm bằng thép, chuôi kiếm và đốc kiếm làm bằng kim khí quý, có trang trí đá quý, vàng, bạc ngà voi. Hình dáng thanh kiếm khá giống với thanh Thái A kiếm của

* TS., Trường Đại học Đông Á.



Thanh kiếm được hãng ADAM'S quảng cáo trên catalogue của cuộc đấu giá ngày 18/11/2024.

vươn cao. Trên lớp trang trí bằng vàng này có khảm 8 viên hồng ngọc, chia làm hai tầng, bao quanh chuôi kiếm.

Đốc kiếm hình lục giác không đều nhau. Hai mặt chính của đốc kiếm đúc bằng vàng, chạm trổ hình hai con rồng năm móng mang đặc trưng của con rồng trong mỹ thuật thời Nguyễn. Trên mép của đốc kiếm có khắc dòng chữ Hán: 明命貳拾一年奉刻八五黄金共重八兩七寸七分 (*Minh Mạng nhị thập nhất niên phụng khắc, bát ngũ hoàng kim cộng trọng bát lượng thất thốn thất phân*: “Vâng lệnh khắc vào năm Minh Mạng thứ hai mươi một [1840], bằng vàng tám tuổi rưỡi, nặng tám lượng, bảy chỉ, bảy phân). Chữ được khắc bằng cách đục các chấm nhỏ liền nhau tạo thành những nét chữ Hán. Đây là kỹ thuật khắc chữ lên đồ vật bằng vàng và bạc rất phổ biến vào thời Nguyễn.

Lưỡi kiếm làm bằng thép tôi, cong vừa phải, nhọn sắc ở phía cuối. Trên thân lưỡi kiếm có khắc ba cụm biểu tượng thể hiện hình tám khiên, ngọn giáo, khẩu pháo và lá cờ, cùng hai chữ S&K khắc chìm.

Theo Philippe Truong, hai chữ S&K là chữ viết tắt của *Schnitzer & Kirchbaum*, một xưởng chuyên rèn lưỡi kiếm ở Solingen (Đức), hoạt động từ năm 1811 đến năm 1864. Lưỡi kiếm của họ nổi tiếng về chất lượng và được sử dụng trên kiếm của các sĩ quan ở Đức và Pháp vào thế kỷ XIX.

Vỏ kiếm làm bằng gỗ, bên ngoài có phủ lớp sơn đỏ. Phần đầu, phần giữa và phần

vua Gia Long đã đề cập trên đây.

Chuôi kiếm cong, được bọc một lớp ngà voi bên ngoài. Lớp ngà voi này được chạm khắc thành một chuỗi các hạt hình tròn nối liền nhau, giống như một chuỗi ngọc trai cuộn quanh chuôi kiếm. Phần cuối chuôi kiếm bọc vàng, tạo dáng như nắp của một hộp đựng thuốc sợi dùng để ăn trầu (rất phổ biến vào thời Nguyễn), chạm khắc hình rồng ở mặt ngoài gắn với một chiếc khuy tròn bằng vàng, cùng chuỗi họa tiết hình cánh sen và hình hoa cúc liên kết nhau, có nạm hai viên hồng ngọc ở hai bên.

Sát với đốc kiếm (garde) là một lớp trang trí bằng vàng bao kín phần cuối chuôi kiếm, tạo hình thành ba khối dính liền nhau: khối dưới cùng trang trí lá cúc liên hoàn, kế tiếp là chuỗi trang trí hình lá ô rô và ba dải hình chấm tròn liền nhau, sau cùng là tổ hợp chạm khắc hình hoa và lá cúc

cuối của vỏ kiếm được bọc các mảng trang trí bằng vàng lá, với các đồ án trang trí: hình rồng mặt nạ gắn hai viên hồng ngọc (phần đầu), hoa cúc (phần giữa) và “long vân khê hội” (phần cuối) rất chi tiết và tinh xảo. Phần đầu của vỏ kiếm, trên một mặt có khắc dòng chữ Hán: 内造臣杜濬造 (*Nội tạo, thần Đỗ Lự tạo*: Thần dân Đỗ Lự chế tạo tại Nội tạo); mặt còn lại khắc hai chữ Hán: 二號: (Nhị hào: số 2)

* Một vài nhận xét

Căn cứ vào văn tự khắc trên kiếm, chúng ta có thể ghi nhận như sau:

Thanh kiếm do một người làm việc ở Sở Nội tạo (một cơ quan chuyên sản xuất đồ dùng trong cung vua triều Nguyễn, về sau đổi tên là Phủ Nội vụ), tên là Đỗ Lự, chế tác vào năm Minh Mạng thứ 21 (1840). Phần làm bằng vàng có trên chuôi kiếm và đốc kiếm có tổng trọng lượng là tám lượng, bảy chỉ, bảy phân vàng 8,5 tuổi. Lưỡi kiếm đặt mua từ

xưởng *Schnitzer & Kirchbaum* ở Solingen (Đức). Kiểu dáng của kiếm theo phong cách Á đông, không phải kiểu kiếm thẳng của châu Âu rất phổ biến vào khoảng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, giống như kiếm của các triều vua Khải Định (1916 - 1925) và Bảo Đại (1926 -



Mảng trang trí bằng vàng ở chuôi kiếm và đốc kiếm.

1945) vẫn còn lưu giữ ở các bảo tàng và sưu tập tư nhân ở Việt Nam và hải ngoại.

Đáng chú ý là việc dùng chữ 寸 (*thốn*) làm đơn vị đo trọng lượng của vàng, được khắc trên kiếm là một bằng chứng về tính nguyên gốc của thanh kiếm này. Nó xác định thanh kiếm được chế tác vào thời Nguyễn, cụ thể là vào triều Minh Mạng (1820 – 1841). Bởi lẽ, các cổ vật bằng vàng của triều đại này còn lưu lại ở nhiều bảo tàng và sưu tập tư nhân, cũng như được đưa ra bán đấu giá trong những năm qua ở nước ngoài, như: chiếc *quán tẩy* bằng vàng trưng bày tại cuộc triển lãm của nhà buôn bán đồ cổ Roger Keverne ở London vào năm 2008; hay tượng con *giải trãi* bằng vàng cao 12 cm, do nhà sưu tầm Gillet-Seurat đưa ra đấu giá ở Reuil-Malmaison (Pháp) vào ngày 28/3/2010..., thì đơn vị chỉ trọng lượng được khắc trên các cổ vật này đều ghi là 寸 (*thốn*). Đây là đơn vị đo trọng lượng vàng chỉ được dùng ở Việt Nam, trong khi ở Trung Quốc, Nhật Bản hay Triều Tiên vào thời kỳ này đều dùng đơn vị 錢 (*tiền*) thay vì 寸 (*thốn*) như ở Việt Nam. Theo Philippe Truong, 寸 (*thốn*) còn được người Việt dùng để đo khoảng cách, thay vì dùng đơn vị 尺 (*xích*) như ở các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên đương thời.

Về lưỡi kiếm, theo nhận định của Philippe Truong: trên lưỡi kiếm thép có khắc các họa tiết gồm: ngọn giáo, khẩu pháo, tám khiên và lá cờ, được đặt giữa một bông hoa

cách điệu. Những họa tiết này thể hiện sở thích của vua Minh Mạng, người đã từng đặt làm nhiều món đồ sứ trắng từ xưởng Spode ở Anh quốc trong các năm 1824 - 1825, có trang trí những hình tương tự, sau đó thì vua cho vẽ thêm các kiểu hoa văn phổ biến trong mỹ thuật Trung Hoa và Việt Nam lên những món đồ này, kèm theo các lạc khoản: 明命五年曾畫 (*Minh Mạng ngũ niên tăng họa*: Vẽ thêm vào năm Minh Mạng thứ 5, 1824) hoặc: 明命六年曾畫 (*Minh Mạng lục niên tăng họa*: Vẽ thêm vào năm Minh Mạng thứ 6, 1826), rồi đem nung lại để dùng. Những hiện vật này vẫn còn lưu giữ ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Sau cùng, tôi cho rằng có thể thanh kiếm này đã bị thực dân Pháp cướp đi khi họ tấn công vào Kinh Thành Huế vào tháng 7.1885, cùng với nhiều bảo vật khác của triều Nguyễn, như một ghi chép của linh mục Siefert, người đã có mặt tại Huế lúc bấy giờ, phản ánh khi ông đối chiếu với bảng kiểm kê tài sản của hoàng gia lập trước ngày 05/7/1885 với những gì đã mất. Theo đó, quân Pháp đã cướp: “228 viên kim cương, 266 món nữ trang có nạm kim cương, hạt trai, hạt ngọc, 271 đồ bằng vàng trong cung của bà Từ Dũ... Tại các tôn miếu thờ các vua: Gia Long, Minh Mạng và Thiệu Trị thì hầu hết các thứ có thể mang đi như mũ miện, đai áo, thảm đệm, triều phục, long sàng và bàn xoay có chạm trổ, các giá trưng bày vũ khí, hộp đựng trà để thờ, ống nhổ, chậu quán tẩy bằng vàng; hỏa lò, mùng và màn thêu hoa, đỉnh trầm, ấm trà và khay chén, tấm xà răng... đều bị cướp” (Nguồn: J. Chesneaux, *Contribution à l’histoire de la nation vietnamienne*, Paris, Éditions Sociales, 1955, p. 134).

Phần lớn những bảo vật cướp bóc trong đợt này đã được người Pháp chuyển về Paris. Và vì một lý do nào đó, [có thể] thanh kiếm này cũng là một vật bị cướp, lại lọt ra bên ngoài, lưu lạc sau gần ấy năm, rồi được một nhà sưu tầm cổ vật mua lại vào thập niên 2000, và nay lại được đưa ra bán đấu giá bởi nhà đấu giá ADAM’S ở Paris.

* Tác giả bài viết chân thành cảm ơn nhà nghiên cứu Philippe Truong (Paris, Pháp) đã gửi thông tin và link của cuộc đấu giá, để tác giả tham khảo và viết bài này ■



Ảnh: Xuân Đạt

THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH KHẢO CỔ Ở HƯƠNG TRÀ

■ Bài và ảnh: TRẦN TUẤN ANH*

Di tích khảo cổ là một trong 4 loại hình di tích lịch sử văn hóa, một bộ phận cấu thành lịch sử, truyền thống văn hóa của vùng đất, là dấu tích quan trọng minh chứng cho quá trình hình thành, phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử, làm nên đặc trưng, cốt cách của mảnh đất đó. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, Hương Trà đã và đang gìn giữ nhiều công trình khảo cổ có giá trị lịch sử văn hóa của đất nước, trong đó nhiều di tích khảo cổ góp phần tạo dựng bề dày lịch sử của vùng đất này.

1. Các di tích khảo cổ trên địa bàn thị xã Hương Trà

1.1. Di tích văn hoá Sa Huỳnh

Hệ thống di tích khảo cổ trên địa bàn thị xã Hương Trà đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập từ rất sớm và được Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức khảo sát, lập quy hoạch và cắm biển đánh dấu trên bản đồ khảo cổ học của tỉnh Thừa Thiên Huế. Những thông tin về văn hóa Sa Huỳnh ở vùng đất này cho thấy đây là khu vực được cộng đồng dân cư quần tụ khá lâu đời và trải rộng trên phạm vi rộng lớn, dọc theo sông Bồ, gồm:

Di tích Cửa Thiềng

Di tích Cửa Thiềng thuộc thôn Phú Ốc (nay là Tổ dân phố 1), phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, đã được khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế phát hiện vào năm 1988 và cho rằng đây là một khu mộ táng văn hoá Sa Huỳnh. Hiện tại khu di tích là khu ruộng canh tác hoa màu có xen lẫn các mộ hiện đại. Qua các đợt khảo sát, hiện trạng là khu ruộng, tuy nhiên trên vách hố thám sát đào sâu cắt ngang ruộng, đã tìm được một số mảnh gốm thô có lớp áo màu đỏ và xương xám đen.

Di tích Cồn Ràng

Di tích Cồn Ràng thuộc Tổ dân phố Phú Ổ, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà.

Di tích Cồn Ràng được đã được phát hiện năm 1987, từ đó đến nay di tích này đã được khai quật nhiều lần với quy mô lớn. Kết quả khai quật và nghiên cứu đã cho thấy đây là một khu mộ táng văn hóa Sa Huỳnh có quy mô và số lượng lớn nhất trong văn hóa Sa Huỳnh được biết đến hiện nay, có niên đại khoảng 2500 - 2000 năm cách ngày nay.



* ThS. Trưởng phòng Quản lý Di sản văn hóa, Sở Văn hóa và Thể thao.

Thực trạng hiện nay cho thấy, khu di tích đã bị đường quốc lộ chia cắt, những phần còn lại đều là khu nghĩa địa của cư dân hiện đại. Nguy cơ xóa sổ di tích này là rất rõ. Toàn bộ di tích rộng trên 5000m², phần lớn di tích đã được khai quật di dời để làm đường, diện tích còn lại có thể khai quật được còn khoảng 500m² đều là khu nghĩa địa của cư dân hiện đại.

Di tích Cồn Dài

Di tích Cồn Dài là một khu mộ táng thuộc văn hoá Sa Huỳnh, có nhiều điểm tương đồng với di tích Cồn Ràng. Di tích này đã được Bảo tàng Lịch sử Việt Nam khai quật năm 2006. Hiện khu vực di tích Cồn Dài cũng bị xâm phạm một phần bởi con đường bê tông dân sinh cắt ngang qua một phần, những khu vực còn lại của di tích là nơi cư dân đang sinh sống, canh tác nông nghiệp, làm nghĩa trang liệt sĩ và nghĩa trang nhân dân...

Di tích Bàu Đưng

Di tích Bàu Đưng nằm đối diện với di tích Cồn Dài qua đường tránh thành phố Huế. Di tích là một khu mộ táng thuộc văn hoá Sa Huỳnh. Tuy nhiên, hiện nay di tích đã bị nhân dân dùng làm nghĩa trang trong nhiều thời kỳ.

Di tích Cồn Thu Lu

Di tích Cồn Thu Lu nằm ở giữa di tích Cồn Dài và di tích Cồn Ràng. Đây cũng là một khu mộ táng thuộc văn hoá Sa Huỳnh, có nhiều điểm tương đồng với di tích Cồn Ràng, Cồn Dài. Hiện tại trên khu vực di tích Cồn Thu Lu trồng khá nhiều cây bạch đàn, dừa... và nhân dân xây dựng một số mộ mả. Tuy vậy, di tích này còn khá nguyên vẹn so với các di tích còn lại ở đây.

1.2. Di tích văn hoá Champa

Khác với các di tích thuộc văn hóa Sa Huỳnh, các di tích thuộc văn hóa Champa còn khá rõ nét. Một số di tích được bảo vệ và được cộng đồng tiếp nhận, sử dụng dưới hình thức như tế tự.

Di tích tháp đôi Liễu Cốc

Tháp đôi Liễu Cốc thuộc Xóm Tháp, thôn Bàu Tháp (nay là Tổ dân phố Xuân Tháp), phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà. Tháp đôi Liễu Cốc đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích cấp quốc gia loại hình di tích Kiến trúc Nghệ thuật theo QĐ số 2754 - QĐ/ BT ngày 15/10/1994.

Năm 2024, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và UBND thị xã Hương Trà tổ chức Hội nghị báo cáo sơ bộ Kết quả thăm dò, khai quật tháp đôi Liễu Cốc. Kết quả thăm dò, khai quật 80m² tại khu di tích đã làm rõ một phần bình đồ kiến trúc tổng thể đền tháp Liễu Cốc với những đặc trưng kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, bia ký... thể hiện rõ nét đây là công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng quan trọng của người Chăm, niên đại xây dựng vào khoảng cuối thế IX và đã được người Việt kế thừa thờ cúng cho đến ngày nay.

Qua đợt khai quật, đã phát hiện hàng nghìn di vật, tiêu biểu trong đó là 50 mảnh xác định được trang trí hình đầu bò, trong đó có 2 hiện vật nguyên dáng, 11 mảnh đầu bò, 2 mảnh miệng/mũi bò, 22 mảnh bờm và 13 mảnh chốt; 04 tiêu bản, gồm 01 đầu tượng Phật và 04 mảnh bia ký; Đầu tượng có dạng phù điêu, tạo tác một mặt từ đá phiến màu xám tím, thể hiện đầu tượng Phật (niên đại thế kỷ X - XI); có 3 mảnh mặt bia, khắc chìm chữ Phạn cổ (hoặc chữ Chăm cổ), 01 mảnh cạnh bên; đồ gốm được tìm thấy với nhiều loại hình, chất liệu, như: gốm thô (03 mảnh), đồ đất nung (80 mảnh), đồ sành (437 mảnh, trong đó có những 03 chiếc bình vôi của lò gốm Phước Tích, thế kỷ XVI - XVIII



còn tương đối nguyên vẹn); đồ gốm men Việt Nam (153 mảnh, niên đại kéo dài từ thế kỷ XIV - XIX), đồ sứ Trung Quốc (thế kỷ X - XIX) cùng nhiều vật liệu trang trí có giá trị.

Di tích Cồn Tháp

Dấu tích Cồn Tháp thuộc thôn Phú Ốc (nay là Tổ dân phố 2), phường Tứ Hạ thị xã Hương Trà. Tên gọi Cồn Tháp cho chúng ta những thông tin về một di tích tháp Champa đã từng tồn tại. Cồn này đã bị phá hủy, hạ thấp xuống so với mặt bằng ban đầu 50-100cm. Theo truyền thuyết của nhân dân địa phương, trước kia ở đỉnh đồi có dấu tích một ngôi tháp Champa cổ, chính vì vậy ngọn đồi mới mang tên gọi Cồn Tháp. Trên đồi hiện nay còn vương vãi nhiều gạch Champa vỡ nát. Ngoài các

mảnh gạch Champa vỡ, tại đây cũng tìm thấy 1 mảnh nộm kiến trúc dùng trong xây tháp.

Di tích Miếu Kỳ Thạch Phu nhân

Miếu nằm bên cạnh Ngã ba Sinh, trong có thờ bức phù điêu Ravana - Kailaisa, mà người dân ở đây gọi là Kỳ Thạch Phu nhân với kích thước: Cao: 95cm; dày: 25cm; rộng: 126cm. Miếu thuộc địa phận làng Thanh Phước, xã Hương Phong, thị xã Hương Trà (nay là thành phố Huế).

2. Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích khảo cổ ở Hương Trà

Để bảo tồn và phát huy hiệu quả hệ thống di tích khảo cổ ở Hương Trà, cần nghiên cứu tính đặc trưng của mỗi di tích hay cụm di tích để có giải pháp hợp lý, trong đó, ưu tiên lựa chọn một số giải pháp sau:

2.1. Bảo quản, trưng bày tại chỗ

Trong số các di tích khảo cổ hiện hữu trên địa bàn thị xã Hương Trà, nhiều di tích thuộc nền văn hóa Sa Huỳnh (Cồn Dài, Cồn Ràng, Cồn Thu Lu...) đã được khai quật khảo cổ với nhiều nhóm hiện vật phong phú, trong đó nổi trội hơn cả là hệ thống hiện vật mộ chum và đồ tùy táng. Với diện tích khai quật 2.300 m² phát hiện 216 ngôi mộ (trong đó có 210 mộ chum, 6 mộ đất) và nhiều di vật khác: 19 tiêu bản khuyên tai bằng đá (trong đó 12 tiêu bản hình tròn; 4 tiêu bản ba mút; 2 tiêu bản hình bông hoa; 1 tiêu bản hình hai đầu thú); 211 hạt trang sức (trong đó 174 hạt bằng đá; 37 hạt bằng thủy tinh); 103 tiêu bản đục, giáo, liềm, dao... bằng sắt; trên 200 tiêu bản dọi xe chỉ, bình, nồi, niêu, đèn, bát... chất liệu gốm¹...

Bên cạnh đó một số di tích văn hóa Champa đã được người dân địa phương biến

1. Viện Khảo Cổ (2002), Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ học Cồn Ràng.



thành những nơi thờ tự và thành các đối tượng thờ cúng của cộng đồng (miếu Kỳ Thạch Phu nhân). Đây là những chứng tích đặc biệt chứng minh quá trình giao thoa văn hóa và quá trình Việt hóa các di sản văn hóa Champa của cư dân Việt trong hành trình Nam tiến của dân tộc. Những di tích và hiện vật này đã trở thành tài sản tinh thần của cộng đồng không thể tách rời không gian thiêng. Chính vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ, hướng dẫn cho các địa phương có loại hình di tích này cách thức quản lý, tổ chức hoạt động trưng bày và lễ hội nhằm làm cho các địa điểm này trở nên khang trang, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu thờ phụng và đời sống tâm linh của nhân dân, đồng thời góp phần bảo quản và bảo đảm an toàn cho những hiện vật đang được gìn giữ, thờ cúng nơi đây.

2.2. Khai quật thu hồi hiện vật:

Đối với di tích đã trở thành phế tích, không còn khả năng trùng tu, bảo quản nhằm phục vụ nhu cầu tham quan và nghiên cứu như trường hợp dấu tích Cồn Tháp cần tiến hành khai quật khảo cổ để thu hồi hiện vật làm cơ sở để xây dựng phương án trưng bày nhằm giới thiệu cho cộng đồng những giá trị quý giá của hiện vật. Đối với biện pháp này, tiến hành nghiên cứu, lập phương án khai quật khảo cổ học các phế tích này để nghiên cứu các vấn đề lịch sử, văn hóa, mỹ thuật... chứa đựng trong phế tích và thu hồi các hiện vật có trong phế tích,

Sau khi khai quật, nghiên cứu và thu hồi hiện vật, hoàn trả lại hiện trạng ban đầu cho phế tích; cắm mốc khoanh vùng bảo vệ hiện trường khai quật, chỉnh lý hiện vật thu được từ các cuộc khai quật, lưu trữ dưới dạng văn bản và số hóa... Tổ chức bảo quản và trưng bày trong phòng trưng bày lịch sử và văn hóa Champa hoặc kết hợp trưng bày dấu ấn văn hóa Champa trong sự tiếp nối của văn hóa Sa Huỳnh để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tham khảo của công chúng.

2.3. Tu bổ, tôn tạo di tích

Thực hiện phương án tu bổ, tôn tạo di tích tháp đôi Liễu Cốc nhằm bảo quản và phát huy giá trị di tích phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Chính quyền cần đầu tư kinh phí để tiến hành công tác trùng tu, bảo tồn và xây dựng các hạ tầng chung quanh di tích này

(trưng tự mô hình tháp Champa Mỹ Khánh, xã Phú Diên, huyện Phú Vang), biến di tích này thành địa điểm trung tâm trong các tuyến tham quan và nghiên cứu di sản văn hóa Champa ở Thừa Thiên Huế.

2.4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý gắn với phát triển du lịch

Thực hiện tốt Quy hoạch khảo cổ tỉnh Thừa Thiên Huế đến 2020 và định hướng đến 2030 đã được UBND (nay là UBND thành phố) phê duyệt tại Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 và Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 26/7/2017.

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức kiểm tra khoanh vùng bảo vệ các địa điểm nhằm hạn chế sự xâm hại hay làm biến dạng di tích. Đồng thời, kết nối các địa điểm này vào các tuyến điểm tham quan du lịch sinh thái, du lịch tâm linh để phục vụ du khách đến tham quan nghiên cứu.

Nâng cao hiệu quả phong trào trường học thân thiện, học sinh tích cực bằng các hoạt động thiết thực: tổ chức cho học sinh trên địa bàn thị xã Hương Trà tham gia các hoạt động ngoại khóa tại di tích; tổ chức thi rung chuông vàng về di sản trên địa bàn tạo niềm hứng khởi trong học tập cho học sinh và nâng cao nhận thức cho các thế hệ trong việc bảo tồn di sản của dân tộc.

Hoạt động bảo tồn di sản nói chung và di tích khảo cổ trên địa bàn thị xã Hương Trà nói riêng trong thời gian qua đã được UBND thị xã và các phòng chuyên môn quan tâm. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả và bảo tồn bền vững các di tích khảo cổ, cần thực hiện tốt hơn nữa Quy hoạch khảo cổ, Đề án 256/ĐA-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh và triển khai hiệu quả Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ■

LÊ VIẾT XUÂN

Bến Xưa



*Chia tay góc quán Bến Xưa
Chiều thu nhạt nắng cũng vờ ghé qua.
Nước sông ừ ừ ái trời phà
Xanh, vàng, tím tím như là áo em.
Chuyện xưa nhớ nhớ, quên quên
Chuyện nay nặng nặng nỗi niềm ai hay.
Chuyện trong nhà, chuyện đó đây
Chuyện đi chuyện ở... tỉnh say la đà...
Ngày mai bạn đã bay xa
Nửa vòng trái đất, cả nhà đoàn viên.
Cầu cho chân cứng đá mềm
Mong sao cuộc sống bình yên xứ Người...
Bến Xưa, lắng tiếng ru hời
Bến Xưa, còn có ai ngồi với ai.*

DẤU ẤN HỘI AN TRONG TRƯỚC TÁC CỦA HOÀNG TRUNG ĐẶNG HUY TRỨ

■ *Bài và ảnh:* **VÕ VINH QUANG**

Đặng Huy Trứ (1825-1874) tên tự Hoàng Trung, hiệu Tĩnh Trai, Vọng Tân, là một danh nhân văn hóa xứ Huế thế kỷ XIX. Họ Đặng quê gốc ở làng Hà Trung (nay thuộc xã Vinh Hà, huyện Phú Vang, thành phố Huế), sau dời lên Kinh thành, lại về làng Hiền Sĩ (Phong Sơn, Phong Điền, Huế), và cư ngụ đất Thanh Lương (thị xã Hương Trà hiện nay), nhập tịch làng Bác Vọng (Quảng Phú, Quảng Điền, Huế). Hiện tại, nhà thờ họ Đặng tọa lạc tại làng Thanh Lương.

Đặng Huy Trứ xuất thân từ một danh gia luôn nêu cao việc học hành và vun bồi đức nghiệp. Ông nội Đặng Huy Trứ là Đặng Quang Tuấn (1752-1825) và cha là Đặng Văn Trọng (1799-1849) làm nghề dạy học, bác ruột Đặng Văn Hòa (còn gọi Đặng Văn Thiêm) là một vị quan cao cấp của triều Nguyễn sơ, trải đến chức Thượng thư các Bộ (Hộ, Lễ, Binh, Công), hàm Thiếu Bảo. Bác thứ hai là Đặng Văn Chúc (1795-1847) làm Ngự y trong Thái Y viện triều Nguyễn.

Sinh ra và lớn lên trong gia tộc truyền thống học hành và đức độ, chăm lo vun bồi hạnh nghiệp, gìn giữ và phát huy gia phong lễ giáo nên từ nhỏ Đặng Huy Trứ đã thấm nhuần Luân - Thường đạo lý, nền tảng của đạo làm người. Con đường cử nghiệp của ông không thuận lợi, dẫu tài năng xuất chúng đương thời.

Khoa thi 1847, do sơ suất phạm húy khi làm bài ở kỳ thi Đình, nên Đặng Huy Trứ bị truất Tiến sĩ, quay về quê dạy học. Sau đó 8 năm, nhờ có tiếng tăm về học hạnh, ông được triều đình bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng. Từ các năm 1856 đến 1864, Đặng Huy Trứ trải qua các chức Thông phán ở ty Bố chính Thanh Hóa, Tri huyện Quảng Xương (Thanh Hóa), Tri phủ Thiên Trường (Nam Định), Hàn Lâm viện Trước tác và Ngự sử. Năm 1864, ông được bổ nhiệm chức Bố chính Quảng Nam. Năm 1865, Đặng Huy Trứ được cử đi Hương Cảng (Trung Quốc) và năm 1867 thì đi sứ đến Thanh triều (Trung Quốc). Những năm từ 1868 cho đến 1874, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ ở các tỉnh phía Bắc như Biện lý bộ Hộ (1868), Bang biện quân vụ Lạng - Bằng - Ninh - Thái (1871)...

Dấu ấn Hội An (Quảng Nam) trong trước tác của Đặng Huy Trứ

Đặng Huy Trứ là vị quan thanh liêm, giao thiệp rộng rãi với nhiều tầng lớp. Đương thời, ông được xem là nhà tư tưởng lớn, có tư duy canh tân đất nước và là ông tổ của nghề nhiếp ảnh Việt Nam. Trong cuộc đời hành nghiệp, Đặng Huy Trứ luôn hết mực quan tâm đến mọi mặt đời sống của nhân dân, trong đó yếu tố không thể thiếu là truyền thống văn hóa tinh thần của các địa phương, vùng đất. Đến Quảng Xương (Thanh Hóa) năm 1858, ông cho dựng lập các nghĩa trang, dựng đàn cô hồn để chôn cất, cúng tế những vong nhân đã khuất. Tại quê nhà (làng Bác Vọng và làng Thanh Lương), Đặng Huy Trứ cũng phối kết hợp với các anh em con cháu trong tộc họ, cùng chức sắc hương lão của làng để xây dựng, trùng tu lại những văn thánh, văn chỉ của làng, nhằm tôn vinh truyền thống học hành cử nghiệp, lấy đó làm dấu ấn văn hóa quan trọng để thôi thúc mọi người học tập, tích lũy kiến thức cho tương lai.

Bài văn chuông *Thừa Quảng Bác Vọng Văn Thánh từ chung*承廣博望文聖祠鐘 (bài văn chuông đền Văn Thánh làng Bác Vọng, huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên)¹ do ông biên soạn năm Tự Đức thứ 14 (1861) lúc đương chức Tri phủ Thiên Trường (Nam Định) đã thể hiện rõ ý nghĩa này. Trong bài văn chuông, tác giả có nhắc đến cơ duyên về việc mưu tính đúc chuông từ sau ngày tập sự ở Quảng Nam (Hội An) trở về bản quán, với đoạn: “昔思自南歸，同駙馬都尉少文兄謀之未果行，恐越祀也。昨奉嚴闢邪教。旨準諸地方村邑皆建聖祠。愚聞之喜然而南北惟命有志焉，而未能也。歲之夏出守天長，因鑄造鐘一鼓一豫為鄉。聖祠祀器蓋以堅吾志也。他日，祠成，懸之兩楹，元音當響天地間，以鳴國家之盛，是亦聲教之一助鐘鼓云乎哉” (Nhớ xưa, **tôi từ Quảng Nam về**, cùng với anh là Phò mã Đô úy Thiều Văn [Đặng Huy Cát] mưu tính đúc chuông, song thi hành chưa được quyết đoán, sợ vượt khỏi việc tế tự vậy. Mới rồi, kính vâng mệnh vua nghiêm trị tà giáo, ban thánh chỉ chuẩn cho các địa phương, thôn ấp đều xây dựng đền thờ Văn Thánh. Kể ngu tôi nghe tin này thật vui sướng, nhưng trải đi Nam về Bắc theo mệnh vua, tôi ghi lòng ý muốn [đúc chuông] ấy, song chưa thể làm được. Mùa hè năm này 1861, tôi ra giữ chức ở Thiên Trường, nhân đó chủ tạo được một chuông, một trống sớm tính đưa về làng [Bác Vọng]. Đồ thờ trong đền Văn Thánh ấy làm tôi vững chí vậy. Một ngày kia, đền thờ xây xong thì đặt treo chuông trống ở hai cột hai bên, nguyên âm (âm thanh gốc) thường vọng khắp trong trời đất, để âm vang thời thịnh trị của quốc gia, ấy cũng là tiếng chuông trống như một cách trợ phò cho thanh giáo vậy).



Bức hoành phi “Quan ư hải giả nan vi thủy” do Đặng Huy Trứ viết.

1. Bài viết về văn chuông này được chúng tôi công bố tại tạp chí Sông Hương, số 370/ 12 – 2019. Link online: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p2/c15/n28559/Bai-ky-chuong-Van-Thanh-lang-Bac-Vong-cua-Dang-Huy-Tru.html>



Theo đó, sau ngày tập sự việc quan tại Hội An, Đặng Huy Trứ đã lãnh hội tư tưởng xiển dương “thanh giáo” (Nho giáo) bằng ý niệm dựng xây đền thờ Văn Thánh. Cơ duyên đó tiếp tục được ông hun đúc và thực hiện ở các địa phương khác trên bước quan trường của mình, mà tiêu biểu là tại Hội An, Quảng Nam.

Tại Hội An, như là duyên lành hội tụ, Hoàng Trung Đặng Huy Trứ đã để lại một số dấu ấn và trước tác quan trọng. Năm 1854, khi đương tập sự tại Quảng Nam, Đặng Huy Trứ đã cưới người con gái họ Lương (người Minh Hương - Hội An) làm vợ thứ tư, sinh ra người con thứ tám là Đặng Hữu Dục¹. Có lẽ vì thế nên di văn của Đặng Huy Trứ tại Hội An đa phần gắn với các thiết chế văn hóa của người Minh Hương (bên cạnh bức thư Đặng Huy Trứ gửi hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông - chùa Phước Lâm) chẳng!?

Tôi - Võ Vinh Quang, từng sống và làm việc tại Hội An khoảng 5 năm (từ 2009-2013), lại có dịp đi khảo sát tư liệu tại đây nhiều lần khác. Những thời gian đó, chúng tôi đã tìm hiểu, sưu tầm và chụp ảnh các văn bia, biển gỗ, thu thập các tư liệu liên quan đến Đặng Huy Trứ tại Hội An. Đó là bức hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” khắc năm Mậu Thìn niên hiệu Tự Đức (1868) và văn bia khánh thành Văn Thánh từ (tức đền Văn Thánh, hay còn gọi là Văn chỉ Minh Hương) làng Minh Hương lập năm Tự Đức thứ 24 (1871). Hoành phi và văn bia ấy hiện được trân trọng lưu giữ tại đền thờ Văn Thánh làng Minh Hương (tức Văn chỉ Minh Hương), địa chỉ số 20 đường Phan Châu Trinh, Hội An.

Tiếp đó, Hoàng Trung Đặng Huy Trứ còn là người biên soạn bài văn bia miếu Quan Thánh - chùa Ông (còn gọi là Trùng Hán cung) ở Hội An vào tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch) năm Tự Đức thứ 17 (1864), lúc này ông đang giữ chức Quảng Nam đẳng xứ địa phương Thừa-Tuyên-Bổ Chính sứ ty Bổ Chính sứ.

Bên cạnh đó, Đặng Huy Trứ còn được biết đến là người am tường Phật giáo, thường xuyên giao lưu, trao đổi với các vị thiền sư, tăng chúng về đạo lý Phật học. Tại Hội An, Hoàng Trung Đặng Huy Trứ, pháp danh Hải Đức có bài viết về thiền sư Toàn Nhâm - Quán Thông (thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh). Bài viết và bản dịch toàn văn từng được đại đức Thích Như Tịnh công bố (đại đức Thích Đồng Ngộ dịch) tại Đặc san *Suối Nguồn* số 3-4, với tiêu đề “*Thiền sư Quán Thông (1798-1883) là một trong những vị cao tăng của Phật giáo Quảng Nam nửa cuối thế kỷ 19*” năm 2012²; Sau đó, tác giả Phan Đăng tiếp tục có bài nghiên cứu và công bố toàn văn, với tiêu đề “*Đạo tình giữa Trình Trai Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông*”, đăng tải tại Tạp chí *Văn hóa Phật giáo*². Có thể thấy, qua tư liệu này của Hoàng Trung Đặng Huy Trứ, tiểu sử, sự nghiệp và đạo hạnh của hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông, đời thứ 37 thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh (Hội An, Quảng Nam) hiện hữu khá rõ ràng, đầy đủ. Theo đó, tác giả cho biết:

Hòa thượng Quán Thông vốn người thôn Thanh Liêm, tổng An Nghĩa, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, thuộc dòng Thiền Lâm Tế chánh tông. Ngài quy y tham học cùng bổn sư Minh Giác, tổ chùa Phước Lâm (Hội An). Sau thời gian khổ luyện công phu, hòa thượng Quán Thông đã nhận được y bát chân truyền, quay về hành đạo ở chùa Thập Tháp Di Đà thuộc tỉnh Bình Định. Sau khi bổn sư Minh Giác viên

2. Theo thông tin từ bài viết “Nhà thờ Đặng Huy Trứ tại Hội An” của tác giả Trương Nguyên Ngã,, báo Quảng Nam online, ngày 20-12-2020. Link online: <https://baoquangnam.vn/nha-tho-dang-huy-tru-tai-hoi-an-3072478.html> (truy cập: 15 tháng 06 năm 2024)



Văn bia khánh thành đền Văn Thánh làng Minh Hương,
do Đặng Huy Trứ soạn

trong công vụ lại cùng Thượng nhân sớm chiều bên cạnh nên Phật tử được cảm hóa tự lúc nào không hay! Vẫn biết Thượng nhân là người Chân mà Phật tử [Đặng Huy Trứ] là người Tục, nhưng Chân Chân Tục Tục thấy vốn đều là Không cả! Rồi chừng chỉ tròn năm thì phải chia xa, Phật tử nhọc nhằn trên bước đường gió bụi, bao phen tưởng không giữ nổi được mình mà Thượng nhân vẫn nghiêm nhiên là bậc tự tại trên cõi Thiên đàng” (bản dịch của Phan Đăng)³.

Qua văn bản trên, chúng ta thấy rằng mối thâm tình giữa hòa thượng Toàn Nham – Quán Thông với Hoàng Trung Đặng Huy Trứ thực sự rất khăng khít. Ông không chỉ là một Phật tử thuần thành, mà còn là một con người hội tụ đầy đủ tâm và tầm, tài năng và nhân cách cao đẹp.

Thay lời kết luận

Đặng Huy Trứ hữu duyên với Hội An và Hội An cũng là nơi ghi dấu nhiều duyên

tịch, năm Nhâm Thìn (1832), tăng chúng cung thỉnh ngài trụ trì chùa Phước Lâm. Song phải đến tháng Giêng năm Ất Mùi (1835), quan Bộ Lễ vâng chỉ thiết lễ Đại trai đàn Phổ độ U minh Thủy lục đạo tràng, ngài Quán Thông được cung thỉnh tham gia Hội đồng thập sư. Nhân việc ấy, ngài được triều đình ban Giới đao Độ điệp rồi được sung bổ chức trú trì chùa Phước Lâm có văn bản rõ ràng... Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ hai (1849), trong vùng bỗng có đại dịch, Thượng nhân phát nguyện đến Hội An, Đại Chiêm mở Thủy lục Đại trai đàn trong 7 ngày đêm. Khi Phật sự viên thành, ngài lại trở về Bình Định để xây dựng chùa Báo Ân. Sang năm Nhâm Tuất (1862), ngài vâng chỉ bổ sung làm chủ giáo chùa Tam Thai.

Tiếp đó, Đặng Huy Trứ bộc lộ ý niệm rằng:

“Phật tử [Đặng Huy Trứ] từ thuở nhỏ vốn khó nuôi nên cha mẹ đã cho quy y Tam bảo. Sau được đi học xa, khi đến đất Quảng Nam lại thường được gặp Thượng nhân, lâu ngày thành thân. Rồi ra tham chính,

3. Link truy cập online: <https://phattu.vn/index.php?nv=news&op=Tim-hieu-Phat-giao/Su-lieu-moi-ve-thien-su-Toan-Nham-Quan-Thong-2444>

nghiệp của Đặng Huy Trứ. Dấu ấn và bút tích của ông với Phố Hội cho đến nay chừng như vẫn chưa được khảo sát, nghiên cứu đầy đủ. Bởi, bên cạnh những tư liệu hiện vật và thư tịch liên quan đến Văn Thánh miếu Minh Hương, Chùa Ông - Trùng Hán cung, thư tịch về hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông... ở trên, chúng tôi tin chắc rằng đâu đó vẫn còn một số thông tin tư liệu khắc ghi nét văn hóa và con người Hội An trong cuộc đời và thơ văn của Đặng Huy Trứ. Chẳng hạn, trong số thơ văn Đặng Huy Trứ do nhóm Trà Lĩnh biên soạn, chúng ta thấy có nhiều bài liên quan đến Quảng Nam, và ở đó có bài thơ “*Nghệ Phước Lâm tự bái Phật thế phát*” (Đến chùa Phước Lâm lạy phật, xin cạo đầu) do ông biên soạn năm 1865, trước ngày ông đi sứ Quảng Đông. Thơ rằng:

“*Cưỡng thoát quan tâm khiêu đại từ (từ)*

*Vương thân tâm sự lão tăng tri.
Dục bằng pháp khí quy Tam bảo
Bất hứa trần đao quải nhất ty.
Nam bắc, đông tây quân mệnh dã,
Phát phu thân thể phụ sinh chi.
Thử hành đa tạ bồ đề ảm,
Hưu luận bàng nhân thuyết Hạ, Di.”*

Ngô Linh Ngọc dịch thơ rằng:

*Gượng bỏ mũ râu vào lễ Phật
Vương thân tâm sự lão tăng hay.
Muốn nhờ pháp khí nơi Tam Bảo
Chẳng để trần đao đựng mảy may.
Giúp chúa, đông đoàn nam bắc đó,
Ơn cha, thân thể tóc da này.
Bồ đề tỏa bóng che từng bước,
Rằng Hạ, rằng Di, sá quản vay.⁴*

Nghĩ rằng, những tư liệu này của Đặng Huy Trứ liên quan tới Hội An, Quảng Nam hẳn nhiên là nguồn tư liệu quý thể hiện nét hội tụ văn hóa của một vùng đất “mở” như Phố Hội. Do vậy, việc đi sâu thu thập, dịch thuật, nghiên cứu và công bố nguồn tư liệu này sẽ là điều quan trọng và tối cần thiết để làm giàu mạnh, phong phú hơn nguồn di sản văn hóa đặc trưng của đô thị cổ Hội An ■



Văn bia miếu Quan Thánh, năm 1864 do Đặng Huy Trứ soạn

4. Link online: <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19507>

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN HỌA SĨ LÊ VĂN MIẾN Ở HUẾ

■ Bài và ảnh: TS. PHAN THANH HẢI
TS. TRẦN VĂN DŨNG

Họa sĩ Lê Văn Miến (1874-1943) là một trí thức yêu nước, một nhà giáo dục lớn của đất nước và cũng là vị thầy giáo kính mến của người thanh niên Nguyễn Tất Thành ở Trường Quốc học Huế. Đồng thời, ông còn được xem là người Việt Nam đầu tiên học vẽ tranh sơn dầu. Giới nghiên cứu hiện ghi nhận họa sĩ Lê Văn Miến có khoảng 10 tác phẩm nhưng đây đều là những tác phẩm mang vẻ đẹp nhẹ nhàng, ẩn sâu giá trị nhân văn, tiêu biểu về trường phái mỹ thuật châu Âu, được tiếp biến cho phù hợp với văn hóa và thẩm mỹ Việt Nam thời kỳ đầu thế kỷ XX. Nhân kỷ niệm 150 năm ngày sinh của họa sĩ Lê Văn Miến (1874-2024), bài viết này góp phần phác thảo về cuộc đời và hành trạng của họa sĩ Lê Văn Miến; đồng thời đề ra những giải pháp thiết thực để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến ở Huế trong bối cảnh đương đại.



Chân dung họa sĩ Lê Văn Miến (1874-1943)

1. Vài nét về thân thế và sự nghiệp của họa sĩ Lê Văn Miến

Lê Văn Miến sinh năm Giáp Tuất (1874) tại làng Ông La, xã Kim Khê (nay là xã Nghi Long), huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là con trai thứ ba của ông Lê Huy Nghiêm và bà Hoàng Thị Chiêm. Xuất thân trong một gia đình, dòng họ khoa bảng, ở một vùng đất “địa linh nhân kiệt” nên từ rất sớm Lê Văn Miến đã được tiếp xúc và làm quen với học vấn và sách vở, cũng như thẩm nhuần truyền thống bất khuất của quê hương. Thuở nhỏ Lê Văn Miến đã nổi tiếng thông minh, học đâu nhớ đó. Năm 1880, khi mới 6 tuổi, ông đã được học với người thầy và cũng là cha mình - Cử nhân Lê Huy Nghiêm. Cũng trong năm đó, cụ Lê Huy Nghiêm được triều đình bổ làm quan Huân đạo huyện Quảng Điền, rồi Tri huyện Phú Lộc, Tri phủ Ứng Hòa (Hà Tây), Án sát tỉnh Hải Dương..., ông đã đem theo người con trai Lê Văn Miến đi cùng. Đây là dịp để Lê Văn Miến được mở rộng tầm mắt, được trải nghiệm và viếng thăm nhiều cảnh đẹp ở những vùng quê khác nhau, sớm hiểu được sự an nguy của đất nước và những mối lo toan của những con người có nghĩa khí vào thời triều Nguyễn đang trên đà suy vong¹.

Vào năm 1889, chính quyền thực dân Pháp chọn 3 người con của 3 quan chức Nam

1. Vũ Trường Giang (2001), “Lê Văn Miến (1874-1943): Họa sĩ - Nhà giáo lớn của hai thế kỷ”, in trong cuốn *Những người đi qua hai thế kỷ*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, tr. 258.



Bức hoành phi đề 3 đại tự “Thế gian sư” (Thầy của thiên hạ)

triều gửi sang học tại Trường Bảo hộ (Thuộc địa) Paris (Pháp), nhằm đào tạo thành một quan chức của bộ máy chính quyền thuộc địa. Gia đình quan Án sát Lê Huy Nghiêm lúc đầu định chọn một trong hai người con trai lớn là Lê Huy Sáng hay Lê Huy Thân nhưng hai người này không chấp thuận. Người con thứ ba là Lê Huy Miến ban đầu cũng không chịu đi, gia đình phải khuyên giải, cuối cùng ông mới miễn cưỡng thuận tình. Cùng đợt du học với ông lúc này còn có Hoàng Trọng Phu, con trai Tổng đốc Hải Dương Hoàng Cao Khải, và Thân Trọng Huề, con trai Tổng đốc Bình-Phú Thân Văn Nhiếp. Thời gian học ở Paris, Lê Văn Miến luôn được nhiều người kính nể, ngay cả học sinh Pháp, vì ông thường đứng hạng nhất trong lớp. Trong khoảng thời gian từ năm 1890 tới 1894, trong khi là học sinh Trường Thuộc địa, ông được nhận vào học vẽ tại xưởng của danh họa Pháp Jean-Léon Gérôme - Giáo sư trường Mỹ thuật Paris. Từ đây, ông đã làm quen với nghệ thuật vẽ sơn dầu và trở thành người đầu tiên vẽ tranh sơn dầu của Việt Nam và Đông Dương. Sau đó, Lê Văn Miến được Giáo sư Jean-Léon Gérôme và Trường Mỹ thuật Paris đề nghị Bộ Giáo dục công, Mỹ thuật và Tín ngưỡng cho phép tham gia cuộc thi giành Giải thưởng La Mã, nhưng không được chấp thuận vì ông không có quốc tịch Pháp.

Về nước năm 1895, Lê Văn Miến làm việc tại nhà in Schneider ở Hà Nội, sau đó theo đuổi nghiệp dạy học tại Vinh. Đến năm 1907, Lê Văn Miến trở vào Huế nhậm chức Giáo sư hội họa và Pháp văn tại Trường Quốc Học. Trong thời gian dạy học ông đã truyền đạt nhiều kiến thức phương Tây và giáo dục lòng yêu nước cho rất nhiều học trò, trong đó có Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh). Bởi vì, thầy Lê Văn Miến thường kể cho các học sinh nghe nhiều chuyện về nước Pháp. Những chuyện thầy Miến kể có ảnh hưởng rất lớn đến trò Nguyễn Tất Thành, nhiều người cùng học với Nguyễn Tất Thành lúc còn niên thiếu đã nhận xét: “Việc dạy dỗ của thầy Miến là một yếu tố quan trọng trong việc hình thành tư tưởng sang Tây chứ không sang Đông của Chủ tịch Hồ Chí Minh”²³.

Năm 1913, thầy Lê Văn Miến được bổ nhiệm làm Trợ giáo tại Trường Hậu Bô và

2. ³ Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (1990), *Kỷ yếu Hội thảo kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh.



Nhà thờ họ của sĩ Lê Văn Miến ở thành phố Huế

đồng thời được phong hàm Hàn lâm viện thị giảng. Trong thời gian này, ông đã tham gia tích cực Hội Những người bạn Cổ đô Huế. Đến cuối năm 1914, ông được tiên cử làm Phó Đốc giáo và đến năm 1919 được thăng chức Đốc giáo Trường Hậu Bô. Năm Khải Định thứ 6 [1921], cụ Lê Văn Miến được triều đình bổ làm Tế tửu (Hiệu trưởng) Quốc Tử Giám. Sách Đại Nam thực lục có đoạn chép: “*Lấy Đốc giáo Trường Hậu bổ Lê Văn Miến làm Tế tửu Quốc Tử Giám (thay Ứng Trình tạm sung Tá lý Bộ Công)*”³. Năm 1923, ông tham gia sáng lập Bảo tàng Khải Định (nay đổi tên thành Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế) và được tín nhiệm cử vào Ban Tuyên truyền của Bảo tàng⁴. Đến năm 1926, cụ Lê Văn Miến được triều đình thăng chức Tham tri, đồng thời tham gia Hội Như Tây du học. Lúc này, ông không chỉ được triều đình Nam triều trọng vọng, mà chính những người Pháp cũng phải luôn kính trọng. Bức hoành phi đề 3 đại tự “*Thế gian sư*” (Thầy của thiên hạ) do quan viên và học sinh Trường Quốc Tử Giám tặng thầy Lê Văn Miến vào năm Bính Dần (1926) niên hiệu Bảo Đại đã nói thay bao lời ca ngợi về tài năng và phẩm hạnh.

Năm Bảo Đại thứ 4 [1929], cụ Lê Văn Miến phải xin nghỉ hưu sớm (khi mới 55 tuổi) do chứng bệnh mờ mắt. Sau đó, ông được triều đình vinh thăng chức Thượng thư Bộ Lễ trí sự, rồi thăng hàm Hiệp tá Đại học sĩ. Cụ Lê Văn Miến qua đời vào ngày 4 tháng 5 năm Quý Mùi (tức 6/6/1943), hưởng thọ 70 tuổi trong niềm tiếc thương vô hạn của mọi người.

Với những đóng góp to lớn trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật, cụ Lê Văn Miến được chính quyền Nam triều, chính phủ Bảo hộ phong thưởng Tam hạng Kim khánh (1918), Hàn lâm bội tinh (1919), Cao Miên bội tinh (1924), Học chánh bội tinh, Liên hiệp bội tinh (1928), Bắc đầu bội tinh (1929)...

2. Những di sản về họ sĩ Lê Văn Miến ở Huế

Họ sĩ Lê Văn Miến được an táng tại xứ Trường An, làng Phước Tích (nay thuộc thị xã Phong Điền). Lăng mộ cụ Lê Văn Miến quay mặt về hướng nam, có kiến trúc khá đơn giản, bao gồm trụ biểu, la thành, bình phong, hương án, mộ. Với những giá trị văn hóa - lịch sử, lăng mộ cụ Lê Văn Miến đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay

3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên - Đế lục kỷ phụ biên*, bản dịch Cao Tự Thanh, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 342.

4. P. Jabouille (2020). “Lịch sử của bảo tàng” in trong cuốn *Bảo tàng Khải Định*, Bảo Chân dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 68.

là UBND thành phố Huế) xếp hạng di tích lịch sử lưu niệm danh nhân cấp Tỉnh theo Quyết định số 4296/QĐ-UBND ngày 21/12/2005.

Hàng năm, cứ đến ngày 3/5 Âm lịch, mọi người lại tập trung tổ chức lễ húy kỵ họa sĩ Lê Văn Miến tại ngôi nhà của người con trai thứ tư của cụ là ông Lê Văn Yên ở

địa chỉ số 285 Nguyễn Sinh Cung, trung tâm thành phố Huế.

Hiện tại chùa Ba La Mật (thuộc phường Phú Thượng, quận Thuận Hóa, thành phố Huế) đang lưu giữ hai bức họa chân dung cụ ông và cụ bà Nguyễn Khoa Luận được họa sĩ Lê Văn Miến vẽ bằng chất liệu màu nước⁵. Hai bức chân dung có kích thước nhỏ (khoảng 40 x 60 cm) nhưng từng nét vẽ vô cùng tinh tế. Cụ ông Nguyễn Khoa Luận trong bức vẽ ngồi xếp bằng khoan thai trên chiếc ghế tựa lớn bằng gỗ có chạm khắc, râu trắng và ngắn, đôi mắt sáng tinh anh, quần khăn vắt trên đầu, mặc chiếc áo tràng màu xám tro buông thả mềm mại, quần trắng, cổ đeo tràng hạt dài phủ quá mặt ghế, tay trái cầm quyển kinh Bát Nhã bằng chữ Hán, tay phải cầm quạt lông để dựng. Cụ bà cũng được vẽ ngồi trên ghế gỗ chạm đặt trên thảm dệt màu xám nhạt, phía sau là một bức tường. Tóc búi rẽ giữa, trán cao, khuôn mặt hơi xương gầy, mặc áo dài đen, quần trắng, chân đi hài đen, tay trái cầm quạt lông để ngang tự nhiên, tay phải đặt trên thành ghế. Sau lưng là một bức trướng thêu tay tinh xảo làm nền khiến chân dung nổi bật lên rất đẹp. Người xem thậm chí còn đọc được những dòng chữ Hán viết trên cuốn sách mà cụ ông Nguyễn Khoa Luận đang cầm, hay từng chiếc lông quạt trên tay cụ bà. Một điểm nhấn cũng cần phải nhắc đến của hai bức chân dung là cách họa sĩ Lê Văn Miến thể hiện thần thái của ông bà Nguyễn Khoa Luận qua ánh mắt sáng rõ và sinh động. Hai bức tranh cho thấy rõ khuynh hướng hội họa ảnh hưởng châu Âu cổ điển đối với họa sĩ Lê Văn Miến. Cả hai bức tranh đều có tuổi thọ hơn 100 năm, trở thành bảo vật quý của chùa Ba La Mật.

Bên cạnh đó, trên địa bàn thành phố Huế còn lưu dấu một số di tích liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến như Trường Quốc học, Quốc Tử Giám... Ngoài ra, còn có một con đường mang tên Lê Văn Miến nằm trong Thành nội Huế và trên mảnh đất Phong Điền có xây dựng một ngôi Trường Trung học Cơ sở được lấy theo tên của cụ. Đây chính là các địa chỉ tôn vinh những đóng góp to lớn của cụ Lê Văn Miến đối với dân tộc, đặc



Bức họa chân dung cụ ông và cụ bà Nguyễn Khoa Luận

5. Có tài liệu khác cho rằng họa sĩ Lê Văn Miến vẽ bằng phấn màu trên giấy (có họa sĩ gọi là phấn tiên).

biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và giáo dục.

3. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến

Phải nói rằng, Huế là một trong những địa phương may mắn còn lưu giữ nhiều di sản liên quan đến các danh nhân văn hóa Việt Nam, trong đó có họa sĩ Lê Văn Miến. Trong định hướng tương lai, nhằm bảo tồn và phát huy giá trị, dưới góc độ của những người làm công tác



Toàn cảnh lăng mộ họa sĩ Lê Văn Miến

bảo tồn di sản văn hóa, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, tiến hành kiểm kê khảo sát các di tích, địa điểm liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến làm cơ sở nghiên cứu đánh giá giá trị của mỗi di tích, địa điểm từ đó có cơ sở xây dựng kế hoạch trùng tu, bảo tồn, lập hồ sơ khoa học phù hợp với từng giai đoạn. Tại mỗi di tích, địa điểm cần nghiên cứu lắp đặt bảng chỉ dẫn đường vào di tích và dựng tấm bia ở vị trí thích hợp để ghi dấu và cung cấp thông tin về di tích. Đối với những di tích còn nguyên vẹn cần lập kế hoạch, ưu tiên trùng tu nhằm giữ lại tính nguyên gốc để đưa vào phát triển du lịch. Đối với những di tích chỉ còn là dấu tích cần nghiên cứu xây dựng hồ sơ lưu trữ phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và phục hồi khi có điều kiện. Ngoài ra cần có giải pháp bảo vệ diện tích đất xung quanh di tích lăng mộ họa sĩ Lê Văn Miến một cách phù hợp nhằm tránh sự xâm lấn, vi phạm, tranh giành sở hữu quyền đất đai trong khu vực gần di tích. Trong thời gian đến, Sở Văn hóa và Thể thao sẽ chỉ đạo Bảo tàng Lịch sử phối hợp với các đơn vị có liên quan lập hồ sơ đề nghị nâng cấp xếp hạng di tích lăng mộ cụ Lê Văn Miến thành di tích cấp quốc gia.

Thứ hai, hiện hai bức tranh chân dung cụ ông và cụ bà Nguyễn Khoa Luận lưu giữ tại chùa Ba La Mật đang có dấu hiệu bị ẩm mốc, xuống cấp theo thời gian. Vì vậy cần mời các chuyên gia nghệ thuật, họa sĩ có kinh nghiệm bảo tồn để tiến hành thăm định mức độ hư hỏng của từng tác phẩm, và lên phương hướng bảo quản trước sự khắc nghiệt của thời tiết. Tùy theo mức độ hư hỏng để đưa ra phương án xử lý tỉ mỉ, đảm bảo yếu tố khoa học, và tính nguyên vẹn cho tác phẩm. Đồng thời cần triển khai công tác tìm kiếm, sưu tầm các tác phẩm của họa sĩ Lê Văn Miến còn đang bảo quản trong dân gian để viết tiếp câu chuyện về một họa sĩ tài danh này. Cùng với đó là tăng cường tuyên truyền giới thiệu, quảng bá bằng nhiều hình thức, nhất là nghiên cứu, biên soạn, in ấn và phát hành các công trình nghiên cứu, các ấn phẩm về cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Lê Văn Miến.

Thứ ba, phát huy vai trò giám sát của xã hội, của cộng đồng. Hệ thống di sản liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến tồn tại trong đời sống cộng đồng và chỉ có thể được bảo vệ, gìn giữ bởi cộng đồng. Nhân dân là chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản về họa sĩ Lê Văn Miến một cách bền vững. Bởi vậy,

điều quan trọng là phải xây dựng kế hoạch tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di sản liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến, qua đó nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ; nâng cao niềm tự hào, vinh dự của người dân, để cả cộng đồng cùng chung tay bảo vệ hệ thống di sản liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến.

Thứ tư, chính quyền địa phương cần phối hợp cùng nhà trường để lựa chọn những di tích liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến mang nhiều ý nghĩa lịch sử văn hóa để đưa vào thực hiện Chương trình “*Phong trào trường học thân thiện, học sinh tích cực*” hoặc tổ chức các chuyến tham quan thực tế đến các di tích này để tạo môi trường cho học sinh, sinh viên tham gia bảo vệ di tích, đây là một trong những giải pháp mang tính lâu dài và bền vững. Từ việc tìm hiểu, chăm sóc các di tích liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến sẽ giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay biết yêu lịch sử quê hương, có tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc.

Thứ năm, cần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển du lịch với việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến. Tạo điều kiện cho các công ty lữ hành du lịch khảo sát xây dựng các tour du lịch di sản liên quan đến hệ thống di tích liên quan đến họa sĩ Lê Văn Miến. Kết nối các di tích này với Quần thể di tích Cố đô Huế để thu hút du khách và các nhà khoa học quan tâm tham quan nghiên cứu. Đồng thời chú trọng tôn tạo cảnh quan, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ du lịch để di tích trở thành một điểm đến hấp dẫn cho du khách. Tổ chức tốt sản phẩm du lịch không chỉ nhằm tăng doanh thu cho ngành du lịch mà còn quay trở lại đầu tư một phần cho di sản như việc bảo vệ, tôn tạo, tu bổ, gìn giữ và phát huy những giá trị di sản về họa sĩ Lê Văn Miến.

Thứ sáu, thị xã Phong Điền là một vùng đất có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, và giàu truyền thống khoa bảng, đây cũng là nơi sản sinh rất nhiều nhân vật lịch sử kiệt xuất. Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, mảnh đất này chính là quê hương của các phong trào cách mạng. Với bề dày lịch sử văn hóa, Phong Điền hiện đang là địa phương lưu giữ nhiều di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, lưu niệm danh nhân như: Lăng mộ danh nhân Trần Văn Kỳ (Phong Bình); Lăng mộ và nhà thờ Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Duy, Nguyễn Lâm (Phong Chương); Lăng mộ và nhà thờ Nguyễn Lộ Trạch (Điền Môn); Làng cổ Phước Tích (Phong Hòa), Di tích Kiến trúc Nghệ thuật chùa Giác Lương (Phong Hiền); lăng mộ Đặng Văn Hòa, Đặng Huy Trứ (Phong Sơn), phần mộ ông Nguyễn Đình Huy - thân sinh Nguyễn Đình Chiểu (Phong An)... Việc kết nối di tích lăng mộ họa sĩ Lê Văn Miến trong chuỗi các di tích văn hóa, lịch sử ở các vùng lân cận thuộc thị xã Phong Điền trong tương lai hứa hẹn sẽ trở thành tour du lịch đặc thù, hấp dẫn và thu hút du khách thập phương.

Có thể nói, họa sĩ Lê Văn Miến được coi là người Việt Nam đầu tiên học vẽ sơn dầu, đánh dấu thời điểm mở đầu mỹ thuật Việt Nam chuyển từ mỹ nghệ dân gian bước sang giai đoạn hội nhập văn hóa Đông - Tây, nền tảng của mỹ thuật Việt Nam đương đại. Ngoài ra, ông còn có nhiều đóng góp quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa. Tài năng và đức hạnh của cụ Lê Văn Miến luôn được mọi người trân quý và cảm phục. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản về họa sĩ Lê Văn Miến là trách nhiệm chung của toàn xã hội, đây cũng chính là yếu tố góp phần xây dựng Huế trở thành đô thị di sản quốc gia trong tương lai ■

LÀNG PHÙ BÀI - NHỮNG CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC MANG ĐẬM GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG

■ Bài và ảnh: NGUYỄN VŨ MINH TÚ

Phù Bài là ngôi làng cổ có đất đai rộng lớn, nơi cư dân Việt đến lập nghiệp từ khá sớm, ra đời khoảng từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI. Trong các tư liệu cổ, địa danh Phú Bài được Dương Văn An đề cập trong Ô Châu cận lục là một trong 67 xã của huyện Tư Vinh, phủ Triệu Phong. Nơi đây nổi tiếng với vị thế từng là một trung tâm luyện sắt lớn nhất Đàng Trong từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Với cơ cấu nhất làng nhất xã, làng Phù Bài cũng là xã Thủy Phù và thông qua hương ước, quy ước của làng nên các mối quan hệ trong cộng đồng làng gắn bó hết sức mật thiết, chặt chẽ với nhau. Điều này giúp làng Phù Bài thuận lợi trong việc lưu truyền, phát huy những nét văn hóa, tập quán, phong tục truyền thống của vùng đất. Do vậy, trải qua tiến trình phát triển theo các giai đoạn lịch sử dưới tác động của nhiều yếu tố nhưng đến nay làng Phú Bài vẫn còn đang lưu giữ, bảo tồn hệ thống di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng với nhiều loại hình khác nhau. Và nổi bật trong đó là những công trình kiến trúc truyền thống gắn liền với giá trị văn hóa, lịch sử của làng Phù Bài.

1. Tổng quan về vị trí và lịch sử thành lập làng Phù Bài

Làng Phù Bài nằm ở vị trí cực Nam của thị xã Hương Thủy. Phía Đông giáp sông Lợi Giang và các làng Tân Tô, Tô Đà, Lương Văn... Phía Tây giáp dãy Trường Sơn có nhiều núi cao, đặc biệt có hòn Thiết Sơn thường gọi là núi Quách - nơi từng được dân làng khai thác sắt trước đây. Phía Bắc tiếp giáp địa phận các làng Thần Phù, Lang Xá, Văn Giang, Dạ Lê Thượng, Thanh Thủy Thượng, Lương Hà, Lương Miêu. Phía Nam giáp làng An Nông (còn gọi là An Nong) huyện Phú Lộc.

Từ xa xưa, làng được chia thành 2 giáp, lấy địa bàn cư trú của dân cư dọc theo đôi bờ sông Phù Bài để phân định thành các giáp (đơn vị trung gian giữa xã và ấp). Phía Đông Bắc sông Phù Bài gọi là giáp Đông, phía Tây Nam sông gọi là giáp Tây, mỗi giáp quản lý 5 ấp (hay còn gọi là thôn, xóm). Các ấp ở giáp Đông có tên gọi theo số lẻ, gồm: ấp Nhất, ấp Ba, ấp Năm, ấp Bảy và ấp Chín; ở giáp Tây gọi tên theo số chẵn, gồm: ấp Hai, ấp Bốn (còn gọi là ấp Tư), ấp Sáu, ấp Tám và ấp Mười. Sau ngày thống nhất đất nước (1975), với quá trình phát triển về dân số, đất đai, làng thành lập thêm 2 thôn mới là thôn Một B và thôn Tám B. Theo các tư liệu Hán - Nôm của làng Phú Bài, vị thủy tổ tiên khai khẩn của Phù Bài là ngài Ngô Thủ vốn là người Hoa đã đến nơi đây tìm nguyên liệu sắt. Buổi đầu ngài đã tạm trú ở An Nông, sau đó lập làng cùng với ngài Nguyễn Đương và ngài Lê Trại. Với công lao khai sáng, dân làng đã tôn ngài Ngô Thủ là *Bốn thổ tiên khai khẩn* và *Bốn thổ thành hoàng*, ngài Nguyễn là *Tùng bốn thổ khai khẩn*, ngài Lê là *Dữ bốn thổ khai khẩn*. Làng Phù Bài có 25 họ chính: 3 họ Ngô, 6 họ Lê, 2 họ Phan, 2 họ Nguyễn, 1 họ Trương, 1 họ Trần¹. Dần về sau có thêm nhiều nhánh họ hay phái khác quy tụ nơi đây.

Làng Phù Bài được thiên nhiên ban tặng cho diện tích núi rừng rộng lớn và chứa đựng trữ lượng lớn các nguồn quặng phục vụ cho nghề luyện sắt. Với lợi thế nằm ở vị

1. Trần Đại Vinh (2017), *Làng văn vật Thừa Thiên Huế*, tập I. Nxb. Thuận Hóa, Huế.

trí sát phía Nam của đô thành Phú Xuân cùng nguồn nguyên liệu dồi dào và lực lượng lao động tăng nhanh sau các đợt di dân vào Bắc dưới thời các Chúa Nguyễn đã hội tụ đầy đủ các điều kiện “*thiên thời - địa lợi - nhân hòa*” để nơi đây phát triển, mở rộng trở thành một trung tâm luyện sắt lớn nhất ở Đàng Trong. Về tổ chức sản xuất và kỹ thuật luyện sắt ở làng Phù Bài đã đạt đến trình độ chuyên môn hóa cao tất cả các khâu từ khâu khai thác nguyên liệu, nhiên liệu đến nấu sắt. Tất cả những người khai thác quặng, than được tập hợp trong một tổ chức gọi là “*phường bạn*”; những thợ nấu sắt được tập hợp trong một tổ chức gọi là “*phường thợ*”²; giữa các cá nhân trong “*phường*” được phân công nhiệm vụ và chịu trách nhiệm cụ thể ở từng khâu. Từ thế kỷ XVI - XVIII, nghề luyện sắt làng Phù Bài ở giai đoạn cực thịnh nhất về quy mô sản xuất, lực lượng lao động và khối lượng sắt cung cấp cho xã hội. Nhưng đến cuối thế kỷ XVIII trở đi, các lò luyện sắt không còn hoạt động tấp nập, đông đảo như trước đây do chính sách thuế sắt của Chúa Nguyễn áp đặt với làng Phù Bài quá khắt khe cùng với đó là giá trung thu sản phẩm với giá rẻ mạt và còn bắt các hộ luyện sắt phải nộp thêm các khoản thuế thập vật (10 lễ vật). Điều này làm cho đời sống người thợ sắt không đủ sống, gặp nhiều khó khăn nên rất nhiều dân đinh của Phù Bài phải bỏ làng, bỏ nghề hoặc xin đăng ký đi lính để đỡ phải làm nghề luyện sắt. Từ đó nghề luyện sắt làng Phù Bài đã bị giảm sút và suy tàn dần theo thời gian.

2. Những công trình kiến trúc nghệ thuật mang đậm giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống gắn liền với vùng đất

2.1. Đình Phù Bài

Đình được xây dựng ở trung tâm làng, mặt hướng Nam, có la thành, cây đa, bến nước. Qua thời gian, đình đã tu bổ, tôn tạo nhiều lần nên kiến trúc, tổng thể công trình bao gồm: Trụ biểu, bình phong, sân đình và đình. Trụ biểu được xây theo lối tam quan đi vào với bậc tam cấp lên xuống. Bốn trụ biểu được xây thành khối trụ vuông (trụ đăng). Bình phong được xây dựng theo kiểu tổ ong (thông phong), hình khối chữ nhật, ở giữa Long Mã tung bay trong không trung; sân đình thoáng và rộng với diện tích 234m² (dài 13m, rộng 18m), hai bên của sân dưới tán cây cổ thụ có dựng hai am thờ ngũ hành. Đình có bố cục tạo thế chữ công, chính đình ở giữa, hai bên là hai nhà Tả vu và Hữu vu. Chính đình được chia làm hai phần, phía ngoài là tiền đường và bên trong là hậu tẩm. Mặt ngoài chính đình được trang trí các họa tiết đắp nổi bằng mảnh thủy tinh, sành sứ. Mái đình lợp ngói liệt, đắp bờ nóc, bờ quyết và đầu đao. Tiền đường xây bằng xi măng cốt thép, có ba gian và hai gian kép hai bên, ở ba gian của tiền đường có các ô học trang trí với chủ đề hoa lá.



Di tích lịch sử đình Phù Bài

Đình Phù Bài đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh tại Quyết định số 654/QĐ-

2. Văn bản “*Thế thức tác thiết pháp truyền bắt khả lậu*” được lưu giữ tại nhà thờ họ Lê làng Phù Bài.

UBND ngày 21 tháng 3 năm 2011.

2.2. Điện thờ và lăng mộ ngài Ngô Thủ

Ngôi điện thờ ngài Ngô Thủ (còn có tên gọi khác là Ngô Phủ Quân) tọa lạc tại xứ Thành Võ của làng Phù Bài. Ngôi điện đã được dân làng tự nguyện đóng góp trùng tu nhiều lần, riêng từ đầu thế kỷ XX đến nay đã có 5 lần tu sửa, tôn tạo lớn vào các năm: 1920, 1934, 1960, 1973-1974 và 1993. Tuy qua nhiều lần trùng tu nhưng điện thờ vẫn giữ nét cổ kính, uy nghi mang kiến trúc nhà thờ truyền thống dưới thời Nguyễn. Tổng thể công trình từ ngoài vào có 2 lớp cổng tam quan, sân có lư hương, ngựa chầu, có bình hồ, xung quanh có nhiều cây xanh. Bên trong chính điện có kiến trúc 3 gian, 2 chái, kết cấu cột kèo bằng gỗ, mái lợp ngói liệt, nóc, diềm mái trang trí lưỡng long chầu nhật và các họa tiết hoa lá, hoa văn cách điệu, tất cả đều được khảm sành sứ rất tinh xảo. Trong điện thiết tự các vị Bồn thổ thành hoàng và đệ Nhất, đệ Nhị phu nhân (gian giữa), ngoại án thờ Nguyễn Đại Lang và Lê Đại Lang; gian Tả thờ ngài khai canh Đại Tôn và phu nhân; gian Hữu thờ ngài Lê Quý Công và phu nhân; ngoại án đặt phôi tự 16 họ tộc trong làng.



Điện thờ ngài Ngô Thủ và các họ tộc

Cách khoảng 500m về hướng Tây Nam là lăng mộ của ngài. Tương truyền ngài Ngô Thủ tinh thông thuật phong thủy nên đã tự tìm thế đất chọn lấy dương cơ và âm phần cho cả gia đình. Ngài Ngô Thủ được hiệp táng cùng với bà đệ Nhất phu nhân trên một ngọn đồi cao có địa thế “*long triều hổ phục*”. Khu lăng mộ được xây dựng bằng gạch, trác vôi vữa, xi măng, khảm sành, sứ tinh xảo với quy mô lớn.

2.3. Nhà thờ họ Lê và lăng mộ ngài khai khẩn

Ngài Lê Trại là một trong 3 vị khai khẩn của làng Phù Bài. Nhà thờ họ Lê có kiến trúc nhà thờ truyền thống dưới thời Nguyễn, tổng thể công trình gồm: trụ biểu, nhà bia và nhà thờ. Nhà thờ có kiến trúc 3 gian, nội thất và các kết cấu bên trong bằng gỗ, mái lợp ngói liệt, nóc, diềm mái trang trí lưỡng long chầu nhật và các họa tiết hoa lá, hoa văn cách điệu, tất cả đều được khảm sành sứ rất tinh xảo. Khuôn viên nhà thờ rộng rãi và trồng nhiều cây xanh tạo nên vẻ uy nghiêm, cổ kính cho nhà thờ.



Nhà thờ họ Lê

Cách nhà thờ hơn khoảng 500m về hướng Tây Nam là lăng mộ của ngài Lê Trại. Khu



Nhà thờ họ Nguyễn

lăng mộ được con cháu dòng họ cùng dân làng tiến hành tu bổ, tôn tạo vào năm 2023. Khu lăng mộ nằm trong khuôn viên khoảng 0,6ha với quy mô lớn, tổng thể công trình được chia thành 2 khu vực:

lăng mộ và nhà bia công đức. Các hạng mục của lăng mộ xây bằng xi măng, vôi vữa, khảm sành sứ. Khu vực lăng mộ gồm cổng tam quan theo kiến trúc cổ lầu 2 mái che; qua khỏi cổng tam quan là bình phong tiền đến trụ biểu, nhà bia, mộ phần và bình phong hậu; xung quanh khu vực lăng có 2 cổng phụ. Khu vực nhà bia công đức dựng xây dựng theo kiến trúc tứ giác, mái có 2 tầng lợp ngói vẩy cá. Nơi đây dựng một bia đá lớn ghi chúc từ (văn bản phiên âm) tường thuật lại tài năng, công trạng của ngài Lê Trại và sự đóng góp của những người dân trong làng vào việc xây dựng lăng mộ trước đây.

2.4. Nhà thờ họ Nguyễn và lăng mộ ngài khai khẩn

Ngài Nguyễn Đương là một trong 3 vị khai khẩn của làng Phù Bài. Nhà thờ họ Nguyễn tọa lạc tại thôn 7 xã Thủy Phù; khu lăng mộ ngài Nguyễn Đương tại khu công nghiệp Phú Bài thuộc phường Phú Bài. Tổng thể nhà thờ gồm: tam quan, bình phong và nhà thờ. Tam quan xây dựng theo kiến trúc 3 tầng lầu; diềm, mái khảm sành, sứ và trang trí các họa tiết hoa văn theo kiểu “*lưỡng long châu nhật*”. Nhà thờ có kiến trúc 3 gian, nội thất, hoành phi và các kết cấu bên trong bằng gỗ.

Lăng mộ ngài khai khẩn Nguyễn Đương nằm trên một gò đất cao, có kiến trúc xi măng vôi vữa khảm sành sứ với quy mô lớn. Đi qua lối vào từ 4 trụ biểu lớn được xây



Lăng mộ ngài Lê Trại

dựng đăng đối hai bên là bình phong tiền đến cổng lăng (gồm 2 cổng nhỏ bố trí đối xứng với các trụ biểu lớn bên ngoài lăng) đến trụ biểu, nhà bia, mộ phần và bình phong hậu. Tất cả các hạng mục công trình đều được khảm sành, sứ.

2.5. Nhà thờ Đại tôn

Nhà thờ Đại Tôn được người dân gọi bằng các tên khác là nhà thờ họ Ngô Nhất; nhà thờ ngài khai canh Ngô Tô; nhà thờ khai canh Đại Tôn. Đây là nơi thờ ngài khai canh Ngô Tô và cử tộc. Ngài Ngô Tô là con trai cả của ngài Ngô Thủ - một trong 3 vị khai khẩn của làng Phù Bài. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821), làng kiến tạo ngôi đền thờ ngài lần đầu tiên, đến năm Duy Tân thứ 5 (1911), làm lại nhà thờ mới tại xứ Cây Sen. Năm Mậu Tuất (1958), dân

làng tổ chức đại trùng tu toàn bộ ngôi đền thờ bằng gỗ mít nài, xây la thành, cổng tam quan và trang trí các họa tiết hoa văn. Đến năm 1997, dân làng tiến hành đại trùng tu lần thứ 2, tiền đường nhà thờ được thay thế bằng gỗ kiền; xây dựng trụ biểu, bình phong và chỉnh trang khuôn viên.



Nhà thờ Đại Tôn

Qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo nhưng hiện nay nhà thờ vẫn gìn giữ những nét kiến trúc truyền thống gắn liền với công trình trước đây. Tổng thể nhà thờ gồm: trụ biểu, bình phong, nhà bia, nhà thờ và nhà đón tiếp khách nằm ở phía Tả của nhà thờ. Các hạng mục công trình đều xây bằng bê tông, cốt thép; bình phong và nhà thờ khảm sành, sứ tinh xảo. Nhà thờ có kiến trúc 3 gian, nội thất, hoành phi và các kết cấu bên trong bằng gỗ, diềm, bờ nóc trang trí các họa tiết hoa văn theo kiểu “*lưỡng long châu nhật*”, mái lợp ngói liệt.

2.6. Tiên thánh và Văn thánh, Võ thánh

Tiên Thánh (hay còn gọi là Thạch Linh Thánh) và Văn Thánh, Võ Thánh được xây dựng trên một gò đất cao gọi là xứ Ông Trọng thuộc địa phận của xóm



Tiên Thánh và Văn Thánh, Võ Thánh

Bảy làng thuộc thôn 7. Tiên Thánh nằm ở giữa, bên trong có một phiến đá tổ ong (đá sất); Văn Thánh nằm phía bên Tả của am Tiên Thánh, thờ đức Khổng Tử và các bậc tiên nho; Võ Thánh nằm phía bên Hữu của am Tiên Thánh, thờ đức Thánh Trần (Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn, người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược và thế kỷ XIII). Hằng năm, vào ngày Đình của tháng 02, các vị cao niên có phẩm hàm, chức tước, khoa mục trong làng tổ chức tế thánh. Ngoài ra, tại đây, Hội khuyến học xã, Chi hội khuyến học của làng Phù Bài thường xuyên tổ chức lễ tuyên dương, khen thưởng cho các em học sinh đạt thành tích cao trong các năm học.

2.7. Chùa Tiên Phước

Chùa Tiên Phước được xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 7 (1826) bằng tường gạch, mái lợp ngói liệt ở phía Tây Bắc của làng. Năm Tự Đức thứ 7 (1854), làng tiến hành trùng tu ngôi chùa rộng rãi và khang trang hơn, thời điểm này chùa có 30 pho tượng (trong đó, có 2 tượng đồng Ngọc Hoàng và Phật Thích ca Mâu Ni). Năm 1960, Khuôn hội Phật giáo Phú Bài thành lập, niệm Phật đường và trường học Bồ Đề được xây dựng tại vị trí

này để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Từ đó, chùa cũ chỉ còn nơi làng tổ chức các nghi lễ truyền thống của làng. Đến năm, 1974, làng xây dựng thêm 1 đàn âm hồn bên Tả ngôi chùa để tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ. Gần đây trong khuôn viên chùa đã xây dựng thêm niệm Phật đường mới, nên kiến trúc trước đây của chùa chỉ còn ngôi nhà 1 gian 2 chái, bên trong còn bức hoành phi “Tiên Phước tự” cùng nhiều câu đối viết bằng chữ Hán. Hiện tại, chùa còn lưu giữ 01 chuông đồng đúc năm Minh Mạng thứ 21 (1840).



Chùa Tiên Phước

3. Đề xuất định hướng bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, công trình kiến trúc tại làng Phù Bài

Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh là một bộ phận quan trọng trong tổng thể giá trị di sản văn hóa, là tài sản vô giá của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng dân cư xã hội trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Do vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục nâng cao hiệu quả trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị gắn liền với các di tích, công trình kiến trúc mang đậm tính truyền thống gắn liền với văn hóa, lịch sử của làng Phù Bài thông qua một số giải pháp mang tính tổng quát như sau:

Một là, nghiên cứu thu thập, bổ sung các tài liệu lịch sử liên quan đến các công trình chưa được xếp hạng di tích: điện thờ và lăng mộ ngài Bồn thổ thành hoàng làng Ngõ Thù; nhà thờ họ Lê và lăng mộ ngài khai khẩn; nhà thờ họ Nguyễn và lăng mộ ngài khai khẩn; nhà thờ Đại Tôn; chùa Tiên Phước; Tiên thánh và Văn thánh, Võ thánh. Đồng thời, đưa những công trình này vào Danh mục Kiểm kê di tích của tỉnh Thừa Thiên Huế để tạo cơ sở pháp lý, khoa học cho công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích đối với những công trình này trong giai đoạn tiếp theo.

Hai là, tiến hành huy động xã hội hóa và ưu tiên bố trí các nguồn lực trong việc xây dựng kế hoạch chi tiết và phân kỳ đầu tư để tu bổ, tôn tạo, bảo quản cho các hạng mục đang bị xuống cấp, các hiện vật gốc cùng các tài liệu Hán - Nôm gắn liền với thống di tích và các công trình kiến trúc tiêu biểu này.

Ba là, nhằm giải quyết hợp lý, hài hoà, bền vững giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cần xem xét xây dựng phương án kết nối các di tích, công trình kiến trúc này cùng các danh lam thắng cảnh trong vùng như Khe Lòi, núi Quách, địa điểm còn in dấu của nghề luyện sắt, rèn sắt trước đây... để tạo thành một trong những tour, tuyến du lịch trọng tâm trong quy hoạch của địa phương.

Bốn là, đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống, vận động các trường học, các cơ sở đoàn, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn đảm nhận việc chăm sóc, vệ sinh cảnh quan và triển khai sâu rộng các phong trào thi đua gắn với bảo vệ, phát huy giá trị các di tích, công trình kiến trúc tại làng Phù Bài. Đồng thời, tuyên truyền nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng cùng tham gia thông qua các phương tiện thông tin, báo chí và mạng xã hội ■

KHAI QUẬT KHẢO CỔ DI TÍCH THÁP ĐÔI LIỄU CỐC PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

■ Bài và ảnh: TRẦN HÙNG

Nằm cách trung tâm thành phố Huế 11km về phía Bắc, di tích Tháp đôi Liễu Cốc là một công trình kiến trúc tôn giáo đặc trưng của người Chăm. Đây là công trình kiến trúc nghệ thuật có nhiều giá trị, đánh dấu một giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung và người Chăm nói riêng. Năm 1926, di tích Tháp đôi Liễu Cốc đã được Viện nghiên cứu Viễn Đông Bác Cổ xếp hạng là cổ tích trong toàn cõi Việt Nam và Đông Dương. Đến năm 1994, tháp đôi Liễu Cốc đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp Quốc gia tại Quyết định số 921/QĐ/BT ngày 20/7/1994, đồng thời UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) giao cho UBND thị xã Hương Trà trực tiếp quản lý và phát huy giá trị di tích.

Trải qua thời gian và tác động của chiến tranh cùng sự khắc nghiệt của khí hậu miền Trung đã khiến cho di tích bị xuống cấp nghiêm trọng, việc thực hiện thăm dò và khai quật Tháp đôi Liễu Cốc là rất cần thiết, phù hợp với Quy hoạch khảo cổ học đến năm 2020, định hướng 2030 của UBND thành phố (Quyết định số 2466/



Tổng thể mặt bằng di tích Tháp đôi Liễu Cốc, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà

QĐ-UBND ngày 17/10/2016), nhằm bảo tồn, tu bổ và tôn tạo tổng thể di tích Tháp đôi Liễu Cốc, phục vụ du khách đến tham quan tìm hiểu.

Thực hiện Quyết định số 898/QĐ-BVHTTDL ngày 02/04/2024 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL, từ cuối tháng 04 đến đầu tháng 06/2024, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với Bảo tàng Lịch sử quốc gia tiến hành thăm dò và khai quật tại di tích Tháp đôi Liễu Cốc. Với diện tích hơn 80m² thăm dò và khai quật, kết quả đã làm xuất lộ dấu tích nền móng kiến trúc tháp Bắc và xác định được vị trí tháp Cổng, hệ thống tường bao và đường đi nội bộ trong di tích. Nhiều hiện vật có giá trị văn hóa lịch sử cũng đã được tìm thấy trong lòng đất, góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu, nhận thức về di tích, đáp ứng đúng mục tiêu đề ra, cung cấp những thông tin quan trọng để làm sáng rõ toàn bộ quy mô, kết cấu và tính chất của di tích.

1. Tổng quan di tích tháp đôi liễu cốc

Di tích Tháp đôi Liễu Cốc nằm ở địa phận làng Liễu Cốc Thượng, Tổ dân phố



Công tác phát quang, dọn dẹp mặt bằng, chuẩn bị khai quật

Xuân Thấp, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà. Di tích được xây dựng ở hữu ngạn gần sông Bồ (cách sông Bồ 820m về phía Nam) trên một triền dốc tự nhiên không lớn, phía đông giáp vườn hoa màu, phía tây là ruộng lúa, phía bắc là khu nghĩa địa và hồ nước, phía nam giáp nhà dân. Di tích gồm hai ngôi tháp được xây dựng gần nhau trên 2 trục song song theo hướng Đông - Tây, lối vào tháp ở phía Đông. Tên gọi Thấp đôi Liễu Cốc được lấy từ tên địa danh (làng Liễu Cốc) và quy mô (hai tháp) để đặt tên cho di tích.

Theo truyền thuyết, vùng thấp cổ Liễu Cốc do Bà Chúa Thấp (Thiên Y A Na) cai trị, rất linh thiêng, được các vua đầu triều Nguyễn sắc phong cho làng Liễu Cốc Thượng thờ phụng. Ngôi miếu này xây dựng từ đời Thành Thái (1889-1907), được họ Nguyễn Văn tái tạo để thờ Bà Chúa Thấp. Trải qua thời gian dài không được trùng tu, tôn tạo, di tích đứng trước nguy cơ trở thành “phế tích”. Hiện nay, hệ thống tường bao, các kiến trúc như tháp Hoả, tháp Bia, tháp Cổng hay Tiền đường, đường đi... không còn dấu tích trên mặt đất.

Tháp đôi Liễu Cốc là di tích kiến trúc nghệ thuật có giá trị nhiều mặt, cả về khoa học, lịch sử, văn hóa, kiến trúc, tôn giáo, tín ngưỡng..., là minh chứng sinh động giúp ích cho công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Việc nghiên cứu, khai quật khảo cổ để xác định rõ quy mô, kết cấu, tính chất, niên đại của di tích là hết sức cần thiết nhằm phục



Hố khai quật tháp chính phía Bắc của di tích tháp đôi Liễu Cốc



Hố thám sát tại vị trí tháp Cổng và tường bao phía đông

vụ hiệu quả cho công tác quy hoạch, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị tổng thể di tích trong thời gian tới.

2. Kết quả khai quật tháp đôi Liễu Cốc

Tháp đôi Liễu Cốc được xây dựng trên một gò đất phù sa của sông Bồ, cao hơn mực nước biển từ 3,7m - 4m. Trước khi tiến hành xây dựng, người Chăm đã đổ đắp thêm một lượng đất phù sa để tạo mặt bằng, sau đó tiến hành đầm chặt bằng lớp đất laterite và bột gạch dày từ 5cm - 12cm để gia cố đáy móng tháp.

Về quy mô, tháp có bố cục mặt bằng hình vuông, cửa chính hướng đông lệch bắc 14° , ba phía bắc, tây, nam đều có cửa giả. Tiền sảnh ở phía đông kéo dài, nhô hẳn về phía trước. Tháp gồm có 04 phần: móng, đế tháp, thân tháp và mái tháp. Riêng mái tháp đã bị sụp đổ, không thể nhận diện; thân tháp cũng đã bị sụp đổ mất quá nửa, nên việc nhận diện cũng gặp khó khăn. Từ móng đến thân tháp đều được xây xếp thuần nhất bằng gạch, gạch xếp so le ngang dọc, trong đó phần phủ bì bên ngoài và mặt trong của móng, tường tháp đều sử dụng gạch lành, riêng phần lõi tường thì được sử dụng gạch vỡ, có lẫn đất sét vàng, thuần.

Móng tháp được xây xếp bè rộng ra các mặt so với đế và thân tháp, tạo độ chắc chắn, vững chãi cho tháp. Đế tháp hình vuông, giạt cấp ở các góc, thu dần đều vào trong lòng móng tháp. Thân tháp được tạo thành các khối tường vuông, giạt cấp. Cửa chính (cửa ra vào) của tháp được tạo thành một tiền sảnh dài, lối đi ở giữa. Tiền sảnh đã bị đổ sập chỉ còn lại phần đế. Cửa giả ở ba phía bắc, tây, nam nhô ra ngoài thân tháp khoảng 1,3m, cửa rộng khoảng 3,1m. Các cửa giả đều được bố cục bởi hai trụ hai bên, lòng cửa giạt vào trong, giữa lòng tạo 02 ô học chìm đăng đối, chạy song song với hai trụ cửa.

Để tiếp tục tìm vị trí đường đi, tháp Cổng, tháp Hoả, tường bao, hướng tới mở rộng diện tích nghiên cứu, quy mô, cấu trúc mặt bằng tổng thể di tích Tháp đôi Liễu Cốc, các nhà khảo cổ đã tiến hành mở 5 hố thám sát, trong đó có 02 hố ở phía đông, 01 hố ở góc

đông bắc, một hố ở góc đông nam và 01 hố ở phía tây. Kết quả đã thu nhận những dấu tích trong đó xác định được đường đi chạy theo hướng bắc - nam, cắt ngang qua hố đào và cách mép đông của đế tháp 12,82m. Đường đi rộng 1,4m, được cấu tạo bởi 2 - 3 hàng gạch xếp dựng nghiêng để bó vỉa, lòng xếp lát 2 lớp gạch. Ở hố thám sát số 2 xuất lộ dấu tích nền móng tháp Cổng được xây, xếp gạch thành nhiều lớp. Ngoài ra, còn xác định dấu tích tường bao đầu trực tiếp vào góc ngoài (phía đông nam) của móng tháp Cổng. Từ những dấu tích xuất lộ trong hố đào, bước đầu có thể xác định dấu vết tháp Cổng tìm thấy trong hố đào là tháp Cổng của tháp Bắc, nằm thẳng trục đông - tây với cửa tháp và cách tháp 15m. Tường bao phía đông được bố trí ngay sát mép ngoài của tháp Cổng, có xu hướng chạy về hai phía nam, bắc.

3. Nhận xét và kiến nghị

3.1. Nhận định bước đầu

Tháp đôi Liễu Cốc là di tích đền tháp Champa hiếm hoi còn hiện diện trên mặt đất tính từ Bắc Mỹ Sơn trở ra, may mắn hơn lại được tọa lạc trên vùng đất Thừa Thiên Huế, nơi còn có sự hiện diện của tháp Phú Diên và nhiều công trình, địa điểm, di tích thành lũy, đền tháp Champa khác, góp phần sinh động cho bức tranh toàn cảnh về văn hóa Huế, con người Huế.

Tháp đôi Liễu Cốc là một tổ hợp kiến trúc phân bố trên gò đất phù sa thấp, nằm bên hữu ngạn, gần sông Bồ. Di tích được quy hoạch trong một khu đất bằng phẳng với hai đền tháp chính ở trung tâm, xung quanh là hệ thống tường bao ngăn cách khu vực trung tâm với vùng ngoại vi, lối vào qua kiến trúc tháp Cổng, có thể có một số công trình phụ trợ như Tiền đường (Nhà dài) trước Cổng, tháp Hỏa ở góc đông nam bên trong tường bao. Bên trong có hệ thống sân và đường đi lại giữa các công trình.

Kết quả khai quật và quan sát bề mặt hiện trạng, bước đầu có thể xác định được hai đền tháp chính của di tích, không thấy dấu hiệu của đền tháp thứ 3. Nếu đúng chỉ 2 tháp thờ chính thì di tích Tháp đôi Liễu Cốc là di tích đặc biệt, duy nhất thuộc hệ thống di tích đền tháp Champa có 02 tháp thờ chính. Thông thường, các di tích đền tháp Champa phân bố trải dọc miền Trung Việt Nam, trong quá trình nghiên cứu, chúng ta mới chỉ ghi nhận về hệ thống di tích có 01 tháp thờ chính hoặc 03 tháp thờ chính, không có trường hợp nào có 02 tháp thờ chính như ở Liễu Cốc.

Tháp đôi Liễu Cốc được xử lý gia cố nền bằng đất sét pha cát, bề mặt đầm chặt bằng đất laterite màu đỏ sẫm. Toàn bộ kiến trúc sử dụng vật liệu chủ yếu là gạch. Nguyên liệu đất sét làm gạch được khai thác gần với di tích, có thể gạch được sản xuất và nung tại chỗ. Hệ thống móng, đế và tường tháp đều xây, xếp bằng các lớp gạch chồng lên nhau.

Kết quả khai quật cũng cho thấy, để xây dựng tháp Liễu Cốc, người Chăm đã xây một khối tường vuông vức, lòng/chính diện để trồng, đặt ngẫu tượng thờ, ngoài xây giạt cấp phân vùng cửa giả, cửa chính (Tiền đường), phía trên mái vòm thu dần, tạo thành khối tháp với tường dày (dày 1,6m-1,65m) sau đó mới tiến hành đục, chạm, cắt, mài tạo thành các cột góc, cột trụ, ô hộc chìm hay những đường xoi rãnh trang trí bên ngoài. Hiện trạng của công trình vẫn còn nhiều vị trí ở phần đế và thân tháp xuất hiện dấu vết đục, cắt, mài dở dang, chưa hoàn chỉnh, bề mặt gạch lộ rõ lỗ lổ đen bên trong.

Tại hố đào khai quật ở tháp Bắc, kết quả đã tìm thấy nhiều mảnh trang trí nhẵn góc thể hiện hình đầu bò, được làm bằng đá sa thạch màu xám vàng. Qua đó cho thấy, giai

đoạn xây dựng tháp đôi Liễu Cốc người Chăm đã sử dụng vật liệu đá tạo nên sự sinh động của công trình. Điều này góp phần quan trọng trong việc xác định niên đại xây dựng tháp.

Từ những cơ sở đó, có thể tạm xếp niên đại xây dựng tháp Bắc Liễu Cốc vào giai đoạn cuối thế kỷ IX, tương ứng với niên đại của tháp Mỹ Sơn C2, nằm trong giai đoạn đầu của phong cách nghệ thuật Đông Dương. Ngoài ra, khi so sánh trang trí trên tường của tháp Bắc và tháp Nam ở Liễu Cốc, các nhà khảo cổ cũng nhận thấy sự khác biệt về trang trí cột và trụ tường của hai tháp này. Nhiều khả năng hai tháp không cùng một niên đại xây dựng. Điều đó cần tiếp tục nghiên cứu, khi có điều kiện mở rộng diện tích khai quật nhằm bổ sung tư liệu cho di tích sau này.

3.2. Kiến nghị, đề xuất

Tháp đôi Liễu Cốc là di tích quốc gia có giá trị quan trọng đối với lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, lịch sử Thừa Thiên Huế nói riêng. Vị trí tọa lạc của di tích lại rất gần với đường Quốc lộ 1A, cách trung tâm thành phố Huế không xa (khoảng 11km). Di tích hiện nay có tình trạng bảo tồn tương đối tốt, tạo cơ sở tiền đề để chúng ta có thể nghiên cứu, thu hút đầu tư, sử dụng khai thác nhu cầu phát triển du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên để mục tiêu đó thành hiện thực, chúng ta cần sớm có kế hoạch nghiên cứu, bảo tồn, ngăn chặn quá trình xuống cấp của công trình, kéo dài tuổi thọ của công trình để phục vụ các nhu cầu về khoa học, phát huy truyền thống lịch sử văn hóa, giữ gìn cho thế hệ mai sau.

Qua kết quả khai quật cũng như thực tiễn làm công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Huế, trong thời gian tới, cần có một số giải pháp đối với di tích Tháp đôi Liễu Cốc như sau:

Tiếp tục đầu tư mở rộng diện tích nghiên cứu, khai quật khảo cổ nhằm xác định rõ quy mô, kết cấu nguyên gốc, tính chất, đặc điểm, niên đại của di tích Tháp đôi Liễu Cốc, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng kế hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích; xây dựng, bổ sung tư liệu để từng bước hoàn thiện hồ sơ thuyết minh di tích đúng với giá trị vốn có của nó.

UBND thị xã Hương Trà (đơn vị trực tiếp quản lý di tích) cần ưu tiên bố trí nguồn vốn để tiến hành gia cố, gia cường hệ thống tường tháp, tránh xuống cấp, đổ vỡ; làm sạch bề mặt gạch, chống rêu mốc và cây cối mọc phủ lên kiến trúc. Ở phần nền dưới cần lấp đất lát lại nền sân tháp, chỉ để lộ phần đế tháp và tường tháp.

Nghiên cứu, xây dựng phương án thiết kế nhà mái che cho hai công trình kiến trúc tháp chính. Có thể sử dụng nhà tiền chế, với bộ mái vòm cao, xung quanh có hệ thống cột, móng bó và đường đi lại quanh tháp. Đồng thời có thể sử dụng công nghệ hiện đại để giúp khách tham quan có thể hình dung được công trình kiến trúc tháp hoàn chỉnh. Bên cạnh đó cũng phải có giải pháp bảo tồn lại miếu Dương Phi cho phù hợp với tổng thể di tích, đồng thời làm điểm nhấn cho không gian của di tích.

Tiến hành quy hoạch, chỉnh trang sân vườn, cây trồng trong di tích, xây dựng hệ thống tường bao bảo vệ, di dời các mô mã ảnh hưởng đến di tích, tạo cảnh quan và đường đi lại cho thuận tiện, dễ tiếp cận. Khuyến cáo người dân trong khu vực không xâm phạm, vứt đồ tùy táng, đồ thờ tự trong khuôn viên của di tích, chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ di tích. Ngoài ra, đề nghị UBND thị xã Hương Trà chỉ đạo chính quyền địa phương phối hợp với Bảo tàng Lịch sử tiến hành giải phóng các loại đất, gạch đá cây cối không phù hợp xung quanh đền tháp và phải có sự giám sát của các nhà khảo cổ và bảo tồn ■

SẮC PHONG VÀ BIA KÝ Ở LÀNG AN NÔNG

■ Bài và ảnh: NGỌC KIÊM

Trong quá trình khảo sát làng xã ở Huế, chúng tôi có dịp tìm hiểu và nghiên cứu về làng An Nông, một trong những làng quê được hình thành khá sớm ở vùng đất Thuận Hóa.

Theo Ô Châu cận lục của Dương Văn An viết năm 1553 làng An Nông (安農) có tên là Minh Nông (明農) là một trong 67 làng xã thuộc huyện Thế Vinh (sau đổi thành Tư Vang (năm 1469), phủ Triệu Phong xứ Thuận Hóa¹.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng được cử vào trấn thủ Thuận Hóa, đổi tên các huyện Kim Trà thành Hương Trà, Đan Điền thành Quảng Điền, Tư Vang thành Phú Vang, làng (xã) Minh Nông thuộc huyện Phú Vang².

Đến thời nhà Nguyễn, làng xã được tổ chức sắp xếp lại, theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn viết vào năm 1776, Địa bạ triều Nguyễn soạn thời Gia Long (1802 - 1820) thì làng Minh Nông (An Nông ngày nay) thuộc tổng Sư Lỗ, huyện Phú Vang.

Địa bạ thời Gia Long đã nêu rõ làng Minh Nông tứ cận: Đông giáp làng La Hào, phường An Thạch và làng Phù Bài. Tây giáp làng Phù Bài, phường Phước An, phường An Cư, làng Hà Trung. Nam giáp làng La Hào, phường An Thạch, phường La Sơn, làng Hà Trung, phường An Cư, phường Phước An. Bắc giáp làng Phù Bài, phường Phước An và phường An Cư³.

Tiếp đến, Minh Mạng thứ 16 (1835), đặt thêm 3 huyện mới là Hương Thủy, Phong Điền và Phú Lộc. Huyện Phú Lộc gồm có 4 tổng, 87 xã, lúc này làng Minh Nông được đổi tên thành An Nông (安農) hay Đại Nông (大農) là một trong các làng (xã) của huyện Phú Lộc. Làng An Nông còn tục gọi là làng Nong hay An Nong.

Theo Đồng Khánh địa dư chí cuối thế kỷ XIX do Hoàng Hữu Xứng làm tổng tài (chủ biên) năm 1886, thì làng An Nông (xã An Nông) là một trong 19 xã, thôn, ấp thuộc tổng An Nông, huyện Phú Lộc⁴.

Năm 1910, xã An Nông thuộc tổng An Nông, huyện Hương Thủy, sau đó tổng An Nông lại chuyển về huyện Phú Lộc như trước.

Với lịch sử hình thành và phát triển, làng An Nông (ngày nay gồm các thôn Hòa Vang 1, Hòa Vang 2, Hòa Vang 3, Hòa Vang 4, Hòa Mỹ, Bình An, Thuận Hòa, Bến Ván) còn bảo lưu nhiều dấu tích văn hóa cổ xưa mang đậm dấu ấn văn hóa làng xã của cư dân Việt. Đặc biệt, còn lưu giữ nhiều tư liệu, trong đó có sắc phong thời Khải Định năm thứ 9 (1924) hợp phong cho các vị thần Cao Các, Bồn thổ Thành hoàng; Phi Vận

1. Dương Văn An (2021), *Ô châu cận lục*, bản dịch và hiệu đính của Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr. 64.

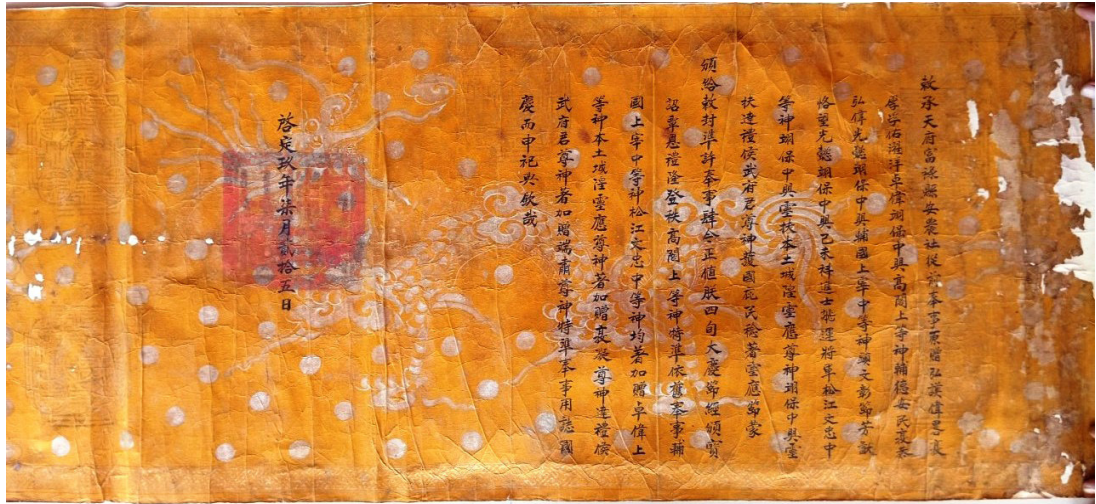
2. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lộc Bồn (2018), *Lịch sử Đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Lộc Bồn (1930-2015)*, Nxb. Thuận Hóa - Huế, tr. 11.

3. Liên Hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên Huế, Hội Văn nghệ Dân gian Thừa Thiên Huế, Trần Đại Vinh (Chủ biên) (2018), *Làng Văn Vật Thừa Thiên Huế tập 2*. Nxb. Thuận Hóa - Huế, tr. 20.

4. Lê Nguyễn Lưu (2006), *Văn hóa Huế xưa - Đời sống văn hóa làng xã*, Nxb. Thuận Hóa, tr. 109.

Tướng quân và ngài họ Võ (Võ Phủ Quân tôn thần) và bia ký còn lưu giữ tại đình An Nông đó là những di sản tư liệu quý giá, góp phần khẳng định và làm phong phú hơn những giá trị lịch sử, văn hóa và truyền thống về vùng đất và con người làng An Nông ngày nay. Xin được giới thiệu về sắc phong và bia ký tại làng An Nông, một trong những làng quê hiền hòa nằm bên bờ sông Nong có bề dày lịch sử văn hóa.

Sắc phong Khải Định năm thứ 9 (1924)



Sắc phong Khải Định năm thứ 9 (1924) tại làng An Nông

敕承天府富祿縣安農社從前本事原贈弘謨偉畧敦厚孚佑濯詳卓偉翊保中興高閣上等神輔德安民敦恭弘偉光懿翊保中興輔國上宰中等神顯文彰節芳猷恪望光懿翊保中興己未科進士飛運將軍松江文忠中等神翊保中興靈扶本土城隍靈應尊神翊保中興靈扶達禮侯武府君尊神護國庇民稔著靈應節蒙頒給敕封準許奉事肆今正值朕四旬大慶節經頒寶詔覃恩禮隆登秩高閣上等神特準依舊奉事輔國上宰中等神松江文忠中等神均著加贈卓偉上等神本土城隍靈應尊神著加贈敦凝尊神達禮侯武府君尊神著加贈端肅尊神特準奉事用誌國慶而申祀典欽哉。

啓定玖年柒月貳拾五日

Phiên âm:

Sắc Thừa Thiên phủ, Phú Lộc huyện, An Nông xã, tông tiên phụng sự nguyên tăng Hoàng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Phu Hựu Trạc Dương Trác Vĩ Dực Bảo Trung Hưng Cao Các Thượng Đẳng Thần; Phụ Đức An Dân Đôn Cung Hoàng Vĩ Quang Ý Dực Bảo Trung Hưng Phụ Quốc Thượng Tể Trung Đẳng Thần; Hiển Văn Chương Tiết Phương Du Khát Vọng Quang Ý Dực Bảo Trung Hưng Kỷ Mùi Khoa Tiến Sĩ Phi Vận Tướng Quân Tùng Giang Văn Trung Trung Đẳng Thần; Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Bồn Thổ Thành Hoàng Linh Ứng Tôn Thần; Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Đạt Lễ Hầu Võ Phủ Quân Tôn Thần, hộ quốc tể dân năm trứ linh ứng tiết mông ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự tứ kim chính trực, trăm tứ tuần đại khánh tiết kinh ban bảo, chiếu đàm ân lễ long đẳng trật Cao Các Thượng Đẳng Thần đặc chuẩn y cựu phụng sự, Phụ Quốc Thượng Tể Trung Đẳng Thần; Tùng Giang Văn Trung Trung Đẳng Thần quân trứ gia tặng Trác Vĩ Thượng Đẳng Thần; Bồn Thổ Thành Hoàng Linh Ứng Tôn Thần trứ gia tặng Đôn Ngưng Tôn Thần; Đạt Lễ Hầu Võ Phủ Quân Tôn Thần trứ gia tặng Đoan Túc Tôn Thần đặc chuẩn phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển. Khâm tai!

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc xã An Nông, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên từ trước đã phụng thờ thần nguyên tằng Hoàng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Phu Hựu Trạc Dương Trác Vĩ Dực Bảo Trung Hưng Cao Các Thượng Đẳng Thần; Phụ Đức An Dân Đôn Cung Hoàng Vĩ Quang Ý Dực Bảo Trung Hưng Phụ Quốc Thượng Tể Trung Đẳng Thần; Hiền Văn Chương Tiết Phương Du Khát Vọng Quang Ý Dực Bảo Trung Hưng Kỷ Mùi Khoa Tiến Sĩ Phi Vận Tướng Quân Tùng Giang Văn Trung Trung Đẳng Thần; Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Bồn Thổ Thành Hoàng Linh Ứng Tôn Thần; Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Đạt Lễ Hầu Võ Phủ Quân Tôn Thần vì đã có công bảo vệ



Bia ký tại Đình làng An Nông

đất nước, che chở người dân, nhiều năm linh ứng được phụng thờ, ban cấp. Chuẩn theo lệ cũ, nay Trăm tứ tuần đại khánh, chiếu theo lễ trật, chuẩn y theo lệ cũ phụng thờ Cao Các Thượng Đẳng Thần; Tùng Giang Văn Trung Trung Đẳng Thần gia tặng thêm Trác Vĩ Thượng Đẳng Thần; Bồn Thổ Thành Hoàng Linh Ứng Tôn Thần gia tặng thêm Đôn Ngưng Tôn Thần; Đạt Lễ Hầu Võ Phủ Quân Tôn Thần gia tặng thêm Đoan Túc Tôn Thần đặc chuẩn phụng thờ để nhớ đến ngày quốc khánh. Kính thay!

Ngày 25 tháng 7 Khải Định năm thứ 9 (1924).

Bia ký đình An Nông

安農亭記

富祿之安農畿內邑也邑有舊亭矣嗣德乙卯邑人謀新之以質諸倉...

杜俊大改卜辛未 向遂乃悉心敦事庀材鳩工邑人之有心產者共襄之...

武大通其費數倍以丙辰年柒 月丙子日起造蓋以瓦牆以磚越數月亭

阮文治將碑之或曰亭壞而修業記焉曰亭以事

神是民力之普存也不可忘且以示後人當念懋修登斯亭也常如今日焉斯。

遂自代石而誌其人之捐貲助役者

銘曰安農亭之- 誰其營之- 誰其成之- 誰其銘之- 以詔後人毋忘斯。

皇朝嗣德丁巳年十一月吉日

賜癸丑科第一甲進士及弟第三名雙元探花內閣承旨古驩阮文交撰

一供錢幣以下

會主休致正隊長率隊武大通一千六百六十貫匠主隊長阮如仕供三十貫協管阮貴曰金十兩該隊武畧三百貫正隊長武議十貫驛目驚五十貫義門武氏一百二十貫扁聯各一面對管班阮氏丁扁聯各一面對阮氏首一百十貫阮談陳壽各一百貫黎氏道三十貫阮氏安二十貫阮義阮樓阮璜阮衡武賢武教阮安。

阮鏡武氏會各五十貫又阮璜礎石二十斤武教梓木十段武祈武綱武海武詳武瑄武演武禧等木二十段。一應辦以下族長阮同武詠潘文鄉長阮善武耀武書武諒阮成

隊長武倥阮恩里長阮莫武貴阮翰全長阮卿武勤白詩阮義
義門武氏次子戶部司務阮文治立石。

Phiên âm:

An Nông đình ký

Phú Lộc chi An Nông kỳ nội ấp dã, ấp hữu cựu đình hĩ Tự Đức Ất Mão ấp nhân mưu tân chi dĩ, chất chư thương... Đỗ Tuấn Đại cải bốc Tân Mùi hương toại nãi tất tâm đồn sự phi tài cựu công ấp nhân chi hữu tâm sản giả cộng tương chi. Võ Đại Thông kỳ phí sở bội dĩ Bính Thìn niên thất nguyệt Bính Tý nhật khởi tạo cái dĩ ngỗ tường dĩ chuyên viết sở nguyệt đình. Nguyễn Văn Trị tương bi chi hoặc hoại nhi tu nghiệp ký yên viết đình dĩ sự, thần thị dân công chi phổ tồn dã bất khả vong thư dĩ kì hậu nhân đường niệm mậu tu đẳng tư đình dã thường như kim viết yên tư toại tự đại thạch nhi chí kì nhân chi quyền ty trợ dịch giả.

Mình viết An Nông đình chi - Thùy kì doanh chi - Thùy kì thành chi - Thùy kì minh chi - dĩ chiếu hậu nhân vô vong tư.

Hoàng triều Tự Đức Đình Tự niên thập nhất nguyệt cát nhật

Tứ Quý Sứ khoa đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh song nguyên thám hoa nội các thừa chỉ cổ hoan Nguyễn Văn Giao soạn

Nhất cộng tiền thang dĩ hạ.

Hội chủ hưu trí chánh đội trưởng suất đội Võ Đại Thông nhất thiên lục bách lục thập quán, tượng chủ đội trưởng Nguyễn Như Sỹ cúng tam thập quán, hiệp quản Nguyễn Quý Viết kim thập lạng, cai đội Võ Lược tam bách quán, chánh đội trưởng Võ Nghị thập quán, dịch mục Võ Loan ngũ thập quán, nghĩa môn Võ Thị nhất bách nhị thập quán, biền liên các nhất diện đối quản ban Nguyễn Thị Đình biền liên các nhất diện đối Nguyễn Thị Thủ nhất bách thập quán, Nguyễn Đàm, Trần Thọ các nhất bách quán, Lê Thị Đạo tam thập quán, Nguyễn Thị An nhị thập quán, Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Lâu, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hoàn, Võ Hiền, Võ Giáo, Nguyễn An, Nguyễn Cảnh, Võ Thị hội các ngũ thập quán, hựu Nguyễn Hoàng sở thạch nhị thập cân, Võ Giáo tử mộc thập đoạn. Võ Kỳ, Võ Cương, Võ Hải, Võ Dương, Võ Tuyên, Võ Diễn, Võ Hy đẳng mộc nhị thập đoạn. Nhất ứng ban dĩ hạ, tộc trưởng Nguyễn Đồng, Võ Vĩnh, Phan Văn, hương trưởng Nguyễn Thiện, Võ Diệu, Võ Thư, Võ Lượm, Nguyễn Thành. Đội trưởng Võ Lượm, Nguyễn Ân. Lý trưởng Nguyễn Anh, Võ Quý, Nguyễn Hàn đồng trưởng Nguyễn Khanh, Võ Cần, Bạch Thi, Nguyễn Nghĩa.

Nghĩa môn Võ Thị thứ tử hộ bộ ty vụ Nguyễn Văn Trị lập thạch.

Dịch nghĩa:

Bia ký đình An Nông

Ấp An Nông là ấp của huyện Phú Lộc thuộc nội kỳ, ấp có đình cũ vậy, năm Ất Mão thời Tự Đức (1855) người trong ấp có nguyện vọng làm xây dựng lại mới và đặt vấn đề các kho... Đỗ Tuấn Đại dự tính đến năm Tân Mùi (1871), thế là tận tâm dốc sức vào việc này, tập trung thợ thuyền vật liệu cùng nhau để xây dựng lại đình làng.

Võ Đại Thông xem xét sổ sách, kinh phí dự kiến trùng tu đình vào ngày 21 (ngày Bính Tý), tháng 7 năm Bính Thìn (1856). Việc xây cất, tường nhà, lợp ngói qua mấy tháng mới hoàn thành. Nguyễn Văn Trị ghi chép lại sự việc hư hỏng của đình, cũng như quá trình sửa chữa đình, công sức đóng góp của thần dân khắc vào tấm bia để hậu thế hôm nay và mai sau ghi nhớ công lao tu bổ ngôi đình này.

Sau nữa là đề tuyên dương ghi nhớ công lao những người quyền góp, những người xây dựng.

Bài minh viết tại Đình An Nông - người nào quản lý - người nào hoàn thiện - ai viết bài minh. Khắc ghi để hậu thế không quên.

Ngày lành tháng 11 năm Đinh Tỵ thời Tự Đức (1857)

Ban tiến sỹ đệ nhất giáp khoa Quý Mùi thi đỗ đứng hàng thứ ba song nguyên Thám hoa nội các thừa chỉ Nguyễn Văn Giao biên soạn.

Tiền công khoản cúng xây dựng

Chủ hội hưu trí chánh đội trưởng suất đội Võ Đại Thông 1660 quan tiền. Chủ thợ đội trưởng Nguyễn Như Sĩ cúng 30 quan tiền, hiệp quản Nguyễn Quý Viết cúng 10 lượng vàng, cai đội Võ Lược 300 quan tiền, Chánh đội trưởng Võ Nghị 10 quan, dịch mục Võ Loan cúng 50 quan, nghĩa môn Võ Thị 120 quan tiền, hoành phi và một cặp liễn đối, quản ban Nguyễn Thị Đình hoành phi và một cặp liễn đối,

Nguyễn Thị Thủ 110 quan tiền, Nguyễn Đàm, Trần Thọ hoành phi và 100 quan tiền, Lê Thị Đạo 30 quan tiền, Nguyễn Thị An 20 quan tiền, Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Lâu, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hoàn, Võ Hiền, Võ Giáo, Nguyễn An, Nguyễn Cảnh, Võ Thị cả nhóm 50 quan tiền, Nguyễn Hoàng lai thêm trụ táng 20 cân, Võ Giáo gổ thị 10 khúc, Võ Kỳ, Võ Cương, Võ Hải, Võ Dương, Võ Tuyên, Võ Diễn, Võ Hy 20 đòn tay.

Ban vận động xây dựng.

Tộc trưởng Nguyễn Đồng, Võ Vịnh, Phan Văn, trưởng làng Nguyễn Thiện, Võ Diệu, Võ Thư, Võ Lượng, Nguyễn Thành. Đội trưởng Võ Đình, Nguyễn Ân. Lý trưởng Nguyễn Mạc, Võ Quý, Nguyễn Hàn đồng trưởng Nguyễn Khanh, Võ Cần, Bạch Thi, Nguyễn Nghĩa.

Nghĩa môn Võ Thị cùng con thứ là Nguyễn Văn Trị ty vụ bộ hộ lập bia ■

PHAN ĐÌNH NGÂN

Sông hát lời mùa Xuân

Khi dòng sông cất tiếng hát mùa Xuân
Bao cánh sóng vỗ lên bờ náo nức
Những câu chuyện tình nói dài chẳng dứt
Hạnh phúc thường dân chân chất vô ngần.

Khi dòng sông cất tiếng hát mùa Xuân
Cây của núi thêm tươi màu nắng mới
Nước của biển dạt dào cơn gió thổi
Muôn cánh bướm rời bãi hương xa xăm.

Khi dòng sông cất tiếng hát mùa Xuân
Nghe lời đất trở mình qua dâu bể
Cùng bóng mẹ tảo tần bên trăn trệ
Những khát khao cuộc sống cứ dâng trào.

Khi dòng sông cất tiếng hát mùa Xuân
Trong ánh mắt em xanh miền ước vọng
Đàn chim én reo trời cao lồng lộng
Điệu ví câu hò xao động con tim.

Khi dòng sông cất tiếng hát mùa Xuân
Bao làng tắm chùa chiêm cùng thức dậy
Bước du lãm quên dưng như nước chảy
Cảm thụ thanh bình mỗi sớm mai lên.

Sông quê ơi cất tiếng hát mùa Xuân
Cho ta thả tâm hồn vào non nước
Lắng đọng thắm sâu tình yêu Tổ quốc
Và ngọt ngào như những hạt phù sa.

Ơi dòng Hương gần bó suốt đời ta
Muôn giai điệu Xuân ca còn vang mãi.

PHỐ CỔ GIA HỘI

Đi lên từ sự khác biệt

■ YÊN CHI

*“Đông Ba - Gia Hội hai cầu
Ngó vô Diêu Đế bốn lầu hai chuông”*

Đó có thể xem là hình ảnh biểu trưng về một Gia Hội phồn hoa rực rỡ đương thời, khi Huế đích thực là đang giữ vị thế “Huế - center”, hay “Huế - Ở giữa”, Huế - kinh đô của nước Việt Nam/ Đại Nam hùng cường ở khu vực Đông Nam Á.

Vậy nhưng Gia Hội ngày nay lại là một khu phố cổ khá yên ắng, tĩnh lặng và được xem là “ít chịu phát triển” dù vẫn là vùng đất có nhiều tiềm năng, lợi thế về văn hóa, lịch sử của cố đô.

Gia Hội sẽ phát triển, sẽ đi lên như thế nào? Đây là một chủ đề rất hay được đặt ra cho cuộc tọa đàm “Phố cổ Gia Hội - Đi lên từ sự khác biệt” tổ chức tại Bảo tàng Gốm cổ sông Hương cơ sở 2 vào ngày 07/01/2025, nhất là trong bối cảnh Huế đã chính thức trở thành Thành phố trực thuộc trung ương.

Dưới đây, xin mạo muội nêu vài suy nghĩ về vấn đề này.

Quá khứ vàng son

Gia Hội là vùng đất phía Đông Kinh thành Huế, vốn được hình thành sớm và dần trở nên phồn thịnh từ thời các chúa Nguyễn. Năm 1687, sau khi chúa Nguyễn Phúc Thái dời thủ phủ từ Kim Long về Phú Xuân, khu vực Gia Hội càng có điều kiện phát triển mạnh. Chợ Dinh - khu chợ ở phía Đông dinh/phủ chúa đã hình thành để phục vụ cho nhu cầu của nhà chúa cùng lực lượng đông đảo của hoàng gia, quan lại, quân đội... Đây là trọng tâm của phần “thị” trong kết cấu “đô - thị” của Huế trong thời kỳ đầu gắn bó với sông Hương.

Đến nửa đầu thế kỷ XVIII, sau khi chúa Nguyễn Phúc Khoát nâng cấp phủ Phú Xuân lên làm Đô thành, khu vực này càng phát triển phồn thịnh. Xem bản đồ cổ *Giáp Ngọ niên Bình Nam Đồ* (1774) của Đoàn quận công Bùi Thế Đạt, có thể thấy khu vực này đã có nhiều phủ đệ của thân vương, quý tộc, quan lại, trong đó nổi bật là *Phủ Ao, chợ Dinh*... Trong công trình *Phủ biên tạp lục*, biên soạn năm 1776, Lê Quý Đôn cũng mô tả: “... Ở trên thì các phủ thờ ở Kim Long giữa thì cung phủ hành lang, dưới thì nhà cửa ở phủ ao, Nguyễn Phúc Khoát xưng vương hiệu, đổi tên, đề biển, có hai điện Kim Hoa, Quang Hoa, Trung Hòa, Di Nhiên, đài Sừng Xuân, các Dao Trì, các Triều Dương, các Quang Thiên, đình Thụy Vân, hiên Đồng Lạc, am Nội Viện, đình Giáng Hương, công đường, trường học và trường súng. Ở thượng lưu về phía nam có phủ Dương Xuân và phủ Cam. Ở trên nữa có phủ Tập Tượng, lại dựng điện Trường Lạc,



hiên Duyệt Võ, mái lớn nguy nga, đài cao rực rỡ, mà giải võ, tường bao quanh, cửa bốn bề, chạm khắc vẽ vờ, khéo đẹp cùng cực... Ở thượng lưu và hạ lưu Chính dinh đều là quân bày hàng như bàn cờ. Những nhà của thủy quân lại ở đối ngạn. Xưởng thuyền và kho thóc thì các xã Hà Khê, Thọ Khang trên thượng lưu còn nhà vườn của các công hầu quyền quý thì chia bày ở hai bờ thượng lưu sông Phú Xuân, cùng hai bờ sông con bên hữu Phú Cam. Ở thượng lưu, hạ lưu phía trước chính dinh thì chợ phố liền nhau, đường cái đi ở giữa, nhà cửa chia khoảng tiếp nhau, đều là mái ngói. Cây to bóng mát, tả hữu thành hàng. Thuyền buôn bán, dò dọc ngang đi lại như mắc cửi”.

Đến đầu thế kỷ XIX, sau khi vua Gia Long thống nhất đất nước, cho xây dựng kinh đô tại Huế, khu vực Gia Hội - Chợ Dinh lại càng phát triển sầm uất hơn bởi trung tâm buôn bán trao đổi của kinh đô Huế đều tập trung ở phía Đông Kinh thành. Các hội quán của người Hoa, người Minh hương cũng được chuyển từ khu vực Thanh Hà - Bao Vinh lên xây dựng ở các vị trí dọc bờ sông Hương, thuộc tuyến đường Chi Lăng hiện nay.

Khu vực Gia Hội cũng tập trung nhiều phủ đệ của thân vương, quý tộc nhà Nguyễn. Đặc biệt, phủ đệ của Hoàng thái tử Nguyễn Phúc Miên Tông cũng được xây dựng tại đây; sau khi lên ngôi hoàng đế, vua Thiệu Trị đã cho xây dựng chùa Diệu Đế chính trên nền ngôi “tiềm đế” của mình. Chùa Diệu Đế trở thành một trong 4 ngôi quốc tự tại kinh đô, có vị thế và ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo xứ Huế và cả đời sống tinh thần của hoàng gia. Năm 1885, sau khi “kinh đô thất thủ”, phủ Thừa Thiên từng một thời tạm chuyển về đóng tại chùa Diệu Đế, trước khi chuyển qua bờ nam sông Hương, ở vị trí của UBND Thành phố Huế hiện nay (16 Lê Lợi).

Cho đến đầu thế kỷ XX, dấu không còn là thời kỳ hoàng kim, khu vực Gia Hội vẫn là một trong những khu vực phồn thịnh nhất của kinh đô Huế.

Hiện tại tĩnh lặng

Phường Gia Hội ngày nay gồm 18 tổ dân phố, thuộc quận Phú Xuân, thành phố Huế, với diện tích 1,46km², dân số khoảng 28.000 người. Phía Đông giáp phường Vĩ Dạ, ranh giới là sông Hương; phía Tây giáp phường Thuận Lộc và phường Đông Ba với ranh giới là sông đào Đông Ba; phía Nam giáp phường Đông Ba với ranh giới là sông

Đông Ba, phía Bắc giáp phường Phú Hậu. Như vậy, Gia Hội có địa thế gần như 3 mặt giáp sông, lại tiếp giáp với chợ Đông Ba - trung tâm thương mại dịch vụ truyền thống lớn nhất của thành phố Huế.

Phường Gia Hội cũng là một trong những phường có quần thể di tích lịch sử văn hóa phong phú, với nhiều loại hình khác nhau như Phủ đệ, Hội quán, chùa, đình làng, phố cổ, nhà cổ, từ đường... Trong đó, có các di tích rất nổi tiếng như chùa Diệu Đế, đình và miếu Thế Lại Thượng, hội quán Phúc Kiến, hội quán Triều Châu, Thanh Bình từ đường, đền Chiêu Ứng, phủ Gia Hưng, phủ Thoại Thái, phủ Tuy An, phủ Ngọc Sơn, Nhà thờ tổ Kim Hoàn... Các di tích này đều đã được đưa vào danh mục kiểm kê và 3 trong số đó đã được công nhận di tích cấp quốc gia (Đình Thế Lại Thượng, Thanh Bình từ đường và Nhà thờ tổ Kim Hoàn).

Phường Gia Hội cũng là khu vực có những di sản phi vật thể quý báu như các lễ hội truyền thống, nghề thủ công làm phần nũ, tranh gương, làm điều...; nghệ thuật ẩm thực đa dạng với nhiều món ăn mang đậm bản sắc Huế. Đặc biệt, khu vực này còn giữ đậm đặc một “lối sống Huế” truyền thống không dễ tìm thấy ở nơi khác.

Vậy nhưng Gia Hội ngày nay là một khu vực tĩnh lặng, đầy vẻ “yên phận”, hầu như rất ít có sự thay đổi phát triển theo hướng tích cực. Sự trầm mặc, hoài cổ của Gia Hội khiến người ta phải day dứt với câu thơ của Nguyễn Bính:

*“Khách du lần giờ trang hoài cổ
Mơ lại thời xưa xóm Ngự viên”.*

Làm sao để Gia Hội đi lên, phát triển bằng sự khác biệt?

Đây chính là câu hỏi lớn, là niềm trăn trở của rất nhiều người, từ các thế hệ lãnh đạo đến người dân bình thường và cả những người Huế tha hương, những người yêu Huế. Cũng có thể so sánh, hình ảnh Gia Hội chính là một hình ảnh xứ Huế thu nhỏ.

Tháng 8/2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiệm thu đề tài: “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng không gian phố cổ Gia Hội thành tuyến phố thương mại du lịch đặc trưng của thành phố Huế*” của Viện Nghiên cứu Phát triển. Kết quả của đề tài được kỳ vọng sẽ giúp cho Gia Hội phát triển đúng hướng; tuy nhiên, ý tưởng, mục tiêu của đề tài khoa học trên không mới. Hơn 20 năm trước, chính quyền thành phố Huế đã từng quyết tâm bảo tồn, phát huy khu phố cổ Gia Hội với mong muốn biến nơi đây thành một Hội An của Huế, nhưng đến nay chưa thành. Vậy cần làm gì để Gia Hội phát triển, đi lên bằng thế mạnh và sự khác biệt của mình?

Dưới đây là vài gợi ý...

Trước hết, đòi hỏi sự vào cuộc mạnh mẽ của chính quyền:

Chính quyền thành phố Huế đã và đang thực hiện quy hoạch chung của thành phố, quy hoạch phát triển đô thị thành phố Huế (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), quy hoạch bảo quản, tu bổ quần thể di tích cổ đô Huế... do đó cần đặc biệt quan tâm để triển khai quy hoạch chi tiết khu vực Gia Hội. Bởi quy hoạch là bước đi đầu tiên, có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển đúng hướng và bền vững của một địa phương.

Tiếp đó, cần có sự đầu tư xứng đáng để có thể bảo tồn, khai thác và phát huy tốt các di sản phong phú trên địa bàn Gia Hội. Phường Gia Hội nói riêng và toàn bộ quận Phú Xuân nói chung đã được kiểm kê tổng thể các di sản văn hóa, đây là cơ sở rất quan

trong cho việc đề xuất và triển khai công tác bảo tồn, khôi phục và phát huy các di sản mà địa phương đang sở hữu.

Một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của chính quyền các cấp là tạo điều kiện và tạo ra sự kết nối để mọi người dân trên địa bàn có thể phát huy hết năng lực, sở trường của mình trong việc khai thác, phát huy các nguồn lực vốn có của địa phương, mà với Gia Hội, đó là nguồn lực tiềm tàng và to lớn về văn hóa, di sản. Hiện nay, các cơ sở dịch vụ trên địa bàn phường còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có tính hệ thống, chưa thể hiện được sự chuyên nghiệp trong việc cung ứng, phục vụ nhu cầu của du khách. Đây là điều mà chính quyền và các ngành chức năng cần nhận thấy rõ và có giải pháp để sớm khắc phục.

Thứ hai là, rất cần sự thay đổi và nỗ lực của người dân.

Hầu hết các di sản của Gia Hội là di sản thuộc về cộng đồng, thuộc về người dân, vì vậy, cần có sự thay đổi về nhận thức trong cách tiếp cận và sử dụng di sản cho mục tiêu phát triển. Về điểm này, người Gia Hội nói riêng và người Huế nói chung rất cần học hỏi người dân Hội An về kỹ năng sử dụng, phát huy di sản, kỹ năng phục vụ để Gia Hội thực sự có thể trở thành một trung tâm dịch vụ phục vụ cho nhu cầu đa dạng của các đối tượng du khách. Người dân Gia Hội phải trở nên năng động sáng tạo với tâm huyết khát khao làm giàu, khát khao phát triển mạnh mẽ để đưa phố cổ Gia Hội trở lại thời hoàng kim.

Thứ ba là, cần những người truyền cảm hứng và dẫn dắt cộng đồng:

Có thể xem GS.TS. Thái Kim Lan là một ví dụ điển hình cho vai trò của một người truyền cảm hứng, kết nối và dẫn dắt. Gia Hội nói riêng và Huế nói chung đang rất cần những người như GS. Thái Kim Lan để truyền cảm hứng cho cộng đồng, kết nối và dẫn dắt cộng đồng trong hành trình “đánh thức” kho tàng di sản văn hóa to lớn mà địa phương đang sở hữu nhưng lại còn lúng túng hoặc chưa biết khai thác, phát huy một cách hiệu quả để phát triển. Với việc thành lập Không gian Liên văn hóa (Bảo tàng Gốm cổ sông Hương, cơ sở 2), Gia Hội đã thực sự tạo nên một điểm sáng về văn hóa cho Huế. Đây chính là một không gian kết nối lí tưởng dành cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, văn nghệ sỹ và cho cả cộng đồng người dân.

Nhưng thiết nghĩ, ngoài GS.TS. Thái Kim Lan, vẫn còn rất nhiều người yêu Huế nói chung, những người con của Gia Hội nói riêng rất tâm huyết và sẵn sàng kết nối, hỗ trợ để giúp Gia Hội phát triển bằng chính thế mạnh của mình. Chúng ta cần tìm đến những người này. Cần sự hỗ trợ và giúp đỡ của họ.

Tôi cho rằng, mọi sự thành bại trên đời đều do yếu tố con người, nên dù có Thiên thời, Địa lợi mà không có Nhân hòa thì cũng rất khó mà thành công.

Gia Hội đang có Thiên thời, Địa lợi. Chỉ còn đợi Nhân hòa! ■



DẤU ẤN TRƯỜNG MỸ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG TRONG HỘI HỌA Ở HUẾ GIỮA THẾ KỶ XX

■ Bài và ảnh: PHAN THANH BÌNH*

Vào những năm 1930-1945, xứ Huế là nơi xảy ra nhiều sự kiện lịch sử có ý nghĩa lớn lao trong việc khẳng định những giá trị tinh thần, phẩm chất văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung và xứ Huế nói riêng. Do những đặc điểm khá đặc biệt về lịch sử, chính trị, văn hóa, Huế trở thành nơi chứa đựng và truyền tải những nét tinh tế và đặc sắc từ mỹ thuật phương Tây, trong đó có những tác phẩm hội họa mang phong cách Trường Mỹ thuật Đông Dương (MTĐD). Cho đến nay, MTĐD là thuật ngữ thường được các nhà nghiên cứu sử dụng có tính “mặc định” về dấu ấn mỹ thuật phương Tây ở Việt Nam từ 100 năm qua. Trong đó nổi bật là ở sự nhận diện về phong MTĐD trong họa ở Huế với những cung bậc nghệ thuật khác nhau trong từng thời điểm lịch sử cụ thể. Trải qua bao năm tháng, cảnh sắc, con người Huế đã có nhiều thay đổi, nhưng những tác phẩm mỹ thuật của các họa sĩ từ trường MTĐD vẫn in đậm dấu ấn thẩm mỹ thời đại một cách bền chặt và sâu lắng. Phong cách trường MTĐD với sự mới mẻ, hiện đại đã một phần được định hình, nhận diện ở Huế, tinh thần MTĐD có cơ hội hồi sinh khi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế ra đời vào năm 1957 tại Huế, nơi tưởng như truyền thống văn hóa Nho giáo và mỹ thuật cung đình sẽ khó tạo được sự hòa nhập hài hòa với tinh thần mỹ thuật hiện đại.

1. Mỹ thuật Huế đầu thế kỷ XX đến trước 1925 và bối cảnh của sự tiếp nhận phong cách hội họa Trường Mỹ thuật Đông Dương.

Huế là kinh đô của triều đại nhà Nguyễn, đến cuối thế kỷ XIX, nghệ thuật phương Tây dần có ảnh hưởng đến mỹ thuật của triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam. Khi tiếp xúc với người phương Tây, người Việt đã tiếp nhận những thành tựu văn hóa mới và tạo nên một dấu ấn quan trọng trong văn hóa của người Việt. Ngày nay chúng ta có thể hình dung về diện mạo và trang phục của vua Khải Định qua rất nhiều ảnh chụp vào đầu thế kỷ XX và qua bức tượng toàn thân bằng đồng của vua Khải Định hiện đặt tại cung An Định - Huế. Trên tượng ngoài yếu tố phương Tây như kiểu dáng áo, ủng da, tua gù vai... còn có họa tiết mây cuộn, sóng nước, cổ đồ ở vạt áo và nhiều hoa văn phương Đông cổ, cùng chiếc khăn vành quen thuộc từng gắn bó với áo ngũ thân xưa với những hoa văn hoa dây gấm tinh nhả.

Phong cách MTĐD dần hình thành trong sự tiếp cận nghệ thuật phương Tây và cũng dần thấm sâu vào thể hệ họa sĩ thời kỳ quá độ từ phong cách nghệ thuật truyền thống phong kiến sang phong cách nghệ thuật cận hiện đại mang màu sắc phương Tây. Năm 1914, tạp san *Bulletin des Ami du Vieux Hue* (B.A.V.H) ra đời và được liên tục xuất bản cho đến tháng 6 năm 1944, tạp chí không chỉ hàm chứa nhiều kết quả nghiên cứu quý giá về văn hóa, lịch sử xứ Huế xưa mà trong đó còn có dấu ấn MTĐD qua hàng trăm minh họa công phu, có tay nghề cao của nhiều họa sĩ bấy giờ. Giai đoạn đầu thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của nền giáo dục Tây học, nhiều họa sĩ đã để lại những dấu ấn tạo hình đặc sắc ở Huế như các tác phẩm *Chân dung* của Lê Văn Miến (1874-1943) trưng bày tại chùa Bà La Mật, tranh tường trang trí ở cung An Định của Lương Quang Duyệt, tranh Phật đạo của một số nhà sư với nền là

* PGS. TS. Trường Đại học Nghệ thuật Huế.

cảnh sắc xứ Huế thơ mộng... Ở góc độ lịch sử, có thể coi Lương Quang Duyệt cũng như Lê Văn Miến, Tôn Thất Sa là những họa sĩ của thời kỳ “quá độ” trong quá trình hình thành mỹ thuật hiện đại Việt Nam và góp phần tạo nên một “trường” thị hiếu thẩm mỹ mới và là nền tảng vững chắc cho sự ra đời những tác phẩm mỹ thuật phong cách Trường MTĐĐ ở Huế

2. Trường Mỹ thuật Đông Dương và dấu ấn trong hội họa ở Huế

Cách đây 100 năm, vào ngày 7 tháng 10 năm 1924, Trường Mỹ thuật Đông Dương (Ecole Supérieure des Beaux - Arts de L'Indochine) được thành lập với sắc lệnh của Toàn quyền Đông Dương bấy giờ là Martial Merlin. Việc áp dụng những nguyên lý mỹ thuật phương Tây với quan niệm thẩm mỹ và cách thức tạo hình và nội dung mang tính khoa học nghệ thuật mới là khác xa với mỹ thuật truyền thống phong kiến. Tính cá nhân được thể hiện, tôn trọng và kiến thức, kỹ năng sáng tạo bài bản, hàn lâm được nhận diện, coi trọng. Những chất



Victor Tardieu, Bến cá sông Hương, sơn dầu, 1924

Nguồn: Sách Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, NXB Mỹ thuật, 2004

liệu mới được chuyển tải, nhất là sơn dầu, một chất liệu đã quen thuộc ở châu Âu hơn 500 năm nhưng đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mới được một vài người Việt Nam tiếp cận khi học vẽ ở Pháp. Cho đến khi Trường MTĐĐ tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 1925, sơn dầu mới dần trở thành chất liệu quan trọng trong hệ thống đào tạo của trường. Từ đó dần hình thành một thế hệ nghệ sĩ tạo hình hiện đại và chỉ một thời gian ngắn họ đã có những tác phẩm tham gia trong các đấu xảo và hòa vào dòng chảy mỹ thuật thế giới. Tất cả những thành công đó đều gắn với tên tuổi người hiệu trưởng đầu tiên của Trường MTĐĐ là họa sĩ Victor Tardieu (1870-1937). Nói đến Trường MTĐĐ là nói đến một trường phái, một trào lưu hay phong cách của những họa sĩ xuất thân từ trường này. Trong *Từ điển Bách khoa Toàn thư Việt Nam* ghi nhận: “Phần lớn các họa sĩ Việt Nam xuất thân từ Trường Mỹ thuật Đông Dương đã tạo dựng bộ mặt của nền mỹ thuật nước nhà bằng sáng tác tranh và tượng với bản lĩnh nghệ thuật vững vàng”¹.

Đối với đông đảo các họa sĩ Việt Nam nói chung và các họa sĩ từ trường MTĐĐ nói riêng khi đến với Huế đều có những cảm nhận về chiều sâu văn hóa, tâm thức của con người và cảnh sắc xứ Huế. Tất cả dường như toát ra từ mỗi con đường, phố nhỏ, cung điện đền đài và bóng dáng, nghĩ suy của bao thế hệ người Huế. Các họa sĩ say mê ngắm những ngôi chùa cổ, lăng tẩm các vua, chúa thời Nguyễn, những bức tường rêu phong trầm mặc, sông Hương êm đềm thơ mộng, những nét đẹp về tâm hồn và duyên dáng của người thiếu nữ xứ Huế. Tất cả các yếu tố đó đều tạo nên bao cảm xúc sâu lắng với mỗi người, gợi lên những xúc cảm sáng tạo về cảnh vật và con người xứ Huế. Con người, cảnh sắc thiên nhiên, dấu

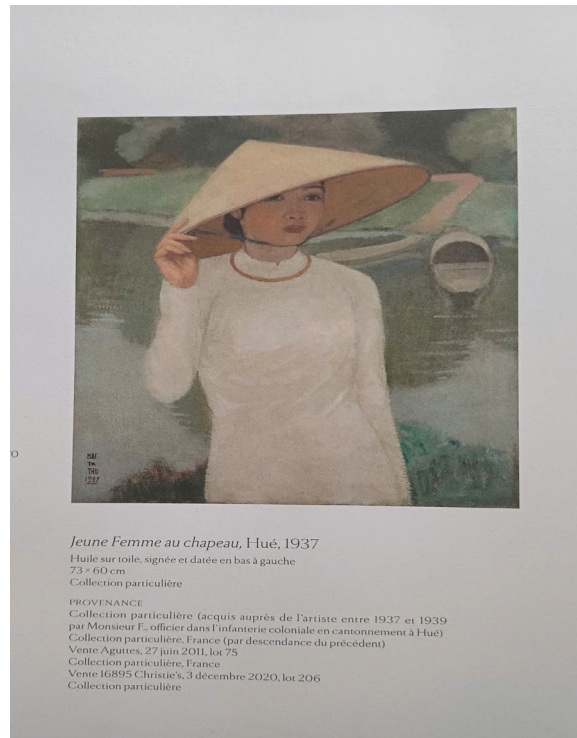
1. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 656.

tích kiến trúc cung đình, chùa chiền được coi là đối tượng chính trong sáng tạo và sự quan tâm của các họa sĩ. Với cảnh vật thiên nhiên tươi đẹp và sự khao khát hiểu biết, các họa sĩ MTĐĐ đều muốn khám phá tận cùng ngọn ngành của cái đẹp sâu lắng xao động, trầm mặc của xứ Huế.

Nửa đầu thế kỷ XX đã ghi nhận bao công sức lao động nghệ thuật của các họa sĩ Trường MTĐĐ, với mỗi thành công trong tác phẩm của họ là sự kết tinh của việc dày công nghiên cứu tìm tòi sáng tạo nghệ thuật riêng biệt, độc đáo, không lặp lại qua nhiều tư liệu lịch sử và tác phẩm cho thấy nhiều họa sĩ hàng đầu của Việt Nam đã từng đến sống và vẽ về Huế. Huế thu hút một số giảng sư người Pháp của Trường MTĐĐ đến Huế vẽ tranh. Trong bài: “Đặc điểm và sự kiện chính của Mỹ thuật Huế giai đoạn 1954-1975”, họa sĩ Phan Xuân Sanh cho biết: *“Thời gian mười năm trước năm 1945, tuy trường Mỹ thuật Huế chưa chính thức thành lập, nhưng các bậc thầy họa sĩ đàn anh đã có mặt khá đông, bước đầu các vị truyền giảng mỹ thuật tại các trường trung học... vẽ phong cảnh, chân dung, mở xưởng họa...”*² Trước hết là họa sĩ Victor Tardieu, tháng 2/1921, ông đã đến Việt Nam và năm 1924 đến Huế vẽ về con người cảnh sắc xứ Huế mà một trong những bức sơn dầu tiêu biểu là *“Bén cá sông Hương”*.

Tranh được thể hiện hết sức sống động, với hình ảnh quen thuộc của những con đò cắm sào neo đậu, những phụ nữ đi lại, sinh hoạt trên bến sông. Tình thần và cách nhìn về Huế của Victor Tardieu cũng có thể thấy qua những tác phẩm, tác giả tiêu biểu khác của Mai Trung Thứ, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung, Phạm Đăng Trí, Lương Xuân Nhị, Lê Yên, Tôn Thất Đào... Với những giá trị mỹ thuật được các họa sĩ tạo nên, Huế trở thành điểm nóng của mỹ thuật với sự có mặt, sáng tác của nhiều họa sĩ từ các miền đất nước hội tụ. Tuy nhiên điều đó cũng xuất phát từ những điều kiện lịch sử khách quan phản ánh và thực tại văn hóa - mỹ thuật ở Huế trong giai đoạn “quá độ” của sự phát triển mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Những tác phẩm đặc sắc mà họa sĩ Trường MTĐĐ để lại rất ấn tượng trong mạch thẩm mỹ của xứ Huế, góp phần làm rõ hơn diện mạo, bản sắc văn hóa Huế trong nửa đầu thế kỷ XX. Đồng thời phần lớn đó cũng là những tác phẩm có đóng góp quan trọng cho toàn cảnh mỹ thuật Việt Nam hiện đại.

Nói đến Huế là nói đến những công trình kiến trúc cung điện, thành trì và lăng tẩm, những rặng thông và dòng Hương tĩnh lặng... đó là những nét sâu lắng mà các họa sĩ đã cảm nhận được và bị thu hút bởi nét đẹp của xứ Huế, của con người và cảnh sắc thiên nhiên sâu nặng tình người. Nhiều họa sĩ đã diễn tả được những nét đẹp rất trữ tình của Huế và đường

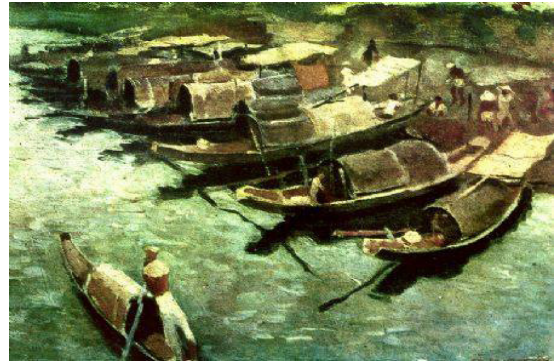


Mai Trung Thứ, Thiếu nữ Huế, sơn dầu, 1937
Nguồn: Charlotte Aguttes-Raynier, *L'Art moderne en Indochine*, Paris, 2023

2. Hội Mỹ thuật Việt Nam (2000), *Kỷ yếu Hội thảo Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 14.



Tô Ngọc Vân ở Huế (khoảng 1936)



Tô Ngọc Vân, Thuyền sông Hương, sơn dầu, 1935

Nguồn: Tô Ngọc Thành, Tô Ngọc Vân, Nxb. Mỹ thuật, 2007

như có cái gì đó rất riêng ở xứ Huế, đã được diễn tả rất khoáng đạt mà tĩnh lặng, chân thật giản dị. Những năm 30 Huế đón nhận nhiều họa sỹ từ Hà Nội vào, họa sỹ Mai Trung Thứ (1906-1980), là một trong số sinh viên khóa đầu tiên của Trường MTĐD đến Huế dạy vẽ ở trường Quốc Học. Cũng như các họa sỹ khác khi dừng chân ở Huế ông bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của những thiếu nữ Huế dịu dàng, kín đáo, những ngôi nhà ẩn kín trong vườn, lăng tẩm rêu phong, trầm mặc dưới rừng thông già, chùa chiền cổ kính âm vọng tiếng chuông chiều. Trong bài “Vài mẫu chuyện về họa sỹ Mai Trung Thứ” tác giả Lôi Hạ cho biết: “*Tốt nghiệp trường Cao đẳng mỹ thuật Đông Dương, Mai Trung Thứ được bổ làm giáo sư dạy vẽ ở trường Quốc Học - Huế. Và cái xứ Huế đầy thơ mộng đã quyến rũ ông, đã tạo cho ông những nhân vật và không gian...*”³. Được biết trong những năm 1930, ông cũng nghiên cứu về ca kỹ Huế, thuộc rất nhiều làn điệu ca Huế và vẽ nhiều tranh về Huế, có tranh trong sưu tập của vua Bảo Đại được trưng bày ở điện Kiến Trung cùng với tranh của nhiều họa sỹ khác. Trong các tác phẩm của Mai Trung Thứ có bức “*Thiếu nữ Huế*” (sơn dầu, 1937) vẽ năm 1939 rất đáng chú ý. Đây là bức tranh khá lạ đối với thời kỳ đó, cô gái có một vẻ trầm tư, đường nét mảnh khảnh, đôi mắt to tròn, bình lặng. Một tay buông nhẹ dây nón trông thật dịu dàng, nữ tính, tà áo dài với vệt sáng hồng trắng gợi lên bao cảm xúc của dáng hình thiếu nữ Huế những năm 1930. Trong phong thái của người thiếu nữ ta như cảm nhận được cả sự tinh tế, kín đáo đôi chút trầm lắng của thiếu nữ Huế vùng ven đô, đó không phải là một thiếu nữ đài các, “cảnh vàng lá ngọc” mà là một hình ảnh của những thiếu nữ “đây thôn Vỹ”, nên nã, giản dị đời thường mà có một sức hút kỳ lạ về vẻ đẹp nội tâm, sâu lắng. Đối với họa sỹ Tô Ngọc Vân (1906-1954), đầu ban đầu chỉ định ghé Huế một thời gian ngắn trong cuộc hành trình đi dạy vẽ ở Nam Vang ông đã bị quyến rũ ông bởi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, một triền núi Ngự, sông Hương lững lờ trong suốt đã gây ấn tượng cảm xúc cho sáng tạo, ông vẽ nhiều ký họa về những thành cổ rêu phong, những lăng tẩm ẩn dưới rừng thông và những thiếu nữ Huế nghiêng nghiêng chiếc nón bài thơ, với những tà áo trắng bay lững lờ quện vào trong dòng sông Hương thơ mộng. Là một trong những họa sỹ tiêu biểu của nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại, Tô Ngọc Vân là một bóng dáng riêng, một trong những người tiên phong của nghệ thuật sơn dầu Việt Nam. Những cống hiến của Tô Ngọc Vân về nghệ thuật sơn dầu rất đáng được chúng ta yêu mến và quý trọng.

Ông chuyên vẽ về phong cảnh, về thiếu nữ thành thị mặc áo dài, về sinh hoạt, phong cảnh chùa chiền, cùng sự sôi áo vàng, đượm phong vị phương xa, những con thuyền, bến nước trong xanh đầy thơ mộng. Cũng như nhiều họa sỹ khác, Tô Ngọc Vân cũng bị lay động

3. Lôi Hạ (1992), “Vài mẫu chuyện về họa sỹ Mai Trung Thứ”, Tạp chí *Mỹ thuật Thời nay*, số 20, tr. 13.

bởi cảnh sắc xứ Huế, ông đã gửi gắm vào tranh bao cảm xúc rung động, ông truyền đến người xem nguyên vẹn những xúc cảm ấy. Tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam hiện nay lưu trữ một bức tranh phong cảnh về Huế đó là tác phẩm sơn dầu “*Thuyền sông Hương*” vẽ năm 1935, là một trong những tác phẩm màu dầu độc đáo của nghệ thuật tạo hình hiện đại. Họa sĩ đã tạo ra một bố cục tranh với mảng chính là người lái



Nguyễn Đỗ Cung, *Cổng thành Huế*, bột màu, 1941

Nguồn: Nguyễn Đỗ Cung, Nxb. Mỹ thuật, 1982

đò căng mình trên dòng sông tạo sự chéo lệch không gian sang bên nhưng vẫn gọi cảm giác chặt chẽ, cân bằng cho tranh. Những đường nét đối lập tạo được cái tĩnh động của dòng sông, với sự lung linh của ánh sáng nước. Cảnh vật mờ xa những màu tím Huế có sự gợi nhớ tới tranh Ấn tượng của Sisley (1839 - 1899), Monet (1840 - 1926). Có thể nói trong các tranh phong cảnh về Huế giai đoạn trước 1945 thì bố cục bức “*Thuyền sông Hương*” là rất độc đáo và táo bạo. Ngoài ra những ngày ở Huế, Tô Ngọc Vân còn được triều đình Bảo Đại mời vẽ tranh tường trang trí cho điện Kiến Trung.

Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung (1912 - 1977) là một trong những họa sĩ tài năng từ trường MTĐĐ, năm 1941 ông vào Huế dạy học ở trường tư thực Thuận Hóa và trường Việt Anh cho đến năm 1944. Ông sống ở ngõ Âm Hồn, vẽ minh họa sách “*Nguồn sinh lực*” và “*Ngoại ô*” của Nguyễn Đình Lạp và nghiên cứu về mỹ thuật cung đình Nguyễn. Tranh của Nguyễn Đỗ Cung tiềm ẩn một cái đẹp riêng có chiều sâu của xứ Huế, ông cảm nhận về Huế không phải ở cái đẹp bề nổi mà hướng về sự khám phá chiều sâu của Huế, cái đẹp vắng lặng của cổ tích trầm mặc. Bức tranh “*Cổng thành Huế*” (Bột màu) của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung là một thành công rất đáng trân trọng với sự tìm tòi, sáng tạo mang âm sắc riêng của vẻ đẹp u trầm sâu thẳm trong đó xứ Huế hiện ra với dáng vẻ hoài cổ, lắng trầm, xao động lòng người. Bức tranh gợi nhớ đến “*Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo, nền cũ lâu đài bóng tịch dương*” (Thơ Bà Huyện Thanh Quan) và cho ta thấy một buổi chiều của xứ Huế tím hồng có chuyển ít trắng nhẹ bông bành.

Họa sĩ đã tả những vệt sáng trên nóc cổng thành của kinh thành Huế, màu xanh của ngói lưu ly và chuyển xuống bức tường gợi lên được nét xưa rêu phong cổ kính. Họa sĩ chuyển màu vàng đậm sang màu vàng sáng trắng tạo nên sự hun hút của một con đường quanh co quen thuộc ở Huế, hình ảnh một người đi trên đường đã tạo cảm giác tĩnh lặng, đìu hiu của một buổi chiều xa vắng, nhưng nhớ của Huế.

Các họa sĩ Việt Nam trước năm 1945 đều có nghiên cứu cảnh sắc thiên nhiên, con người, cách sống về gia phong, ăn mặc, ứng xử của con người Huế. Hướng về vẻ đẹp xưa cổ, hoài niệm, tĩnh lặng của cảnh sắc thiên nhiên, di tích cổ. Huế có một cái gì đó rất là cổ xưa, đầy ấn tượng và đã đi vào lòng người một hồn Huế rất riêng.

Các họa sĩ Trường MTĐĐ đến Huế đều cảm nhận được ngay cái đẹp yên tĩnh, với những hình ảnh quen thuộc, gần gũi như những con đường dốc quanh co của xứ Huế, đồi Thiên



Thang Trần Phênh, Miếu trên đàn Nam Giao
 Nguồn: Ngô Kim Khôi, Thang Trần Phênh,
 Nxb. Mỹ thuật, 2018

An vắng lặng, những lăng cổ xưa, những công thành Huế, chùa chiền ngân tiếng chuông chiều... Chính những cái lắng đọng, hữu tình, trầm tư đã ẩn dấu một vẻ đẹp cuốn hút, gợi mở bao sự khám phá ở những họa sĩ Trường MTĐD khi đến Huế.

Lịch sử phát triển của mỹ thuật Việt Nam hiện đại vào nửa đầu thế kỷ XX, đã ghi nhận nhiều sự kiện mang tính lịch sử quan trọng, đáng nhớ. Một trong những dấu ấn mang tính lịch sử là mối liên hệ với các họa sĩ Trường MTĐD trong việc tạo ra những cơ sở, tiền đề, góp phần đào tạo và nâng cao đội ngũ giảng sư, họa sĩ, nhà điêu khắc cho Trường Cao đẳng Mỹ thuật (CĐMT) Huế như nhận định của tác giả Uyên Huy: “...khi nói tới hoạt động mỹ thuật ở phía Nam, cụ thể là vùng Sài Gòn - Gia Định mà không nói tới Trường Mỹ thuật Huế là thiếu sót. Bởi lẽ, những người thành lập, điều hành và giảng dạy tại Trường Mỹ thuật Huế lúc ban đầu lại có người học và sống tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương...”⁴.

Trường CĐMT Huế ra đời năm 1957 và là một trong những trường thành viên của Viện Đại học Huế theo Nghị định của chính quyền VNCH khi thành lập Viện Đại học Huế. Hiệu trưởng đầu tiên của trường là họa sĩ Tôn Thất Đào, một người Huế thuộc hoàng tộc (1910-1979), ông tốt nghiệp Trường MTĐD khóa 1932-1937. Ông vẽ tranh sơn dầu, lụa, sơn mài và thể hiện rõ dấu ấn hàn lâm của Trường MTĐD sâu đậm trong mỗi tác phẩm của mình. Điều này cũng có thể cảm nhận được ở tranh của họa sĩ Phạm Đăng Trí (1921-1987) một trong những họa sĩ thế hệ đầu ở Huế.

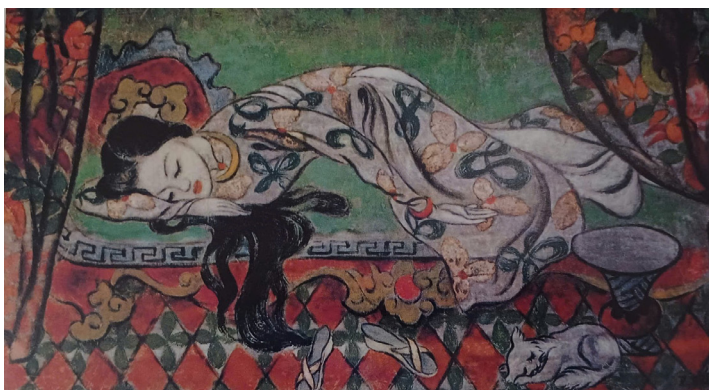
Ông là người vẽ nhiều về cảnh đẹp xứ Huế bởi vì nói đến Huế là nói đến dòng sông Hương núi Ngự, một vùng non nước thơ mộng hữu tình với bao đền đài lăng tẩm, những công trình kiến trúc hài hòa giữa thiên nhiên hòa quyện vào vẻ đẹp của con người Huế, từ nét đẹp dịu dàng của các cô gái Huế, mộc mạc, chân tình, giản dị. Từ những tà áo dài tím Huế bay lượn trong không gian, với mái tóc ôm ấp những khuôn mặt ngây thơ, trầm tư, đã tụ hội những yếu tố đẹp của thiếu nữ Huế, giản dị, có lối sống dịu dàng, hồn nhiên tĩnh lặng. Tạo nên lối sống, tình cảm sâu lắng có chiều sâu nội tâm về vẻ đẹp của người thiếu nữ thấm đượm công, dung, ngôn, hạnh. Trong tranh “Người xuôi bạc” ông diễn tả cái đẹp nuột nà, mềm mại của người phụ nữ Huế trước 1945, tranh của ông phản ánh đúng tư tưởng thẩm mỹ lúc bấy giờ mà một người nhạy cảm với tâm hồn Huế sâu đậm



Tôn Thất Đào, Cá vẽ, lụa, 1937
 Nguồn: Tuyển tập Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX,
 Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2003

4. Uyên Huy (2020), *Mỹ thuật đô thị Sài Gòn - Gia Định 1900-1975*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, tr. 115.

như ông cũng không thể làm khác được. Trong những ngày đầu của Trường CDMT Huế đã có sự hỗ trợ trước hết là từ họa sĩ Lê Yên (1913-1987), ông tốt nghiệp Trường MTĐD khóa VIII (1932-1937) cùng khóa với vị Giám đốc đầu tiên của Trường CDMT Huế là họa sĩ Tôn Thất Đào. Nơi đây cũng in dấu ấn sáng tạo của nhiều họa sĩ Trường MTĐD, ngoài các họa sĩ gốc Huế học



*Phạm Đăng Trí, Người tuổi bạc, bột màu, 1945
Nguồn: Mỹ thuật Việt Nam hiện đại, Viện Mỹ thuật xuất bản, năm 2005*

ở trường này nay về lại Huế như Tôn Thất Đào, Phạm Đăng Trí còn có một số họa sĩ trường MTĐD, họa sĩ từ Hà Nội đã từng đến Huế nghiên cứu, sáng tác, dạy vẽ. Cũng cần nói thêm ngoài phạm vi thời gian bài viết này từ sau 1975 đến 1980 còn có các họa sĩ từng học Trường MTĐD được mời về Huế dạy cho các khóa mới sau khi thống nhất đất nước như Trần Văn Cẩn, Lương Xuân Nhị...

Nhiều họa sĩ, nhà điêu khắc tốt nghiệp từ Trường MTĐD đến Huế đã đem lại cho Cố đô những âm hưởng nghệ thuật tạo hình mới mẻ, hiện đại và có nhiều người đã để lại những dấu ấn sáng tạo sâu sắc, những tác phẩm mỹ thuật quý giá bởi những giá trị nghệ thuật, nhân văn và tư tưởng nhân bản sâu lắng. Trải qua thời gian và khi đất nước hòa hợp thống nhất, chúng ta càng thấy trân quý những kết quả đó và đem lại cho hậu thế bài học quý giá về nhân tâm, về tình dân tộc. Dù thời cuộc và lịch sử có vần chuyển thì trong mọi hoàn cảnh, người nghệ sĩ sáng tạo khi đặt dân tộc lên trên hết thì tác phẩm và tinh thần sáng tạo nghệ thuật của họ vẫn còn mãi và tỏa sáng.

Sự ảnh hưởng và dấu ấn của Trường MTĐD ở Huế được coi là một hiện tượng tất yếu của lịch sử mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Huế có sự thu hút đối với giới họa sĩ Việt Nam, trong đó nổi bật là các họa sĩ từ Trường MTĐD. Một số tác phẩm hội họa về Huế sau này trở thành những tác phẩm mẫu mực hàng đầu của hội họa hiện đại Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX và có sự lan tỏa mạnh mẽ không chỉ ở Huế. Mặt khác dấu ấn của Trường MTĐD còn thể hiện ở sự ảnh hưởng đến việc học vẽ ở nhiều trường Tiểu học, Trung học ở Huế suốt một thời gian dài. Có thể nói những năm 1930-1945, mật độ xuất hiện của các họa sĩ từ Trường MTĐD ở Huế là khá cao, nhiều người đã để lại những tác phẩm hội họa có giá trị nghệ thuật không chỉ ghi nhận vẻ đẹp của cảnh sắc và con người xứ Huế mà còn khám phá vẻ đẹp chiều sâu, ẩn dấu thâm lắng bên trong ở con người và thiên nhiên ở Huế. Chính nhờ cốt cách, phẩm chất văn hóa của những thế hệ đầu của Trường MTĐD, trong những khoảnh khắc biến động của lịch sử dân tộc, Huế đã đón nhận nhiều họa sĩ và có được những thành tựu sáng tạo hội họa tiêu biểu về Huế. Các họa sĩ Trường MTĐD vào khoảng giữa thế kỷ XX đã phản ánh được không chỉ những sắc diện thâm mỹ về Huế, về những cái riêng, bản sắc của một vùng văn hóa, về thế giới nội tâm sâu lắng, chan chứa tình cảm và sức sống của con người Huế, mà còn cho thấy sức sống tiềm tàng và sự ảnh hưởng tích cực, sâu sắc của phong cách MTĐD trong hội họa ở Huế một thời. Đó là những tác phẩm mỹ thuật có một vị trí trân trọng xứng đáng trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam hiện đại và cũng là những tác phẩm đem lại niềm vinh dự tự hào cho phong cách Mỹ thuật Đông Dương ở Việt Nam ■

VỀ ĐỢT SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG CẦU TRƯỜNG TIỀN (1937-1939)

■ ĐỖ MINH ĐIỀN*

Hiếm có một cây cầu nào hiện diện trên đất Huế lại đi vào thơ ca, nhạc họa nhiều như cầu Trường Tiền. Hơn 100 năm tồn tại và gắn bó với người dân Thừa Thiên, đi qua bao mùa mưa nắng, cầu Trường Tiền đã hằn in biết bao câu chuyện vui buồn, song hành theo từng bước thăng trầm cùng với mảnh đất cố đô.

Cầu Trường Tiền được ví như “*một cái gạch ngang*” nối liền ba miền (Trung - Nam - Bắc) “*làm một*, vì gần 40 năm nay, nó đã giữ một địa vị rất quan hệ trên con đường Thuộc địa số 1. Nói theo kiểu các nhà chánh trị, thì nó là tiêu biểu giữa hai giống người Pháp - Việt, vì nó là con đường liên lạc giữa hai xóm Tây và Annam ở hai bên tả, hữu ngân của sông Hương”.

Đó là nhận định của một tác giả viết cách chúng ta 85 năm (1939-2024), tức là vào thời điểm cầu Trường Tiền được xác định là cây cầu sắt thuộc hệ thống đường bộ hiện đại duy nhất nối liền hai bờ Hương Giang. Ngày nay, dù không còn giữ cái vị trí “độc tôn”, song, cùng với núi Ngự, sông Hương, thì cầu Trường Tiền đã trở thành một biểu tượng in sâu trong tâm khảm của tất cả những người con xứ Huế.

Trước khi cầu Trường Tiền được xây dựng, việc đi lại của người dân ở hai bờ Nam - Bắc chủ yếu qua về thông qua những chuyến đò ngang. Sử quan nhà Nguyễn, tại mục Bến đò thuộc địa phận phủ Thừa Thiên thông tin thêm về bến đò Trường Tiền như sau: “*Bến đò Trường Tiền ở bến đò ngang quan lộ, phía Đông Nam kinh thành*”. Việc cách trở đò giang khiến cho hoạt động lưu thông, buôn bán trong một thời gian dài gặp



Cầu Trường Tiền nối đôi bờ Hương Giang
Ảnh chụp trước năm 1945 (Nguồn: BNF)

không ít khó khăn. Ví sự ngăn cách về địa lý để nói lên sự cách trở của tình yêu đôi lứa hay là niềm ước ao có một nhịp cầu nối đôi bờ yêu thương, thời ấy, người Huế vẫn truyền ngôn với nhau câu ca rằng:

“*Bao giờ sông cái có cầu,
Anh năng qua lại gỡ sầu cho em*”.

Lần theo thư tịch, sách Đại Nam nhất thống chí, bộ địa chí biên soạn và được khắc in dưới thời vua Duy Tân (1907-1916) cho chúng ta biết rằng: “*Cầu sắt Trường Tiền nằm ở phía Đông Nam kinh thành, bờ phía Bắc thuộc phường Đệ Nhất, tổng Phú Xuân, huyện Hương Trà; bờ phía Nam thuộc phường Đệ Bát. Cầu xây năm Thành Thái thứ 9 [1897], cầu có 6 nhịp, mỗi nhịp 66 thước 8 tấc 5 phân, bề ngang 6 thước 2 tấc, cầu dài 401 thước 1 tấc, đến năm thứ 11 [1899] mới xây xong. Ngày tháng 8 năm thứ 16 [1904] bị bão đánh sập 4 nhịp, còn lại 2 nhịp, năm Thành Thái thứ 18 [1906] được tu sửa lại.*”⁹⁰ (

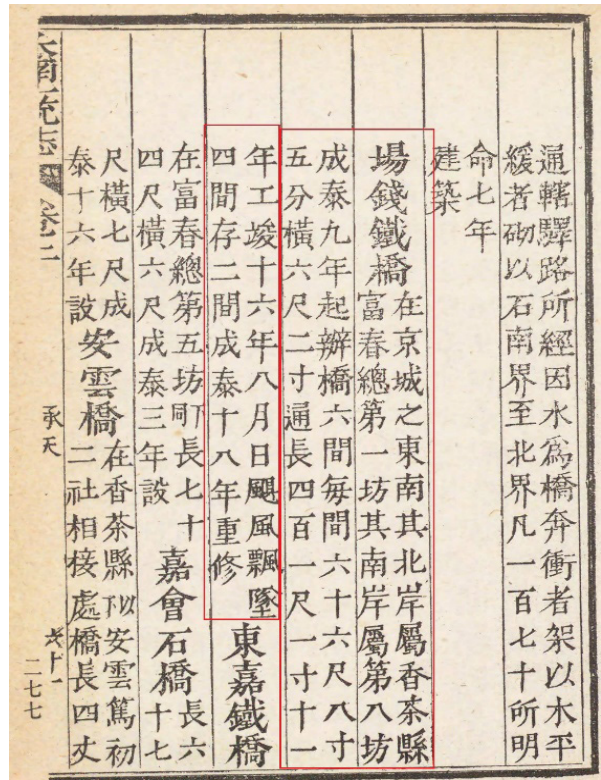
場錢鐵橋在京城之東南,其北岸屬香茶縣,富春總第一坊,其南岸屬第八坊。成泰九年起辦,橋六間,每間六十六尺八寸五分,橫六尺二寸,通長四百一尺一寸,十一年工竣。十六年八月日颶風飄墜四間存二間,成泰十八年重修)。

Cầu Trường Tiền bắt đầu xây dựng vào năm 1899, do hãng *Schneider et Cie* thực hiện thi công, hoàn tất việc xây dựng vào năm 1900, với tổng số tiền là 600.000\$00, tính theo thời giá lúc bấy giờ, với kết cấu có tất cả 6 vòm, “mỗi vòm có bề dài được 66 mètres 66. Những vòm ấy nằm trên các cột trụ đúc. Trên mặt cầu thì có đường rộng 4 mètres 5 và hai bên lề đường hai bên, mỗi cái rộng 0m75, đều ở phía trong vòng cầu cả”. Trong hơn một thế kỷ, cầu Trường Tiền đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc kết nối giao thông của người dân, rút ngắn khoảng cách và thời gian đi lại:

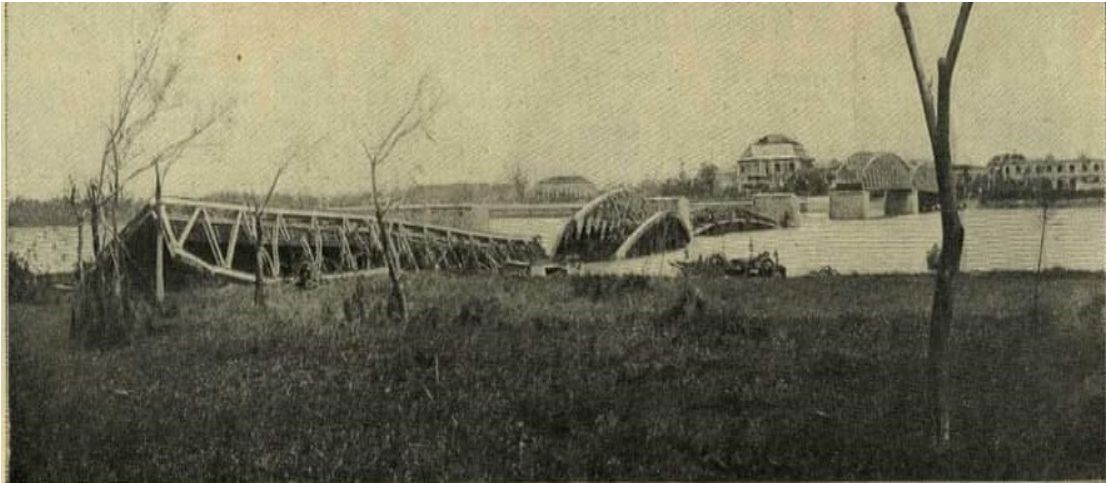
“*Sông Hương đã có dịp cầu,
Anh qua em lại đổi sầu làm vui*”.

Ban đầu, cầu Trường Tiền có tên là cầu Thành Thái, danh xưng này được đặt theo “niên hiệu của một vị vua còn tại ngự lúc bấy giờ. Cầu Clémenceau, danh hiệu của một vị Thủ tướng trứ danh nước Pháp. Song le, người An Nam quen những tiếng nôm na giản dị, không gọi là cầu Thành Thái hay cầu Clémenceau gì cả, mà chỉ gọi nó là cầu Trường Tiền”.

Niềm vui chưa được bao lâu, cơn bão năm Thìn vào tối ngày mùng 10, rạng sáng ngày 11/9/1904, đã thổi bay 4 vòm cầu xuống dòng sông Hương. Sau đó, chính phủ phải thỏa thuận với hãng Daydé et Pillé, lúc này đang thi công cầu sắt cho sở Hỏa xa để sửa chữa cầu. Hãng Daydé et Pillé quyết định phá bỏ 4 vòm cầu cũ (một số sắt



Phóng sự điều tra về việc mở rộng cầu Trường Tiền.
(Nguồn: Báo Tràng An, số 433 (04/7/1939).)



Cầu Trường Tiền sau cơn bão năm 1904 (Nguồn: BNF)

được tận dụng để làm chân cầu Nam Giao), thay thế các vãi khác theo đúng kích thước và kiểu dáng như trước đó.

Cho đến đầu thế kỷ XX, cùng với dòng Hương Giang thơ mộng và hệ thống đèn đài, lăng tẩm cổ kính; cầu Trường Tiền là một địa điểm có sức hút đặc biệt đối với du khách gần xa. Trong tác phẩm *Từ Nam chí Bắc*, ông Hồ Văn Lang có đoạn mô tả: “Đây là gần tới kinh đô, xe ô tô chạy một hồi nữa tới ga Huế, quẹo vô thì thấy vách Hoàng thành (đây là vòng thành ngoài) rồi chạy ngang ngoài cửa Ngọ Môn, còn thấy hai chữ “hạ mã” chạm vào đá, mà nay đã miễn lễ, nên không cần phải xuống xe lỏi này, kể thấy trường Paul Bert và trường Hậu Bô (trường này thi đậu ra làm quan, thế cho trường thi ngày xưa), qua cái cầu sắt lớn, khi trước tên cầu Thành Thái, nay đổi lại là cầu Clémenceau thì tới nhà hàng lớn ở Huế của M. Morin”.

Sau đó, vào năm 1931, trong tập *Trung Kỳ du ký*, tác giả Hoàng Mai Rĩnh cho chúng ta biết thêm quang cảnh khu vực chung quanh cầu Trường Tiền: “Qua sông Hương có hai cái [cầu]: Cầu Thành Thái, nổi kinh thành với bộ, cũng quen gọi là cầu Trường Tiền; với một chiếc cho nguyên xe lửa; nhân [dân] cư nhà cửa tụ hợp cứ hai ven bờ sông, trông trên bến dưới thuyền xan xát [san sát], vẻ thanh tao, mát mẻ”.

Trong khoảng thời gian từ năm 1909 đến năm 1914, cây cầu này trải qua tất cả 6 đợt kiểm tra chất lượng, với sự phối hợp thực hiện đến từ đại diện các cơ quan của hai chính quyền. Trong khi đó, để đảm bảo an toàn lưu thông, chính quyền cũng quy định khá cụ thể về việc người và xe cộ qua lại theo từng khung giờ nhất định, đặc biệt là vào các dịp lễ lớn như: lễ tế Nam Giao, lễ Hưng quốc Khánh niệm... Từ ngày 01/01/1922, theo quy định mới, việc dừng, đỗ trên cầu và hai lối dẫn vào cầu bị nghiêm cấm tuyệt đối. Tương tự, việc đi lại qua cầu phải tuân thủ đúng tốc độ đối với người và tất cả các loại phương tiện. Ô tô qua cầu phải bật đèn chiếu sáng vào ban đêm, chạy với tốc độ không lớn hơn 15km/h khi đi vào trung tâm thành phố, nơi tập trung đông người (như chợ, trường học...) và giảm xuống 10km/h khi đi qua cầu Trường Tiền. Đến khoảng tháng 8 năm 1928, chính quyền quyết định trích khoản tiền là 6.000\$ từ ngân sách chung để thực hiện việc sửa chữa via hè cầu Clémenceau thuộc tuyến đường Thuộc địa số 1 (pont



Cầu Trường Tiền thập niên 30 thế kỷ XX. (Nguồn: Bulletin de l'Agence économique de l'Indochine, 7^e Année 81, Septembre 1934 (Nouvelle Série), Paris, p. 333.)

Clémenceau - Route Coloniale N^o1).

Cùng với đó, chính quyền Nam triều cũng đặc biệt lưu tâm đến vấn đề cảnh quan dọc theo đôi bờ sông Hương, khu vực xung quanh ở hai đầu cầu Trường Tiền. Chẳng hạn như vào ngày 14/5/1934, vua Bảo Đại ban bố bản Dự số 13, với nội dung về việc chỉnh lý cảnh quan khu vực kinh thành nội và khu vực phụ cận. Theo đó, ngoài việc bồi thêm đất, trồng cây ở tả ngạn sông Hương; làm vườn hoa tại Hậu Bô, sửa chữa lại nhà Thương Bạc, thì thời gian này chính quyền đã trích 3.000\$00 để dọn cỏ, đổ thêm đất tại khu vực từ cầu Trường Tiền lên đến Thương Bạc.

Là công trình được xem như là quả tim của thành phố Huế, cầu Trường Tiền giữ vai trò là “nhịp đập” đối với mạch sống kinh tế, xã hội. Theo một thống kê vào đầu thế kỷ XX, trung bình mỗi ngày, cây cầu này có khoảng 25.000 người, 6.000 lượt xe máy, 5.000 xe kéo, 300 xe hơi và 500 xe chở đồ kéo tay qua về. Việc gánh vác một tải trọng khá lớn trong một quãng thời gian dài, đã khiến cho cầu Trường Tiền bắt đầu có dấu hiệu xuống cấp nhanh chóng, “có một vài bộ phận, nhất là những cái sườn bằng sắt ở phía dưới cầu đã bị sét ăn nhiều”. Phần mặt đường theo khảo sát, thì từ năm 1905 đến năm 1915, thường xuyên được gia cố, thay đổi nhiều lần, từ việc lót một lớp gạch, trên phủ thêm lớp sỏi ép, rồi sau đó đúc thêm một lớp xi măng cốt sắt... nhằm gia cường và hạn chế tình trạng bong tróc, lồi lõm.

Trước tình trạng xuống cấp của cầu, trong các kỳ họp, các đại biểu của Viện Dân biểu liên tục kiến nghị về việc cần gấp rút cải tạo cầu Clémenceau và cầu An Lỗ, trên tuyến đường Phú Ốc đi Sịa. Tuy vậy, vấn đề kinh phí lại là nguyên nhân chính dẫn đến việc phải đến năm 1937, cầu Trường Tiền mới được phê duyệt tu sửa. Từ cuối năm 1935, đến đầu 1937, các bản dự thảo về kinh phí từng hạng mục sửa chữa, nâng cấp và mở rộng cầu Trường Tiền đã được trình lên Toàn quyền Đông Dương xem xét. Theo bản dự thảo về ngân sách vào cuối năm 1936, sẽ cần đến 193.000 piastres để xây dựng cây cầu này. Thế nhưng, trong cuộc họp của ban Thường trực Hội đồng chính phủ họp tại Hà

Nội, chính phủ đã quyết định trích từ nguồn ngân sách với số tiền là 245.000\$ để sửa chữa cầu. Quyết định này đã đem lại niềm phấn khởi rất lớn với tất cả người dân ở Huế lúc bấy giờ. Đợt sửa chữa, mở rộng chính thức được bắt đầu vào ngày 20/6/1937. Tuy nhiên, trước đó vào lúc 21h30 ngày 17/6/1937, thì tất cả mọi hoạt động qua lại trên cầu đều bị cấm. Trong thời gian sửa chữa cầu Trường Tiền, để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, theo đề nghị của Đốc lý thành phố Huế, tất cả các chuyến đò ngang nối từ bờ Bắc qua bờ Nam phải hoạt động hết công suất, giá cả phải được đưa về một mức thu thống nhất. Theo các thông tin tư liệu, thì bấy giờ trên sông Hương đoạn từ khu vực cầu

DÉSIGNATION DES TRAVAUX	CRÉDITS budgétaires rectifiés		DÉPENSES PAVES	
	Montant par paragraphe	Totaux par article	Montant par paragraphe	Totaux par article
Plan de Campagne DU Chapitre 124				
TRAVAUX PUBLICS (Travaux neufs. — Routes, pistes et ponts)				
ART. 1^{er}. — ROUTE COLONIALE N° 1 (de la porte de Chine à la frontière du Siam)				
§ 1 ^{er} . — Tonkin : Dépense de la plate-forme de km. 25 à km. 25 + 400 (section comprise toutes les années) 2. compris empiersement et asphalage	1.550		1.337 89	
§ 2. — Annam : Travaux d'entretien du pont Gienneau avec renforcement et clouage (commencement des travaux)	30.000	30.630	30.501 02	
§ 3. — Cochinchine	Mémoire			
§ 4. — Cambodge	Mémoire	32.180		31.838
ART. 2. — ROUTE COLONIALE N° 2 (de Hanoi à Haiphong)		Mémoire		
ART. 3. — ROUTE COLONIALE N° 3 (de Hanoi à Cao-bang)				
Aménagement de la route coloniale n° 3 : Entre le col de Loh et l'embranchement de Houssie	14.300 #			
Entre le col de Na-toum et l'embranchement de Houssie (Com-mencement des travaux)	7.500	23.700		23.648
	23.700			
ART. 4. — ROUTE COLONIALE N° 4 (de Monouy à Louang-prabang et Vientiane)				
§ 1 ^{er} . — Tonkin : Valeur de garantie des travaux de construction d'un pont en béton armé de 33 m. au P. R. 04 + 157 (Section de Na-cham à Thanh-hà)	670		676 90	
§ 2. — Laos : Empiement des sections et remplacement des ouvrages provisoires par des ou-vrages définitifs	1.500	2.170	1.996 77	2.671
ART. 5. — ROUTE COLONIALE N° 5 (de Hanoi à Haiphong)				
Empiement et asphalage de la variante de l'ailong	5.100 #			
Commencement des travaux d'achèvement de la plate-forme dans les sections bouclées au moment des hautes marées entre Hailong et le P. R. N. 70	3.000			
	8.100	8.100		8.041 #

Trích đoạn báo cáo dự trù tài chính về việc sửa chữa cầu Trường Tiền năm 1936. (Nguồn: Gouvernement Général de l'Indochine (1936), Budget général, Compte Administratif, exercice 1936, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, p. 52.)

Kể từ cuối tháng 8 năm 1937, trên khu vực sông Hương, ngoại trừ các loại thuyền, phà đã được cấp phép riêng; các loại tàu thuyền đánh bắt và vận chuyển hàng hóa sẽ bị hạn chế qua về. Việc neo đậu thuyền cũng được chỉ định theo từng vị trí quy định, trong đó, phía thượng nguồn các tàu thuyền được chỉ định dừng tại bến đò trước mặt Mirador V (tức cửa Nhà Đò/cửa Chánh Nam). Là đơn vị chịu trách nhiệm việc thi công, công ty Eiffel, sau các lần khảo sát, đánh giá chất lượng, đã đưa ra phương án tu bổ: “Mặt cầu sẽ làm bằng xi măng cốt sắt, sẽ dùng trọn bề rộng giữa hai vòng cầu để làm đường xe chạy, nghĩa là đường rộng đến 5 métres 60. [...] Hai lề đường để cho người đi bộ thì phải làm lòi ra ngoài các vòng cầu, lề đường ấy rộng đến 1m95 và ở mỗi chỗ trụ cầu thì lại phải nở rộng ra đến 0m60 để làm chỗ tránh”¹. Cũng theo đề xuất của các kỹ sư công ty Eiffel, các thanh đà sắt ở bên dưới cầu đã bị gỉ sét nên phải đục bỏ, thay thế toàn bộ. Đồng thời, sẽ đặt một cái cầu tạm ở trên các vòm cầu đang sửa.

1. Báo Tràng An, Điều tra chung quanh việc mở rộng cầu Trường Tiền: Lịch sử kiến trúc và một vài tài liệu về công cuộc tu bổ cầu này, số 433 (04/7/1939), tr. 3.

BUDGET GÉNÉRAL (Exercice 1937)

TITRE XII. — TRAVAUX PUBLICS

DÉPENSES. — Chap. 121

TRAVAUX PUBLICS (Travaux neufs. — Routes, pistes et ponts)

PALMAGRAPHES

1

U

U

1

U

1

NOMENCLATURE DES DÉPENSES

MONTANT
des
dépenses

TOTALS
par
ARTICLE

CREDITS
alloués
en 1936

DIFFÉRENCES AU BUDGET
de 1937
en plus en moins

EXPLICATIONS DES DIFFÉRENCES ET OBSERVATIONS

Chapitre 121

TRAVAUX PUBLICS

(Travaux-neufs Routes, pistes et ponts)

ART. 1^{er}. — ROUTE COLONIALE N° 1
(de la porte de Chéné à la frontière du Laos)

Tonkin	43.000
Annam	233.000
Cochinchine	800
Cambodge	12.000

274.800	6.500	266.300
---------	-------	---------

ART. 2. — ROUTE COLONIALE N° 2
(de Hanoi à Haiphong)

2.800	2.800	Mémoire	2.800
-------	-------	---------	-------

ART. 3. — ROUTE COLONIALE N° 3
(de Hanoi à Cao-bang)

28.000	38.000	22.500	16.500
--------	--------	--------	--------

ART. 4. — ROUTE COLONIALE N° 4
(de Mouang à Lam-pang-hong et Phou-thou)

Tonkin	1.900
Laos	Mémoire

2.900	2.100		
-------	-------	--	--

ART. 5. — ROUTE COLONIALE N° 5
(de Hanoi à Haiphong)

18.000	35.000	5.100	12.900
--------	--------	-------	--------

ART. 6. — ROUTE COLONIALE N° 6
(de Hanoi à Phou-thou par Ban-hu)

Tonkin	1.900
Laos	800

1.900	Mémoire	1.900
-------	---------	-------

ART. 7. — ROUTE COLONIALE N° 7
(de Vinh à Lam-pang-hong)

Annam	18.800
Laos	6.000

25.000	1.800	24.600
--------	-------	--------

PLAN DE CAMPAGNE

Art. 1^{er}. — 1^{re} Travaux. — Construction d'un ponton sur la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 25.000 \$

2^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

3^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

4^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

5^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

6^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

7^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

8^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

9^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

10^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

11^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

12^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

13^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

14^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

15^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

16^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

17^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

18^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

19^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

20^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

21^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

22^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

23^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

24^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

25^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

26^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

27^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

28^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

29^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

30^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

31^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

32^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

33^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

34^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

35^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

36^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

37^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

38^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

39^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

40^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

41^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

42^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

43^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

44^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

45^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

46^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

47^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

48^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

49^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

50^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

51^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

52^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

53^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

54^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

55^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

56^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

57^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

58^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

59^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

60^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

61^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

62^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

63^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

64^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

65^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

66^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

67^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

68^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

69^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

70^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

71^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

72^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

73^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

74^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

75^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

76^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

77^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

78^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

79^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

80^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

81^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

82^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

83^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

84^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

85^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

86^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

87^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

88^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

89^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

90^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

91^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

92^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

93^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

94^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

95^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

96^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

97^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

98^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

99^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

100^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

1. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

2. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

3. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

4. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

5. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

6. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

7. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

8. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

9. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

10. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

11. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

12. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

13. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

14. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

15. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

16. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

17. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

18. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

19. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

20. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

21. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

22. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

23. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

24. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

25. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

26. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

27. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

28. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

29. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

30. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

31. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

32. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

33. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

34. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

35. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

36. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

37. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

38. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

39. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

40. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

41. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

42. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

43. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

44. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

45. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

46. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

47. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

48. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

49. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

50. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

51. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

52. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

53. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

54. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

55. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

56. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

57. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

58. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

59. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

60. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

61. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

62. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

63. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

64. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

65. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

66. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

67. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

68. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

69. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

70. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

71. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

72. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

73. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

74. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

75. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

76. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

77. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

78. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

79. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

80. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

81. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

82. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

83. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

84. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

85. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

86. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

87. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

88. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

89. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

90. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

91. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

92. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

93. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

94. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

95. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

96. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

97. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

98. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

99. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

100. — Annexe 100 (voir page 100) de la route coloniale n° 1 (Pont Clémenceau) 10.000 \$

Art. 2. — 1^{re} Travaux. — Construction d'un ponton sur la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 25.000 \$

2^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

3^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

4^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

5^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

6^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

7^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

8^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

9^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

10^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

11^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

12^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

13^e Travaux. — Remplacement de la grille de la route coloniale n° 2 (Pont Clémenceau) 5.000 \$

14^e Travaux. — Remplacement de la

Trích đoạn dự trù kinh phí 193.000 piastres để sửa chữa, mở rộng cầu Clémenceau
(Nguồn: Gouvernement Général de l'Indochine (1936), *Projet de budget général, exercice 1937*,
Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, p. 381.)

Trong lần tu bổ này người ta phải đục bỏ khoảng 190.000 cái chốt sắt cũ, khoan 80.000 cái lỗ, sử dụng hết 40.000kg chốt sắt, tán khoảng 250.000 cái chốt, mua mới và làm hết 400.000kg thép. Ngoài ra, để cải tạo tình trạng xuống cấp mặt cầu, thì phải phá bỏ toàn bộ, đúc 550m³ xi măng cốt sắt, phải dùng đến 220.000kg xi măng, 65.000kg thép. Cũng theo bảng dự toán kinh phí thi công, phải cần đến 6.000kg sắt rèn để làm lan can cầu. Cuối cùng, cầu Trường Tiền sẽ được sơn lót hai lớp sơn đỏ để chống gỉ sét ở tất cả các chi tiết được làm bằng sắt ở các vòm cầu, sau lại phủ lên hai lớp sơn xanh hoặc đen ở các vị trí dưới mặt cầu, còn trên mặt cầu thì phủ thêm lớp sơn bạc.

Sau hơn hai năm thi công, tính đúng là 29 tháng, đến ngày 20 tháng 9 năm 1939, các công đoạn tu sửa cơ bản hoàn tất và khoảng tháng 10 năm 1939, cầu Trường Tiền chính thức được thông xe. Tờ *Tràng An* trên số ra 475 (28/11/1939) hân hoan phát đi thông báo: “Công việc sửa cầu Trường Tiền ở kinh đô (pont Clémenceau) đã hoàn thành. Từ nay đi qua lại được tự do không phải tùy theo con mắt xanh đỏ của 2 viên cảnh binh đứng giữ trật tự hai bên cầu tạm nữa. Tuy vài tháng nay ở kinh đô trời mưa gió luôn, nhưng nhờ sự miễn cán của công ty sửa cầu Eiffel, của các kỹ sư Martin, của các viên chức và thợ thuyền của công ty, nên công việc không phải trầm trề [chậm trễ]. [...] Cầu sơn màu trắng, trên nước sông xanh, yên lặng, là một biểu hiện của sự thuần khiết của đế đô. Vậy thì phong cảnh đặc sắc [đặc sắc] ở kinh là Hương giang nay lại thêm một

ngôi cầu xứng đáng, hiến cho quan khách một cảnh ngoạn mục vô song”².

Theo tính toán của nhà thầu, cầu Trường Tiền sau khi tu sửa sẽ chịu tải trọng lớn hơn rất nhiều, có thể chở được “hai dãy xe Camions, mỗi cái nặng 12 tấn và đủ dùng cho sự giao thông ít nữa là ba mươi năm”³. Tuy nhiên, về lâu dài để giảm tải cho cầu Trường Tiền, người dân thành phố đều chung một ý kiến, cho rằng, nhà nước nên làm thêm hai cái cầu ngang kiểu nhẹ bắt song song với cầu xe lửa ở Dã Viên phục vụ các loại xe kéo, xe tay, người đi bộ. Đồng thời, xây mới thêm cây cầu nối từ xóm Dinh Ông (phường Phú Cát, nay là phường Gia Hội) qua Cồn Hên đến Đập Đá.

Về kinh phí sửa chữa cầu, theo dự trù ban đầu vào năm 1935 thì mất khoảng 250.000\$, nhưng sau đó vì đồng bạc phá giá, tổng tiền phải bỏ ra là 435.000\$. Nếu lấy số tiền đó quy đổi ra thành tiền đồng hay tiền kẽm thì người ta ước tính phải sắp đầy cái cầu ấy đến mấy vòng. Có lẽ vì thế mà nhiều người vẫn hay nói đùa với nhau rằng, cầu ấy là cầu Trường Tiền, thật là “*danh xính kỳ thực*”⁴. Đợt tu sửa và mở rộng từ năm 1937 đến năm 1939, có thể nói là lần tu sửa có ý nghĩa rất đặc biệt, qua đó đã quyết định đến toàn bộ kích thước, kiểu dáng đối với cầu Trường Tiền. Sau đợt này, diện mạo cầu đã được thay đổi khá nhiều, trong đó nổi bật nhất chính là hệ thống bao lơn ở các điểm nối vào cầu, dùng để dùng chân, ngăn cảnh, tạo nên sự duyên dáng rất riêng cho cây cầu.

Mang trên mình cả chiều dài lịch sử, cầu Trường Tiền vẫn lặng lẽ nghiêng mình soi bóng xuống dòng Hương Giang, điểm tô thêm vẻ đẹp trầm mặc của vùng đất Cố đô. Cầu Trường Tiền không chỉ là biểu tượng của miền sông Hương núi Ngự mà đó còn là niềm tự hào của tất cả người dân xứ Huế hôm nay và mãi về sau ■



2. Báo Tràng An, Cầu Trường Tiền đã sửa xong, số 475 (28/11/1939), tr. 4.
3. Báo Tràng An, Điều tra chung quanh việc mở rộng cầu Trường Tiền: Lịch sử kiến trúc và một vài tài liệu về công cuộc tu bổ cầu này, số 433 (04/7/1939), tr. 3.
4. Báo Tràng An, Trò đời, cầu Trường Tiền, số 468 (03/11/1939), tr. 1.

NGÀY HỘI THỂ THAO VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG “HUE SPORT FESTIVAL 2024” MÙA 2

■ Bài và ảnh: BÙI THANH DŨNG

Hưởng ứng cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, trong những năm qua, phong trào TDTT quần chúng của tỉnh thành phố Huế đã có bước chuyển mình rất đáng khích lệ, tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT ngày càng tăng, số gia đình thể thao vượt chỉ số trung bình của cả nước. Từ giữa năm 2022 sau khi đại dịch Covid đi qua, hàng trăm giải thể thao quần chúng của các đơn vị, ngành, huyện, thị xã, thành phố liên tục được tổ chức nhằm tạo cú hích và khích lệ tinh thần cho nhân dân toàn tỉnh, tạo động lực và sức bật cho các hoạt động phục hồi sản xuất, kinh doanh...

Với mong muốn tạo nhiều loại hình TDTT thu hút đông đảo các đối tượng tham dự và mở rộng thu hút du khách, VĐV từ trong và ngoài nước về Huế tham gia các hoạt động thi đấu. Từ 20/6 đến 2/7 năm 2023 với 7 giải Thể thao và 2 hoạt động hưởng ứng bước đầu đặt nền móng cho Ngày hội thể thao vì sức khỏe cộng đồng “Huế Sport Festival 2023” với điểm nhấn là giải Half Marathon Huế 2023, Flashmob, Zumba, Bóng đá sân 7, đua xe chơi dành cho thiếu niên nhi đồng, chèo thuyền Súp, Quần vợt. Thông qua các giải thể thao của ngày hội đã thu hút hơn 10.000 lượt người trong đó gần 40%



là người ngoài tỉnh và Quốc tế của 28 tỉnh thành trong cả nước về tham dự. Quy mô tổ chức của những người con xứ Huế được khẳng định bằng tính kết nối, chuyên nghiệp của các môn thi đấu. Zumba của DETOP cũng là một điểm thú vị, với tình yêu bộ môn nhảy đường phố, cặp vợ chồng trẻ với sự góp sức của các CLB, mạnh thường quân đã thu hút gần 18 CLB Zumba trên toàn quốc về tham dự, điều đáng mừng là các HLV từ Mỹ, Canada cũng góp vui cho các vũ điệu đẹp mắt tại Bia Quốc Học Huế. Với Flasmob thì câu chuyện khác được sự đồng hành của Nha khoa nụ cười Việt, đêm chung kết thật ấn tượng với màn biểu diễn kết hợp âm thanh sống động tại sân Quảng trường Ngô Môn, thu hút hàng ngàn người dân đến tham gia và cổ vũ đêm chung kết của 12 đội của 9 tỉnh thành tham dự thật sôi động và mãn nhãn, cuộc thi cũng thêm phần tô đậm ý nghĩa nhân văn bằng khoản tài trợ 350 triệu đồng cho nha khoa học đường... và còn nhiều hoạt động thi đấu liên tục và tỏa đều trên địa bàn thành phố tạo cho không khí thành phố càng thêm sôi động.

Khép lại mùa 1 với bao vui buồn lẫn lộn vì lần đầu tiên tổ chức nên sự phối kết



thao đã làm cho cơ hội xích lại gần nhau, hiểu biết lẫn nhau và trên hết là tinh thần đoàn kết vượt khó của cá nhân, doanh nghiệp điều đó thực sự thay đổi cách làm và tạo tiền đề cho nhiều hoạt động khác.

Sang năm 2024, năm mà Huế tổ chức Festival nghệ thuật, Festival 4 mùa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được trải đều quanh năm đặc biệt là tuần lễ Festival nghệ thuật quốc tế từ 7-12/6/2024 đã khơi dậy cho những người con xứ Huế mạnh dạn tiếp tục mùa 2 của ngày hội thể thao vì sức khỏe cộng đồng. Được sự ủng hộ của Lãnh đạo tỉnh, ngành VH TT kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh lên kế hoạch cho mùa 2 với bao nỗi lo toan vì những dư âm về tinh thần, vật chất chưa được xóa nhòa trong suy nghĩ của những người làm sự kiện. Nhưng với quyết tâm duy trì ngày hội, anh em đã dốc toàn lực để xây dựng kế hoạch tổ chức.



Khởi đầu bằng giải đua xe địa hình lần đầu tiên được tổ chức tại Công viên Thủy Tiên, được đánh thức bởi những pha vượt địa hình, “lặn” của các quái thú cải hoán bằng tất cả đam mê của những VĐV xe địa hình. Với 86 đội đua thực sự cống hiến cho người dân Huế và những người đam mê bộ môn xe ô tô địa hình thực sự thỏa mãn với những màn trình diễn phức tạp, mạo hiểm... Cuộc đua đã đánh thức sức sống cho Công viên Hồ Thủy Tiên sau nhiều năm không hoạt động, Lễ khai mạc chưa thật sự ấn tượng như mùa 1 nhưng tính nhân văn và lan tỏa vì cộng đồng rất lớn với hơn 500 triệu đồng cho quỹ từ thiện, nói nhip nghĩa tình... để lại hình ảnh thật sự xúc động cho cộng đồng trong và ngoài nước thông qua các kênh livestream và Facebook cá nhân.

Mùa 2 với 9 môn chính thức trong đó có 6 môn lần đầu tiên góp mặt trong ngày hội có thể kể ra là Bóng Rổ 3x3, đua xe đại hình, Chung kết “Đại chiến Quân đoàn” trong Esport, Bóng chuyền, Jogging, Bida 3C qua đó cũng thấy được sự khó khăn và quyết liệt của BTC trong công tác vận động kêu gọi nhà tổ chức, kêu gọi hưởng ứng của các mạnh thường quân tham gia, những môn đã tổ chức trong mùa 1 không thể tiếp tục trong mùa 2 do điều kiện tiên quyết là kinh phí vì đã dốc toàn lực nên đã hao tổn rất

hợp, sự đồng hành chưa nhuần nhuyễn do nhiều nguyên nhân trong đó chủ yếu là kinh phí bởi vì toàn bộ hoạt động của 7 bộ môn đều xã hội hóa do các cá nhân đứng ra vận động tài trợ và thậm chí “móc hầu bao” để trang trải với một niềm yêu Huế mãnh liệt muốn cho Huế năng động hơn và tươi trẻ hơn. Thông qua Ngày hội thể thao vì sức khỏe cộng đồng mùa 1, thể



hiều. Ngoài trừ môn đua xe địa hình, 8 môn còn lại phải kể đến vai trò kết nối của 75 Group. Bằng niềm đam mê cháy bỏng cho Huế, 75 Group đã xông xáo, vận động không quản ngày đêm để cùng các anh em hình thành được 8 môn thể thao còn lại. Ngày hội thể thao vì sức khỏe cộng đồng 2024 mùa 2 thực sự được các cơ quan truyền thông, người dân đón nhận háo hức và tích cực. Nhiều gia đình tham gia nhiệt tình trong các hoạt động như Jogging, Bóng rổ, xe chơi... Có gia đình kết hợp trong ngày nghỉ hè của các con để lên kế hoạch du lịch và tham gia các sự kiện của ngày hội. Trong thời gian gần 2 tuần, trên khắp đường phố, ngõ hẻm nhộn nhịp hẳn lên với sự khám phá của các du khách, từ các quán ăn, địa điểm check in, di tích thắng cảnh... đâu đâu cũng rộn ràng của du khách trong và ngoài nước. Người dân Huế cảm nhận được Ngày hội thông qua các hoạt động sôi nổi, hiệu ứng trên mạng xã hội và thiết thực nhất là các phương tiện vận chuyển, nhà hàng, khách sạn, quán ăn... có 2 tuần tất bật với công việc kinh doanh của mình.

Trao đổi với một vài gia đình đến Huế và tham gia giải Jogging, các ý kiến đều cho rằng người Huế thật nhẹ nhàng, phong cảnh thật đẹp, thành phố êm đềm và thơ mộng, giải các bạn tổ chức rất chuyên nghiệp, các gia đình chúng tôi sẽ quay trở lại thêm lần nữa để trải nghiệm và khám phá. Những điều tâm sự đó là lời động viên tinh thần rất lớn cho những người làm văn hóa, thể thao, chính sự nhiệt huyết, quyết tâm và làm hết sức mình của nhà tổ chức sự kiện thể thao để có được lời nhận xét đáng quý từ những du khách đến Huế.

Theo số liệu tổng kết của Ban tổ chức ngày hội, trong thời gian diễn ra các hoạt động Thể thao đã thu hút gần 10.000 lượt người đến tham gia thi đấu trong ngày hội kết hợp tham quan du lịch. Điều đó càng khẳng định các giải thể thao đã góp phần thu hút lượng khách đến Huế và thời gian nghỉ dưỡng cũng được kéo dài hơn với sự kết hợp thi đấu - tham quan và nghỉ dưỡng của du khách.

Chúng ta sẽ tiếp tục làm gì cho Thành phố Huế trực thuộc Trung ương trong thời gian tới, đó cũng là trăn trở và khát khao của những người làm công tác thể thao, chỉ có năng động, dám nghĩ, dám làm trên cơ sở hợp tình hợp lý. Nguồn lực của doanh nghiệp



không phải lúc nào cũng như bầu sữa, muốn thu hoạch trái chín thì cần có công sức chăm sóc, bón phân và kiên trì, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, đó cũng chính là điều các doanh nghiệp đã và đang mong muốn có sự đồng hành của Nhà nước, thông qua các hoạt động thể thao kích thích phát triển kinh tế, doanh nghiệp bán được nhiều sản phẩm ra thị trường lúc đó có nguồn lực cho công tác quảng bá hoặc thông qua các

hoạt động TDTT để quảng bá hình ảnh sản phẩm, doanh nghiệp...

Khép lại hai mùa của Festival Thể thao, điều chúng ta đã làm được đó là tạo được không khí sôi nổi cả ngày và đêm, Huế năng động và mới hơn, đánh thức những tiềm năng vốn có của xứ Huế mộng mơ, nhiều bạn bè trong và ngoài nước biết và đến Huế ngày một đông hơn.

Để Ngày hội thật sự lan tỏa thì mỗi người dân phải là một đại sứ Thể thao, chúng



ta cần xây dựng hình ảnh Festival Thể thao thực sự chuyên nghiệp, ngày càng nâng tầm và cần sự chung tay của các ngành sự ủng hộ của Lãnh đạo các cấp các ngành, các huyện, thị xã, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để có các mùa hội Thể thao diễn ra rộng khắp trên địa bàn toàn TP. Qua đó, nâng cao ý thức rèn luyện thể thao cho cộng đồng và cho toàn xã hội, góp phần thực

hiện mục tiêu của Đảng và Nhà nước về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030, cũng là góp phần vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà ■



Bóng đá Huế, NHỮNG THÁCH THỨC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

■ Bài và ảnh: KIM PHỤNG

Huế là một vùng đất có truyền thống bóng đá, luôn được công chúng hâm mộ và lãnh đạo của tỉnh quan tâm, ủng hộ. Người dân Huế rất yêu thích bóng đá, luôn cổ vũ nhiệt tình và dành sự quan tâm đặc biệt đối với bóng đá. Bên cạnh việc nâng cao sức khỏe thể chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân, bóng đá còn là phương tiện hữu hiệu góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Vượt ra ngoài vai trò của một môn thể thao thuần túy, bóng đá đã hội tụ những yếu tố chính trị, xã hội và trở thành môn thể thao có ảnh hưởng sâu rộng nhất. Chính vì thế, việc xây dựng một nền bóng đá ổn định và phát triển, có thứ hạng cao ở quốc gia không chỉ là mục tiêu của ngành Văn hóa và Thể thao, của Đoàn Bóng đá Huế mà còn là kỳ vọng chung của toàn tỉnh.

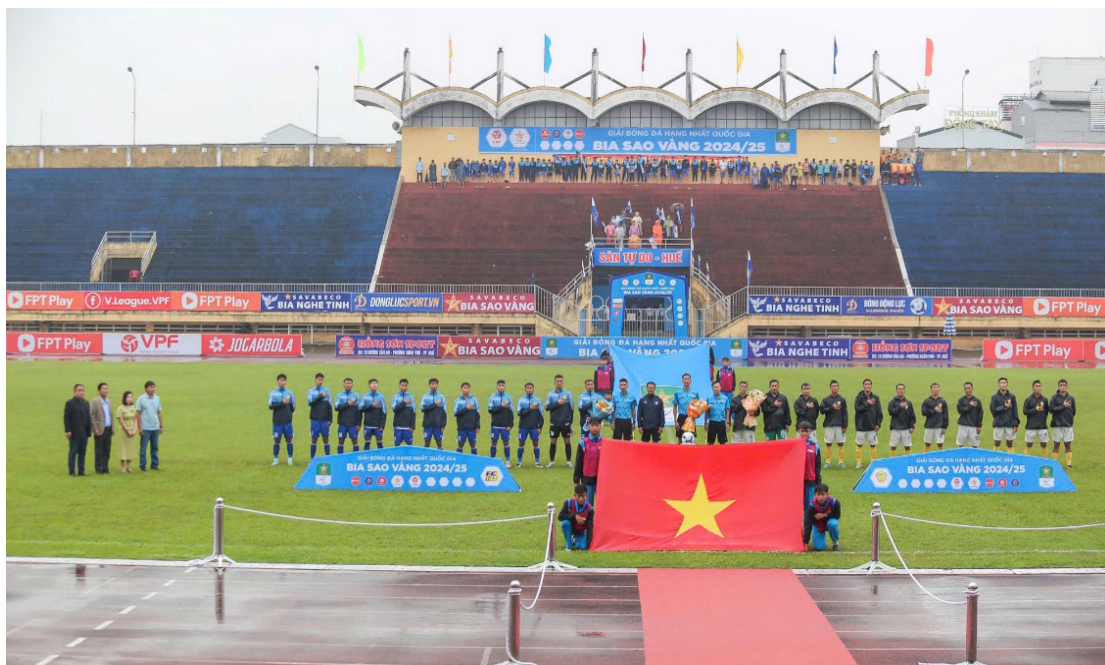
Những thách thức...

Có thể nói, đầu tư phát triển bóng đá tiếp tục là thách thức trong giai đoạn tới của bóng đá tỉnh nhà. Yêu cầu phát triển bóng đá đòi hỏi cần phải có sự đầu tư đồng bộ cả về cơ sở vật chất, khoa học công nghệ và đầu tư cho con người nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, cả về phát triển bóng đá phong trào lẫn phát triển bóng đá thành tích cao. Việc huy động, cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển bóng đá với rất nhiều mục tiêu khác nhau là một vấn đề khó khăn cần phải giải quyết trong giai đoạn tới.

Quy chế bóng đá chuyên nghiệp được triển khai đã tạo điều kiện nâng cao thu nhập



Khán giả trong một trận đấu của CLB Huế trên sân vận động Tự Do (Huế)



Khai mạc Giải Bóng đá hạng Nhất quốc gia 2024/2025

của cầu thủ, huấn luyện viên, trọng tài và bước đầu tạo dựng một thị trường chuyên nhượng cầu thủ, huấn luyện viên ở nước ta. Sự đua tranh về thành tích đội tuyển cũng như câu lạc bộ giữa các tỉnh, thành phố trong nước, khu vực ngày càng gắt gao. Phong trào bóng đá trong toàn quốc đã phát triển mạnh mẽ, nhiều tỉnh thành đã chú trọng hơn tới việc tập trung đầu tư vào công tác đào tạo bóng đá trẻ. Ngoài các Câu lạc bộ đã khẳng định thương hiệu trong công tác đào tạo trẻ như: PVF, Hoàng Anh Gia Lai, Sông Lam Nghệ An, Viettel, Hà Nội, Đà Nẵng... Thời gian gần đây, một số tỉnh thành như: Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu... đã và đang chú trọng hơn việc triển khai đầu tư cho đào tạo vận động viên bóng đá trẻ, đặt bóng đá Thừa Thiên Huế trước nguy cơ tụt hậu nếu không có chính sách đầu tư hợp lý.

Từ sau khi bóng đá Việt Nam chuyển đổi sang mô hình chuyên nghiệp đến nay, do kinh tế tỉnh nhà còn khó khăn và không có nhà tài trợ nên đội tuyển bóng đá Huế chỉ thi đấu tại giải hạng nhất quốc gia, chưa có đủ điều kiện để chuyển đổi sang mô hình bóng đá chuyên nghiệp. Lực lượng vận động viên được đào tạo và bổ sung cho đội tuyển của tỉnh đến nay vẫn còn thiếu hụt và chất lượng chưa cao do lực lượng vận động viên của các tuyển trẻ kế cận còn thiếu ổn định. Cơ sở vật chất phục vụ cho các vận động viên trẻ ăn ở tập luyện còn nhiều khó khăn; nhà ở cho vận động viên đội tuyển và các đội tuyển trẻ chưa có (hiện đội tuyển đang thuê ở khách sạn Khải Hoàn, còn tất cả các tuyển trẻ đang ở phòng tập thể tại gầm khán đài A sân vận động Tự Do). Sân bóng để tập luyện và tổ chức thi đấu các giải trẻ đã bị thu hồi, phương tiện đi lại xuống cấp sắp sửa thanh lý nhưng chưa được trang bị mới.

... đến những tín hiệu vui...

Bóng đá Huế, đặc biệt là bóng đá trẻ trong những năm trở lại đây đã có nhiều chuyển biến tích cực. Việc năm nào cũng có đội bóng đá trẻ vào chơi ở Vòng chung kết các



Lê Xuân Đăng (áo trắng) cầu thủ 17 tuổi trong màu áo CLB Huế

giải bóng đá trẻ quốc gia, các cầu thủ trẻ được triệu tập vào các đội tuyển trẻ quốc gia là những tín hiệu vui và đó là cũng là sự khẳng định về sự phát triển của bóng đá trẻ trong những năm gần đây.

Năm 2022, Huế có 02 đội bóng đá trẻ là U15 và U17 xuất sắc vượt qua vòng loại và vào vòng chung kết các giải bóng đá trẻ, trong đó phải kể đến thành tích giành huy chương đồng của đội bóng U15 khi đội bóng này vượt qua nhiều đội bóng được đánh giá mạnh như Hoàng Anh Gia Lai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An... để tiến vào đến trận bán kết và để thua Trung tâm đào tạo PVF một cách đáng tiếc với tỷ số 0-1, giành tấm huy chương đồng. Tiếp tục các năm 2023, 2024, 02 đội U17 và U19 cũng giành quyền tham dự vòng chung kết của các giải bóng đá trẻ, và cả hai đội đều vào chơi đến trận tứ kết. Từ các giải bóng đá trẻ này, Thừa Thiên Huế có nhiều lượt VĐV được triệu tập vào đội dự tuyển bóng đá trẻ quốc gia tham gia thi đấu tại các giải quốc tế (hàng năm đều có 1-2 lượt, mỗi lượt từ 3-6 VĐV được tập trung các đội tuyển trẻ quốc gia).

Nếu như những năm gần đây, khó khăn của bóng đá Huế là lực lượng VĐV được bổ sung cho đội bóng đá chuyên nghiệp thiếu hụt khi lực lượng VĐV nòng cốt của đội 1 đã lớn tuổi, trong khi đó lực lượng VĐV của các tuyển trẻ kế cận thiếu ổn định (hàng năm phải mượn thêm lực lượng bổ sung cho đội hạng nhất từ các trung tâm đào tạo bóng đá trẻ khác), thì trong các năm năm 2023, 2024 đã có những khởi sắc khi có nhiều cầu thủ trẻ trong độ tuổi 17, 18, 19 bổ sung thi đấu cho đội hạng nhất. Các cầu thủ trẻ đã bắt nhịp tốt, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và dần dần được “cấy” vào thi đấu tại sân chơi chuyên nghiệp. Lần đầu tiên tham gia vào sân chơi chuyên nghiệp của bóng đá Việt Nam, sự thi đấu tự tin, nỗ lực của các gương mặt trẻ theo từng trận đấu đã để lại nhiều ấn tượng và nhận được sự khen ngợi từ người hâm mộ. Tại mùa giải hạng nhất 2024-2025, Huế cũng là CLB có độ tuổi

trung bình thấp nhất khi tham gia giải hạng nhất quốc gia với độ tuổi bình quân là 20,1, đây cũng là độ tuổi thấp nhất lịch sử CLB sau 24 năm tham gia hệ thống các giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia.

Hiện nay, bóng đá trẻ Huế đang đào tạo tuyển U17-U19 với lực lượng khá tốt, lực lượng này được xem là nòng cốt để bổ sung cho đội bóng đá chuyên nghiệp trong các năm tiếp theo. Tuy nhiên, bóng đá Huế đang đối diện với những khó khăn trong công tác đào tạo trẻ, đặc biệt là vấn đề sân bãi tập luyện.

... và những khó khăn trước mắt

Từ năm 2004 đến tháng 6 năm 2024, Đoàn Bóng đá quản lý 2 sân bóng đá: đó là sân vận động Tự do và sân số 2 tại Trung tâm Thể thao Huế. Trong đó, sân vận động Tự do phục vụ công tác tập luyện cho đội bóng đá chuyên nghiệp và tổ chức thi đấu các giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia, các giải bóng đá trẻ quốc gia, một số giải cấp tỉnh; sân số 2 tại Trung tâm Thể thao Huế phục vụ công tác tập luyện của 6 tuyển bóng đá trẻ và tổ chức thi đấu các giải bóng đá cấp tỉnh. Tuy nhiên, đến nay đã không còn thực hiện tập luyện tại sân số 2 do chính quyền quy hoạch lại mặt bằng Trung tâm Thể thao đã gây rất nhiều khó khăn trong công tác đào tạo trẻ khi mà không có sân bãi tập luyện. Theo xu hướng phát triển của bóng đá hiện nay, việc cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ công tác tập luyện của các đội bóng đá trẻ là vô cùng quan trọng, nó góp phần quyết định việc phát triển chuyên môn của cầu thủ được đào tạo, tạo nguồn cầu thủ có chất lượng chuyên môn tốt bổ sung cho đội tuyển bóng đá của tỉnh nhà. Vì vậy, Huế phải sớm đầu tư xây dựng các sân bóng, mạnh dạn xây dựng được Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ ở Huế trong tương lai. Chắc chắn, nếu Trung tâm bóng đá này được xây dựng, nó không những đáp ứng được phong trào mà còn là cơ sở để phát hiện, tuyển chọn, đào tạo lực lượng VDV bổ sung cho các đội tuyển bóng đá của tỉnh; hơn nữa sẽ thu hút được nhiều giải bóng đá quốc gia, quốc tế về tổ chức tại địa phương.

Bên cạnh đó, việc hoạt động không có nhà tài trợ trong xu thế phát triển chung của bóng đá Việt Nam cũng là một khó khăn của bóng đá Huế. Hiện nay, hầu hết các CLB bóng đá tham gia các giải bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam đều hoạt động theo mô hình doanh nghiệp quản lý (V-League 1) hoặc vẫn là đội bóng được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước nhưng có đơn vị tài trợ (V-League 2). Đội bóng đá hạng nhất Huế được đầu tư chỉ từ nguồn ngân sách nhà nước. Nếu bóng đá Huế sớm có đơn vị tài trợ sẽ chủ động và thuận lợi hơn trong việc ký kết hợp đồng, chi trả lương, thưởng cũng như thực hiện các chế độ đãi ngộ đặc thù đối với cầu thủ.

Để hòa nhập với xu thế chung của bóng đá Việt Nam, và xứng tầm với việc thành phố Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương, bóng đá Huế cần có những cải tổ mạnh mẽ. Mà trước mắt, cần tập trung giải quyết 2 vấn đề: đó là có những phương án xây dựng các sân bóng cho đội bóng đá trẻ tập luyện và kêu gọi nhà tài trợ kinh phí cho đội bóng đá hạng nhất, những điều này cần nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ các cấp quản lý. Với khát vọng vươn lên, bóng đá Huế đang nỗ lực hết mình để sớm trở lại với giải đấu cao nhất của bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam. Hy vọng rằng, bóng đá Huế sẽ được quan tâm đầu tư hơn, có những tín hiệu vui và những chuyển mình mạnh mẽ để cùng Huế vươn lên một tầm cao mới ■

TRIỂN KHAI LUẬT THƯ VIỆN VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC TẠI THƯ VIỆN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HUẾ

■ Bài và ảnh: HOÀNG THỊ KIM OANH*

Trước xu thế phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, của các phương tiện truyền thông đại chúng và các tiện ích xã hội, văn hóa đọc đang *đứng trước những thách thức*. Ngày 04/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1862/QĐ-TTg về việc tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam thay thế Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 24/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Sách Việt Nam, nhằm khẳng định rõ hơn vai trò, tầm quan trọng của việc đọc sách cũng như hình thành và phát triển thói quen đọc sách với người dân.

Việc lan tỏa văn hóa đọc trong những năm gần đây đã được các cấp, ngành quan tâm, tuy nhiên so với thực tế thì vẫn còn hạn chế, hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu đọc và khai thác thông tin của người dân; văn hóa đọc đã và đang bị lấn át bởi những hình thức tiếp cận thông tin mới. Vì vậy, vấn đề nghiên cứu áp dụng thực hiện các quy định của Luật Thư viện, các văn bản dưới Luật, văn bản pháp quy liên quan trong hoạt động chuyên môn của thư viện để đổi mới tổ chức, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thư viện là nội dung cần thiết nhằm phát triển văn hóa đọc, phục vụ học tập suốt đời trong xã hội ngày nay.

1. Kết quả việc áp dụng triển khai thực hiện Luật Thư viện trong hoạt động phát triển văn hóa đọc tại Thư viện Tổng hợp thành phố Huế

Theo quy định tại Điều 30 Luật Thư viện 2019, việc phát triển văn hóa đọc thông qua các hình thức như tổ chức hoạt động hình thành thói quen đọc trong gia đình, trường học, cơ quan, tổ chức trên phạm vi cả nước; hướng dẫn phương pháp, kỹ năng đọc, khai thác tài nguyên thông tin cho trẻ em tại thư viện cơ sở giáo dục mầm non, thư viện cơ sở giáo dục phổ thông; phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện... Từ việc triển khai các quy định của Luật Thư viện, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiều mô hình hoạt động tại Thư viện Tổng hợp thành phố Huế đã được quan tâm đẩy mạnh, nhiều hình thức hoạt động được tổ chức phong phú, đa dạng, thu hút nhiều đối tượng bạn đọc tham gia, góp phần lan tỏa văn hóa đọc trong cộng đồng. Thư viện đã chú trọng duy trì tổ chức và phát triển các phong trào, các chương trình phát động đọc sách, các cuộc thi tuyên truyền, giới thiệu sách, kể chuyện theo sách, vẽ tranh theo sách... cho hệ thống thư viện các trường học, các thư viện công cộng cấp huyện, thị xã, các tủ sách tư nhân có phục vụ cộng đồng, như Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc, Cuộc thi Giới thiệu sách trực tuyến, các cuộc thi thiếu nhi vẽ tranh theo sách với chủ đề “Áo dài và Di sản”, “Huế qua nét vẽ tuổi thơ”,... cuộc thi thiết kế Ấn phẩm về sách, các chương trình cùng bạn đọc sách, lan tỏa tri thức...

Thư viện đã tập trung nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, cải tạo và xây dựng môi trường xanh, sạch, sáng nhằm tạo môi trường gần gũi, thân thiện để thu hút bạn

(*) Giám đốc Thư viện Tổng hợp Huế.



Khai mạc Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2024

đọc. Thực hiện công tác hồi cố cơ sở dữ liệu theo chuẩn nghiệp vụ hiện hành nhằm dần hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ nhu cầu tìm kiếm và khai thác nguồn tài nguyên thông tin trong đơn vị trên môi trường số. Tận dụng không gian mạng internet để giới thiệu nguồn tài nguyên thông tin và các hoạt động thường xuyên của đơn vị, cụ thể: Thư viện

đã tích cực tăng cường các hoạt động truyền thông của đơn vị trên trang website <https://thuvien.thuathienhue.gov.vn> tạo tương tác, tuyên truyền văn hóa đọc, kỹ năng đọc sách, các kênh đọc sách online, ebooks,... quảng bá và truyền thông các hoạt động về văn hóa đọc trên mạng xã hội như facebook, zalo, fanpage và youtube của đơn vị, đồng thời phối hợp với các đơn vị truyền thông như Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Huế, Báo Thừa Thiên Huế online (Báo Huế ngày nay online) xây dựng các video quảng bá về Thư viện, phát triển văn hóa đọc trên nền tảng số góp phần tăng lượt bạn đọc truy cập gấp đôi so với các năm trước; hoạt động luân chuyển tài liệu, trưng bày triển lãm phục vụ cơ sở được đẩy mạnh và được cộng đồng đánh giá cao. Nhiều hoạt động lồng ghép trong lĩnh vực văn hóa và thể thao gắn với phát triển văn hóa đọc, hoạt động đọc sách đã được quan tâm tổ chức thường xuyên, ngày càng có những đổi mới, sáng tạo, thiết thực, góp phần truyền thông, lan tỏa văn hóa đọc.

Cùng với việc vận động tài trợ sách, báo, tư liệu, Thư viện Tổng hợp còn tích cực huy động các cơ quan, đơn vị tham gia phục vụ sách, báo, thực hiện vận động, tuyên truyền, khuyến khích phát triển văn hóa đọc bằng nhiều hình thức; triển khai hiệu quả các chương trình phối hợp trong lĩnh vực thư viện với các đơn vị thuộc Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo... Thông qua hoạt động liên kết, công tác luân chuyển tài liệu, sách, báo giữa Thư viện tỉnh với hệ thống thư viện, phòng đọc cơ sở và phục vụ lưu động đến các địa phương, trường học ngày càng được đẩy mạnh, góp phần lan tỏa rộng khắp phong trào đọc sách, khơi dậy tinh thần tự học và học tập suốt đời.

Thư viện đã có nhiều giải pháp thu hút sự tham gia, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động phát triển văn hóa đọc, nhất là việc tổ chức các cuộc thi. Điển hình như Cuộc thi thiếu nhi vẽ tranh qua sách chủ đề “Áo dài và di sản” năm 2023, đồng thời, với sự đầu tư, tài trợ của doanh nhân, các nhà thiết kế áo dài đã và may những bộ áo dài ngũ thân từ tranh vẽ đạt giải của các em để trưng bày và trình diễn ngay trong buổi trao giải của cuộc thi cũng như trưng bày trong “Tuần lễ Áo dài cộng đồng” tham gia hoạt động Festival Huế 2023, được công chúng đánh giá cao. Thực tiễn cho thấy, Luật Thư viện (Điều 6, Chương 1) đã cụ thể hóa các chính sách xã hội hóa của Nhà nước nhằm huy động được nhiều nguồn lực cho hoạt động thư viện, để cùng lan tỏa tri thức, chung tay phát triển văn hóa đọc và được thư viện ứng dụng triển khai có hiệu quả.



Lễ tổng kết và trao giải cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc và Giới thiệu sách trực tuyến năm 2024

Bên cạnh việc sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước vào nhiệm vụ phát triển vốn tài liệu, nhờ tích cực liên hệ, vận động tổ chức, cá nhân chung tay phát triển văn hóa đọc, mỗi năm Thư viện tỉnh tiếp nhận hàng nghìn bản sách từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức, nhà

xuất bản trong và ngoài tỉnh. Trong 10 tháng của năm 2024, Thư viện tỉnh đã nhận từ nguồn biếu tặng: báo 55 tờ, tạp chí: 41 tờ, sách: 254 đầu sách/1.290 bản sách.

Đặc biệt, di sản Hán - Nôm là nguồn di sản đặc trưng của vùng đất Cố đô Huế, để thực hiện Kế hoạch Suu tầm, số hóa, bảo quản, phục hồi và phát huy giá trị tài liệu Hán Nôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024, trong những năm qua, Thư viện Tổng hợp đã suu tầm và số hóa gần 500.000 trang tài liệu Hán - Nôm và đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị, các nhà nghiên cứu tiến hành nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật và in ấn 05 cuốn sách có giá trị về Hán - Nôm, cụ thể: Cuốn “*Thư mục đề yếu sắc phong triều Nguyễn ở Thừa Thiên Huế*”, cuốn “*Sắc phong, chế phong, chiếu thời Nguyễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế*”, cuốn “*Bảng cấp quan chức triều Nguyễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế*”, cuốn “*Văn thư - Đơn từ Hán Nôm các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*” và cuốn “*Hương ước các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*”, đây là những sản phẩm quan trọng giúp cho các thế hệ hôm nay và mai sau có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về cội nguồn lịch sử - văn hóa của dân tộc.

Ngoài ra, để quảng bá các hình ảnh văn hóa, di sản văn hóa của quê hương đến với bạn bè trong và ngoài nước, Thư viện Tổng hợp đã trao đổi ấn phẩm hàng năm giữa Thư viện tỉnh Gifu (Nhật Bản) và Thư viện Tổng hợp thành phố Huế; tổ chức không gian trưng bày “*Góc văn hóa Gifu (Nhật Bản)*” với hơn 100 bản sách viết về Nhật Bản và 20 sản phẩm thủ công truyền thống tại trụ sở Thư viện Tổng hợp.

Với những cách làm mới, trong năm 2024, Thư viện đã thực hiện cấp 5.350 thẻ bạn đọc; tổng lượt phục vụ bạn đọc là hơn 46.850 lượt/182.570 lượt sách, báo luân chuyển; lượt bạn đọc phục vụ qua không gian mạng là hơn 364.900 lượt. Lượt tài nguyên thông tin phục vụ 737.497 (trong đó, lượt tài nguyên thông tin phục vụ tại thư viện 136.656, phục vụ lưu động, luân chuyển hơn 45.910, lượt tài nguyên thông tin điện tử được phục vụ: 554.926). Lượt bạn đọc truy cập trên Trang thông tin điện tử Thư viện Tổng hợp tại địa chỉ <http://thuvien.thuathienhue.gov.vn> là hơn 1.2 triệu lượt; phối hợp với các đơn vị và các trường học trên địa bàn tỉnh phục vụ 39 điểm lưu động. Thực hiện đăng tải phục vụ bạn đọc miễn phí trên môi trường mạng với 2.360 tên sách điện tử; Triển khai đồng bộ cơ sở dữ liệu, tài liệu trên phần mềm quản lý thư viện điện tử emiclib với tổng số hơn 122.140 biểu ghi và được lưu trữ an toàn trên hệ thống máy chủ.

Việc áp dụng các quy định của Luật thư viện vào thực tiễn hoạt động phát triển văn hóa đọc tại Thư viện Tổng hợp thành phố Huế đã có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, vẫn



Không gian trưng bày tài liệu theo chủ đề của Thư viện Tổng hợp

còn nhiều khó khăn, thách thức, trước những tác động trực tiếp của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các chương trình vui chơi, giải trí, các kênh thông tin trên không gian mạng đã thu hút phần lớn thời gian rảnh rỗi của giới trẻ, đây là một nguyên nhân dẫn đến một bộ phận không nhỏ giới trẻ thiếu quan tâm đến sách và việc đọc sách truyền thống.

Có thể khẳng định rằng, đầu tư để phát triển hoạt động thư viện, thúc đẩy văn hóa đọc có vai trò quan trọng trong đời sống hiện nay, khi văn hóa đọc lan tỏa mạnh mẽ, đi vào đời sống nhân dân sẽ tạo ra sự phát triển bền vững, của xã hội. Do đó, việc triển khai áp dụng có hiệu quả Luật Thư viện, văn bản dưới Luật vào hoạt động thư viện sẽ góp phần xây dựng và nâng cao văn hóa đọc trong giai đoạn hiện nay.

2. Giải pháp

2.1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về Luật Thư viện, những nội dung quy định liên quan đến phát triển văn hóa đọc của Luật Thư viện:*

Luật Thư viện ban hành tạo hành lang pháp lý thúc đẩy sự nghiệp thư viện và văn hóa phát triển, khẳng định vai trò của thư viện trong phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục của đất nước, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập, cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến về Luật Thư viện, những nội dung quy định liên quan đến phát triển văn hoá đọc của Luật Thư viện, cần có sự hiểu biết và thực hiện nghiêm túc những quy định của Luật. Từ các cấp lãnh đạo cho đến những tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc cộng tác viên, những người hỗ trợ làm công tác thư viện và cả người sử dụng các dịch vụ thư viện.

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thì không gian phục vụ bạn đọc của thư viện cũng phải luôn được quan tâm, bố trí, sắp xếp khoa học, tạo môi trường đọc gần gũi, thoải mái, thân thiện với bạn đọc. Cập nhật, đổi mới các phần mềm, các ứng dụng nhằm giúp bạn đọc tiếp cận được tài liệu một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Trong khuôn viên thư viện, các phòng đọc sách được trang trí, trích dẫn những câu danh ngôn hay, ý nghĩa về sách và văn hóa đọc để tuyên truyền về tác dụng, vai trò và sự cần thiết của việc đọc sách đối với việc hình thành nhân cách và sự thành công của mỗi người nhờ đọc sách.

b) Phát huy vai trò của Thư viện công cộng cấp thành phố

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công, tiếp tục phát huy vai trò trách nhiệm của đơn vị trong việc tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển



Một số ấn phẩm Hán - Nôm do Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế chủ trì, phối hợp biên soạn, tuyển dịch và phát hành

chung tay thúc đẩy văn hóa đọc phát triển.

Căn cứ vào Luật Thư viện và các văn bản quy định của pháp luật, cần thiết xây dựng, tham mưu cho cơ quan quản lý cấp trên ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án về phát triển văn hóa đọc phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Triển khai các hoạt động về phát triển văn hóa đọc được quy định tại khoản 2, Điều 30 của Luật Thư viện: Tổ chức hoạt động hình thành thói quen đọc trong gia đình, trường học, cơ quan, tổ chức trong phạm vi cả nước; Hướng dẫn phương pháp, kỹ năng đọc, khai thác tài nguyên thông tin cho trẻ em tại thư viện cơ sở giáo dục mầm non, thư viện cơ sở giáo dục phổ thông; Phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện; Đẩy mạnh liên thông giữa thư viện công cộng với thư viện khác trên địa bàn; truy cập và khai thác thông tin, tri thức từ thư viện số dùng chung thông qua thiết bị điện tử; sử dụng dịch vụ thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin đến các vùng sâu, vùng xa. Tăng cường việc quan tâm, động viên thăm hỏi các tủ sách cơ sở đồng thời chia sẻ, hướng dẫn, giúp đỡ nghiệp vụ cho hệ thống thư viện công cộng các huyện, các tủ sách cơ sở nhằm tạo sự kết nối, phối hợp chặt chẽ trong hệ thống thư viện công cộng cấp tỉnh và hệ thống cấp huyện, xã, giúp duy trì và thúc đẩy phát triển văn hóa đọc.

2.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, phát triển văn hóa đọc qua các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện

Hiện nay, tổng số tài nguyên thông tin của Thư viện Tổng hợp Huế có gần 350.000 đơn vị. Với nguồn tài nguyên thông tin phong phú, đa dạng đó, Thư viện Tổng hợp tỉnh chú trọng đổi mới các hình thức truyền thông để giới thiệu về tài nguyên thông tin, sản phẩm và dịch vụ, tiện ích của thư viện; tuyên truyền trên các trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và không gian mạng về văn hóa đọc trong thư viện góp phần nâng cao nhận thức, lan tỏa văn hóa đọc của người dân cũng như tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành có liên quan.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh công tác truyền thông thông qua hoạt động trưng bày, triển lãm giới thiệu sách cũng là một nhiệm vụ quan trọng, lồng ghép các hoạt động của

thư viện, phát triển văn hóa đọc; hướng dẫn các thư viện công cộng cấp huyện trên địa bàn thực hiện quy định, định hướng, chỉ đạo về công tác thư viện; đưa ra những giải pháp, biện pháp hữu hiệu, thúc đẩy văn hóa đọc phát triển. Bám sát các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra trong các Đề án, Kế hoạch liên quan đến văn hóa đọc, đến lĩnh vực thư viện để cùng



Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế tăng cường luân chuyển sách phục vụ các em học sinh tại các trường học trên địa bàn tỉnh

thư viện trong các sự kiện Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam, các cuộc thi khuyến đọc và các hoạt động văn hóa, giáo dục khác. Tập trung, ưu tiên nâng cao chất lượng, đa dạng hình thức tuyên truyền, giới thiệu sách báo tại chỗ, trực quan nhằm đưa sách báo đến với bạn đọc, giúp bạn đọc khai thác, sử dụng sách báo và tài liệu một cách hiệu quả. Thư viện cần chú trọng tổ chức và phối hợp các đơn vị như Hội Nhà báo, các nhà Xuất bản, Công ty phát hành sách... để tổ chức nhiều đợt trưng bày, triển lãm sách báo và tài liệu phục vụ các ngày lễ lớn, các sự kiện trong năm của đất nước và địa phương. Tài liệu giới thiệu đến bạn đọc trong các đợt trưng bày, triển lãm phải được lựa chọn, có hình thức đẹp, hấp dẫn, nội dung phong phú và luôn gắn với các chủ đề, sự kiện cụ thể. Thông qua đó giúp bạn đọc dễ dàng lựa chọn được những cuốn sách, bài báo phù hợp, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin của mình.

2.3. Nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của bạn đọc, thư viện phải không ngừng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện các nhiệm vụ trong chương trình chuyển đổi số ngành thư viện. Tăng cường số hóa tài liệu, biên mục tài liệu số trên phần mềm quản lý thư viện; phục vụ bạn đọc, tuyên truyền, giới thiệu sách trên các trang mạng xã hội zalo, Facebook, YouTube... Triển khai đồng bộ các công đoạn xử lý tài liệu trên phần mềm quản lý thư viện điện tử; duy trì việc khai thác sách điện tử tại các trang ebook của các thư viện tạo sự tiện lợi trong việc đọc sách trực tuyến của người sử dụng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thông tin hiện có hỗ trợ cho người sử dụng: Thông báo danh mục sách mới, mục lục thư viện bằng các hoạt động: thêm tóm tắt, chỉ dẫn địa chỉ tài liệu; tăng cường công tác biên mục, tóm tắt, định từ khóa tài liệu nhằm nâng cao chất lượng các biểu ghi thư mục; đăng ký thẻ, gia hạn tài liệu trực tuyến; Tổ chức biên soạn các thư mục giới thiệu sách mới, thư mục chuyên đề nhằm giúp người dùng dễ dàng tra tìm được tài liệu mới, phù hợp với nhu cầu, rút ngắn thời gian tìm kiếm, phục vụ đắc lực cho việc học tập, nghiên cứu của bạn đọc.

2.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thư viện

Nhân lực thư viện góp phần quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của hệ thống thư viện công cộng các cấp. Trước sự đổi mới của đất nước, sự phát triển nhanh

chóng của công nghệ thông tin, của truyền thông và với tình hình nhân lực thực tế hiện nay, để không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thư viện, đòi hỏi chất lượng đội ngũ này cần được nâng cao một bước mới có thể đảm đương được chức năng, nhiệm vụ được giao phó.

Cần đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thư viện từ tỉnh đến cơ sở; bồi dưỡng và cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về thư viện để tiếp cận, vận hành hiệu quả hệ thống quản lý, khai thác trong hệ thống thư viện đang định hướng xây dựng thư viện số, thư viện hiện đại. Đặc biệt, lĩnh vực công nghệ thông tin trong thư viện hiện nay là mảng kiến thức và kỹ năng cần đào tạo, bồi dưỡng đối với hệ thống thư viện các cấp.

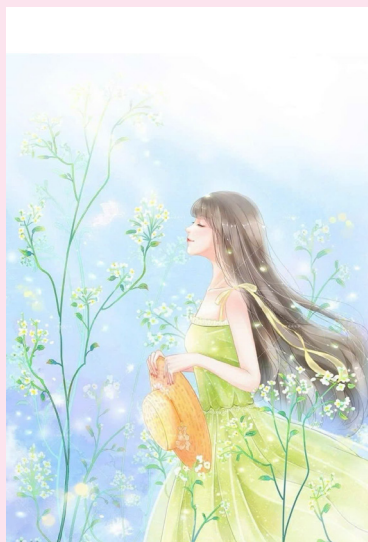
Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, song song với việc tổ chức các khóa đào tạo là cần thiết, tuy nhiên cần xây dựng có hệ thống các tài liệu giảng dạy và học tập cũng như tài liệu tham khảo nghiệp vụ nhằm nâng cao khả năng đào tạo và tự đào tạo của đội ngũ viên chức Thư viện.

Luật Thư viện ra đời là cơ sở pháp lý cho việc đầu tư, hỗ trợ cần thiết cho hoạt động thư viện trong phát triển văn hóa đọc, nhất là trong thời đại công nghiệp 4.0 ngày nay. Với chức năng, nhiệm vụ của thư viện trong việc duy trì, phát triển văn hóa đọc, hệ thống thư viện công cộng các cấp cần phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác xây dựng các Đề án, Kế hoạch, Dự án... để triển khai hoạt động phát triển văn hóa đọc phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, chung tay lan tỏa, thúc đẩy văn hóa đọc phát triển, góp phần xây dựng một xã hội học tập suốt đời, hình thành và phát triển thói quen đọc sách trong Nhân dân ■

Thơ và minh họa: **THẢO ANH**

Phiên khúc mưa và em

Mưa thơm tho cho ngàn hoa chớm nụ
Mưa mặn mà thấm đòng lúa đơm bông
Mưa thì thầm gọi tình yêu lên tiếng
Mưa long lanh tuổi con gái dậy thì
Mưa hồn nhiên xanh gót hài em bước
Mưa mộng mơ ửng đôi má em hồng
Mưa ngậm ngùi trút u sầu Đông tới
Mưa băng khuáng ử vàng lá Thu về
Mưa quẩn quýt trái nắng tràn Hạ đến
Mưa nồng nàn đón hoa thắm Xuân sang
Mưa hân hoan em về vui trong nắng
Mưa mong manh em hé nụ môi thơm
Mưa rưng rưng em rơi rơi giọt lệ
Mưa vời vời em mãi mãi biệt ly.



NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN TRONG LĨNH VỰC THƯ VIỆN TRÊN NỀN TẢNG MẠNG XÃ HỘI

■ Bài và ảnh: THANH PHONG*



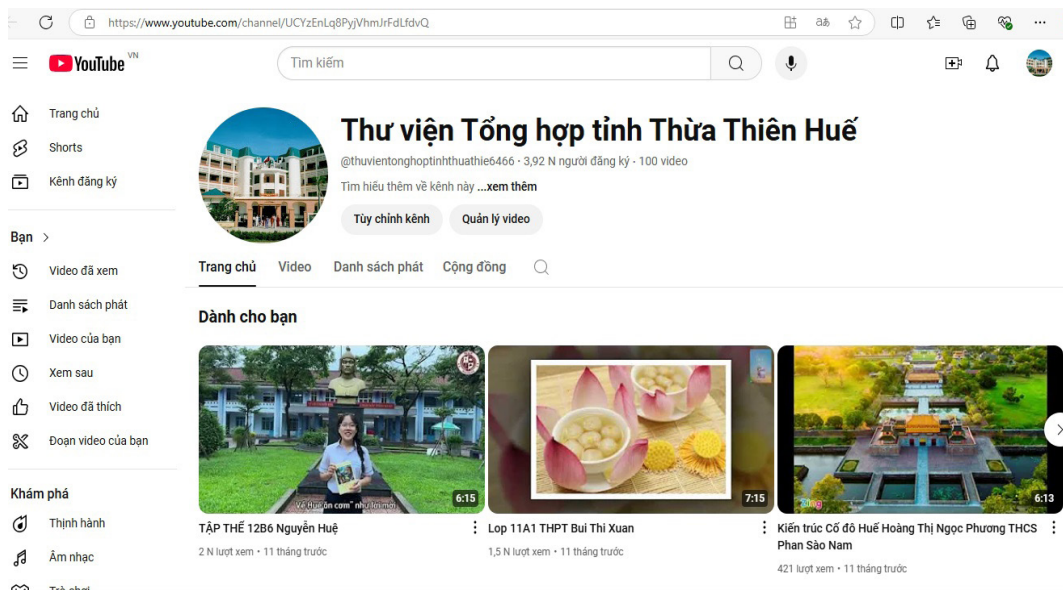
Cùng với sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, những năm gần đây, con người đang chứng kiến những thay đổi về phương thức tiếp cận thông tin trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, họ đóng vai trò trung tâm trong việc lựa chọn nền tảng xã hội và phương thức để tạo ra những sản phẩm truyền thông, kết nối, chia sẻ thông tin mà không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Những phương thức truyền thông trên nền tảng mạng xã hội đang ngày càng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin và tác động sâu sắc đến mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Trong lĩnh vực thư viện, truyền thông trên nền tảng mạng xã hội đã trở thành một hoạt động không thể thiếu giúp kết nối và truyền tải thông tin đến bạn đọc.

I. Một số kết quả ứng dụng mạng xã hội trong hoạt động truyền thông tại Thư viện Tổng hợp thành phố Huế



Triển lãm trực tuyến Báo xuân của Thư viện Tổng hợp thành phố Huế

* Phó Giám đốc Thư viện Tổng hợp thành phố Huế.

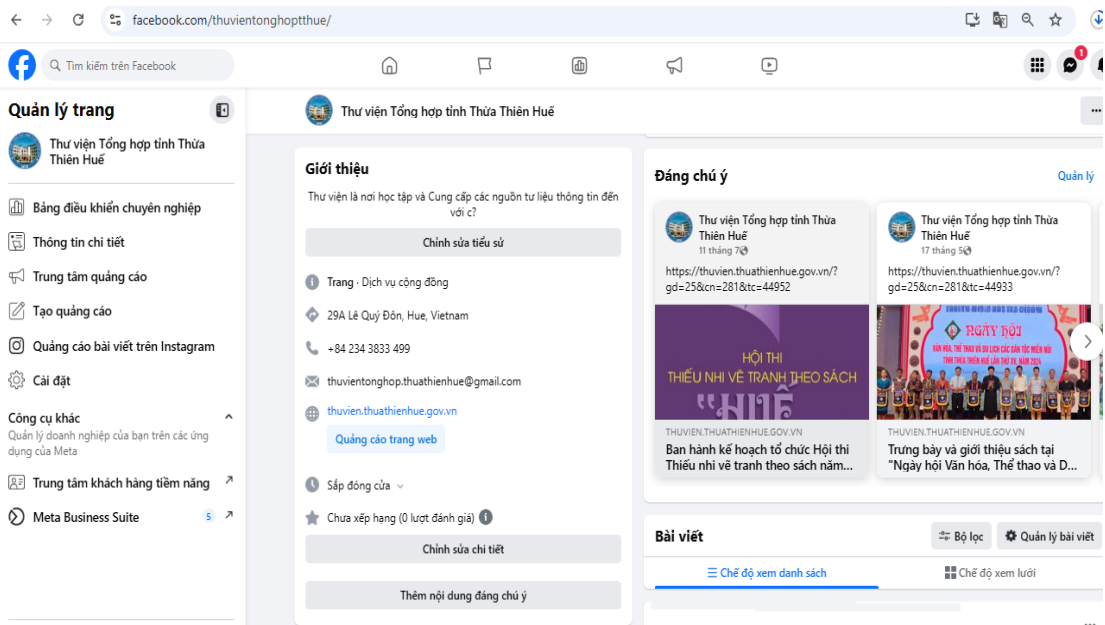


Kênh youtube của Thư viện Tổng hợp thành phố Huế

Hiện nay, sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, internet nói chung và sự phát triển mạng xã hội nói riêng là rất phong phú, đa dạng với nhiều hình thức hoạt động như: fanpage, facebook, zalo, youtube,... Mỗi nền tảng mạng xã hội đều có những ưu thế riêng và mức độ người sử dụng khác nhau. Vì vậy, việc tìm hiểu những tính năng tích cực trên các nền tảng của mạng xã hội, khai thác tối đa những tính năng của nền tảng đó nhằm nâng cao hoạt động của thư viện, mang đến tính thuận lợi và trao đổi thông tin, lan tỏa hình ảnh của hoạt động thư viện, truyền tải, tiếp nhận, chia sẻ những giá trị tri thức... để thu hút ngày càng đông đảo sự quan tâm của bạn đọc đến thư viện. Đây là nhiệm vụ quan trọng và được Thư viện quan tâm triển khai thực hiện và trở thành công cụ, hỗ trợ hữu hiệu trong thời gian qua, từ đó góp phần dần thay đổi thói quen giao tiếp và chia sẻ thông tin đến với bạn đọc.

Theo số liệu báo cáo, Thư viện Tổng hợp thành phố Huế có hiện có hơn 300.000 bản sách với hơn 100.000 tên sách; 131 tên báo, 598 tên tạp chí. Tính trong năm 2024, Thư viện đã thực hiện cấp khoảng 5.000 thẻ bạn đọc; tổng lượt phục vụ bạn đọc: 22.295 lượt/77.485 lượt sách, báo luân chuyển; phối hợp với các đơn vị và các trường học trên địa bàn tỉnh phục vụ 14 điểm lưu động. Triển khai đồng bộ các công đoạn xử lý tài liệu trên phần mềm quản lý thư viện điện tử với tổng số là hơn 245.430 biểu ghi và được lưu trữ an toàn trên hệ thống máy chủ. Số lượng dữ liệu này hằng năm vẫn được quan tâm, bổ sung.

Bên cạnh công tác phục vụ tại chỗ, Thư viện là đầu mối triển khai công tác luân chuyển tài liệu đến các thư viện huyện, thư viện trường học, các trại giam, trại tạm giam trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin nói trên, bên cạnh việc tổ chức phương thức phục vụ theo hình thức truyền thống như phục vụ bạn đọc tại chỗ, luân chuyển... thì các hình thức phục vụ mới thông qua các nền tảng mạng xã hội, các dịch vụ kèm theo cũng cần được hình thành để nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện. Bởi vì, thông qua công tác này cơ quan thư viện có thể tiếp nhận các ý kiến góp ý, phản hồi giải đáp thắc mắc, để khắc phục các hạn chế trong công tác phục vụ, giúp bạn đọc dễ tiếp cận đến các dịch vụ của thư viện, nguồn tài liệu của thư



Liên kết các trang mạng xã hội facebook, fanpage với Trang thông tin điện tử của Thư viện Tổng hợp

viện được sử dụng có hiệu quả, giá trị của tài liệu phát huy tác dụng; vị trí, vai trò xã hội của thư viện ngày càng được khẳng định; mối quan hệ gắn kết với người sử dụng với thư viện.

Hiện nay, Thư viện Tổng hợp đang triển khai thực hiện cùng lúc nhiều nền tảng mạng xã hội và Trang thông tin điện tử, cụ thể tại các địa chỉ:

Fanpage: <https://www.facebook.com/thuvientonghopththue/>

Facebook: <https://www.facebook.com/vien.thu.50999405>

Zalo Official Account có tên: Thư viện Tổng hợp thành phố Huế

Youtube: <https://www.youtube.com/@thuvientonghop6466>

Trang thông tin điện tử của đơn vị: thuvien.hue.gov.vn

Fanpage, zalo official account và facebook là những nền tảng mạng xã hội có thể cập nhật thông tin, theo dõi sự kiện hoạt động của các thư viện và mở rộng phạm vi liên kết và thiết lập trao đổi trực tuyến với người sử dụng. Đây là một số trang tin mạng xã hội của đơn vị nhằm cung cấp, trao đổi thông tin giữa thư viện và bạn đọc trên môi trường mạng. Bên cạnh việc sử dụng quảng bá các hoạt động trên nền tảng facebook thông qua fanpage, thư viện tổng hợp tỉnh đăng ký kênh youtube để đăng tải các video giới thiệu tài liệu sách chuyên đề, các tác phẩm video dự thi của các em học sinh theo các chương trình khác nhau.

Từ những kết quả đạt được trong quá trình quản lý, khai thác các công cụ hỗ trợ trên các nền tảng mạng xã hội; liên kết với các trang mạng xã hội với Trang thông tin điện tử... trong năm lượt truy cập đạt được của Trang thông tin điện tử đạt hơn 1,0 triệu lượt, nâng tổng số truy cập trên trang hơn 6,2 triệu lượt; số lượt theo dõi của bạn đọc đến thời điểm hiện tại là trên fanpage là hơn 2 nghìn lượt, facebook là hơn 1,2 nghìn lượt, kênh youtube có gần 4 nghìn lượt đăng ký. Ngoài ra, hàng năm, trong công tác phục vụ bạn đọc, Thư viện Tổng hợp đã tiếp nhận và hướng dẫn, trả lời hàng trăm lượt câu hỏi, ý kiến, phản hồi của bạn đọc trên nền tảng mạng xã

hội; trong đó có những hoạt động liên quan đến các thủ tục về mượn, trả tài liệu, những ý kiến đánh giá nhận xét về chất lượng cũng như công tác phục vụ bạn đọc tại đơn vị, từ đó có sự điều chỉnh trong công tác phục vụ bạn đọc và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

2. Giải pháp để nâng cao ứng dụng mạng xã hội trong hoạt động thư viện

Thứ nhất: Duy trì tốt hoạt động các trang mạng xã hội do Thư viện thành phố quản lý. Các nội dung đưa tin trên các trang mạng xã hội của thư viện phải bảo đảm tính thống nhất, kịp thời.

Thứ hai: Khai thác thế mạnh của mạng xã hội, triển khai có hiệu quả các dịch vụ trên Trang thông tin điện tử, cần liên kết tích hợp giữa các nền tảng mạng xã hội với Trang tin thông tin điện tử; kết nối hệ thống các trang tin trong hệ thống thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, thư viện trường học.

Thứ ba: Quản lý thông tin trên các trang mạng xã hội cần có tính mở, thực hiện chia sẻ dữ liệu theo hướng hai chiều để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên hiện có, xây dựng và tiếp nhận nguồn tài nguyên thông tin trong hệ thống ngày càng phong phú hơn để phục vụ có hiệu quả nhu cầu của bạn đọc.

Thứ tư: Chú trọng chọn lọc và xây dựng các nội dung tuyên truyền, thông tin tuyên truyền cần ngắn gọn, cần có lợi ích rõ ràng, dễ nắm bắt và dễ lan tỏa bằng các công cụ truyền thông đa phương tiện như hình ảnh, video, đồ họa.

Thứ năm: Tạo liên kết, chia sẻ thông tin qua các trang mạng xã hội có uy tín và có lượt tham gia, theo dõi lớn của cộng đồng, trong đó chú trọng các trang mạng xã hội của các tổ chức, các trang cá nhân được chứng thực, xác thực bằng các nhà mạng (như công cụ tích xanh trên facebook của cá nhân, tổ chức).

Thứ sáu: Đánh giá sự quan tâm, theo dõi các hoạt động được đăng tải qua nền tảng mạng xã hội thông qua công cụ đếm lượt theo dõi của người sử dụng trên các nền tảng mạng, từ đó có định hướng để xây dựng các nội dung tuyên truyền phù hợp với bạn đọc trong thời gian đến.

Thứ bảy: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của viên chức thực hiện công tác quản trị, bộ phận phụ trách các nền tảng mạng xã hội do đơn vị quản lý; phát triển các kiến thức kỹ năng, công cụ hỗ trợ của nền tảng mạng xã hội cho viên chức thư viện. Thành lập các nhóm (group) để chia sẻ lan tỏa thông tin sau khi được đăng tải. Tuyên truyền, vận động viên chức, bạn đọc chủ động, tích cực theo dõi, chia sẻ thông tin được đăng tải tại các trang mạng xã hội của đơn vị trên các trang tin, tài khoản mạng xã hội của cá nhân.

Thứ tám: Tiếp tục có những biện pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động truyền thông, đặc biệt là thông tin trên mạng xã hội. Xem công tác truyền thông trên nền tảng mạng xã hội là một nhiệm vụ quan trọng và cần có đầu tư nguồn lực, có kế hoạch thực hiện hàng năm trong hoạt động của đơn vị.

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, sử dụng mạng xã hội trong công tác tuyên truyền hoạt động thư viện là tất yếu khách quan và là định hướng phù hợp với xu thế phát triển khoa học công nghệ và thông tin, truyền thông. Nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và sức ảnh hưởng của công tác truyền thông trên nền tảng mạng xã hội để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của thư viện, góp phần truyền tải giá trị tài liệu tại các thư viện, giúp người sử dụng thuận lợi trong khai thác, phát huy nguồn tài nguyên thông tin có giá trị đang lưu trữ tại thư viện và lan tỏa giá trị văn hóa đọc đến với công chúng ngày càng sâu rộng hơn ■

GÌN GIỮ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN A LƯỚI

■ Bài và ảnh: HẰNG NGUYỄN

ALưới là một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, là nơi lưu giữ nhiều di tích lịch sử văn hóa, di tích chiến tranh cách mạng tiêu biểu. Vùng đất hội tụ những sắc màu văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và văn hóa ẩm thực của đồng bào các dân tộc anh em Pa Cô, Tà Ôi, Pa Hy, Cơ Tu... đã tạo nên cho mảnh đất này bức tranh văn hóa đa dạng, nhiều màu sắc, là bảo tàng sống về kiến trúc, về phong tục tập quán, sinh hoạt hàng ngày của đồng bào qua nhiều thế hệ.

Từ những chính sách phù hợp...

Là một huyện miền núi, biên giới phía Tây tiếp giáp với nước bạn Lào, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện A Lưới đã phát huy những tiềm năng, thế mạnh, tập trung mọi nguồn lực để bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và đã đạt được những kết quả đáng tự hào. Từ những chủ trương, chính sách chung của Trung ương, của tỉnh, huyện đã cụ thể hóa thành những chương trình, kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện. Trong đó, Đề án “*Bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số huyện A Lưới giai đoạn 2014-2020*” là một minh chứng sinh động cho nỗ lực của địa phương. Để thực hiện đề án này hiệu quả, các đơn vị chức năng mà chủ đạo là Phòng Văn hóa và Thông tin đã chủ động và tích cực tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về những nét văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc anh em ở A Lưới, tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội..., đồng thời, loại bỏ những hủ tục gây lãng phí và ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của Nhân dân. Kết thúc Đề án, đã vận động cán bộ nhân dân trên địa bàn huyện hiến tặng trên 330 hiện vật, trong đó hiện vật chiến tranh 213, hiện vật văn hóa truyền thống 82 hiện vật được trưng bày tại 03 nhà trưng bày hiện vật A Biah, A So, Trung tâm Sinh hoạt văn hóa các dân tộc thiểu số huyện. Cùng với đó, là việc khôi phục kiến trúc truyền thống của các dân tộc với mục tiêu tất cả các xã đều có nhà văn hóa truyền thống kết hợp với hiện đại (Moong, Roong, Guol) để tập trung đầu tư bảo tồn không gian văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Đã bảo tồn 09 nhà Roong truyền thống của dân tộc Tà Ôi, 3 nhà Guol truyền thống của dân tộc Cơ Tu, 04 nhà Moong truyền thống của dân tộc Pa Cô và có hơn 127 nhà vừa kết hợp kiểu kiến trúc truyền thống vừa hiện đại. Phục dựng thành công một số khu nhà Piing truyền thống dân tộc Pa Cô, Cơ Tu. Tổ chức mở 09 lớp truyền dạy dân ca, dân nhạc, dân vũ tại các xã trên địa bàn huyện, 03 lớp truyền dạy nghề điêu khắc, 04 lớp truyền dạy nghề đan lát thủ công truyền thống. Triển khai có hiệu quả Đề tài “Phân loại, đánh giá giá trị và thí điểm trưng bày các hiện vật văn hóa vật thể dân tộc thiểu số ở A Lưới” và Đề tài “Các kiểu kiến trúc nhà cộng đồng, nhà sàn, nhà dài truyền thống” để tạo không gian bảo tồn và thực hành văn hóa của cộng đồng các dân tộc.

Bên cạnh đó, huyện A Lưới thường xuyên quan tâm, củng cố và xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa, phát triển hệ thống thông tin đại chúng. Hệ thống thiết chế văn hóa về cơ bản được phủ khắp các xã, thị trấn với 140 nhà sinh hoạt cộng đồng, trung tâm văn hóa, nhà văn hóa phục vụ hoạt động lễ hội, văn hóa và thể thao cho nhân dân.



Nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm kết tinh giá trị văn hóa của vùng đất đã được bảo tồn, khôi phục và phát huy, phát triển tạo ra những sản phẩm độc đáo như nghề đan lát thủ công truyền thống, nghề dệt dềng của người Tà Ôi.

Để đảm bảo phát triển nhanh, bền vững, A Lưới chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa văn hóa và du lịch, tạo được mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu về văn hóa, môi trường cảnh quan. Huyện đã xây dựng nhiều phương án hỗ trợ phát triển du lịch homestay tại các làng văn hóa du lịch cộng đồng và một số hộ gia đình tại xã Hồng Kim, Hồng Hạ, A Roàng và Nhằm nhằm phát huy tiềm năng du lịch, đồng thời mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Huyện A Lưới đã xác định du lịch homestay phát triển góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, duy trì không gian mang tính cộng đồng, cải thiện môi trường sống, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể nhằm tôn vinh và giới thiệu về lịch sử, văn hóa và con người A Lưới.

...Đến hiệu quả từ giữ gìn các giá trị văn hóa.

Với những chính sách được triển khai hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, bước đầu đã đem lại những kết quả quan trọng. Truyền thống văn hóa, bản sắc văn hóa của từng dân tộc đã được bảo tồn khai thác, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các dân tộc được đẩy mạnh. Các lễ hội truyền thống tiêu biểu thường xuyên được duy trì khôi phục theo phong tục, tập quán của từng dân tộc như: Ariêu A Da, Ariêu Piêng, Ariêu Car, cưới hỏi, mừng nhà mới... Khôi phục tổ chức trình diễn tám tuổi và các nét sinh hoạt truyền thống dưới nước của đồng bào Pa Cô tại xã Hồng Kim, tái hiện thành công Lễ hội A Riêu Car sân khấu hóa truyền thống, lễ hội A Da lồng ghép nhân ngày hội Đại đoàn kết các dân tộc 18/11 hàng năm.

Cùng với việc bảo tồn giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc, huyện A Lưới chú trọng việc bảo tồn giữ gìn các di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn huyện. Với 33 di tích lịch sử cách mạng, trong đó di tích đường Hồ Chí Minh đi qua A Lưới đã được nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt. Với những nỗ lực của địa phương Nhà trưng bày kỷ vật chiến tranh tại 2 điểm A So và A Bia đã được xây dựng. Đây chính là

những địa chỉ đỏ để giáo dục truyền thống cách mạng cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Hoạt động tuyên truyền về văn hóa, du lịch gắn với xây dựng nếp sống văn minh du lịch luôn được đẩy mạnh, tuyên truyền cho nhân dân trên địa bàn biết trân trọng, giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Đã sưu tầm và phát hành sách “Truyện cổ Pa Cô”; thực hiện thành công Đề tài “Dịch chuyển lời 20 ca khúc viết về Đảng, Bác Hồ và ca ngợi quê hương A Lưới” từ lời Việt sang lời Pa Cô nhằm phát huy truyền thống văn hóa, cốt cách đồng bào các dân tộc, đưa văn hóa truyền thống thấm sâu vào đời sống xã hội. Sưu tầm, phát triển, tổ chức biểu diễn 15 thể loại dân ca, trên 16 dân nhạc, trên 12 dân vũ của đồng bào dân tộc thiểu số A Lưới với hơn 60 nghệ nhân am hiểu về lĩnh vực văn hóa vật thể, 70 nghệ nhân lớn tuổi am hiểu về lĩnh vực văn hóa phi vật thể. Các loại nhạc cụ dân tộc vẫn được sử dụng trong các buổi sinh hoạt giao lưu văn hóa, văn nghệ.

Không chỉ gìn giữ và phát huy văn hóa vật thể và phi vật thể mà văn hóa ẩm thực của các dân tộc thiểu số ở A Lưới hiện nay đã và đang được người dân bảo tồn và phát huy hiệu quả thông qua các dịp lễ hội, liên hoan ẩm thực cùng với những hoạt động phục vụ khách du lịch tại các làng du lịch cộng đồng.

Hiệu quả từ những chính sách của chính quyền, sự đồng lòng hưởng ứng của người dân đã đem lại những kết quả bước đầu quan trọng. Cộng đồng các dân tộc ở A Lưới đã “tự hào” về những giá trị văn hóa mà chính họ là chủ thể gìn giữ, sáng tạo và được “khoe” nét đẹp văn hóa ấy với bạn bè muôn phương. Thông qua những ngày hội các dân tộc thiểu số huyện A Lưới, ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch các dân tộc miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế hay góp mặt trong các Liên hoan nghệ thuật quần chúng, nghệ thuật dân gian, các kỳ Festival Huế, Festival nghề truyền thống Huế và các hoạt động ngoại giao do Trung ương, tỉnh tổ chức. Trang phục thổ cẩm truyền thống của các dân tộc được sử dụng hằng ngày trong lao động, sản xuất, các dịp lễ hội, sự kiện quan trọng. Dệt Zèng của người Tà Ôi, lễ hội A Za Koonh của người Pa Cô đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Sản phẩm Zèng A Lưới đã được các nhà thiết kế thời trang quan tâm, quảng bá rộng rãi đến các kinh đô thời trang thế giới... Nét đẹp văn hóa từ những bản làng vùng cao A Lưới đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách trong nước và quốc tế và từ những nét đẹp văn hóa ấy, lại gắn kết du khách khắp nơi đến với A Lưới.

Trong thời gian tới, để tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số huyện A Lưới và góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam, huyện A Lưới tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực nòng cốt cho công tác bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc thiểu số đây được xem là một trong những giải pháp quan trọng.

Chú trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa văn hóa và du lịch, tạo được mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu về văn hóa, môi trường cảnh quan, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững.

Thường xuyên nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn huyện về vai trò của giá trị văn hóa truyền thống, về bảo tồn, xây dựng và phát triển văn hóa, du lịch. Đồng thời, tăng cường hoạt động xã hội hóa, nguồn lực đầu tư xây dựng và củng cố các thiết chế văn hoá; liên kết hợp tác để thực hiện có hiệu quả bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác sưu tầm, biên soạn, quản lý lâu dài, số hóa và phổ biến các

giá trị văn hóa phi vật thể và phi vật thể có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tập thể, cá nhân, tổ chức, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống và truyền dạy nghề trên cơ sở khai thác, phổ biến nghệ thuật truyền thống. Hỗ trợ và tạo điều kiện về vật chất cho các đơn vị hoạt động văn hóa ở cơ sở.

Đề cao vai trò của các nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng tham gia với vai trò then chốt trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy văn hóa qua truyền dạy, bồi dưỡng và tập huấn, hội thi sáng tác, khuyến khích bằng tiếng dân tộc.

Công tác bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số A Lưới đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Để đảm bảo thành công cho giai đoạn 2 của đề án, huyện A Lưới cần triển khai những biện pháp quyết liệt và hiệu quả cùng với các địa phương trong tỉnh nỗ lực thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, mục tiêu mà huyện A Lưới hướng đến là tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số huyện A Lưới thành ngành kinh tế mũi nhọn ■

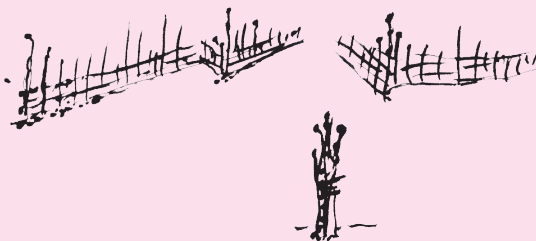
NGUYỄN QUỲNH THY

Tết với làng Chuồn

Gói bao mứt, nắn, vui, buồn
Gói vào đây cả trời tròn, đất vuông
Làng Chuồn hương nếp thơm ngon
Tay em khéo léo gói khuôn bánh dày.

Tiếng tăm rượu nếp bầy nay
Tết về lại có bánh dày, bánh chưng
Làng nghề truyền thống cha ông
Rượu ngon, bánh dẻo thùy chung đến giờ.

Làng Chuồn - miền đất nên thơ
Nghe tên quê đã muốn mơ... bay thành...
Đầu xuân... rót rượu mời anh
Nhâm nhi vị Tết... mà thành... duyên nhau.



PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA GIA ĐÌNH, THỰC HIỆN HIỆU QUẢ BỘ TIÊU CHÍ ỨNG XỬ TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

■ DƯƠNG HỒNG LAM

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 đã khẳng định: Gia đình là tế bào của xã hội; nơi duy trì nòi giống; môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách con người và lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa của dân tộc; là nền tảng xây dựng xã hội hạnh phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển bền vững.

Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình Việt Nam là cơ sở, nền tảng để thực hiện mục tiêu đề ra của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, góp phần xây dựng con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp, phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi để các gia đình nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, tiếp cận các giá trị tốt đẹp của nền văn hóa, văn minh nhân loại và các thành tựu của khoa học - công nghệ, hướng tới xây dựng và củng cố gia đình trở thành cái nôi giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc.

1. Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình Việt Nam ra đời đúng thời điểm

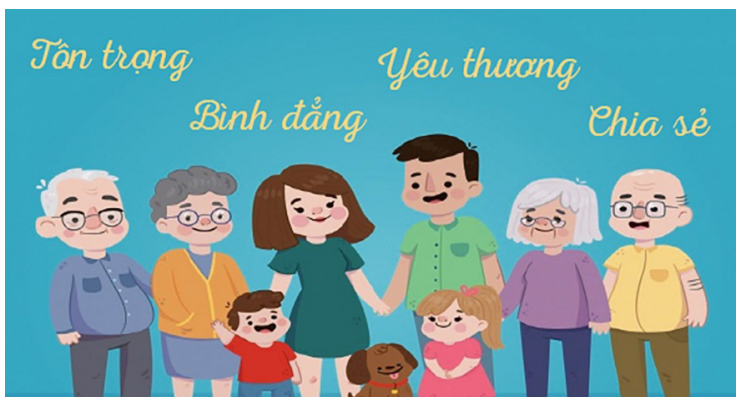
Gia đình là tế bào xã hội, là kết quả của hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng. Gia đình cũng chính là nền tảng xã hội, một kết cấu xã hội nhỏ nhất nhưng có quan hệ chặt chẽ và bền vững nhất trong xã hội. Mỗi gia đình chính là một tế bào của xã hội. Tế bào khỏe mạnh thì sẽ tạo dựng một xã hội lành mạnh, phát triển bền vững. Một khi nền móng gia đình không vững chắc, thì hẳn nhiên, hậu quả dẫn đến là những xáo trộn, bất ổn trong xã hội, nảy sinh những vấn đề tiêu cực, nguy cơ nảy sinh tệ nạn trong xã hội. Do đó việc chăm lo cho công tác gia đình là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng một xã hội phát triển bền vững, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Thực tiễn trong thời gian gần đây cho thấy, nền tảng gia đình đang đối mặt với nhiều nguy cơ và thách thức. Theo các chuyên gia xã hội học, có nhiều nguy cơ mà hiện các gia đình đang phải đối mặt, có thể kể đến lối sống công nghiệp, con người cuốn vào cuộc sống mưu sinh, các thành viên trong gia đình thiếu thời gian dành cho nhau. Sự bùng nổ của công nghệ, sự phổ biến của các thiết bị di động thông minh và các phương tiện giải trí, làm giảm sự tương tác trực tiếp của các thành viên trong gia đình. Sự biến đổi trong nhiều quan niệm xã hội và khoảng cách thế hệ; bạo lực gia đình, các vấn đề về tài chính, sự mất cân bằng giới tính, sự mất kết nối về mặt tình cảm trong một xã hội sống vội và giá trị vật chất lên ngôi... là tiếng chuông cảnh báo về những nguy cơ và thách thức trong quan hệ gia đình, văn hóa gia đình, xói mòn đạo đức lối sống gia đình, dẫn đến những bất ổn về xã hội. Đó chính là những rào cản, những tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững trong gia đình Việt Nam hiện nay.

Trong bối cảnh chung và trước nguy cơ, thách thức đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

liệt đã có Quyết định số 224/QĐ-BVHTTDL ngày 28/01/2022, ban hành Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình. Bộ Tiêu chí nhằm xác định và từng bước đưa vào cuộc sống các chuẩn mực giá trị đạo đức, văn hóa con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; củng cố ý thức pháp luật, đề cao đạo đức, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước; tăng cường sự gắn kết các mối quan hệ gia đình, ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức trong gia đình và xã hội.

Việc ban hành chính thức Bộ Tiêu chí sau khi thực hiện thí điểm ở một số địa phương, đã góp phần nâng cao nhận thức về xây dựng, giữ gìn hạnh phúc bền vững của mỗi gia đình, khơi gợi tình yêu thương, chia sẻ trách nhiệm giữa các thành viên gia đình với mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, làm nền tảng xây dựng cộng đồng hạnh phúc, quốc gia phồn vinh, hạnh phúc.



Bộ Tiêu chí đưa ra bốn yếu tố thiết yếu là: Tôn trọng, Bình đẳng, Yêu thương và Chia sẻ. Trong đó, nguyên tắc “Tôn trọng”: Đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, phẩm giá, quan điểm, sự lựa chọn và lợi ích của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; tôn trọng những sở thích, đam mê, công việc của nhau... Nguyên tắc “Bình đẳng”: Có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó; bình đẳng trong trách nhiệm, nghĩa vụ gia đình... Nguyên tắc “Yêu thương”: Có tình cảm gắn bó, quan tâm, chăm sóc nhau. Nguyên tắc “Chia sẻ”: Cùng nhau vun đắp tình cảm, chia sẻ vui buồn, đồng cam cộng khổ, giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn.

Bộ Tiêu chí còn đưa ra những tiêu chí chi tiết cho mỗi mối quan hệ, như tiêu chí ứng xử của vợ, chồng đề cao sự chung thủy, nghĩa tình. Trong mỗi quan hệ giữa cha mẹ với con, ông bà với cháu cần đến sự gương mẫu, yêu thương. Giữa con cháu với ông bà cần hiếu thảo, lễ phép. Giữa anh chị em cần hòa thuận, chia sẻ.

Bên cạnh đó là đẩy mạnh truyền thông, lan tỏa Bộ Tiêu chí với nhiều khẩu hiệu tuyên truyền được đưa ra, như “Ứng xử trong gia đình: Tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ”; “Vợ, chồng chung thủy, nghĩa tình”; “Cha mẹ, ông bà gương mẫu, yêu thương con cháu”; “Con, cháu hiếu thảo, lễ phép với cha mẹ, ông bà”; “Anh, chị, em trong gia đình hòa thuận, chia sẻ”; “Hành động vì gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”; “Gia đình - nơi của yêu thương và chia sẻ”; “Giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa ứng xử tốt đẹp trong gia đình”; “Xây dựng nhân cách người Việt Nam từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình”...

Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình được xem là “tấm khiên” bảo vệ gia đình, là kim chỉ nam cho các hành vi, lối sống của mỗi cá nhân, mỗi thành viên trong gia đình. Từ đó giúp gia đình trở nên hòa thuận, hạnh phúc; góp phần xây dựng một xã hội văn minh,

tiền bộ, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

2. Gia đình Huế và những giá trị văn hóa gia đình truyền thống được bảo tồn, lưu giữ là nền tảng thuận lợi để thực hiện Bộ Tiêu chí ứng xử

Mô hình gia đình truyền thống Việt Nam được hình thành, phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử, chịu nhiều tác động của đời sống xã hội và các điều kiện khách quan. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, quan hệ ứng xử văn hóa trong gia đình truyền thống Việt Nam đây đó vẫn được gìn giữ và phát huy qua nhiều thế hệ và được duy trì trong hiện tại. Đặc biệt là ở những vùng đất có truyền thống và bề dày lịch sử, văn hóa. Huế cũng là một trong những địa phương vẫn còn lưu giữ những giá trị đặc trưng của văn hóa gia đình truyền thống, tiêu biểu cho đất nước, con người Việt Nam trước nhiều biến đổi của đời sống xã hội. Trong ý thức bảo tồn, bảo lưu những giá trị văn hóa di sản, gìn giữ truyền thống gia đình có những quan điểm bảo thủ, thủ cựu của con người Huế lại là một lợi thế so với những địa phương khác trong triển khai các mục tiêu xây dựng gia đình phát triển bền vững.

Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, tốc độ đô thị hóa gia tăng; mật độ dân cư thay đổi và biến thiên theo nhu cầu tìm kiếm công việc và cuộc sống... Những điều này đã dẫn đến những biến đổi rất lớn kết cấu, tính bền vững của gia đình. Ngày nay, mỗi cá thể, thành viên trong gia đình, luôn bận rộn với công việc, với mưu sinh, với công danh, kinh tế, cuốn theo công việc, cuốn theo các mối quan hệ trong xã hội, sao nhãng dần các mối quan hệ dòng tộc, gia đình. Bên cạnh đó là những tác động và ảnh hưởng của công nghệ, thiết bị giải trí di động thông minh... khiến cho tình cảm cha mẹ, con cái, anh chị em, tình cảm gắn bó dòng tộc có phần nào phai nhạt.

Bên cạnh đó, các thế hệ hiện nay đi làm việc, lập nghiệp xa quê, dẫn đến ít tham gia việc làng, việc họ, giỗ chạp trong gia đình. Đây cũng chính là nguyên nhân khiến cho mối quan hệ gia đình, mối quan hệ thân tộc không còn gắn bó, mật thiết như xưa. Quan niệm về cuộc sống gia đình, quan hệ gia đình cũng đơn giản hơn, ít có sự ràng buộc về trách nhiệm và khắt khe như trước đây.

Ngoài ra, với lối sống hiện đại, xu hướng lập gia đình cũng có những thay đổi. Độ tuổi kết hôn ngày càng cao, phổ biến tình trạng sống đơn thân, không lập gia đình. Tình trạng ly hôn có xu hướng gia tăng, làm cho mô hình gia đình, kết cấu gia đình biến đổi theo hướng giảm dần về quy mô, kết cấu thiếu chặt chẽ. Những mô hình gia đình “tứ đại đồng đường”, “tam đại đồng đường” hầu như không còn nữa, hoặc số lượng rất ít. Thay vào đó là mô hình gia đình hạt nhân chỉ có một hoặc hai thế hệ ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt là tại các đô thị hiện đại. Thực trạng này cũng tác động rất lớn đến sự phát triển mang tính bền vững của gia đình. Ít nhiều ảnh hưởng đến xã hội, làm nảy sinh những vấn đề trong cuộc sống gia đình và quan hệ xã hội.

Khác với các đô thị lớn và các vùng miền khác, Huế vốn là vùng đất có bề dày lịch sử lâu đời và chiều sâu văn hóa. Chính những giá trị văn hóa và lịch sử vùng đất đã hun đúc, hình thành những giá trị văn hóa gia đình, nền nếp gia phong, mang những dấu ấn đặc trưng và bản sắc riêng, là nền tảng hình thành nên cốt cách gia đình truyền thống Huế và được xem là hình mẫu, biểu trưng khi nhắc đến gia đình truyền thống Việt Nam.

Những phẩm chất, những nét đẹp văn hóa, nề nếp gia phong, phong tục tập quán, văn hóa ứng xử... của gia đình Huế là những giá trị được kết tinh qua nhiều thế hệ, lưu giữ, bảo tồn và phát huy trong đời sống đương đại. Đây chính là cơ sở quan trọng để khẳng định tính bền vững, tính gắn kết của gia đình truyền thống Huế, là tấm bình



phong, là thành trì vững chắc, tấm khiên ngăn chặn và bảo vệ trước những tác động của lối sống hiện đại, những ảnh hưởng tiêu cực, tệ nạn xã hội, xâm nhập vào đời sống gia đình. Cũng chính vì thế mà những tệ nạn xã hội, tình trạng bạo lực gia đình... hầu như rất ít gặp đối với gia đình truyền thống ở Huế.

Những đặc điểm nổi bật của gia đình truyền thống Huế bắt nguồn từ vùng đất văn hóa, lịch sử lâu đời. Đặc biệt vùng đất từng là Kinh đô của triều đại phong kiến Việt Nam hàng trăm năm, đã hình thành những giá trị đạo đức gia đình, gia lễ, gia phong riêng, tạo nên sự khác biệt, mang những giá trị đặc trưng so với các tỉnh, thành khác của Việt Nam. Người Huế coi gia đình và dòng tộc giữ một vị trí vô cùng quan trọng, trong đó tinh thần cộng đồng trong dòng họ trở thành cốt lõi của đạo đức gia đình truyền thống. Sự hòa hợp trong gia đình hay việc sinh con đẻ cái luôn chịu tác động rất nhiều từ dòng họ, gia tộc, kể cả việc chú trọng quan hệ thứ bậc, tôn ti trật tự, trách nhiệm, nghĩa vụ của từng cá nhân, gia đình đối với việc nhà, việc họ, việc làng.

Ở Huế, sự ràng buộc về quan hệ gia đình, dòng tộc vẫn được duy trì, thông qua các hoạt động lễ nghi, ma chay, cưới hỏi, giỗ chạp... Sợi dây kết nối giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ vẫn được duy trì chặt chẽ. Việc làng, việc họ vẫn được các thế hệ đặc biệt quan tâm, “ly hương bất ly tổ”, các thế hệ vẫn luôn hướng về cội nguồn và có trách nhiệm đầy đủ. Vào những dịp này, các thế hệ con cái đều sắp xếp công việc, tề tựu đông đủ để thể hiện lòng hiếu kính và cùng chung tay đóng góp các khoản một cách tự nguyện. Chính thông qua các hoạt động lễ nghi, thờ cúng, giỗ chạp, ngoài yếu tố tâm linh còn giáo dục sự hiếu nghĩa, biết ơn đấng sinh thành và sống có đạo đức, thắt chặt quan hệ huyết thống, khích lệ và động viên các thế hệ con cháu luôn làm những việc thiện nguyện, tu tâm, tích đức...

Ngày nay, văn hóa gia đình Huế có sự thay đổi nhất định. Vai trò của người phụ nữ trong gia đình cũng được nâng lên và khẳng định. Vợ chồng đều bình đẳng trong

cộng việc, tham gia hoạt động xã hội, có trách nhiệm bình đẳng trong việc gia đình, việc họ, việc làng, việc xã hội. Bên cạnh việc duy trì và bảo lưu những thói quen về quan hệ cha mẹ và con cái, đề cao sự tôn kính tổ tiên, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, thủy chung giữa vợ chồng, hướng về cội nguồn quá khứ; trong các gia đình ngày nay đang lại có xu hướng vươn tới những quan niệm mới, phù hợp với đời sống văn minh hiện đại, đề cao lợi ích, hạnh phúc, nguyện vọng và tính độc lập của mỗi cá nhân, vợ chồng lấy tình yêu làm cơ sở, dân chủ bàn bạc trong mọi việc, tôn trọng ý kiến con cái. Mỗi quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình hiện nay đang trở thành xu hướng chính của văn hóa gia đình mới. Mỗi quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là mối quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con cái ngày càng dân chủ hơn, vợ chồng tôn trọng nhau; bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, yêu thương đùm bọc nhau, cùng nhau chia sẻ trách nhiệm; cha mẹ lắng nghe con cái, giảm bớt tính gia trưởng, độc đoán.

Sự “gạn đục, khơi trong” về các giá trị chuẩn mực văn hóa gia đình đang là xu hướng tích cực. Gia đình hiện đại ngày càng phát triển trên nền tảng gia đình truyền thống vẫn được xem là cơ bản và vững chắc ở Huế. Những giá trị văn hóa làng, giá trị văn hóa truyền thống vẫn được lưu giữ, phát huy trong đời sống đương đại, góp phần giáo dục về gìn giữ gia phong, lễ giáo, lễ nghi truyền thống tốt đẹp của gia đình. Trong mỗi gia đình hiện đại, vẫn luôn giáo dục, tuyên truyền về ý thức hiếu kính tổ tiên, tôn trọng hiếu thảo các bậc sinh thành như bố mẹ, ông bà, trở thành một nét văn hóa mà mỗi gia đình, dòng tộc và cộng đồng đang quyết tâm gìn giữ với quan điểm “giấy rách phải giữ lấy lề”.

3. Phát huy truyền thống gia đình, nề nếp gia phong gia đình để thực hiện hiệu quả Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình

Với lợi thế là vùng đất văn hóa, lịch sử lâu đời, đã hình thành và hun đúc những giá trị văn hóa gia đình truyền thống mang đặc trưng riêng, tiệm cận với các chuẩn mực mà Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình đề ra. Những nét đẹp trong ứng xử gia đình đã hình thành nên những giá trị thiêng liêng, đó là sự hòa thuận, chung thủy, tình nghĩa vợ chồng, sự yêu thương, hy sinh cho con cái, tôn trọng và hiếu lễ với ông bà, cha mẹ. Chính gia lễ, gia phong ấy là cái gốc giữ cho con người Việt Nam, gia đình và xã hội sức sống mạnh mẽ và sự tôn kính với cội nguồn.

Do vậy, nếu khai thác, phát huy tốt truyền thống gia đình, nề nếp, gia phong, văn hóa gia đình, sẽ là một lợi thế để lan tỏa các giá trị văn hóa gia đình truyền thống tốt đẹp, góp phần thực hiện thành công Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình, nhanh chóng đưa Bộ Tiêu chí đi vào cuộc sống.

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các giá trị gia đình truyền thống Việt Nam, gia đình truyền thống Huế

Với lợi thế là vùng đất có bề dày lịch sử và chiều sâu văn hóa, Huế hiện còn gìn giữ những nét đẹp trong văn hóa gia đình. Những giá trị đó nếu tiếp tục được hun đúc trong từng gia đình, dòng tộc, sẽ là điều kiện thuận lợi để phát huy những giá trị, chuẩn mực trong truyền thống văn hóa gia đình, duy trì mô hình gia đình truyền thống với những đặc trưng và tính chất tốt đẹp, góp phần xây dựng gia đình phát triển bền vững.

Để thực hiện được điều này, cần thiết phải đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về những giá trị gia đình truyền thống, văn hóa ứng xử trong gia đình truyền thống thông qua sinh hoạt dòng tộc, sinh hoạt gia đình. Từ đó lan tỏa và nhân rộng ra

cộng đồng và xã hội.

Cần xác định, chọn lọc những giá trị tốt đẹp để bảo tồn, gìn giữ phát huy, gạn đục khơi trong để khuyến khích và nhân rộng trong cộng đồng.

3.2. Nghiên cứu, phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam, con người Huế; hệ giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị gia đình truyền thống Huế

Đây cũng là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của chiến lược phát triển văn hóa, con người, gia đình trong tình hình mới hiện nay. Đặc biệt trong bối cảnh xã hội chịu nhiều tác động và hình thành những chuẩn mực gia đình mới. Biến đổi xã hội cũng dẫn đến sự mất đi của một số giá trị, chuẩn mực không còn thích hợp và hình thành nên những giá trị, chuẩn mực xã hội mới, cùng với quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, đã làm giàu thêm các giá trị, chuẩn mực của văn hóa Việt Nam. Điều này tác động tích cực đến đời sống văn hóa gia đình, đời sống văn hóa tinh thần đa dạng, phong phú, các thành viên trong gia đình có nhiều lựa chọn và thụ hưởng văn hóa. Do đó, cần tiếp tục quán triệt, tuyên truyền nội dung hệ giá trị Việt Nam được thể hiện qua các văn kiện của Đảng về xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Trên cơ sở đó, nghiên cứu, chọn lọc và đúc kết, xây dựng hệ giá trị văn hóa Huế, gia đình Huế, con người Huế, để làm khung và thước đo đánh giá, soi chiếu cho mọi người, mọi gia đình.

3.3. Xây dựng các mô hình triển khai Bộ Tiêu chí trên cơ sở phát huy giá trị văn hóa gia đình truyền thống

Để triển khai hiệu quả Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình, cần thiết phải triển khai xây dựng, hình thành được các mô hình hiệu quả để nhân rộng, thay vì triển khai đồng loạt, nặng về hình thức, phong trào, thiếu chiều sâu và thực chất sẽ không đem lại hiệu quả thiết thực.

Ngoài các biện pháp như tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông, báo chí, thì cần đẩy mạnh tuyên truyền thông qua các hội nhóm mà các thành viên tham gia như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội hưu trí, các mô hình câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ phòng chống tệ nạn xã hội... đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung và sinh động về cách thức tổ chức.

Trước hết phải làm tốt công tác truyền thông về Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình gắn với tuyên truyền, lan tỏa những giá trị văn hóa gia đình, thuần phong mỹ tục từ bao đời của ông cha ta để lại, để làm cho mọi người nhận thức và thấy được vai trò, tính thiết thực, sự gần gũi với cuộc sống của mỗi người, gia đình, cộng đồng và xã hội. Việc thực hiện tốt Bộ Tiêu chí không phải là hình thức, là phong trào mà phải để Bộ Tiêu chí thấm thấu, ăn sâu vào tiềm thức, suy nghĩ của mỗi người, Bộ Tiêu chí chính là những chuẩn mực, thước đo để xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, thúc đẩy đất nước phát triển bền vững.

3.4. Gắn việc thực hiện Bộ Tiêu chí ứng xử với phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa”, đưa các tiêu chí vào quy ước, hương ước văn hóa trong cộng đồng dân cư.

Việc triển khai Bộ Tiêu chí ứng xử cần thiết phải gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động xây dựng làng thôn bản văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa. Những tiêu chí đó phải gắn với thực tiễn cuộc sống và được cộng đồng chấp nhận như một hệ quy chiếu, một chuẩn mực mà mọi người, mọi nhà phải tuân thủ thực hiện một cách tự nguyện. Chứ không phải là hoạt động chỉ mang

tính phong trào, thành tích cộng đồng, làng xã như lâu nay mọi người vẫn hiểu.

3.5. Lồng ghép việc thực hiện Bộ Tiêu chí vào sinh hoạt làng xã, dòng tộc, gia đình, để lan tỏa nhiều thế hệ, nhiều dòng tộc, tạo sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng.

Gia đình, mỗi cá nhân trong gia đình, dòng tộc đều có sự gắn bó chặt chẽ trong mối quan hệ huyết thống. Do vậy, để Bộ Tiêu chí ứng xử đi vào cuộc sống, cần thiết phải làm tốt công tác truyền thông, vận động dòng tộc, làng xã cùng tham gia vào quá trình triển khai và giám sát thực hiện. Thông qua các hoạt động, sinh hoạt của làng xã, dòng tộc để thực hiện tuyên truyền, vận động triển khai trong từng gia đình, từng dòng họ. Xem đây là trách nhiệm của làng xã, dòng tộc, để xây dựng gia đình ngày càng phát triển bền vững, góp phần duy trì sự ổn định trong xã hội, cộng đồng.

3.6. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về Bộ Tiêu chí ứng xử trong thế hệ trẻ, gắn với chương trình giáo dục đạo đức lối sống trong học sinh, sinh viên về văn hóa Huế, con người Huế, truyền thống văn hóa gia đình Huế.

Tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong định hướng giá trị, giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên. Lồng ghép các nội dung truyền thông về Bộ Tiêu chí ứng xử gắn với tuyên truyền về văn hóa Huế, con người Huế, truyền thống văn hóa gia đình Huế trong các bậc học, để lan tỏa, nâng cao nhận thức và thực hiện các tiêu chí văn hóa ứng xử trong gia đình.

Cần sự tham gia, hưởng ứng tích cực của ngành Giáo dục và Đào tạo. Sự tham gia phải mang tính đồng bộ, trong nhiều cấp học và đưa vào một trong những nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, ứng xử, lồng ghép trong các môn học, các chương trình ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, vừa thiết thực, vừa mang lại hiệu quả thực tiễn.

3.6. Huy động sự vào cuộc, hưởng ứng tích cực và đồng bộ của các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương

Việc triển khai Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình có ý nghĩa quan trọng, là trách nhiệm của toàn xã hội, nhằm thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển gia đình trong tình hình mới, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng như vậy, do đó cần sự chung tay, vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể quần chúng và các địa phương. Các cấp các ngành tiếp tục quan tâm đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về nội dung Bộ Tiêu chí ứng xử; tầm quan trọng, ý nghĩa triển khai Bộ Tiêu chí từ mỗi gia đình và mỗi cá nhân trong cộng đồng. Lồng ghép và đa dạng hóa các hình thức hoạt động truyền thông để đạt được hiệu quả cao nhất, vận động sự tham gia tích cực của cộng đồng.

Những đặc trưng của gia đình truyền thống, những giá trị văn hóa gia đình xứ Huế đang là những điều kiện thuận lợi, cơ sở quan trọng để tổ chức thực hiện hiệu quả Bộ Tiêu chí ứng xử, phù hợp và đảm bảo các nguyên tắc chung và các tiêu chí cụ thể trong các mối quan hệ giữa các thế hệ trong một gia đình.

Do vậy, những người làm công tác gia đình ở cơ sở cần nhìn nhận, đánh giá, chất lọc để khai thác những yếu tố thuận lợi, hỗ trợ tích cực cho công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện Bộ Tiêu chí. Đưa Bộ Tiêu chí trở thành một nội dung không thể thiếu trong việc điều chỉnh các mối quan hệ gia đình, góp phần xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc và văn minh ■

XÂY DỰNG “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” GÓP PHẦN GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH HUẾ

■ HỮU UY

Phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa” (GĐVH) là một trong những nội dung trọng tâm của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Quán triệt tinh thần các Nghị quyết Trung ương về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế trực thuộc trung ương) đã quan tâm đến công tác đẩy mạnh và triển khai sâu rộng phong trào xây dựng GĐVH trên địa bàn toàn tỉnh. Đặc biệt trong những năm gần đây, phong trào đã được các cấp, các ngành, các đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, trở thành một phong trào rộng lớn trong xã hội, góp phần gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống gia đình Huế.

1. Kết quả sau hơn 20 năm triển khai phong trào xây dựng GĐVH trên địa bàn thành phố Huế

Phong trào xây dựng GĐVH trên địa bàn thành phố Huế trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành, các địa phương tích cực triển khai thực hiện và được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Các ngành, các cấp và mọi tầng lớp nhân dân nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí, chức năng của gia đình trong xã hội, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm về gia đình, phấn đấu xây dựng gia đình thực sự phát triển cả về kinh tế, văn hóa, tinh thần, làm động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua, các địa phương đã tăng cường và đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức trên hệ thống thông tin đại chúng, qua các buổi họp tổ, họp thôn và sinh hoạt đoàn thể nhằm vận động các hộ gia đình hưởng ứng tích cực phong trào xây dựng GĐVH. Tổ chức có hiệu quả việc đăng ký xây dựng GĐVH, ký cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của quy ước xây dựng làng, thôn, bản, GĐVH. Bên cạnh đó, các địa phương đã chú trọng đến công tác giáo dục ý thức chấp hành các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giáo dục ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Qua tuyên truyền vận động các GĐVH đã chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân cũng như quy chế, quy ước xây dựng nếp sống văn hóa của từng địa phương, tham gia tích cực các hoạt động văn hóa lành mạnh, đóng góp xây dựng thiết chế văn hóa, bảo vệ di tích, danh thắng; đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm và các tệ nạn xã hội.

Với những cố gắng và ý thức tự giác của GĐVH, tình trạng vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội do thiếu hiểu biết về pháp luật từng bước được hạn chế và đẩy lùi; việc tuân thủ kỷ cương phép nước và các quy định trong quy ước xây dựng làng, thôn, bản, GĐVH được duy trì chặt chẽ, tạo sự ổn định và nề nếp trong từng cộng đồng dân cư, từng làng, thôn, tổ dân phố, hình thành những khu vực dân cư không xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật, không có tội phạm, từng bước ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Phong trào xây dựng GĐVH trong thời gian qua với ba tiêu chí cơ bản là: *Giương mào chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;*

tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương; Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả. Cuộc vận động đã được tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong làng, thôn, bản, tổ dân cư, được quần chúng nhân dân đồng thuận cao và hưởng ứng tích cực.

Việc triển khai phong trào xây dựng GĐVH đã góp phần xây dựng, gìn giữ và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam, nhất là nề nếp gia phong của gia đình người dân Thừa Thiên Huế. nêu cao vai trò gương mẫu, trách nhiệm của các bậc cha mẹ, phát huy những phẩm chất đạo đức, lối sống tốt đẹp của mỗi người, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Phong trào xây dựng GĐVH của tỉnh trong những năm qua đã góp phần xây dựng môi trường sống lành mạnh, giữ gìn được nét đẹp văn hóa gia đình Việt Nam nói chung, văn hóa gia đình Huế nói riêng. Phong trào xây dựng GĐVH cũng là điều kiện tốt để vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các cuộc vận động khác, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, từng bước xây dựng con người Thừa Thiên Huế có tư duy, phong cách làm việc năng động, tích cực để vươn lên làm giàu chính đáng, từng bước xóa bỏ tình trạng đói nghèo.

Qua hơn 20 năm thực hiện phong trào, đến nay toàn tỉnh có 285.957/296.122 gia đình được công nhận đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 96,6% (so với tổng số gia đình đăng ký xây dựng gia đình văn hoá).

Nhiều phong trào lớn của các đoàn thể, các tổ chức xã hội ngày càng phát triển, đi vào chiều sâu và mang lại những hiệu quả thiết thực như “*giảm nghèo bền vững*”, “*xây dựng nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương*”, “*đền ơn đáp nghĩa*”, “*bình đẳng giới*”, “*chăm sóc sức khỏe - sinh sản*”, “*phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình*”, “*nuôi con khỏe, dạy con ngoan*”, “*khuyến học, khuyến tài*”... được quan tâm đúng mức thông qua việc lồng ghép các chương trình, dự án để nâng cao nhận thức giới, chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em,...

Toàn tỉnh hiện có gần 500 câu lạc bộ gia đình văn hóa sinh hoạt thường xuyên ở các thôn, tổ dân phố trong toàn tỉnh; có gần 200 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, trong đó có những câu lạc bộ lồng ghép nội dung phòng chống bạo lực gia đình. Ngoài ra còn có một số loại hình câu lạc bộ được tổ chức với các nội dung hoạt động liên quan đến tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công để phát triển kinh tế; vệ sinh môi trường. Các nội dung hoạt động này đã giúp cho phong trào xây dựng GĐVH đi vào chiều sâu, tạo nên hiệu quả và chất lượng của đời sống văn hóa ở cơ sở, là kênh chuyển tải thông tin quan trọng để các giá trị văn hóa thấm sâu vào nếp sống, lối sống của mỗi cá nhân và cộng đồng dân cư, hình thành những nét đẹp văn hóa mới. Các gia đình văn hóa tiêu biểu chính là những tấm gương sáng ở cộng đồng dân cư về phấn đấu thực hiện các tiêu chí gia đình ấm no, bình đẳng, hòa thuận, tiến bộ, hạnh phúc, đồng thời đây cũng là những nhân tố tích cực, quan trọng trong việc bảo vệ, gìn giữ các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc chống lại sự xâm nhập của xuất bản phẩm độc hại. Các gia đình văn hóa là cơ sở nền tảng cho việc xây dựng thành công thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị văn hóa trên địa bàn.

2. Xây dựng “Gia đình văn hóa” năm 2024 và những năm tiếp theo

Năm 2024 và những năm tiếp theo nội dung xây dựng GĐVH thực hiện theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn mới của Chính phủ và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể là Nghị định 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; Quyết định 33/2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

So với giai đoạn trước, xây dựng GĐVH năm 2024 và những năm tiếp theo dựa trên những văn bản có tính pháp lý cao hơn đó là Nghị định của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh (trước đây chỉ là hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Các tiêu chí, tiêu chuẩn gồm: I. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; II. Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương; III. Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng.

Đáng chú ý trong 3 tiêu chuẩn trên, tiêu chuẩn III, nội dung cụ thể mỗi gia đình phấn đấu thực hiện đó là: Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân và gia đình; Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới; Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn;... Những tiêu chuẩn này là cơ hội để mỗi gia đình phát huy bản sắc văn hóa của địa phương, góp phần gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống gia đình Huế.

Trên thực tế, ở giai đoạn nào thì xây dựng GĐVH luôn đóng góp quan trọng cho việc giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương như chính mục tiêu ban đầu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

Phát huy truyền thống văn hóa của một vùng đất có bề dày lịch sử, giàu tính nhân văn, phong trào xây dựng GĐVH trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những đóng góp tích cực cho việc gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống gia đình Huế. Nhiều mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu đã được xây dựng, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, thuần phong, mỹ tục được gìn giữ và phát huy. Khẳng định phong trào xây dựng GĐVH vừa phù hợp với truyền thống, đạo lý của dân tộc, vừa phù hợp với quy luật phát triển của xã hội. Hiệu quả của phong trào cho thấy đời sống xã hội ở mọi miền dân cư trên địa bàn tỉnh đã có những khởi sắc, tình làng nghĩa xóm được thắt chặt; mối quan hệ đoàn kết trong gia đình và cộng đồng được củng cố; kinh tế gia đình và xã hội có bước tăng trưởng rõ rệt, trình độ nhận thức xã hội được nâng cao; tác phong sinh hoạt thể hiện năng động hơn, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân ngày một nâng cao. Ở những nơi có phong trào xây dựng GĐVH phát triển mạnh thì những tệ nạn xã hội, những hủ tục lạc hậu cơ bản được loại trừ, những tập quán tốt đẹp được củng cố, tạo lập nề nếp gia phong và sự ổn định trong cuộc sống cộng đồng, an ninh trật tự được bảo đảm, kinh tế phát triển vững chắc, số hộ nghèo chiếm tỷ lệ thấp, thậm chí có làng không có hộ nghèo, bộ mặt xã hội khang trang, các công trình phúc lợi, cơ sở hạ tầng được xây dựng và củng cố mang lại sự thuận tiện trong sinh hoạt, no ấm trong kinh tế, phong phú trong đời sống tinh thần của người dân, góp phần đẩy mạnh công cuộc xây

dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh đô thị ở các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

Trước những biến đổi nhanh chóng về kinh tế - xã hội, cấu trúc và chức năng của gia đình đã có nhiều thay đổi, nhưng về cơ bản, mô hình gia đình truyền thống, gia đình “3 thế hệ” (ông bà, cha mẹ, con cái) cùng chung sống dưới một nếp nhà vẫn khá phổ biến ở Thừa Thiên Huế. Truyền thống, nề nếp gia phong vốn có của vùng đất Cố đô vẫn tiếp tục được duy trì, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình gắn bó, bền chặt. Đây chính là nền tảng quan trọng để phong trào xây dựng GĐVH trên địa bàn Thừa Thiên Huế phát triển bền vững.

3. Một số hạn chế và bài học kinh nghiệm

Phong trào Xây dựng GĐVH trong thời gian qua mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

Sự quan tâm chỉ đạo của một số địa phương, một số ngành đối với phong trào xây dựng GĐVH chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong quá trình triển khai thực hiện.

Năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của cán bộ ở một số nơi làm công tác tham mưu, hướng dẫn thực hiện phong trào còn nhiều hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, thiếu tính chủ động và tính linh hoạt. Cán bộ phong trào hầu hết đều kiêm nhiệm quá nhiều công việc nên việc theo dõi tình hình, đề xuất giải quyết công việc thiếu kịp thời.

Sự tác động của cơ chế thị trường và mặc trái của xã hội đã ảnh hưởng đến nhận thức về giá trị, coi trọng giá trị vật chất, giá trị đồng tiền, xem nhẹ giá trị truyền thống, nề nếp, gia phong của một số gia đình. Một bộ phận cán bộ, người dân, một số doanh nghiệp vẫn biểu hiện thái độ thờ ơ với phong trào xây dựng GĐVH, chỉ tham gia một cách chiếu lệ, qua loa.

Thực tế cho thấy nơi nào cấp ủy Đảng, chính quyền có sự quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện thì phong trào ở đó phát triển cả về số lượng và chất lượng. Từ sự quan tâm đó mà việc bố trí nguồn lực cho phong trào được tốt hơn, xem việc xây dựng gia đình văn hóa là cốt lõi cho việc phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung và việc gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống gia đình Huế nói riêng.

Xây dựng gia đình văn hóa trong giai đoạn mới đòi hỏi tính tự giác, tự nguyện cao trong mỗi hộ gia đình. Mỗi thành viên gia đình phải biết rõ các tiêu chí, tiêu chuẩn để đạt gia đình văn hóa là gì. Do đó công tác tuyên truyền, vận động là rất quan trọng, quyết định sự thành công của phong trào. Ở những địa phương có sự chú trọng công tác tuyên truyền cần sự đầu tư mạnh mẽ bằng nhiều hình thức; đặc biệt quan tâm đội ngũ làm công tác tuyên truyền, vận động ở cơ sở như Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận và các đoàn thể địa phương bởi đây là cánh tay nối dài của chính quyền địa phương trong việc đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với mỗi người dân.

Đặc biệt, quá trình thực hiện phải chú trọng xây dựng các mô hình, điển hình GĐVH để từ đó nhân rộng trên địa bàn, thường xuyên nêu cao tấm gương về tinh thần thái độ lao động, học, tập, công tác, sinh hoạt, đạo đức, lối sống, trách nhiệm đối với tập thể, tính gương mẫu của các bậc cha mẹ, ông bà trong gia đình, trong việc giáo dục và nuôi dạy con cháu. Đề cao vai trò của gia đình đối với xây dựng con người, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, gia đình Thừa Thiên Huế, tập trung xây dựng môi trường văn hóa gia đình lành mạnh, góp phần hình thành tư tưởng, đạo đức, lối sống của các thành viên trong gia đình ■



10 NĂM *Đình Làng Việt*

■ Bài và ảnh: **YÊN CHI**

Tròn 10 năm trước, ngày 1/9/2014, câu lạc bộ Đình Làng Việt được thành lập bởi một nhóm những người yêu văn hóa Việt Nam truyền thống xuất thân từ nhiều thành phần, nhiều nghề nghiệp khác nhau: Họa sỹ, kiến trúc sư, nhà phê bình nghệ thuật, nghệ nhân may áo, nghệ sỹ hát chèo, hát xẩm... Họ gặp gỡ và kết thân với nhau vì chung một tình yêu với di sản văn hóa dân tộc. Vậy rồi 10 năm qua, từ một nhóm người nho nhỏ, chủ yếu là làm ăn sinh sống tại Hà Nội, ngày nay câu lạc bộ Đình làng Việt đã trở thành một tổ chức xã hội nghề nghiệp hùng mạnh với hơn 30.000 thành viên, không chỉ đến từ khắp các tỉnh thành trong nước mà còn có cả những Việt kiều đang làm ăn sinh sống ở nhiều quốc gia trên thế giới...

10 năm qua Đình Làng Việt đã tham gia rất nhiều hoạt động có ý nghĩa nhằm bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị các di sản quý báu của dân tộc: Phản biện các dự án trùng tu, tu sửa di tích; lên tiếng mạnh mẽ chống lại sự du nhập mất kiểm soát của các yếu tố văn hóa ngoại lai từ mỹ thuật, trang phục, điện ảnh đến nhiều lĩnh vực xã hội khác. Đặc biệt, Câu lạc bộ Đình Làng Việt đã đi tiên phong trong việc quảng bá lan tỏa tình yêu áo dài truyền thống - áo dài ngũ thân (hay áo dài năm thân), một di sản quý của dân tộc. Các thành viên của Đình Làng Việt luôn nêu gương trong việc mặc đúng, mặc chuẩn áo dài Việt và sẵn sàng tư vấn cho những ai quan tâm đến áo dài. Và vì vậy, chính họ



đã góp phần rất quan trọng để chiếc áo dài truyền thống có sự hồi sinh mạnh mẽ trong cộng đồng mấy năm trở lại đây.

Đình Làng Việt cũng là một trong các tổ chức có sự kết nối, đồng hành mạnh mẽ với các cơ quan nhà nước. Từ năm 2020 đến nay, câu lạc bộ luôn gắn bó, đồng hành cùng Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế (nay là Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế) trong việc bảo tồn, quảng bá và tôn vinh áo dài truyền thống, đặc biệt là trong Tuần lễ Áo dài cộng đồng được tổ chức hàng năm. Và trong vài năm trở lại đây, câu lạc bộ lại phối hợp với Ban quản lý phố cổ Hà Nội, Sở Du lịch, Trung tâm bảo tồn di sản Hoàng thành Thăng Long... để tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch, như chương trình “Tết Việt Tết phố”, chương trình “Áo dài đạp xe kết nối du lịch và di sản Hà Nội” các năm 2023, 2024...

Cuối tháng 8 đầu tháng 9 này, nhân kỷ niệm 70 năm ngày Giải phóng thủ đô (1954-2024), 79 năm Quốc khánh đất nước, câu lạc bộ Đình Làng Việt đã tổ chức một chuỗi hoạt động kỷ niệm 10 năm thành lập của mình bao gồm hội thảo khoa học, tổ chức cho hội viên dân lễ ở đình So (di tích cấp quốc gia đặc biệt ở huyện Quốc Oai), chương trình đạp xe với áo dài kết nối du lịch và các di sản Hà Nội, Gala trình diễn nghệ thuật truyền thống và kỷ niệm 10 năm thành lập câu lạc bộ...

Dịp này câu lạc bộ cũng nhận được sự quan tâm, tham gia và động viên của nhiều cá nhân, tổ chức như một số ủy viên Hội đồng di sản văn hóa quốc gia, Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa Việt Nam, Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế, UBND quận Hoàn Kiếm và Ban quản lý phố cổ Hà Nội, Sở Du lịch Hà Nội...

10 năm tuy chưa phải là quãng thời gian dài nhưng đã chứng kiến sự lớn mạnh và phát triển vượt bậc của câu lạc bộ Đình Làng Việt. Bước vào giai đoạn mới, dưới sự lãnh đạo của Ban chủ nhiệm câu lạc bộ đứng đầu là Ths. Họa sỹ Nguyễn Đức Bình và một Ban cố vấn hùng hậu bao gồm PGS.TS Bùi Xuân Đính, TS Trần Đoàn Lâm... Câu lạc bộ chắc chắn sẽ càng phát triển mạnh mẽ và có nhiều đóng góp tích cực cho xã hội, nhất là trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống ■

THÀNH PHỐ HUẾ SAU 15 NĂM THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ NẾP SỐNG VĂN MINH ĐÔ THỊ (2009-2024)

■ Bài và ảnh: NGỌC KHỨ

Nếp sống văn minh đô thị là những quy tắc xử sự, các chuẩn mực đạo đức mang tính khuôn mẫu, hỗ trợ pháp luật điều chỉnh trực tiếp hành vi và cách ứng xử của người dân chốn đô thị. Nếp sống văn minh là kết tinh của nếp sống văn hóa, là thước đo về mặt nhận thức, ý thức của mỗi công dân đối với giữ gìn trật tự đô thị, chấp hành luật lệ an toàn giao thông, bảo vệ cảnh quan môi trường và xây dựng lối sống văn minh, thân thiện.

Trong tác phẩm *Đời sống mới*, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “*Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì mới cũng làm hết. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ, ví dụ: Ta phải bỏ hết những tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý, thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ ta phải giảm bớt đi. Cái gì mới mà hay thì ta phải làm, thí dụ: Ăn ở hợp vệ sinh, làm việc ngăn nắp*”...

Thành phố Huế có lịch sử hình thành và phát triển cách đây hơn 700 năm; quá trình hình thành và phát triển Huế là dưới thời các chúa Nguyễn từ năm 1558 đến năm 1775. Sau năm 1975, Huế là tỉnh lỵ của tỉnh Bình Trị Thiên (cũ) gồm 18 phường, 22 xã; đến năm 1989, Thừa Thiên tách khỏi tỉnh Bình Trị Thiên, Huế là thành phố tỉnh lỵ của Thừa Thiên - Huế gồm 18 phường, 05 xã và 27 phường; ngày 24/9/1992, Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận thành phố Huế là đô thị loại II và đến ngày 24/8/2005, thành phố Huế trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 27/4/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 về việc điều chỉnh địa giới các ĐVHC cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính và sắp xếp, thành lập các phường, thành phố Huế có 266,46 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 500.649 người; có 36 ĐVHC cấp xã, gồm 29 phường và 07 xã. Ngày 30/11/2024 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023-2025, trong đó TP Huế chia thành 2 Quận: Phú Xuân và Thuận Hóa.

Phong trào Ngày Chủ nhật xanh được lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng

Trải qua thời gian dài vận động và phát triển, nếp sống cung đình đã dần dần hình thành nên cốt cách đặc trưng của người Huế và biến đổi theo hướng hiện đại, văn minh và phù hợp với nếp sống chốn thị thành.

Ngày 28/8/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 209/2005/QĐ-TTg về công nhận thành phố Huế là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiếp đó, ngày 30/8/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 143/2007/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án xây dựng thành phố Huế thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam.

Đây là những văn bản có giá trị về khung pháp lý, là cơ sở để định hướng xây dựng thành phố Huế phát triển theo hướng đô thị văn minh. Để góp phần đưa chủ trương của Trung ương vào thực hiện và để thực hiện bước chuyển trong xây dựng nếp sống văn minh đô thị, ngày 18 tháng 12 năm 2008, tại Kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân



Đường Điện Biên Phủ, phường Trường An, quận Thuận Hóa, thành phố Huế thông thoáng, khang trang

thành phố Huế khóa X đã thông qua đề án xây dựng nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Huế và xác định mục tiêu: (1) Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo chuyển biến cơ bản trong việc thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường văn hóa tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, giữ gìn phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, đồng thời thúc đẩy thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội đưa thành phố Huế xứng đáng với vị thế đô thị loại I, thành phố Festival của Việt Nam; (2) Tăng cường công tác giáo dục nâng cao ý thức của người dân thành phố Huế, tập trung xây dựng các hành vi ứng xử văn hoá- văn minh và phòng chống các hành vi vi phạm nếp sống văn minh đô thị; làm cho mỗi công dân có ý thức chấp hành luật pháp, tôn trọng quy định, quy ước của cộng đồng, ứng xử, giao tiếp có văn hóa trong từng gia đình, thôn, làng, tổ dân phố, từng cơ quan, đơn vị, nơi học tập, làm việc và sinh hoạt công cộng.

Đề cụ thể hóa Nghị quyết của HĐND Thành phố, ngày 14/3/2009, UBND thành phố Huế (trước khi chia tách và thành lập 2 quận) đã ban hành Quyết định số 576/2009/QĐ-UBND về Quy định nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Huế với 5 Chương và 12 Điều, điều chỉnh trực tiếp các hành vi trên các lĩnh vực: (1) Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị; (2) Bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị; (3) Nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, bài trừ tệ nạn xã hội và có tác dụng điều chỉnh với nhóm đối tượng là tất cả các tổ chức, cá nhân Việt Nam (kể cả tổ chức, cá nhân nước ngoài) đang sinh sống, làm việc trên địa bàn thành phố Huế, người vắng lai và du khách.

Năm 2016, để tăng cường công tác chỉ đạo triển khai thực hiện nếp sống văn minh đô thị trong giai đoạn mới, Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 24 tháng 6 năm 2016 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2016-2020”. Tiếp đó, để đưa chủ trương của Thành ủy về nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn vào đời sống nhân dân, ngày 17/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định 6113/2016/QĐ-UBND Quy định về đốt và rải vàng mã trên địa bàn thành phố Huế.

Sau hơn 15 năm kiên trì, bền bỉ triển khai thực hiện, nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn thành phố đã tác động toàn diện đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua việc

thực hiện đã xuất nhiều mô hình hay, cách làm tốt trong công tác dân vận về thực hiện nếp sống văn minh đô thị; nhiều phong trào, các cuộc vận động quần chúng ra đời đã nâng cao ý thức thị dân; nhiều gương điển hình tiên tiến được biểu dương và nhân rộng; bộ mặt đô thị Huế ngày càng ngăn nắp, khang trang, gọn gàng; ý thức chấp hành pháp luật và nghĩa vụ thực hiện Quy ước Khu dân cư văn hóa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng được nâng lên; tạo thế và lực để thành phố Huế thực hiện tốt các Chương trình trọng điểm về phát triển đô thị và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân cố đô, khơi dậy tinh thần thi đua thực hiện tốt nếp sống văn minh đô thị trong các cấp, các ngành từ thành phố đến cơ sở.

Trật tự đô thị, an toàn giao thông trở thành nếp sống thường nhật, mang tính tự giác cao trong cộng đồng dân cư

Để giữ gìn cho thành phố luôn ngăn nắp, gọn gàng, song song với việc phổ biến, quán triệt trong các cấp, các ngành và đưa Quy định nếp sống văn minh đô thị vào đời sống, Lãnh đạo thành phố đã tập trung chỉ đạo các Phòng, ban, các đơn vị, Mặt trận Tổ quốc thành phố và chính quyền các phường, xã tăng cường vận động, đẩy mạnh tuyên truyền bộ quy định trên hệ thống thông tin cơ sở. Đồng thời, UBND thành phố đã triển khai các hoạt động ra quân chấn chỉnh trật tự xây dựng, cương quyết xử lý tình trạng lấn chiếm đất công cộng, xây dựng nhà trái phép, sai quy hoạch, thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành và chuyên ngành để xử lý các trường hợp vi phạm. Tổ chức sắp xếp, bố trí các hoạt động kinh doanh trên vỉa hè và lòng đường tại các tuyến đường đảm bảo hạ tầng và mật độ giao thông, góp phần ổn định tình hình trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố.

Qua triển khai thực hiện, nhiều phương án hiệu quả về trật tự đô thị, an toàn giao thông đã được hình thành và nhân rộng như phương án kẻ, vẽ 100% các tuyến đường có vỉa hè đủ điều kiện về độ rộng, đảm bảo để phương tiện quay đầu ra ngoài theo đúng quy định, phương án đỗ xe ngày chẵn và ngày lẻ nhằm giảm áp lực cho các tuyến đường trung tâm đã mang lại hiệu quả rất cao, góp phần ổn định tình hình trật ATGT tại các tuyến đường trong thời gian qua.

Tình trạng “xe dù, bên cóc” nếu trước đây xuất hiện nhan nhản tại các điểm đón trả khách, gây bất bình trong dư luận và nhân dân thì đã được chính quyền thành phố chỉ đạo xử lý dứt điểm thông qua công tác kiểm tra và tổ chức kẻ vẽ bố trí sắp xếp các vị trí đậu đỗ xe xích lô tạo điều kiện tốt cho nghiệp đoàn xích lô trong việc vận chuyển và đón trả khách, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Tình trạng “mái che, mái vẩy” dần dần được sắp xếp, chỉnh trang đảm bảo sự đồng bộ và mỹ quan đô thị. Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức đồng loạt các hoạt động ra quân lập lại trật tự đô thị, an toàn giao thông thu hút sự tham gia và hưởng ứng tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý tình trạng lấn chiếm vỉa hè được người dân đồng tình ủng hộ cao, qua đó được nâng cao ý thức của người dân trong công tác đảm bảo TTĐT, lấn chiếm vỉa hè trái phép để kinh doanh.

Giữ gìn vệ sinh môi trường và bảo vệ cảnh quan đô thị trở thành cuộc vận động lớn, thu hút sự quan tâm, chủ động tham gia của người dân.

Qua 15 năm triển khai, trên địa bàn thành phố đã xuất hiện nhiều phong trào về bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị như Đề án Ngày Chủ nhật xanh: Phương thức đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định; phổ biến mức xử lý vi phạm hành chính các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường; mức giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; “Nói không với sản phẩm ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng



Thành lập Mô hình Điểm xanh văn hóa nhằm tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp, từng bước nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh đô thị cho người dân trên địa bàn

01 lần”; Tuyên phố không rác; phong trào dân vận khéo; mô hình chi hội Phụ nữ “5 không - 3 sạch”; mô hình chiếu sáng trong xóm; mô hình đốt vàng mã trong thùng; phong trào bảo vệ môi trường; mô hình hạn chế sử dụng túi nilông; mô hình nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần; hưởng ứng phong trào Ngày chủ nhật Xanh,... Những cuộc vận động và phong trào mang tính quần chúng được hình thành, lan tỏa và trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục trong hệ thống

chính trị từ thành phố đến khu dân cư, thu hút sự quan tâm tham gia của đông đảo nhân dân. Đây cũng là điểm sáng về xây dựng ý thức thị dân, là điểm giao thoa giữa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước với tinh thần tự giác, tự thực hiện của người dân, cũng là minh chứng cho sự đúng đắn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố đối với quốc kế dân sinh, giải quyết bức xúc của người dân về xây dựng thành phố Huế ngày càng xanh - sạch - sáng, có nếp sống văn minh đô thị.

Nếp sống văn minh trong ứng xử, việc cưới, việc tang và lễ hội

Chuyển mình từ đô thị có nếp sống nông thôn sang đô thị, trước thời điểm thành phố Huế ban hành Quy định về nếp sống văn minh đô thị, vẫn còn đó những tàn dư lối sống lạc hậu, không bắt kịp xu hướng văn minh, kể cả trong cách cư xử, ứng xử. Quy định nếp sống văn minh đô thị đã tạo nên “hành lang nhận thức” đầy đặn, hỗ trợ pháp luật kịp thời điều chỉnh những lĩnh vực mà pháp luật chưa điều chỉnh hoặc điều chỉnh thiếu hiệu quả.

Trong việc cưới, những hủ tục thách cưới, mâm cỗ xa xỉ đã dần nhường chỗ cho các thủ tục văn minh hơn như báo hỷ thay cho mời tiệc, tiệc cưới gọn nhẹ, đơn giản, tránh lãng phí.

Trong việc tang, đám tang dài ngày đã nhường chỗ cho đám tang không quá 3 ngày. Các nghi thức cúng, quảy linh đình, tốn kém đã được hạn chế, tình trạng đốt vàng mã tràn lan, rải vàng mã vô tội vạ trên đường đưa tang đã dần chấm dứt. Nếp sống văn minh đã tác động tích cực, toàn diện đến các hủ tục, tập quán vốn được xem là ăn sâu, bén rễ và khó “cải tạo”.

Trong thực hiện nếp sống văn minh về lễ hội, những lễ hội cũ không còn phù hợp với nhịp sống thị thành đã được hạn chế, những phong tục tốt đẹp được khôi phục và nhân rộng.

Với sự dày dạn trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, thành phố đã chủ trương lồng ghép, đưa các quy định về xây dựng nếp sống văn minh đô thị vào quy ước tổ dân phố văn hóa, qua đó nhằm phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư; góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ tại cộng đồng,

đề cao vai trò tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân, có ý nghĩa tích cực trong giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, tác động lớn đến các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tệ nạn xã hội và nghiêm chỉnh chấp hành quy định về an toàn giao thông, trật tự đô thị, đặc biệt là chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. Hướng dẫn các phường sửa đổi, điều chỉnh quy ước tổ dân phố văn hóa theo hướng lồng ghép các tiêu chí về xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xây dựng đời sống văn hóa, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình,... vào quy ước tổ dân phố văn hóa và xem đó là những tiêu chí tích cực.

Được lồng ghép với việc triển khai phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Đề án xây dựng nếp sống văn minh đô thị đã bước qua năm thứ 15 tổ chức thực hiện tại địa bàn thành phố Huế. Việc triển khai xây dựng quy chế văn hóa nơi công sở, quy chế xây dựng và phát huy các danh hiệu văn hóa đã góp phần thay đổi nhận thức của cán bộ công chức và nhân dân trong quá trình thực hiện nếp sống văn hóa, kỷ cương pháp luật. Ý thức của người dân trong việc cưới, việc tang và lễ hội đã từng bước được nâng cao, các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan dần dần được đẩy lùi và xóa bỏ. Đề án xây dựng nếp sống văn minh đô thị được triển khai thực hiện đã góp phần hình thành nếp sống văn hóa mới, bài trừ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng hình ảnh con người Huế văn minh, lịch sự, mến khách và có văn hóa trong giao tiếp ứng xử. Công tác



giữ gìn trật tự đô thị, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường được Thành phố chú trọng triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả.

Xây dựng nếp sống văn minh đô thị Huế luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của

Thành ủy và UBND Thành phố. Nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác xây dựng nếp sống văn minh đô thị được tiếp tục phát huy và nhân rộng. Nhiều danh hiệu về nếp sống văn minh đô thị được thực hiện thường xuyên, đồng bộ và gắn liền với công tác gìn giữ, phát huy danh hiệu như “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, Chợ văn minh thương mại; “Tuyến phố văn minh đô thị”... Thông qua các hạt nhân về nếp sống văn minh đô thị, Thành phố vinh dự được công nhận là “Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam”, “Thành phố Văn hóa ASEAN”, “Thành phố bền vững môi trường ASEAN”, “Thành phố du lịch sạch ASEAN”, “Thành phố Xanh quốc gia” và các danh hiệu vinh dự cao quý khác.

Thành phố Huế đã chia thành thành 2 Quận: Thuận Hóa và Phú Xuân, nếp sống văn minh đô thị sẽ tiếp tục được phát triển lên một mức độ mới. Chúng ta nhìn nhận sự việc trên ở khía cạnh tích cực để chung sức, đồng lòng xây dựng con người Huế chuẩn mực trong hành vi ứng xử, thật sự là tấm gương kiểu mẫu về ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, chấp hành luật lệ an toàn giao thông, bảo vệ trật tự đô thị. Nếp sống văn minh đô thị sẽ là đòn bẩy để Huế tiến xa hơn, phát triển hơn trên hành trình Huế luôn luôn mới ■

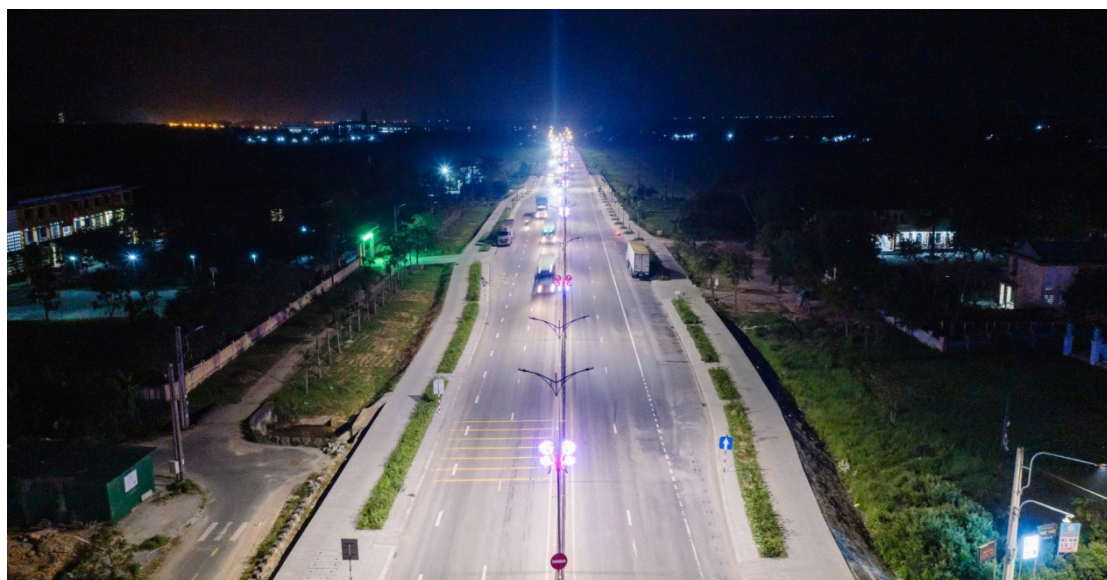
PHONG ĐIỀN SẴN SÀNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ XÃ “CỬA NGÕ PHÍA BẮC” CỦA THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

■ Bài và ảnh: VĂN KHÁNH TRÌNH¹

Những ai đã sống và làm việc ở Huế đều biết đến Phò Trạch, trung tâm thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền từng nổi tiếng với các quán ăn, nhà hàng cho khách thập phương và những chuyến xe đường dài xuyên Việt. Những sôi động ở thị trấn này bây giờ đã lan tỏa tạo đà cho một vóc dáng xứng tầm đô thị động lực phía Bắc tỉnh.

Tạo dáng vóc Thị xã

Tuyến đường Phong Điền - Điền Lộc dài hơn 16,2km, điểm đầu giao với QL1A đoạn qua thị trấn Phong Điền và điểm cuối đến bãi biển xã Điền Lộc, với tổng vốn hơn 568 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước đang thi công vào chặng cuối sẽ kết



Đô thị Phong Điền vào ban đêm

nối trung tâm huyện lỵ và biển. Người dân ở địa phương háo hức chờ đợi bởi không xa nữa nó sẽ hoàn tất, khi mọi vướng mắc về mặt bằng đã được tháo gỡ. Cùng với “huyết mạch” này, nhiều tuyến đường dân sinh và những công trình hạ tầng phúc lợi được đầu tư, nâng cấp mở rộng khang trang... Ngoài tuyến chính, công trình có thêm các hạng mục làm cầu dân sinh, cầu vượt đường sắt, nút giao... Thời gian thi công vừa qua do biến động về vật giá nên đầu năm 2024, HĐND tỉnh đã quyết nghị điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư thêm 100 tỷ đồng. Mục đích tăng thêm vốn dịp này nhằm hỗ trợ tái định cư, bổ sung các hạng mục lề đường, dây phân cách, cây xanh liên quan...

Theo chuyến khảo sát tuyến đường, chúng tôi cảm nhận rõ một “đại lộ” thênh thang, thông suốt băng qua những rừng keo trầm, trắng cát ở xã Phong Chương và những ô

1. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã Phong Điền.

ruộng ở xã Diên Lộc xuôi về hướng biển, công trình hiện nay đã cơ bản hoàn thiện các hạng mục.

Anh Nguyễn Văn Phong, ở thôn Nhất Phong, xã Phong Chương chia sẻ: “Từ khi có tuyến Phong Diên - Diên Lộc, từ nhà anh lên Khu công nghiệp Phong Diên làm việc chỉ mất khoảng chừng 10 phút. Trước đây, muốn lên thị trấn Phong Diên thì phải đi theo tuyến Tỉnh lộ 6, mất gần nửa giờ đồng hồ. Giao thông thuận lợi không chỉ rút ngắn khoảng cách, thời gian mà còn tạo cơ hội cho người dân trong vùng giao thương, buôn bán dễ dàng hơn...”.

Ông Hồ Ngọc Nam, một hộ dân ở thị trấn Phong Diên sống bên tuyến đường kết nối Phong Diên - Diên Lộc kỳ vọng, con đường sẽ tạo động lực liên vùng phát triển. “Từ ngày tuyến Phong Diên - Diên Lộc hiện rõ hình hài, người dân địa phương nhận định đây là tuyến đường ước mơ của bao năm qua đã thành hiện thực, là tuyến đường có quy mô lớn nhất ở địa phương”, ông Nam nói.

Nhiều năm nay, bằng nỗ lực xây dựng và phát triển hạ tầng tạo bộ khung cho vùng lõi đô thị, diện mạo các xã đã đổi thay từng ngày, khang trang mang dáng phố, với nhu cầu phát triển theo hướng công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch đã tạo dáng vóc thị xã cho Phong Diên.

Là người địa phương, nên tôi hiểu ngọn rễ ở vùng đất này. Từ năm 2018, khi tuyến đường Phong Diên - Diên Lộc khởi công và những tuyến “huyết mạch” nối trục Đông - Tây làm thức dậy nhiều kỳ vọng cho cả một vùng, hứa hẹn sẽ khép kín hệ thống giao thông liên vùng nối từ núi đến đồng bằng và đồng bằng về biển. Thấy rất rõ khi tuyến Phong Diên - Diên Lộc hoàn thiện, sẽ nối với cao tốc Cam Lộ - La Sơn qua TL9 và vào Khu công nghiệp Phong Diên; xuôi về phía biển. Từ đây kết nối cụm Ngũ Diên và đường ven biển Bắc Nam của tỉnh dài hơn 100km nối từ Phong Diên đến Phú Lộc - nơi giàu tiềm năng đất đai, hệ sinh thái nuôi trồng thủy, hải sản.

Những cánh cửa bắt đầu mở. Cảng biển Diên Lộc được quy hoạch xây dựng trong vài năm tới để tiếp nhận tàu có trọng tải 50 nghìn tấn; Khu công nghiệp Phong Diên được mở rộng ra thu hút thêm nhiều nhà đầu tư, tập đoàn lớn. Vùng đồi Sơn - Xuân - Mỹ được quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề, cùng với các dự án phát triển du lịch sinh thái, hồ thác, di tích lịch sử vùng chiến khu xưa... Gần đây, tỉnh tiếp đón nhiều tập đoàn kinh tế nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư, phát triển các dự án du lịch, dịch vụ ở vùng cát Diên Lộc, Phong Bình, Phong Chương... với diện tích hàng nghìn hecta.

Có thể nói, “đại lộ” Phong Diên - Diên Lộc cũng là một trong những đáp án cho kết quả thực hiện xây dựng khu vực phía Bắc tỉnh nhà trở thành thị xã, đô thị loại IV, góp phần đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2025 theo Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị.

Nỗ lực giảm nghèo

Bên cạnh việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, trong hành trình xây dựng trở thành thị xã, huyện Phong Diên đặt mục tiêu hạ tỷ lệ giảm nghèo xuống còn 1,75% vào cuối năm 2024.

Ông Nguyễn Văn Lương, Trưởng phòng LĐ-TB&XH huyện Phong Diên (nay là thị xã Phong Diên) cho biết, cuối năm 2023, toàn huyện Phong Diên còn 615 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,05%; trong đó, có 462 hộ không có khả năng lao động, 2 hộ có đối tượng là người có công cách mạng; giảm 245 hộ so với kế hoạch đề ra là 122 hộ. Hộ cận nghèo còn 996 hộ, chiếm tỷ lệ 3,32%; trong đó, có 530 hộ không có khả năng lao động,



Cơ sở hạ tầng trung tâm xã Diên Lộc, thị xã Phong Điền

21 hộ có đối tượng là người có công cách mạng. Hộ cận nghèo giảm 125 hộ, tỷ lệ giảm 0,41% theo kế hoạch. Đến nay, toàn huyện không còn địa phương nào có tỷ lệ hộ nghèo trên 5%. Khu vực thành thị hộ nghèo còn 0,21%. Xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là Diên Hương 4,93%, xã có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất (không phải thành thị) là Phong Hải với tỷ lệ 0,84%.

Trên cơ sở chỉ tiêu đề ra, các cấp, các ngành phối hợp với các địa phương rà soát chọn hộ và đưa ra các giải pháp phù hợp với thực trạng, phân công nhiệm vụ cho từng ngành, từng thành viên Ban chỉ đạo Giảm nghèo bền vững huyện để tiếp cận, hỗ trợ giúp đỡ để thoát nghèo bền vững vào cuối năm.

Hiện, Phong Điền tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp để đem lại hiệu quả thiết thực cho người nghèo, cận nghèo, góp phần giảm nghèo đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Trong đó, giải pháp về hỗ trợ vốn vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được địa phương tập trung thực hiện.

Ngoài ra, các đoàn thể cấp huyện huy động nguồn lực chung tay hỗ trợ giúp hộ nghèo phát triển mô hình sinh kế và tặng quà cho con em hộ nghèo. Các chính sách về hỗ trợ nhà ở, miễn giảm học phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội cho các đối tượng yếu thế, hỗ trợ tiền điện và nhiều hỗ trợ khác đã được triển khai thực hiện đúng người, đúng thời điểm, đúng quy định.

Bên cạnh đó, Phong Điền cũng đã kết hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp, vận dụng đúng, đảm bảo nguồn ngân sách và các nguồn lực khác, việc đưa tỷ lệ hộ nghèo Phong Điền xuống còn 1,75% đến cuối năm 2024 sẽ đạt mục tiêu đề ra. Cụ thể, năm 2024 giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,3%, tương đương giảm 89 hộ nghèo và còn 526 hộ đến cuối năm 2024, chiếm tỷ lệ 1,75%. Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 0,62%, tương đương giảm 187 hộ, đạt tỷ lệ 2,7% đến cuối năm 2024.

Ưu tiên hoàn thành sớm các tiêu chí

Trên cơ sở Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 69 của



Ngành nông nghiệp ngày càng được cơ giới hóa trong sản xuất

Tỉnh ủy, Phong Điền đã tập trung vào các đề án, quy hoạch và các chương trình trọng điểm góp phần xây dựng thành phố Huế trực Trung ương. Với hướng đi của mình, Phong Điền sáp nhập, phân định lại để giảm từ 16 xã, thị trấn thành 12 đơn vị hành chính xã, phường, gồm 6 phường là: Phong Thu (thị trấn Phong Điền và xã Phong Thu); Phong Hải (xã Điền Hải và Phong Hải); Phong Phú (xã Điền Lộc và Điền Hòa); Phong Hòa; Phong An; Phong Hiền và các xã còn lại, trong đó xã Điền Môn và xã Điền Hương sẽ được sáp nhập và có tên gọi mới là xã Phong Thạnh.

Mỗi đô thị phường đều có chức năng, vai trò riêng phù hợp với điều kiện, đặc điểm thực tế của từng địa phương để tính toán, đảm bảo khớp nối hạ tầng, vừa tạo động lực để từ xã nâng lên phường, đáp ứng các tiêu chí cụ thể cho đô thị.

Theo ông Nguyễn Đình Bách - Chủ tịch UBND huyện Phong Điền (2024), xây dựng Phong Điền trở thành thị xã là mục tiêu xuyên suốt của Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Phong Điền lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025. Trong đó, phát huy nội lực, kết hợp với huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư đang được Phong Điền tập trung thực hiện để đạt các tiêu chí đô thị loại IV, hoàn thành mục tiêu xây dựng Phong Điền trở thành thị xã trước năm 2025.

Người dân thị trấn Phong Điền và các vùng lân cận đang nỗ lực đi những bước đi dài. “Tâm thức phố” đã bắt đầu hình thành bằng sự chuyển dịch về lao động, việc làm, bằng những nếp sống mới hưởng ứng phong trào xây dựng văn minh đô thị. Các địa phương đã trong tư thế “đi trước một bước” bằng việc chuẩn bị, kiện toàn bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý đô thị cho giai đoạn đến, trong đó ưu tiên hoàn thành sớm các tiêu chí phường đối với các địa phương đã quy hoạch đô thị.

Và hơn hết là Phong Điền tìm cách giải quyết sớm, dứt điểm các vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình tạo động lực: đường Phong Điền - Điền Lộc; nâng cấp mở rộng các TL11B, TL6, TL9, TL17; các khu tái định cư và những chương trình, dự án trọng điểm đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đô thị mới - cửa ngõ phía Bắc

LÀNG HƯƠNG THỦY XUÂN

NÉT ĐẸP VĂN HÓA TÔ THẨM THÊM HÌNH ẢNH CỦA MẢNH ĐẤT CỔ ĐÔ

■ Bài và ảnh: XUÂN TRƯỜNG

Trong không khí tiết trời nắng đẹp những ngày đầu Xuân, chúng tôi ghé thăm làng hương Thủy Xuân (Huế), nơi đây ngập tràn sắc màu của những bó hương (nhang) được những người thợ sắp xếp thành từng tầng lớp, tạo nên một cảnh tượng đẹp mắt, lạ thường.

Làng hương Thủy Xuân nằm trên con đường Huyền Trân Công Chúa, gần đồi Vọng Cảnh. Đây cũng là làng hương lớn nhất xứ Huế, nổi tiếng với nghề làm hương trầm hàng trăm năm nay. Theo lời kể của những nghệ nhân tại làng hương Thủy Xuân Huế, nghề làm hương đã xuất hiện tại đây từ khoảng từ 700 năm trước dưới thời nhà Nguyễn. Xưa kia, làng là nơi cung cấp hương cho triều đình, phủ quan và người dân trong vùng Thuận Hóa, Phú Xuân.

Những bó “hoa” hương ngập tràn sắc xuân

Dù đã trải qua rất nhiều biến động thời gian nhưng làng hương Huế này vẫn tiếp tục được lưu giữ và phát triển. Từng thế hệ cha truyền con nối thay nhau làm nên những cây hương trầm thơm ngát, phục vụ đời sống tâm linh của người dân địa phương cũng như ngoài tỉnh.

Những ngày này, làng hương Thủy Xuân ở quận Thuận Hóa lại rộn ràng vào “vụ





chính” để phục vụ người dân, du khách dịp lễ rằm, đầu tháng và dịp tết nguyên đán. Đây là nơi làm hương trầm nổi tiếng nhất vùng đất Cố đô Huế. Đến làng hương vào những ngày này nhất và là những ngày cuối năm, từ xa, mùi hương trầm thơm đã phảng phất trong gió. Trải qua một năm với quá nhiều khó khăn, những biến động xã hội và thời tiết bất lợi, con đường làng Thủy Xuân năm nay có phần rục rờ hơn mọi năm. Do nhu cầu của thị trường trong nước dịp này và Tết Nguyên đán vẫn cao nên nhà nào nhà nấy đều đang tất bật sản xuất hương để cung cấp cho hàng trăm cơ sở tôn giáo, thờ tự và cộng đồng.

Theo cụ Tùng một người làm hương cao niên ở làng hương Thủy Xuân, “Ngày bình thường thì ở làng không bày biện, trang trí chi hết. Nhưng mà những ngày gần Tết, khách du lịch cũng đông lại rồi nên mới bày ra cho họ chụp ảnh, quảng bá cho làng mình”.

Bà Tôn Nữ Ánh Tuyết (72 tuổi), người có hơn 60 năm làm hương, chia sẻ, phục vụ thị trường năm nay bà làm hơn 2.000 bó và *cao điểm vào dịp tết cổ truyền* thì số lượng sẽ nhiều hơn. Hương được các thương lái ở nhiều địa phương trong cả nước liên hệ đặt mua. Hương trầm có giá 260.000 đồng/1.000 cây. Công đoạn đầu tiên để làm ra một que hương là khâu chọn nguyên liệu. Nguyên liệu thường dùng gồm ngũ vị thuốc bắc với quế chi, thảo quả, nụ tùng, đinh hương, hoa hồi, bạch đàn, quế hòa với nước, trộn lại với nhau tạo nên bột hương. Tiếp đó là công đoạn làm lõi hương, lõi hương được làm từ ruột tre chẻ nhỏ đều tăm tắp, phơi nắng nhiều ngày để khô và giòn, tre làm lõi hương là tre già lấy từ rừng. Bột hương sau khi được trộn dẻo với các nguyên liệu sẽ được se quanh các lõi hương, se sao cho vừa đủ mỏng và dính tròn, sau đó đem đi phơi nắng. Theo bà Ánh Tuyết, ban đầu hương chỉ có màu nâu và đỏ, nhưng nay với việc pha trộn các màu thì có thể tạo nên những cây hương với nhiều màu sắc như tím, vàng, xanh lục, hồng... Với nhiều màu sắc, khi trưng bày các bó hương được xếp lại sẽ tạo

thành những “rừng hương” bắt mắt. Đây chính là yếu tố quan trọng trong việc thu hút sự tò mò của du khách.

Tại làng hương, nếu muốn, du khách sẽ được tận mắt chứng kiến các công đoạn làm ra một cây hương. Từ khâu tuyển chọn nguyên liệu, bao gồm ngũ vị thuốc bắc với quế chi, thảo quả, nụ tùng, đinh hương, hoa hồi; ngoài ra còn kèm thêm cả vỏ quả bưởi rừng, hoa bưởi khô, quế, bạch đàn... để làm nên bột hương. Sau đó đến công đoạn làm lõi hương. Lõi hương được làm từ ruột tre chẻ nhỏ, phơi nắng nhiều ngày để khô và giòn.

Nét đẹp văn hóa tô thắm thêm hình ảnh của mảnh đất Cố đô

Có dịp ghé thăm làng hương Thủy Xuân trong những ngày này và dịp cận tết, chúng tôi được chứng kiến không khí nhộn nhịp ở làng hương hàng trăm năm tuổi này. Những người thợ tất bật hoàn thành những công đoạn làm hương để kịp cho thị trường tiêu thụ, cùng với đó những bó hương được mang đi phơi nắng sắp xếp thành nhiều tầng lớp chồng lên nhau với nhiều màu sắc rực rỡ, đẹp như một tấm thảm lụa được dệt bằng hương vậy.

Tiếng cười nói rộn ràng của một vài du khách cùng với tiếng phát ra từ những chiếc máy làm hương như làm cho không khí nơi này trở nên vui nhộn. Thi thoảng, một vài mối lấy hàng đến đặt hàng. Nhiều người làm hương trầm ở Thủy Xuân cho biết, nghề truyền thống làm quanh năm, nhưng thời điểm cận kề tết cổ truyền dân tộc, công suất tăng hơn theo nhu cầu của người mua. Vừa nâng niu những que tăm hương tròn đều, có mùi hương dễ chịu, bà Ánh Tuyết cho biết thêm, hầu hết các “mối” đặt hàng là khách quen, tiểu thương ở các chợ lớn trong thành phố Huế và các vùng lân cận. Ngoài lượng hương đặt hàng hàng tháng, dịp lễ lớn và Tết Nguyên đán, nhu cầu người dùng cao nên số lượng đặt hàng cũng tăng theo. Cũng như bà Ánh Tuyết, những người dân sản xuất hương trầm ở Thủy Xuân cho rằng, đây là mặc hàng phục vụ đời sống tâm linh nên người sản xuất phải làm bằng cái tâm, sao cho hương trầm phải vừa sạch, vừa thơm. Nhờ vậy mà thương hiệu hương trầm Thủy Xuân không chỉ dừng lại thị trường trong Tỉnh mà còn được xuất đi nhiều nơi khắp trên cả nước, với sự hài lòng nhất định của người dùng. Bà Ánh Tuyết kể thêm, những ngày này nhận rất nhiều đơn hàng từ các tỉnh phía Nam, hầu hết trong đó là người Huế xa quê đặt hàng.

Theo những người thợ của làng hương Thủy Xuân cho biết, nơi đây hoạt động làm hương diễn ra quanh năm, nhưng dịp cuối năm thì hoạt động sản xuất trở nên tất bật hơn, số lượng hương được làm ra cũng nhiều hơn. Nguyên liệu thường dùng để làm hương gồm ngũ vị thuốc bắc với quế chi, thảo quả, nụ tùng, đinh hương, hoa hồi, bạch đàn, quế hòa với nước, trộn lại với nhau tạo nên bột hương.

Có dịp, cứ vào mỗi độ dịp cuối năm, du khách đến làng hương Thủy Xuân lại trở nên rực rỡ hơn bao giờ hết. Đây cũng chính là thời điểm, người dân và du khách lại tìm về làng hương nổi tiếng xứ Huế để lưu giữ cho mình những bức ảnh đẹp với những “tấm thảm” được dệt bằng những bó hương màu sắc rực rỡ.

Trải qua hàng trăm năm hình thành và phát triển, giờ đây làng hương Thủy Xuân đã trở thành một làng nghề nổi tiếng với nét đẹp văn hóa tô thắm thêm hình ảnh của mảnh đất Cố đô, nơi lưu giữ những giá trị văn hóa có từ bao đời nay ■

PHÁT HUY GIÁ TRỊ CA HUẾ THÍNH PHÒNG NHÌN TỪ CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH CHÂU HƯƠNG VIÊN

■ Bài và ảnh: LÊ THỊ MAI AN*

Thừa Thiên Huế là vùng đất hội tụ nhiều giá trị văn hóa, lịch sử. Với vị trí trọng yếu, địa bàn chiến lược nên Huế luôn được lựa chọn để xây dựng trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, chính điều này làm cho Huế có mật độ di sản văn hóa phong phú. Sự hội tụ, kết tinh của di sản văn hóa Huế còn được thể hiện qua loại hình ca Huế tồn tại qua nhiều thế kỷ, đã gắn liền, ăn sâu vào đời sống văn hóa của con người mảnh đất Cố đô, góp phần làm phong phú hơn kho tàng di sản âm nhạc truyền thống quý báu của dân tộc.

1. Vài nét về ca Huế và ca Huế thính phòng

Ca Huế là một loại hình nghệ thuật âm nhạc cổ truyền của xứ Huế. Ca Huế gồm ca và đàn, ở nhiều góc độ tương đối giống và gần gũi với ca trù. Kỹ thuật đàn và hát ca Huế đòi hỏi kỹ thuật đặc biệt, không chỉ cần tập luyện kỹ thuật hát, ca Huế còn đòi hỏi phải có chất giọng địa phương vì thế nếu không phải là người dân xứ Huế dù có luyện tập thế nào cũng không thể ra được “chất” riêng của ca Huế. Như cụ Ứng Bình Thúc Giạ cho rằng: *“Gọi là Ca Huế, vì thanh âm người Huế hợp với điệu ca này, mà xứ Huế như người Quảng Trị với Quảng Bình cũng ca được, còn từ Linh Giang dĩ Bắc, Hải Vân quan dĩ Nam đều có người ca, mà ca giỏi thế nào cũng có nơi trảy bệ, ấy là câu chuyện ai cũng biết rồi”*.

Ca Huế còn có một không gian khác là không gian thính phòng, ca Huế thính phòng có sự trang trọng, uy nghi của dòng nhạc bác học với tiết tấu, cấu trúc rất chặt chẽ, nghiêm ngặt. Ca Huế thính phòng đến với khán giả nhẹ nhàng theo từng cung bậc réo rất của đàn tranh, đàn tỳ, đàn nhị, đàn nguyệt, sáo trúc, đàn bầu... kèm theo đó là hơn 20 bài bản ca Huế được các nghệ nhân, nghệ sỹ thể hiện bằng chất giọng mượt mà, sâu lắng. Ca Huế chính là “đặc sản” văn hoá phi vật thể của vùng đất Cố đô. “Đặc sản” này đã đem đến cho du khách nhiều cảm giác mới lạ khi họ đến thăm Huế, nơi có nhiều giá trị di sản vật thể và phi vật thể đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới.

Xa xưa, ca Huế thính phòng được biểu diễn trong tư dinh của vua, quan, những gia đình quyền quý, giàu có. Trong một không gian nhỏ thường là ở phòng khách của tư gia, người biểu diễn và người thưởng thức thường ngồi gần với nhau, không khí gần gũi và ấm cúng càng làm cho giai điệu ngọt ngào của ca Huế thêm phần mượt mà, khiến con người say đắm.

Ngoài các chương trình biểu diễn ca Huế trên sông Hương, nay được sự quan tâm của Thành ủy, UBND thành phố Huế, CLB Ca Huế thính phòng của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao Huế, dù mới thành lập không lâu nhưng đã mạnh dạn mở một thính phòng Ca Huế với đêm diễn đầu tiên vào tối 20/8/2013 tại Bảo tàng Văn hóa Huế (25 Lê Lợi, Huế) nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Câu lạc bộ Ca Huế thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế. Cùng với thính phòng ca Huế, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế đã khai trương phòng

* Bảo tàng Lịch sử

trưng bày các tư liệu, nhạc cụ dân tộc của các nghệ nhân Ca Huế, tranh ảnh, sách báo về ca Huế. Huế đã có một thính phòng Ca Huế biểu diễn thường xuyên vào tối thứ ba, thứ sáu hằng tuần với sự tham gia biểu diễn của các nghệ nhân ca Huế nổi tiếng như: nghệ nhân dân gian Minh Mẫn, Thanh Hương, Thanh Tâm, Kim Vàng, Quỳnh Hoa, NSƯT Khánh Vân, NSƯT Thu Hằng, Kim Liên, Xuân Thu, Hồng Thanh, Thu Hiền, Mai Sao... bên cạnh các nhạc hữu tài danh: NSƯT Thái Hùng, Hương Hoa, Lệ Hoa, Trần Thảo, Trần Huệ, Ngọc Hùng... và một dàn nhạc công trẻ như Trần Diệp, Đỗ Trung Thành, Nguyễn Hưng, Quốc Khánh, Nguyễn Đình Hưng, Thùy Dương...; diễn viên trẻ như Ý Nhi, Thiên Phúc, Ý Linh, Mỹ Duyên, Thảo Hạnh, Ngọc Nhân, Kim Châm, Khánh Châm... được đào tạo bài bản từ trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật, Học viện âm nhạc Huế hay từ các “lò” nghệ nhân lớp trước.

Ngày nay, Ca Huế thính phòng đã thu hút đông đảo các du khách du lịch không chỉ trong nước; mà còn thu hút khách du lịch đến từ các nước như Mỹ, Italy, Pháp, Nhật Bản, Ấn Độ,... việc thu hút du khách nước ngoài là điều đáng mừng, góp phần đưa loại hình văn hóa phi vật thể của vùng đất Cố đô đến với du khách gần xa.

2. Ứng Bình Thúc Gia Thị và những đóng góp trên lĩnh vực nghệ thuật

Ứng Bình Thúc Gia Thị tên thật là Nguyễn Phúc Ứng Bình (Ứng Bình là tên, hiệu là Thúc Gia Thị)¹. Cụ sinh ra tại làng Vỹ Dạ, trong một gia đình hoàng tộc (danh gia vọng tộc), có truyền thống văn chương. Thân sinh là Hiệp tá Tiểu Thảo - Hường Thiết, tác giả tập “*Tứ Tự ca*” và “*Liên Nghiệp hiền thi tập*”; thân mẫu là bà Nguyễn Thị Huệ, thông thạo chữ Hán, có nhiều thơ Nôm được truyền tụng như “*Nhớ quê*”, “*Thượng cầm hạ thủ*”, “*Xuất giá*”. Ông nội là Tuy Lý Vương Miên Trinh, tác giả bộ “*Vỹ Dạ hợp tập*”, một nhà thơ nổi tiếng mà sinh thời vua Tự Đức đã ban câu: “*Văn như siêu quát vô tiền Hán/ Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường*” lưu danh trong lịch sử văn học nước nhà.

Năm 1904, Ứng Bình tốt nghiệp Trường Quốc học Huế, đỗ đầu kỳ thi Ký Lục; năm 1909, đỗ cử nhân Hán học và bắt đầu con đường quan lộ. Từ Ký Lục, Ứng Bình được bổ làm Tri Huyện, thăng Tri Phủ, rồi lần lượt thăng Viên ngoại, Thị lang, Bố Chánh Hà Tĩnh, Tuần Phủ Phú Yên, Phủ Doãn Thừa Thiên. Năm 1932, Ứng Bình đã tích cực tham gia vận động thành lập Hội An Nam Phật học Trung Kỳ. Năm 57 tuổi (1933), Cụ hưu được thăng hàm Thượng Thư Tri Sự. Lúc này tuổi đã lớn nhưng cụ Ứng Bình vẫn tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, xã hội, được cử giữ chức Hội Trưởng Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ Trung Kỳ (1939-1940), bầu làm Viện Trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ (1940-1945), nhằm tranh thủ quyền dân sinh dân chủ cho dân nghèo. Năm 1943, Cụ được thăng Hiệp tá Đại học sĩ, lần lượt được bầu làm người đứng đầu Vỹ Hương Thi Xã (1933-1945) và Hương Bình Thi Xã (1951-1961) cho đến cuối đời.

Ứng Bình Thúc Gia Thị là một nhà thơ nổi tiếng của xứ Huế, Cụ đã để lại cho đời gần 2.000 bài thơ chữ Quốc ngữ và chữ Hán như: Tập thơ “*Lộc Minh Thi Tập*” gồm 227 bài (thơ chữ Hán), “*Tình Khúc Gia*” (xuất bản 1942), “*Bán buồn mua vui*” (xuất bản 1954), “*Đời Thúc Gia*” (xuất bản 1961), “*Tiếng hát sông Hương*” (xuất bản 1972), “*Thơ ca tuyển*” (xuất bản 1992).

Trong tập thơ chữ Hán, *Lộc Minh thi tập*, Thúc Gia đi nhiều, viết nhiều về các vùng đất, di tích nổi tiếng như chùa Trà Am, chùa Thiên Mụ, núi Ngự, sông Hương ở Huế, sông Nguo Chũ ở Hương Khê; Đầm Cầu Hai; núi Bạch Mã ở Thừa Thiên; Ngũ Hành

1. PGS.TS. Đỗ Bang, *Từ điển Lịch sử Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2000, trang 1048.

Sơn ở Quảng Nam; sông Thạch Hãn ở Quảng Trị; núi Linh Phong ở Bình Định; động Phong Nha, Lũng Thầy, sông Gianh, sông Nhật Lệ, núi Đầu Mâu ở Quảng Bình, Đèo Ngang, ranh giới của Hà Tĩnh và Quảng Bình; văn miếu ở Hà Nội... Thơ ca Ứng Bình mang nỗi niềm sâu lắng, giàu cảm xúc, đi đến đâu Cụ cũng hòa mình vào cảm xúc với thiên nhiên, từ những cái bình dị nhất để cho ra đời những án ca hay, đi vào lòng người. Không những vậy, thơ của Ứng Bình có sức sống mãnh liệt, bền bỉ và được phổ cập đến nhiều tầng lớp trong xã hội, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà nhu cầu thưởng ngoạn thi ca đang trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa Huế.

Ngày nay, là người dân xứ Huế ai ai cũng biết đến bài thơ nổi tiếng và quen thuộc của Ứng Bình Thúc Gia Thị, nay đã thành câu ca dao truyền miệng:

*“Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông
Thuyền ai thấp thoáng trên sông
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non...”².*

*“... Rượu có mùi hương nên uống mãi,
Thi là thuốc bổ cứ ngâm chơi...”*

Ứng Bình Thúc Gia Thị còn được biết đến là nhà soạn tuồng tài ba. Tác phẩm được nhắc đến nhiều nhất của Cụ là vở tuồng “*Lộ Dịch*”, được sáng tác dựa trên vở “*Le Cid*” của nhà văn Pháp P. Corneille. Nội dung của vở tuồng nói về kết cục ngang trái giữa hai người yêu nhau bị chia cách bởi hận thù giữa hai gia đình, khi cha của cô gái chết dưới lưỡi gươm của chàng trai nhưng với cách chọn kết cục khác hoàn toàn với nguyên tác, phù hợp với tư tưởng Á Đông. Vở “*Lộ Dịch*” được coi là mẫu mực của việc chuyển biên một tác phẩm sân khấu Châu Âu sang sân khấu truyền thống Việt Nam. Tuồng “*Lộ Dịch*” được trình diễn lần đầu tiên tại rạp Xuân Kinh Đài (Huế) năm 1928, đến nay đã qua hàng nghìn lần trình diễn. Năm 2002, vở tuồng được công diễn ở nước ngoài và được bạn bè quốc tế đánh giá rất cao.

Không chỉ là nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng, Ứng Bình còn là người có công lao to lớn trong việc hình thành và phát triển Ca Huế thính phòng. Nhờ những sáng tác, những làn điệu Ca Huế của Cụ mà sinh hoạt Ca Huế của người dân xứ Huế trở nên đặc sắc, được duy trì và phát triển cho đến ngày nay.

3. Châu Hương Viên - nơi cụ Ứng Bình Thúc Gia Thị sống trọn với thi ca

Đầu năm 1933, sau khi rời chốn quan trường, cụ Ứng Bình mua một khu vườn rộng lớn, tĩnh mặc bên bờ sông Hương với diện tích 4 sào 7 thước ở làng Vỹ Dạ để xây dựng tư thất làm không gian an hưởng tuổi già đặt tên là Châu Hương Viên. Công trình gồm một ngôi nhà rường ba gian hai chái, về sau xây dựng thêm một số công trình như: Lộc Minh Đình, Bình phong, sân vườn, bến nước, cổng và đường dẫn vào ngôi nhà. Toàn bộ công trình được miêu tả: “*Từ cổng vào mấy chục thước, giữa đám cây xanh, ẩn hiện một tòa nhà ngói, không tráng lệ nguy nga, nhưng đầy ý thơ dấu cổ, với sân lát bên xây, tường hoa non bộ; bên trong thi viện sách, hiên đàn, lầu thơ, đài Phật, hoành*

2. Tôn Nữ Hỷ Khương (1972), Ứng Bình Thúc Gia Thị, *Tiếng hát sông Hương*, xuất bản in tại Việt - Liên Ấn Quán, tr. 51.

phi, câu đối, sập gụ, ghé bành”³. Ngoài những công trình trên Cụ còn xây dựng một cái cổng rất đẹp, bên trên đắp nổi ba chữ Hán: “*Châu Hương Viên*”. Nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương (con gái cụ Ứng Bình) cho biết: “*Nguyên cái cổng xây bằng vôi, trên 30 năm. Chính quyền Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ cho mở đường Huế - Thuận An, nên cái cổng xưa với đôi câu đối phải phá đi. Thấy tôi phải trồng hai bên hai bụi tre vàng để thay cửa ngõ*”⁴.

Có thể thấy, Châu Hương Viên không mỹ lệ cũng không phải là phủ đệ nguy nga, nhưng là nơi được đón tiếp rất nhiều thi nhân mặt khách, nghệ sĩ lừng danh một thời, nơi quy tụ các văn nhân tên tuổi, nhiều nghệ sĩ nổi tiếng đất thần kinh thời đó đến giao lưu, biểu diễn nghệ thuật, thụ giáo những kiến thức về Ca Huế từ Ứng Bình. Đồng thời, với những sáng tác của Ứng Bình Thúc Giạ Thị và những “*Thi đàn, Thi xã*” do Cụ lập ra tại Châu Hương Viên, từ đó đã hình thành nên các Câu lạc bộ về Ca Huế. Nơi đây các thi hữu đã hòa đồng cảm xúc, nhịp sống với các bạn đồng thanh đồng điệu. Thế là ngôi nhà cổ kính, lẫn bóng giữa một khu vườn xanh mát bóng cây ở thôn Vỹ, lúc nào cũng nghe tiếng cung đàn điệu hát, hoặc giọng ngâm thơ lẫn với tiếng hò... Nhà văn Phù Giang Phan Thế Roanh nhận xét rằng “*Tiên sinh tình người vui vẻ, cử chỉ tự nhiên, đức độ khác thường, lại thêm hiếu khách, cho nên tiên sinh đã được bạn tác nể vì, nhân dân mến phục. Đối với một người giàu tình cảm, sẵn hoa cốt, lại sành âm nhạc nhất là các điệu tuồng cổ, hò mái nhì, ca Huế*”.

Có thể nói, Ứng Bình là cánh chim đầu đàn, là người hồi sinh cho Ca Huế được sống và phát triển cho đến nay. Từ những tổ chức, những Câu lạc bộ về Ca Huế do Ứng Bình khởi xướng tại Châu Hương Viên, đến nay ở thành phố Huế hệ thống các Câu lạc bộ về Ca Huế hoạt động rất sôi nổi, với hơn 500 nghệ nhân, nghệ sỹ, diễn viên, nhạc công thường xuyên tham gia các chương trình biểu diễn nghệ thuật hằng đêm trên sông Hương, trong các nhà hàng ẩm thực truyền thống và Ca Huế thánh phòng ở Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế, với các nghệ nhân tham gia, như: (Cổ) Nghệ nhân nhân dân (NNND): Minh Mẫn, Thanh Hương; NNU'T Thanh Tâm, NSU'T Khánh Vân, NSU'T Thu Hằng, NNU'T Kim Vàng, Kim Kiều, Kim Liên, Xuân Thu, Hồng Thanh, Thu Hiền, Kim Hồng, Mai Sao; nhạc công: NSU'T Thái Hùng, Hương Hoa, NNU'T Trần Thảo, Trần Huế, Đỗ Trung Hùng, Lê Hoa, Ngọc Hùng, NNU'T Nguyễn Đình Vân cùng các ca sỹ, nhạc công trẻ tiếp nối truyền thống Ca Huế... góp phần đưa nghệ thuật Ca Huế ngày một vang xa⁵.

4. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Châu Hương Viên hướng tới phát huy ca Huế thánh phòng trong giai đoạn hiện nay

Châu Hương Viên tọa lạc ở thôn Vĩ Dạ, nơi Ứng Bình Thúc Giạ Thị sống trọn cuộc đời với thi ca. Được đánh giá là công trình kiến trúc có giá trị về lịch sử văn hóa, ngày 26/12/2019, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND xếp hạng di tích Ứng Bình tại Châu Hương Viên là di tích lịch sử (lưu niệm danh nhân) cấp Tỉnh. Năm 2021, di tích được giao cho Bảo tàng Lịch sử trực tiếp quản lý.

Trải qua thời gian dài, công trình Châu Hương Viên đã xuống cấp nặng nề bởi sự

3. Tôn Nữ Hỷ Khương (1972), Ứng Bình Thúc Giạ Thị, *Tiếng hát sông Hương*, xuất bản in tại Việt - Liên Ấn Quán, tr. 13.

4. Tôn Nữ Hỷ Khương (1996), *Hồi ức về cha tôi Ứng Bình Thúc Giạ Thị*, Nxb. Văn nghệ TP. HCM, tr. 21.

5. Trần Tuấn Anh, *Ca Huế trong đời sống văn hóa nghệ thuật của người dân Bình Trị Thiên*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Ca Huế giá trị, định hướng bảo tồn và phát huy, tháng 9/2015.



Toàn cảnh Châu Hương Viên

tác động của thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, cùng với sự hoang phế do thiếu người chăm sóc, quản lý. Trước thực trạng đó, tỉnh Thừa Thiên Huế đã phê duyệt dự án bảo tồn, tu bổ di tích Châu Hương Viên. Đầu năm 2023, công trình di tích được triển khai trùng tu với

các hạng mục, như: tu bổ, tôn tạo, phục dựng lại toàn bộ di tích gốc bao gồm nhà chính, nhà phụ, bình phong; cải tạo, chỉnh trang sân vườn mặt trước và khu vực xung quanh khuôn viên; xây dựng hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy, chống sét, nhà vệ sinh... đến ngày 6/6/2024 sau hơn một năm thi công, công trình di tích Châu Hương Viên đã khánh thành đưa vào sử dụng và phát huy. Với việc trùng tu, phục hồi di tích Châu Hương Viên đây sẽ là một dấu ấn quan trọng trong công cuộc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn liền với danh nhân Ứng Bình Thúc Gia Thị và là địa chỉ sinh hoạt, giao lưu của các câu lạc bộ thơ văn, Ca Huế.

Ứng Bình Thúc Gia Thị với sự nghiệp văn chương đồ sộ, nhất là công lao trong việc hình thành bộ môn nghệ thuật Ca Huế thánh phòng, quả thực đã đi vào trái tim của nhiều thế hệ từ buổi giao thời tân cựu cho đến ngày nay. Chính sức sống và sự phát triển của Ca Huế từ đó đến nay, Ca Huế đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia, tại Quyết định số 1877/QĐ-BVHTTDL ngày 08/6/2015. Ngoài ra, nghệ thuật Ca Huế đã được các cơ quan chức năng quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị với Hội thảo khoa học do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế (nay là Sở Văn hóa và Thể thao) tổ chức tháng 9/2015; Hội thảo do Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc tổ chức ngày 7/10/2011 tại Hà Nội, nhân kỷ niệm 134 năm ngày sinh và 50 năm ngày mất của danh nhân văn hóa Ứng Bình Thúc Gia Thị.

Để ghi nhận những đóng góp của Cụ Ứng Bình đối với văn hóa Huế nói chung, đặc biệt là Ca Huế nói riêng, trong dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Ứng Bình (1877-1997), chính quyền thành phố Huế đã đề xuất lấy tên Cụ đặt tên đường phố. Ngày 03/8/2001 UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định số 1849/2001/QĐ-UB về việc đặt tên đường ở thành phố Huế, theo đó con đường nối từ điểm đầu đường Nguyễn Sinh Cung đến điểm cuối gặp bờ sông Hương (băng qua Cồn Hến) có chiều dài 450m rộng 7m với tên gọi là Ứng Bình.

Châu Hương Viên vốn là tư thất của cụ Ứng Bình Thúc Gia Thị, người được xem là “ông tổ” của nghệ thuật Ca Huế. Chính nơi đây, mỗi dịp đến ngày giỗ của cụ Ứng Bình,

nhiều nghệ sĩ Ca Huế “gạo cội” lại đến dâng hương tri ân và biểu diễn những bài hát do chính cụ Ứng Bình đã sáng tác. Nhân kỷ niệm 58 năm ngày mất của nhà thơ Ứng Bình Thúc Gia Thị, tháng 3/2019 các văn nghệ sĩ của Câu lạc bộ Ca Huế thánh phòng đã tổ chức lễ dâng hương và biểu diễn Ca Huế tại di tích Châu Hương Viên để nhớ về Cụ - người hồi sinh ca Huế thánh phòng. Ngày 14/9/2024, Hội thơ Hương Giang đã phối hợp với CLB ca Huế tổ chức ngày thơ và ca Huế; ngày 14/9/2024, Chi hội thơ Phú Vang sinh hoạt thơ và phát động ủng hộ bà con bị ảnh hưởng bão YaGi ở các tỉnh miền Bắc. Ngoài ra, trong thời gian qua Bảo tàng Lịch sử phối hợp với Liên hiệp các Hội VHNT tỉnh và Câu lạc bộ Ca Huế thánh phòng tổ chức sinh hoạt thơ ca định kỳ để những cung bậc tri âm một thời hồi sinh, tìm lại chính mình giữa một trung tâm được thế giới công nhận là di sản văn hóa của loài người.



Ca Huế thánh phòng trong không gian Châu Hương Viên

đến di sản ca Huế (hiện nay Bảo tàng Lịch sử đang liên hệ với gia đình cụ sinh sống ở TPHCM để vận động “hồi hương” lại các hiện vật như bức hoành, các câu đối nhằm trang trí nội thất cho Châu Hương Viên), theo đó, Bảo tàng Lịch sử sẽ sử dụng một phần không gian di tích làm sân khấu cho các hoạt động biểu diễn Ca Huế, tuồng Huế, thơ Huế; là nơi tổ chức các đêm biểu diễn nghệ thuật Ca Huế thánh phòng để các nghệ nhân tâm huyết có cơ hội thể hiện tài năng, trao truyền kỹ năng trình diễn nghệ thuật Ca Huế cho thế hệ trẻ, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Huế, một số di tích gắn liền với những hoạt động văn hóa truyền thống đã được xếp hạng như: Di tích Thanh Bình Từ đường (Nhà thờ Tổ ngành sân khấu), ở phường Phú Hiệp, thành phố Huế; di tích Nhà thờ Cổ nhạc (Nhà thờ Tổ về Nhã nhạc Cung đình Huế), phường Thuận Hòa, quận Phú Xuân, thành phố Huế di tích lịch sử (LNDN) Ứng Bình tại Châu Hương Viên. Với những di tích trên mong rằng thời gian tới sẽ có sự phối kết hợp chặt chẽ từ nhiều phía: Bảo tàng - chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng địa phương, để xây dựng một tuyến tham quan những di tích trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật đồng thời phục vụ cho việc phát triển du lịch với phương châm “*Biến di sản thành tài sản*”

Bảo tàng Lịch sử đã chú trọng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quảng

Trong thời gian tới, tại di tích Châu Hương Viên, Bảo tàng Lịch sử phối hợp những ban ngành liên quan tổ chức sưu tầm những tư liệu, hiện vật, những tác phẩm của cụ Ứng Bình Thúc Gia Thị để xây dựng phòng trưng bày những tư liệu lịch sử liên quan

bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng Website liên kết giữa các điểm di tích để cung cấp thông tin cho khách du lịch, tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị, tập trung giới thiệu rộng rãi di tích dưới góc độ tài nguyên du lịch văn hoá cho du khách trong và ngoài nước thông qua ấn phẩm quảng cáo, tập gấp, sách hướng dẫn, mạng internet, những sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với nội dung lịch sử di tích và nét đặc trưng độc đáo, đặc thù của di tích lịch sử Châu Hương Viên.

Di tích Châu Hương Viên có lợi thế về cả đường bộ và đường thủy, trong thời gian tới Bảo tàng Lịch sử sẽ kết nối với các ngành để xây dựng tour, tuyến phù hợp trên trục đường này. Ngoài ra, cần kết nối với ngành giáo dục, tổ chức các chương trình ngoại khóa để học sinh tham quan, tìm hiểu di tích và giới thiệu về thơ ca của cụ Ứng Bình và những nhà thơ nổi tiếng khác của vùng đất Cổ đô.

Ca Huế có những sắc thái, đặc điểm riêng, vừa hài hòa giữa điệu Bắc, điệu Nam vừa có tính khoa học trong cấu trúc với những đặc tính như: tính liên tục, tính chuyển tiếp, tính biến âm, biến điệu, tính tự tình, tính cô đọng. Ca Huế có một sắc thái riêng biệt, một tính chất đặc thù rất đáng trân trọng, gìn giữ và phát huy ■

HỒ NGỌC DIỆP

Hoa tím bàng lẵng



*Thuở thiếu niên tôi yêu hoa bàng lẵng
Tìm sân trường, tìm cả mảnh hồn tôi
Những buổi chiều lạc lõng đơn côi
Tôi hay nhặt cành hoa ép vào trang vở.*

*Tuổi vào đời xa quê hương xit sô
Xa màu hoa tím tím thân thương
Những sớm mai ngập nắng sân trường
Tìm hoàng hôn tím cả chiều biệt.*

*Khi xa rồi tâm tư nuôi tiếc
Linh hồn hoa cứ mãi đeo mang
Nỗi lòng tôi ấp ủ muộn màng
Trở lại chốn xưa tìm màu hoa tím.*

*Mấy mươi năm rời xa kỷ niệm
Những màu hoa vẫn sống trong tôi
Tìm mực mỏng tôi, tìm cả chân trời
Tuổi hoa niên dần trôi không trở lại.*

*Áp ủ hương xưa nhớ một thời trẻ dại
Để hồn ai nức nở giọng quỳên sầu
Nước thời gian nhuộm trắng mái đầu
Lòng chột bởi hồi thương màu hoa tím.*

CHÂU HƯƠNG VIÊN

VƯỜN XƯA ĐÃ ĐƯỢC HỒI SINH

■ Bài và ảnh: PHAN THÀNH

Một khu vườn gắn với tên tuổi danh nhân Ưng Bình Thúc Giạ Thị tưởng chừng như hoang phế nay đã được hồi sinh và trở thành điểm đến cho những ai yêu thích ca Huế. Bước vào không gian ấy giờ đây mọi người có thể cảm nhận được những giá trị văn hóa lịch sử, nơi từng một thời vang bóng, quy tụ giới tao nhân mặc khách với những cuộc vui sang trọng.

Từng rơi vào cảnh hoang tàn

Năm cuối đường Nguyễn Sinh Cung, cạnh bờ sông Hương thơ mộng, khu vườn Châu Hương Viên vì nhiều lý do mà bị xâm lấn, xuống cấp hoang tàn trong thời gian dài. Ngôi nhà rường bên trong khu vườn gắn liền với cuộc đời danh nhân Ưng Bình Thúc Giạ Thị cũng đổ nát trước sự tiếc nuối, xót xa của những ai từng đến tham quan.

Nơi này hiện thuộc phường Phú Thượng, Quận Thuận Hóa, TP Huế - xưa kia sau khi rời chốn quan trường, cụ Ưng Bình đã mua đất, cất nhà để dưỡng già và cũng là nơi lui tới của giới tao nhân mặc khách một thời.

Nhắc tới cụ Ưng Bình, người ta sẽ nhớ tới ngay một tên tuổi vang danh, người đã để lại cho đời gần 2.000 bài thơ chữ Việt và chữ Hán. Tiêu biểu là tập hợp ở các công trình: tập thơ “Lộc Minh Thi Tập”, tuồng “Tào Lao” (xuất bản 1937), “Tình Thúc Giạ” (xuất bản 1942), “Bán buồn mua vui” (xuất bản 1954), “Đời Thúc Giạ” (xuất bản 1961), “Tiếng hát sông Hương” (xuất bản 1972), “Thơ ca tuyển” (xuất bản 1992). Trong số các tác phẩm đã xuất bản của ông, đáng chú ý có tuồng “Lộ Dịch” xuất bản lần đầu năm 1936, tái bản năm 1959. Không chỉ vậy ông được biết đến là nhà soạn tuồng tài ba và là người có công lao to lớn trong việc hình thành và phát triển ca Huế thính phòng.

Thương xót cho một địa chỉ văn hóa tên tuổi, nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn hóa ở vùng đất Cố đô đã lên tiếng và kêu gọi các cơ quan chức năng bằng mọi cách phải hồi sinh để bảo tồn, phát huy giá trị. Và mãi nhiều năm sau, Châu Hương Viên được công nhận di tích lịch sử và cùng với đó đã được trùng tu, phục hồi trước niềm vui của mọi người.

Hôm khánh thành không gian Châu Hương Viên, nhà thơ Võ Quê, Chủ nhiệm CLB Ca Huế thính phòng có mặt từ rất sớm, khuôn mặt nở nụ cười tươi, vui mừng. Chính nhà thơ Võ Quê là người từng lên tiếng, góp tiếng nói và cùng các cơ quan truyền thông phản ánh thực trạng khu vườn và ngôi nhà rường Châu Hương Viên đang đối mặt với sự lãng quên, đứng trước nguy cơ xóa sổ.

Nhà thơ Võ Quê kể lại, trước thực trạng xuống cấp của ngôi nhà, ông đã gặp đại diện gia đình và thuyết phục để Huế có thể trùng tu di tích. Song song việc này, ông cũng đã làm việc với các cơ quan chức năng liên quan mà cụ thể là Sở Văn hóa và Thể thao.

Thêm điểm đến cho người yêu văn hóa

Không lâu sau, các đoàn chức năng đã đến khảo sát thực tế và lên phương án tu bổ để rồi mới có một Châu Hương Viên với diện mạo như ngày hôm nay. “Không riêng gì cá nhân tôi mà toàn thể nghệ nhân, nghệ sĩ ca Huế ai ai cũng vui mừng bởi không chỉ phục hồi được một di tích quan trọng để từ nay Huế có thêm một địa chỉ văn hóa tuyệt vời” - ông Quê xúc động và mong rằng, nơi này không chỉ là điểm biểu diễn ca Huế



Không gian ngôi nhà rường ở Châu Hương Viên được hồi sinh sau thời gian dài hư hỏng, xuống cấp

thính phòng mà còn là không gian tổ chức các sự kiện văn hóa, văn học...

Ngoài tu bổ những hạng mục quan trọng, khi bước vào không gian ngôi nhà rường ở Châu Hương Viên, người xem như xem lại những thước phim quay chậm với những hình ảnh tư liệu lịch sử quý giá kể về cuộc đời, sự nghiệp của cụ Ứng Bình và thậm chí là những bức ảnh chỉ vừa mới chụp gần đây mô tả chi tiết sự xuống cấp, hư hỏng của chính ngôi

nhà. Quanh đó những hiện vật liên quan đến bộ môn nghệ thuật ca Huế cũng được bày biện một cách bài bản, đậm chất văn hóa Huế.

Cũng tại hôm khánh thành, Bảo tàng Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế cùng Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Thừa Thiên Huế tỉnh và Câu lạc bộ Ca Huế thính phòng cũng đã ký kết chương trình hợp tác để phát huy giá trị di tích Châu Hương Viên.

Ông Phan Thanh Hải - Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao cũng nói rằng - rất vui mừng bởi dự án tu bổ Châu Hương Viên đạt được kết quả tốt sau một năm triển khai. Ông kể, mong ước của ngành văn hóa đó là giải tỏa, lấy lại được toàn bộ nguyên trạng khu đất xưa kia của Châu Hương Viên để khôi phục di tích được mức cao nhất có thể. Tuy nhiên vì nhiều lý do nên chuyện đó là không hề dễ dàng

Với những nỗ lực có thể, việc hồi sinh được không gian bao gồm tòa nhà cũ, bình phong, một phần cảnh quan còn lại... đã trả lại vẻ đẹp vốn có cũng như khang trang, sạch sẽ của Châu Hương Viên. “Chúng tôi cũng đã trao đổi với bà con, người dân sống quanh di tích để họ hiểu hơn giá trị của di tích. Ngoài ra mong muốn xa hơn đó là ca Huế cũng được hồi sinh làm sống lại không gian này. Không dừng lại đó tôi cũng đề nghị các đơn vị liên quan tiếp tục tìm kiếm tư liệu, bổ sung trưng bày cho di tích Châu Hương Viên”, ông Hải khẳng định ■

Ứng Bình Thúc Giạ Thị (1877-1961, Ứng Bình là tên, hiệu Thúc Giạ Thị). Ông sinh ra tại làng Vỹ Dạ, trong một gia đình hoàng tộc, có truyền thống văn chương. Năm 1904, Ứng Bình tốt nghiệp Trường Quốc học Huế, đỗ đầu kỳ thi Ký Lục. Năm 1909, đỗ cử nhân Hán học và bắt đầu con đường quan lộ.

Từ Ký Lục, Ứng Bình được bổ làm Tri Huyện, thăng Tri Phủ, rồi lần lượt thăng Viên ngoại, Thị lang, Bố Chánh Hà Tĩnh, Tuần Phủ Phú Yên, Phủ Doãn Thừa Thiên. Năm 1932, Ứng Bình đã tích cực tham gia vận động thành lập Hội An Nam Phật học Trung Kỳ.

Ở tuổi 57 tuổi (1933), ông hồi hưu, được thăng hàm Thượng Thư Tri Sự. Lúc này tuổi đã lớn nhưng Ứng Bình vẫn tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, xã hội, được cử giữ chức Hội Trưởng Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ Trung Kỳ (1939-1940), bầu làm Viện Trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ (1940-1945), nhằm tranh thủ quyền dân sinh dân chủ cho dân nghèo. Năm 1943, Ông được thăng Hiệp tá Đại học sĩ, lần lượt được bầu làm chủ soái Vỹ Hương Thi Xã (1933-1945) và Hương Bình Thi Xã (1951-1961) cho đến cuối đời.

CHÀNG KIẾN TRÚC SƯ ĐAM MÊ HỘI HỌA

■ Bài và ảnh: LÊ HUỖNH LÂM

Một chiều Huế mưa, trong căn gác xưa đầy hoài niệm mà nhạc sỹ Trịnh Công Sơn đã từng sống và sáng tác gần 20 năm, một người trẻ có dáng dấp đặc và thân thiện đã ngồi thả những suy ngẫm của mình theo giai điệu của Trịnh. Bất chợt anh chào tôi và hỏi về nguồn gốc căn gác này. Tôi kể câu chuyện về Gác Trịnh cho anh nghe và được biết anh là Kiến trúc sư Nguyễn Đại Thắng, đang có dự án quy hoạch cho thành phố Huế. Đại Thắng làm nghề Kiến trúc nhưng rất đam mê hội họa. Anh công tác tại Viện quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia, thuộc Bộ Xây dựng.

Điều kỳ lạ ở Nguyễn Đại Thắng là tuyên ngôn: “Vẽ để không trở thành họa sỹ”.

Thật ra, trong hàng triệu người vẽ tranh, để có được một họa sỹ đúng nghĩa có lẽ rất khó. Nhưng, chúng ta chỉ cần có niềm đam mê và một đời sống hội họa bên trong chúng ta là đã đủ để hạnh phúc và chia sẻ cùng mọi người.

Đã có nhiều người không qua trường lớp hội họa nhưng đã thành danh trong nghiệp vẽ. Cũng rất nhiều người dù học hành bài bản, tốt nghiệp trường đại học Mỹ thuật,... nhưng không thành “họa sỹ”. Kiến trúc và hội họa (tạo hình) có mối tương quan nhất định về: dựng hình, sáng tối, mảng khối,... đó là điều lợi thế của Nguyễn Đại Thắng, nhưng trong hầu hết tác phẩm hội họa của Thắng không thấy một dấu vết nào của kiến trúc, cho dù chỉ mù mờ. Đó là điều đặc biệt mà có lẽ chỉ Nguyễn Đại Thắng mới thể hiện được. Chúng ta thử đi vào thế giới hội họa của một kiến trúc sư.

Phong cảnh

Ký ức là một phần quan trọng nhằm tạo nên tính cách và nhân cách của con người, dù muốn hay không, con người không thể chối bỏ quá khứ của chính mình, cho dù đó là một quá khứ đẹp hay là một mất mát nào đó gọi lại nỗi đau... Vậy, để giải phóng sự đè nén, đau xót hay uẩn ức bên trong của mỗi người do quá khứ tạo nên, có lẽ chúng ta nên hướng đến nghệ thuật như một sự cứu rỗi cho con người.

Những bức tranh phong cảnh mà Nguyễn Đại Thắng vẽ về Hạ Long, về Cẩm Phả, Quảng Ninh nơi mà anh đã sinh ra là sự tri ân với thiên nhiên, với vùng đất đã gieo vào tâm hồn anh những quang cảnh đầu tiên...

Sau mỗi chuyến du hành đến những vùng đất mới, Nguyễn Đại Thắng đã vẽ lại những phong cảnh đã tạo cho anh cảm xúc.

Vài bức tranh phong cảnh: “Ao quê”, “Đoàn thuyền đánh cá ở Hạ Long”, “Phong cảnh ở Cẩm Phả, Quảng Ninh”, “Phong cảnh ven biển cột 3” với gam màu blue đã thể hiện được bút pháp riêng, sự hòa quyện của màu sắc đã đưa vật dụng do con người làm nên hòa vào cái toàn cảnh của thiên nhiên tạo nên một triết lý sống; sống hòa hợp với thiên nhiên. Điều đó theo tinh thần Đông phương trong thuyết tam tài Thiên Địa Nhân “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”, hay trong Lão Tử có câu: “Người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời



thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên”, sau này những người theo chủ nghĩa khắc kỷ đã thực hành theo lối sống hòa hợp với thiên nhiên. Những bức phong cảnh càng về sau được thể hiện rất tinh tế và mềm mại. Màu sắc gợi nên chất ấn tượng lãng mạn tràn đầy cảm xúc. Những bức vẽ các công trình kiến trúc ở châu Âu anh có sử dụng phần nào kỹ thuật kiến trúc trong sở học của anh. Xem loạt tranh phong cảnh của Nguyễn Đại Thắng tôi liên tưởng đến các họa sĩ lãng mạn của trường phái ấn tượng Claud Monet, Pierre-Auguste Renoir, Paul Cezanne,... Trong các bức phong cảnh của chàng kiến trúc sư có sự tương tác trực tiếp giữa các sắc màu cùng ánh sáng để gợi nên những ảo giác nơi người xem, một số bức có bút pháp ảnh hưởng danh họa Vincent Van Gogh.

Tình vật hoa

Hoa là biểu tượng của cái đẹp, của sự thăng hoa và hạnh phúc trong cuộc sống. Hoa có mặt trong những ngày lễ, những buổi tiệc hân hoan và cả trong những cuộc chia ly... Cái nhìn của người nghệ sĩ luôn khác với cái nhìn bình thường, cũng như cách nhìn sự vật, nhìn hoa của các bậc giác ngộ cũng rất khác những đôi mắt còn tham luyến, ái dục, sân si. Bậc giác ngộ nhìn hoa mà thấy vạn vật vô thường nhưng tương dung tương nhiếp, người nghệ sĩ nhìn hoa sẽ thấy cái đẹp của màu sắc của hình tướng trong một không gian nhất định và muốn lưu lại hình ảnh đẹp đó qua tác phẩm của mình, còn những ánh mắt bình thường thấy hoa đẹp còn muốn ngửi được cả hương và thích đưa về không gian riêng của chính mình.

Hoa trong tranh của Nguyễn Đại Thắng mang màu sắc của hoài niệm, nơi đó ẩn chứa những nỗi buồn, có bức gợi lên sự đơn độc trong không gian quạnh vắng.

Chân dung, ký họa

Những bức chân dung của Đại Thắng có khối, mảng tạo nên bố cục chặt chẽ khiến



nhân vật nổi bật thu hút người xem qua biểu hiện rõ nét tâm trạng của nhân vật và mối tương quan của cảnh vật chung quanh.

Trừu tượng

Tranh trừu tượng là trạng thái tâm của người vẽ, thế giới trong trí tưởng của người vẽ không rõ nét, sự vật ở đó chưa thành hình thể cụ thể, sắc độ giữa các màu cùng những giao thoa ngẫu nhiên là yếu tố quyết định để một tác phẩm trừu tượng cuốn hút người xem. Nếu cảnh giới trong tâm của người vẽ chưa đạt đến trừu tượng và người vẽ cố gắng để tạo ra tác phẩm trừu tượng sẽ khiến người thưởng ngoạn có đôi mắt tinh trong nghề sẽ nhận ra. Lúc này, tác phẩm không toát lên được vẻ đẹp trừu tượng mà chỉ khiến bức tranh rối rắm và vô cảm.

Tranh trừu tượng của Nguyễn Đại Thắng có những khoảng mờ của

trạng thái siêu thức, có những đường nét thêm vào do ý thức chủ quan, màu sắc trong hầu hết những bức trừu tượng gợi lên vẻ đẹp hoang sơ. Theo tôi hai bức “No name 226”, “No title” tạo nên cảnh giới trừu tượng.

Nguyễn Đại Thắng làm nghề kiến trúc, nhưng niềm đam mê hội họa đã giúp anh sáng tác nhiều bức tranh đẹp, với màu sắc trang nhã... Bức tranh “Mùa vàng” anh vẽ năm 2002 được giải A trong triển lãm thường niên của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội vào năm 2002.

Tranh của Nguyễn Đại Thắng được nhiều nhà sưu tập trong và ngoài nước lựa chọn.

Mong rằng với niềm đam mê hội họa cháy bỏng của Nguyễn Đại Thắng cùng với đôi mắt quan sát của một nhà kiến trúc, Nguyễn Đại Thắng sẽ trở thành một họa sĩ thực thụ! Cho dù anh từng khiêm tốn: “Vẽ để không trở thành họa sĩ” ■



ĐÀN BẦU TỪ DIỄN TÁU DÂN GIAN ĐẾN THÍNH PHÒNG CA HUẾ

■ VÔ QUÊ

Đàn bầu, một nhạc cụ truyền thống độc quyền của Việt Nam, đã xuất hiện tại thành phố Huế từ khá sớm. Tuy nhiên, việc xác định thời điểm chính xác của đàn bầu đến Huế là một câu hỏi phức tạp vì điều này phụ thuộc vào các tài liệu lịch sử.

Huế là trung tâm văn hóa, nghệ thuật và chính trị của Việt Nam vào thời kỳ nhà Nguyễn (1802-1945). Trong giai đoạn này, nhiều loại nhạc cụ dân tộc, trong đó đàn bầu, từ diễn tấu dân gian được đưa vào phục vụ nhu cầu biểu diễn trong cung đình. Đàn bầu vốn được biết đến là nhạc cụ phổ biến trong dòng nhạc dân gian trước khi đến với nghệ thuật Ca Huế.

Như vậy, có thể nói rằng đàn bầu đã có mặt tại Huế từ thời kỳ phong kiến nhà Nguyễn, khoảng đầu thế kỷ 19. Theo Hoàng Yến, nhà nghiên cứu âm nhạc truyền thống theo phương pháp Tây phương đầu tiên ở Huế: “Đàn bầu nguồn gốc ở Bắc Kỳ, mãi đến năm Thành Thái thứ 8 (1896) thì mới được đưa vào Kinh thành Huế do một gánh hát Xâm...”; đoạn trích này được ghi trong công trình nghiên cứu viết bằng tiếng Pháp La Musique à Huế “đờn Nguyệt” et “đờn Tranh” (Âm nhạc Huế, “đàn nguyệt” và “đàn tranh”), dày đến 134 trang, được đăng tại Tập san Đô Thành Hiếu Cổ (Bulletin des Amis du Vieux Hué), số 3, năm 1919. Trong công trình nghiên cứu này, ông giới thiệu 14 nhạc cụ dây (à corde), và 8 nhạc cụ hơi (à vent). Đặc biệt, ông cũng giới thiệu những danh cầm Việt Nam từ đời Tự Đức cho đến đời Khải Định như các vị Tổng Văn Đạt, Đội Chín, ông Hoàng Nam Sách (con vua Minh Mạng), ông Thiện, ông Ứng Dũng, ông Phủ Thông, ông Cả Soạn v.v...

Huế ngày xưa là chốn kinh kỳ đế đô, hội tụ tinh hoa của cả nước. Vậy nên những sinh hoạt văn hóa trong giai đoạn này rất phong phú, đa dạng, trong đó có sự góp mặt của các “nghệ sĩ dân gian”.

Nhà thơ Huy Cận trong thời gian sống ở Huế có dịp tiếp cận với một số “nghệ sĩ dân gian” ấy. Trong tập “Hồi ký song đôi”, nhà thơ Huy Cận đã viết về họ ở phố Đông Ba khoảng từ năm 1928. “Nghệ sĩ dân gian” có tên Cả Soạn, người đánh cò cao và chơi điêu luyện các loại đàn tranh, đàn bầu, đàn nguyệt... được ông đưa vào thơ: “Phố Đông Ba của tôi ngày bé/ Có ông Cả Soạn đánh cò cao/... Ông lại đàn hay. Nguyệt tiếng tơ/ Hồn ve dăng dỏi dưới trăng mờ/ Món tay tài tử năm cung nhấn/ Nghe cả trời thu nước nở mưa...”. Theo nhà thơ Huy Cận tiếng đàn của “nghệ sĩ dân gian” Cả Soạn “có khi nghe từng tiếng một, như những giọt nước, như những giọt trăng rơi trên một mâm ngọc trong một ánh trời trong vắt”.

Một “nghệ sĩ dân gian” khác là ông Lạng làm chuồng chim đẻ mưu sinh. Ông Lạng tài hoa khi chơi đàn bầu, tiếng đàn nghe ai oán đến nỗi lòng; đã tạo nên nguồn cảm hứng sáng tác cho nhà thơ Huy Cận: “Ông Lạng làm chuồng chim bán rong/ Suốt ngày khoan đục giữa mây song/ Đàn bầu một chiếc khi tiêu khiển/ Vừa gảy vừa ca thật nỗi lòng”.

Bài về “Thất thủ Kinh đô” được nhiều người biết đến cũng nhờ các “nghệ sĩ dân gian”

phổ biến, trong đó có ông Xẩm chợ mù, ngồi bên góc phố, ông Xẩm vừa đàn bầu, vừa hát về “Thất thủ Kinh đô”. Giọng vè của ông cất lên truyền cảm, cùng tiếng đàn bầu đòi đoạn, bi ai gây nên nỗi niềm xúc động cùng mỗi thương tâm trong lòng người nghe.

Cũng như thực phẩm từ nơi dân dã vào bếp ngự chốn cung đình thì đàn bầu, món ăn tinh thần dân gian của người dân cũng được vào sân chơi bác học. Như vậy, sau một thời gian dài thăng trầm và lớn lên, cây đàn bầu đã được tích tụ sinh khí của người Việt, vóc dáng của người Việt và vẻ đẹp thuần khiết của người Việt; để từ đó vua quan nhà Nguyễn đã hiểu cây đàn bầu như hiểu con người Việt, và dĩ nhiên với cái nhìn thiện cảm đó, đàn bầu đã được đưa vào cùng sánh ngang với các nhạc cụ cung đình đệm cho thể loại ca nhạc thính phòng đó là Ca Huế.

Khi nghệ thuật Nhã nhạc cung đình Triều Nguyễn và nghệ thuật Ca Huế định hình, đàn bầu đã xuất hiện một cách đỉnh đặc bên các nhạc cụ dân tộc truyền thống khác; trong đó còn lưu âm trong tâm hồn những người đồng điệu tiếng đàn bầu của Nghệ sĩ ưu tú tài danh Trần Kích, người đã được Nhà nước Pháp phong tặng danh hiệu Hiệp sĩ Văn hóa Pháp. Hình tượng Nhạc sĩ đàn bầu mặc áo hoa/ Mơ theo thánh thót giọng ngân nga trên thuyền sông Hương là bức tranh đẹp sinh động, truyền cảm trong bài thơ Nghe Ca Huế của Đặng Xuân Linh.

Tô Kiều Ngân, nhà thơ xứ Huế khi ngợi ca giọng Huế đã không quên mượn âm thanh tiếng đàn bầu để nói lên nỗi nhớ khắc khoải tự đáy lòng mình khi nghĩ về quê hương: “Có phải trưa nay chị nhớ người thương/ Nên mượn có ru em để ru lòng mình thương nhớ/ Có phải ngàn năm thương thương, nhớ nhớ/ Khiến tiếng đàn bầu thêm xé ruột, bào gan/ Tiếng Nam ai rung tận đáy tâm hồn...”.

Khi đàn bầu đã sánh ngang cùng với các nhạc cụ cung đình, đã tham gia đệm cho thể loại Ca Huế thính phòng cũng đồng nghĩa với sự đảm đương được các bài bản mà các nhạc cụ trong dàn tiểu nhạc từng diễn tấu.

Ca Huế là một loại hình nghệ thuật âm nhạc truyền thống đặc trưng của xứ Huế, có nguồn gốc từ thời vương triều Nguyễn. Ca Huế kết hợp giữa nhạc cung đình và nhạc dân gian, được biểu diễn trong không gian nhẹ nhàng, trang nhã trong các dinh thự, phủ đệ, trên dòng sông Hương. Nghệ thuật này tập trung vào cảm xúc, triết lý và cuộc sống của người dân Huế, thể hiện qua những giai điệu nhẹ nhàng và tâm tư tình cảm. Đàn bầu thường được sử dụng cùng với các nhạc cụ khác như đàn tranh, đàn nhị trong dàn nhạc Ca Huế; đàn bầu, với âm điệu độc đáo, được xem là “linh hồn” của âm nhạc dân tộc, với âm thanh trầm bổng, chứa đựng nhiều trạng thái tình cảm sâu sắc cũng đóng một vai trò không kém phần quan trọng trong việc thể hiện cảm xúc của âm nhạc, góp phần làm phong phú thêm âm thanh và biểu đạt thần thái, tâm hồn người trong các bài ca. Thêm nữa, trong dàn nhạc dân tộc, đàn bầu không chỉ góp phần tạo nên tính độc đáo cho các bản nhạc truyền thống mà còn dễ dàng hòa tấu cùng các nhạc dân tộc khác. Sự kết hợp này giúp mở rộng không gian sáng tạo âm nhạc, từ đó nâng cao giá trị nghệ thuật cho cả đàn bầu và âm nhạc trong nghệ thuật Ca Huế.

Từ ngày hòa bình, thống nhất đất nước (1975) đến nay, nghệ thuật Ca Huế tại thành phố Huế đã có nhiều bước phát triển đáng ghi nhận, cả về bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống quảng bá rộng rãi đến công chúng trong nước và quốc tế. Dưới đây là những chi tiết rõ ràng trong quá trình phát triển

1. Bảo tồn, truyền bá: Khôi phục các làn điệu cổ; tiếp tục được giảng dạy trong học đường (Học viện âm nhạc Huế, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế), trong gia đình các nghệ nhân.

2. *Phát huy và đổi mới*: Nhiều chương trình biểu diễn Ca Huế thính phòng phục vụ tri âm, đào tạo khán giả; phục vụ du lịch qua hình thức biểu diễn trên sông Hương, các khách sạn; phục vụ các sự kiện văn hóa, lễ hội cộng đồng.

3. *Quảng bá quốc tế*: Nghệ thuật Ca Huế không bị giới hạn trong phạm vi Việt Nam mà vẫn được đưa ra thế giới qua các chương trình giao lưu văn hóa, biểu diễn tại nước ngoài. Những chuyến lưu diễn này giúp Ca Huế tiếp cận khán giả quốc tế.

4. *Công nhận và vinh danh*: Ca Huế được đưa vào Danh mục Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia, nhấn mạnh giá trị nghệ thuật, lịch sử và nhân văn của loại hình này. Điều này thúc đẩy các cơ quan chức năng và cộng đồng địa phương tích cực hơn trong việc làm

Nghệ thuật Ca Huế tại thành phố Huế đã không ngừng tồn tại và phát huy từ sau ngày thống nhất đất nước. Dù gặp không ít khó khăn nhưng với nỗ lực của các nhân công, cơ quan chức năng và cộng đồng, Ca Huế vẫn giữ vững vị trí là một trong những biểu tượng đặc sắc của văn hóa đô thị và cả nước.

Từ thực tiễn cuộc sống, nhờ sự cống hiến hết mình, công tâm, bền bỉ trong niềm đam mê nghệ thuật Ca Huế với nhiều tháng năm dài biểu diễn đàn bầu trong các chương trình Ca Huế mà có nhiều nghệ nhân, nghệ sĩ đàn bầu đã thành danh với những ngón đàn điêu luyện, tuyệt kỹ. Tại Huế tiêu biểu lớp trước có nghệ nhân Cả Soạn, NSUT Trần Kích, lớp kế thừa có NSUT Minh Tiến, Xuân Thoại, Lâm Bảo Dân, Đỗ Trung Thành, Hồng Lê, Nguyễn Văn Vui, Dương Tiến Cường, Trần Đình khắc Du, Nguyễn Thu Ba... Lớp trẻ hơn, hiện nay Thu Hằng, Thu Hương, Võ Hải Triều, Quốc Khánh, Doãn Chí... Chính họ đã cống hiến và truyền bá âm hưởng của đàn bầu qua các buổi biểu diễn trong và ngoài nước, giúp khán giả hiểu rõ hơn về giá trị văn hóa của nhạc cụ này. Điều ấy cho thấy rằng, với sự đam mê và nỗ lực, nhiều nghệ nhân, nghệ sĩ đã đạt được thành công trong sự nghiệp nhờ vào đàn bầu, nâng cao giá trị văn hóa dân tộc trong mắt bạn bè quốc tế.

Đàn bầu, một nhạc cụ truyền thống độc đáo của Việt Nam, mang giá trị văn hóa sâu sắc và tiềm năng phát triển lớn trong âm nhạc hiện đại. Để phát triển nghệ thuật đàn bầu với Ca Huế, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất, xem xét các giải pháp sau:

Bảo tồn và giáo dục: Hiện nay thành phố Huế đã đưa Ca Huế vào giảng dạy trong trường học, vậy nên thêm vào chương trình dạy các nhạc cụ dân tộc, trong đó có đàn bầu. Tổ chức lớp học cộng đồng: Mở các lớp học đàn bầu tại các Nhà văn hóa nhằm khuyến khích người dân mọi lứa tuổi tiếp cận và học tập. Biên soạn tài liệu học đàn bầu với những bài bản Ca Huế. Phát triển giáo trình, tài liệu, video hướng dẫn chi tiết và dễ tiếp cận, giúp học viên tự học hoặc học qua các nền tảng trực tuyến.

Chính sách hỗ trợ từ Nhà nước và tổ chức xã hội.

Hỗ trợ nghệ nhân: Khen thưởng, hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện để các nghệ nhân truyền dạy kỹ thuật chơi đàn bầu.

Đầu tư vào văn hóa truyền thống: Dành ngân sách cho các dự án bảo tồn và phát triển đàn bầu.

Xây dựng các không gian văn hóa: Mở các bảo tàng, trung tâm trưng bày và giới thiệu nhạc cụ truyền thống, trong đó có đàn bầu.

Những giải pháp trên cần được triển khai đồng bộ, với sự tham gia của nghệ nhân, nghệ sĩ, nhà quản lý văn hóa, nhà nghiên cứu và cộng đồng. Việc bảo tồn và phát triển đàn bầu không chỉ là trách nhiệm mà còn là niềm tự hào của người Việt Nam ■

Tưởng nhớ những năm tháng ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU Ở HUẾ

■ NGUYỄN DUY TỜ

1. Không phải đến tận năm 1805, ở tuổi 41, được triều đình nhà Nguyễn bổ chức Đông Các Học sĩ, trao cho tước Du Đức hầu, Nguyễn Du mới vào Huế. Từ 12 năm trước (1793) nhà thơ đã từng tới kinh đô Phú Xuân, vào thăm người anh ruột là Đông Các Đại Học sĩ Nguyễn Nễ (hay Nguyễn Đề) bấy giờ đang trông coi việc văn thư ở Cơ Mật Viện triều Tây Sơn. Đây là lúc Hoàng đế Quang Trung đột ngột qua đời mới tròn một năm, Quang Toản nổi ngôi với trăm mối âu lo. Chẳng hiểu vì sao những tháng ngày lẽ ra rất đáng nhớ này lại không lưu lại gì trong tác phẩm của ông. May mà chuyện này được ghi đậm trong *Quế Hiên thi cáo* của Nguyễn Nễ (hay Nguyễn Đề) với năm bài có đề từ rất rõ: *Tổng Tổ Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn* (Đưa tiễn em Tổ Như từ kinh đô Phú Xuân trở về Bắc).

Lịch sử như một dòng sông chảy mãi mà đời người thì có hạn. Năm nhà thơ chào đời (1765), người cha Nguyễn Nghiễm đã làm Tể tướng trong triều Lê - Trịnh. Năm 1775, cụ Nguyễn Nghiễm mất, Nguyễn Du mới 11 tuổi. Năm 1783, Nguyễn Du đỗ tam trường (tú tài). Ba năm sau, khi ông đang làm Chánh Thủ hiệu Thái Nguyên thì thời vận vua Lê chúa Trịnh tới hồi suy tàn. Nguyễn Huệ ra Bắc diệt họ Trịnh lộng hành, làm lễ thành hôn với công chúa Ngọc Hân. Vua Lê Hiển Tông mất, truyền ngôi lại cho Lê Chiêu Thống. Khi tiếng trống rền vang mừng đại thắng quân xâm lược nhà Thanh ở Đống Đa mùa xuân 1789 chưa kịp dứt thì những lời hiệu dụ của vua Quang Trung vang lên tha thiết kêu gọi các quan văn võ triều Lê quy thuận ra giúp nhà Tây Sơn. Trong khi người anh là Nguyễn Nễ (hay Nguyễn Đề) và người anh vợ Đoàn Nguyễn Tuấn thuận lòng thì Nguyễn Du vẫn quyết định nấu mình tận miền quê Quỳnh Côi - Thái Bình. Ông thấy “mắc nợ” ân lộc của triều Lê - Trịnh nên ngại nhận bổng lộc của tân triều, sợ vương phải điều trái lương tâm... “Mười năm gió bụi” trên đất Thái Bình cộng với những năm tháng quay về quê cha Tiên Điền ẩn dật dưới chân núi Hồng thấm thoát qua đi 16 năm trời.

Năm 1802, vua Gia Long ngự giá Bắc thành, xuống dụ cho cựu thần nhà Lê đến nơi hành tại, tùy tài bổ dụng. Nguyễn Du nhận chức Tri huyện Phù Dung, sau đó ba tháng được phong Tri phủ Thường Tín. Thế mà, chưa đầy hai năm sau, mùa thu năm 1804, Nguyễn Du cáo bệnh xin từ quan để về quê, khiến cho người cháu là Nguyễn Hành (1771-1824) hết sức ngạc nhiên: “*Thanh bình hà sự cố từ quan?* - Đang buổi thanh bình cơ sao chú lại từ quan mà về?”

Song tháng giêng năm sau (1805), Nguyễn Du quay lại chôn quan trường, và lần này có tới 15 năm gần gũi với kinh đô Huế phồn hoa đô hội bậc nhất cả nước lúc bấy giờ. Biên niên những sự kiện quan trọng cuộc đời làm quan mười mấy năm cuối đời của Nguyễn Du có thể tóm lược như sau:

- 1805, 41 tuổi, tháng giêng, được thăng Đông Các Học sĩ, tước Du Đức hầu.
- 1807, 43 tuổi, được cử làm Giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương.
- 1809, 54 tuổi, tháng 4, được bổ làm Cai bạ dinh Quảng Bình.
- 1813, 49 tuổi, được thăng Cần Chánh Điện Học sĩ, tháng 2 được cử làm Chánh sứ sang Trung Hoa.

- 1814, 50 tuổi, tháng 4, Sứ bộ do Nguyễn Du dẫn đầu hoàn thành công vụ về tới kinh đô Huế.

- 1815, 51 tuổi, được đặc cách thăng Hữu Tham tri bộ Lễ.

- 1820, 56 tuổi, được vua Minh Mạng chọn làm Chánh sứ sang Trung Hoa cầu phong, nhưng chưa kịp lên đường thì đột ngột nhuộm bệnh rồi mất vào ngày 16/9.

Có thể nói rằng, cuộc đời làm quan của Nguyễn Du dưới triều Nguyễn, trên đất kinh đô Huế, là khá suôn sẻ, được tin dùng, được giao trọng trách. Nhưng tìm trong sử sách, trong thơ văn ông không hề thấy ông một lần tỏ ra đặc chí. Ông hay nói tới nỗi “bạc đầu”. Chân dung ông trong bộ chính sử Đại Nam liệt truyện của triều Nguyễn là một con người khá lạ lùng, xem ra không cầu cạnh, không thăm thiết gì cho lắm với thời cuộc. Vua Gia Long có lần trách ông: “Nhà nước dùng người, cứ kẻ tài là dùng, không phân biệt Nam, Bắc. Người với ta đã được ơn tri ngộ, làm quan đến bậc Á khanh, biết việc gì thì nói cho hết chức trách của mình, sao lại cứ rụt rè, chỉ vâng dạ cho qua chuyện”. Cái chết của ông là vì tai họa của một nạn đại dịch cướp đi sinh mạng của 206.835 người, thế mà được Đại Nam liệt truyện ghi lại với những chi tiết rất lạ: “Đến khi bệnh nặng, không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân, họ thưa đã lạnh cả rồi, ông nói ‘Tốt’ rồi mất, không trở lại một điều gì”. Thi thể của Nguyễn Du được mai táng ở cánh đồng Bàu Đá, xã An Ninh (nay là khu vực An Hòa). Mùa hè năm 1824, con trai ông là Nguyễn Ngũ đem hài cốt về táng ở quê nhà. Có một câu đối phúng viếng ông được người đời sau truyền tụng mãi: “*Nhất đại tài hoa, vi sứ, vi khanh, sinh bất thiêm. Bách niên sự nghiệp, tại gia, tại quốc, tử do vinh - Một kiếp tài hoa, làm sứ, làm khanh, sinh chẳng thẹn. Trăm năm sự nghiệp, ở nhà, ở nước, chết còn vinh*”.

2. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du có ba tập. *Thanh Hiên thi tập* gồm 78 bài sáng tác trong ba thời kỳ: “Mười năm gió bụi” ở Thái Bình, thời gian về quê nhà mà Đại Nam liệt truyện nói là “tự ý đi chơi, săn bắn núi Hồng 99 ngọn, vết chân hầu khắp” và mấy năm đầu ra làm quan với triều Nguyễn. *Nam Trung tạp ngâm* có 40 bài viết từ năm 1805 đến cuối năm 1812, tức là từ khi Nguyễn Du được thăng Đông Các Học sĩ vào làm quan ở Huế cho đến khi ông thôi làm Cai bạ Quảng Bình. *Bắc hành tạp lục* có tới 132 bài, sáng tác chỉ trong năm 1813 là năm ông nhận nhiệm vụ đi sứ Trung Hoa, được đặt chân đến rất nhiều địa danh nổi tiếng.

Lâu nay, trong ba tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du, người ta ít chú ý tới *Nam Trung tạp ngâm* so với *Thanh Hiên thi tập* và *Bắc hành tạp lục*. Tập thơ chỉ có 40 bài, rất ít trực tiếp trình bày quan điểm về các vấn đề tư tưởng, nhân sinh rộng lớn; mà chủ yếu gói gắm nỗi niềm đối với gia đình, quê hương, cảm nhận về những nơi ông sống và làm việc, tâm sự về những nẻo đường công danh đượm buồn. Cũng như hai tập kia, *Nam Trung tạp ngâm* có 6/40 bài nhắc tới chuyện “bạch phát”, “bạc đầu” mà cụ Đào Duy Anh cho rằng “hình ảnh Nguyễn Du tuổi còn trẻ mà đầu đã bạc”. Rõ là, không chỉ trong hoàn cảnh “mười năm gió bụi” hay đứng trước bức tranh lịch sử và con người Trung Hoa có lắm điều suy ngẫm, nhà thơ mới thấy mình “già” đi, mà ngay cả trên bước đường công danh nhìn chung không mắc mớ gì nhiều, ông vẫn không nguôi ngoai nỗi “bạc đầu”:

- *Vọng Thiên Thai tự* (Trông chùa Thiên Thai): “*Khả liên bạch phát cung khu dịch. Bất du thanh sơn tương thủy chung* - Thương cho đầu bạc còn vương lục. Cùng với đầu xanh trót phụ lời”.

- *Dạ tọa* (Đêm ngồi): “*Bạch đầu sở kế duy y thực. Hà đắc cuồng ca tự thiếu niên* - Bạc đầu luẩn quẩn ăn cùng mặc. Sao được ngêu ngao tự thiếu niên”.

- *Thu nhật ký hứng* (Ngày thu cảm hứng): “*Tự thân bạch đầu khiếm thu thập. Mãn đình hoàng điệp lạc phân phân*” - Đầu bạc trách ta thu xếp vụng. Đầy sân lá úa rụng rơi”.

Không có biến cố gì khiến ông phải nổi giận, bất mãn, bất đắc chí. Nhưng bằng bạc trong cả tập thơ là một nỗi buồn thăm thẳm. Chiều bên sông “*thanh phong niễn niễn*” (hiu hiu gió mát), đêm ngắm trăng sáng “*lô hoa sơ bạch, cúc sơ hoàng*” (lau chớm trắng, cúc chớm vàng) lòng nhà thơ lúc nào cũng đượm buồn. Buồn vì “*Khả liên đồng thị vị quy nhân*” (Buồn chung đất khách vẫn long đong). Buồn vì “*độc bão hương tâm*” (ôm lòng nhớ quê). Buồn vì “*Nhất thân ngọa bệnh đế thành đông*” (Một mình bệnh rụi góc đông đế thành) mà “*Cố hương cang hạn cửu phương nông. Thập khẩu hài nhi thái sắc đồng*” (Quê nhà hạn hán hại hoa màu. Mười đứa con thơ mặt tựa rau). Cho nên một đêm cuối xuân “*bế môn tạ tri giao*” (đóng cửa không tiếp bạn tâm giao), nhà thơ viết như thể gọi hồn:

*Đỗ vũ nhất thanh xuân khứ hĩ
Hồn hề! Quy lai! Bì cố hương!
(Ngẫu hứng công quán bích)
Chim cuốc kêu sầu, xuân đã hết
Hồn ơi! Về đi! Thương cố hương!
(Ngẫu hứng đề vào vách công quán)*

3. Những tên đất, tên người xứ Huế được ghi lại trong tác phẩm của Nguyễn Du không nhiều. Cả tập thơ *Nam Trung tập ngâm* chỉ có 4 bài nhắc tới Hương Cầm, chùa Thiên Thai, sông Hương và núi Ngự với không gian và tâm thế đậm màu suy tưởng, sâu nặng nỗi lòng.

Hơn hai trăm năm nay, nhiều người, nhiều thế hệ vẫn không thể nào quên câu thơ của đại thi hào trong bài *Thu chí* mỗi khi nhắc nghĩ tới sông Hương: “*Hương giang nhất phiến nguyệt. Kim cổ hứa đa sầu* - Một mảnh trăng trên sông Hương. Gọi bao mối sầu kim cổ”. Biết bao nỗi niềm chất chứa trước tuyệt tác sông Hương được thiên nhiên ban tặng hiện lên như một bức tranh trong con mắt của nhà thơ. Cảnh và tình hòa quyện, như có lần nhà thơ đã gửi gắm trong *Truyện Kiều*: “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”.

Mùa xuân, trước công quán, cung vua nhìn ngắm núi Ngự Bình xa xa bên kia sông Nguyễn Du lại chạnh lòng nghĩ tới dòng đời: “*Xuân tòng giang thượng lai hà xứ* - Cảnh xuân theo dòng nước trôi về đâu?” và không quên tự soi thân phận mình: “*Nhân ý thiên nhai trệ nhất quan* - Vì chút chức quan mà ta phải lần lữa nơi chân mây”.

Hương Cầm xanh biếc liễu xanh cứ mãi day dứt tình cảnh kẻ Bắc người Nam, kẻ ở người đi trong bài *Tống nhân* (Tiễn bạn): “*Giang bắc, giang nam vô hạn tình* - Kẻ phía bắc sông, kẻ phía nam sông, tình chan chứa”

Có lẽ, Nguyễn Du không đến với thiên nhiên tươi đẹp của xứ kinh kỳ bằng tâm thế của người đi tìm lạc thú tiêu dao. Không ít nhà thơ cùng thời đã làm như thế. Ông không lấy cảnh để thỏa mãn thú ngao du mà mượn cảnh để ký thác nỗi niềm nhân sinh. Vì thế, thơ ông để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người hậu thế.

4. Đã ngót hai trăm hai mươi năm đại thi hào Nguyễn Du vào làm quan, sống và làm thơ ở xứ Huế. Và hơn hai trăm năm nay, kiệt tác *Truyện Kiều* vẫn còn để lại một câu

hỏi lớn: *Truyện Kiều* được sáng tác ở đâu, lúc nào; liệu có hình bóng gì của Huế trong tác phẩm bất hủ đã làm nên tầm vóc đại thi hào, Danh nhân văn hóa thế giới Tố Như - Nguyễn Du? Câu hỏi này đã được nhiều học giả, nhà nghiên cứu đề cập tới hơn 80 năm nay, nhưng cho đến bây giờ vẫn chưa có câu trả lời cuối cùng.

Tháng 2 năm 1943, trên báo Thanh Nghị, cụ Hoàng Xuân Hãn đăng bài *Nguồn gốc văn Kiều* cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* vào khoảng từ 1814 đến 1820. Ngay sau đó, tháng 5 năm 1943, trên báo Tri Tân, cụ Đào Duy Anh phủ nhận ý kiến của cụ Hoàng Xuân Hãn, cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* khi đang làm quan ở Đông Cốc, nghĩa là từ năm 1805 đến 1809.

Hai tác giả Trương Chính và Nguyễn Thạch Giang trong công trình nghiên cứu *Nguyễn Du - Tác phẩm và lịch sử văn bản* xuất bản năm 2000 nêu ra hai thời điểm: Năm 1801, 37 tuổi, *Truyện Kiều* được Nguyễn Du “chỉnh lý thêm trong thời gian ở quê”. Năm 1808, 44 tuổi, nhà thơ xin về quê nghỉ 8 tháng với lý do “hoàn chỉnh một lần nữa *Truyện Kiều*”.

Hai tác giả Trần Minh Siêu và Mai Khắc Ứng trong cuốn sách *Du lịch Bắc miền Trung* xuất bản năm 2000 thì quả quyết: “Trong thời gian 6 năm (1796 - 1802), Nguyễn Du đã sáng tác *Văn chiêu hồn* và cho ra đời kiệt tác *Truyện Kiều*”.

Cùng với nhiều nhà nghiên cứu khác nữa, về thời gian Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* đã tồn tại ba giả thuyết: (1) Những năm ẩn dật ở quê nhà từ 1796 đến 1802 (Nguyễn Thạch Giang, Trương Chính, Trần Minh Siêu, Mai Khắc Ứng...), (2) Những năm 1802-1809 (Đào Duy Anh, Nguyễn Lộc...), (3) Những năm sau 1813 khi đi sứ Trung Hoa về (Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Quảng Tuân...).

Việc tồn tại lâu nay những quan điểm khác biệt nói trên là điều dễ hiểu, bởi có một sự thật, như nhà nghiên cứu Nguyễn Lộc nói rõ: “Tài liệu về nhà thơ còn lại quá ít”, “Chúng ta hiện không có bất cứ một ghi chép nào của nhà thơ về quá trình sáng tác *Truyện Kiều*”.

Chúng ta đều biết *Truyện Kiều* dựa vào nguyên tác *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, song sự sáng tạo của Nguyễn Du trong kiệt tác của mình là vô cùng xuất chúng. *Truyện Kiều* mô tả sống động cả một xã hội có nhiều hạng người: những cô gái sống cảnh “êm đềm trướng rủ màn che” như chị em Kiều, những “sư tử Hà Đông” cậy quyền thế mà chèn ép chồng và lộng hành quá quắt như Hoạn Thư, những “mẹ mìn” ngoại hạng cỡ Tú Bà; những viên quan xử án mặt sắt đen sì”, những gã lừa dối tráo tráo như Sở Khanh, những kẻ lật lọng lạnh lùng như Hồ Tôn Hiến; những thư sinh như Kim Trọng, những anh hùng như Từ Hải, những nhà sư, ngư tiều hiền hậu, bao dung... Có nơi đâu ở Việt Nam bây giờ có thể tìm thấy sự gần gũi với cuộc sống trong *Kim Vân Kiều Truyện* bằng kinh đô Huế - thủ phủ của vương triều Nguyễn; để rồi từ đây có thể tạo ra cảm hứng bất tận để thi hào Nguyễn Du biến một tác phẩm văn xuôi của Thanh Tâm Tài Nhân thành tác phẩm thơ Việt bất hủ *Truyện Kiều*? Lý thuyết về tâm lý học sáng tạo nghệ thuật đã mách bảo cho ta quy luật ấy của văn chương.

Mười lăm năm làm quan và làm thơ, trải nghiệm bao vui buồn, ưu tư cùng sông núi và cuộc đời chốn kinh đô đất nước thuở ấy rồi lặng lẽ nằm xuống, xứ Huế chắc hẳn đã góp một phần đặc biệt quan trọng làm nên nhân cách, hồn thơ lỗi lạc Nguyễn Du - Danh nhân văn hóa thế giới ■

GIỚI THIỆU MỘT DỊ BẢN TRUYỆN THƠ QUÝ NGỌC - THOẠI HƯƠNG

■ ĐỖ VĂN LÂN *sưu tầm*
TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG *giới thiệu*

Trong kho tàng văn học dân gian Thừa Thiên Huế, thể loại truyện thơ không phong phú bằng các thể loại khác như ca dao, câu đố, vè, truyền thuyết, tục ngữ, và truyện cổ tích. Nhưng truyện thơ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục nhân cách sống mà người bình dân đã gửi đến cho thế hệ trẻ hôm nay.

Về số lượng tác phẩm truyện thơ ở Thừa Thiên Huế cho đến năm 2012, nhà nghiên cứu Triều Nguyễn cho rằng “*Truyện thơ là thể loại có số lượng tác phẩm không nhiều. Và chỉ có 4 truyện thơ gồm:*

- *Truyện Du lịch thiên đàng, gồm 143 dòng thơ.*
- *Truyện Trò Siêu - O Hiên, gồm 214 dòng thơ.*
- *Truyện Thoại Hương - Quý Ngọc (mới sưu tầm được phần đầu), gồm 185 dòng thơ.*
- *Truyện Mã Phụng - Xuân Hương, gồm 4267 dòng thơ”⁽¹⁾.*

Trong 4 tác phẩm truyện thơ nói trên, chỉ có truyện Thoại Hương - Quý Ngọc là chưa sưu tầm đầy đủ, đó cũng là niềm trăn trở của nhà nghiên cứu Triều Nguyễn trước khi ông rời cõi tạm. Mặc dầu khi còn sống, ông cũng đã cất công đi tìm, dò hỏi, tra cứu tư liệu, kết nối nhiều thế hệ, vùng miền làng quê để tìm đầy đủ văn bản nhưng cũng trong vô vọng. Với 185 câu thơ của truyện thơ Thoại Hương - Quý Ngọc mà nhà nghiên cứu Triều Nguyễn công bố thì câu chuyện của Thoại Hương - Quý Ngọc được tóm tắt như sau: “*Thoại Hương ở nhà với mẹ chồng, rất hiếu thuận, còn Quý Ngọc phải đi học xa. Một hôm nàng nằm mơ thấy rồng đoanh và mang thai. Mẹ chồng nghi ngờ Thoại Hương ngoại tình, nhấc Quý Ngọc về, hoặc con phải li dị vợ. Trên đường về lại nhà của mình, Thoại Hương đi ngang qua một khu rừng thì gặp một con hổ bị mắc bẫy. Thoại Hương đồng ý tháo bẫy cho hổ với điều kiện hổ phải ăn thịt cô. Nhưng khi ra khỏi bẫy, hổ không chịu ăn thịt Thoại Hương mà đòi bà mẹ chồng không biết phải trái của nàng phải đền mạng. Thoại Hương đã van nài, xin đem thân mình để cứu bà lão”⁽²⁾. Cũng theo nhà nghiên cứu Triều Nguyễn “*hiện chưa sưu tầm được phần sau, nhưng từ đặc điểm của thể loại có thể cho biết phần kết thúc có hậu của nó”⁽³⁾.**

May thay, từ năm 2023, tôi được họa sĩ Đỗ Văn Lân công tác tại Sở Văn hóa và Thể thao cho biết anh có sưu tầm được một bản truyện thơ Quý Ngọc - Thoại Hương. Tôi cho anh biết đó là một dị bản mới phát hiện và khuyên anh nên ghi chép lại được chừng nào hay chừng nấy. Và kết quả thật đáng khâm phục, một văn bản truyện thơ Quý Ngọc - Thoại Hương dài 301 câu thơ lục bát, có chêm xen 2 câu 4 chữ (tất nhiên là chưa kịp khai thác hết thì bố của anh Đỗ Văn Lân - người thuộc văn bản và đọc cho anh ghi đã qua đời), đó là điều đáng tiếc. Nhưng dù sao đi chăng nữa, đây là văn bản quý, có thể

1. : Triều Nguyễn (biên soạn): Tổng tập Văn học dân gian xứ Huế. Tập III: Vè, Truyện thơ. NXB Thuận Hóa, Huế, 2012, trang 27.

2. : Triều Nguyễn (biên soạn): Tổng tập Văn học dân gian xứ Huế. Tập III: Vè, Truyện thơ. NXB Thuận Hóa, Huế, 2012, trang 27.

3. : Triều Nguyễn (biên soạn): Tổng tập Văn học dân gian xứ Huế. Tập III: Vè, Truyện thơ. NXB Thuận Hóa, Huế, 2012, trang 27.

gọi là dị bản hoặc là văn bản truyện thơ Quý Ngọc - Thoại Hương thứ hai được sưu tầm ngay trên địa bàn thành phố Huế.

Nhiệm vụ của anh Đỗ Văn Lân là làm thế nào để văn bản này đến được với công chúng và nhất là bảo tồn di sản văn học dân gian Thừa Thiên Huế trong bối cảnh hiện nay. Nhận lời mời của anh Đỗ Văn Lân, tôi đối chiếu so sánh 2 văn bản truyện thơ này và giới thiệu đến bạn đọc trong nay mai.

Qua bản Thoại Hương - Quý Ngọc mà nhà nghiên cứu Triều Nguyên công bố năm 2012, cùng với dị bản Quý Ngọc - Thoại Hương mà tác giả Đỗ Văn Lân sưu tầm năm 2023, chúng tôi thấy có những tương đồng và dị biệt như sau:

Stt	So sánh	Bản của Triều Nguyên	Bản của Đỗ Văn Lân
1	Số câu	185	301
2	Số từ trong câu	4, 5, 6, 7, 8, 9	4, 6, 8 (chỉ có 2 câu 91 và 97 là có 4 từ)
3	Ngôn ngữ thơ	Không lưu loát sinh động, ở đây có nhiều đoạn lặp lại, nhiều hình ảnh ước lệ công thức.	Hài thanh, số tiếng, hiệp vần của thể thơ lục bát rất chuẩn mực, nên dễ đọc, dễ nhớ.
4	Nội dung	Chia làm 4 phần: - Từ câu 1 đến câu 10: Thoại Hương, một cô gái 12 tuổi có chồng là Quý Ngọc đang đi học xa. Thoại Hương lo canh củi, và may vá chăm sóc mẹ chồng. - Từ câu 11 đến câu 131: Thoại Hương nằm mộng thấy rồng doanh trong bụng, cô có mang. Mẹ Quý Ngọc cho rằng Thoại Hương đã vụng trộm với người khác, nhằn Quý Ngọc về, buộc con phải làm giấy để vợ (li dị). Quý Ngọc viết giấy li dị vợ trong nước mắt. - Từ câu 132 đến câu 151: Thoại Hương rời nhà chồng ra đi, Quý Ngọc đưa tiễn, dặn dò thận trọng trong việc dưỡng thai. - Từ câu 152 đến câu 185: Thoại Hương gặp con hùm bị mắc bẫy, cứu nó ra. Hùm biết đạo nghĩa, nó đền ơn cô.	Chia làm 13 phần: - Từ câu 1 đến câu 18: Kể về nàng Thoại Hương 12 tuổi, lấy chồng là Quý Ngọc, chồng đi học xa, chăm mẹ chồng chu đáo từ bữa ăn, giấc ngủ...làm cảm động đến trời xanh. - Từ câu 19 đến câu 32: Nàng nằm mộng thấy rồng doanh trong dạ rồi có thai, nàng lo lắng và chấp nhận mang tiếng chịu lời với mẹ chồng. - Từ câu 33 đến câu 52: Mẹ chồng biết nàng có thai, giận dữ, nhằn gọi con trai là Quý Ngọc về nhà. - Từ câu 53 đến câu 112: Quý Ngọc nghe lời mẹ, chàng làm tờ li dị vợ. Thoại Hương đánh lui về lại chốn quê cũ của mình. - Từ câu 113 đến câu 132: Quý Ngọc thương Thoại Hương nên đi theo một đoạn đường rồi dặn dò dưỡng thai nhi cẩn thận từ đi, đứng, ăn, ngồi, nằm. - Từ câu 133 đến câu 170: Trên đường đi, Thoại Hương gặp con hổ bị mắc bẫy, nàng cứu hổ và van xin hổ hãy ăn thịt mình. Hổ không chịu mà lại đòi ăn thịt mẹ Quý Ngọc. - Từ câu 176 đến câu 186: Thoại Hương ở lại trong hang với hổ, sai hổ đi ăn cắp gạo, lửa ở nhà dân để Thoại Hương nấu ăn. - Từ câu 187 đến câu 202: Hổ lại nghe lời Thoại Hương đi tìm tiêu và nghề về cho nàng chế biến món ăn. - Từ câu 203 đến câu 235: Thoại Hương được hổ chăm sóc rồi cũng đến ngày sinh nở. Hổ nghe lời Thoại Hương đi tìm được bà mẹ về đỡ đẻ. - Từ câu 236 đến câu 245: Thoại Hương sinh được một đứa con trai. - Từ câu 246 đến câu 295: Bà mẹ và hổ thay nhau chăm sóc Thoại Hương và em bé, đặt tên con là Quý Châu. - Từ câu 296 đến câu 301: Dân làng thấy hổ hay về lấy đồ vật thì ai nấy lao xao, lo sợ.
5	Cách diễn đạt ngôn ngữ	Từ Hán Việt không nhiều với các từ khá thông dụng như: Tào khương, sử kinh, giang đông, tam tông, chúng tri, nguyệt ba, thất hiếu, lâm li.	Từ Hán Việt không nhiều với các từ khá thông dụng như tào khang, sử kinh, thiên đình, tam tông, nguyệt ba, phân li, bốn hương.
6	Từ địa phương	Dùng các từ như: Nường, con nỏ muốn mần, cho đặng, dợi choa, li bì.	Dùng các từ như: Bà gia, thuốc ba, đồ thừa, làm choen, đại chang, thất kinh, nường.

Như vậy, dựa vào bản truyện thơ Quý Ngọc - Thoại Hương mà tác giả Đỗ Văn Lân sưu tầm, ghi chép lại từ thân phụ của anh là bản phong phú về nội dung, nhiều hơn bản của Triều Nguyên đến 116 câu.

Tất nhiên, dị bản này chỉ có một số câu có nội dung trùng lặp với bản Thoại Hương - Quý Ngọc của Triều Nguyên. Phần còn lại thì văn phong lưu loát, lời lẽ giản dị và hay hơn nhiều.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu thêm một dị bản truyện thơ Quý Ngọc - Thoại Hương, do họa sĩ, tác giả Đỗ Văn Lân cung cấp cũng như lời tâm sự của người sưu tầm là *“Trong một lần được đọc bản truyện thơ Thoại Hương - Quý Ngọc do nhà nghiên cứu Triều Nguyên sưu tầm nhưng chỉ được một phần của truyện. Tôi nhớ lại, thuở nhỏ đã được nghe Bố đọc truyện thơ này và may mắn thời đó có chép lại. Do tính chất truyền miệng nên có sự khác nhau về tình tiết khác. Bản này có bổ sung thêm phần sau so với bản đã được nhà nghiên cứu Triều Nguyên sưu tầm; tuy không đầy đủ nhưng hy vọng cung cấp thêm một số tình tiết của bản truyện Quý Ngọc - Thoại Hương trong nền văn học dân gian xứ Huế”*.

Dưới đây là văn bản Truyện thơ **QUÝ NGỌC - THOẠI HƯƠNG** do họa sĩ Đỗ Văn Lân sưu tầm do thân phụ của anh đọc.

Văn bản:

- Có người ở phủ Quỳnh Hoa,
Làm quan thừa tướng, gần xa tiếng đồn.
Sinh đặt một gái, lớn khôn,
Mới mười hai tuổi, tên là Thoại Hương.
5. Mẹ cha sớm định, tào khương⁽⁴⁾,
Chồng là Quý Ngọc, theo đường⁽⁵⁾ sử kinh.
Ở nhà giữ một lòng trinh,
Nuôi mẹ trọn hiếu, trọn tình thảo ngay.
Ngày thời, thêu dệt, vá may,
10. Đêm thời, đắp bóp chân tay mẹ già.
Chồng thời ăn học đàng xa⁽⁶⁾,
Năm canh luống nhẩn, vào ra một mình.
Có lòng thấu đến thiên đình,
Thấy nàng có nghĩa trọn tình bà gia⁽⁷⁾.
15. Tóc xanh xõa xuống thước ba,
Đắp cho mẹ ngủ thật là thảm thương.
*
Thân nàng còn ở phương xa,
Non trùng sớm cách, trăm đường quạnh hiu.
Cửa nhà đã khó, lại nghèo,
20. Trách trong phận số, cũng nhiều gian nan.
Nàng⁽⁸⁾ bèn vào dựa thanh giường,
Chiêm bao mộng寐, phi thường lạ thay.
Thấy rồng doanh dạ đàng nay,

4. : Tào khương: Chỉ người chung thủy.

5. : Đàng: Nghĩa là đường.

6. : Đàng xa: Đường xa.

7. : Bà gia: Mẹ chồng.

8. : Nường: Nàng.

- Hiện thành thai dựng, trời ơi chẳng trời.
 25. Đã đành mang tiếng chịu lời,
 Biết sao choặng trọn đời bà gia.
 Sự tình, ai thấu cho ta,
 Đã đành chịu tiếng, nhục nha trăm bề.
 Dầu lâu chồng có trở về,
 30. Lỗi khi nguyên ước, lời thề ngày xưa.
 Hai hàng nước mắt, như mưa,
 Bây giờ có biết đổ thừa⁽⁹⁾ cho ai.
 *
- Rạng đông trời mới rạng ra,
 Lão bà trông thấy, mà lòng sinh nghi.
 35. Kêu nằng, liền hỏi một khi,
 Có sao khác sắc, dung nghi⁽¹⁰⁾ lạ lùng.
 Con này lỗi đạo tam tòng⁽¹¹⁾,
 Theo đường ba nguyệt⁽¹²⁾, chung cùng với ai.
 Con này mảy đã mang thai,
 40. Thời mảy khá nói, mấy ai phe mảy.
 Thoại Hương thừa lại bằng nay,
 Con không cá nước vui vầy cùng trai.
 Bây giờ thai dựng nổi này trời ơi,
 Thoại Hương nước mắt tuôn rơi.
 45. Nường bèn quỳ xuống, lạy vòng hai tay,
 Cúi đầu, thưa lại mẹ hay.
 Thấy rông doanh dạ chân tay rụng rời,
 Lão bà mắng quở toi bời.
 Con vua cháu chúa cũng không,
 50. Sao mảy lại đổ rông doanh hời mảy.
 Mồ cha tám kiếp mi đây,
 Nhấn thẳng Quý Ngọc về đây cho rồi.
 *
- Quý Ngọc chàng mới bước vào,
 Cuối đầu lạy mẹ, thấp cao sự tình.
 55. Việc chi mẹ nhấn thỉnh linh,
 Con đã về thấu, vào trình mẹ ngay.
 Lão bà phân lại bằng nay,
 Mi coi lấy đó, mà rày vợ con.
 Tưởng rằng, giữ tiết lòng son,
 60. Nào đâu, nên nổi không còn chút chi.
 Con này, lỗi đạo vô nghi⁽¹³⁾,

9. : Đổ thừa: Đổ lỗi.

10. : Dung nghi: Dung nhan.

11. : Tam tòng: Hay còn gọi là Tam tòng - ba điều phải làm theo của người phụ nữ xưa: còn con gái thì theo cha, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con trai trưởng.

12. : Ba nguyệt: Chuyện trăng hoa, quan hệ nam nữ ngoài hôn nhân.

13. : Vô nghi: Nghĩa tương tự là bất nghĩa, không giữ đúng điều tiết hạnh, lễ nghĩa.

- Nhấn con về đó, phân li cho rồi.
 Quý Ngọc nước mắt lâm li,
 Cho con hỏi lại, khúc nôi sự tình.
65. Cho con hỏi lại, cho mình,
 Để sau, mẹ khỏi bất bình dạ dẫu.
 Hỏi qua, cho hẩn đuôi đầu,
 Thoại Hương em khá phân câu sự tình.
 Lạy anh, xét lại cho mình,
70. Em không ăn ở bất minh điều gì.
 Đêm qua thấy việc lạ kì,
 Thấy rỗng doanh dạ, tứ chi em bàng hoàng.
 Đến sau, em thấy nghĩa chàng,
 Trở về trò chuyện, thêm đànng nguyệt ba.
75. Lão bà, tức giận mắng la,
 Mi nghe lời vợ, kể gì đến tau.
 Mi chẳng nghĩ trước, nghĩ sau,
 Đập đầu mà chết theo nhau cho rồi.
 Quý Ngọc khi ấy buông lời,
80. Tọa vu tịch thượng⁽¹⁴⁾, mẹ ngồi nghe thơ.
 Cục lòng chàng phải làm tờ,
 Khuyên em, hãy giữ cái tờ phân li.
 Chuyện này, trời đất chứng tri⁽¹⁵⁾,
 Chàng cầm giấy viết ướm đi ba lần.
85. Cầm nghiên⁽¹⁶⁾, nghiên bể làm ba,
 Cầm viết, viết rớt ngòi ra đường ngòi.
 Viết chi mẹ đến mà coi,
 Một tờ li dị phân li rõ ràng:
 “Lời anh can gián từ mẫu không nghe,
90. Trong dạ thương đành để đành sao đành,
 Phận nường xấu hổ,
 Nường không lỗi nhỏ, số nhọ long đong,
 Không tại chi chồng, trách trong số vợ,
 Non vàng đi nữa, núi ngọc chẳng ham,
95. Nữ hữu tông tam, nam thời thượng ngũ,
 Ông tơ chấp mối, bà nguyệt lia cành,
 Anh để sao đành,
 Lời anh căn dặn, nguyện ước duyên giai⁽¹⁷⁾,
 Dầu gái, hay trai, con anh, anh biết,
100. Nàng không đắm nguyệt chịu chữ phân li”.
 Tờ ghi li dị con đọc đã rồi,
 Mẹ cho nhiều ít, nường hồi bồn hương⁽¹⁸⁾.

14. : Tọa vu tịch thượng: Ngồi vào chiếu trên.

15. : Chứng tri: Chứng giám.

16. : Nghiên: Cái nghiên mài mực.

17. : Duyên giai: Giai niên bách lão, nghĩa là vợ chồng sống đến già.

18. : Bồn hương: Quê cũ.

- Lão bà, đành xách khóa rương,
 Cho mi năm chục, lên đường về quê.
 105. Thoại Hương nước mắt đầm dề,
 Miễn an thân mẹ, con về lo chi.
 Tiền này để lại một khi,
 Cho chàng ăn học, khoa kì công danh.
 Cúi đầu lạy mẹ, cùng anh,
 110. Lui về chốn cũ lều tranh cho rồi.
 Dỡ dăng tại số, mà thôi,
 Để em khóc đứng, khóc ngồi đặng đầu.
 *
 Nàng đi đặng một giây lâu,
 Quý Ngọc ngó thấy, mặt sầu chang chang.
 115. Đưa tay ngoắc vớ, ơi nàng,
 Đợi cùng chóa⁽¹⁹⁾ vớ, đôi đàng xa xôi.
 Sự này, do bởi mẹ ta,
 Làm cho nên nỗi, đôi ta lìa cảnh.
 Sự này, không phải chi anh,
 120. Sợ câu bất hiếu, nên đành chia xa.
 Đồ đây, em chớ vội qua,
 Đường mai vắng vẻ, chớ ra một mình.
 Ở sao, cho đặng chữ tình,
 Cây cao đừng vít, bất bình không nên.
 125. Nằm thời, nghiêng lại một bên,
 Em đừng nằm ngửa, chênh hênh không đành.
 Khi ăn chớ đứng, em ơi,
 Khi ngủ thức dậy, phải ngồi đấm lưng.
 Đi thời, nhẹ nhẹ bàn chân,
 130. Em đừng có chạy, chừng chừng em đi.
 Chữ rằng: miễn tử hồ bi,
 Chàng đừng thống thiết, có chi thêm phiền.
 *
 Ra đi, bờ bụi lênh khênh,
 Trèo non, lội suối, một mình bơ vơ.
 135. Bụng mang dạ chửa, đại khờ,
 Ngán tình thêm nỗi, một tờ phân li.
 Thân ni, chẳng thiết cùng mang,
 Liều mình lên núi, hổ lang nạp mình.
 Tai nghe, một tiếng hét vang,
 140. Nàng liền lần đến, thử coi là gì.
 Thấy hùm mắc bẫy một khi,
 Ông thời ăn quách tôi thì mở cho.
 Ông hùm, liền hỏi nguyên do,
 Cớ sao nông nỗi, ra ri hời nàng.

19. : Choa: Từ chóa này trong văn bản của Triều Nguyên cũng có nhắc đến.

145. Thoại Hương khi đó kể qua,
 Bao chuyện khúc nỗi, nên trang sự tình.
 Ông hùm khi ấy bực mình,
 Chẳng biết mụ ở quê hương là gì.
 Tôi nguyên, ăn thịt mụ đi,
150. Mụ là ác khẩu, để chi cho đời.
 Thoại Hương khi ấy mở lời,
 Ăn qua cho hết, để thời mẹ qua.
 Ăn chi những thịt mụ già,
 Thịt kia không có, xương da gầy mòn.
155. Rửa thì chị mở tôi ra,
 Thì tôi ăn quách chị mà chị coi.
 Thoại Hương liền mở ra ngay,
 Ông liền quỳ xuống, lạy vòng hai tay.
 Ra thời hùm khác ăn ngay,
160. Chị vào hang ở vậy thì đăng an⁽²⁰⁾.
 Kiếm đồ tạ chị đền ơn,
 Chẳng hay đồng nội, chị thường ăn chi.
 Thoại Hương khi ấy thăm thì,
 Ông đi kiếm gạo, vậy thì cho tôi.
165. Hùm kia, trong dạ bồi hồi,
 Tui không biết gạo vật ăn là gì.
 Thấy con chim đất bay đi,
 Nó tha hột gạo, vậy thì bỏ đây.
 Thoại Hương nắm gạo mét rầy,
170. Hột gạo trắng trắng, tròn tròn đây ông.
 *
- Hùm kia xuống xóm ngồi rình,
 Thấy nhà già gạo, vậy thì hò khoan.
 Hét lên một tiếng chạy quanh,
 Thắt kinh bỏ chạy, tan hoang cả nhà.
175. Hùm vô bùm gạo kia mà,
 Bùm lên đổ xuống, thôi mà còn chi.
 Cồng quách cả cối tau đi,
 Hùm vừa đem gạo đến thì đầu hang.
 Này đây, cả cối đại chang,
180. Hùm kêu ời chị, đã mang gạo về.
 Thoại Hương nước mắt dầm dề,
 Ông đi kiếm lửa vậy thì cho tôi.
 Hùm không biết lửa là gì,
 Suy đi nghĩ lại, hùm ngồi hùm lo.
185. Thoại Hương khi ấy về cho,
 Nơi mô sáng sáng, ông mò ông vô.
 *

20. : Đăng an: Được an bình.

- Xung quanh nào có nơi mô,
Thấy thẳng thối bệ, lết vô lò rèn.
Hét lên một tiếng chạy quanh,
190. Búa đe quăng hết, bệ rèn kể chi.
Hùm vô bùm lửa một khi,
Lửa kia quá nóng, vậy là phỏng tay.
Tức thì cạp miếng vỏ cây,
Đem về cho chị, vậy mà nấu ăn.
195. Thoại Hương khi ấy phân rằng,
Kiếm tiêu cùng nghệ vậy thì cho tôi.
Hùm kia nỉ nỉ, non non,
Tôi không biết nghệ, biết tiêu là gì.
Thoại Hương khi ấy chỉ chi,
200. Bụi nghệ vàng tái, vậy thì da ông.
Hột tiêu nho nhỏ, đen hung,
Cắn vô trong miệng, thật là quá cay.
*
- Hùm kia xuống xóm ngồi rình,
Chạy vô móc nghệ, tìm đường chạy ra.
205. Thấy buông tiêu thợ quá đa,
Giơ tay, hùm tuốt hột ra lần lần.
Mồ cha tám kiếp nhà mi,
Tau cũng nhỏ hết bụi này, tao đi.
Đi về, vừa đến đầu hang,
210. Hùm kêu ơi chị, tôi mang nghệ về.
Thoại Hương nước mắt lê thê,
Tôi nay cái bụng, đến ngày làm choen⁽²¹⁾.
Nơi mô ông có nhà quen,
Ông đi rước mụ vậy thì cho tôi.
215. Hùm kia xuống xóm ngồi rình,
Thấy mụ đi tiểu, ông vợ cống liền.
Trong nhà con cháu liên miên,
Chạy ra khóc mẹ, phát điên, phát cuồng.
Hùm bèn đề mụ đầu hang,
220. Thoại Hương khi ấy than rằng:
Sao ông rước mụ chết oan làm gì.
Ông hùm khi ấy hồ nghi⁽²²⁾,
Chạy vô xem mụ, mụ ni thế nào.
Hùm liền nhảy lên núi cao,
225. Vái cùng trời phật, cho vài lá dâu.
Hùm kêu: Ôi mụ chết oan đâu rồi,
Hùm nhai miếng lá, nhét nhồi miệng mau.
Mụ già khi ấy bật ngồi,

21. : Làm choen: Ngảy ở cũ.

22. : Hồ nghi: Nghi ngờ.

230. Tam hồn thất phách, mụ liền về ngay.
 Thoại Hương khi ấy phân lời,
 Cái bụng đến thán, đến ngày mụ ơi.
 Có lòng rước mụ lên đây,
 Xin mụ đỡ đê, cho qua vài ngày.
 Ông hùm khi ấy vô thừa,
235. No ngày khảm thán, tôi rầy đèn ơn.
 *
- Vừa nghe, ba tiếng sấm vang,
 Nở hoa khai nhụy, thiệt là nam nhi.
 Ông hùm nhìn thấy thì thương,
 Để tôi bông cháu, ra đường dạo chơi.
240. Mụ bà khi ấy mở lời,
 Móng tay ông sắc, bông thời cháu đau.
 Vung văng, chân đạp tứ tung,
 Hùm kia ơi mụ cháu đây mụ nì.
 Thoại Hương khi ấy thăm thì,
245. Kiếm giường cùng chiếu, vậy thì cho tôi.
 *
- Ông hùm xuống xóm ngòi rình,
 Thấy thằng bán chiếu, một mình đi ngang.
 Hết lên một tiếng đại chang⁽²³⁾,
 Bỏ giường cùng chiếu, vút ngang giữa đường.
250. Ông hùm liền cồng lên nưng,
 Dem về thừa mụ, chiếu giường này đây.
 Thoại Hương khi ấy nói ngay,
 Đến ngày khảm thán, vậy thì ông đi.
 *
- Ông đi xuống chợ kiếm liền,
 Một vài ba thứ, cúng bà thần tiên.
255. Ông hùm khi ấy giả vờ,
 Đội nón che mặt, đi qua chợ đình.
 Thấy ông họ chạy thất kinh⁽²⁴⁾,
 Ông vợ vàng bạc, áo bình, giấy tiền.
260. Đồ vừa khiêng đến đầu hang,
 Hùm kêu ơi chị, đã mang đồ về.
 Bà mụ xem thấy phân bua⁽²⁵⁾,
 Hãy còn thiếu một con cua, ơi ngãi.
 Hùm bèn chạy xuống xói hang,
265. Giờ tay móc lỗ, may thời chạy ra.
 Cua chi lại đỏ như son,
 Ất là cua lửa, một con cũng vừa.

23. : Đại chang: To lớn.

24. : Thất kinh: Hoảng sợ.

25. : Phân bua: Giải bày.

RỒNG TRÊN TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ TRIỀU NGUYỄN

■ NHẬT MINH

Rồng là một linh vật có vị thế đặc biệt trong đời sống tinh thần của người phương Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng. Đứng đầu trong Tứ linh (Long, Phượng, Lân, Quy), rồng luôn chiếm những vị trí cao nhất trong mọi mặt đời sống và cũng vì vậy, thường bị giai cấp thống trị giành lấy, gán ghép với hình tượng của chính họ, mà tiêu biểu nhất là hình tượng hoàng đế, người đứng đầu thiên hạ, quản lý cả thế giới thần linh và trần tục.

Trên trang phục của bậc hoàng đế, linh vật rồng càng thể hiện vị trí đặc biệt của mình. Dưới chế độ quân chủ phong kiến, có thể nói rồng là linh vật riêng, là biểu tượng độc quyền của hoàng đế. Hơn nghìn năm trước, ngay sau khi giành được độc lập, điều này đã được khẳng định. Các triều đại Đinh, Tiền Lê rồi Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều kế tục nhau chọn rồng làm biểu tượng trên trang phục của bậc hoàng đế khi các triều đại này định ra triều phục, khẳng định tính độc lập tự chủ và nền văn minh của một quốc gia văn hiến có chế độ Áo mũ và Lễ nhạc không hề thua kém Trung Hoa.

Theo quan niệm của người phương đông, linh vật rồng tiêu chuẩn phải là sự hội tụ đầy đủ các đặc điểm được cho là tốt đẹp nhất của 9 con vật có thật: Thân rắn, vảy cá chép, đầu lạc đà, sừng hươu, chân hổ, móng vuốt đại bàng, tai bò, mũi và bờm sư tử, đuôi gà trống. Và nếu là rồng tượng trưng cho hoàng đế thì thân phải có 81 vảy dương, 36 vảy âm, thân uốn 9 khúc (tức phải là số 9 hoặc bội số của 9 -con số lẻ - số dương cao nhất trong dãy số tự nhiên); chân rồng lại phải có 5 móng (số chính giữa trong hàng số lẻ). Thiếu những yếu tố trên, rồng không còn là linh vật rồng đích thực nữa mà là những biến thể của nó, thường được xem là em út, con cháu của rồng. Những biến thể này thường được dùng tượng trưng cho hoàng tử, hoàng thân và các quan lại, trang trí trên áo mào chúng là mãng long, giao long, long mã¹...

Triều Nguyễn là triều đại có những quy định chính chu, đầy đủ nhất về trang phục nói chung, trang phục cho bậc hoàng đế nói riêng. Theo sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (Hội điển)* do Nội Các triều Nguyễn biên soạn, trang phục hoàng đế gồm 4 loại chính có trang trí rồng: 1 - Triều phục (hay Đại triều phục), 2 - Thường phục (hay Thường triều phục), 3 - Lễ phục (gồm lễ phục tế Giao và lễ phục tế tông miếu hay lễ phục Xuân Thu), 4 - Quân phục (hay Võ phục, mặc khi duyệt binh và mặc khi cày ruộng Tịch điền); mỗi loại trang phục lại bao gồm mào (mũ), áo ngoài, áo lót, xiêm, đai, bít tất, hia... mà hầu như tất cả đều có trang trí rồng. Ngoài 4 loại trang phục trên còn có Tiện phục và Tang phục, nhưng hai loại trang phục này khá đơn giản và hầu như không có trang trí².

1. Trên trang phục của Hoàng thái tử -người được chọn kế vị Hoàng đế cũng trang trí rồng 5 móng nhưng các hình tượng rồng này được làm nhỏ, chi tiết giản lược nhiều so với hình tượng rồng trên trang phục Hoàng đế cùng loại.

2. Tiện phục là trang phục mặc khi sinh hoạt bình thường. Tiện phục của hoàng đế là loại áo ngũ thân tay hẹp, thường để trơn hoặc trang trí đơn giản. Tang phục là trang phục mặc trong tang lễ, về cơ bản tang phục của hoàng đế cũng như người bình thường, dung vải xô, màu trắng, không trang trí.

Linh vật rồng xuất hiện trên trang phục Đại triều của hoàng đế vô cùng phong phú. Theo *Hội điển*, mũ đại triều là loại Cửu Long Thông Thiên đính 31 hình rồng bằng vàng tốt, mắt rồng khảm bằng hạt trân châu nhỏ. Các hình rồng này được chế tác hết sức tinh xảo, mỏng nhẹ và sinh động; khi nhà vua cử động hay di chuyển sẽ có cảm giác tất cả chúng cũng đều đang chuyển động theo.

Áo hoàng bào kiểu ngũ thân tay rộng cổ tròn (viên lĩnh) may bằng sa đoạn, màu vàng chính sắc. Trên áo thêu hình 9 con rồng ở các vị trí khác nhau với các tư thế khác nhau cùng mây, sóng nước và 4 chữ “phúc thọ”. Trong áo lót sa dày thời hoa tứ hữu, hoặc trừu đồ hoa tứ hữu, 2 cánh bằng đoạn màu lam thẫm, đậu loại tơ bát ti trắng bóng, mặt trước, mặt sau có hai chữ “vạn thọ” mỗi mặt ba hình rồng. Hai tay áo mỗi tay có 1 hình rồng... Cổ áo bằng đoạn đậu tơ bát ti bóng màu tuyết trắng. Hai dải rủ xuống đều thêu rồng mây.

Xiêm (thường) thì dùng sa mỏng trắng bóng, toàn sợi tơ có hoa màu đỏ, dệt kiểu rồng cuộn tròn (viên long), song nước (thủy ba), cổ đồ, bát bảo, dưới nổi bằng đoạn gấm hoa hồi văn dây leo, lan can đỏ, trong lót lụa đỏ, gấm hạng nhất toàn hoa kim liên, màu lục hay màu lam, áo nổi bằng lụa mộc.

Đai bằng vàng, không có hình rồng nhưng đính sừng tê, khảm 92 hạt trân châu.

Bít tất (hộ tất) thì thân bằng tơ, đậu tơ bát ti trắng bóng nhuộm màu lam thẫm, khoảng giữa bằng tơ bát ti trắng bóng màu tuyết, dưới bằng vải tây màu tuyết trắng phối hợp với gấm hạng nhất thuần hoa kim liên, lẫn lan can kim tuyến, trên thắt vào cái bọc đầu gối bằng tơ đậu tơ bát ti trắng bóng nhuộm màu vàng chính sắc, thêu rồng mây, thủy ba và hồi văn, kim tuyến...

Hia bằng tơ, đậu tơ bát ti màu đen, thêu rồng, mây, song nước và hoa bằng kim tuyến, trong lót tơ bát ti màu đỏ. Rồng trên hia tạo hình giáng long nhưng đầu vẫn vươn lên ngẩng cao.

Đôi với trang phục Thường triều của hoàng đế, mũ dùng loại Cửu Long Đường Cầm (gọi tắt là Đường Cầm). Đây là loại mũ có phần gáy nhô cao tựa như búi tóc, lại choãi ra hai bên như hình chữ bát; phần phía trước tròn, trang trí đôi rồng chầu về mặt trời ở trung tâm (lưỡng long triều nhật), các hình rồng khác cũng làm bằng vàng, đính lên mũ với nhiều tư thế khác nhau.

Áo hoàng bào dùng trong Thường triều phục cũng được chế tác rất cầu kỳ không kém hoàng bào dùng trong Đại triều phục, đây cũng là loại áo ngũ thân tay rộng, cổ tròn. Điểm khác biệt lớn nhất là hoa văn rồng trang trí trên áo chủ yếu là **rồng ổ** (viên long) lớn, mắt rồng khảm hạt hổ phách màu huyền; ngoài ra là các họa tiết cổ đồ, bát bảo, sóng nước, các chuỗi hạt trân châu...

Lễ phục tế Giao (tế Nam Giao) là loại trang phục Cồn Miện. Đây là loại tế phục đã được các triều đại Lý, Trần, Lê Sơ sử dụng nhưng thời Lê Trung Hưng loại bỏ. Đầu thời Nguyễn, khi tế Nam Giao, hoàng đế vẫn mặc Đại triều phục hành lễ. Từ năm 1830, vua Minh Mạng lại đặt ra quy chế Cồn Miện. Trang phục Cồn Miện rất cầu kỳ, bao gồm mũ Miện, áo Cồn (Long Cồn), Thường, Kế y, Tế tất, Đại thụ, Ngọc bội, Cách đới, Đại đới, Bít tất và Hia.

Mũ Miện hay còn gọi mũ Bình Thiên là loại mũ trên vương dưới tròn, đính hai chữ vạn thọ hoặc hai chữ thiên địa bằng vàng, có 12 hình rồng mây, 6 hình ngọn lửa, 2 thùy

văn, hai nhiễu tường, 1 hoa sen, 1 đoá mây, 1 liên đăng chạy quanh thành mũ, 256 hạt vàng, 2 chúc, 2 khuyên. Mặt trước và mặt sau có 24 dải lưu, hai bên phải trái mỗi bên một dải lưu, đều khâu chuỗi bằng san hô, trân châu, pha lê và các hạt vàng, tổng cộng 300 hạt. Xung quanh có mạng kim tuyến đính kết với 400 hạt vàng ngọc. Phàm là mắt rồng đều khâu các hạt trân châu nhỏ...

Áo Cồn may bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu thiên thanh, thêu 6 chương: nhật, nguyệt, tinh thìn, sơn, long, hoa, trùng. Dải thùy lưu thêu hình rồng mây hoặc may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu tuyết bạch. Ống tay áo thêu hình rồng mây. Cổ áo may bằng đoạn bát ti màu quan lộc... Đáng chú ý là trên áo Cồn có 9 hình rồng ở các tư thế khác nhau, con ở chính giữa ngực kiểu rồng thăng, khá nhỏ; hai tay áo mặt trước và sau thêu hình rồng lớn chạy về hai phía kiểu long giáng, cửa tay áo thêu hình long truy; hai dải thùy áo thêu hình long thăng nhưng tư thế lại khác kiểu rồng ở ngực áo.

Thường (xiêm) thì không thêu hình rồng nhưng có thêu 6 chương: Tảo, hỏa, phần mẽ, phủ, phát, tông di; 6 chương này hợp với 6 chương thêu trên áo cồn để đủ 12 chương (mũ 24 lưu, áo xiêm có 12 chương, ý nghĩa tượng trưng cho 12 tháng và 24 tiết trong năm). Kế y (áo lót cổ tròn), Tế tất và Đại thụ thì đều có thêu hình rồng mây. Ngay cả đôi hia trong bộ trang phục cồn miện cũng thêu nổi hình hai cặp rồng trong tư thế long giáng rất sinh động.

Lễ phục Xuân thu là loại lễ phục hoàng đế mặc khi tế tông miếu. Đầu thời Nguyễn, vua Gia Long quy định ít nhất có 3 loại lễ phục Xuân thu tùy theo quy mô lễ tế. Đến thời Minh Mạng thì quy định thống nhất thành một kiểu. Lễ phục Xuân thu gồm mũ Xuân Thu, một kiểu mũ tròn, có phần sau nhô cao như búi tóc, hai bác sơn hai bên rủ xuống. Thân mũ và bác sơn trang trí hình 4 con rồng. Áo kiểu giao lĩnh (cổ chéo) làm bằng sa mát thuần chỉ, màu thiên thanh, thêu hình rồng mây, sóng nước... Bít tất bằng tơ màu bảo lam, hia màu thâm.

Quần phục của hoàng đế triều Nguyễn được quy định khá cụ thể. Khi duyệt binh quần phục gồm mũ võ Đại Long làm bằng tơ long vũ màu đen, lót đoạn bát ti màu vàng chính sắc, lan can kim tuyến của tây dương đính 4 hình rồng bằng vàng, 1 hình ngọn lửa, 2 hình rồng mây... Áo bào thì sử dụng loại áo tay hẹp làm bằng sa bóng màu vàng chính sắc, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, mắt rồng khâu trân châu. Đi kèm còn có áo ngắn mã quái, thường, bít tất, hia... Khi cày ruộng Tịch Điền hoàng đế cũng mặc tương tự, chỉ khác là đội mũ Cửu Long Đường Cầm.

*

Như vậy có thể nói, hình tượng rồng trên trang phục hoàng đế triều Nguyễn hết sức phong phú; rồng xuất hiện ở nhiều vị trí với nhiều tư thế khác nhau: long thăng, long giáng, long truy... từ trên mũ mào đến long bào, long cồn, xiêm, bít tất đến tận hia, hài... Tất cả hình rồng này đều được nghệ nhân cung đình chế tác hết sức tinh xảo, công phu bằng vật liệu quý mà chủ yếu là vàng, ngọc; và chúng đều là loại rồng 5 móng, tượng trưng cho Thiên tử, người đứng đầu và cai trị thiên hạ. Trên thực tế, hình tượng rồng trên trang phục hoàng đế không chỉ là thương hiệu, phương tiện nhận diện mà còn góp phần làm nên giá trị đặc biệt của loại hình trang phục này ■

BIỂU TƯỢNG RẮN TRONG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM

■ NGUYỄN THANH TUẤN *

Cùng với quá trình hình thành và phát triển của văn hóa, biểu tượng đã trở thành một phần quan trọng trong tư duy và giao tiếp của con người. Biểu tượng vừa mang những đặc trưng chung của nhân loại và tôn giáo, vừa mang những nét riêng của từng dân tộc và từng nền văn hóa khác nhau. Nếu tư duy khoa học là tư duy logic thì ngược lại tư duy văn hóa là kiểu tư duy hình tượng nên khi nói đến các nền văn hóa khác nhau trên thế giới, người ta nghĩ ngay đến hệ thống các biểu tượng. Nhà nghiên cứu Vũ Dũng cho rằng: “Biểu tượng là hình ảnh các vật thể, cảnh tượng và sự kiện xuất hiện trên cơ sở nhớ lại hay tưởng tượng. Khác với tri giác, biểu tượng có thể mang tính khái quát. Nếu tri giác chỉ liên quan đến hiện tại, thì biểu tượng liên quan đến quá khứ và tương lai”. Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, Nhà xuất bản Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, 2003 giải thích rằng: biểu tượng là “hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc sau khi tác động của sự vật vào giác quan đã chấm dứt”. Như vậy, biểu tượng là những hình ảnh của các sự vật, sự việc và hiện tượng được con người xây dựng dựa trên một quá trình lâu dài của cảm giác, tri giác, trực giác bằng cả thực tế và tưởng tượng. Nó là những hình ảnh mang ý nghĩa phổ quát, thống nhất và ổn định biểu hiện một nội dung cụ thể, rõ ràng.

Mỗi nền văn hóa là một hệ thống biểu tượng phong phú. Nó vừa là phương tiện vừa là đối tượng, vừa là mục đích của quá trình hình thành và hoàn thiện một nền văn hóa. Để tìm hiểu, nghiên cứu một nền văn hóa có nhiều cách tiếp cận, nhiều con đường khác nhau. Một trong số đó là khám phá hệ thống biểu tượng, dựa vào biểu tượng để khai thác các tầng nghĩa, các giá trị ẩn sau các sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể. Việt Nam là một nền văn hóa độc đáo, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước và chăn nuôi tiểu gia súc. Văn hóa Việt Nam là một thế giới đầy ắp các biểu tượng. Hầu hết các biểu tượng văn hóa Việt là những sự vật, sự việc gần gũi thân thương và luôn gắn liền với cuộc sống lao động của cư dân làm nông nghiệp.

Cũng giống như các biểu tượng khác, rắn trong nền văn hóa Việt Nam mang tính đa nghĩa, trừu tượng và đậm nét văn hóa Việt. Điều đặc biệt là biểu tượng rắn còn dung chứa các ý nghĩa đối lập, tương phản nhau một cách rất rõ ràng. Được phát triển từ đặc điểm của loài vật có thật trong tự nhiên, gắn liền với nền nông nghiệp trồng lúa nước, chăn nuôi tiểu gia súc và đánh bắt thủy hải sản; hình ảnh, đặc điểm của loài rắn được trừu tượng hóa và kết tinh thành biểu tượng văn hóa. Trong quá trình biểu tượng hóa hình ảnh và đặc điểm của loài rắn, những nét tự nhiên, đặc trưng của loài cũng được ánh xạ một cách rõ ràng vào nền văn hóa Việt Nam. Điều đó tạo nên một biểu tượng rắn vừa đa nghĩa, trừu tượng, vừa mang ý nghĩa đối lập, tương phản nhưng cũng rất gần gũi.

* Giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia

1. Rắn là biểu tượng thủy thần

Do đặc điểm tự nhiên và đời sống nông nghiệp gắn liền với môi trường sông nước đã tạo nên nét đặc trưng trong đời sống tín ngưỡng của người Việt cổ là thờ thủy thần. Từ điển tiếng Việt - 2009 định nghĩa: “thủy thần là vị thần cai quản dưới nước”. Đây là các vị chánh thần, cai quản vùng sông nước, biển, ao, hồ... Trải qua quá trình phát triển lâu đời, hình ảnh rắn được đồng hóa và trở thành biểu tượng thủy thần, đi vào tâm thức dân gian Việt Nam. Rắn “là thần của nước khởi nguyên, nó là thần của tất cả các loại nước. Cùng với việc hình ảnh rắn nhanh chóng được đồng hóa và trở thành biểu tượng thủy thần thì biểu tượng rắn cũng ngay lập tức được trừu tượng hóa và linh thiêng hóa. “Người Việt không chỉ thờ rắn với tư cách là thủy thần, mà còn xem rắn là vật tổ. Ở một góc độ nào đó, xu hướng tôn vinh, linh thiêng hóa rắn trong tiềm thức lịch sử văn hóa, rắn được coi là tổ họ, là gốc, là tiền thân của rồng - giống nòi của cha ông”.

Môi trường nước không chỉ có vai trò quyết định đối với đời sống và sản xuất nông nghiệp mà còn là nguồn gốc, là nơi sinh ra những tai họa khủng khiếp, những cái chết bi thương. Nước là nguồn gốc của sự sống, nước có khả năng hồi sinh kỳ diệu cho con người và vạn vật nhưng nước cũng có thể hủy diệt mọi thứ. Một trong những thảm họa mà con người phải gánh chịu chính là lũ lụt. Sức mạnh tàn phá của lũ lụt khiến cho con người trở nên nhỏ bé, yếu ớt và bất lực nên chỉ có thể sùng bái và kính cẩn thờ phụng để cầu mong sự yên ổn. Trên cơ sở đó, biểu tượng thủy thần càng trở nên trừu tượng và linh thiêng. Rắn không chỉ tồn tại trong tâm thức người Việt với cấu tạo cơ thể như vốn có mà trở nên trừu tượng với thân mình dài hơn, nhiều đầu, có chân, có mào, có khả năng bay và biến hóa với nhiều năng lực phi thường.

Quá trình đồng hóa rắn với thủy thần linh thiêng có nhiều sức mạnh phi thường làm cho rắn trở thành biểu tượng của vị thủy thần uy nghi, đầy quyền năng trong nền văn hóa Việt Nam. Cư dân Việt trên khắp mọi miền của tổ quốc, từ đồng bằng Bắc Bộ đến đồng bằng sông Cửu Long đều thờ thủy thần với hiện thân là biểu tượng rắn. Dọc theo sông Hồng, sông Cầu, sông Đuống là hàng loạt các đền thờ thủy thần rắn. Rất nhiều các di tích, lễ hội như: Thần tích và hội làng Linh Đàm thờ vị thủy thần Bảo Ninh vẫn còn tồn tại trong đời sống con người hiện nay. Dọc theo duyên hải miền Trung và Tây Nguyên cũng có sự hiện diện của nhiều đền thờ thủy thần rắn. Người M'ông thờ rắn như một vị thủy thần có sức mạnh và sự ảnh hưởng to lớn đối với cộng đồng. Người Mường ở Thanh Hóa cũng có tục thờ rắn. Ngôi đền thờ thần rắn được biết đến hiện nay ở thôn Lương Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy. Bên cạnh những đền thờ thủy thần rắn, đời sống tâm linh của cư dân đồng bằng sông Cửu Long gắn liền với nhiều huyền thoại linh thiêng về thủy thần rắn. Độc đáo nhất là biểu tượng thần rắn Naga của người Khmer ở Nam Bộ.

Trong văn hóa Việt Nam bên cạnh biểu tượng rắn còn có nhiều biểu tượng khác là hiện thân của vị thủy thần như: biểu tượng rồng, biểu tượng thuồng luồng, biểu tượng cá... Tuy vậy, rắn trở thành biểu tượng tiêu biểu, độc đáo, đặc sắc cũng như mang tính phổ quát trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng và tâm thức con người Việt Nam. Một đặc điểm độc đáo nữa của biểu tượng thủy thần rắn là mang tính tương giao giữa cả cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn. Chính vì thế, vị thần này vừa được xem là thiện thần, vừa được xem là hung thần.

2. Rắn là biểu tượng của sự che chở, bảo vệ

Với những khả năng vốn có như: duy chuyển linh hoạt, nhanh nhẹn, tự vệ tốt và

tấn công các loại động vật ăn thịt khác, sở hữu loại vũ khí đặc biệt là nọc độc mà rắn dần trở thành biểu tượng của sự che chở, bảo vệ, đôi khi là điềm báo của những điều tốt lành. Rắn có khả năng che chở cho con người trước các thảm họa tự nhiên, những điều xấu, cái ác do các hung thần gây ra. Rắn cũng có khả năng kỳ diệu trong việc bảo vệ các vị thiện thần, phật... Hình ảnh rắn khúc xạ vào đạo Phật và trở thành biểu tượng của sự che chở với truyền thuyết đức Phật cảm hóa loài rắn theo con đường thiện, sau đó rắn nguyện suốt đời bảo vệ đức Phật tu hành. Hình tượng rắn Naga 9 đầu phình mang oai phong bên cạnh đức Phật trở thành biểu tượng tiêu biểu cho sự che chở, bảo vệ.

Rắn cũng nhanh chóng được khúc xạ vào trong đạo mẫu và được ví như một vị mẫu sinh ra và cai quản thế giới. Trên cơ sở đó, rắn có khả năng che chở, bảo vệ, truyền sức mạnh, ban phúc lộc cho muôn loài. Với khả năng lột xác và trở nên to lớn, khỏe mạnh hơn, rắn cũng được xem là hình tượng của sự trường sinh, bất tử. Thông thường, trong các đền thờ mẫu của người Việt Nam, rắn xuất hiện nhiều trên bệ thờ, các chi tiết trang trí như một vị thần đảm nhiệm vai trò che chở, bảo vệ, trấn giữ. Trong nhiều đền thờ mẫu rắn thường xuất hiện một cặp, được điêu khắc rất tinh xảo, thể hiện uy phong và sức mạnh phi thường nhằm bảo vệ cho các vị thần và muôn loài.

Nhờ được tôn giáo hóa, tín ngưỡng hóa mà rắn trở thành biểu tượng của sự che chở, bảo vệ với nhiều khả năng phi thường như: sự linh thiêng, thiện lành, ban phát sức mạnh và sự hồi sinh... Ở cả “phương Đông và phương Tây đều xem rắn là một trong những biểu tượng văn hóa gắn với nhiều hàm nghĩa khác nhau. Trong đó, sự “thiên hóa” loài rắn gắn với niềm tin tôn giáo là phổ biến và có tính vĩnh hằng nhất”. Ở khía cạnh này, biểu tượng rắn là sản phẩm của sự kết hợp hài hòa giữa tư duy hình tượng giữa văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam. Hình tượng rắn là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố thực tế và hư cấu cả về mặt ngoại hình, đặc điểm lẫn khả năng. Theo đó, tính ước lệ đối với hình tượng rắn cũng nhanh chóng tăng lên. Điều này, khiến cho biểu tượng rắn trở nên giàu ý nghĩa, linh thiêng và đa cảm xúc.

3. Rắn là biểu tượng của sự độc ác, nham hiểm và phản bội

Kết quả nghiên cứu của tác giả cho thấy: rắn là biểu tượng đặc biệt, đa nghĩa, đa diện. Đặc biệt là biểu tượng rắn luôn dung chứa các mặt đối lập. Rắn vừa là biểu tượng của sự che chở, bảo vệ với tâm hồn thiện lương, vừa là biểu tượng của sự độc ác, nham hiểm và phản bội. Bản tính độc ác, nham hiểm, xấu xa và phản bội của rắn được thể hiện rõ trong các truyền thuyết dân gian của người Việt. Các truyền thuyết: Rắn báo oán, Ông Dài ông Cộc; sự tích: Rắn cụt đuôi, Thần sông Kỳ Cùng... thể hiện rõ bản chất độc ác, xấu xa của loài rắn chuyên gây cảnh tang thương, chết chóc cho dân lành, phá hoại mùa màng và đời sống của nhân dân. Ở khía cạnh này, rắn trở thành một biểu tượng kinh hãi. Mặc dù vậy, người Việt vẫn luôn tôn trọng và thờ phụng biểu tượng thần rắn một cách tôn nghiêm.

Khi nhắc đến những con người có tâm địa độc ác, nham hiểm và phản bội, người ta nghĩ ngay đến loài rắn với loại vũ khí giết người tàn khốc là nọc độc. “Biến thể của rắn là “chắn” thì cũng chẳng mang hàm ý gì tốt đẹp. Nó thường được liên tưởng đến một thế lực gây hại, xấu xa. Người Việt thường nói “Dữ như chắn” hay “Dữ như bà chắn” để chỉ những người phụ nữ có tính khí dữ dằn, không được dịu dàng trong cách ứng xử. Những kẻ hay bịa đặt, ba hoa, chẳng được tích sự gì lại bị ví von qua hình ảnh “Vẽ rắn thêm chân”, “Vẽ rồng vẽ rắn”; những người tâm địa xấu xa, giả tạo lại bị ám chỉ

qua các hình ảnh “Hang hùm, miệng rắn”, “Ấp rắn trong lòng”, “Khẩu Phật tâm xà”, “Rắn đồ nọc cho lươn”... Những kẻ phản bội, vô liêm sỉ, quên mất cội nguồn bị người Việt coi là kẻ “Cồng rắn cắn gà nhà”, phản bội dân tình, giết hại đồng bào, đồng chí”.

Khi nghiên cứu các biểu tượng văn hóa thế giới, các nhà khoa học cũng đồng quan điểm rằng: “rắn là một con vật có sương sống hiện thân cho tâm hồn hạ đẳng, cho cái tâm tăm tối, cho cái không bình thường, khó hiểu, huyền bí”. Rắn không chỉ là biểu tượng của cái xấu xa, độc ác và phản bội trong văn hóa Việt Nam mà còn được thể hiện rõ trong nhiều nền văn hóa trên thế giới. Người Pháp xem những kẻ tiểu nhân, độc ác, gian xảo như loài rắn; người Do Thái cho rằng: rắn chính là hiện thân của quỷ Satan chuyên hại người; người Sumeria lại cho rằng: rắn là kẻ gian xảo chuyên ăn cắp và làm điều ác.

4. Rắn là biểu tượng của sự am hiểu, sâu sắc và khôn khéo

Đối lập với biểu tượng của sự độc ác, nham hiểm và phản bội, Rắn còn trở thành biểu tượng của sự am hiểu, sâu sắc và khôn khéo. Người Việt cổ và một số dân tộc trên thế giới tin rằng: rắn là hiện thân của các vị thần, rắn là cầu nối, là biểu hiện của sự liên hệ giữa trời - đất và con người, giữa thần thánh với con người. Chính vì thế, rắn trở thành biểu tượng của sự am hiểu sâu sắc và rộng rãi về tất cả các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, là biểu tượng của trí tuệ thông thái. Đặc biệt, rắn là biểu tượng của sự hiểu biết sâu sắc về triết học, có khả năng tư duy nhạy bén và sáng tạo. Rắn cũng là biểu tượng của những tâm hồn sâu sắc, chín chắn và luôn cẩn trọng, bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh khác nhau. Với khả năng di chuyển linh hoạt trong mọi điều kiện địa hình, không gian khác nhau mà rắn thường được liên tưởng đến những người có lối sống, cách ứng xử khôn ngoan và khéo léo. Với quan niệm: rắn là loài vật có sự am hiểu, sâu sắc và khôn khéo, rắn được lấy làm biểu tượng của ngành y và ngành dược.

Đứng thứ sáu trong thập nhị chi (12 con giáp), rắn (tỵ) đại diện cho khung thời gian từ 9 giờ đến 11 giờ sáng. Đây là lúc rắn hiện lành, thông thái nhất trong ngày và không làm gì có hại cho đời sống của con người. Theo quan niệm của người Việt, những người tuổi Tỵ (cầm tinh con rắn) thường có đặc điểm là ít nói nhưng rất cẩn trọng, chắc chắn và thông thái. Người tuổi tỵ cũng rất điềm tĩnh, hiền lành, sâu sắc, biết cảm thông nhưng đồng thời cũng tương đối cục tính và hay nổi giận. Người tuổi Tỵ cũng có khả năng tư duy tốt, khéo léo, linh hoạt trong giao tiếp. Với những đặc điểm về tính cách như trên, người tuổi tỵ có khả năng thích nghi tốt với môi trường sống nên luôn thành công trong công việc cũng như trong cuộc sống.

Bằng việc kết hợp hài hòa giữa cách tiếp cận nội quan với tiếp cận ngoại quan và phương pháp nghiên cứu tài liệu để nghiên cứu biểu tượng rắn trong nền văn hóa Việt Nam; tác giả nhận thấy: rắn là một biểu tượng đa nghĩa, được tạo ra thông qua quá trình phát triển lâu dài và có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố thực với các yếu tố hư cấu, giữa đời sống với tôn giáo, tín ngưỡng và sự giao thoa văn hóa. Điều đặc biệt là những ý nghĩa của biểu tượng rắn không mang tính thống nhất như đa phần các biểu tượng văn hóa khác mà dung chứa các mặt đối lập, mâu thuẫn như: tốt và xấu, thiện và ác, cao cả và thấp hèn, thật thà và gian xảo, trung thành và phản bội... Kết quả nghiên cứu cho thấy: trong nền văn hóa Việt Nam, rắn là biểu tượng thủy thần; rắn là biểu tượng của sự che chở, bảo vệ; rắn là biểu tượng của sự độc ác, nham hiểm, phản bội và rắn cũng là biểu tượng của sự am hiểu, sâu sắc và khôn khéo ■

Bài thơ Rắn của LÊ QUÝ ĐÔN

■ ANH HÙNG

Ở hầu hết các thời kỳ lịch sử, trong nền văn hóa Việt Nam đều hiện hữu những tác phẩm đặc sắc và những con người tài hoa. Nhưng điển hình và ấn tượng bậc nhất có lẽ là bài thơ Rắn rất độc đáo của thần đồng Lê Quý Đôn.

Lê Quý Đôn (1726-1784) là nhà bác học xuất chúng trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Bằng bộ óc cực kỳ thông minh, năng lực sáng tạo cao cùng sức nhớ mãnh liệt (cường ký), ông nghiên cứu cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội lẫn khoa học tư duy, đi tiên phong trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, để lại hàng trăm bộ sách đồ sộ với những thành quả vượt thời gian. Trí tuệ uyên bác của ông từng được người đương thời đánh giá qua câu: “*Thiên hạ vô tri vấn bả Đôn*” (Trong thiên hạ, có gì không biết, xin cứ đến hỏi ông Bả nhân Lê Quý Đôn). Ông cũng là một vị quan rất mực yêu nước thương dân, dũng cảm và năng động với các dự án cải cách táo bạo, được triều đình Lê - Trịnh trọng dụng, phong tới chức Hành Tham tụng (Quyền Tể tướng). Ông còn là một nhà văn hóa lớn, một nhà văn độc đáo, một nhà thơ tài hoa.

Thuở nhỏ, Lê Quý Đôn sáng dạ nhưng khá nghịch ngợm. Có lần, đang cùng lũ trẻ tắm sông thì một viên quan thượng thư đi qua hỏi thăm đường. Thấy khách hỏi đúng nhà mình, cậu bé Đôn liền trần truồng chạy lên, đứng dạng hai chân dang thẳng hai tay ra, lém lỉnh: “Đồ ông chữ gì đây, nếu ông đoán được cháu sẽ chỉ nhà cho”. Bực vì đứa trẻ ngỗ ngược, khách định im lặng bỏ đi, nhưng bọn dưới sông reo âm: “Ê! Ông quan to thế kia mà không biết chữ!”. Ông ta tức quá, dướn cổ làu bàu: “Chữ đại (大) chữ gì!”. Chẳng ngờ, Đôn thích chí, trỏ tay rồi cười lớn: “Ông bỏ sót “cái chấm” bên dưới rồi! Đây là chữ thái (太) chứ?!”.

Ngạc nhiên trước sự thông minh, tinh tường của cậu bé ngộ nghĩnh, hỏi ra mới biết nó chính là con của bạn mình, khách vui lắm, vào nhà đem chuyện thuật lại. Đôn bị bố gọi mắng: “Mày chỉ quen thói lếu lảo, cha mẹ răn dạy chẳng nghe. Thật không biết hổ thẹn với truyền thống gia đình... Bây giờ nằm sắp xuống đây chịu roi!”. Cậu bé ngập ngừng chuẩn bị nằm xuống thì ông khách liền xin cho và bảo nếu có thể, hãy làm thơ ứng khẩu tạ lỗi. Đôn mừng rỡ, chấp tay xin khách ra đầu đề. Ông khách cười hóm hỉnh: “Cháu cứ lấy lời trách răn đầu biếng học của cha mà làm đề cho một bài thơ rắn học vậy!”.

Đôn ứng tác đọc luôn một mạch:

*Chẳng phải liu điu cũng giống nhà
Rắn đầu biếng học ắt không tha
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ
Nay thét mai găm rết cổ cha
Ráo mép chỉ quen lời lếu lảo
Lăn lưng cam chịu vệt năm ba
Từ nay trâu lỗ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

Bài thơ thật hợp cảnh hợp thời vì tuy ngắn nhưng nó đã gói ghém trọn vẹn mọi yếu tố liên quan đến trạng thái hiện thực của tác giả: môi trường gia đình, sự lười học

hành ham nghịch ngợm, thái độ và phương thức giáo dục của cha mẹ, lời hứa sửa chữa khuyết điểm. Bài thơ khắc họa tài tình hình ảnh đặc trưng xưa nay của nhà có trẻ ham chơi nhác học: mẹ buồn, cha giận, con bị đánh...

Về nghệ thuật, bài thơ nhuần nhị với ý tứ chặt chẽ, khúc chiết. Tám câu thơ đôi một làm thành 4 cặp đối rất chuẩn. Lời thơ dung dị mà sâu sắc, lại dễ thuộc, dễ nhớ bởi tác giả khéo dùng hàng loạt thành ngữ thông dụng: cũng giống nhà, then đèn hồ lửa, nay thét mai gầm, lời lếu láo, năm ba, tiếng thế gia... Đặc biệt, có cả một hệ 5 thành ngữ ngắn trong 5 câu liền nhau, mỗi thành ngữ chỉ gồm 2 âm tiết mà âm tiếng đứng trước diễn tả cảm giác, âm tiếng đứng sau mang tên một bộ phận cơ thể: *rắn đầu - đau lòng - rát cổ - ráo mép - lẫn lưng*.

Nhưng cái tuyệt diệu của bài thơ là ở chỗ mỗi trong 8 câu thơ đều có tên một loài rắn (với cũng chỉ 2 âm tiết): *liu điu, rắn đầu, hồ lửa, mai gầm* (tức *rắn cạp nong*), *ráo mép* (tức *rắn ráo*), *lăn lưng* (tức *rắn sọc dưa*), *trâu lỗ* (tức *rắn hổ trâu*), *hổ mang*. Trong lịch sử nước ta, chưa ai có thể đưa vào một bài thơ ngắn nhiều con vật cùng loại đến vậy, tự nhiên đến vậy! Càng đáng phục hơn vì nội dung cả bài thơ rắn lại không hề nói về rắn và tác giả ứng khẩu là một cậu bé chỉ mới 7 tuổi!

Bài thơ rắn trở thành thi phẩm độc đáo bậc nhất trong kho tàng văn học Việt Nam. Nó còn là ánh sáng báo hiệu và khẳng định tài năng kiệt xuất của nhà bác học, nhà chính trị, nhà văn hóa, nhà thơ Lê Quý Đôn ■

NGUYỄN LOAN

Có
một
Huế
mới

*Có một Huế mới
lưng linh giữa lòng Huế cũ
rộng hơn tâm thức chúng ta
giấu mình vào thi ca, nhạc, họa
mấy ai tổ tông...?*

*Có một Huế mới
cao hơn tầm suy nghĩ bình thường
nhưng không tự mãn trước những lời tụng ca hoa mỹ
mà chỉ nhận mình là “nàng Tôn nữ”
nhỏ nhắn, hiền ngoan...*

*Có một Huế mới
rực rỡ, chói chang
bao bọc trong sự dịu dàng, đài các
chẳng phô trương mình
mà tự hào qua ánh mắt, trái tim bè bạn*

*Có một Huế mới
nằm ngoài hữu hạn...
sự biết của con người chưa được khám phá, khai thông...*

Ảnh: Xuân Đạt

NĂM ẤT TÝ NÓI ĐÔI ĐIỀU VỀ CON RẮN TRONG CUỘC SỐNG VÀ TRONG VĂN HOÁ

■ TRẦN HOÀNG

Hồi nhỏ, học ở trường làng, lũ học sinh tiểu học chúng tôi đã được các thầy cô giáo dạy cho biết: “*Rắn là loài bò sát không chân*” và nhắc nhở chúng tôi nếu gặp rắn thì phải tránh xa vì rắn có nọc rất độc... Khi nghỉ giải lao giữa giờ học, ra sân chơi có đứa bạn tôi đã tinh nghịch đọc chệch câu ấy thành câu “*Rắn là loài bò ... sát không chân*”. Nghe bạn đọc vậy, chúng tôi không đứa nào là không cười, không vui.

Lớn lên, qua thực tế cuộc sống và sách báo, chúng tôi biết rắn có rất nhiều loại với nhiều tên gọi khác nhau, ví như: rắn cạp nong (một loại rắn độc, mình có vằn ngang như cái cạp nong), rắn nước, rắn gió (loại rắn mình thon, bò rất nhanh), rắn đòn cân, rắn giun (loại rắn độc nhỏ con có màu đen như con giun), rắn hổ lửa, rắn mai gầm, rắn hổ mang, rắn lục (rắn có màu xanh như lá cây) v.v... Tựu trung, có thể phân rắn thành hai loại chính: loại rắn trên đất liền, nơi núi đồi, đồng ruộng, loại rắn sống nhiều ở nơi ao, hồ, đầm phá, sông, biển... Loại rắn thứ hai được dân gian gọi là “*rắn nước*” và được các nhà nghiên cứu văn hoá xếp vào nhóm sinh vật âm tính- đối lập với các sinh vật dương tính sinh ra và chuyên sống ở vùng đồi núi, ruộng đồng, làng quê, phường phố (như hổ, báo, hươu, nai, chim chóc, trâu, bò, mèo, gà, vịt v.v...).

Trong bộ lịch mười hai con giáp của người phương Đông, con rắn được xếp vào hàng thứ 6 đứng ngay sau con rồng (Thìn – Tý). Tháng 4 cũng là tháng mang tên con rắn (tháng



Ty). Tháng này, thời tiết cũng bắt đầu nóng nực vì mùa Xuân đã dần chuyển qua mùa hè. Một ngày có 24 giờ, giờ Ty là giờ con rắn (từ 9 giờ sáng đến 11 giờ trưa). Từ giờ này con rắn cũng ít bò ra khỏi tổ. Năm nào mang tên của con rắn (năm Ty) thì thường có mưa nhiều, lũ lớn. Hẳn là vì vậy mà người xưa hay nhắc đến câu: “*Lụt tràn Quý Ty*”.

Cùng họ với con trăn, rắn là con vật hoang dã. Hẳn là vì vậy mà không ít người rất thích ăn thịt rắn. Thuở xưa, ở Nam Bộ đã có làng lấy rắn hổ mang làm ra một món ăn quý để đãi khách, để dâng lên quan trên. Không ít tiệm ăn lớn ở Hà Nội, Hải Phòng, Lào Cai... có món ăn được chế biến từ thịt rắn. Lại có nhà dùng thịt rắn hổ mang nấu chung với thịt mèo đen, chân giò heo và một số vị thuốc Bắc để tạo nên một món ăn quý giúp cho việc chữa một số bệnh của con người.

Rắn là con vật hoang dã, nhưng cách đây mấy ngàn năm nó đã được khắc vào trống đồng thời kỳ văn hoá Đông Sơn. Nó cũng xuất hiện trong nhiều câu tục ngữ, ca dao dân gian. Xin được dẫn đôi ba câu làm ví dụ:

- *Len lét như rắn mòng năm*
- *Rắn già thì rắn lột*
Người già thì chui tuột vào săng (hòm)
- *Rắn mai tại chỗ, rắn hổ về nhà*
- *Rắn đứt đầu, rắn sâu không chạy*
Chim đứt cánh, chim chẳng biết bay
Từ ngày anh xa con bạn đến nay
Cơm ăn chẳng đắng, áo gài hờ bầu
- *Hai ta như rắn có đôi*
Như chim có cặp, như nôi có vung

Năm Giáp Thìn sắp qua, năm Ất Ty sắp đến, nói đôi điều về con rắn để hiểu thêm các con vật sống ở quanh ta và cách nhìn nhận của con người về con vật đó. Con rắn là con vật hoang dã nhưng đã được con người đưa vào lịch pháp, vào văn chương. Đó cũng là một điều thú vị ■



Trò chơi rồng rắn lên mây. Nguồn: Internet

NGÀY XUÂN LẠM BÀN VỀ VĂN HÓA TRANG PHỤC

■ BẢO MINH

Trang phục và cách ăn mặc không phải là vấn đề mới, nhưng luôn là vấn đề được mọi người quan tâm. Đời sống ngày càng khấm khá, phát triển, thì việc ăn mặc càng được chú trọng. Đã qua cái thời kỳ “ăn no, mặc ấm” và bước vào thời kỳ “ăn ngon, mặc đẹp”. Việc ăn mặc như thế nào khi ra đường hay tham gia các sự kiện càng được mọi người chú ý. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, giao thoa văn hóa, hội nhập và phát triển, thì văn hóa trang phục trở thành vấn đề được các dân tộc, quốc gia đặc biệt quan tâm. Vấn đề quốc phục cũng được các quốc gia xây dựng và đưa vào những quy định chính thống.

Thực tế, diện mạo của một người phụ thuộc khá nhiều vào trang phục, đúng như câu ca ông cha xưa từng nói “Người đẹp vì lụa”. Trang phục là một lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu và xem như là một biểu trưng văn hóa. Hàng ngàn nhà thiết kế thời trang không ngừng sáng tạo ra những kiểu dáng mới lạ, độc đáo để đáp ứng nhu cầu của con người. Các phụ kiện đi kèm cũng phong phú không kém, muôn hoa khoe sắc. Trong xã hội hiện đại, trang phục không chỉ phục vụ nhu cầu giữ ấm mà còn thể hiện một nét văn hóa hay đặc trưng truyền thống của một dân tộc. Sự phong phú, đa dạng của trang phục đã làm giàu thêm đời sống văn hóa của con người.

1. Thế giới và trang phục

Truyền thông từng phản ánh về một câu chuyện được kể lại rằng: Có một vị Bộ trưởng của một quốc gia châu Phi đã tổ chức một bữa tiệc trưa tại một khách sạn lớn để chiêu đãi nhân viên của một công ty xây dựng đang làm việc tại địa phương. Phía chủ nhà ăn mặc chỉnh tề trong bộ vest trang trọng, trong khi nhân viên công ty lại ăn mặc rất tùy tiện, không phù hợp với khung cảnh lúc đó. Vị Đại sứ có mặt tại sự kiện, đã lập tức phê bình điều này. Sự phê bình này hoàn toàn cần thiết, bởi đây là vấn đề thể hiện sự tôn trọng đối với chủ nhà và coi trọng buổi tiệc, đồng thời cũng là vấn đề lễ nghi quốc tế.

Trên thế giới, từng có một số nhà hàng, quán ăn cao cấp từ chối phục vụ những người ăn mặc không chỉnh tề. Một số địa điểm công cộng hay nơi tôn nghiêm cũng cấm người không ăn mặc nghiêm túc vào trong. Các nhà hát, phòng hòa nhạc thậm chí còn có yêu cầu khắt khe hơn.

Thông lệ quốc tế, khi nhận được thiệp mời dự tiệc, mọi người thường thấy ở góc dưới bên trái của thiệp có ghi chú các từ như “Formal” (trang trọng), “Informal” (không trang trọng), “Black Tie” (áo lễ phục đen) hoặc đôi khi là “Casual” (thoải mái). Những từ này cho thấy yêu cầu của chủ tiệc đối với trang phục của khách tham dự. Nếu là một bữa tiệc tương đối trang trọng (như tiệc tối) mà chủ nhà không ghi rõ yêu cầu về trang phục trên thiệp mời, người tham dự thường mặc theo cách thông thường, và đôi khi khách còn chủ động gọi điện hỏi chủ nhà để làm rõ. Điều này cho thấy mọi người rất chú trọng đến phép lịch sự trong vấn đề này. Việc chủ tiệc nêu rõ yêu cầu về trang phục trên thiệp mời phản ánh suy nghĩ của họ về tính chất của buổi tiệc, nhằm thể hiện sự trang trọng, nồng nhiệt hoặc thân thiện, gần gũi.

Thông thường, người Mỹ ăn mặc khá thoải mái trong cuộc sống hàng ngày, không quá gò bó. Họ thích những trang phục tiện lợi, thoải mái nhưng vẫn đẹp mắt. Một số người còn dùng trang phục để thể hiện cá tính, chú trọng sự đa dạng trong phong cách. Tuy nhiên,

trong các dịp trang trọng hoặc tại các tòa nhà văn phòng, họ không hề tùy tiện. Trên những đại lộ ở Washington, hiếm khi thấy người ăn mặc xuề xòa qua lại. Hầu hết đều mặc những bộ vest ba mảnh lịch sự, tay cầm cặp, mang phong thái quan chức.

Người Anh lại càng chú trọng hơn. Tại khu tài chính London, vào giờ nghỉ trưa, khi các nhân viên ngân hàng ra ngoài

dùng bữa, đường phố tấp nập người qua lại, hầu hết đều mặc vest chỉnh tề. Trong một số dịp, người Anh vẫn giữ gìn nhiều loại trang phục truyền thống. Khi tòa án mở phiên xét xử chính thức hoặc trong các sự kiện quan trọng của thẩm phán, các vị thẩm phán đội tóc giả và mặc áo choàng dài. Khi làm lễ tại nhà thờ, các mục sư cũng mặc Áo Thánh. Mỗi lần Quốc hội khai mạc, nữ hoàng xuất hiện để phát biểu đều đội trên đầu vương miện lấp lánh. Những nữ tùy tùng đi cùng nữ hoàng đều mặc váy dài trắng trang trọng. Hàng ghế phía trước, đối diện với nữ hoàng, là các “quý tộc tư pháp” đội tóc giả, mặc áo đen; các “quý tộc tôn giáo” thì mặc áo choàng đỏ với cổ áo trắng. Xung quanh là các cận vệ cung đình mặc áo đỏ, quần khăn trắng, quần lửng bó sát quá đầu gối.

Ở nhiều quốc gia Châu Phi, các quan chức thường mặc trang phục truyền thống trong các dịp trang trọng như ngày quốc khánh. Đó là những chiếc áo dài trắng hoặc nhiều màu sắc, kèm khăn đội đầu. Các nước châu Á cũng có trang phục dân tộc riêng, được mặc vào các ngày dịp lễ trọng. Đối với Việt Nam, vào dịp lễ tết, các không gian lễ nghi quan trọng, mọi người đều mặc áo dài truyền thống hoặc trang phục truyền thống của mỗi dân tộc, tạo nên những nét bản sắc độc đáo riêng.

Trên thế giới, mỗi khu vực, mỗi dân tộc đều có những trang phục riêng phù hợp với phong tục khi tham gia các sự kiện lễ nghi chính thức. Một số quốc gia đã quy định rõ ràng yêu cầu này, và mọi người cần tuân thủ. Trong những dịp long trọng nhất, như lễ kỷ niệm quốc gia, quốc yến, lễ đăng quang của vua, lễ nhậm chức của nguyên thủ quốc gia, các buổi tiếp kiến lãnh đạo cấp cao, lễ trình quốc thư, chúc mừng năm mới, lễ trao huân chương, v.v..., đều yêu cầu mặc trang phục nghiêm túc, chỉnh tề. Trong các hoạt động giao tiếp xã hội hàng ngày, việc lựa chọn trang phục cũng được chú trọng.

2. Một số quy định trong lễ phục truyền thống phương Tây

Đối với nam giới

Lễ phục sáng (Morning coat hoặc Cutaway) với áo khoác: màu xám hoặc đen, với phần đuôi áo tròn; quần: màu xám đậm kẻ sọc đen; phụ kiện: thắt cà vạt màu xám, giày da đen, mũ lễ đen. Thường mặc vào ban ngày trong các dịp lễ nghi, đám cưới.

Tiểu lễ phục (Tuxedo, Smoking dinner jacket, hoặc Black Tie) với áo: màu trắng hoặc đen toàn bộ, cổ áo phủ satin; quần: màu đen, có dây lụa hoặc đai lưng bằng satin; phụ kiện:



*Đại sứ Đinh Toàn Thắng trình Quốc thư Tổng thống Pháp năm 2021
(Nguồn: Mofa.gov.vn)*

thắt nơ đen, giày da đen. Thường mặc trong các buổi tiệc tối, hòa nhạc, hoặc xem kịch.

Đại lễ phục (Full evening dress hoặc Tail coat) với áo: màu đen hoặc xanh đậm, phần trước áo cắt ngắn đến eo, phần sau có đuôi áo dài như đuôi én. Cổ áo phủ satin; quần: màu đen hoặc xanh đậm, có dây satin dọc hai bên ống quần; phụ kiện: thắt nơ trắng, giày da đen, tất đen, găng tay trắng. Thường được mặc trong các dịp cực kỳ trang trọng vào buổi tối.

Đối với phụ nữ:

Lễ phục sáng, gồm áo và váy đồng bộ về chất liệu, màu sắc. Có thể đi kèm mũ và găng tay.

Tiểu lễ phục, gồm đầm dài đến cổ chân, không kéo lê, thường có thiết kế hở lưng và đơn sắc.

Đại lễ phục gồm đầm dài chạm đất hoặc không chạm đất, hở ngực và lưng, thường là đơn sắc; phụ kiện: mũ cùng màu, găng tay dài, các loại trang sức như hoa tai, vòng cổ, mũ lưới.

3. Xu hướng trang phục hiện nay:

Do xu hướng đơn giản hóa trong lễ nghi, yêu cầu về trang phục ở nhiều quốc gia cũng dần trở nên giản dị hơn. Ngoài các dịp lễ nghi trang trọng đòi hỏi lễ phục, cơ hội mặc lễ phục nói chung không nhiều, và đại lễ phục (như đuôi én) thậm chí còn hiếm gặp hơn.

Ngày nay, yêu cầu về trang phục tập trung vào: Sự vừa vặn (phù hợp với cơ thể); Tính lịch sự (phù hợp với hoàn cảnh); Sự thoải mái, thẩm mỹ, và trang nhã (phù hợp với độ tuổi, tính cách và địa vị xã hội). Trong các buổi giao tiếp xã hội quốc tế, cách ăn mặc phổ biến hiện nay chủ yếu xoay quanh sự cân bằng giữa lịch sự và tiện lợi.

Về trang phục nam giới trong các dịp trang trọng:

Trang phục phổ biến trong các sự kiện xã giao trang trọng: Nam giới thường mặc vest đen hoặc tối màu, áo sơ mi trắng, thắt nơ đen và giày da đen cứng. Ở một số nước Đông Âu, thường sử dụng cả vạt màu xám bạc. Áo sơ mi cần sạch sẽ, cổ áo cứng, cổ áo và tay áo cài cúc cẩn thận. Trong các dịp vui mừng, một số người còn cài hoa hồng đỏ trước ngực.

Về cà vạt và thắt nơ: Khi mặc vest, thường phải thắt cà vạt. Không thắt cà vạt hoặc để cổ áo mở khi tham dự sự kiện xã giao bị xem là thiếu lịch sự. Cà vạt là phụ kiện trang trí, màu sắc và họa tiết nên phối hợp hài hòa hoặc tương phản với trang phục tùy sở thích. Cà vạt phải được thắt ngay ngắn, không để nghiêng lệch. Trong các dịp trang trọng, cần thắt nơ đen hoặc nơ trắng.

Về giày dép: Trong các dịp chính thức, nam giới thường đi giày da đế cứng, không đi giày đế mềm hay dép lê. Ở Anh, đàn ông chỉ đi dép xăng đan ở bãi biển hoặc ở nhà. Khi đến nhà bạn bè hoặc gặp khách, không nên mang dép. Giày vải, giày thể thao, hoặc ủng dài cũng không phù hợp với các dịp trang trọng.

Mũ và các phụ kiện khác: Trước đây, quý ông người Anh thường đội mũ Bowler Hat (mũ quả dưa) khi ra ngoài, tuy hiện nay hiếm gặp hơn. Khi gặp người quen trên đường, quý ông thường nhắc nhẹ mũ để chào hỏi, thể hiện phép lịch sự. Trong nhà, cần bỏ mũ, cởi áo khoác, áo mưa và găng tay. Không đeo kính râm trong nhà, trừ trường hợp có lý do sức khỏe (nên giải thích với chủ nhà).

Về trang phục nữ giới

Phụ nữ có nhiều lựa chọn về kiểu dáng và màu sắc trang phục hơn nam giới, không chỉ để tôn lên vóc dáng mà còn để thể hiện gu thẩm mỹ, phong cách và cá tính. Cựu Thủ tướng Anh Margaret Thatcher thường mặc trang phục vai rộng để thể hiện phong thái mạnh mẽ. Những phụ nữ tri thức trung niên thường chọn trang phục may đo kỹ lưỡng,

đường nét mềm mại, tinh tế nhưng không cầu kỳ.

Cách ăn mặc phối đồ toàn diện từ đầu đến chân: Phụ nữ thường chú ý đến sự đồng bộ giữa trang phục và phụ kiện như mũ, khăn choàng, túi xách, giày dép, tất chân... để tạo nên vẻ đẹp tổng thể hài hòa.

Trang phục trong các sự kiện xã giao: Trong các dịp xã giao thông thường, phụ nữ thường mặc váy liền thân với nhiều kiểu dáng và họa tiết đa dạng, bên trong mặc kèm váy lót. Ở các sự kiện xã giao, váy thường phải dài qua gối; quần dài thường không phù hợp vì bị coi là quá thoải mái. Phụ nữ thường đội mũ trong các dịp trang trọng, đặc biệt ở các nước như Anh. Mũ không chỉ là một yêu cầu về lễ nghi mà còn là biểu tượng của địa vị và gu thời trang.

Phụ kiện: Túi xách: Trong các bữa tiệc tối, nên sử dụng túi nhỏ gọn. Giày và tất: Tất dài hoặc quần tất phù hợp là bắt buộc trong các dịp chính thức. Ban ngày có thể chọn màu da hoặc màu nhạt; buổi tối có thể chọn màu đậm hơn. Không nên mặc tất ngắn, giày cần đồng bộ về màu sắc và kiểu dáng với trang phục.

Giao thoa văn hóa trong trang phục

Cùng với sự tiến bộ của thời đại, trang phục của các quốc gia trên thế giới đang giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau, học hỏi và phát triển không ngừng. Các kiểu dáng liên tục được đổi mới, màu sắc trở nên rực rỡ và phong phú hơn. Phụ nữ luôn cố gắng tránh mặc giống người khác. Trong các dịp xã giao, nếu có hai người phụ nữ trở lên mặc trang phục giống nhau, họ thường cảm thấy không vui.

Trong cuộc sống hàng ngày, mọi người ngày càng ưu tiên sự thoải mái và tự do trong trang phục. Khác với các dịp xã giao trang trọng, ngày thường, nhiều người chọn mặc áo khoác nhẹ hoặc trang phục thường ngày, quần áo bó và đồ dệt kim ngày càng phổ biến. Trong thời gian nghỉ ngơi, nhiều người thích mặc áo quần thể thao. Khi đi du lịch, có thể phối trang phục có màu sắc khác nhau giữa phần trên và phần dưới, cùng với giày thể thao.

Trang phục trong các hoạt động chính trị

Trang phục là một phần quan trọng trong đời sống con người, đồng thời liên quan đến lễ nghi và ngoại hình. Trong một số dịp đặc biệt quan trọng, trang phục còn mang ý nghĩa chính trị.

Theo truyền thống của các kỳ Hội nghị cấp cao APEC, các nhà lãnh đạo thường cùng nhau chụp một bức ảnh “gia đình”. Tại cuộc họp cấp lãnh đạo đầu tiên vào năm 1993, Tổng thống Bill Clinton, người chủ trì ở Seattle, đã trao những chiếc áo khoác bomber bằng da tương tự như áo khoác của các phi công chiến đấu Mỹ.

Kể từ đó, các nhà lãnh đạo APEC đã cùng nhau chụp ảnh chung trong các trang phục truyền thống như áo sơ mi hoa mang phong cách truyền thống Indonesia (Indonesia, 1994), áo sơ mi batik (Malaysia, 1998), trường bào Trung Quốc (Thượng Hải, 2001), áo ponchos (Chile, 2004), áo dài truyền thống (Việt Nam, 2006), áo truyền thống Tagalog barong của Philippines đã được giới thiệu trong hội nghị thượng đỉnh năm 1996 và một lần nữa vào năm 2015.

Năm 2011, Mỹ đăng cai tổ chức hội nghị là ở Hawaii, Tổng thống Barack Obama khi đó đã bác bỏ ý tưởng này.

Đến năm 2027 tới, Việt Nam sẽ đăng cai Hội nghị APEC. Hy vọng trang phục truyền thống sẽ được khôi phục trở lại.

Nguyên tắc trang phục quốc tế

Về trang phục trong các dịp xã giao, quốc tế có một nguyên tắc được công nhận rộng



*Các nguyên thủ quốc gia dự Hội nghị APEC năm 2006 tại Việt Nam
chụp ảnh (Nguồn: Reuters)*

rãi, đó là nguyên tắc TPO, cũng được gọi là “nguyên tắc ma thuật”.

Nguyên tắc TPO yêu cầu trang phục phải cân nhắc ba yếu tố: thời gian (Time), địa điểm (Place) và hoàn cảnh (Occasion), đồng thời thay đổi theo những yếu tố này để đảm bảo hình ảnh cá nhân hài hòa với môi trường và không khí xung quanh, đạt được sự đẹp mắt và đồng điệu tổng thể.

Từ những điều trên, có thể thấy nguyên tắc TPO có thể tạo ra sự “kỳ diệu” trong cách ăn mặc. Tuy nhiên, đây vẫn chưa bao quát hết những khía cạnh cần chú ý. Chẳng hạn, trang phục cần phù hợp với độ tuổi, vóc dáng, khí chất, nghề nghiệp, và thân phận của mỗi người, điều này là hiển nhiên. Chính sự kết hợp các yếu tố này mở ra không gian sáng tạo rộng lớn cho mỗi người, đồng thời tạo nên bức tranh đa sắc màu của xã hội. Mọi người có thể tận dụng trí tuệ và tài năng để phát huy tối đa phong cách của mình. Những gợi ý trên đây có thể là nguồn tham khảo hữu ích.

4. Phát huy giá trị văn hóa của trang phục truyền thống

Trang phục truyền thống vốn mang giá trị biểu trưng về văn hóa. Do đó, trong các hoạt động ngoại giao hay lễ nghi quan trọng, cần khai thác yếu tố biểu trưng truyền thống, giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa của mỗi dân tộc, quốc gia.

Cần thiết phải có những quy định chung về trang phục truyền thống trong các dịp lễ nghi quan trọng hay các hoạt động đối ngoại, để mọi người có cơ sở thực hiện, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

Trong thực tế, ở nhiều quốc gia trên thế giới đã chọn quốc phục như Pháp, Ấn Độ, Indonesia, các nước trong khối Ả Rập,... Bên cạnh đó, các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên,... xưa nay vẫn phải bảo lưu trang phục cổ truyền và sử dụng vào các ngày lễ hội truyền thống. Vì thế mà du khách gần xa trên thế giới, chỉ cần nhìn vào trang phục biết đó là công dân của quốc gia nào.

Việt Nam từ lâu đã có chủ trương lựa chọn quốc phục. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa xác định được quốc phục để dùng chung cho mọi người trong các dịp lễ trọng.

Ngày nay, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với thế giới, và càng hội nhập sâu rộng chúng ta càng thấy giá trị và cần tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc. Việc xây dựng và khẳng định các biểu tượng quốc gia về văn hóa, trong đó có Quốc phục, Quốc hoa là điều vô cùng quan trọng và cần thiết.

Xây dựng quốc phục dựa trên trang phục truyền thống dân tộc là một cách để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của một dân tộc, một quốc gia. Và câu chuyện quốc phục có lẽ không nên chần chừ mà phải có những chỉ đạo quyết liệt từ các cấp có thẩm quyền và sự triển khai tích cực của cơ quan chuyên môn ■



Mứt màu hoa xứ Huế. Ảnh: Hoàng Anh

Mùi Tết

■ TRẦN HUYỀN

Tôi ở với ngoại từ hồi 10 tuổi, cho tới khi ngoại bán nhà vô Nam sống cùng mẹ tôi vì tuổi cao sức yếu, còn tôi thì rời quê vô tá túc trong cư xá Trường Đại học Tổng hợp Huế, tiếp tục theo đuổi nghiệp đèn sách.

Tám năm ở với ngoại, tôi đã trải qua tám cái Tết quê, đắm chìm trong cái mùi Tết từ căn bếp nhỏ nhắn và âm áp của ngoại.

Căn bếp ấy cũng giống như bao căn bếp khác ở nhà quê: ba ông đầu rau bằng đất nung đặt chính giữa nền đất nện chặt, phía sau có cái trang nhỏ kê trên mấy cục gạch, trên đó, có một bát nhang và một miếng đất nung khác nhỉnh hơn bàn tay một chút, khắc hình “hai ông một bà”, mà ngoại gọi là Ông Táo. Bên cạnh ba ông đầu rau còn có một cái kiềng ba chân bằng sắt để nấu bằng củi và cái lò đun bằng trấu hình phễu, làm từ vỏ đạn thời hậu chiến. Có một cái chạn nhỏ bằng gỗ tạp nằm ở mé phải căn bếp, ngoại tôi kêu theo tiếng Tây là cái “gác-măng-rê”, gồm ba tầng: hai tầng trên có cửa lưới, bên trong là các thứ nồi niêu chai lọ linh kinh, đựng đồ ăn, gia vị, mắm muối, trứng gà vịt...; tầng dưới cùng là những thanh gỗ ráp lại, làm nơi úp tô chén, soong nồi đã rửa sạch. Cạnh “gác-măng-rê” là mấy cái thạp đựng gạo, đậu, mè, cá khô...

Ngày thường, tôi thấy căn bếp rộng rãi và gọn hơn, nhưng từ rằm tháng Chạp trở đi thì căn bếp ấy trở nên “sầm uất” lạ kỳ. Ngoại mở rương, lấy ra mấy cái khuôn làm bánh in bằng đồng, cái khuôn đúc bánh thuẫn bằng gang... rửa sạch, lau cho khô ráo rồi bày lên hai cái kệ nhỏ ở cạnh gian bếp chính. Đó là lúc tôi bắt đầu được hít hà mùi Tết tỏa

ra từ căn bếp của ngoại.

Ngoại đi chợ mua than, giấy thủ công nhiều màu, đường, trứng, bột bình tinh... mang về cất trong “gác-măng-rê”. Rồi, ngoại mở mấy cái thạp ở trong bếp, lấy đậu xanh, gạo nếp ra rang chín, rồi đem đi xay thành bột. Từ 20 tháng Chạp, căn bếp của ngoại bắt đầu có mùi Tết và màu Tết.



Mứt hạt sen. Ảnh: Hoàng Anh

Ngoại trộn bột nếp và bột đậu xanh đã rang chín với đường, cho vào những cái âu có nắp đậy, rồi thì trải báo cũ lên những cái trẹt đang bằng tre cất, đặt khuôn làm bánh in lên đó. Ngoại biểu tôi lấy muống múc bột đậu, bột nếp đã trộn sẵn trong mấy cái âu, đổ đầy vào các khuôn bánh in, rồi dùng những nắp khuôn có khắc chìm chữ Thọ, bông sen, bông cúc... nén chặt các lớp bột ấy thành những chiếc bánh in xinh xắn. Ngoại quạt hai bếp than hồng, đặt những cái trẹt đầy ắp bánh in lên trên để sấy khô. Mùi bánh in thơm lừng tỏa khắp căn bếp.

Ngoại biểu tôi cắt giấy thủ công theo kích cỡ định sẵn, bày cho tôi cách gói bánh in đã sấy giòn thành những chiếc bánh xinh xắn, nhiều màu sắc. Bánh làm đến đâu, ngoại dùng báo cũ gói thành từng phong, mỗi phong 12 cái, rồi bỏ những phong bánh vào túi nilon treo lên gác bếp để chống ẩm.

Làm xong bánh in thì làm bánh thuẫn. Tôi được giao nhiệm vụ dùng hai bó dừa, “đánh” bột bình tinh với trứng và đường, thành một thứ sền sệt, dính dính, để ngoại đổ bánh thuẫn. Khuôn bánh thuẫn làm bằng gang hình tròn, bên trong có chín cái lỗ khoét lõm hình đóa hoa, được ngoại đặt lên bếp than hồng. Tôi phụ ngoại dùng bẹ chuối nhúng dầu phụng, quét lên đáy các lỗ khuôn, chờ ngoại thoăn thoắt múc cái thứ dính dính sền sệt ấy, đổ đầy vào chín khuôn bánh, rồi đặt cái nắp có phủ than hồng ở bên ngoài lên khuôn, chờ năm, bảy phút thì mở nắp khuôn, dùng que tre vót nhọn xiên từng chiếc bánh vừa chín tới, vàng ươm, bỏ vào cái trẹt có lót báo cũ, để chờ sấy khô. Lúc này thì cả căn bếp của ngoại thơm nức mùi bánh thuẫn, một mùi thơm quyến rũ lạ lùng, mà mỗi năm tôi chỉ có một dịp tận hưởng, cùng với những chiếc bánh bị khiếm khuyết mà ngoại loại ra. Thơm và ngon chỉ lạ.

Cũng như bánh in, sau khi bánh thuẫn được sấy giòn thì ngoại tôi cho bánh vào những túi nilon sáng bóng, mỗi túi 12 cái, dùng dây cao su cột chặt, bọc thêm báo cũ bên ngoài, rồi treo lên gác bếp. Ngoại nói với tôi: “Cả xóm chỉ có nhà mình có khuôn làm bánh in, bánh thuẫn, nên mình tranh thủ làm trước, để cho bà con trong xóm mượn khuôn. Nhà họ làm nông, quanh năm đồng án, đến hăm chín, ba mươi Tết mới nghỉ để làm bánh”.

Những ngày tiếp theo, ngoại đi chợ mua gừng về gọt sạch, xắt mỏng và dành hẳn một buổi tối để làm mứt gừng.

Xong món ngọt thì tới món mặn. Ngoại ra sau vườn hái đu đủ, mua cà rốt, củ cải trắng ở chợ về, xắt những thứ củ quả đó thành từng lát nhỏ; rồi hái ớt chỉ thiên, xẻ dọc

bỏ hạt, gọt cuống; có nắng thì đem phơi, không thì sấy khô trên bếp than. Đó là lúc ngoại làm dưa món.

Ngoại có tay làm dưa, làm mắm. Mùa hè, cá nục, cá cơm, khuyết biển... vào vụ. Ngoại đi chợ mua về, tự tay rang thính bằng bột bắp, bột nếp để làm mắm thính cá nục; hay ướp muối cá cơm làm mắm nêm; xay nhuyễn con khuyết để làm mắm ruốc... Riêng dưa món và thịt heo ngâm nước mắm do ngoại làm, thuộc hàng thượng thừa. Lát dưa món giòn ngọt, mằn mặn, dòn rụm khi nhai; miếng ba chỉ dằm, cân phân giữa nạc và mỡ, xắt dày bằng quân cờ domino, sắp ra đĩa, rắc tiêu bột lên, ăn với bánh tét trong ba ngày Tết thì không có thứ gì hợp hơn.



Mứt hạt dâu. Ảnh: Hoàng Anh

Món sau cùng ngoại làm trong căn bếp nhỏ trước lúc đón Giao thừa, là gói bánh chưng, bánh tét. Ngoại mua lúa nếp trữ sẵn từ mùa thu. Gần Tết thì đem lúa nếp đi xay, mang về dầm, sàng cho sạch, đợi tới sáng 30 Tết thì mang ra gói bánh.

Mỗi cái Tết, ngoại gói chừng 5 đòn bánh tét và chục cặp bánh chưng. Tôi phụ ngoại lau lá chuối, vút nếp, luộc đậu xanh để làm nhụy bánh. Thường thì ngoại tôi gói bánh tét trước vì việc này mất

công hơn, do đòn bánh tét dài, to và khó gói hơn bánh chưng. Khoảng 3 giờ chiều thì bánh đã gói xong. Và tất cả đều là bánh chay.

Ngoại kêu tôi phụ chặt bánh vào nồi: bánh tét sắp dọc ở lớp dưới, bánh chưng sắp ngang ở lớp trên, kín cái nồi nhôm dung tích 20 lít, đổ đầy nước và bắt đầu nổi lửa nấu bánh. Trước Giao thừa chừng 2 tiếng thì bánh chín. Ngoại hồi hải vớt bánh, sắp lên bàn thờ trên gian nhà trên, thờ ông ngoại, cha và cậu ruột tôi; mỗi nơi một đòn bánh tét và một cặp bánh chưng, rồi thắp mỗi nơi ba nén nhang.

Sau đó ngoại lấy cái giỏ nhựa, bỏ vào đó hai đòn bánh tét, hai cặp bánh chưng, hai phong bánh in và một bì bánh thuẩn, cùng một hộp trà B'la ngoại mua từ trước, mặc chiếc áo dài màu lam, kêu tôi cùng đi với ngoại qua chùa Phong Nguyên, ở cách nhà khoảng một cây số. Ông vải giữ chùa năm nào cũng đón ngoại ở bên ngoài chánh điện, nhận bánh trái và trà từ tay ngoại, dâng lên các bàn thờ trong chùa.

Ngoại đón mấy nén nhang đã thắp từ tay ông vải, quỳ vái trước bàn thờ Phật và bàn thờ hương linh ở hậu điện, nơi có bát nhang và hình chân dung cậu tôi, một Phật tử quy y ở chùa này.

Tôi nghe lời khẩn của ngoại, nghe tiếng được tiếng mất, nhưng biết là ngoại đang tạ ơn Trời Phật đã phù trợ cho bà cháu tôi có một năm an lành, và mời cậu tôi về ăn Tết.

Ngày ngoại tôi rời quê vào Nam, căn nhà được người em trai của ngoại tháo dỡ mang về quê ngoại ở xã Phong Hòa, trả lại khoảnh đất mà ngoại đã mượn để dựng nhà tá túc từ năm 1970 cho đến năm 1985 cho người ta.

Kể từ đó, căn bếp của ngoại không còn nữa, nhưng mùi Tết và màu Tết mà tôi từng tận hưởng trong những tháng ngày sống với ngoại vẫn lưu dấu trong ký ức của tôi ■

Ảnh nguồn: baodantoc.vn



“Chợ quê ngày hội” TRONG FESTIVAL HUẾ NĂM 2024 - SỰ KẾT HỢP ĐỘC ĐÁO GIỮA TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

■ DƯƠNG THỊ NGỌC LINH

“Chợ quê ngày hội” là một trong những sự kiện hưởng ứng Festival Huế nhằm tôn vinh quảng bá những giá trị đặc sắc của di sản văn hóa, khai thác thế mạnh về di tích, tín ngưỡng, dân ca - dân nhạc - dân vũ, ẩm thực... bằng công nghệ tổ chức hiện đại để tạo ra một loại hình lễ hội có sự kết hợp độc đáo giữa truyền thống và hiện đại, tạo sức hút lớn đối với người dân và khách du lịch. Mặc dù vẫn còn một số điểm hạn chế nhất định về sự rõ ràng trong mô hình quản lý, tổ chức, tài trợ, lựa chọn và sắp xếp các dịch vụ giải trí, nhưng sự kiện này đã đạt được những kết quả nhất định trong việc ứng dụng mô hình quản lý, tổ chức lễ hội đương đại góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững hiện nay.

“Chợ quê ngày hội” năm 2024 diễn ra từ ngày 27/6 đến ngày 30/6 tại Cầu ngói Thanh Toàn, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy trong chuỗi sự kiện hưởng ứng Festival Huế. Bên cạnh mục đích hưởng ứng Festival Huế, sự kiện còn nhằm giới thiệu những tiềm năng, thế mạnh, các di sản văn hóa truyền thống đặc sắc của đất và người Hương Thủy. Được đánh giá như là một “món ăn” thanh đạm, chống “ngán” giữa những ngập tràn “cao lương mỹ vị” của “đại tiệc” Festival Huế khi được tham quan, trải nghiệm tín ngưỡng, phong cảnh làng quê, thưởng thức các món ăn dân dã, mộc mạc, tham gia các trò chơi dân gian vui nhộn, hòa mình vào đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân địa phương [Báo Thừa Thiên Huế online, 2024].

Trước khi diễn ra các sự kiện mang tính hiện đại, cộng đồng sở tại đã tổ chức nghi lễ

truyền thống Cung nghinh hương linh bà Trần Thị Đạo trong không khí nghiêm trang, kính cẩn như một lời báo cáo với bề trên về việc xin phép tổ chức lễ hội. Sau đó là các hoạt động: Lễ Khai mạc; Chương trình “Trình diễn áo dài”; Giao lưu, trình diễn hò Bài chòi; Triển lãm ảnh: “Nét đẹp chợ quê”, “Cầu ngói Thanh Toàn”; Hội chợ thương mại, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, nông sản, làng nghề và sản phẩm OCOP; Các hoạt động: trình diễn, trải nghiệm các trò chơi dân gian, ẩm thực chợ quê, Bài Chòi, ca Huế, check-in, chèo thuyền... [Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã Hương Thủy, 2024].

Nối tiếp những ngày diễn ra các hoạt động chính thức, toàn bộ không gian du lịch Cầu ngói Thanh Toàn: chợ đêm, nhà trưng bày nông cụ, không gian Bài Chòi, không gian trưng bày các sản phẩm của địa phương... vẫn tiếp tục mở cửa phục vụ người dân và du khách.

1. Một số biểu đạt di sản văn hóa trong “chợ quê ngày hội”

“Chợ quê ngày hội” được xem là loại hình lễ hội có sự pha trộn giữa lễ hội truyền thống và lễ hội văn hóa. Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tổ chức, các nhà quản lý, tổ chức đã chú ý nhấn mạnh việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của địa phương. Đặc biệt là nghi Lễ Cung nghinh hương linh bà Trần Thị Đạo, di sản kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia Cầu ngói Thanh Toàn, di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO¹ ghi danh Nghệ thuật Bài chòi.

Nghi lễ truyền thống Cung nghinh hương linh bà Trần Thị Đạo

Lễ Cung nghinh hương linh bà Trần Thị Đạo² được tổ vào trước ngày hội chính như là một nghi lễ tín ngưỡng, báo cáo với bề trên về việc tổ chức lễ hội. Năm 2024, Lễ Cung nghinh được tổ chức vào chiều tối ngày 27 tháng 6, được cơ cấu thành 18 lớp cùng nhiều lễ vật, cỗ nhạc truyền thống với sự tham gia tổ chức trực tiếp của gần 200 người.

Để thực hiện nghi lễ, bà con đã cùng nhau tập trung bàn bạc, lau dọn án thờ, không gian nơi tổ chức lễ tế, mua sắm, bày biện lễ vật dâng cúng đầy đủ, đẹp mắt trên án thờ chính. Các lễ được tổ chức trong thời gian ngắn nhưng trang nghiêm và thể hiện sự thành kính, chu đáo của người Huế, gồm: lễ Túc yết, lễ Chánh tế, lễ Bái. Khi mọi thứ sẵn sàng, người xướng lễ bắt đầu xướng các nghi thức và các hương chức được phân công tuần tự thực hiện những nghi thức truyền thống. Các thành viên Ban Lễ tế - thường là các trưởng họ, bô lão trong làng - nghiêm chỉnh trong trang phục áo dài truyền thống, khăn đóng, mang giày nghiêm trang trong suốt thời gian diễn ra lễ tế.

Sau lễ cúng, cáo tại nhà thờ họ Trần và am thờ bà Trần Thị Đạo, buổi lễ tiếp tục bằng nghi thức cung nghinh hương linh bà Trần Thị Đạo từ nhà thờ họ Trần đến đình làng Thanh Thủy Chánh. Tiếp đó là nghi thức cung nghinh hương linh người có công xây dựng cầu ngói Thanh Toàn từ đình làng Thanh Thủy Chánh đến Án thờ chính tại cầu ngói Thanh Toàn. Đây là nghi lễ quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Thanh Thủy Chánh để ghi nhớ công ơn của tiền nhân, mang đậm màu sắc tín ngưỡng và lòng biết ơn của người dân địa phương đối với Bà.

Cầu ngói Thanh Toàn

Cầu ngói Thanh Toàn là di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1990. Công trình này gắn với không gian tổng thể làng Thanh Thủy Chánh (Thị xã Hương Thủy) - nơi

1. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc.

2. Là vợ một vị quan cao cấp dưới triều vua Lê Hiến Tông, người có công xây dựng cầu ngói Thanh Toàn (xã Thủy Thanh, Thị xã Hương Thủy).

có đầy đủ vẻ đẹp của một ngôi làng điển hình ở Việt Nam. Đây là chiếc cầu bằng gỗ, có chiều dài 17m, chiều rộng 4m, hai bên thân cầu có hai dãy bực gỗ và lan can để tựa lưng. Trên cầu có mái che, lớp ngói ống tráng men chia làm 7 gian trong đó gian giữa được thiết kế rộng nhất và ở đó cũng là nơi đặt bàn thờ để thờ Bà Trần Thị Đạo. Các bộ phận kiến trúc trong cầu được trang trí gồm hai loại tiết diện là tròn và vuông. Cầu nằm trên một hệ thống trụ đỡ có sáu hàng, mỗi hàng có ba trụ bằng đá.

Cầu Ngói Thanh Toàn được công nhận là Di tích văn hóa cấp Quốc gia theo quyết định số 575/QĐ-BVHTT ngày 14-7-1990 và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận là điểm du lịch của tỉnh vào tháng 01 năm 2019. Trong “Chợ quê ngày hội”, Cầu ngói Thanh toàn là một điểm đến nổi bật, có vai trò như là “sân khấu sống” là điểm nhấn hấp dẫn thu hút du khách.

Nghệ thuật Bài Chòi

Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2017. Đây là di sản chung của 09 tỉnh (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Đà Nẵng).

Hô, hát Bài Chòi là một sáng tạo mang đậm sắc thái dân gian của cộng đồng nhân dân các tỉnh miền Trung nói chung, Huế nói riêng mà xã Thủy Thanh - nơi diễn ra “Chợ quê ngày hội” là một trong những địa phương lưu giữ và thực hành tốt nhất loại hình sinh hoạt văn hóa độc đáo này.

Để thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản Bài Chòi, trong “Chợ quê ngày hội” thường xuyên diễn ra các chương trình giao lưu, trình diễn Bài Chòi với không khí vô cùng sinh động, đầy nhiệt huyết và đa sắc màu trong không gian nghệ thuật đúng chất Bài Chòi. Hoạt động này do các nghệ nhân của địa phương trực tiếp đứng ra thực hiện với kinh nghiệm và sự công phu đã góp phần truyền cảm hứng sống động, tạo sức hút cho “Chợ quê ngày hội”.

2. Các yếu tố đương đại trong quản lý, tổ chức “Chợ quê ngày hội”

Là sự kiện gắn với môi trường đô thị, kinh tế thị trường, do đó, “Chợ quê ngày hội” được quản lý, tổ chức bởi các yếu tố đương đại. Điều này được thể hiện qua các khía cạnh dưới đây:

Quy mô tổ chức mở rộng, có yếu tố hoành tráng

“Chợ quê ngày hội” được mở rộng, đạt đến sự hoành tráng về cả quy mô lẫn hình thức. Ngoài nghi lễ truyền thống, các chương trình nghệ thuật, trưng bày, triển lãm, hội thi, các không gian trải nghiệm được tổ chức vô cùng đặc sắc, phong phú và mở rộng làm cho sự kiện trở nên sống động nhưng rất mộc mạc, bình dị. Điều này đã góp phần thu hút du khách, chỉ trong 04 ngày, đêm diễn ra các chương trình chính, đã có trên 20 vạn lượt du khách trong nước và quốc tế tham gia.

Nội dung hiện đại, phong phú và đa dạng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cộng đồng và du khách, nhất là giới trẻ

Việc khôi phục, tái hiện nghi lễ truyền thống - nghi lễ có nguồn gốc từ cung đình là cơ hội để người tham gia cảm nhận rõ ràng hơn những giá trị di sản văn hoá truyền thống đặc sắc của địa phương.

Trong khuôn khổ chương trình, đã diễn ra các cuộc biểu diễn nghệ thuật hiện đại trong đêm khai mạc, hưởng ứng tuần lễ áo dài cộng đồng và bẻ mận; các hoạt động triển lãm ảnh “Nét đẹp chợ quê”, “Cầu ngói Thanh Toàn”, triển lãm ảnh Bác Hồ. Bên cạnh đó là các hoạt động mang tính dân gian, truyền thống như: trình diễn, trải nghiệm xay lúa, giã gạo, giần, sàng, làm bánh, chằm nón, giờ chạp, thả lưới, thả hoa đăng, bài

chòi; trình diễn đánh bắt cá trên sông Như Ý... Các trò chơi dân gian, như: bịt mắt bắt heo, đi cầu khỉ, nhảy bao bố, đu dây qua sông; bắt vịt trên sông; bịt mắt bắt gà kiến trên cạn, đua ghe cầu... Các hoạt động mua bán nông sản, sản phẩm OCOP, trải nghiệm ẩm thực,... Ngoài ra, các hoạt động trải nghiệm, vui chơi, tham quan các điểm check-in tại khu vực cầu ngói Thanh Toàn, hồ sen, Vân Thê Garden, đình làng Vân Thê, phủ thờ Tôn Thất Thuyết... đã tạo cơ hội cho người dân và du khách được “tả tơi xem hội”.

Ứng dụng công nghệ quản lý, tổ chức hiện đại

Sự thành công của các chương trình chính trong “Chợ quê ngày hội” đều có vai trò quan trọng của các yếu tố quản lý, tổ chức mang tính đương đại. Thể hiện qua việc tổ chức sân khấu chuyên nghiệp, hiện đại đặt nổi trên sông cùng “background sống” là cây cầu ngói hàng trăm năm tuổi tạo ấn tượng thị giác hiện đại, thích thú cho khán giả ngay khi vừa “sáng đèn”. Chương trình nghệ thuật sân khấu hóa, hiện đại với các ca khúc mới, có sự hỗ trợ của công nghệ âm thanh, ánh sáng đã đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật sân khấu hoành tráng, hiện đại của công chúng, nhất là giới trẻ.

Công tác tuyên truyền, quảng bá chương trình chợ quê được livestream trực tiếp trên các nền tảng mạng xã hội: zalo, fanpage, facebook, phát thanh và truyền hình địa phương góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân và du khách; đồng thời quảng bá, lan tỏa rộng rãi hình ảnh đẹp của sự kiện.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin cũng thể hiện rõ trong các khâu xử lý hồ sơ, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai đều được thực hiện 100% qua Cổng thông tin điện tử tập trung (SSO) được đánh giá là một trong những ưu điểm vượt trội giúp truyền tải, xử lý vấn đề nhanh chóng, tiện lợi, đạt hiệu quả cao.

Vai trò của các bên tham gia quản lý, tổ chức “Chợ quê ngày hội”

Là một hoạt động lễ hội - sự kiện văn hóa, nghệ thuật có sự tham gia của hầu hết các phòng ban thuộc chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội với sự phân công trách nhiệm rõ ràng. Trong đó có vai trò quan trọng của Chính quyền địa phương Hội đồng Nhân dân - UBND thị xã Hương Thủy (vai trò định hướng, chỉ đạo), Phòng Văn hóa và Thông tin (vai trò tổ chức chủ trì), Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao (vai trò tổ chức thực hiện) và các bên liên quan thực hiện các nội dung theo nhiệm vụ: Phòng Kinh tế (phụ trách kinh phí), Phòng Giáo dục và Đào tạo (phụ trách huy động học sinh và các hoạt động hưởng ứng học tập, tham quan), Trung tâm Y tế (đảm bảo an toàn y tế), Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội (tổ chức hội chợ và điều tiết việc làm), Phòng Quản lý đô thị, Công an thị xã (đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong tổ chức), Ủy ban MTTQVN (huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể), Đoàn Thanh niên (huy động lực lượng phối hợp tham gia, phối hợp thực hiện), UBND xã Thủy Thanh cùng với nhân dân xã Thủy Thanh nói riêng và Thị xã Hương Thủy nói chung (vừa là người thụ hưởng, vừa là nhân tố chính trong tổ chức nghi lễ, các hoạt động hội hè, trò chơi dân gian, trò diễn)...

Các ban ngành đã căn cứ nhiệm vụ được giao để tham gia vào quá trình quản lý, tổ chức “Chợ quê ngày hội” đạt mục tiêu đề ra. Ngoài ra, phải kể đến các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, các công ty lữ hành và du khách cùng với sự hiểu biết, trách nhiệm và mong muốn tham gia vào lễ hội đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thành công của sự kiện.

Thúc đẩy đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và bảo vệ di sản

Trong đó có các nhiệm vụ ưu tiên như: phân bổ vốn đầu tư công đảm bảo nguồn vốn hoàn thiện kết cấu hạ tầng, giao thông gắn liền với không gian tổ chức lễ hội; phát triển,

nâng cao chất lượng, đa dạng hóa, xã hội hóa các sản phẩm, dịch vụ, đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn, trật tự, tạo môi trường an toàn, thân thiện; đồng thời, ban hành quy chế bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý kiến trúc cảnh quan góp phần tạo sức hút cho điểm đến. Phối hợp chỉnh trang, nâng cao chất lượng không gian văn hóa nghệ thuật tại một số khu vực trung tâm để phục vụ hoạt động du lịch và cộng đồng. Gắn với lễ hội, các di sản và giá trị văn hóa truyền thống địa phương đã được bảo tồn và phát huy, các di sản văn hóa phi vật thể gắn liền với lễ hội như âm nhạc - nhạc lễ, nghi thức cúng tế, hô Bài Chòi... cũng được quan tâm, bảo vệ và quảng bá nhiều hơn.

Quản lý, tổ chức lễ hội theo hướng bền vững - kinh nghiệm từ “chợ quê ngày hội”

Sự thành công của “Chợ quê ngày hội” trong Festival Huế năm 2024 được biết đến như là kết quả của một kiểu mẫu mô hình quản lý, tổ chức lễ hội đương đại góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Điều này gợi mở cho các nhà quản lý, tổ chức lễ hội đương đại ý tưởng về sự không ngừng mở rộng, cập nhật bổ sung/ hoặc điều chỉnh các yếu tố truyền thống - hiện đại để tăng cường tính chuyên nghiệp và bền vững trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

Để nâng cao hiệu quả của mô hình này, giúp khẳng định định hướng đúng đắn trong công tác quản lý, tổ chức lễ hội đương đại hiện nay, từ góc độ khoa học Quản lý văn hóa, xin kiến nghị một số nội dung như sau:

Xác định rõ nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong quản lý, tổ chức lễ hội trong bối cảnh đương đại

Thực hiện đúng chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan ban ngành và chính quyền, các tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động lễ hội. Kết hợp công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với công nghệ quản lý, tổ chức lễ hội hiện đại. Gắn việc bảo tồn lễ hội với di sản vật thể và phi vật thể để tạo ra tính độc đáo của lễ hội, mang lại những trải nghiệm thăng hoa, những giá trị nghệ thuật đặc sắc, đem lại sự lắng đọng, dấu ấn đặc sắc đối với cộng đồng và du khách.

Đảm bảo cộng đồng sở tại là chủ thể của nghi lễ truyền thống

Người dân sở tại vốn dĩ là chủ thể của lễ hội. Các cộng đồng, nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân tại chỗ đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hành, bảo vệ các di sản văn hóa, bởi vì không một ai có thể bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống tốt hơn chính cộng đồng đã sinh ra và nuôi dưỡng nó. Vì vậy, các nhà quản lý, tổ chức lễ hội phải đảm bảo tính chủ thể của cộng đồng sở tại và không được áp đặt ý chí chủ quan của mình vào cộng đồng. Cộng đồng sở tại phải là người trực tiếp thực hành, bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống. Có chăng, các cấp quản lý chỉ định hướng, cung cấp cho cộng đồng, truyền đạt cho họ những kỹ năng liên quan hoặc kiểm tra và chấn chỉnh các yếu tố sai lệch trong tổ chức, thực hành lễ hội.

Sử dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, tổ chức

Phải thừa nhận rằng tính hiện đại trong quản lý tổ chức lễ hội là điều bắt buộc và thực tế đã diễn ra nhằm tạo tính mới, tính hoành tráng, độc đáo, đáp ứng nhu cầu của giới trẻ và không bị lạc hậu về mặt công nghệ, số hóa. Ngay cả khi nghi thức tế lễ, đám rước được tổ chức theo truyền thống thì lễ hội cũng đã bị thay đổi về quy mô người tham gia, các chi tiết về trang phục, lễ vật con người... cũng đã khác với quá khứ. Mặt khác, tổ chức lễ hội không những phải đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tâm linh và bảo tồn truyền thống của người dân địa phương, mà còn phải thu hút được một số lượng

lớn khách du lịch trong và ngoài tỉnh để đạt các mục tiêu về kinh tế, xã hội, do đó, cần áp dụng các kỹ thuật, khoa học và công nghệ tổ chức hiện đại vào tổ chức lễ hội để tạo ra sức hấp dẫn mới cho lễ hội.

Tăng cường công tác xã hội hóa

Trong xu hướng quản lý tổ chức lễ hội nhằm hình thành sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc, tạo sức hút điểm đến và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của người dân tại chỗ và du khách, vai trò của các tổ chức xã hội hóa cần được chú trọng, nhất là trong việc sắp xếp, tổ chức các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, trò chơi, các chương trình nghệ thuật, trải nghiệm. Trong thực tiễn, “Chợ quê ngày hội” chưa thu hút được nguồn lực quan trọng này. Do đó, mặc dù đã có các dịch vụ tự phát, do người dân sở tại tổ chức dưới sự quản lý của chính quyền cấp xã, huyện, tuy nhiên, vẫn chưa được quy hoạch tổng thể, không tập trung và chưa có chiến lược phát triển bền vững, lâu dài. Các nhà quản lý, tổ chức cần nghiên cứu để khắc phục hạn chế này, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa đặc sắc của vùng đất và con người Thủy Thanh theo hướng bền vững hơn.

Nâng cao vai trò của các bên tham gia quản lý, tổ chức

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quản lý, tổ chức, đảm bảo công tác an ninh, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường... trong lễ hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện biến tướng, chấn chỉnh những trường hợp vi phạm, đảm bảo thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội. Đồng thời, kêu gọi các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp tham gia vào lễ hội hướng đến chuyển dịch vai trò và ảnh hưởng của chính quyền địa phương sang cho khu vực tư trong công tác tổ chức thực hiện, nhà nước chỉ tham gia với vai trò định hướng, chỉ đạo.

Sự kết hợp độc đáo giữa giá trị truyền thống và mô hình quản lý, tổ chức lễ hội hiện đại trong “Chợ quê ngày hội” phù hợp với Công ước của UNESCO về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể: *“Ghi nhận rằng các quá trình toàn cầu hoá và chuyển đổi cơ cấu xã hội, cùng với những điều kiện khác đã tạo ra nhiều cơ hội đối thoại mới giữa các cộng đồng, đồng thời cũng làm nảy sinh, tương tự như hiện tượng của sự không khoan dung gây ra, những mối đe dọa về sự suy thoái, biến mất và hủy hoại các di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là do thiếu những nguồn lực dành cho việc bảo vệ loại hình di sản này”* (2003).

Để nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức “Chợ quê ngày hội” trong chuỗi các sự kiện hưởng ứng Festival Huế, các nhà quản lý, tổ chức cần đảm bảo bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của vùng đất và con người Thủy Thanh (thị xã Hương Thủy) thể hiện trong nội dung chương trình. Đề cao vai trò của cộng đồng, để họ luôn ở vị trí chủ thể tổ chức các nghi lễ truyền thống và tự quyết các vấn đề nội bộ của cộng đồng. Chú trọng bồi dưỡng sự tự hào về truyền thống của vùng đất con người quê hương họ. Mặt khác, trong công tác quản lý, tổ chức, cần thực hiện các giải pháp tổ chức để tạo ra sức hút cho lễ hội nhằm thu lại lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội cho cộng đồng nơi diễn ra lễ hội như: mở rộng quy mô và nội dung phong phú, đa dạng; sử dụng thành tựu khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong quản lý, tổ chức. Thực hiện các biện pháp thu hút các nguồn lực xã hội, sự tham gia của các nhà tài trợ để tăng nguồn kinh phí tổ chức sự kiện.

Đối với bài viết này, tác giả mong muốn được góp phần thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của con người và vùng đất Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy. Đồng thời, gợi mở *mô hình quản lý, tổ chức lễ hội đương đại góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống* mang tính nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng cao trong thực tiễn ngành Quản lý văn hóa hiện nay ■

CÚI ĐẦU TRƯỚC BÓNG NÚI MÙA XUÂN

■ TRẦN VĂN THIÊN

Sớm mồng Một Tết, những cánh gió đầu mùa đã đánh thức tôi. Hơi lạnh từ đâu rón rén phả vào cánh cửa vừa hé chào năm mới. Bước ra thềm sau, những vuông nắng mông loang loáng tan vào bóng sương mờ. Má ngồi giữa gian bếp dịu dằm ánh lửa, mùi thịt kho tàu đậm đà thân thuộc chao bay theo những tà gió sớm. Chậu bông cúc trước hiên bung biêng đượm vàng theo tiếng gọi thôi thúc của tháng Giêng. Mùa xuân đã thực sự bắt đầu.

Buổi sáng đầu tiên của năm mới, bạn thường đi đâu?

Người ta vẫn hay chọn những hướng xuất hành hợp với tuổi, bởi ai cũng ước vọng một tân niên như ý. Với má con tôi, như đã thành lệ thường, sáng mồng Một năm nào cũng một hướng lên ngọn núi quê nội, thăm mộ phần tổ tiên.

Dãy núi quê nội trầm mặc quanh năm đón gió trùng khơi, sương núi bàng bạc tựa dòng sông mơ hồ chảy ngang tượng Phật Thích Ca thâm trầm. Lần nào về nhà nội, tôi cũng ngược mặt về phía bao la, tượng Phật ngồi tĩnh lặng nhìn xuống nước non hiện ra trong tầm mắt, lòng bỗng loang về những gợn sóng an lành. Phía bên kia thấp thoáng mái chùa nép mình sau cỏ cây mây ngàn, mà tôi vẫn nhớ hồi nhỏ, mình từng choáng ngợp trước dòng người nô nức nối gót nhau bước trên hàng trăm bậc thang lên núi, tựa một dải lụa dài đủ màu nhuộm theo sườn dốc trập trùng. Đó là lần đầu tôi được cha má dẫn đi chùa quê nội, trong lễ giỗ vị trụ trì đầu tiên của chùa, hàng năm vào ngày 24, 25 tháng Giêng.

Mồng Một Tết, đôi khi trời chuyển mưa phùn, gió rủ nhau về hun hút lạnh. Mộ ông bà nội tôi, bác Ba và anh Hai tôi đều ở chân núi. Đường vào nhỏ hẹp chằng chịt dấu xe, ngoằn ngoèo lên xuống, có hai khe suối trong veo lẩn ngồn đá tảng băng ngang.

Má tôi mang theo thê nhang trầm và bánh trái, cùng chậu bông vạn thọ dằm thắm đặt trước từng ngôi mộ. Những giấc ngủ không vương lụy trần ai, tịnh yên trong màn sương núi, giữa vòng tay cỏ cây bạc màu đất bụi gió mưa. Nén hương lập lòe đóm đỏ thấp lên buổi sáng đầu năm nổi xúc động thắm sâu, ấm áp. Và tôi đọc được trong mắt má bao dâu bể đã qua, bao vui buồn canh bạc đời người rồi cũng thành hư vô nhẹ bẫng. Tựa vạt khói mảnh vừa xoắn xuýt bay lên.

Cha đã lên núi dọn cỏ, phát quang những phần mộ từ ngày giỗ má tháng Chạp. Má





con tôi đi thăm mộ vào sáng mùng Một, sau khi đã cùng nhau sửa soạn mâm cơm cúng Tất niên vào 30 Tết, mời ông bà, anh Hai tôi về ăn Tết trong gian nhà đã đầy ắp bóng mùa xuân. Hai ngày có lẽ là thiêng liêng và quan trọng

nhất của một năm, chính là đầu năm và cuối năm, cả nhà tôi đều dành cho những người đã khuất. Bởi chúng tôi tin linh hồn của ông bà tôi, anh Hai tôi dù đang chu du ở nơi nào khắp cõi nhân gian này, đều sẽ về đoàn tụ trong những ngày Tết – mùa của sum vầy và an vui.

Sáng mùng Một năm nào, từ xưa ngái đến hiện tại, từ buổi khốn khó đến khi đã dần đủ đầy, chúng tôi cũng đứng thành kính thật lâu bên những ngôi mộ. Như thể từng cánh cửa ký ức khép lại lâu nay vừa được mở, mỗi người đều đang an trú trong vùng trời hồi tưởng của riêng mình. Chúng tôi cầu mong bình an, phước lành năm mới. Đứa cháu vừa lên chín tuổi của tôi cũng đứng chấp tay cúi đầu im lặng. Tin rằng khi lớn lên, cháu tôi dù có đi đâu cũng sẽ biết ngoảnh lại mà tìm về mảnh đất cố cựu thân thiết. Trẻ nhỏ đón Tết bằng những ngóng đợi hồn nhiên của trẻ nhỏ, còn người lớn bao giờ cũng dành cho Tết những khoảng lặng, cho nỗi ưu tư ngấm ngội về thời gian, về muôn nẻo trầm luân đời người.

Phía lưng núi, tượng Phật Thích Ca ẩn chìm giữa mù sương, những vạt rừng thâm u gói đầu lên giấc xuân vừa chớm.

Xung quanh tôi, những gia đình nhiều thế hệ cũng đi thăm mộ vào ngày mùng Một. Tôi nhận ra bên trong mỗi người Việt mình, dù Tết xưa, Tết nay, hay Tết của sau này, của cả trăm năm nữa, vẫn luôn có một dòng chảy len lõi âm thầm khởi nguyên từ nguồn cội, tựa dòng máu nóng đỏ về tim. “Con người có tổ có tông, như cây có cội, như sông có nguồn”. Ông bà, cha má, những người quê tôi đã dạy chúng tôi như thế, bằng trọn một đời hướng mặt về cố hương.

Thế gian này, dù là chất đầy những viễn ước ra đi hay buộc phải dứt mình ly xứ, có trôi dạt qua bao nhiêu chân trời, bao nhiêu đại dương, châu lục thì mỗi người đều đã ngấm vào da thịt một dáng dấp, một giọng nói cố hương. Dầu trong hình hài nào, ông bà vẫn luôn đợi con cháu khăn gói trở về sau dặm dài cơm áo.

Tôi khẽ cúi đầu trước bóng núi mùa xuân. Những sát na yên vui tựa pháo hoa vừa loé nở. Tết, có nơi chốn nào thiêng liêng hơn được về lại gốc rễ cội nguồn, cũng là về với lòng mình, rũ hết bao âu sầu cũ kỹ để đón những phúc lành thanh tân phía trước ■

NGON NHƯ CƠM MẠ NẤU

■ NGUYỄN KHOA ĐIỀU HÀ

Cơm mạ nấu thì luôn ngon và lành vì người mạ nào cũng nấu cơm bằng tình thương. Một món ăn được nấu bằng tình thương thì dù không phải nem công chả phụng, không cá thịt đắt đỏ, chỉ là cơm rau, cơm mắm cũng đều ngon.

Ngày nay nhiều người trẻ Huế gọi “mẹ” thay cho “mạ”, kỳ diệu ở chỗ là dù bạn nói “Ngon như cơm mạ nấu” thì tất cả đều thấy quen thuộc và ấm áp. Mạ cũng là mẹ! Cơm mạ nấu cũng là cơm mẹ nấu. Theo qui luật phát triển của ngôn ngữ, một từ cũng sẽ có thêm nghĩa mới phát sinh. Trong bài viết này, “Cơm mạ nấu cũng là cơm Huế”, “mạ” đã trở thành tính chất, không phải từ xưng hô mạ với con cụ thể.

Về Huế ăn cơm mạ nấu là đã chạm đến cả một bề dày từ đặc điểm địa lý, thổ nhưỡng cho đến văn hóa, phong tục, nếp sống và tính cách của người Huế. “Con cá, ngọn rau” ở Huế đều mang đậm vị của đất đai, sông hồ, đầm phá, biển cả, vì thế ẩm thực Huế luôn chứa đựng một điều gì đó rất riêng. Cái riêng ấy không chỉ được “cảm” bằng các giác quan vị giác, khứu giác, xúc giác, thị giác, thính giác mà còn được “cảm” bằng cả sự “rưng rưng” của tác lòng khi mỗi món ăn được nấu bằng tài khéo léo, đức chịu thương chịu khó của mạ, của chị và sự dâng tặng sản vật của thiên nhiên vùng này. Sự khắc nghiệt của thời tiết làm cho cây trái ở đây cần cỗi hơn, nhỏ bé hơn những vùng khác nhưng cũng chính vì thế mà đậm hương, đậm vị hơn. Ngon như cơm mạ nấu là cái ngon của ẩm thực hòa quyện cùng lòng biết ơn. Biết ơn người trồng cây, người đi rừng, đi biển, người đồ lưới, đồ nò, biết ơn người khuya sớm đi chợ, nấu ăn, tính toán vuông tròn để có bữa cơm ngon. Thông qua ẩm thực có thể cảm nhận được nhiều điều thú vị ẩn chứa trong từng món ăn.

*“Có khi cá thịt có khi rau,
Nấu nướng chiên xào phải đủ màu.
Trong sạch là gương, tùy mặn nhạt,
Dẻo dai cơm chín chủ làm đầu”*

(Thực phổ bách thiên - Tỳ Quê Trương Đăng Thị Bích)

Mâm cơm mạ nấu chứa cả đất trời xứ Huế:

Chuyện ăn uống từ sơ khai đã là chuyện luôn gắn liền với đời sống của con người. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu ăn uống cũng thay đổi theo, con người từ chỗ chỉ cần ăn no bụng, tiến đến muốn ăn ngon, ăn đủ chất bổ dưỡng, rồi nâng lên một bậc cao hơn, mỗi món ăn phải đẹp như một tác phẩm nghệ thuật và chứa đựng cả triết lý nhân sinh.

Tùng là thủ phủ xứ Đàng Trong và gần 1,5 thế kỷ là kinh đô của cả nước, Huế là nơi hội tụ tinh hoa các vùng miền, trong đó có ẩm thực. Theo tài liệu do các nhà nghiên cứu công bố, kho tàng ẩm thực Việt có khoảng 1.700 món thì Huế chiếm đến 1.300 món, hiện còn lưu truyền trong dân gian khoảng 700 món, chia làm ba dòng chính: ẩm thực cung đình, ẩm thực dân gian và ẩm thực chay.

Ẩm thực cung đình là kết tinh nghệ thuật ẩm thực cao cấp của một dân tộc. Triều Nguyễn có hẳn một cơ quan lo việc cỗ bàn cho triều đình đó là Quang Lộc tự, lo cỗ cúng trong những ngày lễ trọng đại, cỗ yến đề tiếp sứ thần hay ban yến cho các vị tân

khoa đồ tiến sĩ. Chuyện ăn uống hàng ngày của vua do đội Thượng thiện đảm trách. Ty Lý thiện lo chuyện ăn uống cho Hoàng cung. Các món ăn đều được chế biến theo những qui định hết sức nghiêm ngặt, đơn giản như nguồn nước dùng đã có đến 3 loại dùng để nấu các món khác nhau “Sơn thủy thượng; Giang thủy trung; Tỉnh thủy hạ” (nghĩa là nước suối đầu nguồn, nước sông giữa dòng, nước giếng khơi sâu).

Từ năm 1945, Việt Nam không còn chế độ quân chủ, Quang Lộc tự, đội Thượng thiện, Ty Lý thiện tan rã, những món ăn cung đình chỉ còn lại trong sách vở. Tuy nhiên, Huế có may mắn là con cháu hoàng tộc nhà Nguyễn, những ông hoàng, bà chúa hay quan viên đại thần, hậu duệ các vị Đội Thượng thiện vẫn ở chung trong dân gian nên những món ăn cung đình cũng được truyền bá ra bên ngoài ít nhiều, vì thế mà ẩm thực dân gian Huế cũng có ảnh hưởng từ ẩm thực cung đình. Huế lại có Trường Nữ trung học Đồng Khánh- nơi chú trọng đào tạo nữ công gia chánh cho học sinh - nên con gái Huế ở nhà thì được mẹ dạy nấu ăn, đi chợ; đến trường thì được cô giáo dạy về ẩm thực, làm mứt, làm bánh, thêu thùa, đan, móc. Những người con gái ấy lớn lên, lập gia đình, làm mẹ rồi làm bà, họ truyền lại kinh nghiệm nấu ăn cho con cháu, dạy cách trang trí món ăn cho đẹp mắt, cách gói ghém tình thương vào trong mỗi món ăn. Mâm cơm của người Huế, dù nghèo hay giàu đều chứa đựng truyền thống ẩm thực của vùng đất Huế, của làng quê hay gia đình mình là như thế.

Truyền thống của một vùng đất thì không gì thể hiện rõ nét hơn qua cây trái, sản vật trên rừng dưới biển. Từ nguồn nguyên liệu ấy sẽ chế biến những món ăn mang tính đặc trưng vùng đất Huế, tạo nên hương vị riêng, không thể bắt chước được, không thể thay thế được, ấy là sự tinh tế của món ăn, là phong vị riêng của ẩm thực Huế. Nhìn mâm cơm Huế thấy cả đất trời xứ Huế, thấy màu mưa nắng, màu núi đồi, màu biển cả lặn vào trong từng món, từ món chính cho đến món phụ, có cả trong rất nhiều loại nước chấm đi kèm.

Sự khác biệt về thổ nhưỡng đất đai, địa hình, địa lý dẫn đến sản vật riêng có của từng vùng. Trải dài theo trục Bắc- Nam, Huế có hệ sinh thái đa dạng, phong phú, là nguồn cung cấp của ngon vật lạ. Huế có rừng, có biển, ruộng vườn, ao hồ, đầm phá. Đặc biệt, hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, lớn nhất Đông Nam Á là nơi cung cấp những loài thủy sản nước lợ ngon nổi tiếng, không nơi nào có được. Dân ca Huế vẫn lưu truyền câu hát “Cá ngon là cá Cầu Hai”, trong đó có nhiều loài còn là vị thuốc quý như cá ong, cá di, cá nâu, cá kình.

Với bờ biển dài 120 km, biển là nơi cung cấp nguồn lớn thủy sản cho Huế, phong phú, đa dạng hàng mấy chục loài tôm, cua, sò, ốc, mực; hàng trăm loài cá. Ẩm thực biển Huế quả là phong phú với nhiều món ngon, nhiều kiểu cách chế biến, từ hấp, nướng, chiên đến làm mắm, làm ruốc. Đặc biệt, mắm và ruốc là hai sản phẩm truyền thống tạo nên hương vị đặc trưng của ẩm thực Huế. Món nào người Huế cũng nêm nếm không ruốc thì cũng là nước mắm. Nhiều món ăn Huế không có ruốc thì không còn là ẩm thực Huế như cơm hến, bún bò và rất nhiều món ăn khác. Mắm và ruốc, hai loại thực phẩm mà cũng là gia vị nồng nàn hương biển này đã góp phần tạo nên sự đậm đà của món ăn Huế. Tận cùng vị ngon đến từ biển là nước mắm. Nước mắm Huế “ngon nhức răng”, đó cũng là một cách nói về sự ngon nghe rất ngược đời. Có lẽ nhờ thế mà người thưởng thức càng nhớ lâu hơn về món ăn Huế.

Cây trái trong thiên nhiên có đầy đủ các vị cay, chua, chát, đắng. Đó là những vị mà nhiều người sợ, đặc biệt các vị cay, chát, đắng, ẩm thực Nam, ẩm thực Bắc ít dùng

nhưng trên mâm cơm của người phụ nữ Huế, có đầy đủ các vị ấy. Cái tài của người chế biến là biết cách kết hợp, dung hòa, vị này hỗ trợ vị kia để cuối cùng chỉ còn cảm giác ngon miệng và thường gây bất ngờ cho người thưởng thức. Huế có một loại trái có vị chát khi ăn non (mà lại ăn sống), đó là trái chuối sứ nhưng người phụ nữ Huế đã dùng loại trái này để điều hòa vị béo trong món ăn. Trái chuối sứ non khi xắt mỏng dùng để ăn sống được gọi là chuối chát. Hãy nói về món thịt heo luộc ăn kèm với mắm tôm chua, đó là món luôn có trong mâm cơm đãi khách của người Huế. Để làm giảm bớt vị béo của thịt heo, trong đĩa rau sống ăn kèm thường có vả và chuối chát xắt mỏng. Hay trong món bánh khoái, đĩa rau sống cũng có vả và chuối chát xắt mỏng, đó là hai loại rau giúp làm giảm đi rất nhiều vị béo vì dầu mỡ của bánh nên ăn đỡ ngán. Trong mâm cơm của người Huế chứa đựng kinh nghiệm sống được truyền qua nhiều thế hệ là như thế.

Người Huế yêu thích cái đẹp. Sự sống là biểu hiện cao nhất của cái đẹp nên dù trong hoàn cảnh nào cũng phải sống đẹp. Ẩm thực Huế là biểu hiện sinh động của triết lý đó. Chỉ là rau quả trong vườn, nhưng với tài nội trợ của người phụ nữ Huế, món ăn trở thành sang trọng, đẹp mắt như là một tác phẩm nghệ thuật với nhiều màu sắc của thiên nhiên an lành. Một bà mẹ quê cũng biết dùng trái ớt đỏ, cộng rau thơm màu xanh để trang trí cho món ăn, nhìn vào rất lành và sống động như thấy cả hình bóng cây ớt, cây rau ngoài vườn. Thiên nhiên, đất trời trên mâm cơm Huế đâu có xa xôi gì, chính là những sắc màu tự nhiên ấy.

Bàn tay tảo tần đưa ẩm thực Huế lên ngôi:

Với những người bà, người mẹ, nấu ăn là để cho gia đình mình, là nuôi dưỡng con cháu, người thân lớn lên khỏe mạnh, có nuôi về thể xác và có dưỡng về tinh thần nên bà hay mẹ đều cố gắng nấu cho ngon, cho lành, không nghĩ đến những điều thi thố. Tất cả những người bà, người mẹ trên thế gian này đều như vậy, khi nấu ăn tâm hồn họ chỉ hướng về gia đình, toàn tâm toàn ý nghĩ về những người thân của mình.

Nhưng ẩm thực cũng là một mảng kết tinh văn hóa, truyền thống, lịch sử của cả một vùng đất nên cần được ghi nhận, cần được tôn vinh. Tôn vinh ẩm thực chính là tôn vinh con người vì chính con người tạo nên ẩm thực, đặc biệt khi danh tiếng ẩm thực Huế đã vang xa với tên gọi được xác lập như là một thương hiệu, như là một mặt định “ngon” chỉ với hai từ “Món Huế”.

Năm 2016, Huế có mười món ăn được xác lập kỷ lục quốc gia, đó là những món ăn thuộc dòng ẩm thực dân gian, rất gần gũi, quen thuộc với người dân Huế: chè hạt sen, kẹo mè xừng, thanh trà, cơm hến, bánh khoái, bánh bèo, bánh lọc, mắm tôm, ruốc và Tré- đó là những món ăn nổi tiếng từ rất lâu, trở thành đặc sản.

Cuối năm 2024, Huế đón thêm tin vui là hai món cơm hến và mè xừng được xác lập kỷ lục châu Á. Những sự công nhận ấy làm rạng rỡ truyền thống “Huế- Kinh đô ẩm thực”, tôn vinh công lao của bao thế hệ phụ nữ Huế, có người nổi tiếng, có người thầm lặng, xưa cũng như nay, tất cả đã góp sức lưu truyền, gìn giữ những món ẩm thực Huế để có được như ngày hôm nay. Trong niềm vui chung ấy, có những người mẹ Huế thật sự hạnh phúc và biết ơn, bởi có những món ăn bình dân đã trở thành cứu cánh cho cả gia đình, là nghề mưu sinh để nuôi con cái khôn lớn. Hai món phổ biến nhất, ít vốn nhất, là “ân nhân” của nhiều bà mẹ nghèo ở Huế, đó là cơm hến và bánh bột lọc.

Cơm hến là món bình dân của Huế - một món bình dân được quá nhiều người yêu thích, không chỉ người Huế, người Việt Nam mà cả người nước ngoài. Bài tùy bút nổi

tiếng “Chuyện cơm hến” của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã nói hết ngọn nguồn của món ăn cũng như những triết lý về đời sống nhân sinh từ món cơm hến. Món cơm nhà nghèo ấy đã xuất hiện rất đẹp trong văn chương nhờ bài viết tài hoa, trí tuệ và nhân văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Ngoài những vị nếm được bằng vị giác, món cơm hến Huế còn có thêm một vị ngon nữa, ấy là “vị” lương thiện. Không phải vô tình mà chuyên gia ẩm thực người Mỹ Antony Boudain khi đến Huế đã đi ăn cơm hến vỉa hè và quay clip giới thiệu trên kênh truyền hình CNN. Món cơm hến phải có một hương vị đặc biệt và Antony Boudain cũng phải có một cảm tình đặc biệt với món ăn, với người bán, với người dầm mình lặn hến dưới sông... thì ông mới dành thời gian giới thiệu cơm hến Huế trên một kênh truyền hình nổi tiếng thế giới. Sự giản dị, thiện lương của con người chỉ có thể cảm bằng trái tim, không thể nói hết bằng lời và món cơm hến Huế có cả hai. Xin dẫn bài “Lục bát đặc sản Huế” của nhà thơ Võ Quê viết về cơm hến:

*“Đã mê ớt đỏ cay nồng
Tìm trong vị hến một dòng Hương xanh
Ruốc thơm, cơm nguội, rau lành
Mời nhau buổi sáng chân thành món quê”.*

Bánh bột lọc là món đặc sản gây “trăm nhớ nghìn thương” cho nhiều người vì quá ngon và “rất Huế” không thua gì món cơm hến. Bánh bột lọc cũng là nghề mưu sinh phổ biến của nhiều phụ nữ nghèo ở Huế. Loại bánh này được làm bằng bột lọc với nhụy là thịt heo và tôm rim, may mắn là Huế có nguồn nguyên liệu tươi ngon, đặc biệt là tôm. Hệ đầm phá Tam Giang- Cầu Hai với đặc điểm nước lợ cho loại tôm rảo thịt ngọt, dai, vỏ mềm rất thích hợp cho món bánh bột lọc. Mà hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai ở Huế rộng nhất Đông Nam Á, trải dài qua địa phận của sáu huyện, thị xã nên nguồn cung cấp tôm có đều khắp tỉnh, bánh bột lọc Huế được làm ở huyện nào, xã nào cũng đều ngon như nhau.

Vài chục năm về trước, những người làm nghề bánh bột lọc thường làm bánh xong, hấp chín và đi bán dạo, vậy cho nên mới nói đây là nghề dành cho người nghèo, ít vốn, chỉ lấy công làm lời, nhiều khi bán ế còn phải ăn thay cơm, hết vốn là chuyện thường ngày. Cũng khoảng hai mươi năm trở lại đây, khi giao thông dễ dàng, thuận tiện, nhanh chóng, người du lịch đến Huế ngày càng nhiều thì món bánh bột lọc trở thành đặc sản. Bánh làm xong được đóng gói, cấp đông gọn gàng, rất tiện lợi cho khách mua làm quà tặng. Nghề làm bánh bột lọc ở Huế bây giờ cũng phát triển, không giàu có nhưng cũng đủ sống. Và điều mừng là không còn lo bán ế phải ăn thay cơm, bây giờ bán bao nhiêu thì hấp chín bấy nhiêu, khách ăn vừa nóng sốt, vừa ngon lành.

Đó là câu chuyện vui của bánh bột lọc hôm nay, còn với những mẹ, những mạ Huế đã lấy nghề này mưu sinh từ hơn bốn mươi năm có lẽ thì chuyện làm bánh lọc là câu chuyện của cả một đời. Huế có hàng trăm quán bánh lọc bán tại nhà và trở thành những địa chỉ thân quen với rất nhiều người. Người Huế xa quê vừa thưởng thức bánh vừa ngấm căn nhà với kiểu thức truyền thống của nhà vườn Huế xưa để mà nghe thương nhớ, hoài niệm dâng trào. Khách du lịch thì vừa thưởng thức đặc sản vừa ngấm nhìn nếp sống của một gia đình người Huế bình dân. Những người ở Huế thì đến thưởng thức món ăn thân quen và cùng trò chuyện với người làm bánh, nghe tình quê đầm thấm trong lòng. Ai thường hay lên chơi miệt nhà vườn Kim Long sẽ biết tiếng quán bánh mẹ Hương- một trong những quán bán bánh lọc tại nhà sớm nhất ở Huế. Mẹ Hương tên đầy đủ là Kim Thị Hương, mẹ làm bánh lọc và bánh nậm bán tại nhà cũng hơn bốn mươi

năm nay. Chiếc bàn tròn chân thấp là nơi cả gia đình mẹ cùng quây quần làm bánh, nước thời gian lên bóng cả màu gỗ cũ. Chưa ai giàu lên nhờ nghề làm bánh lọc, đủ để nuôi con ăn học là mừng. Mẹ Hương cũng nhờ vào sự tần tảo, cần mẫn của đôi bàn tay mà nuôi con ăn học nên người, những chiếc bánh bé nhỏ vì thế có ý nghĩa trong cuộc đời mẹ. Ngoài bán cho khách thưởng thức tại nhà, mẹ còn làm bánh đóng vào Sài Gòn và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước, thậm chí còn đóng đi ra nước ngoài. Từ những bàn tay tảo tần sớm khuya của những người phụ nữ Huế, món bánh bột lọc đã đi khắp nơi như thế. Trong từng chiếc bánh dân dã này chứa đựng vị ngọt của đầm phá, mùi của biển qua hương nước mắm ruốc thơm ngon, của những nướng sắn vào mùa nắng gắt, của những vườn chuối xanh mướt trong vườn và cả vị cay nồng của ớt để nhớ mãi không quên.

*“Bột trong bọc thịt tôm hồng
Lá xanh em gói ươm nồng hương yêu
Bánh ngon nước mắm cay nhiều
Anh ơi dùng tạm bữa chiều cùng em”*
(Quỳ Lê)

Về Huế ăn món Huế:

Có rất nhiều lời hẹn về Huế, về với “Mùa lễ hội hoàng mai”, “Bốn mùa Festival Huế”, “Lễ hội sóng nước Tam Giang”, “Về Huế may áo dài”, “Về Huế ăn món Huế”, mỗi lời hẹn là một dịp để khám phá Huế mà trong đó ẩm thực thường giúp hiểu Huế và con người Huế một cách gần gũi và sâu sắc, nói như nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường “Người Huế ăn giống như học bài học cuộc đời, phải nếm đủ vị mặn, lạt, chua, cay, ngọt, bùi... không chê vị nào”.

Món ăn Huế được đánh giá là ngon nhưng với các bà mẹ Huế, chỉ ngon là chưa đủ mà còn phải thêm bổ và rẻ.

Trong ẩm thực, ngon là đứng đầu. Người Huế có quyển sách quý dạy nấu ăn, đó là quyển “Thực phở Bách thiên” của bà Trương Đăng Thị Bích, con dâu của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Quyển sách là “bí kíp gia truyền” dạy nấu 100 món ăn bằng thơ. Từ trong gia đình hoàng tộc triều Nguyễn, quyển sách đã được truyền ra bên ngoài nên nói ẩm thực dân gian Huế đừng nghĩ rằng thô mộc, là “chặt to kho mặn” mà là có đầy đủ sự tinh tế, hài hòa từ màu sắc đến mùi vị, từ cách chế biến đến cách trình bày cho đẹp mắt.

Món ăn Huế được gọi là “ngon”, yêu cầu đầu tiên là thực khách phải “ăn được” món ấy. “Ăn được” ở đây là thưởng thức được mùi vị (mắm ruốc), vị cay, vị đắng, vị ngọt, vị béo mà người Huế thường kết hợp trong các món ẩm thực. “Ngon” nghĩa là vừa miệng, có thể tạo nên cảm giác ngạc nhiên và thích thú cho người thưởng thức, ví như khi nói đến món muối thường tạo suy nghĩ phải rất mặn nhưng các món muối của Huế đều vừa miệng, người Huế thường nói “mặn mất ngon” nên các món muối sả, muối mè, muối tiêu đều không mặn... như muối.

“Ngon” không chỉ ngon trong vị giác mà còn ngon trong mắt nhìn (tía hoa, xếp hình trang trí, màu sắc hài hòa), trong tai nghe (những món chiên giòn), trong mũi ngửi (mùi thơm). Tóm lại “ngon” trong ẩm thực Huế có đầy đủ 5 giác quan (vị giác, khứu giác, thị giác, thính giác và xúc giác).

“Bổ” là tiêu chí thứ hai thể hiện cái tài của người nội trợ Huế. Ở đây không phải món

ăn đất tiền, quý hiếm mới có nhiều chất bổ dưỡng mà món rẻ tiền cũng bổ dưỡng. Lựa chọn thực phẩm tươi, ngon, mùa nào thức nấy là đã đảm bảo một phần của bổ dưỡng.

Món ăn ở Huế còn là vị thuốc. Rất ngon miệng, dân dã mà trị bệnh. Trị ho thì có món lòng heo xào nghệ. Giải cảm có cháo hành hương; cá cứng, cá mại kho nếm; chè nếm...

“Rẻ”, tiêu chí thứ ba của các bà mẹ Huế khi đi chợ. Rẻ nhưng mà phải ngon và bổ. Mua thực phẩm, chỉ riêng việc biết lựa chọn mua theo mùa là đã rẻ, nguyên liệu “mùa nào thức nấy” thường có chất lượng ngon và bổ. Từ con cá, con tôm cho đến rau, củ, quả, mùa nào thức nấy đều là ngon nhất. Hãy nghĩ về những món ngon mà rẻ của Huế như là món mít non trộn hay vả trộn, thực đơn khai vị trong các nhà hàng, giá rẻ nhưng rất ngon miệng. Hay món canh cá kình - một vị thuốc an thần, có tác dụng trị bệnh mất ngủ rất hữu hiệu mà giá thành thường rẻ hơn một liều thuốc tây trị bệnh mất ngủ.

“Ngon - Bổ - Rẻ” đó cũng là tấm lòng mà các bà mẹ Huế gửi trong món ngon mình nấu, cũng là tiêu chí của món ăn Huế.

Khoa học đã chứng minh cái lưỡi của con người có từ 5 đến 10.000 nụ vị giác nên sức sáng tạo của con người trong ẩm thực sẽ là vô cùng. Ẩm thực Huế sẽ có thêm nhiều món mới trong tương lai, đó là qui luật của phát triển nhưng chắc chắn cái tình của người nấu, nguyên liệu từ đất đai, thiên nhiên Huế sẽ mãi giữ được phong vị ẩm thực Huế để món ăn Huế mãi là “Ngon như cơm mẹ nấu” ■

TRẦN THANH THOA

Mẹ ơi
Xuân quê



Mây trôi qua ngõ mùa xuân
Gửi theo vạt khói trong ngần bóng quê
Đêm dài qua hết cơn mê
Sớm mai những cánh chim về lối xata.

Tháng Giêng xanh ngát như vừa
Đơm lên áo gió hạt mựa bẽn lẽn
Sân nhà mai đã vàng bông
Tình sương mẹ nhóm lửa hồng chao nghiêng.

Gió xuân hây hây tháng Giêng
Đường nhút gói cả một miền hương say
Mẹ ngồi chải tóc sương bay
Mùa trôi trên những ngón tay tảo tần.

Đi qua ngày tháng xoay vần
Xin về nương nấu cội xuân quê nhà
Rủ mình trong giấc cỏ hoa
Ca dao đắm ánh trăng ngà Giêng hai.

Thềm xuân thương nhớ đan cài
Người về gục khóc bờ vai mẹ hiền...

NHỮNG THÁNG CHẠP VỚI VỢ THƯƠNG NHỚ

■ TRẦN VĂN THIÊN

Hồi nhỏ, tôi luôn mong chờ tháng Chạp. Bởi vào quãng này, khi nắng ấm đã bùng lên reo vui trong mắt người, cha mẹ tôi sẽ về nhà với đàn con sau những ngày tha hương, quần quật trong bạt ngàn rẫy rừng cao nguyên đất đỏ. Lớn lên, tôi vẫn luôn mong chờ tháng Chạp. Bởi tới lượt anh em tôi được về nhà, nao nao bước qua bậc cửa môn dấu thời gian, nghèn nghẹn cất tiếng gọi “mẹ ơi” hết như lúc nhỏ dấu đã thấy bóng mẹ quày quả bước lên từ góc bếp, mừng tủi đỡ lấy hành lý của con sau dặm dài sắp sửa áo cơm.

Cũng từ đó mà tôi hay gọi tháng Chạp là mùa đoàn tụ.

Tôi tự hỏi đời người sẽ về đâu nếu như không có những mùa đoàn tụ như thế?

Đã đi qua bao nhiêu mùa đông vẫn vũ gió mưa, để rồi tôi nhận ra mùa đông lạnh giá nhất của đời mình là mùa đông đầu tiên phải xa vòng tay mẹ. Đó là quãng cả phê chín rộ trên miền rừng núi thâm u, mà ở quê tôi lại đang vào độ mưa lê thê ngút ngát, những đôi vợ chồng trong xóm bắt đầu rủ nhau đón những chuyến xe đò, lên vùng rẫy đồi cao nguyên hái cả phê mươn. Tôi nhớ suốt nhiều đêm vắng hơi ấm của mẹ, nằm giữa anh chị tôi ở hai bên trên chiếc nệm cũ trải giữa nhà, tôi cứ mãi trần trọc nhìn lên bóng đèn trái ớt. Nhớ mẹ nên chẳng thể nào dỗ mình vào giấc ngủ. Thao thức với lời hẹn rằng tháng Chạp cha mẹ sẽ về.

Tôi bắt đầu thói quen chào ngày mới bằng việc xé một tờ lịch trên tường cũng từ dạo ấy. Tháng mười, mặt trời ngủ mê sau những cơn sục sùi triền miên của mưa, lũ từ đầu nguồn ồ ạt đổ về biển xóm tôi thành ốc đảo, ngõ ngày cũng như đêm, mất điện chừng nửa tháng. Tôi biết cha mẹ ở xứ xa cũng chao rạo không yên, trong tâm trí hiện lên những đôi mắt ngầu đỏ chẳng phải vì bụi đất rẫy rừng mù mịt.

Nên tôi nhớ đậm sâu một chiều tháng Chạp năm nào, khi nắng đã lùi dần về phía ngọn đồi dương liễu, anh em tôi đang cặm cùi chuẩn bị cơm tối. Tôi đã nhảy cẫng lên quàng lấy cổ mẹ mừng rỡ trong nước mắt, khi cha mẹ vừa bước về tới cửa, cùng lĩnh kính những chiếc túi gói ghém theo nhiều phong bánh kẹo đặc sản cao nguyên, cùng bao chất chịu tàn tiện cho ngày Tết cận kề.

Bởi vậy mà với tôi, tháng Chạp dường như luôn có những phép màu.

Phép màu tháng Chạp còn đơm trong những khóm hoa lay ơn một thửa cha mẹ tôi trồng bán Tết. Mảnh đất trồng hoa ở trước ngôi nhà cũ vách bùn trộn rơm khô, dây ngói rêu xệu xạo sau nhà phủ dày lá bạch đàn mục ải. Mớ củ lay ơn mùa trước được mẹ dồn gọn vào bao đặt dưới gầm giường, cứ đến ngày 18 tháng Mười âm lịch lại được đổ ra bóc hết lớp vỏ nâu mịn óng. Rồi cha mẹ sẽ đào đất chôn củ xuống thành hàng đều đặn, phủ lên lớp phân rạ ngai ngái ẩm mềm.

Những vạt hoa lay ơn đã không để lỡ lời hẹn cha mẹ dành trọn lòng gửi vào từng ô đất. Bao mớ màu dưỡng chất từ bầu ngực của đất cùng mưa nắng gió sương, và những chi chút cần mẫn từ hai đôi bàn tay dạn dày dâu bể, cả hơi ấm chân phương của niềm hi vọng, tất thảy vun bồi tích tụ nên hình hài những cành hoa muốt xanh vừa hé nụ, chớm nở, gọi mình trong vắng vắng sương đêm. Để cha mẹ kịp chở hoa ra phiên chợ tháng Chạp ở làng chài xóm biển, vào buổi mờ sương ngày 29 và 30 Tết, cho người đi chợ mua về chưng trên gian thờ tổ tiên.

Tôi thường dặn mẹ gọi tôi dậy sớm để theo cha mẹ ra phiên chợ bán hoa. Cha rọi đèn cho mẹ cắt rồi bó lại thành từng khóm mượt dài bằng dây chuối, mỗi khóm đem thêm vài cành liễu mảnh mai. Đường ra chợ uốn lượn chỉ le lói vài ánh đèn lẩn vào đầm đậm sương sớm, trời còn phủ rèm tối như màu nhọ nôi. Cuối Chạp, gió liu riu thổi về từ biển lạnh “xanh xương”. Đi hết con đường quanh co ven núi sẽ ra đến chợ, tôi ngồi giữa cha mẹ trên xe nhìn xuống những ngọn đèn câu tựa ánh sao giăng đầy mặt biển, như chú chim mới ra ràng vừa lạ lẫm, vừa thích thú.

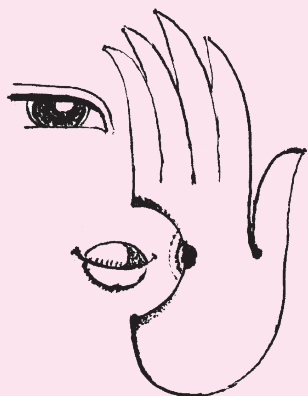
Cha mẹ đã dành những khóm hoa đẹp nhất để rạng rỡ sắc hương trên gian thờ ông bà ngày Tết. Mỗi người đi chợ mua những khóm hoa thẹn thùng ngán ngát như mang theo bóng mùa xuân về nhà. Mùa xuân cũng hiện hữu trong ngôi nhà vách bùn mái dột, bởi những đoá hoa ủ dầy hương trời đất và thảo thơm lòng người, bởi những đôi đũa dịu dàng của gió sương tháng Chạp, và lênh loang ánh lửa ngời lên từ trái tim của cha mẹ. Hai trái tim ấm không cần cất lên tiếng nói vẫn có thể dạy cho đàn con một lẽ đời chân thật, rằng nghèo phải cho sạch, rách phải cho thơm...

Khi những cành hoa cuối cùng được bán trong sáng ngày 30, cha mẹ mới có thể ngược xuôi sắm Tết. Tôi mang ơn từng khóm hoa một thuở, những nụ những cành đã can trường vượt qua giá lạnh, dầu thế nào cũng không để trễ hẹn chuyển tàu mùa xuân. Để rồi nhận ra, có vẻ đẹp nào ấm áp hơn vẻ đẹp của yêu thương ánh lên từ bùa vẩy khôn khó.

Tháng Chạp và Tết, vốn dĩ luôn đầy ắp những phép màu không bao giờ có thể thay thế, chôn vùi... ■

NGÀN THƯƠNG

*Thơ Xuân
hạ Vọng*



*Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông
đến - đi vùn vụt giữa lòng thế nhân
thiên nhiên khai hội Xuân hồng
giêng, hai mở cửa thênh thang đón người.*

*Mùa xuân hi vọng trên môi
nâng ly rượu, dầu không môi vẫn say
uống đi em, ngực căng đầy
niềm yêu rạo rực, ngất ngây sóng duềnh.*

*Nên ai nhut cũng yêu thầm
mùa xuân đẹp nhất gian trần - xuân ơi!*

Thầy Truyền dịch thơ

■ LÊ VIẾT XUÂN

Tuy Ông không dạy mình, nhưng từ lâu tôi đã quen gọi Ông bằng “Thầy” như một lẽ tự nhiên. Bởi vì đó là thầy dạy vợ tôi từ những năm 70 thế kỷ trước. Sau khi bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Dược ở Rumania, trở về nước, ông làm cán bộ giảng dạy (bộ môn bào chế) trường Đại học Dược Hà Nội. Vợ tôi là học trò của ông khóa 30 (1975-1980). Một lần đến chơi ký túc xá sinh viên trường Dược ở dốc Thọ Lão (phố Lò Đúc, Hà Nội), nghe các bạn giới thiệu có thầy giáo người Huế là đồng hương đang ở cạnh, tôi tìm đến căn phòng nhỏ hẹp gia đình ông đang tá túc. Ông vồn vã đón tôi, hỏi han, trò chuyện chân tình như người thân lâu ngày gặp lại. Thế là tôi quen Ông và gọi “Thầy” từ đó. Ông là “người Huế roòng” (quê nội làng Chiết Bi, quê ngoại làng Kim Long), sinh ra và lớn lên ở mảnh đất kinh kỳ “đẹp và thơ”, sau khi học hết cấp II, mới theo cha tập kết ra miền Bắc. Ông nguyên là Thứ trưởng Bộ Y tế đã nghỉ hưu hơn 20 năm nay, hiện đang sống cùng gia đình ở Hà Nội.

Mặc dù biết thầy Truyền yêu văn thơ, có viết văn và làm thơ và đã xuất bản cuốn hồi ký “Để nhớ, để thương”, có nhiều bài thơ đăng trong các ấn phẩm của câu lạc bộ Haiku Việt - Hà Nội và các ấn phẩm khác ở trong nước, nước ngoài; Ông cũng là thành viên tích cực, uy tín, từng được giải thưởng thơ Haiku CROATIA năm 2014, nhưng khi nhận cuốn sách mới của thầy, tôi vẫn vô cùng bất ngờ và ngạc nhiên. Đó là cuốn tuyển tập Haiku Romania do thầy dịch, nhà xuất bản Hội nhà văn vừa ra mắt bạn đọc.

Cuốn sách tuyển chọn, giới thiệu 12 tác giả Romania đăng trên tạp chí WORLD HAK từ số 8 (2012) đến số 19 (2023) của Hiệp hội Haiku thế giới với 90 bài thơ được dịch từ tiếng Romania sang tiếng Anh và tiếng Việt. Đây là một việc làm không hề dễ, bởi làm thơ đã khó, dịch thơ lại càng khó hơn. Đòi hỏi người dịch không chỉ nắm chắc về thể loại thơ, thông thạo ngoại ngữ, mà quan trọng hơn còn phải có sự hiểu biết sâu sắc văn hóa của đất nước và con người nơi sản sinh ra thơ may ra mới có thể lột tả được hồn vía và thần thái nội dung các bài thơ. Thực sự, cuốn sách ra đời không phải ngẫu nhiên, mà từ một cơ duyên, với thời gian 5 năm sống, học tập và trải nghiệm ở thủ đô Bucarest tươi đẹp với thời thanh xuân sôi nổi và đáng nhớ nhất, thầy vừa được trang bị kiến thức chuyên sâu về Dược, vừa tích lũy vốn liếng văn hóa của nước sở tại, thông thạo tiếng Romaia “*có lẽ ông là người duy nhất ở Việt Nam biết tiếng Romania*” như nhận xét của một người bạn Rumania đang sống ở Việt Nam. Đó là những yếu tố “cần” và “đủ” để cuốn sách ra đời gửi đến tay bạn đọc hiện nay. Nếu tinh ý, bạn đọc sẽ nhận thấy tính cách điềm đạm, khiêm nhường, đậm sâu trí tuệ, hòa quyện với tâm hồn Huế đa cảm trong từng bài thơ Haiku thầy dịch, điều đó tạo nên tính cách nổi bật, đáng quý của cuốn sách.

“Tôi đánh giá cao sự đóng góp đầy ý nghĩa của PGS. TS. Lê Văn Truyền... và tin tưởng rằng ấn phẩm này sẽ là cầu nối giữa các haiJin Việt Nam và Romaia, tái khẳng định sự đóng góp đáng kể vào hoạt động giao lưu nhân dân và cũng có tình hữu nghị giữa hai dân tộc chúng ta”, tôi đồng cảm với lời giới thiệu cuốn sách đầy trân trọng và thiện chí của bà CRISTINAROMILA - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Romania tại Việt Nam ■

HỘI THƠ HƯƠNG GIANG VỚI THƠ HAIKU VIỆT

Bài và ảnh: ĐẶNG NGUYỄN

*Haiku nở rộ trời Xuân
Cổ đô nổi vịnh
tình thơ khơi nguồn.*

Thơ Haiku nguyên thủy của Nhật là thể thơ ngắn nhất hành tinh. Hình thức 3 dòng 5-7-5 có gieo vần.

Haiku Việt được hình thành rút gọn còn ít nhất 6 âm tiết và không dài quá 17 âm tiết, mở rộng trên nền ca dao, trên dòng thơ lục bát của người Việt, ý nhị, đầm thắm dễ đi vào tâm tư tình cảm của người yêu thơ và lắng sâu “Hồn Việt”. Thơ Haiku phân tích sắc bén về nghệ thuật liên tưởng và tính đa nghĩa của hình ảnh, diễn đạt đầy ẩn ý mang tính triết lý về cảm xúc với thiên nhiên: cây cỏ, hoa lá, sông suối, mây trời và nỗi bi ai cô đơn của con người. Khi ta bỗng nhận ra được vạn vật trong một ánh chớp lóe lên giữa đêm đen. Thiên nhiên tráng lệ, cảnh vật hữu tình và tâm hồn sâu lắng của con người chính là các yếu tố hòa quyện vào nhau để nở bùng một phiên khúc Haiku đẹp. Thơ Haiku cơ bản không diễn giải, không đả động đến cảm xúc mà chủ yếu chỉ ghi lại sự việc xảy ra trước mắt.

Thơ Haiku Việt là một thể loại thơ như các thể thơ lục bát, song thất lục bát, thơ Đường và thơ mới... đến với Hội thơ Hương Giang như một đóa hoa mới thêm hương sắc góp phần phong phú trong văn đàn thi ca xứ Huế.

Đọc thơ Haiku, ta cảm được vị trí đứng ở ngoài sự kiện của tác giả vì có hình sắc, có âm thanh mà cảm xúc thì không bộc bạch:

** Đêm sắc màu
Dòng Hương hò Huế
Gợi tình Cổ đô.*

(Đặng Nguyễn)

** Sợi dài bất tận
Chuỗi ngọc xanh
Mướt thời gian.*

(Thái Kim Lan)

** Thiên Mụ chuông ngân
Hương Giang diu dặt
Men tình vẫn vương.*

(Nguyễn Xuân Khoát)



** Già về thăm quê
Soi mặt giếng làng
Ta gặp ta thuở trước.
(Lê Tài Thuận)*

** Cánh vồng đưa trưa hè
Nhớ cánh vồng xưa
Gói hình hài đồng đội.
(Nguyễn Vũ Tiến)*

Nhà thơ không giải thích hay luận về sự liên kết giữa hai hình ảnh này, chỉ diễn tả sự vật theo bản chất tự nhiên của nó. Người làm thơ phải tự đặt mình như một đứa trẻ lúc nào cũng có cảm giác ngỡ ngàng, lạ lẫm khi tiếp xúc lần đầu tiên với ngoại giới. Một bài thơ Haiku hay là làm sống lại những gì đã chôn sâu trong ký ức và đưa ra những cảm giác sâu sắc, tế nhị, để tự nó khơi lại trí tưởng tượng và mơ ước của người đọc để người đọc tự suy diễn, cảm nhận.

Người đọc vẫn có thể nghiệm được tình cảm của tác giả, một tình cảm nhẹ nhàng, bàng bạc trong cả bài thơ, nói lên niềm vui sống hay sự cô đơn, đôi khi cũng nêu ra những thắc mắc về cuộc đời của con người: ngắn ngủi, phù du, trước sự vĩnh hằng của thiên nhiên.

Thơ Haiku có âm hưởng như một bài kệ, sàng lọc từng chữ, không dư mà cũng không thiếu, cốt sao nói đến chính cái đang là. Nó nắm bắt thực tại ngay trong giây phút này đây, cái đang xảy ra lắm khi chuyên chở cả một vũ trụ thu gọn vào trong thời điểm đó, tiểu thế giới và đại thế giới hòa nhập vào nhau. Một diễn tiến trước mắt khiến ta liên tưởng đến một hiện tượng hay biến cố nào đó trong một kinh nghiệm sống của riêng mình.

Kết quả là nó phá bỏ ngăn cách giữa thi sĩ và độc giả để cả hai nhập làm một, đồng âm cộng hưởng trong niềm rung cảm với sự liên hệ rất tinh tế và hài hòa của đất trời.

Câu lạc bộ thơ Haiku Xứ Huế là một thành viên trong 7 Chi hội thơ của Hội thơ Hương Giang: Chi hội thơ Phong Điền, Chi hội thơ Phú Vang, Chi hội thơ Tam Giang (Quảng Điền), Chi hội thơ Ngự Bình, Chi hội thơ Nam Sông Hương và Chi hội thơ Bắc Sông Hương - là một nét riêng làm phong phú hoạt động sáng tác thi ca và sinh hoạt của Hội thơ Hương Giang Huế ■



Ảnh: Xuân Đạt

CÂU LẠC BỘ BOLERO HUẾ, TỪ ĐAM MÊ ÂM NHẠC ĐẾN KẾT NỐI NHÂN VĂN

■ Bài và ảnh: THANH THÚY

Sau 8 năm đi vào hoạt động, đến nay Câu lạc bộ Bolero Huế đã, đang đi đúng với tiêu chí ban đầu: là ngôi nhà chung cho những người yêu âm nhạc, yêu bolero.

Như các Câu lạc bộ, đội nhóm khác, việc thành lập Câu lạc bộ Bolero Huế được thai nghén, ấp ủ của những người có cùng sở thích nhằm tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, bổ ích cho những người có cùng đam mê đến với nhau.

Có thể nói, sự hình thành và hoạt động của đại đa số các Câu lạc bộ hầu như rất khó để duy trì trong khoảng

thời gian dài, điều đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như; công việc, sức khỏe, tuổi tác, hoàn cảnh sống... nhưng trải qua 8 năm, từ năm 2016 đến nay, Câu lạc bộ Bolero Huế đã và đang làm được việc tổ chức đều đặn các buổi sinh hoạt chung vào chiều thứ Bảy hàng tuần, tổ chức các sân chơi nội bộ mang tính quy mô khá rộng, nhận được sự hưởng ứng tích cực của các hội viên. Các chương trình do Câu lạc bộ Bolero tổ chức biểu diễn trước công chúng cũng là sân chơi mà Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ đã có sự kết nối với Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, đơn vị chủ quản là việc làm mang tính chuyên nghiệp, có thể chưa hoàn hảo, chưa trọn vẹn như các công ty, tổ chức sự kiện chuyên nghiệp khác, diễn viên là những hội viên của Câu lạc bộ biểu diễn đã đem lại nhiều ấn tượng cho khán giả, sự đam mê, hăng say với âm nhạc Bolero Huế đã gắn kết giữa ca sỹ là những hội viên với khán giả - người nghe bằng sự đồng điệu của đam mê, tạo thêm sân chơi âm nhạc đa dạng cho công chúng trên địa bàn.

Những thành công của Câu lạc bộ trong 8 năm qua đánh dấu sự phát triển ngày càng vững chắc, là sự kết nối, duy trì của những thành viên đã tạo nên một Câu lạc bộ Bolero Huế ngày càng lớn mạnh. Qua đó, công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa là một việc làm có thể nói rất thành công mà Câu lạc bộ đã làm trong những năm qua, sự năng động của Ban chủ nhiệm đã kêu gọi sự ủng hộ, tài trợ từ các mạnh thường quân. Đến nay cơ sở vật chất của phòng sinh hoạt đã khá đầy đủ, ngoài bàn ghế, trang trí phòng, nền, thì Câu lạc bộ đã có một hệ thống âm thanh ánh sáng chất lượng, phục vụ tốt cho việc sinh hoạt, tập luyện của Câu lạc bộ.

Ngoài việc tạo được sân chơi bổ ích cho đông đảo công chúng, Câu lạc bộ Bolero Huế còn là nơi gắn kết, kết nối những tấm lòng thiện nguyện đến với xã hội, đến với những hoàn cảnh còn thiếu may mắn trong cuộc sống. Bên cạnh việc Câu lạc bộ tự tổ chức các đợt trao quà cho các hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh, trong thời gian qua Câu lạc bộ Bolero Huế đã có những hoạt động kết nối thiện nguyện ý nghĩa và nhân văn.

Từ năm 2016 đến nay, Câu lạc bộ đã tổ chức quyên góp, kêu gọi từ mạnh thường quân và hội viên CLB trao nhiều phần quà có giá trị hiện kim và hiện vật đến các gia đình khó khăn



Hội viên CLB chung tay hoàn thiện thực phẩm gửi nhân dân miền Bắc



Ông Phan Thiên Định - Bí thư Thành ủy Huế (2024) và Doanh nhân Lê Xuân Hoàng trao quà cho bà con

Hoàng, một người con xứ Huế hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, là người có đam mê với âm nhạc và cũng là thành viên của Câu lạc bộ, mặc dù làm ăn và sinh sống ở xa, nhưng với tâm niệm mong muốn chung tay sẻ chia những khó khăn cùng bà con của quê hương, anh muốn đóng góp chút tấm lòng của mình đến với những người dân có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Nhằm kịp thời trao những phần quà ý nghĩa đến người dân, ngày 04/9/2024 Câu lạc bộ Bolero Huế đã kết nối và phối hợp cùng Thành ủy Huế và Quỹ doanh nhân Lê Xuân Hoàng tổ chức chương trình thiện nguyện “Kết nối yêu thương”. Thông qua chương trình, 60 suất quà trị giá 200.000.000^d đã trao đến tay học sinh, sinh viên nghèo vượt khó và các gia đình trên địa bàn tỉnh do Thành ủy Huế lựa chọn từ những hoàn cảnh khó khăn. Thông qua chương trình, ngoài việc kịp thời khích lệ cho các học sinh, sinh viên trước thềm khai giảng năm học mới, kịp thời trao những suất quà trị giá 100.000.000^d cho 5 gia đình, mỗi gia đình 20.000.00^d, thì điều lớn hơn là sự lan tỏa yêu thương, mang tính nhân văn sâu sắc của hoạt động này. Ông Nguyễn Hữu Đạt, Chủ nhiệm Câu lạc bộ cho biết, Quỹ doanh nhân Lê Xuân Hoàng sẽ luôn đồng hành cùng Câu lạc bộ Bolero Huế trong công tác thiện nguyện và đồng hành với những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

4. Với tinh thần tương thân tương ái, nhằm chung tay chia sẻ những khó khăn, mất mát của đồng bào Miền Bắc trong cơn bão Yagi. Câu lạc bộ Bolero Huế đã đứng ra kêu gọi, kết nối sự đóng góp, hỗ trợ của mỗi hội viên, gần 400 hộp thực phẩm gồm: thịt kho ruốc sả, lạc rim do chính hội viên Câu lạc bộ cùng chung tay làm ra những thành phẩm đã đến với bà con vùng bão, lũ. Ngoài 400 hộp thực phẩm do thành viên Câu lạc bộ tự chế biến, gần 300 hộp sữa đặc và nhiều áo quần trẻ em cũng đã được Câu lạc bộ kịp thời san sẻ đến nhân dân miền Bắc thân yêu.

Hoạt động Câu lạc bộ Bolero Huế tại Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Huế làm phong phú hơn đời sống tinh thần của nhân dân. Bên cạnh đó, các hoạt động thiện nguyện của Câu lạc bộ đã lan tỏa tinh thần yêu thương của mỗi người, gắn kết với cộng đồng và biến nó thành một địa điểm sinh hoạt ý nghĩa hơn, từ đó tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn, nhân văn hơn, tạo nhiều năng lượng tích cực hơn trong cuộc sống. Công tác thiện nguyện của Câu lạc bộ Bolero Huế tuy chưa nhiều nhưng đáng trân trọng và cần lan tỏa mạnh mẽ hơn đến xã hội, góp phần phát huy truyền thống “Tương thân tương ái - Lá lành đùm lá rách” từ bao đời nay của Nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Huế nói riêng ■

trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2019, phối hợp với nhóm thiện nguyện đến từ Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện Trung ương Huế tổ chức 03 chương trình “Trao tiếng hát, gửi yêu thương” đến các bệnh nhân, thông qua chương trình, ngoài việc đem niềm vui tinh thần cho các bệnh nhân, mỗi chương trình gần 70 suất quà trị giá mỗi suất 1.000.000^d được trao đến các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại Bệnh viện Trung ương Huế.

Đặc biệt, trong năm 2024, Câu lạc bộ đã kết nối và cùng doanh nhân Lê Xuân

TÂM LÒNG THẢO THƠM CỦA MỘT NGHỆ NHÂN QUỐC GIA

■ Bài và ảnh: VÕ DẦN

Suốt nhiều năm qua, bất kể thời tiết nắng hay mưa, cứ tờ mờ sáng, trên chiếc xe máy cũ kỹ, với chai nước, hộp xôi mốc ghi đông... cô lại bon bon trên quốc lộ, từ trung tâm thành phố lên huyện miền núi Nam Đông (huyện Phú Lộc), cả đi và về với quãng đường gần 160 km - đó là cô giáo Nguyễn Thị Hiền.

Từ hành trình truyền nghề cho học viên

Tình cờ chúng tôi gặp cô Hiền khi đến tham dự tuần lễ áo dài cộng đồng Huế 2023 tại di tích Nghinh Lương Đình, đường Lê Duẩn, thành phố Huế. Trong tà áo dài tím Huế duyên dáng mặn mà, thướt tha; với nụ cười tỏa sáng của người phụ nữ đã qua



ngưỡng 55, đã thôi thúc chúng tôi tìm hiểu về cô giáo dạy nghề nổi danh xứ Huế này.

Cô Nguyễn Thị Hiền (sinh 1967) sinh ra trong một gia đình thuần nông ở xã Phú Mỹ (huyện Phú Vang). Vì gia cảnh khó khăn nên học đến lớp 9 thì phải nghỉ học để đỡ đần bố mẹ. Sau đó, Hiền đi học nghề may, vốn có tư chất thông minh, lại cần cù chăm chỉ nên chỉ 1 năm sau Hiền đã ra riêng mở “nhà may Hiền” ở thành phố Huế. Điều đáng nói, cô có ý chí, quyết tâm vượt khó để học nghề lúc đã 30 tuổi (khi đã có chồng và 3 con), cô theo học trường Trung cấp nghề ở Trung tâm giới thiệu việc làm (đường Bùi Thị Xuân) để nâng cao trình độ tay nghề. Sau khi tốt nghiệp, cô vừa mở tiệm may, vừa tham gia dạy nghề may miễn phí vào ban đêm cho trẻ mồ côi ở phường An Tây suốt 3 năm (1998-2001) - Vì cô luôn tâm niệm, suy nghĩ giản đơn: “Học Bác trước hết là học ở tấm lòng nhân ái, khoan dung; thương người như thể thương thân của Bác; học

Bác mình phải sống nhân hậu, thân ái, biết yêu thương giúp đỡ mọi người”. Sau đó, như một cơ duyên, cô được về dạy ở Trung tâm dạy nghề huyện Phú Vang (xã Phú Đa, huyện Phú Vang). Trong quá trình công tác, cô luôn làm việc tận tụy, tâm huyết, nhiệt tình, hết lòng yêu thương học viên, góp phần cùng Trung tâm đào tạo hàng chục lớp, cho “ra lò” hàng trăm thợ may lành nghề, trong số đó có em đã đi xuất khẩu lao động sang Malaixia, Nhật Bản, Đài Loan... Tiếng lành đồn xa, cô Hiền được nhiều Trung tâm dạy nghề trong toàn tỉnh biết đến và tin tưởng mời hợp tác. Trên hành trình “vừa dạy nghề, vừa dạy người”, cô đã kinh qua giảng dạy cho hàng trăm lượt học viên, đủ mọi thành phần, lứa tuổi (từ 14 đến 60) ở các trung tâm: Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phong Điền, trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Lộc, trung tâm đào tạo nghề của Hội Nông dân; trung tâm dạy nghề của Hội Liên hiệp phụ nữ; tham gia phối hợp dạy nghề cho các trung tâm xuất khẩu lao động trên địa bàn thành phố... Có người nói ví von rằng, cô dạy “mát tay” nên học viên do cô đào tạo học đến đâu là nắm chắc tới đó, về kỹ thuật, kỹ năng hành nghề, thao tác cũng như phần lý thuyết cơ bản. Có những học viên được “thụ giáo” cô Hiền giờ đây đã vững vàng, trưởng thành trong cuộc sống: Nguyễn Thanh Phú - thuyền trưởng công ty Skavi (Phong Điền); Mai Thị Thu (xã Vinh Hà, huyện Phú Vang) mở xưởng may nhận gia công tại quê nhà với 10 thợ, trung bình thu nhập mỗi tháng từ 8-10 triệu đồng/ người; Trần Thị Nở (xã Lộc Trì) mở xưởng may hàng gia dụng, tạo việc làm cho 15 công nhân; Lâm Kiều My (xã Quảng Phú) sau 3 năm xuất khẩu lao động Nhật Bản (nghề may) về xây được nhà cao tầng và mua sắm đồ nội thất đắt tiền... Đặc biệt, tới về cô còn dạy may miễn phí cho những con em có hoàn cảnh khó khăn tại nhà riêng của mình từ năm 2013 đến nay (số 7/ kiết 31, Ngõ Gia Tự, phường Vĩnh Ninh).

... Đến đồng cảm những số phận

Điều đáng trân quý, cô Hiền không chỉ đến với học viên bằng việc truyền thụ kiến thức nghề may đơn thuần, mà trong quá trình công tác cô luôn chú trọng dạy người: giáo dục lối sống, nhân cách sống, lòng ghép để giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho các em. Bởi, tuổi trẻ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cô đã thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó/ Có tài mà không có đức là người vô dụng...” Khi dạy học viên ở vùng biển thì cô tổ chức cho các anh/ chị đá bóng bãi biển; dạy ở vùng cao thì cô trò cùng đi suối, leo núi... Thông qua các buổi dã ngoại, hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa ấy, tình cảm cô-trò càng gắn kết sâu đậm, từ đó giúp cô có điều kiện tìm hiểu rõ hơn về gia cảnh của từng học viên mà có hướng giải quyết, giúp đỡ. Đã có những trường hợp học viên gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, có ý định bỏ học nửa chừng thì được cô kịp thời động viên an ủi. Đơn cử, khi còn dạy ở trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Vang, đến giờ vào học nhưng còn một số học viên vắng mặt, hỏi ra mới biết các chị đang còn bán đồ ăn sáng như xôi, mì xiu, bánh nậm, lọc...chưa hết. Thế là cô đã động viên cả lớp cùng nhau góp tiền mua xôi, bánh, tiêu dùng hàng hóa giúp các chị để các chị được tới lớp kịp giờ học, khỏi bê trễ, chảnh mảng bãi vờ. Cô Hiền tâm sự: “Có những học viên kém may mắn, không được học chữ đến nơi đến chốn, ấy vậy mà khi tham gia học nghề cũng gặp không ít trở ngại, khó khăn, đặt điều từ ngay chính người chồng, người thân của

mình. Để “giữ chân” học viên trong lớp, mong muốn thiết tha cho các học viên có một nghề nghiệp ổn định để sau này nuôi sống bản thân, gia đình; nên tôi không quản ngại bỏ thời gian, công sức, thậm chí trích một phần tiền lương để động viên tinh thần, giúp đỡ kịp thời cho các em”.

Hiện nay, cô vừa là giáo viên hợp đồng ở trường Trung cấp Công nghệ số 10 (số 63 Lê Ngô Cát), vừa tham gia dạy nghề may ở trung tâm GDNN-GDTX huyện Nam Đông (Thừa Thiên Huế). Mỗi ngày như mọi ngày, cứ tờ mờ sáng, trên chiếc xe máy cũ kỹ, với chai nước, hộp xôi mốc ghi đông... cô lại bon bon trên quốc lộ, từ trung tâm thành phố lên vùng cao, cả đi và về với quãng đường 160 km. Thương các chị em vùng sâu vùng xa hiện đang là học viên của cô còn ăn mặc nhếch nhác, luộm thuộm, nên cứ mỗi lần đi dạy cô “đèo” theo mấy bao áo quần đã qua sử dụng do quyên góp được từ những gia đình ở tổ dân phố và ở hội phụ nữ phường. Cô chia sẻ rất chân thành: “Với phương châm “cũ người, mới ta”- ở đồng bằng, thành phố người ta có điều kiện hơn nên áo quần họ mặc hơi phai màu hoặc lỗi thời một chút là người ta vứt bỏ. Còn phụ nữ ở vùng cao thì đó là món quà có giá trị sử dụng để đi chợ, lên nương lên rẫy, thậm chí còn “diện” để đi dự lễ cưới, tiệc tùng... Nhìn những nụ cười tươi mới, những ánh mắt sáng long lanh của học viên tới nhận quà, lòng tôi cảm thấy ấm áp, hạnh phúc ngập tràn, càng thêm nung nấu ý chí phấn đấu, quyết tâm theo đuổi việc thiện bé nhỏ này để giúp đỡ các chị ở miền núi ở đây lâu dài hơn”. Khi hỏi vì sao cô gắn bó nghề dạy may thiết tha với vùng cao đến thế. Cô Hiền cười rất hiền: Tôi yêu Nam Đông như máu thịt, yêu con đường rợp bóng cây xanh quen thuộc hàng ngày tôi đi qua, yêu những con người ở núi rừng thật thà, chân chất - họ vốn dĩ đã thiệt thòi nhiều mặt, nếu chúng tôi không quyết tâm vượt khó để trao cho họ cái “cần câu” thì biết đến bao giờ họ mới có “cá” để ăn.

Ông Đỗ Thanh Doan - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Trung cấp Công nghệ số 10 nhận xét: *“Cô Nguyễn Thị Hiền có năng lực chuyên môn vững vàng, trình độ tay nghề rất chắc, tận tụy trong công việc, hết mực yêu thương học viên. Chính sự năng động, sáng tạo, hoạt bát, tận tâm tận lực trong công việc của cô đã giúp nhà trường rất nhiều trong việc nâng cao chất lượng đào tạo trong nhiều năm qua”.*

Có thể nói, cô Nguyễn Thị Hiền vừa “giỏi việc trường, đảm việc nhà” nuôi dạy 3 con chăm học, ngoan hiền, hiếu thảo, sống có đạo đức, các con của cô giờ đã có gia đình, có việc làm ổn định. Trong đó, có 2 người con gái cũng theo nghiệp (dạy may) của cô. Mới đây, ngày gia đình Việt Nam (28/6/2022) gia đình cô Hiền vinh dự là đại diện duy nhất của thành phố tham dự cuộc thi “Gia đình hạnh phúc” và đoạt giải nhì cấp tỉnh.

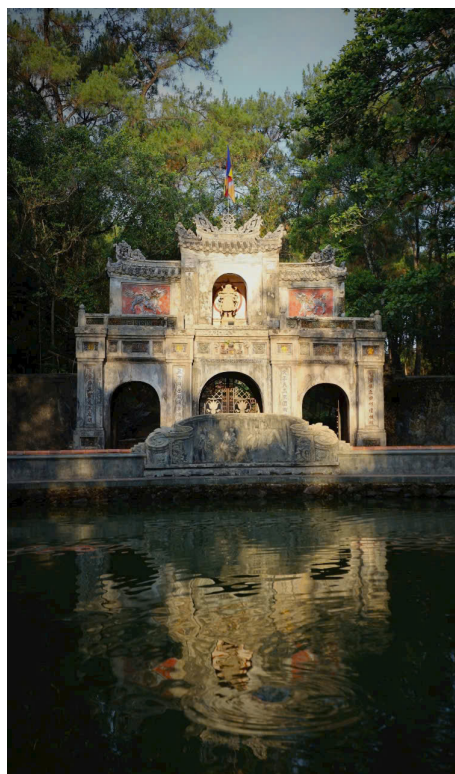
Để ghi nhận công lao đào tạo nghề của cô giáo Nguyễn Thị Hiền trong suốt mấy chục năm qua, cũng như những đóng góp thầm lặng của cô cho công tác xã hội, thiện nguyện, nhân đạo ở địa phương. Cô đã được các cấp lãnh đạo khen thưởng: giấy chứng nhận, bằng khen của lãnh đạo cấp tỉnh/ thành phố, của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, kỷ niệm chương vì sự phát triển của phụ nữ, kỷ niệm chương về dân số cho cô. Đặc biệt, năm 2017 cô Hiền vinh dự được Hội Nghệ nhân và Thương hiệu Việt Nam cấp bằng chứng nhận “Nghệ nhân Quốc gia” ■

HUẾ TRONG “TỰ SỰ DÂN TỘC HỌC”

■ LÊ VIẾT XUÂN

Anh là bạn đồng môn (cùng học Khoa Sử - Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, khóa 19 (1974-1978). Sau 45 năm ra trường mới gặp lại, vẫn nhận ra nhau, với cái bắt tay thật chặt và giọng nói trầm ấm như ngày nào. Chia tay, anh tặng tôi cuốn sách vừa mới in xong, còn thơm mùi giấy mực. Đó là cuốn sách “Tự sự Dân tộc học” của anh, Nhà xuất bản Hà Nội vừa mới ấn hành.

Cuốn sách dày ngót 500 trang, khổ rộng, bìa lạ, gây tò mò với người đọc khi cầm trên tay. Sách do một học trò của anh - TS. Đinh Thị Thanh Huyền sưu tầm, hệ thống và chọn lọc từ các bài viết chủ yếu xuất hiện trên facebook Sen Hoa của thầy mình. Cô bị cuốn hút bởi *“lối viết ngắn gọn, nhẹ nhàng, văn chương phiêu lãng, các bài viết chủ yếu là những câu chuyện đời, những tự sự về cuộc sống, được chắt lọc từ những ghi chép dân tộc học trong nhiều năm qua”*; chợt nhận ra và thấu hiểu *“đằng sau những bài viết ngắn này là những ý tưởng khoa học được đúc rút từ quá trình nghiên cứu và điền dã lâu dài ở nhiều vùng đất và văn hóa khác nhau”*. Cuốn sách được cấu trúc thành 7 phần chính, điều bất ngờ và thú vị mà tôi quan tâm là tác giả đã giành nhiều trang viết tâm huyết với con người và mảnh đất Huế (ở phần III và phần VI). Tình cảm ấy bắt nguồn từ lòng biết ơn sâu nặng và sự kính trọng của anh với người thầy của mình - Giáo sư Phan Hữu Dật, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; đồng thời, là chủ nhiệm bộ môn Dân tộc học (nơi lúc bấy giờ anh là giảng viên trẻ đang giảng dạy), ột người con ra đi từ bến sông Bồ (ông sinh ra ở làng Thiên Lương, huyện (nay là thị xã) Hương Trà. Ở ông toát ra sự đam mê, kiên trì, và nghiêm túc trong vươn lên, vượt qua gian khó, để nghiên cứu khoa học, và tạo nên vị thế là một trong những người đứng đầu, đã *“dẫn dắt nhiều thế hệ học trò đi vào khám phá những đặc trưng văn hóa các tộc người Việt Nam”*. Những học trò xuất sắc của thầy đã trở thành những nhà Khoa học chuyên sâu về Dân tộc học có uy tín ở trong nước và nước ngoài, may mắn anh là một trong số đó. Nhớ lại thời bao cấp, sự thiếu thốn, kham khổ và nhất là cái đói không chừa một ai. Do thiếu kiên nhẫn, chịu nhiều tác động và áp lực của cuộc sống, anh đã làm đơn xin chuyển công tác ra ngoài, để có điều kiện chăm lo gia đình, giải quyết những khó khăn trước mắt, anh rút rờ mang đơn lên gặp thầy... bị ông mắng phủ đầu, bắt mang đơn về, dứt khoát không cho đi, với lý do cán bộ giảng dạy là *“nguồn nhân lực là thứ tài sản quý giá nhất của nhà trường”*. Anh vác đơn chạy khắp nơi để nhờ tác động giúp, nhưng vẫn như người *“múa gậy trong bị”*; Một hôm, thầy gọi anh lên tâm sự như người cha khuyên một đứa con *“Cậu đã được tôi luyện trong quân ngũ, năng lực khoa học còn nhiều hứa hẹn, tôi xem cậu là tương lai của bộ môn, sẽ kiên quyết không giải quyết cho đi đâu cả”*. Rồi sau đó thầy gọi anh lên gặp. Hai thầy trò ngồi ở cái ghế đá sập sệ dưới sân trường. Thầy kể chuyện đời mình, lý giải tại sao lại đi học để làm khoa học; rồi thẳng thắn *“Tôi nói hết rồi, giờ đến lượt anh. Anh phải lựa chọn: thích làm một viên chức, sáng*



Ảnh: Phan Thành

cấp ô đi, tôi cấp ô về, cuộc đời vô vị tẻ nhạt cứ thế trôi đi, hay làm một nhà nghiên cứu. Nếu anh chọn nghiên cứu, tôi sẽ đề nghị bộ môn tạo điều kiện tốt nhất cho anh. Làm một nhà nghiên cứu không bao giờ dễ. Nhưng tri thức anh vắt óc sản xuất ra là để cho đời, cho xã hội, cho thế hệ sau. Anh có thể chết đi, người ta vẫn còn đọc anh, vẫn suy ngẫm về điều anh viết. Thế là anh vẫn sống, vẫn truyền sức sống của anh cho đời sau, và cuộc sống của anh vẫn được tiếp nối không ngừng”. Chính những lời khuyên gan ruột ấy của thầy đã truyền cho anh năng lượng sống tích cực và thắp lên ngọn lửa dẫn thân vào con đường nghiên cứu khoa học đầy thử thách, nhưng sáng niềm tin và khát vọng ở phía trước.

Yêu quý và mang ơn người thầy khả kính dịu dặt, tin yêu của mình, anh đã giành nhiều tình cảm và thời gian để về với quê hương của thầy, được cùng ăn, cùng ở với đồng bào dân tộc Cơ Tu ở Nam Đông, Tà Ôi, Pa Cô ở A Lưới. Người già làng (chủ làng) Lê - Trềng đầu tiên anh gặp

là Quỳnh Át (còn gọi là Võ Nhường) người Pa Cô, đã thu hút anh, không chỉ về thành tích tham gia hoạt động cách mạng từ sớm, mà còn ở sự hiểu biết sâu sắc; căn kè về phong tục, tập quán, đặc trưng của dân tộc mình, ứng xử thân thiện và tinh tế, nhất là phẩm chất đạo đức trong sáng, và vai trò nêu gương đối với bà con làng bản. Ông vinh dự được thay mặt người Pa Cô ở Lê - Trềng tham dự cuộc họp mặt các già làng trưởng bản do Chính phủ tổ chức năm 1998 tại Hà Nội. Những ngày tháng trải nghiệm nơi đây, với sự curu mang giúp đỡ của đồng bào dân tộc địa phương, đã ra đời *“Những ghi chép dân tộc học từ những năm 1990 rất hiếm hoi và chưa từng công bố...; Vượt lên những mô tả dân tộc học thường thấy, các bài viết này đã cung cấp nhiều thông tin chi tiết và sống động về đời sống thường ngày, về xung đột giữa truyền thống và đổi mới trong sản xuất, quản trị bản làng, niềm tin tôn giáo, tri thức dân gian và thực hành chữa bệnh, từ đó đi đến những gợi ý có thể vận dụng cho chiến lược ở cấp cộng đồng”*. Đó là những tư liệu có giá trị khoa học, mang ý nghĩa thực tiễn sinh động, có thể tham khảo và vận dụng trên hành trình xây dựng thành phố Trung ương.

Hiểu theo nghĩa rộng và tầm khái quát cao hơn, như TS. Đinh Thị Thanh Huyền đã viết: *“Tôi tin rằng cuốn sách có giá trị tham khảo không chỉ với các đồng nghiệp, các nhà làm chính sách và sinh viên dân tộc học mà nó còn rất hữu ích, cho những ai quan tâm đến đa dạng hóa văn hóa và thân phận con người trong một đất nước đa tộc người đang có những đổi thay dữ dội như Việt Nam”*, mà tác giả của cuốn sách là nhà giáo, nhà Dân tộc học, Giáo sư Nguyễn Văn Chính, nguyên cán bộ giảng dạy trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học quốc gia Hà Nội ■

“ĐẦU NĂM MUA MUỐI, CUỐI NĂM MUA VÔI”

■ HƯƠNG ĐỒNG

“Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi” từ lâu đã trở thành tập tục đối với người dân Việt Nam. Thuộc tín ngưỡng dân gian, song tập tục này mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Trần Hoàng thì đây là tục có từ lâu đời, chứa đựng quan niệm sống có ý nghĩa nhân văn.

Muối và vôi là những thứ gần gũi, quen thuộc gắn với sinh hoạt đời thường của con người Việt Nam. Nền văn minh lúa nước làm xuất hiện lối nghĩ, lối tư duy mộc mạc mà thâm trầm, giản dị mà thâm thía. Những cách nói như *bạc như vôi, trắng như vôi, muối mặn gừng cay, đẹp mặn mà...*, chứng tỏ muối và vôi là những thực phẩm không thể thiếu trong đời sống vật chất lẫn tinh thần của dân tộc Việt. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, đúc rút kinh nghiệm sống của dân gian. Đó là hồn, là cốt, là tinh túy của cách ứng xử, của quan hệ đối nhân xử thế, của những nhận thức, cất nghĩa về lẽ sống dù chất phác nhưng chắc chắn trở thành bài học để ít nhất tiếp thu nó, lòng cảm thấy an yên. *Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi* là câu tục ngữ nói về một tập tục ám áp như thế của ông cha ta có tự ngàn xưa.

Người Việt Nam thường có tục cuối năm mua vôi. Vậy tục cuối năm mua vôi có ý nghĩa gì? Vôi có màu trắng, để có được nó, người lao động phải trải qua một quá trình gian nan. Vì thế, vôi quét nhà hay vôi dùng để ăn trầu là sản phẩm sạch, qua cả hành trình nung nấu, lắng lọc. Có lẽ vì thế mà vôi biểu tượng cho sự thanh cao, tinh khiết, trong sạch.

Ba tôi năm nay đã 87 tuổi. Dù tất bật với biết bao công việc cuối năm, ba tôi vẫn không quên đến chợ mua vôi. Ra chợ, ba chọn mua loại vôi trắng tinh, về nhà ngồi ngay bàn giữa, ba nhẹ nhàng cho “ông vôi ăn”. Ba kể, chiếc bình vôi này khi ba sinh ra đã có. Qua bao thăng trầm, ông vôi vẫn hiện diện cùng các thế hệ trong gia đình tôi. Từ ngày ông nội mất, ba đều đặn thay ông nội cho “ông vôi ăn”. Chiến tranh loạn lạc, ba vẫn giữ chiếc bình như một báu vật của gia đình. Việc cho “ông vôi ăn” vào cuối năm đã trở thành tục, thể hiện quan niệm không để ông vôi đói khi đồng hồ điểm năm mới đến. Đó cũng là ước mong năm mới luôn no đủ. Màu trắng bạc của vôi còn làm ta liên tưởng đến sự bạc bẽo, thiếu chung tình, không trọn nghĩa. Hồ Xuân Hương từng đau đáu: *Đừng xanh như lá, bạc như vôi*. Vì thế nên cho “ông vôi ăn” vào cuối năm, cho “ông vôi ăn” đầu năm sợ sẽ bạc như vôi.

Sau một năm làm lụng vất vả, những ngày cuối năm, người người mua vôi về để quét tước lại căn nhà, bờ tường, cổng nhà... cho sạch sẽ. Trường học, các cơ quan, công sở; rồi các đền đài, miếu thờ... đều được “thay áo mới” bằng lớp vôi trắng cho sạch sẽ, tinh tươm, mới mẻ, bắt mắt... để chuẩn bị đón chào một năm mới với hy vọng đem lại bao điều mới mẻ, vui tươi hơn so với năm cũ. Bà Nguyễn Thị Tám, 82 tuổi, ở Phong Điền chia sẻ: “Trước khi quét lớp vôi mới, cần chà xát, cạo bỏ những lớp vôi cũ, hoen màu. Quét vôi lại cho nhà cửa cũng có nghĩa là tẩy rửa, xóa đi, quên đi những điều không hay, những chuyện buồn, thiếu sót của năm cũ để năm mới được tròn đầy hơn”.

Vì sao phải *đầu năm mua muối*? Đầu năm - đó là khoảng thời gian quý giá, bởi



Minh họa. Nguồn: Internet

nó bắt đầu cho một năm mới. Trong quan niệm của người Việt, nếu mọi sự bắt đầu hanh thông thì những ngày những tháng tiếp theo đó, và cả năm dài đều sẽ đi qua một cách suôn sẻ, thuận lợi và may mắn. Muối có vị mặn, mua muối là mua về sự mặn mà sâu sắc, chung thủy, nghĩa tình. Trong lối sống, người Việt thường ghét sự giả dối, nhạt nhẽo, nông cạn... Sự mặn nồng, đậm đà, chân thực thường được ưa thích và đề cao. Hơn thế nữa, muối mặn còn biểu tượng cho đạo nghĩa vợ chồng

trăm năm tình duyên đẹp, bạc đầu nghĩa phu thê. Ngày đầu năm, mua muối về đặt trong nhà để cầu mong sự an yên, hạnh phúc, cái đạo nghĩa mãi được mặn sâu như câu ca dao thuở nào: *Tay bưng đĩa muối chăm gừng, gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau*, hay nói như nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: *Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn.*

Đầu năm mua muối... lại nghĩ về câu tục ngữ *Cá không ăn muối cá uơn/ Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.* Để cá không uơn, để cá luôn tươi... cần ướp muối... Vậy thì có muối là có gia vị, thêm muối là thêm gia vị... Đầu năm mua muối là mua gia vị cuộc sống, để năm đó thần khí, thần sắc trong nhà luôn tươi tắn, tươi vui.

Trong mỗi gian bếp người Việt, thứ gì có thể thiếu, chứ gạo và muối thì không thể. Một nồi cơm, nồi sắn khoai thêm một chén muối cũng xong bữa. Vì thế, có muối trong nhà là có sự no đủ. Muối ở đây được xem như là “muối lộc” để đón nhận sự may mắn, thành đạt với ước nguyện cầu mong, hy vọng về một năm mới làm ăn đầy đủ, ấm no. Ông Trần Hà năm nay bước qua tuổi 85, ở Huế, chia sẻ với chúng tôi: *“Từ rất lâu rồi, vào dịp đầu năm, nhà tôi có thói quen đi mua muối về đặt trên bếp, các góc nhà và đổ đầy trong hũ đựng muối. Các chị, các o bán muối ở chợ làng đầu năm tươi cười vui vẻ. Muối bán theo lon, đóng đầy cho người mua được may mắn”.*

Và cũng theo quan niệm của nhiều người lớn tuổi thì muối có vị mặn nên nó còn có tác dụng trừ tà khí, chống uế bẩn (xát muối cho sạch), xua đuổi tà ma... Vì thế mua muối về, để nhiều muối trong nhà đầu năm còn là để xông nhà, xông khí, để năm mới được an lành.

Nói về ý nghĩa của tục này, TS. Trần Đình Hằng - Phân viện trưởng Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế chia sẻ: *“Hai vật phẩm này rất quan trọng trong đời sống thực phẩm và nghi lễ gắn liền nhiều tập quán lễ nghi các cộng đồng. Vôi ăn trầu, sơn quét và khử trùng, trừ tà; muối cũng vậy, vừa thực phẩm vừa trừ tà. Nhưng muối mặn, gừng cay thể hiện trung trinh sơn sắt, nên đầu năm phải mua để duy trì sức sống đặc biệt đó suốt năm. Vôi gắn liền chữ bạc như vôi, thêm cái trừ tà khử độc, cuối năm mua để kết thúc và xua đuổi hết những tai ương và điều xấu xa, không may”.*

Cuộc sống đổi thay. Theo thời gian, tục xưa ít nhiều thay đổi, hoặc mai một, hoặc không còn giữ nguyên ý nghĩa nhân sinh. Ngày xuân, trở về với tục *Đầu năm mua muối cuối năm mua vôi* để hiểu thêm và lại càng trân trọng những giá trị văn hóa và cốt cách tâm hồn dân tộc ■

CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA VÀ THỂ THAO MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN ẤT TÝ 2025

Thời gian	Chương trình hoạt động	Địa điểm
Ngày 17/01 đến 28/01/2025 (18 đến 29 tháng Chạp)	Ngày hội Hoàng Mai Huế năm 2025	Công viên Thương Bạc
Ngày 19/01 đến 26/01/2025 (20 đến 27 tháng Chạp)	Hội Mai Xuân	Phường Phong Phú (thị xã Phong Điền)
Ngày 19/01 đến 29/01/2025 (20 đến 29 tháng Chạp)	Hội Hoa xuân	Tại Công viên Phú Xuân (đoạn từ Nghinh Lương Đình đến cầu Dã Viên)
Ngày 22/01/2025 (23 thạp Chạp)	Lễ Thượng tiêu (dựng Nêu)	Triệu Miếu - Thế Miếu, Đại Nội Huế
	Chương trình Tết Hoàng Cung	Cung Trường Sanh - Đại Nội Huế
	Triển lãm “Mùa xuân và con giáp”	Tạp chí sông Hương
Ngày 23/01 đến 03/02/2025 (24 tháng Chạp năm Giáp Thìn đến mừng 6 Tết)	Hội Báo xuân Ất Tỵ	Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế
Ngày 23/01 đến 02/02/2025 (24 tháng Chạp đến Mừng 5 Tết)	Hội xuân Ất Tỵ 2025 (chuỗi hoạt động Mừng Đảng - Mừng Xuân Ất Tỵ năm 2025; Hội Vui Xuân; trưng bày, triển lãm các loại hoa, cây kiểng, đá, thư pháp và sản phẩm thủ công mỹ nghệ)	Bia Quốc học; công viên Lý Tự Trọng; công viên Tứ Tượng công viên Thương Bạc, đường đi bộ hai bên sông Hương
Ngày 28/01/2025 (Đêm Giao thừa)	Từ 19 giờ 30 ngày đến 21 giờ 30: Chương trình nghệ thuật chào năm mới Ất Tỵ 2025	Sân khấu Bia Quốc Học, Trung tâm các quận, huyện, thị xã
	Từ 21 giờ 30 phút ngày 28 tháng 01 năm 2025 đến 00 giờ 15 phút ngày 29 tháng 01 năm 2025: Chương trình nghệ thuật chào năm mới Ất Tỵ 2025	Quảng trường Ngọ Môn - Đại Nội Huế
	Bắn pháp hoa tầm cao Đêm Giao Thừa	Quảng trường Ngọ Môn - Đại Nội Huế
		Trung tâm thị xã Phong Điền
		Trung tâm huyện Phú Lộc
		Trung tâm huyện A Lưới
Ngày 29/01/2025 (Mùng 01 Tết)	09h00: Chương trình nghệ thuật tổng hợp	Điện Thái Hòa - Đại Nội, Huế
	09 giờ 30: Các trò chơi cung đình (Xăm hường, Bài vự, Thả thơ, Đấu hổ)	Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế

Ngày 29/01 đến 31/01/2025 (Mùng 01-03 Tết)	Biểu diễn lân sư rồng, võ thuật	Đại Nội Huế
	Lễ hội Đu tiên Diên Hòa (Mùng 02 Tết)	Phường Phong Phú (thị xã Phong Điền)
	Chương trình Chợ quê ngày Tết (diễn ra trong 3 ngày từ mùng 01 đến mùng 03 Tết)	Xã Vinh Mỹ (Phú Lộc)
	Chương trình hát Bài chòi (diễn ra trong 3 ngày từ mùng 01 đến mùng 03 Tết)	Xã Lộc Vĩnh, Vinh Hưng (huyện Phú Lộc)
	Các di tích, bảo tàng, nhà trưng bày mở cửa tham quan miễn phí phục vụ Nhân dân (riêng các di tích thuộc Quần thể Di tích Cố đô Huế mở cửa tham quan miễn phí vào ngày Mùng 01 Tết)	Các di tích, Bảo tàng, nhà trưng bày trên địa bàn tỉnh
Ngày 29/01 đến 02/02/2025 (Mùng 01 - 05 Tết)	Trò chơi Đu tiên (Mùng 2 - 10 Tết)	Nhà văn hóa huyện Quảng Điền
	Lễ hội Đu tiên Gia Viên (Mùng 4 Tết)	Phường Phong Hiền (thị xã Phong Điền)
	Giải Cờ tướng huyện Quảng Điền (mùng 04 Tết)	Huyện Quảng Điền
Ngày 03/02/2025 (Mùng 6 Tết)	Lãnh đạo thành phố Huế dâng hương, dâng hoa nhân dịp kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghĩa trang liệt sỹ quận Thuận Hóa
	Lễ hội vật Làng Thủ Lễ	Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế
	Đua ghe Lăng Cô	Thị trấn Sịa, Quảng Điền
	Đua ghe thị trấn Sịa	Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc
Ngày 04/02/2025 (Mùng 7 Tết)	Lễ Hạ tiêu (hạ Nêu)	Thị trấn Sịa, Quảng Điền
		Triệu Miếu - Thế Miếu, Đại Nội, Huế
Ngày 05/02 đến 06/02/2025 (Mùng 8-9 Tết)	Lễ hội Đền Huyền Trân xuân Ất Tỵ 2025 “Ngưỡng vọng tiên nhân” (trong 02 ngày diễn ra lễ hội sẽ mở cửa miễn phí phục vụ Nhân dân và du khách)	Trung tâm Văn hóa Huyện Trần (151 Thiên Thai, phường An Tây, quận Thuận Hóa)
Ngày 06/02/2025 (Mùng 9 Tết)	Giải đua Trãi trên sông Vực	Thị xã Hương Thủy
Ngày 07/02/2025 (10 tháng Giêng)	Lễ hội vật Làng Sinh	Phường Dương Nỗ, quận Thuận Hóa
Ngày 07/02 đến 09/02/2025 (10 -12 tháng Giêng)	Lễ hội Cầu Ngư Thuận An	Đình làng Thai Dương, phường Thuận An, quận Thuận Hóa
	Lễ hội Cầu ngư làng Vinh An	Làng An Bằng, xã Vinh An, huyện Phú Vang
Ngày 11/02 đến 12/02/2025 (14-15 tháng Giêng)	Ngày thơ Việt Nam và các hoạt động trong khuôn khổ Tết Nguyên Tiêu	Đại Nội Huế, Công viên Thương Bạc và tại các huyện, thị xã

● **Chịu trách nhiệm xuất bản:**

TS. PHAN THANH HẢI

● **Chịu trách nhiệm nội dung:**

NGUYỄN THIÊN BÌNH

● **Biên tập:**

DƯƠNG HỒNG LAM
TRẦN TUẤN ANH
TRẦN HỮU AN
NGUYỄN NGỌC NGÂN HÀ
NGUYỄN THỊ LỢI
DƯƠNG THỊ NGỌC LINH
CÁI VĂN LỤC
NGUYỄN HOÀNG KHA

● **Trình bày và minh họa:**

ĐỖ VĂN LÂN

● **Chế bản:**

THY THY

In tại Công ty Cổ phần in Thuận Phát
15 Trần Cao Vân, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

Thơ và bài xin gửi về:

08 Lý Thường Kiệt, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

ĐT: 3826334 - 3826331

Email: baovanhoahue@gmail.com

Giấy phép xuất bản: Số /GP-STTTT do Sở Thông tin &
Truyền thông thành phố Huế cấp ngày tháng năm 2025.

In cuốn khổ 18.5x26.5cm tại Công ty Cổ phần In Thuận
Phát, 15 Trần Cao Vân, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH

Tranh bìa 1: “Hơi thở mùa xuân” của Lâm Nguyệt Hà

Ảnh: Xuân Đạt

BÌA 3



Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn trao Nghị quyết của Quốc hội về thành lập Thành phố Huế trực thuộc Trung ương



BÌA 4



Huế thành phố trung ương. Ảnh: Bảo Minh